STEIN TØNNESSON

Lời tựa của Philippe Devillers

Việt Nam 1946
CHIẾN TRANH
bắt đầu như thế nào?

(SÁCH THAM KHẢO NỘI BỘ)

EBOOKBKMT.COM

ST NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Việt Nam 1946

CHIẾN TRANH

bắt đầu như thế nào?

STEIN TØNNESSON

Lời tựa của Philippe Devillers

Việt Nam 1946
CHIẾN TRANH
bắt đầu như thế nào?

(SÁCH THAM KHẢO NỘI BỘ)

Dịch và hiệu đính:

Lê Đức Hạnh - Phạm Đức Tuệ

Nguyễn Văn Sự - Nguyễn Xuân Thắng

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2013

Vietnam 1946
How the War Began

Stein Tønnesson

With a foreword by Philippe Devillers

EBOOKBKMT.COM

Kính tặng Philippe Devillers, là người mà năm 1946 đã có mặt ở Việt Nam, năm 1952 xuất bản cuốn *Histoire du Viet-Nam* (Lịch sử Việt Nam), năm 1968 tới Oslo kêu gọi phản đối chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Ông là nguồn cảm hứng để tôi viết cuốn sách này và cũng chính ông đã chỉnh sửa nó suốt từ năm 1981 bằng cách chỉ dẫn tôi tìm kiếm trong tài liệu lưu trữ, tới năm 1988, cho ra đời cuốn *Paris - Saigon - Hanoi* (Paris - Sài Gòn - Hà Nội) và cho tới nay, ông vẫn trăn trở với câu hỏi điều gì thực sự đã xảy ra ngày 19 tháng Mười hai đó.

Loạt sách "Philip E. Lilienthal biên tập"

Cuốn sách này nằm trong loạt sách vinh danh Philip E. Lilienthal, biên tập viên của Nhà xuất bản Đại học California. Trong thời gian làm việc tại đây (1954-1979), ông đã trở nên nổi tiếng trong lĩnh vực sách nghiên cứu về châu Á bởi chất lượng công việc xuất sắc và sự ưu ái dành cho các tác giả trẻ. Yêu quý và ngưỡng mộ biên tập viên ấy, bạn bè, gia đình, các tác giả và các tổ chức đã cùng nhau lập Quỹ Lilienthal để tài trợ cho việc xuất bản loạt sách theo phong cách phản ánh thị hiếu và thẩm mỹ của Lilienthal.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cách mạng Tháng Tám thành công đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kết thúc 80 năm đô hộ của chủ nghĩa thực dân và hàng nghìn năm áp bức của chế độ phong kiến. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Từ đây nhân dân ta thực sự làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Trong một khoảng thời gian ngắn kể từ sau ngày giành được độc lập, từ tháng 8-1945 đến tháng 12-1946, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã giành được những thành quả lịch sử quan trọng, xây dựng được cơ sở vật chất, cơ sở xã hội và cơ sở pháp lý cho chính quyền, tạo dựng sức mạnh to lớn của dân tộc trên nền tảng dân chủ nhân dân, với những dấu ấn quan trọng, như lần đầu tiên Quốc hội được dân bầu theo phổ thông đầu phiếu chính thức ra đời; đặc biệt là sự ra đời Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đánh dấu khuôn khổ pháp lý, nền tảng, định hướng phát triển lâu dài để xây dựng và phát triển đất nước.

Nhưng cũng trong khoảng thời gian này, bối cảnh đất nước ta trong tình thế thật hiểm nghèo. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời đã phải đối mặt cùng một lúc với giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Thù trong, giặc ngoài đe dọa nghiêm trọng nền độc lập non trẻ của đất nước ta. Phát xít Nhật tuy đã bại trận nhưng vẫn còn lực lượng tàn quân không nhỏ ở nước ta; 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch mà dân ta lúc đó gọi là "quân Tàu ô" do

tính ô hợp của chúng tràn vào phía bắc vĩ tuyến 20 dưới chiêu bài giải giáp quân Nhật mưu toan "diệt Cộng, cầm Hồ". Ở phía Nam, quân Pháp núp sau quân Anh với âm mưu chuẩn bị gây chiến hòng chiếm nước ta một lần nữa. Bên cạnh đó còn đủ loại các lực lượng phản động thuộc các đảng phái chính trị như Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng... Ngày 23-9-1945, tiếng súng Nam Bộ kháng chiến bùng nổ. Chính quyền nhân dân vừa mới thành lập đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thử thách, tình thế đất nước "ngàn cân treo sợi tóc". Với tinh thần dù hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ, toàn thể dân tộc Việt Nam đã đứng lên chiến đấu anh dũng dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh và đã chiến thắng giặc đói, giặc dốt, giặc ngoài thù trong, đưa nước nhà vượt qua tình thế hiểm nghèo. Năm 1946 đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như một mốc son đáng ghi nhớ.

Để tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã tiến hành thương lượng với Chính phủ Pháp đi đến ký hai văn kiện quan trọng: Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 nhằm đẩy nhanh quân Tưởng về nước; Tạm ước ngày 14-9-1946 nhằm tranh thủ thêm thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến toàn quốc mà ta dự đoán chắc chắn sẽ xảy ra. Nhưng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới. Vì chúng quyết tâm giành lại quyền thống trị ở Việt Nam và toàn bộ Đông Dương với bất cứ giá nào. Đêm 19-12-1946, tiếng súng đại bác của ta từ pháo đài Láng đã nổ vang rền, mở đầu cuộc kháng chiến trường kỳ bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

Nguồn gốc sâu xa, nguyên nhân trực tiếp và diễn biến của sự kiện 19-12-1946 ở Việt Nam đã được các nhà nghiên cứu lịch sử trong nước và nhiều người trong giới sử học nước ngoài dày công

nghiên cứu, tìm hiểu trong suốt mấy chục năm qua và đã cho ra đời nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu, sách báo, tài liệu... xoay quanh chủ đề này. Cuốn sách ***Việt Nam 1946: Chiến tranh bắt đầu như thế nào?*** của Stein Tønnesson, nhà sử gia nổi tiếng người Nauy, nguyên Giám đốc Viện Nghiên cứu hòa bình quốc tế Oslo, là một trong những tác phẩm đó. Với mong muốn cung cấp thêm những tư liệu của một nhà nghiên cứu sử học phương Tây về cuộc thương thuyết Việt - Pháp với bản Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 và quá trình dẫn đến sự kiện ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, qua đó giúp bạn đọc hiểu sâu hơn về cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật cho ra mắt bạn đọc cuốn sách này qua bản dịch từ nguyên bản tiếng Anh.

Để viết cuốn sách này, Stein Tønnesson sưu tầm, sử dụng nguồn tài liệu chủ yếu được khai thác từ các kho lưu trữ của các nước phương Tây, kết hợp với tư liệu của Pháp và Việt Nam, để dựng lại bức tranh khá chi tiết mô tả các diễn biến của mối quan hệ Việt - Pháp - Hoa trong suốt 16 tháng (8-1945 - 12-1946), trong đó có hai sự kiện quan trọng nổi bật là Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 và ngày 19-12-1946 lịch sử.

Dựa trên nguồn tư liệu do cá nhân nghiên cứu và khai thác được, Stein Tønnesson đã phác họa một bức tranh khởi điểm chiến tranh Đông Dương rất phức tạp và đầy kịch tính. Trong nội dung sách, xuất phát từ chỗ đứng và lập trường của mình, tác giả có những luận giải, đánh giá về một số sự kiện, nhân vật khác với đánh giá của chúng ta, như chủ trương giải tán Đảng cuối năm 1945, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và một số nhà lãnh đạo Việt Nam (Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp,...) trong những năm 1945-1946; vai trò của Quốc dân Đảng trong diễn tiến

của lịch sử Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám, sự kiện quân đội Việt Nam nổ súng vào đêm 19-12-1946... Ngoài ra còn có một số tư liệu, thời gian tác giả đưa ra không khớp với tư liệu chúng ta hiện có. Tôn trọng chính kiến của tác giả và để bạn đọc thuận tiện nghiên cứu, tham khảo, chúng tôi cố gắng giữ nguyên luận chứng của tác giả và chỉ lược bớt một số đoạn cần thiết, đồng thời khẳng định rằng các luận chứng đó không phản ánh quan điểm của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI TỰA CỦA CÁC BIÊN TẬP VIÊN LOẠT SÁCH

Các nhà sử học đã viết vô số sách tiếng Anh về những sự kiện đưa nước Mỹ vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam đầu thập niên 1960 và còn nhiều cuốn sách hơn nữa viết về Việt Nam đang xuất hiện. Có điều thật lạ là không nhiều học giả nghiên cứu về sự bùng nổ của cuộc chiến tranh đầu tiên ở Đông Dương những năm 1945-1946 giữa Pháp và Việt Nam, bất chấp việc cả hai cuộc chiến này hợp lại thành một trong những cuộc chiến tranh dài nhất, quan trọng nhất và tàn khốc nhất trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Chính vì vậy, nghiên cứu sâu của Stein Tønnesson về chủ đề này có ý nghĩa quan trọng. ***Việt Nam 1946: Chiến tranh bắt đầu như thế nào?*** trình bày chi tiết, sắp xếp lại các sự kiện, các quyết định và con người đã đưa nước Pháp vào cuộc chiến tranh đầu tiên trong số hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài chống lại nước Pháp.

Ngay từ năm 1952, nhà nghiên cứu người Pháp là Philippe Devillers đã có ý nghĩ rằng giải thích chính thức của Pháp về lý do bùng nổ chiến tranh, đổ lỗi hoàn toàn cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là không đầy đủ và thuyết phục. Người Pháp, đặc biệt là các quan chức Pháp tại Đông Dương cũng phải chịu trách nhiệm về việc này. Lập luận của Devillers căn cứ vào nghiên cứu về Việt Nam trong những năm 1945-1946, qua các cuộc phỏng vấn với nhiều người Pháp và người Việt Nam nắm giữ những vị trí ra quyết định và nhờ tiếp cận được với những tài liệu nội bộ tại Paris.

Hầu như không ai khuấy lên vấn đề này cho tới thập niên 1980. Cùng với việc mở các hồ sơ liên quan tại các kho lưu trữ ở Pháp, Anh và Mỹ, Stein Tønnesson không những có thể khẳng định nhiều kết luận của Devillers mà ông còn đi xa hơn nữa*. Trong quá trình nghiên cứu trải dài hơn hai thập niên, Tønnesson đã nghiên cứu tỉ mỉ một lượng tài liệu lưu trữ đồ sộ về khởi điểm chiến tranh cất giữ tại Ban Lịch sử quốc phòng, Bộ Ngoại giao, và đặc biệt là ở Trung tâm lưu trữ hải ngoại. Ông cũng nghiên cứu, tuy với khối lượng hạn chế hơn, các tài liệu lưu trữ tại Hà Nội và sử dụng nhiều nguồn tài liệu nguyên thủy cũng như nguồn kể lại của Việt Nam. Nhờ đó, ông đã xuất bản một tác phẩm có tính chất tiên phong, uyên bác và chứa lượng thông tin lớn dựa trên những nghiên cứu của mình, cả bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Căn cứ vào những tài liệu mới được tiết lộ ở một số nước, ***Việt Nam 1946: Chiến tranh bắt đầu như thế nào?*** thể hiện một nghiên cứu độc đáo và xuất sắc khó sánh kịp về khởi thủy của chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất**, cuộc chiến tranh dọn đường cho chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Tønnesson phơi bày thái độ của các nhà chức trách Pháp tại Đông Dương quyết tâm chà đạp lên chủ quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ chối đề nghị đàm phán và cố tình dồn Việt Nam vào chân tường, nếu không nói là dồn vào bẫy. Ý đồ đen tối của họ là muốn phía Việt Nam nổi giận, tạo cho giới chức Pháp tại Đông Dương cái cớ mà họ cần để kéo nước Pháp vào chiến tranh. Ngày 19 tháng Mười hai 1946, họ đã được thỏa mãn: phía Việt Nam

---

* Devillers đã xuất bản một bộ sưu tập các tài liệu nội bộ chứng minh (theo quan điểm của ông) trách nhiệm của Pháp về sự bùng nổ cuộc chiến tranh. Philippe Devillers: *Paris - Saigon - Hanoi: les archives de guerre 1944-1947* (Paris: Gallimard/Julliard, 1988).

** Theo cách nói của các học giả phương Tây (*BT*).

tấn công. Nhiều câu hỏi quan trọng liên quan đến quá trình ra quyết định của phía Việt Nam trong thời gian mấy tuần trước thềm chiến tranh còn chưa có lời đáp. Lời đáp cho những câu hỏi đó phụ thuộc vào những tài liệu lưu trữ còn đang bị khóa chặt. Mặc dù vậy, trong lúc này, Tønnesson đã cung cấp cho chúng ta tác phẩm nghiên cứu nghiêm túc đầu tiên về những điều xảy ra trong khoảng thời gian 10 tháng bấp bênh từ tháng Hai đến tháng Mười hai 1946.

Cuốn sách này sẽ rất có ích cho những độc giả quan tâm đến các chủ đề: Việt Nam, Pháp, quốc tế, thuộc địa, hậu thuộc địa, giải phóng thuộc địa và chiến tranh ở Việt Nam. Dù sao đi chăng nữa, khởi điểm của chiến tranh năm 1946 chẳng qua là sự biến đổi "từ Đông Dương thành Việt Nam", từ một lãnh thổ thuộc địa thành một quốc gia có chủ quyền. Cuộc chiến đẫm máu và lâu dài bắt đầu tháng Mười hai năm đó ngay từ đầu đã có tầm cỡ toàn cầu, lôi kéo các cường quốc cũng như những tác nhân trong khu vực. Không như tất cả những cuốn sách khác từng được biết đến, ***Việt Nam 1946: Chiến tranh bắt đầu như thế nào?*** cho thấy cuộc chiến đó đã được thai nghén và ra đời như thế nào.

Christopher Goscha, Đại học Québec ở Montréal
Fredrik Logevall, Đại học Cornell

LỜI TỰA

Trong một bài phát biểu đáng nhớ tại Đại học Johns Hopkins tháng Tư 1965, Thượng nghị sĩ Mỹ J. William Fulbright bày tỏ sự phản đối đối với điều mà ông gọi là "chứng vĩ cuồng" nguy hiểm mới xuất hiện trong chính quyền Johnson. Vào thời điểm đó, Tổng thống Lyndon B. Johnson vừa mới bắt đầu ném bom miền Bắc Việt Nam với hy vọng khiến chính quyền miền Bắc từ bỏ cuộc đấu tranh thống nhất đất nước Việt Nam. Hành động của Pháp năm 1946 cũng gần giống như vậy, khi lần đầu tiên nước Pháp thực dân phải đối phó với phong trào "phi thực dân hóa", và cuốn sách viết về hành động của Pháp năm 1946 cũng có thể đặt tên là "Chứng vĩ cuồng".

Tháng Tám 1945, sau khi Nhật Bản đầu hàng, tiếp theo việc Mỹ lấy lại Philíppin và Anh lấy lại Miến Điện (nay là Mianma). Chính phủ Pháp ngay lập tức tính đến chuyện tái lập chủ quyền của Pháp trên toàn cõi Đông Dương, một vùng đất bị Nhật Bản chiếm trước đó sáu tháng. Cả Anh, Trùng Khánh (Trung Quốc) và Mỹ lúc đó đều không phản đối yêu sách này của Pháp. Để thể hiện sự thiết lập chủ quyền, Pháp bổ nhiệm Tướng Philippe Leclerc là người đứng đầu lực lượng viễn chinh Pháp và Đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu là Cao ủy Pháp tại Đông Dương. Còn làm gì tiếp với Đông Dương thì Pháp sẽ tính sau.

Ngày 11 tháng Ba 1945, ngay khi còn dưới ách đô hộ của Nhật Bản, Việt Nam đã "tái khẳng định quyền được độc lập" của mình.

Cùng ngày Nhật đầu hàng, ngày 2 tháng Chín 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố trước một cuộc mít tinh lớn tại Hà Nội rằng "Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập" và "quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy"*, mặc dù cần phải để Trung Quốc và Anh vào Việt Nam trong vài tuần để đưa quân Nhật về nước. Trong một bức thư cảm động ngày 20 tháng Tám, hoàng đế Việt Nam là Bảo Đại đã cảnh báo nhà lãnh đạo Pháp Charles de Gaulle: "Xin ngài hiểu cho rằng phương tiện duy nhất để giữ gìn lợi ích của nước Pháp và ảnh hưởng tinh thần của Pháp ở Đông Dương là công nhận hoàn toàn nền độc lập của Việt Nam và từ bỏ ý tưởng lập lại chủ quyền của Pháp hay chế độ cai trị của Pháp ở đây dưới bất kỳ hình thức nào... Sẽ không ai tuân lệnh cho dù ngài có đặt được bộ máy cai trị của Pháp ở đây, và mỗi ngôi làng sẽ trở thành một thành lũy kháng chiến... Chúng ta có thể hiểu nhau dễ dàng biết bao và trở thành bạn bè, chỉ cần ngài ngừng nuôi hy vọng trở thành ông chủ của chúng tôi một lần nữa".

Lời cảnh báo này rơi tõm vào khoảng không. Pháp đã trở lại và trong vòng ba tháng, với sự giúp đỡ của Anh, Pháp đã chiếm lại miền Nam Việt Nam. Nhưng Pháp định làm gì để lấy lại miền Bắc, trong khi miền Bắc vẫn còn nằm trong vòng kiểm soát của quân Tàu Tưởng? Với hy vọng quân Tưởng sẽ nhanh chóng rút lui, Pháp chuẩn bị cho "Chiến dịch Bến Tre" - đây là chủ đề mà Stein Tønnesson yêu thích. Mặc dù vậy, với kinh nghiệm chiến tranh du kích ở Nam Kỳ, Tướng Leclerc cho rằng chỉ cần trình diễn một chút sức mạnh là đủ. Ông ta toan tính cho quân đổ bộ vào Hải Phòng trong khi Jean Sainteny với tư cách Ủy viên Cộng hòa Pháp

---

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

sẽ gợi ý Hồ Chí Minh "đầu hàng trong hòa bình". Canh bạc của Leclerc thất bại. Quân Tưởng chùng chình không chịu rút, giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh khỏi phải lựa chọn giữa đầu hàng hay rút về miền núi. Việc này cũng mở đường cho một thỏa hiệp lẽ ra có thể đưa đến quá trình phi thực dân hóa một cách hòa bình ở Việt Nam. Câu chuyện này được Stein Tønnesson kể lại và diễn giải trong phần đầu của cuốn sách.

Giới chức Pháp không chấp nhận thất bại nhẹ nhàng này. Họ muốn nền cộng hòa của Hồ Chí Minh tiếp tục lệ thuộc về kinh tế và chính trị vào nước Pháp và đặc biệt là họ cho rằng sự thống nhất của Việt Nam dưới chế độ cộng sản là không thể chấp nhận được. Với hy vọng thuyết phục Hồ Chí Minh từ bỏ Nam Kỳ, d'Argenlieu đề nghị thành lập một Liên bang Đông Dương gồm bốn nước, nhằm mục đích giữ chân chính quyền Hồ Chí Minh ở miền Bắc và chỉ đợi quân Tưởng rút là xóa sổ chính quyền này. Nhưng nhờ Hiệp định sơ bộ ký giữa Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Marius Moutet và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tháng Chín, quân du kích lại giành được quyền kiểm soát mạnh mẽ vùng nông thôn, làng mạc Nam Kỳ. Trước nguy cơ Sài Gòn sụp đổ, d'Argenlieu quyết định tấn công miền Bắc, trung tâm quyền lực của Việt Minh. Nhưng ông ta phải hành động khẩn trương. Cũng như các tướng lĩnh của mình, d'Argenlieu tin rằng họ sẽ thắng miền Bắc trong vòng hai tháng.

Hai mươi năm sau, một kịch bản tương tự lại diễn ra. Trước tình hình khủng hoảng chính trị tại Sài Gòn, và nhất quyết không chịu để miền Nam vào tay cộng sản, Tổng thống Mỹ Johnson quyết định ném bom miền Bắc vào tháng Ba 1965. Khi đó tôi đang ở Massachusetts. Trên máy bay, tôi nghe thấy ai đó nói với bạn mình rằng: "Chỉ trong vòng sáu tuần là Hà Nội sẽ quỳ gối xin hàng!".

Lần lượt Pháp và Mỹ dấn sâu vào chiến tranh ở Việt Nam với niềm tin vào một chiến thắng nhanh chóng, nhưng cuối cùng thì cả hai đều thua trận, sau khi hàng triệu nam giới, phụ nữ và trẻ em đã thiệt mạng. Lời cảnh báo của Bảo Đại đối với de Gaulle đã trở thành một điều tiên tri.

Một bí mật quan trọng mà cuốn sách này tiết lộ là sự thất bại của hệ thống tình báo. Hầu hết báo cáo của Phòng Nhì Pháp (tình báo quân đội) và các cơ quan khác đều chính xác về tổ chức, nhân sự, và thậm chí cả các nguồn lực của Việt Minh. Tuy nhiên, họ không bao giờ hiểu được bản chất và chiều sâu của lòng ái quốc cũng như qủyết tâm của nhân dân Việt Nam. Cuốn sách của Stein Tønnesson là kết quả của nhiều năm dày công nghiên cứu, tìm tòi trong các tài liệu lưu trữ của Pháp, Anh và Mỹ, cũng như những cuộc phỏng vấn người trong cuộc còn sống, đã khẳng định chắc chắn trách nhiệm của Pháp trong những sự kiện thảm khốc này. Tôi gặp Stein Tønnesson lần đầu tiên 27 năm trước đây, và tôi vui mừng là tôi đã giúp ông tìm ra con đường của mình trong mê cung này. Stein Tønnesson đã cho ra đời một kết quả nghiên cứu xuất sắc. Ông đã giành được sự ngưỡng mộ của tôi nhờ khả năng giải mã những tình huống phức tạp và rút ra ý nghĩa của hàng ngàn trang tài liệu lưu trữ, rồi diễn đạt điều đó một cách giản dị, trong sáng. Đây là một câu chuyện hồi hộp đến nghẹt thở. Chúc độc giả chia sẻ cảm giác hồi hộp đó.

Philippe Devillers

Paris, ngày 19 tháng Mười hai 2008

LỜI CẢM ƠN

Cuốn sách này hình thành theo ba giai đoạn. Ban đầu tôi viết một luận án thạc sĩ ở Đại học Oslo năm 1981-1982 và xuất bản nó dưới dạng một báo cáo cho Viện Nghiên cứu hòa bình quốc tế Oslo năm 1984. Tôi xin cảm ơn những người đã đưa tôi đến với tư duy lịch sử và cách làm việc với tài liệu lưu trữ: thầy hướng dẫn của tôi ở Đại học Oslo là Helge O. Pharo; thầy hướng dẫn của tôi tại Viện Nghiên cứu hòa bình quốc tế là Marek Thee quá cố; David G. Marr, người đã cư xử với tôi y như tôi đã là một nhà nghiên cứu có tiếng tăm khi chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên trong kho lưu trữ thuộc địa của Pháp; Alain Ruscio và Odette Vilmont, là người tôi có thể thảo luận bất kỳ một chi tiết nào về các sự kiện năm 1946; và trên hết là Philippe Devillers, người đã tiếp tôi tại Paris tháng Mười 1981, điểm lại cho tôi những kinh nghiệm và nghiên cứu của ông về giai đoạn 1945-1946 và hướng tôi đi đúng đường trong mớ tài liệu lưu trữ. Cả ông, Marr và tôi đều không thể thực hiện nghiên cứu của mình nếu thiếu sự giúp đỡ của các nhân viên lưu trữ. Những người bạn tốt của tôi trong số các nhân viên lưu trữ đã cho tôi sự giúp đỡ vô cùng quý báu trong cả giai đoạn đầu cũng như giai đoạn sau của nghiên cứu. Rất tự nhiên, tôi chọn Lucette Vachier ở Trung tâm lưu trữ hải ngoại tại Aix-en-Provence để cảm ơn đại diện cho tất cả các nhân viên lưu trữ ở đó.

Giai đoạn thứ hai, tôi viết một cuốn sách bằng tiếng Pháp trên cơ sở luận văn thạc sĩ của mình, cuốn sách này được Nhà xuất bản

l'Harmattan xuất bản tại Paris năm 1947 dưới cái tên *Déclenchement de la guerre d'Indochine: Les vêpres tonkinoises du 19 décembre 1946* (Khởi đầu chiến tranh Đông Dương: Tiếng chuông chiều Bắc Kỳ ngày 19 tháng Mười hai 1946). Trong giai đoạn này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với sự hỗ trợ của Bruno Metz, là người không chỉ dịch bản thảo của tôi từ tiếng Anh sang tiếng Pháp mà còn đóng góp cho tôi những gợi ý xác đáng về nội dung và lập luận, cũng như sự giúp đỡ của biên tập viên của tôi, Alain Forest, người đã công phu tổ chức lại cuốn sách này và làm cho nó dễ đọc hơn. Tôi cũng xin cảm ơn Hội đồng nghiên cứu Nauy đã hỗ trợ tôi cũng như việc xuất bản cuốn sách; cảm ơn Học viện nghiên cứu quốc phòng Oslo, cơ quan tôi làm việc vào thời gian đó. Xin cảm ơn Huỳnh Kim Khanh quá cố, người đã kết nối tôi với Nhà xuất bản l'Harmattan sau khi thảo luận với Pierre Brocheux và Daniel Hémery ở Đại học Paris VII tại Jussieu; cảm ơn Denis Pryen ở Nhà xuất bản l'Harmattan, người đã dễ dàng cho phép tôi xuất bản một phiên bản tiếng Anh mới, cập nhật hơn của cuốn sách mà nhà xuất bản này đã xuất bản năm 1987.

Giữa giai đoạn 2 và giai đoạn 3 của quá trình hình thành cuốn sách này, tôi có một khoảng thời gian dài làm việc về những chủ đề khác như cách mạng Việt Nam năm 1945, sự hình thành các quốc gia ở Đông Nam Á trong hai thập niên 1940 và 1950, và lịch sử tranh chấp Biển Đông. Năm 1989, tôi đến thăm Việt Nam lần đầu tiên và được tiếp đón rất trọng thị tại Học viện Quan hệ quốc tế, Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam và Khoa Sử - Đại học Quốc gia Hà Nội. Đặc biệt, tôi muốn cảm ơn các bạn của tôi ở Học viện Quan hệ quốc tế, nhất là Lưu Đoàn Huynh, Nguyễn Vũ Tùng, Dương Quốc Thanh và Hoàng Anh Tuấn, những người luôn luôn sẵn sàng tiếp đón và giúp đỡ tôi. Từ sau năm 1989, tôi còn đến Việt Nam nhiều lần nữa và có nhiều cơ hội thảo luận kết quả

nghiên cứu và những câu hỏi về khởi điểm của chiến tranh Đông Dương năm 1946 với các nhà nghiên cứu sử quân đội, ngoại giao và chính trị, trong đó có Bùi Đình Thanh, Dương Kinh Quốc, Trịnh Đào Hùng, Dương Trung Quốc và đặc biệt là Đinh Xuân Lâm, người đã dành thời gian dịch cuốn sách tiếng Pháp của tôi sang tiếng Việt trong khi chính ông đang rất bận rộn với nghiên cứu về Việt Nam thế kỷ XIX. Tôi cũng đã có hân hạnh được kết bạn và thảo luận về lịch sử Việt Nam với các nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam được quốc tế công nhận như Pierre Brocheux, Laurent Césari, William J. Duiker, Charles Fourniau, Lloyd Gardner, Daniel Hémery, Gary Hess, Robert J. McMahon, Irene Norlund, Phan Huy Lê, Alain Ruscio, Masaya Shiraishi, Anthony Short, Hugues Tertrais, Ralph B. Smith quá cố, Judith Stowe, Martin Stuart-Fox và Marilyn Young, cũng như có cơ hội tham gia hai cuộc hội thảo Việt - Mỹ, tại đây một nhóm người trong đó có cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert McNamara thảo luận về bi kịch Việt Nam và những bài học với các nhà ngoại giao và sĩ quan Việt Nam.

Trở lại năm 1982, David Marr, Alain Ruscio, Odette Vilmont và tôi là các nhà sử học nghiên cứu hồ sơ về Đông Dương thuộc Pháp, trong khi phòng đọc tài liệu lưu trữ về thuộc địa có đông đảo các nhà nghiên cứu về Bắc Phi nghiên cứu lịch sử của chính nước họ. Chúng tôi tập trung vào các thế giới khác nhau. Vào giờ giải lao, tôi nói rất nhiều về vị quan chức thuộc địa Pháp Léon Pignon tới mức một người Pháp nghiên cứu về Bắc Phi, Olivier Vergniot gọi tôi là "Pignon bé con" (Little Kernel). Thập niên 1990, không khí nghiên cứu giảm sút, các nhà nghiên cứu về Bắc Phi giảm dần ở các phòng đọc. Tôi nhớ họ, nhưng tôi vui mừng thấy một thế hệ mới các nhà nghiên cứu sử Việt Nam từ nhiều nước lại lấp đầy các phòng đọc và hội thảo khoa học, họ viết ra những

bài viết, luận án, sách báo tuyệt vời. Họ là Mark Bradley, Robert Brigham, Chen Jian, Anne Foster, Ilya Gaiduk, Gilles de Gantes, Christopher Giebel, Christopher E. Goscha, François Guillemot, Andrew Hardy, Eric Jennings, Pierre Journoux, Vladimir Kolotov, Agathe Larcher, Phillippe LeFailler, Lin Hua, Fred Logevall, Shawn McHale, Nguyễn Văn Kỳ, Mari Olsen, Qiang Zhai, Sophie Quinn-Judge, Martin Shipway, Martin Thomas, Frédéric Turpin, Claire Trần Thị Liên, Benoit de Tréglodé, Daniel Varga và Peter Zinoman. Đấy là tôi chỉ liệt kê một số người ở đây. Tháng Hai 2008, Claire Trần Thị Liên tổ chức một hội thảo ở Paris về Việt Nam năm 1946, mời Philippe Devillers và tôi làm diễn giả. Nếu cần nêu đặc biệt tên ai đó trong số những người trẻ tuổi, tôi xin nhắc đến Frédéric Turpin. Đó là một trong những nhà sử học về Việt Nam mà tôi chưa từng gặp mặt, nhưng tôi hết sức ngưỡng mộ 666 trang cuốn *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956* (De Gaulle, những người gôlít và Đông Dương, 1940-1956) do Nhà xuất bản Les Indes savantes xuất bản tại Paris năm 2005.

Năm 2001, tôi trở thành Giám đốc Viện Nghiên cứu hòa bình quốc tế Oslo, nơi tôi làm việc khi còn là sinh viên đại học những năm 1981-1982 và làm nghiên cứu sinh những năm 1988-1991. Khi Chris Goscha và Fred Logevall liên lạc với tôi năm 2005 để hỏi liệu tôi có muốn viết một cuốn sách mới cho Nhà xuất bản Đại học California dựa trên cơ sở báo cáo năm 1984 và cuốn sách tiếng Pháp năm 1987 của tôi hay không. Thoạt đầu tôi nghĩ rằng không thể nào sắp xếp để làm điều đó mà vẫn hoàn thành nhiệm vụ của tôi ở Viện Nghiên cứu hòa bình quốc tế, nhưng Phó Giám đốc Viện là Kristian Berg Harpviken đã đồng ý lãnh đạo Viện trong thời gian công việc của tôi căng thẳng nhất, đồng thời Chris Goscha và Fred Logevall khuyến khích tôi và cho tôi những lời khuyên bổ ích,

nhờ đó tôi đã cố gắng vượt qua giai đoạn 3 của việc viết cuốn sách này, kết hợp hai bản thảo ban đầu, dịch ngược từ tiếng Pháp sang tiếng Anh, bổ sung một chương dựa trên một bài báo về thỏa thuận ngày 6 tháng Ba 1946 mà tôi đã đăng, bổ sung các thông tin mà các đồng nghiệp của tôi đã xuất bản từ sau thập niên 1980, viết Lời giới thiệu và Kết luận hoàn toàn mới. Trong giai đoạn 3 này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn trên hết đối với Chris và Fred, nhưng tôi cũng biết ơn không kém đối với Philippe Devillers và David Marr, những người đã đọc và bình luận bản thảo của tôi. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới ông Chu Đức Tính, Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Hà Nội, ông Triệu Văn Hiển, Giám đốc Bảo tàng Cách mạng Việt Nam và ông Phạm Quốc Quân, Giám đốc Bảo tàng Lịch sử, vì đã cung cấp cho tôi những bằng chứng mới vào mùa hè năm 2007, đã cho phép tôi sử dụng tài liệu của họ và cho phép tôi sao chụp lại một số hiện vật trưng bày để dùng làm hình ảnh minh họa. Tôi xin cảm ơn một người họ hàng của tôi là Tor Fuglevik đã chụp ảnh bức tranh được dùng để làm trang bìa của cuốn sách này, cảm ơn Trần Kiều, một nhân vật lãnh đạo trong số Việt kiều tại Nauy cũng như người bạn của tôi là Hà Hoàng Hợp ở Hà Nội, cả hai người đã giúp tôi đọc một số văn bản quan trọng bằng tiếng Việt và cho tôi những lời khuyên bổ ích.

Hai nguồn tài liệu quan trọng về quá trình ra quyết định của phía Việt Nam trong các cuộc chiến tranh ở Việt Nam là cuốn hồi ký gần đây nhất của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và một cuốn tiểu sử mới về cuộc đời Tướng Giáp của nhà sử học Việt Nam Trần Trọng Trung. Tôi trân trọng cảm ơn ông Trần Trọng Trung về những cuộc thảo luận với ông trước đây, cảm ơn Tướng Giáp vì đã dành thời gian đọc tác phẩm của Devillers và của tôi; vì đã dũng cảm đập lại những chất vấn của chúng tôi trong một vài cuộc phỏng vấn và sau này là trong hồi ký của ông; vì đã thẳng thừng

nói với tôi vào ngày 18 tháng Chín 1992 rằng "chúng tôi" tự quyết định ngày 19 tháng Mười hai 1946; vì đã cho phép tôi tham dự buổi hội thảo mà tại đó, ngày 23 tháng Sáu 1997, ông bác bỏ ý kiến của Robert McNamara là cả hai bên, chứ không chỉ một mình người Mỹ, đã phạm sai lầm trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam; và cảm ơn ông vì đã tiếp tôi tại nhà của ông vào ngày 20 tháng Mười hai 2005 để bày tỏ ước nguyện hòa bình của một "lão chiến binh".

LỜI GIỚI THIỆU

Giữa trận chiến, trong mắt của những con người căm ghét nhau chỉ có kẻ thù là nguyên nhân duy nhất của mọi đau khổ họ phải chịu; nhưng mãi về sau, khi cơn giận dữ đã cạn đi, nỗi căm hờn đã lắng xuống, nhà sử học thường nhận ra rằng mỗi bên trong cuộc chiến chỉ đúng có một nửa, mà một bên thì có lẽ đã quá cứng rắn, trong khi bên kia thì dường như quá kiêu ngạo. Sâu xa hơn nữa, nhà sử học phát hiện ra rằng điều đưa con người ta đến chỗ đối chọi nhau ghê gớm đến thế chỉ là một sai lầm, mà sai lầm tai hại đó đáng lẽ đã có thể tránh được.

Herbert Butterfield: *Lịch sử và quan hệ con người*

Butterfield gọi hiện tượng này là "yếu tố bi thảm trong xung đột của loài người" và cho rằng lịch sử của tất cả các cuộc xung đột đều đi theo cấu trúc này nếu sau một thời gian người ta nhìn nhận, đánh giá và sắp xếp lại các sự kiện[1].

Chiến tranh tàn phá Việt Nam trong hơn 40 năm liền. Không một nước nào khác phải chịu thương vong nhiều đến thế kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong vòng năm tháng đầu năm 1945, phần vì máy bay Đồng minh ném bom làm gián đoạn giao thông vận tải, phần vì Nhật Bản và Pháp không ưu tiên vận tải gạo, nạn đói đã cướp đi sinh mạng của 1 triệu người ở miền Bắc và khu vực Bắc Trung Bộ của Việt Nam[2]. Đây là thảm họa đầu tiên trong hàng loạt thảm họa nhân tạo xảy ra sau đó. Trong chiến tranh Đông Dương

lần thứ nhất, từ năm 1945 tới 1954, khoảng 365.000 người đã bị giết, trong đó phía Pháp mất 40.000 người, phía chống Pháp mất 200.000 người và 125.000 người là dân thường, chưa kể những người gián tiếp thiệt mạng vì chiến tranh[3]. Từ thời điểm Hiệp định Giơnevơ năm 1954 chia cắt Việt Nam thành hai miền cho tới khi chiến tranh giữa hai miền bắt đầu năm 1959, hàng vạn người đã bị giết ở miền Bắc trong cải cách ruộng đất (1954-1956) và ở miền Nam do chính sách đàn áp cộng sản, tội phạm và giáo phái tôn giáo, cũng như trong cuộc chiến giành quyền kiểm soát Lào.

Còn có nhiều ý kiến khác nhau về con số thương vong trong chiến tranh ở Việt Nam (1959-1975). Thường người ta cho rằng con số này bị phóng đại, nhưng tất cả mọi người đều nhất trí rằng số thương vong lớn tới mức bất ngờ. Theo một nghiên cứu chi tiết về thương vong từng năm của Micheal Clodfelter và nhiều nguồn khác, Bethany Lacina ước tính miền Bắc Việt Nam và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam mất tới hơn 1 triệu quân. Miền Nam mất khoảng 250.000 quân, 46.122 lính Mỹ bỏ mạng trên chiến trường trong tổng số nạn nhân Mỹ là 58.153 người, và các nước khác trên cùng chiến tuyến với miền Nam Việt Nam mất hơn 5.000 người trong chiến tranh. Ngoài ra, chiến tranh đã cướp đi sinh mạng của khoảng 65.000 dân thường miền Bắc Việt Nam và 650.000 dân thường miền Nam Việt Nam. Con số người chết vì chiến tranh lên tới hơn 2 triệu người, nhiều hơn bất kỳ một cuộc chiến tranh nào khác kể từ năm 1945[4]. Nếu kể cả thương vong trên các chiến trường Lào và Campuchia với số người thiệt mạng ở mỗi nước xấp xỉ bằng nhau thì phải tính thêm tổng cộng khoảng nửa triệu người chết.

Chỉ vẻn vẹn có ba năm sau khi chiến tranh ở Việt Nam kết thúc và hai miền Nam - Bắc thống nhất, Việt Nam lại một lần nữa rơi vào xung đột vũ trang, lần này là với quân Khơme đỏ. Việt Nam

tiến vào Campuchia những ngày cuối năm 1978 rồi hành động ở biên giới phía Bắc Việt Nam từ tháng Hai đến tháng Ba 1979. Trong 10 năm tiếp theo, thế cờ đã đảo ngược: Việt Nam tiến hành truy quét quân Khơme đỏ phản động ở Campuchia, trong khi Thái Lan, Mỹ... cung cấp vũ khí, chỗ ẩn náu và các hình thức hỗ trợ khác cho Khơme đỏ. Trong bối cảnh đó, người ta cho rằng xung đột vũ trang ở Campuchia từ năm 1979 đến 1989 đã cướp đi ít nhất 150.000 sinh mạng và khoảng 80.000 dân thường thiệt mạng vì mìn, những quả mìn rải rác ngày nay vẫn tiếp tục làm hoen ố cảnh vật bình yên của Campuchia, sát hại hoặc gây tàn tật nhiều trẻ em. Thế nhưng tấn thảm kịch của cuộc chiến tranh này (1978-1989) bị che lấp bởi vụ diệt chủng mà Khơme đỏ gây ra trước đó, vụ diệt chủng đã cướp đi sinh mạng của khoảng hơn 2 triệu người trên tổng số 7-8 triệu dân.

Cuối cùng, Chiến tranh lạnh kết thúc đã đem lại hòa bình cho Đông Dương. Năm 1989, quân Việt Nam rút khỏi Campuchia và Hiệp định Paris về Campuchia được ký năm 1991. Bốn năm sau, Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Mỹ và đồng thời gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), một tổ chức được thành lập năm 1967 với mục đích có phần là ngăn cản sự lây lan của chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Tính tới năm 2009, Việt Nam đã ra khỏi chiến tranh được 20 năm. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao, văn hóa, thương mại với tất cả các nước láng giềng và các nước đối địch trước đây, thậm chí đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Hai thập niên hòa bình vừa qua đã cải thiện đáng kể điều kiện sống của đa số dân trong tổng số hơn 85 triệu người Việt ở Việt Nam và ngày càng đẩy mạnh hoạt động trao đổi giữa người Việt ở Việt Nam với 2,5 triệu người Việt ở nước ngoài[5]. Cộng đồng người Việt ở nước ngoài bao gồm nhiều người có nguồn lực đáng kể đã rời Việt Nam trong hoặc sau thời gian chiến

tranh cùng con cháu họ. Người Việt ở hải ngoại, hay còn gọi là Việt kiều, giờ đây là một nguồn vốn và kỹ năng vô giá rất cần thiết cho sự phát triển của Việt Nam. Cũng chính vì muốn làm sáng tỏ những điều đã châm ngòi chiến tranh ở Việt Nam, chúng tôi thấy cần phải làm sáng tỏ tính chất của nền hòa bình ở Việt Nam từ năm 1989 tới nay.

Liệu chuỗi chiến tranh liên tiếp ở Việt Nam có một điểm bắt đầu hay không? Anthony Short đặt câu hỏi này trong cuốn *The Origins of the Vietnam War* (Nguồn gốc chiến tranh ở Việt Nam) được ông viết năm 1989, đúng vào thời điểm cuộc chiến tranh cuối cùng đi vào giai đoạn kết thúc. Ông điểm lại lịch sử bắt đầu từ việc Pháp đặt chế độ thực dân ở Việt Nam (1858-1885) và phân tích bản chất chế độ cai trị thực dân của Pháp dựa trên nền tảng là trồng cây cao su, lao động cưỡng bức, buôn bán thuốc phiện và thẳng tay đàn áp các phong trào yêu nước, song song với việc xây dựng các cơ sở hiện đại, đường bộ và đường sắt kết nối các vùng của Đông Dương. Short khẳng định rằng "có lẽ đầu tiên phải tìm kiếm nguồn gốc chiến tranh trong mối quan hệ giữa Pháp và Việt Nam"[6]. Tiếp theo, ông mô tả bằng cách nào mà sự cai trị thực dân của Pháp tiếp tục được thực hiện trong thời gian Nhật Bản chiếm đóng (1941-1945) và Nhật Bản đã tiến hành đảo chính Pháp ngày 9 tháng Ba 1945 như thế nào. Vụ đảo chính này dẫn đến một khoảng trống quyền lực, chính khoảng trống đó tạo ra thời cơ cho Việt Nam độc lập Đồng minh Hội (Việt Minh) do nhà cộng sản dày dạn kinh nghiệm Hồ Chí Minh đứng đầu xây dựng một mạng lưới tổ chức rộng khắp trên toàn Đông Dương. Ngày 15 tháng Tám 1945, Nhật đầu hàng chính là tín hiệu kêu gọi tổng khởi nghĩa với lực lượng nòng cốt là những người cộng sản, đưa đến kết quả là sự khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc khởi nghĩa này nhanh chóng được biết đến với tên gọi "Cách mạng Tháng Tám".

Thời khắc quan trọng nhất của Cách mạng Tháng Tám là ngày 2 tháng Chín 1945, thời điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập trước đông đảo nhân dân tập trung tại Hà Nội. Ngày đó bây giờ là Quốc khánh của Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám đã diễn ra hết sức nhanh chóng và tương đối hòa bình, mặc dù một số lãnh đạo bảo thủ theo phái Tờrốtxki đã bị loại bỏ.

Có thể lập luận rằng chuỗi chiến tranh ở Việt Nam bắt đầu cùng với việc quân Anh đổ bộ vào Sài Gòn tháng Chín và quyết định trao vũ khí cho tù binh chiến tranh của Pháp sau khi đưa họ ra khỏi trại tù binh của Nhật. Chớp thời cơ, ngày 23 tháng Chín 1945, những tù binh này tấn công lật đổ chính phủ cách mạng ở Sài Gòn. Vụ đảo chính châm ngòi cho cuộc thảm sát dân thường Pháp ngày 26 tháng Chín tại khu Cité Héraud. Trong số nạn nhân có Peter Dewey, con trai của một thượng nghị sĩ Mỹ nổi tiếng, người này trở thành người Mỹ đầu tiên thiệt mạng ở Việt Nam[7]. Sau đó, Pháp, Anh và Nhật tiến hành chiến dịch bình định, giết và tước vũ khí của các nhà cách mạng dân tộc ở Campuchia, miền Nam Việt Nam và Nam Lào. Sau giai đoạn ngắn bị xáo trộn, cộng sản nằm vùng và những người dân tộc chủ nghĩa khác đáp trả bằng chiến thuật du kích và ám sát nhằm gieo rắc kinh hoàng cho những kẻ hợp tác với Pháp. Không phải là không có cơ sở để cho rằng chiến dịch này là khởi điểm của "Ba mươi năm chiến tranh"[8] ở Việt Nam, như ý kiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong cuốn hồi ký gần đây của ông. Tuy nhiên, vào năm 1946, không có điều kiện, hoàn cảnh nào bắt buộc các bên phải lao vào một cuộc chiến tranh kéo dài đến như vậy. Ngày 6 tháng Ba 1946, nhằm tái lập sự hiện diện của Pháp ở Bắc Đông Dương lúc đó đang bị Trung Quốc chứ không phải là Anh chiếm đóng, Pháp đã ký một hiệp định sơ bộ với Hồ Chí Minh. Suốt chín tháng sau đó, các đại diện Đệ tứ Cộng hòa Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cùng tồn tại. Quá nửa

đêm 14 rạng sáng 15 tháng Chín, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Marius Moutet ký một bản tạm ước đề ngày 14 tháng Chín, có hiệu lực ngày 31 tháng Mười, trong đó có điều khoản ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam. Nhà sử học Pháp Alain Ruscio cũng kết luận rằng một chuỗi các vụ việc chứ không phải một sự kiện đơn lẻ đã châm ngòi cho chiến tranh:

> Chúng ta hãy chú ý tới cả chuỗi các sự kiện chứ đừng chú ý tới một sự kiện đơn lẻ nào. Từ tháng Ba 1945 tới mùa hè năm 1947, các sự kiện xảy ra liên tiếp như một chuỗi các mắt xích, có sự kiện mang tính chất bước ngoặt, có sự kiện là hậu quả của sự kiện khác, nhưng hầu hết chúng (mà không phải tất cả) có tầm quan trọng gần như nhau. Lần theo những mắt xích này, chúng ta sẽ thấy chiến tranh đi từ chỗ ít có khả năng xảy ra đến chỗ đe dọa xảy ra, và cuối cùng trở nên không thể tránh khỏi. Gần nửa thế kỷ sau, mặc dù một vài sự kiện nào đó có vẻ nổi bật hơn các sự kiện khác, chúng ta vẫn phải nhìn tổng thể cả quá trình này[9].

Trong cuốn sách này, xuất phát điểm của tôi là "chính sách thỏa hiệp" (politique d'accord) mà hai bên tìm cách áp dụng năm 1946 đáng lẽ có thể đem lại một kết quả tốt đẹp là ngăn chặn được chiến tranh, và cho tới tận ngày 19 tháng Mười hai 1946 vẫn còn có thể ngăn chặn chiến tranh. Do vậy, nguyên nhân trực tiếp gây ra các cuộc chiến tranh liên miên từ đó về sau không phải là do thực dân Pháp đã cai trị Đông Dương trong một thời gian dài, hay do Nhật đảo chính Pháp vào tháng Ba 1945, cũng không phải là do Cách mạng Tháng Tám của Việt Nam hay thậm chí sự đàn áp dã man của Pháp và Anh trong giai đoạn 1945-1946 ở miền Nam. Nguyên nhân cũng không phải là mùa hè năm 1946, đàm phán Pháp - Việt đã thất bại, vả lại các cuộc đàm phán Pháp - Việt đã không hoàn toàn thất bại, mà hai bên đã đạt được một bản tạm ước. Đúng hơn, nguyên nhân trực tiếp của các cuộc chiến tranh Việt Nam

là sự đổ vỡ trong quan hệ hợp tác Việt - Pháp trong khoảng thời gian tháng Mười một - Mười hai 1946 và hai bên đánh nhau trên đường phố Hà Nội trong vòng 2.003 giờ tính từ ngày 19 tháng Mười hai 1946. Đó là ngày chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất bùng nổ, khởi đầu cho chuỗi các cuộc chiến tranh liên tiếp gây ra những hậu quả bi thảm không chỉ cho người dân Việt Nam và các nước láng giềng, mà cả đối với Pháp, Mỹ và toàn thế giới.

Đây không phải là một cuốn sách lịch sử quân sự, mà là một nghiên cứu mang tính học thuật từ góc độ chính trị về nguyên nhân và hoàn cảnh bắt đầu của một cuộc chiến tranh. Nó tìm câu trả lời cho hai câu hỏi: Tại sao chiến tranh không nổ ra vào ngày 6 tháng Ba 1946, ngược lại khủng hoảng nghiêm trọng lại được giải quyết bằng việc ký một hiệp định hòa bình? Và tại sao chiến tranh lại bùng nổ vào ngày 19 tháng Mười hai? Chương kết sẽ đề cập câu hỏi ai và bằng cách nào có thể tránh được chiến tranh. Phần tường thuật của cuốn sách kể lại giai đoạn từ tháng Hai 1946 tới tháng Giêng 1947 nhưng không đi sâu vào chi tiết những cuộc đàm phán kéo dài giữa Pháp và Việt Nam diễn ra từ tháng Tư đến tháng Năm ở Đà Lạt, một thành phố nhỏ ở cao nguyên Trung Bộ Việt Nam và ở Fontainebleau, miền Nam nước Pháp trong khoảng từ tháng Bảy đến tháng Chín. Thay vào đó, cuốn sách tập trung vào những cuộc khủng hoảng ngay trước và sau những cuộc đàm phán thất bại đó, trong đó một dẫn đến Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba, một dẫn đến đổ máu để giành giật từng ngôi nhà, góc phố Hà Nội.

Cuốn sách này lật lại hai kết luận mà người ta vẫn cho là đúng. Thứ nhất là nhiều người tin rằng Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba phản ánh việc phe cải cách tự do hoặc những người theo khuynh hướng thực dụng đang tạm thời chiếm ưu thế trong hàng ngũ lãnh đạo của Pháp, rằng chính những người này hiểu sự cần

thiết phải nhân nhượng chủ nghĩa dân tộc của người Việt Nam và thỏa hiệp với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuốn sách này chỉ ra rằng ngay từ ngày 6 tháng Ba, Pháp đã chuẩn bị sẵn sàng để gây chiến với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và rằng Pháp đã chơi một canh bạc lớn bằng việc đưa cả một đội quân xâm lược tới thành phố cảng Hải Phòng. Đây không chỉ là một màn trình diễn sức mạnh, mà còn là một phần của một cuộc hành quân đã được tính toán kỹ càng để giành quyền kiểm soát các trung tâm lớn ở miền Bắc, trong đó có Hà Nội. Tới cảng Hải Phòng sáng ngày 6 tháng Ba, hạm đội Pháp rơi ngay vào bẫy của quân Tưởng. Pháp chắc mẩm Tàu Tưởng sẽ giúp quân Pháp đổ bộ vào miền Bắc theo Hiệp ước Trùng Khánh ngày 28 tháng Hai, nhưng chính quyền Tưởng Giới Thạch đã lừa Pháp. Khi tàu chiến Pháp tiến đến gần cảng Hải Phòng, quân Tưởng đã sẵn sàng chống lại nếu Pháp tấn công và thực sự là đã bắn vào tàu Pháp. Đồng thời, họ ép cả Chính phủ Việt Nam và đoàn đàm phán của Pháp ở Hà Nội ký một thỏa hiệp nhân danh hai nước. Cả Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều không ở vị trí có thể công khai đối đầu với Tàu Tưởng, vì vậy dưới sức ép của Tàu Tưởng, họ đành phải đặt bút viết lên giấy trắng mực đen những điều thỏa hiệp mà cả hai bên đều hy vọng là về sau có thể giũ bỏ. Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba là một nền hòa bình mong manh do Tàu Tưởng dựng lên.

Kết luận thứ hai được nhiều người công nhận là Việt Nam đã có chủ ý tính toán trước khi quyết định bất ngờ tấn công Pháp và làm bùng nổ chiến tranh ngày 19 tháng Mười hai. Việt Nam hoàn toàn không phủ nhận điều đó, mặc dù Việt Nam hành động như vậy là để đáp trả việc Pháp chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn vào tháng Mười một. Trong quá trình chiến tranh Đông Dương, một số nhà nghiên cứu nổi tiếng đã nhìn nhận lịch sử như vậy, tuy nhiên luôn luôn có một trường phái khác nhấn mạnh rằng Việt Nam đã bị

khiêu khích và phỏng đoán rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã không kiềm chế được sự phẫn nộ của các nhà lãnh đạo dưới quyền khác[10]. Gần đây, xu hướng cho rằng Việt Nam phải chịu trách nhiệm về các vụ tấn công ngày 19 tháng Mười hai đã mạnh lên nhờ một số bài viết của các sử gia Việt Nam và của chính Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Sau khi để nhiều người đặt dấu hỏi suốt một thời gian dài về sự kiện ngày 19 tháng Mười hai, Tướng Giáp mới lên tiếng và tự hào tuyên bố rằng quả thật Việt Nam đã quyết định nổ súng đầu tiên[11]. Tướng Giáp khẳng định rất vững chắc cả trong cuốn hồi ký của ông và trong những lần trao đổi với tác giả cuốn sách này rằng ông - hay "chúng tôi", theo cách nói của ông - đã quyết định nổ súng đầu tiên: "Nếu chúng tôi đợi thêm thì Pháp có thể đã tấn công chúng tôi", ông nhận định như vậy năm 1992. "Nếu có bất kỳ sai lầm nào thì đó là chúng tôi đã đợi quá lâu".

Cuốn sách này lật lại kết luận của đa số về ngày 19 tháng Mười hai và chứng minh rằng ngày hôm đó đáng lẽ ra chiến tranh có thể tránh được. Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba, mặc dù được ký dưới áp lực của Trung Quốc, đã tăng niềm tin và sức mạnh cho các nhà lãnh đạo Pháp và Việt Nam muốn tránh đổ máu và tránh cái giá về chính trị và tiền bạc cho một cuộc chiến tranh lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những người như vậy. Người đứng đầu Chính phủ Pháp vào thời điểm chiến tranh bùng nổ, cựu chiến binh Đảng Xã hội (SFIO) Léon Blum, cũng có khuynh hướng theo đuổi hòa bình, và Marius Moutet, Bộ trưởng Hải ngoại thuộc SFIO, người đã ký Tạm ước với Chủ tịch Hồ Chí Minh đêm 14 rạng ngày 15 tháng Chín, tiếp tục bảo vệ "chính sách thỏa hiệp" của ông ta. Những kẻ hiếu chiến chủ chốt, những người phải chịu trách nhiệm không phải chỉ đối với việc chiếm Hải Phòng vào tháng Mười một, mà cả đối với việc chiến tranh nổ ra ở Hà Nội là nhóm

ba người, còn gọi là "Tam đầu chế" ở Sài Gòn, gồm Cao ủy, Đô đốc George Thierry d'Argenlieu, Tổng Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương - Tướng Jean-Etienne Valluy và Ủy viên Cố vấn chính trị Léon Pignon, người muốn cắt đứt mọi quan hệ với chính quyền Việt Nam do cộng sản lãnh đạo. D'Argenlieu lúc đó không chỉ tuân theo hướng dẫn và mệnh lệnh từ Chính phủ Pháp đương nhiệm, mà còn tìm cách thực hiện ước nguyện của người thầy đáng kính của ông ta - cựu lãnh đạo Pháp đã từ chức vào tháng Giêng 1946 là Tướng Charles de Gaulle. Khi việc Pháp chiếm Hải Phòng không phá vỡ ngay lập tức quan hệ Pháp - Việt, họ âm mưu gây thêm áp lực đối với chính phủ Hà Nội, nhằm mục đích chia rẽ giữa những người "trung hòa" và những người "cực đoan", hoặc khiêu khích Việt Nam nổ súng. Tình báo Pháp biết rằng Việt Nam đã chuẩn bị sẵn một kế hoạch tấn công và thực tế Pháp đã mua được một bản sao kế hoạch tấn công đó. Nhóm Tam đầu chế Pháp sốt ruột chờ đợi phía Việt Nam hành động. Mặc dù Paris đang ngập trong khủng hoảng nội các và bất đồng trong nội bộ chính phủ, ngày 12 tháng Mười hai, vị thủ tướng sắp rời nhiệm sở là Georges Bidault vẫn gửi một bức điện nói rõ với Sài Gòn là ông ta không đồng ý với chính sách hiếu chiến mà giới chức Pháp tại Sài Gòn theo đuổi, tiếp đó một đại diện của Tam đầu chế nhận được chỉ thị rằng Pháp không được phạm lỗi gây ra bất kỳ "vụ việc" nào nữa. Suốt ba tuần sau khi "mất" Hải Phòng, phía Việt Nam vẫn tự kiềm chế. Hồ Chí Minh liên tục kêu gọi Pháp, Trung Quốc và Mỹ can thiệp để vãn hồi hòa bình. Chắc hẳn không bao lâu sau Léon Blum sẽ đáp lại một cách tích cực lời kêu gọi đó, nếu như quân đội Việt Nam không tấn công vào đêm 19 tháng Mười hai ấy.

Ngày 17 tháng Mười hai, chính phủ mới của Blum với toàn bộ là thành viên SFIO, trong đó Blum là Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, chiến thắng trong cuộc bỏ phiếu tín nhiệm của Quốc hội Pháp.

Ngay ngày đầu tiên nhận bàn giao từ người tiền nhiệm Georges Bidault, ngày 18 tháng Mười hai, Blum quyết định cử Moutet tới Hà Nội thực hiện sứ mệnh hòa bình, nhưng đã quá muộn. Chiều ngày 19 tháng Mười hai, điều gì đó không ổn đã xảy ra giữa các nhà lãnh đạo Việt Nam trong cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng ở một làng nhỏ ngoại ô Hà Nội. Quyết định của họ vẫn còn là một điều bí ẩn, nhưng quân của Tướng Giáp đã gấp rút chuẩn bị tấn công quân Pháp. Có thể Tướng Giáp đã ra lệnh cho quân của ông đánh phủ đầu vì nhầm tưởng Pháp sắp tấn công, cũng có thể ông bị các nhà lãnh đạo thiếu kiên nhẫn khác thúc ép phải hành động. Nhưng lúc đó có lẽ ông đã phạm sai lầm lớn nhất trong đời mình, khi nổ súng đúng vào lúc Việt Nam có cơ hội phơi bày sự xấu xa của chế độ thực dân trước một chính phủ Pháp tương đối biết điều, cũng như trước nhân dân Pháp và nhân dân toàn thế giới. Thay vào đó, giờ đây thế giới lại lên án Việt Nam gây hấn trước. Tướng Giáp đã bước thẳng vào cái bẫy mà Tam đầu chế giăng sẵn*.

Những cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã bắt đầu như vậy đó. Không dễ dàng thiết lập lại các dữ liệu và còn nhiều điều phải tiếp tục khám phá, nhất là ở phía Việt Nam, thế nhưng chúng tôi không tiếp cận được nguồn tài liệu lưu trữ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguồn tài liệu sử dụng để viết cuốn sách này chủ yếu là tài liệu của Pháp, tuy nhiên tôi cũng sử dụng một số tài liệu của Anh và Mỹ. Chính vì không tra cứu được các tài liệu của Việt Nam, những phán đoán của tôi về chính sách và quyết định của Việt Nam dựa trên sự kết hợp của các báo cáo tình báo Pháp, sách và hồi ký của người Việt, chủ yếu là của Đại tướng Võ Nguyên Giáp,

---

* Quan điểm riêng của tác giả *(BT)*.

và một số cuộc phỏng vấn với các cựu chiến binh và nhà sử học Việt Nam. Tưởng Giới Thạch đóng một vai trò rất quan trọng trong toàn bộ sự việc, nhưng tôi cũng không tham khảo được nguồn lưu trữ Trung Quốc. Tuy vậy, tôi có thể dựa vào nghiên cứu của King C. Chen và Lin Hua. Lin Hua đã nghiên cứu tài liệu lưu trữ tại Đài Loan - Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Pháp[12].

Sinh viên ngành lịch sử khi theo đuổi chủ đề giải quyết khủng hoảng chính trị luôn phải vẽ sơ đồ hệ thống ra quyết định của chính phủ cần nghiên cứu của mình *trước khi* sinh viên đó bắt đầu tra cứu tài liệu lưu trữ. Như vậy, họ mới có thể bắt đầu với các hồ sơ của những cơ quan ra quyết định ở cấp cao nhất và giấy tờ của những người ra quyết định tối cao, rồi sau đó mới tiếp tục lần xuống các cấp thấp hơn nếu có thời gian. Điều tối quan trọng là không nên sử dụng hệ thống phân loại hồ sơ hiện tại làm căn cứ, mà phải tìm ra nơi cất hồ sơ hoạt động của những người và tổ chức quan trọng nhất. Tìm thấy những bản sao của cùng một tài liệu ở các nguồn lưu trữ khác nhau hay trong hồ sơ của các cơ quan khác nhau là việc bình thường, điều đó phản ánh chu trình lịch sử của các tài liệu đó. Quả thật, nhiều lúc ta phát hiện được những điều rất thú vị khi biết ***thời điểm***, ***người nhận*** cũng như ***ý kiến bình luận*** của mọi người về một bản sao của một tài liệu được gửi cho các cơ quan khác nhau của chính phủ.

Khi hồ sơ của Việt Nam được công khai, ta cần hết sức chú ý tới thư từ, giấy tờ của các thư ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tài liệu của ban tham mưu quân sự của Tướng Giáp và tài liệu tổ chức đảng dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Trường Chinh. Hồ sơ của Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ Việt Nam cũng quan trọng. Về sau, Pháp lấy được một số hồ sơ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và cất giữ tại Trung tâm lưu trữ hải ngoại ở Aix-en-Provence (được gọi là

hồ sơ chính phủ thực tế). David G. Marr từ Đại học Quốc gia Ôxtrâylia đã nghiên cứu các hồ sơ này. Việc những hồ sơ này vẫn còn nguyên vẹn, không bị hủy khi Pháp giành được quyền kiểm soát Hà Nội dường như chứng tỏ cuộc tấn công của Việt Nam mới được chuẩn bị trước đó chưa lâu, và cho đến phút cuối cùng, Việt Nam vẫn để ngỏ phương án tiếp tục điều hành chính phủ từ trụ sở các bộ đóng tại Hà Nội. Mặc dù vậy, trong những hồ sơ này không có giấy tờ của các lãnh đạo cấp cao nhất. Những hồ sơ quan trọng nhất hoặc đã bị hủy hoặc được các vị lãnh đạo đảng mang tới các địa điểm sơ tán trong chiến tranh Đông Dương. Chắc chắn nhiều tài liệu đã bị thất lạc, nhưng khi Đảng Cộng sản Việt Nam cho phép nghiên cứu tài liệu lưu trữ của Đảng tại Hà Nội, rất có thể họ vẫn còn giữ một số tài liệu đặc biệt có ý nghĩa, có thể chỉ các nhà lãnh đạo Đảng được phép tiếp cận.

Ở Pháp, hai hồ sơ hoạt động cấp cao nhất là hồ sơ của Văn phòng Thủ tướng, ban đầu được lưu giữ tại khách sạn Matignon, sau đó được chuyển về Cục Lưu trữ quốc gia ở Paris (ký hiệu F60 C3035). Không may là những hồ sơ này không nói gì nhiều về chính sách đối với Đông Dương thuộc Pháp thời kỳ 1946, nhưng ta có thể thấy một vài bức thư thú vị và các tài liệu khác trong số giấy tờ riêng của Georges Bidault, các giấy tờ này cũng được lưu tại Cục Lưu trữ quốc gia (ký hiệu 457AP). Giấy tờ riêng của Bộ trưởng Hải ngoại Marius Moutet được lưu tại Trung tâm lưu trữ hải ngoại ở Aix-en-Provence (ký hiệu PA28) cũng có một số tài liệu hay.

Những hồ sơ đồ sộ và quan trọng nhất về Đông Dương từ năm 1946 là hồ sơ của Ủy ban liên bộ về Đông Dương (Cominindo) do Tướng De Gaulle thành lập ngày 15 tháng Hai 1945 nhằm mục đích điều phối chính sách của Chính phủ Pháp đối với Đông Dương, do đích thân Thủ tướng làm Chủ tịch Ủy ban. Ban Thư ký Ủy ban

có trụ sở gần văn phòng của chính De Gaulle tại Bộ Quân sự (phố St. Dominique). Năm 1981, khi tôi lần đầu đến Paris để lục lọi trong tài liệu lưu trữ, dường như không ai biết hồ sơ của Cominindo nằm ở đâu. Có người bảo tôi rằng hồ sơ của Cominindo đã bị lẫn lộn trong hồ sơ lưu trữ của Bộ Hải ngoại Pháp ở số 27, phố Oudinot. Thay cho những hồ sơ đó, tôi được phép tiếp cận một tập hồ sơ gồm bản sao của tất cả các bức điện được trao đổi giữa Sài Gòn và Bộ Hải ngoại ở Paris trong năm 1946. Đọc hết tất cả các bức điện đó là không thể, nhưng tập hồ sơ các bức điện chỉ cho thấy một vài phát hiện liên quan đến giai đoạn khủng hoảng từ tháng Mười một đến tháng Mười hai, trong thời gian này, thời gian biểu chính xác rất quan trọng. Có một điều rất thú vị là xem bức điện nào được coi là hỏa tốc, và mất bao nhiêu lâu những bức điện đó mới tới nơi nhận. Ngày nay, không còn hồ sơ Đông Dương ở phố Oudinot nữa. Năm 1986, chúng đã được chuyển tới Trung tâm lưu trữ của Bộ Hải ngoại ở Aix-en-Provence để lưu trữ cùng với các tài liệu được chuyển lại từ Đông Dương sau khi chế độ thực dân kết thúc.

Tôi nghĩ là muốn tìm được chỗ để hồ sơ của Cominindo thì trước hết phải tìm được ra cơ quan nào đã tiếp quản công việc của Cominindo sau khi nó bị giải tán. Tháng Hai 1947, Moutet nhận ghế Chủ tịch Cominindo, khi đó nhân viên Ủy ban và hồ sơ tài liệu được chuyển từ phố St. Dominique về phố Oudinot. Tuy vậy, trong bối cảnh Đông Dương thuộc Pháp đã biến thành ba nước "liên hiệp" (Campuchia, Lào và Việt Nam), tháng Bảy 1950, một bộ mới được thành lập - Bộ Các nước liên hiệp, có trụ sở ở phố Lille, thế là hồ sơ của Cominindo lại bị chuyển chỗ. Ba năm sau, ba nước Đông Dương không còn là nước liên hiệp nữa và được công nhận hoàn toàn độc lập. Một lần nữa, người ta lại chuyển những tài liệu lưu

trữ đó, lần này đến Bộ Ngoại giao ở Quai d'Orsay. Nhưng Bộ Ngoại giao không có đủ chỗ, nên người ta quyết định chuyển những tài liệu trước năm 1945 ngược trở về phố Oudinot, tại đây các tài liệu này được nhập vào hồ sơ Đông Dương của Bộ Hải ngoại, làm thành hồ sơ nền mới về Đông Dương (INF). Đến năm 1986 thì Hồ sơ nền mới về Đông Dương được đưa tới Trung tâm lưu trữ Bộ Hải ngoại ở Aix-en-Provence. Đối với một nhà sử học, việc xác định nguồn gốc của một giấy tờ hay tài liệu trong Hồ sơ nền trước năm 1945 có phải là từ Bộ Thuộc địa (từ tháng Giêng 1946 đổi tên thành Bộ Hải ngoại) hay từ Cominindo là cả một vấn đề. Bộ Ngoại giao giữ tất cả những tài liệu từ năm 1945 trở đi, chúng được xếp vào một hồ sơ riêng, gọi là Hồ sơ nền về các nước liên hiệp. Trong đó có mớ tài liệu lưu trữ của Cominindo, mà những năm 1985-1989, khi tìm bới ở đó thì tôi thấy là một mỏ vàng chưa ai khám phá, thậm chí nhân viên lưu trữ cũng chưa có thời gian xử lý, phân loại. Thực ra mãi tới năm 2007, các nhà nghiên cứu mới có thể tiếp cận rộng rãi một số tập hồ sơ quan trọng nhất mà tôi sử dụng trong nghiên cứu này, vì khi đó mới hết hạn không công khai hồ sơ 60 năm. Hồ sơ nền về các nước liên hiệp là xuất phát điểm quan trọng nhất đối với bất kỳ người nào muốn tìm hiểu về chính sách của Pháp tại Đông Dương trong giai đoạn từ năm 1944 đến 1947. Có vấn đề là các nhân viên lưu trữ đã đánh số lại các tập tài liệu trong Hồ sơ nền về các nước liên hiệp và Hồ sơ về châu Á của Bộ Ngoại giao (còn gọi là Hồ sơ châu Á - Thái Bình Dương), cho nên không may là các số hiệu tài liệu tham khảo mà tôi đã ghi lại trong những năm 1980 giờ đây không còn đúng nữa. Xin độc giả lượng thứ cho việc tôi đã không đánh số lại được tất cả các hộp tài liệu và tập hồ sơ nêu trong cuốn sách này, nhưng có thể chuyển số hiệu tài liệu tham khảo của tôi thành số hiệu mới bằng

cách đối chiếu số cũ với hệ thống đánh số phân loại mới với sự giúp đỡ của nhân viên lưu trữ.

Trong số các bộ và các cơ quan khác có đại diện tại Cominindo, bộ quan trọng nhất là Bộ Hải ngoại Pháp, Bộ Ngoại giao, các bộ thuộc lĩnh vực quốc phòng (Bộ Hải quân, Bộ Không quân, Bộ Lục quân, Bộ Quốc phòng), các tham mưu trưởng, Bộ Tổng Tham mưu quốc phòng và Cục Tình báo nước ngoài và phản gián. Hồ sơ của Cục Tình báo nước ngoài và phản gián có lẽ vẫn nằm trong tay cơ quan tình báo trung ương của Pháp và không tiếp cận được. Hồ sơ của Bộ Tổng Tham mưu quốc phòng được cất giữ tại Ban Lịch sử Lục quân ở lâu đài Vincennes, Paris. Hồ sơ này (ký hiệu 4Q) chứa những tài liệu quân sự cấp cao nhất liên quan đến Đông Dương và hết sức có ý nghĩa đối với nghiên cứu của tôi. Không may là hầu hết các sinh viên không biết đến sự tồn tại của hồ sơ 4Q hay không được phép tiếp cận nó. Thường thì họ được hướng dẫn tìm kiếm trong đống hồ sơ đồ sộ ký hiệu 10H, bao gồm các hồ sơ quân đội Pháp từ Đông Dương đưa về[13]. Nếu cần tìm hiểu quyết định của cấp cao nhất, ta nên bắt đầu với hồ sơ 4Q trước rồi mới phiêu lưu vào hồ sơ 10H.

Các hồ sơ dân sự từ Đông Dương đưa về Pháp nằm tại Trung tâm lưu trữ Bộ Hải ngoại ở Aix-en-Provence, nhưng đáng buồn là trong đó không có nhiều giấy tờ của Cao ủy Georges Thierry d'Argenlieu. Có lẽ ông ta đã mang theo những tài liệu đó khi chức Cao ủy của ông bị người khác thay thế vào tháng Giêng 1947. Cuốn *Chronique d'Indochine* (Biên niên sử Đông Dương) của d'Argenlieu được biên soạn trên cơ sở một bộ sưu tập tư nhân đồ sộ, nó được xuất bản năm 1985, sau khi ông qua đời. Năm 1991, gia đình d'Argenlieu trao các giấy tờ của ông cho Cục Lưu trữ quốc gia Pháp và năm 2000, Cục Lưu trữ đã hoàn tất việc kiểm kê

những giấy tờ này (hồ sơ mang tên Tài liệu của George Thierry d'Argenlieu, ký hiệu 517AP). Khi viết cuốn sách này, đáng lẽ tôi phải tra cứu những tài liệu đó, như Frédéric Turpin đã tra cứu và sử dụng trong nghiên cứu của ông về de Gaulle và chính sách Đông Dương của những người ủng hộ de Gaulle[14], nhưng tôi đã không có đủ thời gian làm vậy. Theo những gì tôi biết, hồ sơ hay nhất ở Aix-en-Provence là hồ sơ của Léon Pignon, Cố vấn chính trị của d'Argenlieu rồi sau đó trở thành Cao ủy vào năm 1948. Léon Pignon giữ một hồ sơ khổng lồ gồm báo cáo tình báo, bị vong lục và báo cáo về những diễn biến chính trị năm 1946, trong đó có cả những báo cáo và thư từ do chính ông ta viết. Một nhân vật quan trọng nữa ở phía Pháp là Jean Sainteny, tên khai sinh là Jean Roger. Với tư cách đại diện toàn quyền Pháp tại Bắc Kỳ và Bắc Trung Bộ, Sainteny đã điều hành cuộc đàm phán dẫn đến các Hiệp định Pháp - Việt ngày 6 tháng Ba. Giấy tờ riêng của Sainteny hiện giờ đang được Tổ chức chính trị học quốc gia cất giữ ở Paris. Tư liệu của ông cực kỳ có giá trị và là cơ sở quan trọng để Philippe Devillers viết bộ sách tư liệu chú dẫn mang tên *Paris - Saigon - Hanoi: Les archives de la guerre, 1944-1947* (Paris - Sài Gòn - Hà Nội: Tư liệu chiến tranh, 1944-1947), xuất bản năm 1988.

Kết quả nghiên cứu tài liệu lưu trữ của tôi là một bảng kê chi tiết, sắp xếp theo trình tự thời gian về sự hình thành các quyết định. Ký hiệu tài liệu tham khảo dẫn chiếu đến các tài liệu lưu trữ và các nguồn khác trong bảng kê đó không được thống nhất cho lắm. Hầu hết nguồn tài liệu tham khảo của tôi là bằng tiếng Pháp và một số rất ít bằng tiếng Việt. Khi trích dẫn các tài liệu nói trên, tôi sử dụng bản dịch tiếng Anh. Các bạn có thể đọc những đoạn trích bằng ngôn ngữ trong bản gốc và một số lời bình trong các chú giải đầy đủ hơn trên trang web của tôi, địa chỉ là

www.cliostein.com, tại đây các chú giải được đánh số trùng với chú giải trong sách. Mục đích của cuốn sách này không phải là giới thiệu những tài liệu mới, mà chủ yếu là sửa chữa những sai lầm trong cách hiểu sự việc hiện tại. Mục đích nữa là vạch trần thủ đoạn mà những kẻ phá hoại gặp thời sử dụng để ngăn cản các nhà lãnh đạo của họ thực hiện nhiệm vụ cao cả nhất của mọi chính phủ: bảo vệ hòa bình.

Chương 1

SỰ VA CHẠM GIỮA CÁC NỀN CỘNG HÒA

Chuỗi chiến tranh Đông Dương bắt đầu như một vụ va quệt giữa hai nền cộng hòa mới mẻ, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Đệ tứ Cộng hòa Pháp. Cả hai nền cộng hòa đều chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của luồng tư tưởng xã hội và cộng sản, đồng thời cố gắng xây dựng sự đồng thuận rộng khắp với các nhóm ái quốc phi cộng sản. Cả hai nền cộng hòa này đều mong muốn hiện đại hóa Đông Dương thông qua công nghiệp hóa, thương mại và các cơ quan đại diện. Cả hai đều có khuynh hướng ngả theo ý tưởng xây dựng một diễn đàn chính trị chung cho người Việt, người Lào, người Khơme và các dân tộc thiểu số miền núi, để họ dẫn dắt nhau trong công cuộc hiện đại hóa. Cả hai đều đồng ý rằng Liên bang Đông Dương cần phải nằm trong một Liên hiệp Pháp mới và tiếp tục liên kết với Pháp trong một gia đình các quốc gia tiến bộ.

Điều đã khiến hai nền cộng hòa này va chạm không chỉ là việc Việt Nam độc lập, mà dù có sự xung đột gay gắt giữa một bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiên quyết đòi Pháp công nhận chủ quyền và quyền quản lý của mình, và một bên là Pháp khăng khăng duy trì chủ quyền và sự quản lý của Pháp ở các thuộc địa. Một vấn đề cũng khó khăn nữa là giới hạn địa lý của đất nước Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám bắt nguồn từ Bắc Đông Dương, khu vực mà Pháp gọi là Bắc Kỳ, nhưng các nhà cách mạng luôn luôn

trung thành với tư tưởng thống nhất một đất nước Việt Nam trải dài tới mũi Cà Mau. Họ dự định trao cho đất nước Việt Nam thống nhất này vai trò đầu tàu trong công cuộc hiện đại hóa toàn bộ Đông Dương, với tư cách là nước lớn nhất và phát triển nhất trong ba nước Đông Dương.

Pháp bác bỏ tư tưởng dân tộc của Việt Nam. Họ sử dụng từ "Việt Nam" một cách miễn cưỡng, thay vào đó họ gọi người Việt - dân tộc chiếm đa số trong xứ bảo hộ Bắc Kỳ, xứ An Nam và xứ Nam Kỳ - là "Annammít". Những người ủng hộ de Gaulle cũng như các nhà cải cách thực dân cánh hữu đều cương quyết cho rằng không nên để cho "Annammít" thống trị một Đông Dương hiện đại, dân chủ, mà phải xây dựng nó dựa trên năm đơn vị riêng rẽ gồm Campuchia, Lào, Nam Kỳ, An Nam và Bắc Kỳ. Từ "Việt Nam" là tác phẩm của phong trào dân tộc không theo cộng sản, chịu ảnh hưởng của Trung Quốc trong những năm 1920-1930, trong khi thời kỳ đó phe cộng sản chủ yếu sử dụng từ "Đông Dương". Pháp chấp nhận từ "Việt Nam" với suy nghĩ rằng Việt Nam là một tên mới chỉ dùng để chỉ Bắc Kỳ mà thôi, cùng lắm thì bao gồm cả nửa phía Bắc của An Nam. Pháp phản đối việc thống nhất ba miền, trong đó người Việt chiếm đa số, gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ mà người Việt dân tộc chủ nghĩa thích gọi là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Từ "Bộ" chính là một cách nói lên rằng các miền Bắc, Trung, Nam đều thuộc về một quốc gia. Đối với Pháp, còn một vấn đề nữa là Nam Kỳ - vùng đất hiện đại và phát triển nhất về kinh tế của Đông Dương còn có quy chế là một thuộc địa hoàn toàn thuộc chủ quyền của Pháp và quy chế này chỉ có thể thay đổi theo một quyết định của Quốc hội Pháp[1].

Nam Kỳ là phần đầu tiên của Đông Dương bị Pháp biến thành thuộc địa và đầu năm 1945, Pháp vẫn thiết kế Nam Kỳ là nền móng của một Liên bang Đông Dương dân chủ dưới sự định hướng

và dẫn dắt của Pháp. Sài Gòn sẽ trở thành trung tâm phát triển kinh tế của Đông Dương; Huế và Hà Nội bị coi là lạc hậu hơn và chịu ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc; Phnôm Pênh và Viêng Chăn thậm chí còn kém phát triển hơn nữa và sẽ cần sự bảo hộ của Pháp một thời gian dài.

Cách mạng Tháng Tám 1945 đã cho ra đời Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tuyên bố đại diện cho một nước Việt Nam có chủ quyền và có quyền được độc lập. Căn cứ quyền độc lập của Việt Nam không phải chỉ là các nguyên tắc chung, mà còn dựa trên những sự kiện thời sự. Bảo Đại - vị hoàng đế An Nam được Pháp bảo vệ, đồng thời có quyền quản lý trên danh nghĩa đối với Bắc Kỳ - đã giành được độc lập trên danh nghĩa sau khi Nhật hất cẳng Pháp vào tháng Ba 1945. Tháng Tám 1945, khi tự nguyện thoái vị, Bảo Đại nhường lại quyền lực cho nền cộng hòa dân chủ non trẻ. Do đó, trong bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng đọc trước quốc dân đồng bào tại Quảng trường Ba Đình ngày 2 tháng Chín 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không tuyên bố, mà khẳng định nền độc lập của Việt Nam. Một thời gian ngắn trước khi Bảo Đại thoái vị, chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giành được từ tay Nhật một thứ mà Pháp luôn luôn không chịu từ bỏ: chủ quyền đối với cả Nam Kỳ mà cho tới lúc đó vẫn trực tiếp nằm dưới sự đô hộ của Pháp và thậm chí ngay cả Bảo Đại cũng không có quyền gì. Nhật làm thay đổi tình hình đó vào đầu tháng Tám 1945, trước khi Nhật đầu hàng Đồng minh, và khi cuộc cách mạng diễn ra ở cả ba miền Việt Nam, những người đứng đầu cuộc khởi nghĩa ở thủ phủ của Nam Bộ - tức Sài Gòn - không thành lập một nhà nước riêng của mình, mà tự coi là đại diện cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời có thủ đô là Hà Nội.

Pháp không dính dáng đến các cơ sở cách mạng ở miền Nam, nhưng dự định thiết lập một hệ thống mới với mức độ tự chủ cao

cho cả năm dân tộc Đông Dương. Các chính trị gia Pháp tự cho là mình đại diện cho một "nước Pháp mới", với sứ mệnh tái sinh không chỉ bản thân nước Pháp mà cả đế quốc Pháp trước kia bằng cách chuyển đổi nó thành một khối Liên hiệp Pháp vững chắc. Tâm trạng của Pháp có thể tóm gọn lại trong một cụm từ theo cách gọi của một nhà nghiên cứu là "lạc quan kiểu mẫu quốc", nghĩa là Pháp hy vọng quá trình xây dựng Hiến pháp cho mẫu quốc sẽ song hành một cách hòa bình với quá trình xây dựng Hiến pháp cho cả đế chế[2]. "Nước Pháp mới" là từ mà SFIO, Đảng Cộng sản (PCF) và cả phái de Gaulle đều dùng để chỉ đất nước mà họ tạo nên sau khi thống chế Philippe Pétain bị loại khỏi chính phủ Vichy và quân Đức bị đuổi khỏi Paris mùa hè năm 1944, một "nước Pháp mới" do Tướng Charles de Gaulle lãnh đạo cho tới ngày 20 tháng Giêng 1946. "Nước Pháp mới" vẫn tồn tại cho tới khi Đệ tứ Cộng hòa được thành lập xong với Hiến pháp mới có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng Mười hai 1946. Một số chính trị gia Pháp có ảnh hưởng nhất nghĩ rằng về lâu dài Pháp sẽ trao quyền độc lập cho các lãnh thổ hải ngoại của Pháp, nhưng Pháp sẽ không trao quyền độc lập này ngay lập tức, với lý do bảo vệ sự hiện diện của Pháp và ngăn cản các thế lực nước ngoài khác ùa vào chiếm các lãnh thổ vốn nằm dưới sự cai trị của Pháp. Họ dự tính bảo đảm sự hiện diện của Pháp ở Viễn Đông bằng cách dựng lên những đơn vị lãnh thổ tự trị hoặc tự quản nằm trong Liên bang Đông Dương do một cao ủy Pháp đứng đầu. Thông qua một hệ thống đại diện trên cơ sở bầu cử dân chủ, các nước Đông Dương sẽ được giải phóng dần dần, hướng tới mục tiêu và không loại trừ khả năng một ngày nào đó các nước này trở thành những quốc gia độc lập.

Tình hình diễn biến ở Việt Nam năm 1946 trở nên phức tạp hơn sau khi Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt bày tỏ quan điểm muốn xây dựng một hệ thống ủy trị quốc tế đối với Đông Dương

sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong đó nhấn mạnh vai trò của Trung Quốc. Roosevelt coi Đông Dương là một phần khu vực hoạt động quân sự của Tưởng Giới Thạch trong chiến tranh kháng Nhật và ông ta hy vọng rằng quân Tưởng sẽ đóng vai trò dẫn đầu trong công cuộc giải phóng Đông Dương. Ông ta không ủng hộ để cho lực lượng Đông Nam Á dưới quyền của một đô đốc hải quân Anh là ngài Louis Mountbatten tiến hành chiến dịch nhân danh quân Đồng minh ở Đông Dương vì rất có thể Mountbatten sẽ giúp de Gaulle giữ lại thuộc địa này, vả lại Bộ Tư lệnh lực lượng Đông Nam Á đóng ở tận Kandy, Ceylon thuộc Xri Lanca. Tại Hội nghị Potsdam tháng Bảy 1945, ba tháng sau khi Roosevelt qua đời và chỉ một thời gian ngắn trước khi Nhật đầu hàng, các bên liên quan đã đạt được một thỏa hiệp vội vã, theo đó Tưởng Giới Thạch chịu trách nhiệm về nửa phía Bắc Đông Dương tính từ vĩ tuyến 16 và Mountbatten nắm nửa phía Nam. Nhật đầu hàng tạo ra một khoảng trống quyền lực, nhân cơ hội này Cách mạng Tháng Tám nổ ra, quân Anh đi đường biển đổ bộ vào miền Nam Đông Dương để tước vũ khí và đưa quân Nhật về nước. Khu vực Nam Đông Dương tính từ vĩ tuyến 16 bao gồm Nam Kỳ, Campuchia, nửa Nam An Nam và khu vực cực nam của Lào. Đồng thời, một đội quân Tưởng đông đảo tràn qua biên giới tiến vào Bắc Đông Dương, gồm Bắc Kỳ, Bắc An Nam và phần lớn lãnh thổ Lào, với danh nghĩa tước vũ khí và đưa quân Nhật về nước.

Quyết định chia đôi An Nam tại trung tâm của nó, nơi cho tới lúc đó được nhà Nguyễn trị vì, giết chết khả năng phục hồi chính quyền phong kiến bảo thủ ở Huế sau khi hoàng đế Bảo Đại thoái vị vào tháng Tám 1945. Như vậy là Huế đã mất hẳn vai trò lịch sử, trong khi Sài Gòn và Hà Nội trở thành hai trung tâm quyền lực chính. Anh giúp Pháp đàn áp cách mạng ở miền Nam và thành lập chính quyền Đông Dương mới đóng tại Sài Gòn do một người được

de Gaulle lựa chọn đứng đầu - Cao ủy Đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu. Trong khi đó, lực lượng chiếm đóng quân sự của Tưởng ở phía bắc cho phép Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục tồn tại, Hà Nội vừa là thủ đô của Chính phủ Việt Nam, vừa là trung tâm của lực lượng chiếm đóng quân sự của Tưởng. Một điều đáng lưu ý là trước khi Cách mạng Tháng Tám nổ ra, Hà Nội còn là thủ đô của cả Liên hiệp Đông Dương. Cho tới ngày 20 tháng Giêng 1946, khi de Gaulle bất ngờ tuyên bố từ chức lãnh đạo Chính phủ Pháp, quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông (CE-FEO) dưới quyền của Tướng Philippe Leclerc de Hautecloque do de Gaulle ra lệnh triển khai ở Đông Dương, chỉ nắm được quyền kiểm soát ở miền Nam Đông Dương. Tại Hà Nội, đại diện của Pháp là Jean Sainteny không có quyền hành gì, ông này trước đó đã được máy bay Mỹ đưa từ Trung Quốc tới Hà Nội. Jean Sainteny cũng đã cố gắng chuẩn bị cho việc quân Pháp đến, đồng thời tìm cách bảo vệ dân thường người Pháp khỏi bị tấn công bởi những kẻ khích động cực đoan tại Hà Nội và quân Tưởng.

Trong bối cảnh trên, cuộc đụng độ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Đệ tứ Cộng hòa Pháp xảy ra dưới nhiều hình thức khác nhau ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Ở miền Nam, Pháp nhanh chóng nắm quyền kiểm soát, không thừa nhận các đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong khi đó, ở miền Bắc, chính phủ cách mạng Việt Nam kiểm soát bộ máy nhà nước và hầu hết các tỉnh thành, nhưng có quan hệ không mấy thân thiện với giới quân phiệt Tưởng muốn ép những người cộng sản Việt Nam chia sẻ quyền lực với lãnh đạo hai đảng thân Tưởng chống cộng sản là Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội. Như vậy, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Chủ tịch Hồ Chí Minh có hai mục đích: thứ nhất là bảo vệ nền cộng hòa ở miền Bắc bằng cách củng cố sức mạnh chính trị và hành chính,

xây dựng một quân đội vững mạnh, và thứ hai là phục vụ kháng chiến chống Pháp ở miền Nam. Sau một loạt thất bại ban đầu, quân đội Việt Nam ở miền Nam đã tập hợp lại và thực hiện phương pháp chiến tranh du kích. Vừa tìm cách đàn áp nổi dậy ở miền Nam, Pháp vừa tiến hành đàm phán với chính phủ Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Hà Nội nhằm đạt được thỏa thuận Tưởng rút quân khỏi miền Bắc để Pháp rảnh tay trở lại miền Bắc - mảnh đất duy nhất mà Pháp chưa chiếm lại được. Ngày 4 tháng Mười 1945, Chính phủ Pháp bổ nhiệm Jean Sainteny làm Ủy viên của Cộng hòa Pháp tại Bắc Đông Dương (Bắc Kỳ và Bắc An Nam). Ông ta đàm phán lần đầu tiên với Hồ Chí Minh vào ngày 1 tháng Mười hai 1945, nhưng cuộc đàm phán này không có kết quả gì. Hầu như tất cả mọi người ở Hà Nội đều cho rằng một lúc nào đó Pháp sẽ đưa quân trở lại chiếm khu vực phía Bắc Đông Dương, mặc dù có thể Pháp và Tưởng cần phải thỏa thuận trước với nhau.

Cuốn sách này không có tham vọng đi sâu phân tích lập luận và quan điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng như Đệ tứ Cộng hòa Pháp mới ra đời trong các cuộc đàm phán giữa các bên diễn ra tại Hà Nội dẫn đến Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba 1946, hay trong các cuộc đàm phán thất bại tại thành phố cao nguyên Đà Lạt ở miền Trung Việt Nam từ tháng Tư đến tháng Năm 1946, cũng như tại Fontainebleau, ngoại ô Paris từ tháng Bảy đến tháng Chín 1946. Cuốn sách cũng sẽ không đi sâu vào khía cạnh quân sự của chiến tranh ở miền Nam. Cuốn sách sẽ tập trung vào vấn đề chiến tranh và hòa bình giữa Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở trung tâm miền Bắc, với trọng tâm là hai giai đoạn khủng hoảng: tháng Hai - tháng Ba 1946 và tháng Mười một - Mười hai 1946; đợt khủng hoảng thứ nhất kết thúc bằng một nền hòa bình tạm thời, đợt khủng hoảng thứ hai dẫn đến một cuộc chiến tranh dài lê thê.

CHIẾN TRANH LẠNH CÒN XA

Ta cần nhớ rằng năm 1946, những hạt giống của Chiến tranh lạnh còn chưa thực sự nảy mầm. Những kỷ niệm về liên minh thời chiến giữa phương Tây và Liên Xô vẫn còn tươi rói. Lúc này dư luận vẫn chưa coi Xtalin là một người độc đoán. Ở Paris, các nước Đồng minh đang tiếp tục tranh cãi điều khoản của các hiệp định hòa bình với Italia và các nước phe Trục. Chưa ai đoán được rằng năm sau người ta sẽ tuyên bố học thuyết Truman hay Kế hoạch Marshall; Đức vẫn còn là lãnh thổ bị chiếm đóng, chia thành bốn khu vực do bốn nước kiểm soát. Ở châu Á, Mỹ chưa cam kết ủng hộ Tưởng Giới Thạch để đánh Hồng vệ binh, không những thế, lúc này Mỹ còn kêu gọi Tưởng đàm phán với Hồng vệ binh. Trong những giây phút ít ỏi có thể quan tâm đến Đông Dương thì cả Harry S. Truman và Tưởng Giới Thạch có cái nhìn tương đối thiện cảm đối với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ, hy vọng rằng Pháp sẽ công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời mong muốn những người dân tộc chủ nghĩa phi cộng sản sẽ có vai trò lớn hơn trong chính phủ này. Trong khi đó, sự hợp tác giữa những người cộng sản Việt Nam với một số rất lớn các nhóm dân tộc chủ nghĩa khác nằm cả trong lẫn ngoài mặt trận Việt Minh hoàn toàn không dễ dàng. Trở lại châu Âu, PCF cũng có mặt trong chính phủ liên minh với SFIO, phe cấp tiến và Đảng Dân chủ Công giáo, và có đại diện trong Ủy ban điều phối chính sách của Pháp tại Đông Dương. Lúc này mọi cơ hội, mọi trận tuyến đều để ngỏ.

Cho tới tận tháng Hai 1946, nền cộng hòa mới của nước Pháp vẫn chưa có Hiến pháp mặc dù nhiều bản dự thảo đã được xem xét và loại bỏ trong một năm rưỡi trôi qua kể từ ngày Paris được lực lượng "nước Pháp tự do" dưới sự lãnh đạo của Tướng Leclerc giải phóng. Xin mở ngoặc một chút là Leclerc vốn là một nhà quý tộc có cái tên rất dòng dõi là Philippe de Hautecloque, nhưng ông ta

thích dùng cái tên Leclerc, nghe bình dân hơn. Ông ta đã lãnh đạo lực lượng giải phóng Paris tháng Tám 1944, cho phép Tướng Charles de Gaulle đặt chính phủ lâm thời ở thủ đô của nước Pháp. Nước Pháp kiêu hãnh của Tướng de Gaulle đòi được công nhận là một trong bốn cường quốc của thế giới, giành được một ghế thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và toan tính đóng vai trò độc lập trong quan hệ với "hội Anh - Mỹ" và Liên Xô. Các nhà hoạch định chính sách Anh và Mỹ sốt ruột muốn đưa Pháp vào quỹ đạo phương Tây nên hết sức tránh những hành động có thể chọc giận Pháp hay làm cho phe cộng sản ở Pháp mạnh lên, đồng thời cố gắng bảo đảm những lợi ích thiết thân của Pháp như nhu cầu về than đá. Tương tự, Liên Xô cũng thấy cần phải thận trọng trong quan hệ với Pháp. Họ muốn Pháp không bị hút vào quỹ đạo liên minh Anh - Mỹ và vì vậy, họ hoan nghênh một số chính sách độc lập của Pháp ở Đức.

Ở châu Á, Cách mạng Tháng Tám tại Việt Nam là một bộ phận của phong trào giải phóng dân tộc rộng lớn sau khi Nhật đầu hàng, nhờ phong trào này mà Ấn Độ, Miến Điện (sau này là Mianma), Philíppin và Inđônêxia đã giành được độc lập. Đồng thời, Cách mạng Tháng Tám cũng mang tính chất của phong trào cộng sản, phong trào này cho tới năm 1949 mới thắng lợi ở Trung Quốc, nhưng ở Malaixia thì thất bại do đàn áp quân sự và ở Triều Tiên thì rơi vào bế tắc. Dù sao đi chăng nữa, năm 1946, chưa ai dự đoán được tất cả những kết cục này. Chiến tranh ở Đông Dương đã bắt đầu rất lâu trước khi khu vực này của thế giới được các nhà lãnh đạo Mỹ và Liên Xô chú ý. Nếu thảng hoặc người ta quan tâm đến Việt Nam thì cũng chỉ quan tâm ở mức độ vấn đề nằm trong quan hệ tổng thể với Pháp. Do vậy, nghiên cứu về khởi điểm của chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất phải tập trung vào quan hệ song phương Việt - Pháp, đồng thời không thể bỏ qua vai trò đáng kể

của thế lực thứ ba là Trung Hoa dân quốc và không phóng đại tầm quan trọng của Liên Xô và Mỹ.

Đã đến lúc cần giới thiệu hai nền cộng hòa sắp đụng độ, các đảng phái và nhà lãnh đạo của hai nền cộng hòa này.

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Mặc dù Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp nhận nhiều công sở và nhân sự từ chính quyền thực dân Pháp và từ bộ máy Nhà nước Việt Nam của Bảo Đại, nòng cốt của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một liên minh giải phóng có tên là Việt Nam độc lập Đồng minh Hội (gọi tắt là Việt Minh) do Hồ Chí Minh (1890-1969) lãnh đạo. "Hồ Chí Minh" là tên mới của một người mà nhiều đồng bào của ông biết tới với tên gọi Nguyễn Ái Quốc (có nghĩa là người yêu nước). Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập và lãnh đạo chủ chốt từ nước ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương, thành lập năm 1930. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Hồ Chí Minh hoạt động ở vùng biên giới Trung Quốc và Đông Dương, cung cấp tin tức bí mật từ Đông Dương cho bên ngoài... Mục đích của Hồ Chí Minh là giải phóng Đông Dương khỏi ách đô hộ "một cổ hai tròng" của Nhật và Pháp.

Ban đầu, Việt Minh được tổ chức và chỉ huy từ miền Nam Trung Quốc, nhưng từ năm 1941 trở đi, Hồ Chí Minh chỉ huy Việt Minh từ những cơ sở bí mật ở Việt Nam gần biên giới Trung Quốc. Dưới lá cờ của Việt Minh, các nhóm dân tộc chủ nghĩa và cộng sản trong nước giành được quyền lực trên khắp các tỉnh thành và trung tâm hành chính lớn của Việt Nam vào tháng Tám 1945. Ban đầu, cuộc cách mạng không có một đầu mối chỉ huy tập trung, mà loang ra như một phản ứng dây chuyền, tỉnh thành nọ nối tiếp tỉnh thành kia và nhiều ủy ban Việt Minh được thành lập, có lúc có sự tham gia của tổ chức cộng sản, có lúc không. Ngay sau khi

Nhật đầu hàng vào ngày 15 tháng Tám, các vị chỉ huy Việt Minh từ vùng giải phóng ở miền núi tiến về Hà Nội mà không có phương tiện liên lạc nào với các chỉ huy cách mạng ở các nơi khác. Hồ Chí Minh và những người đồng chí thân cận của Người được các chỉ huy cách mạng tại Hà Nội vui mừng đón tiếp, họ hợp thành chính phủ cộng hòa đầu tiên. Một phái đoàn được cử đến Huế để yêu cầu hoàng đế thoái vị, và khi Bảo Đại tự nguyện thoái vị, ông được mời về Hà Nội giữ vị trí cố vấn tối cao. Với tuổi tác, kinh nghiệm và khả năng thu phục lòng người, Hồ Chí Minh rõ ràng là ứng cử viên nổi bật cho vị trí chủ tịch nước của nền cộng hòa mới. Người giữ vị trí Chủ tịch nước kiêm Thủ tướng. Lần đầu tiên, cái tên Hồ Chí Minh nổi bật trên trang nhất của các tờ báo trên toàn thế giới. Ngày 2 tháng Chín 1945, tại Hà Nội, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra trước đông đảo dân chúng cất tiếng hỏi qua một chiếc micro hiện đại: "Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?" và một tiếng reo vang trời của cả biển người hoan hỉ đáp lại lời Người, chỉ có rất ít người biết rằng Hồ Chí Minh chính là người cộng sản nổi tiếng Nguyễn Ái Quốc. Chưa đầy hai tháng sau ngày Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố thành lập, Trung tâm tình báo của Bộ Ngoại giao Mỹ đã có một bản báo cáo điều tra tình báo dài 90 trang, trong đó có tiểu sử của 69 vị chỉ huy giải phóng dân tộc tại Đông Dương thuộc Pháp. Mười trang được dành để nói về Hồ Chí Minh, ông được giới thiệu là "Nguyễn Ái Quốc (ngày nay được biết đến với tên gọi Hồ Chí Minh hay Lý Thụy)". Bản báo cáo khẳng định một cách chắc chắn rằng Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là một và nói rằng đây là người thông minh nhất, giàu kinh nghiệm nhất trong số "các nhà lãnh đạo cộng sản dân tộc chủ nghĩa của An Nam, với khả năng tổ chức xuất sắc"[3].

Nguyễn Tất Thành, về sau là Nguyễn Ái Quốc hay Hồ Chí Minh, nói rằng ông sinh năm 1890. Điều này có thể chính xác và hầu hết

các nhà nghiên cứu đồng ý về năm sinh này, nhưng chắc chắn là ngày sinh của Người không phải là ngày 19 tháng Năm như ngày được kỷ niệm chính thức*. Ngày này được chọn cho Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1946 vì chính phủ muốn tổ chức một ngày lễ long trọng dành cho Người trước khi Người đi Pháp trên cương vị đứng đầu nhà nước. Vào năm 21 tuổi, nếu chúng ta công nhận là Người sinh năm 1890, Nguyễn Tất Thành rời Đông Dương, ra đi vòng quanh thế giới trên một chiếc tàu Pháp. Sau khi đến Anh và Mỹ, Người đến Paris, tại đây Người tham gia thành lập PCF và viết báo bênh vực quyền lợi của các dân tộc bị áp bức qua những bài báo ngắn trên các tờ báo nhỏ theo khuynh hướng xã hội. Trong thập niên 1920, Người làm việc với Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva, tham gia tổ chức Phòng Đông Nam Á của Quốc tế Cộng sản, sau đó hoạt động trong mạng lưới Quốc tế Cộng sản tại Trung Quốc và Xiêm, và năm 1930, Người đóng vai trò quyết định trong việc hợp nhất các lực lượng khác nhau trong phong trào cộng sản Đông Dương và thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Mật vụ Pháp săn lùng Hồ Chí Minh suốt nhiều năm, cho đến năm 1931 khi Người bị Anh bắt giữ tại Hồng Công. Pháp đề nghị Anh dẫn độ Người về Đông Dương, nếu Anh đồng ý thì chắc chắn Người sẽ bị xử rất nặng. Anh đã có lúc cân nhắc đề nghị của Pháp, nhưng cuối cùng đã từ chối. Báo chí cộng sản quốc tế năm 1932 có tin là Hồ Chí Minh đã chết do bệnh lao[4], nhưng thực ra Anh đã thả Người vào tháng Giêng 1933 và để Người lên một chiếc tàu Trung Quốc đi đến Sán Đầu. Cuối cùng, Hồ Chí Minh đã đến được Mátxcơva dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản tổ chức vào mùa hè năm 1935, nhưng không phải với tư cách lãnh đạo phái đoàn Đông Dương. Chính đại hội này đã quyết định thành lập

* Theo quan điểm của tác giả *(BT)*.

những mặt trận dân tộc có sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân để ngăn chặn chủ nghĩa phátxít, một chính sách mà sau đó Đảng Cộng sản Đông Dương đã áp dụng, mặc dù đầu năm đó tại Đại hội lần thứ II của Đảng tổ chức tại Macao, Đảng Cộng sản Đông Dương đã thông qua một chiến lược mang tính cục bộ hơn[5]. Trong thời gian cầm quyền ngắn ngủi của Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp đứng đầu là đảng viên SFIO Léon Blum, từ năm 1936 đến 1937, các đảng phái dân tộc và cộng sản ở Đông Dương được hoạt động hợp pháp. Mặc dù vậy, Hồ Chí Minh không tìm cách trở về Tổ quốc trong thời gian này, ông bị kẹt ở Nga tới tháng Mười 1938, sống sót sau cuộc thanh trừng của Xtalin, rồi đến Tây An ở miền Bắc Trung Quốc[6].

Gần cuối năm 1937, một lần nữa Đảng Cộng sản Đông Dượng bị đàn áp dữ dội và nhiều đồng chí của Hồ Chí Minh như Lê Duẩn, Dương Bạch Mai, Trần Huy Liệu đã bị bắt trước khi Đảng đi vào hoạt động bí mật năm 1939. Năm 1940, một số lớn cơ sở đảng bị phá khi Pháp đàn áp một cuộc khởi nghĩa ở miền Nam, nhưng ban lãnh đạo mới của Đảng đã được thành lập ở gần Hà Nội. Lúc này, Trường Chinh, hay còn gọi là Đặng Xuân Khu, đã được thả ra khỏi nhà tù trong phong trào Mặt trận bình dân Pháp. Ông làm biên tập cho tờ báo bí mật của Đảng tại Bắc Kỳ từ năm 1940 trở đi và đã duy trì hoạt động bí mật trong suốt Chiến tranh thế giới thứ hai mà không bị Pháp bắt. Ông trở thành nhà lãnh đạo tư tưởng của Đảng Cộng sản Đông Dương trong suốt 40 năm sau đó. Năm 1941, tại cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm mục đích tổ chức lại Đảng sau khi cơ cấu lãnh đạo của Đảng ở miền Nam đã bị Pháp phá hủy, Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư, ông giữ chức vụ này cho tới năm 1956 và trở lại cương vị này trong vài tháng của năm 1986[7]. Những người khác, như Phạm Văn Đồng hay Võ Nguyên Giáp, lánh sang Trung Quốc năm 1940 và

gặp lại Hồ Chí Minh ở đây. Trong số những người trẻ tuổi, hai người này đã trở thành những người thân cận nhất của Hồ Chí Minh. Phạm Văn Đồng về sau đóng một vai trò then chốt trong chính phủ và ngoại giao, ông dẫn đầu phái đoàn Việt Nam đàm phán ở Pháp vào mùa hè năm 1946. Võ Nguyên Giáp là người sáng lập và lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và vì vậy, ông có một vai trò rất quan trọng trong hai cuộc khủng hoảng mà cuốn sách này đề cập, sau lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Võ Nguyên Giáp sinh ngày 21* tháng Tám 1911 ở Quảng Bình, miền Trung Việt Nam và khi những dòng này được viết năm 2009, ông vẫn đôi khi tiếp khách tại nhà riêng của mình ở trung tâm Hà Nội. Khi còn nhỏ, ông học ở những trường trung học tốt nhất của Pháp ở Huế và Hà Nội và ngay từ khi còn ít tuổi, ông đã tham gia hoạt động chính trị. Năm 1937, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương trong khi học luật và giảng dạy ở một trường tư thục tại Hà Nội. Sau khi Pháp đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ do Đảng Cộng sản Đông Dương ở phía Nam lãnh đạo, ông thấy không thể tiếp tục ở lại Hà Nội. Ông chia tay người vợ trẻ và đứa con chưa chào đời để sang Trung Quốc. Tại đây, ông gặp Hồ Chí Minh và từ bỏ ý định đến thăm trung tâm của Đảng Cộng sản Trung Quốc là Diên An. Ông theo Hồ Chí Minh trở về vùng biên giới miền núi phía bắc thuộc tỉnh Cao Bằng, miền Bắc Việt Nam, học tiếng dân tộc thiểu số và kết giao với nhiều tộc trưởng, trưởng bản địa phương. Tháng Mười hai 1944, ông thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Trong chính phủ

---

* Theo Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr.807, Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25 tháng Tám 1911 *(BT)*.

đầu tiên do Hồ Chí Minh thành lập sau Cách mạng Tháng Tám, Võ Nguyên Giáp giữ chức Bộ trưởng Nội vụ; đến tháng Ba 1946, ông là Chủ tịch Ủy ban toàn quốc kháng chiến. Tháng Tư và tháng Năm 1946, ông dẫn đầu phái đoàn Việt Nam thương thuyết bất thành với đại diện của Pháp tại Đà Lạt. Từ tháng Mười một, ông là Bộ trưởng Quốc phòng.

Trong hầu hết thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai, Đông Dương thuộc Pháp tiếp tục được coi là một thuộc địa của Pháp dưới sự cai trị của Đô đốc Jean Decoux, ông này trung thành với chính phủ của Thống chế Pétain ở Vichy, chấp nhận cho Nhật đóng quân ở Đông Dương. Decoux tiếp tục nắm quyền kiểm soát công việc nội bộ của Đông Dương, thậm chí có đủ khả năng đàn áp các hoạt động của các đảng dân tộc thân Nhật. Jean Decoux đi theo chính sách phi hiện đại hóa, tìm cách khôi phục và duy trì các vương triều phong kiến tại Lào, Campuchia và An Nam dưới sự bảo hộ của Pháp, nhấn mạnh các giá trị truyền thống và toan tính thiết lập hệ tư tưởng kết hợp giữa đạo Khổng và chủ nghĩa Pétain[8]. Đông Dương thuộc Pháp hợp tác với Nhật là lý do duy nhất khiến Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt cho phép mình tiến hành một chính sách đi ngược lại chính sách của Pháp ở Viễn Đông và kêu gọi thành lập một cơ chế ủy trị quốc tế để thay thế sự cai trị của Pháp[9]. Ngày 9 tháng Ba 1945, Mỹ mất một số lý lẽ biện minh cho chính sách bài Pháp của mình khi Nhật bất ngờ tấn công quân đội thực dân Pháp và lật đổ chính quyền Decoux. Từ trước đó khá lâu, Pétain đã buộc phải rời khỏi Pháp, do vậy, việc chính quyền Decoux vẫn còn yên vị có thể coi là bất bình thường. Chính phủ mới của Pháp là chính phủ của Tướng de Gaulle đã bí mật liên hệ với những thành viên có ảnh hưởng trong chính quyền Decoux, tuy nhiên, việc này không hoàn toàn được giữ kín. Nhật lo ngại Mỹ chiếm Đông Dương và sợ Pháp sẽ

tiếp tay cho Mỹ, chính vì vậy, Nhật đã tiến hành đảo chính Pháp ngày 9 tháng Ba. Đa số lực lượng của Pháp nhanh chóng bại trận và bị đưa vào trại tập trung, nhưng một số lính Pháp đã chạy thoát sang Trung Quốc. Nhật lập ra một chính phủ bù nhìn tại Huế do hoàng đế Bảo Đại đứng đầu. De Gaulle lợi dụng cuộc đảo chính của Nhật để thúc đẩy Mỹ thay đổi chính sách đối với Đông Dương. Nhưng khi Roosevelt qua đời, chỉ vài ngày sau, Ngoại trưởng Mỹ là Edward Stettinius hứa với người đồng nhiệm phía Pháp rằng Mỹ sẽ tôn trọng chủ quyền của Pháp ở các thuộc địa Đông Nam Á. Mặc dù vậy, tại Hội nghị Potsdam tháng Bảy năm đó, Truman vẫn không hỏi ý kiến de Gaulle khi ông ta đồng ý chia Đông Dương làm hai phần cho Trung Quốc và Anh mà không hề giao cho Pháp vai trò quân sự nào[10].

Trong lúc này, vụ đảo chính của Nhật đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho công cuộc kháng chiến của Hồ Chí Minh và Việt Minh. Việt Minh lập ra "vùng giải phóng" ở miền Bắc Việt Nam và mở rộng mạng lưới ra hầu khắp Đông Dương, đồng thời tiếp tục hỗ trợ các tổ chức tình báo Trung Quốc và Mỹ, giúp đỡ các phi công Mỹ nhảy dù. Thậm chí, Hồ Chí Minh còn tiếp một phái đoàn Phòng Tình báo Mỹ tại căn cứ ở miền Bắc Việt Nam[11].

Bước vào thời kỳ cuối của chiến tranh, Nhật không còn quan tâm nhiều đến việc đánh Việt Minh và tự bằng lòng với việc giữ các thành phố lớn và đường dây liên lạc. Nhật cho phép chính quyền Bảo Đại bổ nhiệm một số người Việt theo đường lối cải cách vào những vị trí quan trọng trong chính quyền, Việt Minh tận dụng cơ hội này để đưa người thâm nhập vào chính quyền công khai. Từ tháng Tám 1944, ban lãnh đạo Việt Minh đã lập kế hoạch giành chính quyền ở Đông Dương khi chiến tranh ở châu Á - Thái Bình Dương kết thúc. "Chúng ta thậm chí không cần phải giành chính quyền bằng vũ lực, bởi vì sẽ không còn chính quyền nào nữa" -

một tài liệu đề ngày 6 tháng Tám 1944 nhận định[12]. Tin tức về các vụ nổ bom nguyên tử tại Hiroshima, Nagasaki và việc Liên Xô tấn công Mãn Châu giữa tháng Tám 1945 là tín hiệu tiến hành "Cách mạng Tháng Tám". Các nhà hoạt động cách mạng nhanh chóng giành được chính quyền, đầu tiên ở Hà Nội và sau đó là Huế và Sài Gòn. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tướng Giáp tiến về Hà Nội, rồi khi Bảo Đại thoái vị tại Huế, ngày 2 tháng Chín, đã đến thời điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng của mình, khẳng định nền độc lập của Việt Nam với một sĩ quan Mỹ đứng ngay hàng đầu bên dưới khán đài và máy bay Mỹ bay trên bầu trời. Nhật không muốn đổ máu thêm chút nào để ngăn cản Cách mạng Tháng Tám. Họ đã thua trận và phần lớn trong số họ ở yên trong trại lính, tuy nhiên, vài nghìn người đào ngũ rồi gia nhập quân đội Việt Nam với tư cách huấn luyện viên, cố vấn quân sự, thậm chí trực tiếp tham chiến. Không bao lâu sau, Anh ra lệnh cho quân Nhật trong các trại lính tham gia đàn áp cuộc cách mạng ở miền Nam và họ đã thực hiện nhiệm vụ này đến nơi đến chốn. Như vậy là người Nhật đã chiến đấu và hy sinh cho cả hai phía[13].

Khoảng trống quyền lực quân sự xuất hiện sau khi Nhật đầu hàng và kéo dài ba tuần cho tới khi lực lượng chiếm đóng của Anh và Trung Quốc tràn vào, là điều kiện thuận lợi để tiến hành cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh không thể biết trước được việc Nhật đầu hàng. Trước đó, Hồ Chí Minh và ông Giáp đã chuẩn bị lực lượng để tiến hành tổng khởi nghĩa nhằm hỗ trợ cho quân Đồng minh tiến vào. Không chuẩn bị tinh thần để thành lập một chính quyền thay thế cho Nhật khi Nhật đầu hàng, nhưng vì nắm giữ cương vị lãnh đạo của Việt Minh và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nên đương nhiên Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tướng Giáp đã trở thành những người đứng đầu của nền cộng hòa mới.

Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Trường Chinh giữ vai trò hậu trường hơn.

Sau khi Bảo Đại thoái vị, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có được tính hợp pháp cao trên toàn quốc, buộc các nhóm dân tộc trước đó vẫn còn nghi ngờ Hồ Chí Minh phải tìm chỗ đứng cho mình trong nền cộng hòa mới này. Việc các lực lượng Đông Dương thống nhất theo một hướng là điều thuận lợi cho ý đồ của Việt Minh. Đa số nhân dân đều sẵn sàng đoàn kết đấu tranh vì độc lập. Mặc dù vậy, sự thống nhất của các lực lượng bên ngoài Đông Dương lại không theo hướng thuận lợi tương tự. Thậm chí, không có nước nào tính đến chuyện công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhiều nước rất lâu sau mới biết đến sự tồn tại của nhà nước này[14]. Thế giới lúc này ít nhiều coi như Pháp hiển nhiên có chủ quyền đối với Đông Dương, vả lại cuộc cách mạng của Việt Nam hầu như không được báo chí cộng sản quốc tế chú ý. Chính phủ de Gaulle bày tỏ ý định rõ ràng về việc sẽ gửi lực lượng viễn chinh Pháp đến để lập lại sự cai trị của Pháp đối với Đông Dương. Ngay sau khi Nhật đầu hàng, de Gaulle tuyên bố bổ nhiệm Đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu là Cao ủy, còn Leclerc là Chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã rất sáng suốt nhận định như người phát ngôn của Đảng trong bài diễn văn tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội sáng mùng 2 tháng Chín: "Việc giành chính quyền càng dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu"[15].

Điểm thuận lợi là khi Cách mạng Tháng Tám nổ ra, đạo quân viễn chinh Pháp không ở gần Đông Dương, vì vậy, Anh và Tưởng là những lực lượng có mặt đầu tiên để tiếp quản Nhật đầu hàng, mặc dù cũng có một vài người Pháp xuất hiện với tư cách đại diện cho nhà nước chủ quyền và bắt liên lạc với sĩ quan và lính Pháp trong các nhà tù và trại tập trung của Nhật, cũng như liên lạc với

hàng nghìn người Pháp đang sống vất vưởng từ sau ngày 9 tháng Ba. Năm 1943, khi lực lượng Anh ở Đông Nam Á dưới sự chỉ huy của Huân tước Mountbatten được thành lập, các bên chưa có thỏa thuận gì về trách nhiệm của lực lượng này trong việc tiến hành các chiến dịch của quân Đồng minh ở Đông Dương. Anh muốn Mountbatten chịu trách nhiệm về Đông Dương giống như Thái Lan và Miến Điện. Trong khi đó, kế hoạch ủy trị của Roosevelt tác động khiến Mỹ ủng hộ việc đưa Đông Dương vào vùng ảnh hưởng của Tưởng Giới Thạch. Có những lúc Đông Dương đã trở thành lý do bất hòa giữa các đồng minh, do vậy, thỏa thuận của Bộ Tham mưu hỗn hợp Anh - Mỹ tại Potsdam tháng Bảy 1945 về việc chia Đông Dương thành hai phần cho Anh và Tưởng là kết quả của một cuộc tranh cãi kéo dài. Thỏa hiệp chia đôi Đông Dương sẽ tác động sâu sắc và lâu dài tới lịch sử Việt Nam[16].

Chừng 20 ngày sau khi Nhật đầu hàng và một tuần sau Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân Anh tới Sài Gòn bằng đường thủy, đồng thời một đội quân Tưởng đồ sộ tràn qua biên giới phía Bắc. Anh muốn chuyển giao quyền lực cho Pháp càng sớm càng tốt, nhưng một số chỉ huy phía Tưởng âm mưu ngăn cản Pháp tái chiếm Bắc Kỳ nhằm mục đích lập một chế độ thân Tưởng ở Việt Nam. Ngày 23 tháng Chín, lính Pháp thoát khỏi trại tập trung của Nhật được quân Anh cung cấp vũ khí đã gây binh biến tại Sài Gòn và chiếm được tất cả các tòa nhà công sở lớn. Một làn sóng giết chóc tiếp liền sau đó, trong đó có vụ thảm sát thường dân Pháp tại khu Cité Héraud. Ngày 5 tháng Mười, Tướng Leclerc đến Sài Gòn. Quân Anh, Pháp và Nhật Bản hợp sức với nhau để "làm dịu" tình hình, trong đó quân Nhật được sử dụng vào những hành động tàn bạo nhất. Cho tới tháng Hai 1946, với sự giúp đỡ của quân Anh, Pháp đã giành được quyền kiểm soát tất cả các thành thị lớn và đường giao thông chính, cũng như phần lớn

các làng mạc ở nam vĩ tuyến 16[17]. Nếu như tại Potsdam, Mỹ nhượng bộ Anh mà giao toàn bộ Đông Dương cho Mountbatten thì rất có thể Pháp đã tiêu diệt chính phủ cách mạng của Hồ Chí Minh ngay trong mùa thu năm 1945 và châm ngòi cho chiến tranh trên khắp Đông Dương[18]. Thế nhưng sự có mặt của đội quân Tưởng đông đúc đã cho phép Việt Minh thiết lập vị trí then chốt trong chính phủ cộng hòa mới, một chính phủ có quyền chính đáng đại diện cho cả nửa phía nam của đất nước nữa.

Việt Minh là gì? Đó là một tổ chức mặt trận dân tộc với nhiều thành viên không phải là cộng sản, nhưng nằm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thể hiện rõ nhất là ở cơ cấu lãnh đạo cấp cao. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào cộng sản Việt Nam đã bị chia rẽ sâu sắc giữa hai phe, một bên là phe quốc tế cộng sản cho rằng phong trào cộng sản Việt Nam là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp, và bên kia là phe dân tộc theo đường lối của Lênin về quyền dân tộc tự quyết và noi gương Liên Xô trong cuộc đấu tranh chống đế quốc. Hồ Chí Minh thuộc phe thứ hai. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các đảng cộng sản ít nhiều nghiêng về chủ nghĩa ái quốc và tuyên truyền kháng chiến chống phátxít, đế quốc và chế độ quân phiệt, nhờ vậy mà phe dân tộc dần dần thắng thế. Trong mười năm đầu sau khi Đông Dương Cộng sản Đảng thành lập, các vị lãnh đạo của Đảng phần thì bị bắt, phần thì ở lân cận Sài Gòn và chịu nhiều tổn thất khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị Pháp dập tắt năm 1940. Sau đó, một ban lãnh đạo mới đã được thành lập ở miền Bắc với nòng cốt là Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt. Họ thường xuyên liên lạc với phong trào do Hồ Chí Minh gây dựng ở vùng biên giới Trung Quốc, ngay từ đầu phong trào này đã do các lãnh đạo của Đảng chỉ huy. Sau khi Nhật Bản đảo chính Pháp ngày 9 tháng Ba, Việt Minh đã nhanh chóng lập cơ sở ở các tỉnh, huyện trên khắp miền Bắc Việt Nam,

cũng như lập cơ sở trong nhóm người Việt ở Lào, nhưng miền Nam Việt Nam lại đi theo một con đường khác. Cộng sản miền Nam có tổ chức mặt trận riêng của họ là Thanh niên tiền phong, tổ chức này được Nhật làm ngơ cho hoạt động và không có liên hệ gì với Hồ Chí Minh. Lãnh đạo của Thanh niên tiền phong là một bác sĩ hội viên Hội tam điểm tên là Phạm Ngọc Thạch. Ông công khai hợp tác với nhà cầm quyền Nhật, đồng thời giữ liên hệ thường xuyên với các lãnh đạo đảng cộng sản hoạt động bí mật[19]. Như vậy, Đảng Cộng sản Đông Dương ở miền Nam hoạt động công khai hơn ở miền Bắc và bị chia rẽ thành hai nhánh có quan hệ chặt chẽ với nhau. Cách mạng Tháng Tám nổ ra, Việt Minh ở miền Bắc có ưu thế hơn, Thanh niên tiền phong giải tán và hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương ở miền Nam cũng rút vào bí mật nhiều hơn.

Ngày 11 tháng Mười một 1945, như đảng viên kỳ cựu Hoàng Tùng cho biết, theo quyết định của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương đi một nước cờ khiến về sau Đảng phải chịu sự chỉ trích nghiêm trọng từ phong trào cộng sản quốc tế: *tự giải tán*. Ông Hoàng Tùng nhớ lại rằng Hồ Chí Minh đã phải rất cố gắng mới thuyết phục được Tổng Bí thư Trường Chinh đồng ý với một nước cờ dị thường như vậy[20]. Về sau này, Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng như Đảng Cộng sản Pháp đều nói rằng việc giải tán Đảng chỉ là để ngụy trang. Đảng chỉ chuyển sang hoạt động bí mật và tiếp tục hoạt động với tư cách Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác, hay như ông Trường Chinh gọi là "Đoàn thể". Ông và một số lãnh đạo Đảng như Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng và Hoàng Văn Hoan âm thầm hoạt động trong bóng tối, trong khi các thành viên lãnh đạo cấp cao khác của Đảng như Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Hoàng Hữu Nam thì giữ những vị trí công khai trong chính quyền. Một thời gian, Nguyễn Lương Bằng còn giữ vai trò trên danh nghĩa là Chủ tịch Mặt trận Việt Minh... Tài liệu của

tình báo Pháp trong giai đoạn này có những tài liệu lấy được của "Việt Minh và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng rất ít tài liệu xuất phát từ "Đảng Cộng sản" hay "Đoàn thể". Đảng không còn phát hành một tờ báo nào sau khi đóng cửa tờ *Cờ Giải Phóng* do ông Trường Chinh làm tổng biên tập. Báo đảng chỉ có một tờ nguyệt san tạp chí mang tính chất lý luận là tạp chí *Sự Thật*, mà tạp chí này thì nặng về lý luận tới mức ảnh hưởng của nó trên thực tế khá hạn chế. Nếu Đảng Cộng sản Đông Dương hoạt động dưới vỏ ngụy trang thì lớp áo ngụy trang đó chắc chắn đã tác động tiêu cực tới hoạt động và sự phát triển của Đảng, thậm chí có lẽ làm giảm khá nhiều ảnh hưởng của Đảng đối với những quyết định quan trọng[21].

Những lý do công khai của việc giải tán đảng là: thời cơ có một không hai để giành độc lập dân tộc; sự cần thiết phải đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt tầng lớp, đảng phái; quyết tâm chứng minh rằng người cộng sản sẵn sàng chịu những hy sinh lớn lao và đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích giai cấp và đảng phái; mong muốn xóa bỏ những hiểu nhầm cả ở trong và ngoài nước[22]. Mặc dù vậy, lý do thực sự là để xoa dịu quân Tưởng, một lực lượng mà ai cũng biết là thù nghịch với cộng sản và đang chiếm đóng Việt Nam. Điều này không dễ dàng gì, nhưng cuối cùng việc giải tán đảng đã có kết quả. Mặc dù Tưởng Giới Thạch chính thức có chiến tranh với phe cộng sản Trung Quốc, nhưng lực lượng của Tưởng ở Bắc Đông Dương chung sống hòa bình với chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà nòng cốt là cộng sản, và còn khuyến khích sự hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các đảng chống cộng như Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội.

Từ năm 1941 đến tháng Ba 1946, Việt Minh đã vượt qua một số chặng đường. Chặng đường đầu tiên là giai đoạn hoạt động bí

mật từ năm 1941 đến tháng Ba 1945, sau đó đến chặng thứ hai từ tháng Ba đến tháng Tám 1945, khi chế độ thực dân Pháp sụp đổ tạo ra thời cơ có một không hai để tuyên truyền và gây dựng cơ sở Việt Minh ở khắp khu vực Bắc Đông Dương. Chặng đường thứ ba từ tháng Tám 1945 đến tháng Ba 1946 khi Việt Minh và các thiết chế của chính quyền mới đan xen với nhau. Giai đoạn mà cuốn sách này nghiên cứu, từ tháng Ba đến tháng Mười hai 1946 tương ứng với chặng đường thứ tư, trong thời gian này đã có những cố gắng nhằm phân biệt giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với tư cách một nhà nước và Việt Minh với tư cách một tổ chức mặt trận chính trị[23]. Một lý do cần phải tách biệt đảng và mặt trận là những lực lượng mà trong Chiến tranh thế giới thứ hai là kẻ thù của lực lượng của Hồ Chí Minh ở phía nam Trung Quốc, như Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, đã nắm được một phần quyền lực chính trị, kiểm soát một số bộ trong chính phủ và tổ chức quân đội riêng chiếm đóng, kiểm soát một số vùng. Phần lớn bọn họ từ chối lời mời gia nhập Mặt trận Việt Minh và bị các nhà lãnh đạo cộng sản coi là những kẻ phản bội. Một mặt trận rộng lớn hơn là Mặt trận Liên Việt được thành lập để lôi kéo họ và tạo sự đồng thuận rộng rãi hơn trên toàn quốc, nhưng Liên Việt chỉ đạt được những thành công hạn chế và phong trào giải phóng dân tộc do cộng sản lãnh đạo tiếp tục được trong nước và thế giới biết đến với cái tên Việt Minh. Ngoài Đảng Cộng sản, Việt Minh còn có một Đảng Xã hội quy mô nhỏ và một Đảng Dân chủ có ảnh hưởng lớn hơn, cả hai đảng này đều tiếp tục tồn tại như "những người bạn đồng hành" với Đảng Cộng sản cho đến tận năm 1990 mới giải tán.

Trong chặng đường đầu tiên, Việt Minh được tổ chức theo hai trật tự song song, một trật tự theo chiều dọc với các lãnh đạo được bầu và một trật tự theo chiều ngang với lãnh đạo đảng được trên

bổ nhiệm xuống. Theo chiều dọc, Việt Minh bao gồm nhiều loại hình tổ chức khác nhau: các đảng phái, tổ chức thanh niên, tổ chức phụ nữ, tổ chức tôn giáo, quân đội, v.v.. Theo chiều ngang, Việt Minh chia thành các ủy ban Việt Minh, mỗi ủy ban chịu trách nhiệm về một khu vực địa lý. Cấp trên kiểm soát cấp dưới về mặt chính trị rất chặt chẽ, nhưng đối với những vấn đề thực tiễn đời sống, mỗi ủy ban Việt Minh có quyền hành động tương đối tự do.

Ở mỗi vùng, các hệ thống tổ chức theo chiều ngang và theo chiều dọc hợp lại ở cấp cao nhất tại ủy ban Việt Minh. Chủ tịch ủy ban được cấp trên bổ nhiệm, nhưng một số thành viên nhất định được bầu để đại diện cho các tổ chức theo chiều dọc. Ở cấp quốc gia, Trung ương Đảng bao gồm đại diện của tất cả các tổ chức theo chiều dọc, đại diện của ba miền Việt Nam và lãnh đạo của một số tổ chức đặc biệt như quân đội, ban tuyên huấn, ban hành chính. Cho tới Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh là Chủ tịch Ủy ban Trung ương, nhưng khi Người trở thành Chủ tịch nước, ông Nguyễn Lương Bằng thay Hồ Chí Minh đảm nhiệm chức vụ này. Ban Chấp hành Trung ương hội bầu một Tổng bộ hay Bộ Chính trị, có trách nhiệm chỉ huy Việt Minh trong công việc thường nhật. Trong cuốn *Histoire du Viet-Nam de 1940 à 1952* (Lịch sử Việt Nam từ năm 1940 đến 1952) xuất bản năm 1952 của Philippe Devillers, một cuốn sách có ảnh hưởng lớn trong giới chuyên môn và có độ tin cậy cao, Philippe Devillers liệt kê tám người sau đây có thể là thành viên Tổng bộ vào thời điểm năm 1946: Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Trần Huy Liệu, Hoàng Quốc Việt, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Lương Bằng[24].

Sang giai đoạn 2, tức là từ sau Cách mạng Tháng Tám, hệ thống chiều dọc của Việt Minh chuyển thành các cơ quan thay thế hệ thống hành chính bản địa tại An Nam và Bắc Kỳ vốn là các lãnh thổ bị

đặt dưới chế độ bảo hộ. Thực ra cộng sản đã cài nhiều người vào hệ thống này từ trước. Lúc này họ nắm quyền kiểm soát bộ máy nhà nước, bổ nhiệm người mới vào các vị trí và thành lập các hội đồng nhân dân. Chính vì vậy, người ta nói rằng giai đoạn này tổ chức Việt Minh đan xen với nhà nước. Ngày 6 tháng Giêng 1946, lần đầu tiên Việt Nam tổ chức bầu cử trên toàn quốc, nhưng hầu như khắp nơi ứng cử viên đều là Việt Minh. Cử tri bỏ phiếu kín để lựa chọn một số người, những người nhận được nhiều phiếu nhất trúng cử. Trước khi bầu cử diễn ra, các tướng lĩnh Trung Quốc đã ép Việt Minh thỏa thuận cho hai đảng dân tộc thân Tưởng là Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội đưa 70 đại biểu của họ vào thẳng Quốc hội không qua bầu cử. Giống như một kỳ thủ nhường đối phương kém hơn đi trước một nước để cho ván cờ ngang tài ngang sức, Việt Minh vẫn ở thế áp đảo...

Khi tìm hiểu quá trình ra quyết định ở cấp lãnh đạo cao nhất diễn ra như thế nào, giữa Đông Dương Cộng sản Đảng, hay còn gọi là "Đoàn thể", Tổng bộ Việt Minh và Hội đồng Chính phủ (Nội các) có sự phân vai như thế nào, ta sẽ thấy hết sức thú vị và hữu ích[25]. Tất nhiên cơ quan tình báo Pháp cũng quan tâm đến vấn đề này. Tình báo Pháp cho rằng Tổng bộ họp mỗi tuần một lần, ngoài ra hằng tuần Tổng bộ Việt Minh còn họp một lần nữa với các quan chức chủ chốt tại tất cả các bộ quan trọng. Theo tình báo Pháp, tại cuộc họp này, các quyết định của Tổng bộ được "thông báo để các bộ thực hiện", mặc dù những người dự họp có thể thảo luận về các quyết định này. Nếu điều này là đúng thì Tổng bộ có quyền lực lớn hơn Hội đồng Chính phủ. Mặc dù vậy, có thể là Pháp nhầm lẫn Tổng bộ với Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản. Các báo cáo tình báo của Pháp nói rất ít về Đảng Cộng sản Đông Dương và không báo cáo nào nhắc đến Trung ương Đảng. Trong khi đó, sau này các nhà sử học Việt Nam nói rằng tất cả các vấn đề mang tính

chiến lược đều do Đảng quyết định. Cũng có thể là người ta đã giải thích sai lịch sử hoặc thêm thắt các cuộc họp của Đảng, nhưng khả năng lớn hơn là tình báo Pháp đã bị lừa. Khó có thể biết chắc làm cách nào mà Đảng bảo đảm được các chức năng cơ bản sau khi đã chính thức giải tán, nhưng có một tài liệu đặc biệt mà trong chương sau tôi sẽ còn đề cập có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì nó hé lộ một vài điều về Đảng. Đó là một nghị quyết về vấn đề tổ chức do Trường Chinh chuẩn bị và được chính thức ban hành vào ngày 22 tháng Mười hai 1946, ba ngày sau khi chiến tranh bùng nổ tại Hà Nội. Trang đầu của nghị quyết này chỉ có tên của tài liệu, không có tên của tổ chức nào. Nhưng trang thứ hai bắt đầu bằng hô ngữ "các đồng chí C.S"., "C.S". có nghĩa là "Cộng sản", và có lời nói đầu ký tên "T.V.T.U.D.C.S.D.D" mà bất kỳ đảng viên cộng sản Việt Nam nào cũng nhận ra là viết tắt của "Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương"[26]. Điều này chứng tỏ rằng Ban Thường vụ của ông Trường Chinh thực sự tồn tại.

Tình báo Pháp hết sức chú ý tới mối quan hệ giữa những người "trung hòa" và những người "cực đoan" trong hàng ngũ lãnh đạo Đảng. Nguồn cung cấp tin cho Pháp nói rằng có hai phe phái cạnh tranh quyền lực với nhau trong Đảng, Pháp âm mưu lợi dụng điều này để gây chia rẽ trong nội bộ Đảng. Pháp cho rằng Hồ Chí Minh là một người trung hòa. Tin tình báo cho biết Hồ Chí Minh thân cận với hai người trung hòa khác là đảng viên cộng sản Hoàng Hữu Nam và đảng viên xã hội Hoàng Minh Giám. Về Võ Nguyên Giáp thì các nguồn tin tình báo không thống nhất... Pháp không phải là thiếu khôn ngoan khi âm mưu khai thác mâu thuẫn nội bộ của lãnh đạo Việt Minh, nhưng ý đồ chia rẽ của Pháp luôn luôn thất bại. Đó là vì những người cộng sản Việt Nam có sự gắn kết chặt chẽ và tính kỷ luật nghiêm khắc, hơn nữa còn được củng cố bởi lòng trung thành với Hồ Chí Minh.

Tính đến tháng Hai 1946, Hồ Chí Minh đã làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được năm tháng. Đó là năm tháng cực kỳ gian nan, vất vả. Người liên tục phải đàm phán với các đảng dân tộc chủ nghĩa đối lập, các cố vấn và tướng lĩnh Tưởng, các sĩ quan Nhật còn ở lại, và đại diện của Pháp đến bằng máy bay hoặc nhảy dù. Khả năng thu phục lòng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kể cả đối với đối thủ của mình, đóng một vai trò lớn trong xử lý quan hệ với Tưởng và Pháp. Tướng Leclerc, Cao ủy Jean Sainteny, Bộ trưởng Marius Moutet và Thủ tướng Georges Bidault, chưa kể chính Thống chế d'Argenlieu, đều được Hồ Chí Minh gọi trong thư gửi họ là "bạn thân mến", và chắc chắn là Người cũng tìm được những từ ngữ thích hợp để lấy lòng các tướng lĩnh của Tưởng. Hầu như tất cả những người đã từng gặp mặt người cộng sản kỳ cựu với bộ râu dài bạc trắng ấy đều có ấn tượng sâu sắc về ông. Năm 1947, một sĩ quan Pháp đã viết: "Không còn nghi ngờ gì nữa, Hồ Chí Minh là một nhân cách vĩ đại với một trình độ văn hóa sâu rộng có được nhờ cần mẫn, quyết tâm tự học và trí thông minh xuất chúng, một lòng trung thành với lý tưởng của mình, tuyệt đối không thể mua chuộc, và một lòng yêu nước thiết tha". "Sự cương quyết, gắng sức, sự khôn khéo và bề dày kinh nghiệm làm việc theo phương pháp luận bônsêvích biến ông thành một lãnh đạo cách mạng nguy hiểm. Ông sẽ không chùn bước trước bất kỳ khó khăn, trở ngại nào để đạt được mục đích của mình là nền độc lập hoàn toàn của Việt Nam"[27].

Tương tự như vậy, Jean Sainteny viết trong cuốn hồi ký của mình cũng nhắc đến những đặc điểm của Hồ Chí Minh: "Vốn văn hóa sâu rộng, trí thông minh xuất chúng, xông xáo, táo bạo vô cùng, cần kiệm, giản dị tới mức khắc khổ và tuyệt đối không thể bị mua chuộc". Giáo sư Paul Mus, một trong những chuyên gia Pháp về Việt Nam có rất nhiều thông tin, người đã đóng một vai trò

không nhỏ trong "chiến tranh tâm lý" của Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ hai[28] vào năm 1947 đã nói với một người quen của ông ta rằng Hồ Chí Minh là "một nghệ sĩ tài năng", và như mọi tài năng khác, ông chỉ có thể diễn xuất trên nền tảng là sự chân thành của mình. Bản thân Võ Nguyên Giáp đã xác nhận khả năng thuyết phục xuất sắc của người thầy của ông...: "Bác Hồ có tài đọc ý nghĩ và cảm giác của kẻ thù. Bác tài tình, tỉ mỉ vạch phương án đối xử với từng nhóm, từng người... Thậm chí, trong số kẻ thù của Bác có những tên khét tiếng chống cộng sản cũng kính trọng Bác. Dường như họ hiền lành hơn khi đứng trước Người"[29]. Ông Giáp khiến người ta kính sợ và nể phục, còn Hồ Chí Minh khiến người ta tôn thờ.

Giữa thế kỷ XX, khi làn sóng cách mạng vô sản đang dâng cao trên toàn thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh được coi là một trong những nhà lãnh đạo cộng sản xuất sắc nhất như Lênin, Xtalin, Mao Trạch Đông, Kim Il Sung và Caxtrô. Cho đến năm 2009, có lẽ ông là người duy nhất đã bước qua thử thách của lịch sử mà lòng kính trọng người ta dành cho ông vẫn nguyên vẹn. Ngay như tôi là một nhà sử học kém cỏi say mê tiêu thời gian bằng cách lật giở từng trang tài liệu bụi bặm cũng không thoát khỏi sức hấp dẫn lớn lao của Hồ Chí Minh. Thư từ, điện tín của Người luôn luôn khác thường. Do vậy, nếu kể đến những người ngưỡng mộ Hồ Chí Minh thì tôi xin tình nguyện xếp mình vào đó.

NƯỚC PHÁP MỚI

Nước Pháp mới không có sự lãnh đạo nhất quán như Việt Minh. Cho tới ngày 20 tháng Giêng 1946, nước Pháp nằm dưới sự lãnh đạo của một nhân vật nổi tiếng là Tướng de Gaulle, một người sống gần như tuyệt đối cùng thời với Hồ Chí Minh: cả hai đều sinh năm 1890, Hồ Chí Minh mất năm 1969, còn de Gaulle mất năm 1970. De Gaulle

giữ một vai trò quan trọng trong việc thiết kế cơ chế ra quyết định tại Đông Dương, cơ chế này tồn tại trong suốt năm 1946. Ngày 20 tháng Giêng 1946, ông từ chức Thủ tướng (Chủ tịch Hội đồng Chính phủ) và rút về quê ông ở Colombey-les-Deux-Eglises. Từ lúc đó, nước Pháp bước vào thời kỳ lập hiến đầy khó khăn, với bốn chính phủ liên minh nối tiếp nhau lên cầm quyền trong vòng chưa đầy một năm. Mặc dù vậy, có hai người cần đặc biệt chú ý vì họ đóng một vai trò rất quan trọng trong việc tìm cách đặt nền móng tái sinh một khối Liên hiệp Pháp và cải cách Đông Dương: đảng viên SFIO Marius Moutet (1876-1968) và đảng viên Đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo Georges Bidault (1899-1983).

Ngày 18 tháng Ba 1947, trong một bài diễn văn trước Quốc hội Pháp, Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Marius Moutet điểm lại những năm vừa qua và thú nhận là ông đã bị thuyết phục rằng Hồ Chí Minh chân thành mong muốn hợp tác với Pháp. Moutet phát biểu: "Tôi đã quen với kiểu người như ông ấy. Tôi đủ nhiều tuổi để hiểu họ". Ông đủ kinh nghiệm để biết rằng không nên coi lời nói của người "Viễn Đông" như kinh thánh. Mặc dù vậy, ông ta vẫn chắc chắn rằng Hồ Chí Minh có ấn tượng tốt với nước Pháp vì Pháp đã đối xử với ông trọng thị "như với một nguyên thủ quốc gia thực sự"[30].

Marius Moutet hơn Hồ Chí Minh 14 tuổi. Ông ta được bầu vào Quốc hội Pháp lần đầu tiên vào năm 1914, với sự ủng hộ mạnh mẽ của nhà lãnh đạo tiên phong trong SFIO là Jean Jaurès. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ông chuyên phụ trách các vấn đề thuộc địa và nêu cao chủ trương đối xử bao dung, đồng hóa các thuộc địa, từ bỏ chính sách đàn áp dã man tại các thuộc địa và tôn trọng các quyền tự do dân chủ. Ngày 4 tháng Sáu 1936, khi SFIO của Léon Blum thành lập Chính phủ Mặt trận bình dân, Marius Moutet được Léon Blum chọn làm Bộ trưởng Thuộc địa, Moutet giữ chức vụ này

cho tới ngày 10 tháng Tư 1938. Theo đề xuất của Moutet, Pháp cấm sử dụng lao động cưỡng bức ở tất cả các thuộc địa và tiến hành một số cải cách pháp lý theo hướng bảo vệ các quyền xã hội và dân chủ. Moutet là Bộ trưởng Thuộc địa đầu tiên bổ nhiệm một người da đen tên là Félix Eboué vào một vị trí quan trọng trong chính quyền thuộc địa - thống đốc thứ nhất của Guadeloupe, rồi sau đó trở thành thống đốc của Khối châu Phi Xích đạo thuộc Pháp. Năm 1940, sau khi Pháp thua trận Hitler, Moutet là một trong 90 thành viên Quốc hội Pháp bỏ phiếu chống dự luật giao toàn quyền cho Thống chế Pétain. Sau đó, ông chuyển sang hoạt động bí mật. Sau ngày giải phóng Pháp, Moutet được bầu vào Hội đồng lập hiến và nhậm chức Bộ trưởng Hải ngoại Pháp từ ngày 22 tháng Giêng 1946, sau khi de Gaulle từ chức. Moutet tích cực phản đối ý đồ của de Gaulle thành lập một "nền cộng hòa tổng thống", trao quyền lực lớn cho ngành hành pháp. Cũng như nhiều cựu thần của Đệ tam Cộng hòa Pháp, Moutet mong muốn có một hiến pháp trao quyền lực lớn hơn cho Quốc hội để Quốc hội kiểm soát ngành hành pháp.

Trong suốt Chiến tranh thế giới thứ hai, chính sách thuộc địa của de Gaulle và Vichy thực ra không có nhiều khác biệt. Trong khi Vichy tìm cách củng cố sự cai trị trên các lãnh thổ hải ngoại để bù đắp sự kém cỏi quyền lực ở châu Âu, thì de Gaulle muốn sử dụng các thuộc địa như một món của cải để đóng góp cho phe Đồng minh. Như vậy là họ đều có lợi ích chung trong việc duy trì thế đứng vững chắc nhất có thể của Pháp ở các thuộc địa. Thế nhưng cũng chính tại đây, những người theo phe Pétain và những người theo de Gaulle lại đấu đá nhau ác liệt, khiến Toàn quyền Jean Decoux phải gắng sức đẩy những người gôlít (theo phe de Gaulle) ra khỏi bộ máy chính quyền Đông Dương. Trong khi Pétain và Decoux công khai thể hiện chính sách độc tài thì de Gaulle sát cánh với đại diện cánh tả và cánh trung, đảng cộng sản, đảng xã hội,

đảng cấp tiến và dân chủ Công giáo. Sau khi chiến tranh kết thúc, Đô đốc Decoux đã có cuộc đụng độ ngắn với de Gaulle trong lần được de Gaulle tiếp tại Paris. Theo Decoux, Tướng de Gaulle cư xử "còn hơn cả lạnh lùng; phải nói là băng giá, đúng kiểu của "người kháng chiến số 1 của nước Pháp" tiếp một toàn quyền bình thường từng làm việc cho chế độ Vichy xấu xa"[31]. Lúc này, Moutet chưa chiếm được nhiều ảnh hưởng đối với chính sách thuộc địa của Pháp, nhưng các nhà tư tưởng tiến bộ trong Bộ Thuộc địa, dẫn đầu là một người có tư tưởng tự do, theo phe de Gaulle là Henri Laurentie, đang xây dựng phương án cải cách sâu rộng chế độ thuộc địa, biến "Đế quốc" thành "Liên hiệp", "các lãnh thổ được bảo hộ" thành "nước liên hiệp" và "thuộc địa" thành "lãnh thổ tự trị" hoặc "lãnh thổ tự quản"[32].

Sự hợp tác của Decoux với Nhật Bản khiến de Gaulle gặp khó khăn trong việc thuyết phục Mỹ công nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương, trong khi de Gaulle không có cách nào gửi quân đến Đông Dương nếu không được quân Đồng minh cho mượn tàu biển. De Gaulle đành tìm cách bí mật gây dựng một phong trào kháng chiến trong số dân thường người Pháp và binh lính Pháp ở Đông Dương, dự định của de Gaulle, cũng như của Hồ Chí Minh là giúp đỡ quân Đồng minh khi Anh hoặc Mỹ sẵn sàng lấy lại Đông Dương từ tay Nhật. Khi biết tin Nhật tiến hành vụ đảo chính Pháp ngày 9 tháng Ba 1945, de Gaulle lập tức có hành động ngoại giao. Ông ta yêu cầu Đồng minh giúp "nhóm kháng chiến Pháp" tại Đông Dương, chuyển một lực lượng quân viễn chinh Pháp tới tham chiến với Nhật và yêu cầu Đồng minh công nhận chủ quyền của Pháp. Mỹ tỏ thái độ lừng khừng, xuất phát từ chính sách đã được biết đến từ lâu của Roosevelt là tuyệt đối không làm bất kỳ điều gì giúp Pháp ở Đông Dương. Khi đó de Gaulle bèn hỏi Đại sứ Mỹ Jefferson Caffery là Mỹ "muốn gì". Phải chăng Mỹ định đẩy Pháp tới chỗ trở thành

"một trong những nước liên bang dưới sự bảo trợ của Liên Xô"[33]? Sau đó, những người Pháp không rơi vào tay quân Nhật và trốn được sang Trung Quốc đã nhận được một vài gói hàng tiếp tế muộn màng bằng đường không của Phi đội không quân 14 hoạt động tại Trung Quốc, dưới sự chỉ huy của tướng Mỹ là Claire Chennault.

Ngày 24 tháng Ba 1945, de Gaulle ra một tuyên bố của chính phủ đã được Bộ Thuộc địa chuẩn bị từ hơn một năm trước. Trong những người góp phần chuẩn bị tuyên bố này, có một vị quan chức xuất sắc về thuộc địa, đã phục vụ nhiệm kỳ đầu tiên ở Đông Dương trong những năm 1933-1936, tên là Léon Pignon. Bản tuyên bố này đã đặt nền móng cho chính sách Đông Dương của Pháp sau chiến tranh. Tuyên bố xác định mục tiêu thành lập một Liên bang Đông Dương gồm năm đơn vị, mỗi đơn vị được hưởng một mức độ tự chủ đáng kể[34]. Bản tuyên bố nói rằng Bắc Kỳ, An Nam, Nam Kỳ, Lào và Campuchia khác biệt nhau ở "văn minh, nòi giống và truyền thống". Một vị toàn quyền Pháp (chức vụ này về sau được đổi thành "cao ủy") sẽ đứng đầu liên bang và đóng vai trò "người phân xử cho tất cả"[35]. Tuyên bố ngày 24 tháng Ba ban đầu được coi là một tuyên bố mang tính chất tự do, và thực ra những lời bình luận đầu tiên của Việt Minh về tuyên bố này trong tờ báo bí mật lớn nhất khá tích cực[36]. Mặc dù vậy, hầu hết các bình luận viên về Việt Nam ở cả Đông Dương và Pháp đều phản đối tuyên bố này vì nó không công nhận sự thống nhất dân tộc của Việt Nam.

Khi biết tin Nhật đầu hàng ngày 15 tháng Tám 1945, de Gaulle bổ nhiệm sĩ quan tin cẩn của ông ta là Tướng Leclerc làm Tổng Chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, còn Đô đốc d'Argenlieu làm Cao ủy Pháp tại Đông Dương. Leclerc đi trước để bảo đảm lực lượng chiếm đóng của Anh sẽ tôn trọng chủ quyền của Pháp và chỉ huy lực lượng Anh tại Sài Gòn, Tướng Douglas Gracey sẽ nhanh chóng chuyển giao trách nhiệm cho Pháp. D'Argenlieu

cần nhiều thời gian chuẩn bị hơn vì phải tính toán để từng bước thực hiện tuyên bố ngày 24 tháng Ba. Như vậy là tại thời điểm de Gaulle từ chức ngày 20 tháng Giêng, để lại công việc nhà nước vào tay các chính trị gia, một bộ máy mang tính chất quân sự và trung thành với de Gaulle đã được thiết lập một cách vững vàng tại Đông Dương. Chính phủ mới của Pháp dưới sự lãnh đạo của đảng viên SFIO Félix Gouin (cầm quyền từ ngày 23 tháng Giêng tới ngày 12 tháng Sáu 1946) bận bịu với nhiều việc khác hơn là thay đổi bộ máy này và thay thế những người do de Gaulle bổ nhiệm tại các thuộc địa bằng những người khác. Điều này có nghĩa là đại diện của "nước Pháp mới" tại Đông Dương là hai sĩ quan cấp tướng có quan điểm kém tiến bộ hơn đa số chính trị gia trong chính quyền Pháp tại chính quốc. Ngay từ đầu, Leclerc và d'Argenlieu đã bị giằng xé giữa một bên là lòng trung thành với de Gaulle, lo ngại về thái độ phân biệt chủng tộc của người Pháp thực dân thời gian vừa qua bị người Nhật và người An Nam xử tệ và một bên là thái độ không mấy thiện cảm của họ đối với trào lưu tiến bộ và hiện đại hóa đang thịnh hành ở mẫu quốc lúc bấy giờ. Những người theo đường lối hiện đại hóa được sự ủng hộ của nhiều sĩ quan và viên chức dân sự trẻ đến Đông Dương sau khi Đức đầu hàng.

De Gaulle có ảnh hưởng lớn đối với chính sách đối ngoại của Pháp, làm lu mờ cả cựu lãnh đạo phong trào kháng chiến trong nước của Pháp là Bộ trưởng Ngoại giao Georges Bidault. Bidault luôn luôn cảm thấy như mình sống trong cái bóng của ông tướng de Gaulle cao lớn, và về sau ông tiết lộ rằng ngày de Gaulle rời nhiệm sở là "ngày đẹp nhất" trong đời ông[37]. Đối với thế hệ sau, sự đối đầu giữa Bidault và de Gaulle giống như sự đối đầu giữa một người tí hon và một kẻ khổng lồ, và chắc chắn dù de Gaulle có thể nghĩ khác, nhưng không phải tất cả người Pháp đều ủng hộ de Gaulle, trái lại nhiều người vẫn có cảm tình với Bidault. Cũng như

de Gaulle, Bidault không muốn làm một chính trị gia bình thường. Ông gánh vác một sứ mệnh của đất nước. Bidault ghét cay ghét đắng de Gaulle, và de Gaulle cũng vậy. Một bức ảnh nổi tiếng trên thềm chiến thắng sau khi chiếm lại được Paris vào tháng Tám 1944 thể hiện hình ảnh của vị tướng cao lớn sừng sững lấn át ông Bidault nhạt nhòa, người đã được lịch sự đề nghị bước sau de Gaulle một bước.

Trong khi de Gaulle phải đợi 12 năm tính từ tháng Giêng 1946 để nước Pháp lại cần đến ông, thì Bidault ngay lập tức giữ một trong những vị trí có ảnh hưởng nhất trong Đệ tứ Cộng hòa Pháp. Ông giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao từ tháng Chín 1944 tới tháng Bảy 1948, trừ một thời gian gián đoạn từ ngày 18 tháng Mười hai 1946 tới ngày 22 tháng Giêng 1947. Liên quan đến vấn đề trong cuốn sách này, khoảng thời gian gián đoạn này ngắn nhưng hết sức quan trọng. Khi de Gaulle còn tại vị, Bidault có rất ít quyền hành, nhưng khi Félix Gouin thay de Gaulle thì ngược lại, Bidault có quyền quyết định khá lớn. Tiếp theo, tháng Sáu 1946, Gouin từ chức giữa những trận tranh cãi nảy lửa về xây dựng Hiến pháp, Bidault nhậm luôn chức thủ tướng, đồng thời tiếp tục kiêm Bộ trưởng Ngoại giao. Như vậy, ông ta đã trở thành lãnh đạo chính trị quyền lực nhất nước Pháp lúc bấy giờ. Bidault là một tấm gương tiêu biểu cho sự nhất quán trong các quyết định về chính sách đối ngoại của Đệ tứ Cộng hòa. Người nào biết rằng nước Pháp có không ít hơn 25 chính phủ lên cầm quyền trong khoảng thời gian từ khi chính quyền de Gaulle thành lập năm 1944 tới khi de Gaulle quay trở lại nắm quyền năm 1958, thì hẳn phải lấy làm ngạc nhiên khi biết chỉ có một vài chính trị gia chủ chốt, đặc biệt là Georges Bidault và đảng viên Đảng Dân chủ Công giáo là Robert Schuman liên tục giữ vị trí Bộ trưởng Ngoại giao và Thủ tướng. Các chính phủ mà Bidault và Schuman tham gia đều phát

triển những chiến lược nhất quán về cải cách kinh tế và hòa nhập châu Âu, nhất quán ngay cả trong những cố gắng thất bại để cải cách và duy trì Đế quốc Pháp[38].

"Ngày đẹp nhất" trong đời Bidault, ngày 20 tháng Giêng 1946, cũng là ngày Marius Moutet trở lại Bộ Thuộc địa ở số 27 phố Oudinot. Bây giờ ông ta có một danh xưng mới: Bộ trưởng Hải ngoại. Trước đó một tháng, ông ta viết một vài bài báo theo chủ đề về Đông Dương trên tờ nhật báo của SFIO là tờ *Nhân dân*, tuyên bố rằng Pháp phải duy trì sự hiện diện trên cả châu Á và châu Phi, nhưng không được trái với ý nguyện của người dân bản địa. Nước Pháp đã cố gắng nhiều vì người dân Đông Dương, nhưng chưa đủ. Cần phải làm nhiều hơn nữa để cụm từ "chủ nghĩa thực dân" có một ý nghĩa tích cực[39]. Theo Moutet, để cho Mỹ hay Liên Xô cai trị cũng sẽ không tốt đẹp gì hơn chế độ thực dân của Pháp, đồng thời ông có quan điểm rõ ràng về hai vấn đề then chốt liên quan đến nguy cơ chiến tranh với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đó là thống nhất và độc lập. Hòa giọng với tuyên bố ngày 24 tháng Giêng của de Gaulle, ông cho rằng "các đặc điểm chính như địa lý, sắc tộc và chính trị của Đông Dương có tính chất đa dạng. Đông Dương bao gồm năm nước: Bắc Kỳ, An Nam, Campuchia, Lào và Nam Kỳ"[40]. Ông ta coi chính phủ cách mạng của Hồ Chí Minh là không có bất kỳ quy chế pháp lý nào, mặc dù ông ta cho rằng có thể đàm phán, thỏa thuận một số điểm với các nhà lãnh đạo Việt Minh. Ông ta lên án Việt Minh dám đối đầu với chính quyền Pháp và dám "tự tin mà thành lập" một chính phủ: "Người ta không ngẫu hứng thành lập chính phủ, luật pháp và bộ máy hành chính ở một đất nước đa dạng, nơi dân chúng còn chưa có khả năng lựa chọn cái mình muốn trên cơ sở hiểu biết"[41].

Lời phát biểu này cho phép chúng ta nhìn vào suy nghĩ của Moutet: ông ta cho rằng chủ nghĩa thực dân chính là việc khai hóa

văn minh cho những dân tộc chưa được khai hóa. Ông phát triển ý tưởng này khi phát biểu trong một cuộc họp SFIO ở thành phố La Rochelle nằm trên bờ biển Đại Tây Dương của Pháp, tháng Tám 1946: "Với tư cách một chiến sĩ của Đảng Xã hội, tôi kêu gọi giải phóng tầng lớp lao động. Ngày nay, tầng lớp lao động Pháp đã có phương tiện để tự giải phóng mình, vì đã giành được các quyền dân sự và chính trị. Nhiệm vụ của chúng ta hiện tại là mở rộng công cuộc giải phóng này bằng cách đấu tranh cho các dân tộc mà chúng ta có nghĩa vụ khai hóa và giúp đỡ. Tôi đã nguyện cống hiến cho sự cần thiết giải phóng và khai hóa họ ngay từ năm 1936, khi tôi là bộ trưởng trong Chính phủ Mặt trận bình dân"[42].

Ý tưởng giáo dục các dân tộc khác được viết ngay trong lời nói đầu của Hiến pháp Pháp được thông qua trong cuộc trưng cầu ý dân ngày 13 tháng Mười 1946: "Trung thành với sứ mệnh truyền thống của mình, nước Pháp dự định dẫn dắt các dân tộc mà Pháp bảo hộ tới tự do quản lý đất nước của mình và tự giải quyết các công việc nội bộ một cách dân chủ"[43]. Trong bản hiến pháp đã mất rất nhiều thời gian soạn thảo này, ý tưởng khai sáng các dân tộc khác sao cho họ trở thành những dân tộc tự chủ và không loại trừ việc có thể độc lập được đặt song song với ý tưởng trái ngược là đồng hóa tầng lớp trên trong số người dân thuộc địa để có thể trao cho họ quyền công dân Pháp đầy đủ. Những cuộc tranh luận của người Pháp về vấn đề thuộc địa thường là những trận chiến giữa một bên là những người coi mối quan hệ giữa chính quốc và thuộc địa là mối liên hệ giữa một nước phát triển và một số dân tộc và lãnh thổ kém phát triển, và một bên là những người coi mối quan hệ này là một chiếc cầu nối giữa mẫu quốc với các công dân của mình trên toàn thế giới. Mặc dù vậy, mâu thuẫn này không có ảnh hưởng gì lớn đối với quá trình cải cách thuộc địa sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhiều người cho là một số thuộc địa sẽ phát triển

thành quốc gia độc lập, trong khi một số thuộc địa khác sẽ bị nhập vào lãnh thổ Pháp thông qua quá trình đồng hóa. Nếu các dân tộc thuộc địa đòi hỏi nền độc lập hoàn toàn và ngay lập tức, thì chắc chắn không phe nào chấp nhận. Như vậy là năm 1946, nhà dân tộc chủ nghĩa Công giáo là Bidault và nhà khai sáng xã hội là Moutet thống nhất với nhau về những khía cạnh quan trọng nhất trong chính sách thuộc địa của Pháp.

Marius Moutet bị coi là một lãnh đạo yếu kém, phản bội lại những mục tiêu của chính mình và của Đảng Xã hội hòa bình vì đã nhượng bộ ảnh hưởng của de Gaulle và vị đô đốc mà de Gaulle cử đến Đông Dương[44]. Điều này chỉ đúng một phần. Moutet dễ dàng bị người khác ảnh hưởng và e ngại những rủi ro chính trị. Mặc dù vậy, hai điều có lẽ sẽ thay đổi hình ảnh "lãnh đạo yếu kém" của Moutet. *Thứ nhất,* Moutet chưa bao giờ tỏ thái độ chống chủ nghĩa thực dân như nhiều người Pháp theo khuynh hướng xã hội trong những năm 1946-1947, ví dụ như vị tổng thư ký trẻ của SFIO là Guy Mollet. Moutet chưa bao giờ mong muốn nhượng bộ đòi hỏi độc lập và thống nhất của Việt Nam, và thực tế là Moutet ủng hộ nội dung cơ bản trong chính sách của Cao ủy d'Argenlieu theo phe de Gaulle. Do vậy, hành động của Moutet thực chất là nhất quán với quan điểm của ông ta hơn là người ta nghĩ. *Thứ hai,* không phải chỉ có cách thức lãnh đạo của Moutet là yếu kém. Vị trí của ông ta trong hệ thống ra quyết định mà de Gaulle đã tạo ra cho Đông Dương cũng kém nữa. Theo hệ thống này thì Bidault là người có nhiều quyền hành, chứ không phải là Moutet.

Bộ trưởng Hải ngoại Pháp chịu trách nhiệm trực tiếp đối với hầu hết các lãnh thổ hải ngoại của Pháp, nhưng riêng đối với Đông Dương thì không. Moutet muốn đích thân lãnh đạo chính sách của Pháp đối với Đông Dương - bộ trưởng nào mà chả muốn có thực quyền, nhưng theo một sắc lệnh ngày 21 tháng Hai 1945, de Gaulle

đã thành lập một cơ quan độc lập để điều phối việc chiếm lại Đông Dương, đó là Ủy ban liên bộ về Đông Dương (Cominindo). Cũng giống de Gaulle, Gouin và Bidault đều nắm Cominindo và đích thân làm Chủ tịch Ủy ban. Tuy nhiên, Gouin để cho Moutet quyết định một cách thực sự, trong khi Bidault, cũng giống như de Gaulle, thì muốn nắm quyền sinh quyền sát trong chính sách của Pháp đối với Đông Dương[45]. Thành viên của Cominindo gồm Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Georges Bidault, Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Marius Moutet, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Edmond Michelet, Bộ trưởng Bộ Không quân Charles Tillon, Bộ trưởng Bộ Tài chính Robert Schuman, Tổng tư lệnh - Tướng Alphonse Juin và Cục trưởng Cục Tình báo Henri Ribière. Trong Cominindo, Moutet là người duy nhất theo SFIO, còn Tillon là người duy nhất theo PCF. Ba người được bổ nhiệm còn lại theo Đảng Thiên Chúa giáo, quan điểm của họ thường chiếm ưu thế trong Ủy ban. Cominindo có quyền triệu tập những người có mặt tại các cuộc họp, và điều này cho phép Bộ trưởng Không bộ là Alexandre Varenne, một chính trị gia cấp tiến đã từng là Toàn quyền Đông Dương từ năm 1925 đến 1927, giữ chức Chủ tịch Liên minh bảo vệ thành quả của Pháp tại Đông Dương gần như lúc nào cũng có mặt trong các cuộc họp của Ủy ban. Cominindo có trụ sở ở Bộ Chiến tranh, số 16 phố St. Dominique. Nhiều nhất cũng chỉ có 26 người làm nhân viên tại đây, văn phòng Ủy ban do một chánh văn phòng đứng đầu, đây là người hiểu biết nhiều về những diễn biến hằng ngày tại Đông Dương hơn bất kỳ ai khác trong Bộ Hải ngoại. Các ngành khác của chính phủ có liên lạc trực tiếp với Sài Gòn thì chỉ có Bộ Tham mưu của Tướng Juin và Cục Tình báo của Ribière.

Tất cả các đường dây liên lạc dân sự đến và đi từ Đông Dương đều phải qua văn phòng Cominindo. Chánh văn phòng quyết định chuyển thông tin đến các bộ, tổ chức các cuộc họp hằng tuần gồm

các đại diện từ các bộ liên quan để tham mưu cho các bộ trưởng và triệu tập đích thân các bộ trưởng khi cần ra những quyết định quan trọng. Dưới thời de Gaulle, François de Langlade giữ chức vụ này, ông ta là một doanh nhân có nhiều kinh nghiệm về Đông Dương và sở hữu trang trại ở Malaixia thuộc Anh. Năm 1946, sau một thời kỳ chuyển tiếp với một chánh văn phòng không để lại chút dấu ấn nào trong chính sách của Pháp, một người trẻ tuổi tên là Pierre Messmer nhậm chức Chánh văn phòng[46]. Mặc dù theo phái de Gaulle hơn là theo cánh tả, ông ta là một đại diện tiêu biểu của nước Pháp mới, sẵn sàng thay đổi để thích ứng với những thay đổi của thời đại mới. Về sau, Messmer trở thành Thủ tướng Pháp từ năm 1972 đến 1974. Sau khi Nhật đầu hàng vào tháng Tám 1945, de Gaulle đã bổ nhiệm Messmer làm Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ với mong muốn Messmer sẽ đối phó với quân Tưởng chiếm đóng để bảo vệ lợi ích của Pháp, nhưng Messmer đã bị Việt Minh bắt ngay khi vừa nhảy dù xuống Bắc Kỳ và bị cầm tù cho đến khi ông ta trốn thoát. Trong khi đó, một thương gia trẻ tên là Jean Roger, con rể của vị toàn quyền quan trọng thứ hai trong tất cả các toàn quyền Pháp tại Đông Dương - Albert Sarraut (1911-1914, 1917-1919), có mật danh dùng trong thời kỳ kháng chiến của Pháp là Jean Sainteny, đã tự ý đảm nhiệm vai trò mà de Gaulle giao cho Messmer. Trước đó, Sainteny lãnh đạo một tổ tình báo Pháp ở nam Trung Quốc. Ông ta đến Hà Nội bằng máy bay Mỹ. Tháng Chín 1945, Sainteny được Hồ Chí Minh tiếp và từ đó trở đi, giữa hai người có một mối quan hệ kéo dài suốt đời họ, mối quan hệ mà Hồ Chí Minh đã khéo léo chuyển thành tình bạn. Sainteny có được sự ủng hộ của một người theo SFIO tên là Louis Caput, một nhân vật lai lịch không rõ ràng tên là Jacques Bousquet và một quan chức thuộc địa giàu kinh nghiệm là Léon Pignon. Léon Pignon đến Hà Nội sau khi soạn thảo tuyên bố ngày 24 tháng Ba 1945 để làm trợ lý

cho Tướng Marcel Alessandri, chỉ huy quân Pháp trốn từ Bắc Kỳ sang Trung Quốc trong khoảng thời gian từ tháng Ba đến tháng Tư 1945. Pignon có vẻ thích giữ một vai trò hậu trường khiêm tốn khi giúp Sainteny. Có lẽ nhiệm vụ của ông ta là bảo đảm rằng Sainteny đi theo đúng chủ trương, đường lối của Pháp. Sau một thời gian cân nhắc, Chính phủ Pháp tại Paris chính thức bổ nhiệm Sainteny làm Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ và Bắc An Nam, chức vụ đáng lẽ dành cho Messmer nếu ông ta không bị Việt Minh bắt. Bất chấp kinh nghiệm không mấy vui vẻ này, Messmer cũng không trở thành một người khắc nghiệt. Trước khi quay trở về nhậm chức Chánh văn phòng Cominindo, ông ta viết một bài báo ủng hộ chính sách tự do ở Đông Dương, thậm chí bày tỏ "sự thấu hiểu" những lập luận của Việt Nam về thống nhất hai miền Nam - Bắc và kêu gọi Pháp giữ quan điểm trung lập, để cho người dân tại Đông Dương có thể tự quyết định[47]. Tháng Tư năm đó, Messmer làm giới chức Pháp khó chịu khi xưng hô "cậu - tớ" và cho phép Tướng Giáp làm như vậy khi họ chuyện phiếm với nhau trong phiên đàm phán Pháp - Việt tại Đà Lạt, một thành phố cao nguyên miền Trung[48].

Chánh văn phòng Cominindo giữ một vai trò trung tâm, nhưng không phải là một vai trò quyền lực. Các chính trị gia mới là người quyết định, còn nếu họ không quyết định thì các quan chức tại Sài Gòn sẽ quyết định thay cho các quan chức tại Paris. Chánh văn phòng trẻ tuổi Messmer không thể buộc Sài Gòn phải thực hiện một chính sách nào đó mà không có căn cứ là một quyết định chính thức của Cominindo, thế nhưng trong thời gian Gouin và Bidault làm Chủ tịch Cominindo, dường như Cominindo cố tránh không đưa ra quyết định. Khi Cominindo ra quyết định thì hầu như chỉ là quyết định phê duyệt những điều Cao ủy tại Sài Gòn đã làm. Gouin và Bidault đều bận rộn vì việc khác tới mức họ

không thể theo dõi sát sao được tình hình Đông Dương. Đồng thời, Bidault có vẻ muốn để Cao ủy tự hành động hơn là để Bộ trưởng Hải ngoại dẫn dắt chính sách của Pháp.

Lý do chính thức để thành lập Comindo năm 1945 là Bộ trưởng Thuộc địa không thể kiểm soát những hành động quân sự để tái chiếm Đông Dương[49]. Khi Pháp đã chiếm lại được nửa phía nam của Đông Dương và Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba 1946 với Hồ Chí Minh đã được ký, Comindo không còn nhiều lý do để tồn tại, và Bộ Hải ngoại của Moutet làm thay một vài chức năng của Comindo. Tháng Chín 1946, số nhân viên của Comindo bị giảm xuống còn 17 người. Tuy vậy, Comindo vẫn được duy trì và văn phòng thư ký của Comindo tại Bộ Chiến tranh tiếp tục là trung tâm liên lạc chính thức giữa Paris và Sài Gòn. Về sau, Moutet tuyên bố rằng hệ thống liên bộ đã đưa đến một "sự xé lẻ trách nhiệm có tác động tiêu cực đối với việc quản lý hành chính tốt". Ông ta thấy mình bị tước khả năng thực hiện các chức năng bình thường và "các phương tiện hành động mà đáng lẽ ông ta phải có"[50]. Một khi ngay cả Thủ tướng cũng không chủ động sử dụng quyền lực của mình, tác dụng chính của Comindo chỉ còn là củng cố quyền tự chủ của Cao ủy tại Sài Gòn.

LIÊN BANG NGŨ GIÁC

Đô đốc George Thierry d'Argenlieu, Cao ủy Pháp tại Đông Dương từ tháng Tám 1945 tới tháng Hai 1947 không được sinh ra hay nuôi dạy để làm chính trị trong thế kỷ XX. Ông ta có những kiểu cách quý tộc, những bài diễn văn khoa trương, ưa thích những nguyên tắc lễ nghi cứng nhắc. Phải khó khăn lắm ông ta mới che giấu được thái độ khinh bỉ đối với các chính trị gia kế nhiệm người hùng de Gaulle của ông ta. Những đặc điểm đó biến d'Argenlieu thành người đi đầu vận động chủ trương không khoan

nhượng của Pháp đối với Việt Nam trong con mắt của những người quan sát đương thời cũng như của các nhà sử học sau này. D'Argenlieu thuộc về nước Pháp mới chỉ ở chỗ các nguyên tắc của ông ta đi theo kim chỉ nam của de Gaulle, và chắc chắn ông ta chịu phần lớn trách nhiệm về những chính sách dẫn đến chiến tranh Đông Dương, nhưng đồng thời ông ta cũng là vật tế thần cho những hành động và không hành động của Bidault.

D'Argenlieu đã phục vụ trong Hải quân Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, sau đó trở thành một thầy tu ở tu viện Carmelite trong thời gian giữa hai cuộc chiến. Năm 1939, ông được động viên sĩ quan dự bị, rồi sau đó dần dần leo lên chức vụ cao trong lực lượng hải quân Nước Pháp Tự do của de Gaulle. Ông ngưỡng mộ de Gaulle tới mức de Gaulle có thể tuyệt đối tin tưởng ở lòng trung thành của ông ta. Điều này trở thành vấn đề khi de Gaulle từ chức. Như bất kỳ ai đã đọc cuốn sách của d'Argenlieu được xuất bản sau khi ông qua đời, đó là cuốn *Chronique d'Indochine* (1985), ông ta tiếp tục coi de Gaulle, chứ không phải các chính trị gia theo đảng phái tạm thời nắm giữ các chức vụ trong chính phủ tại Paris, là hiện thân của nước Pháp. Năm 1947, d'Argenlieu trở lại tu viện.

Phía Việt Nam thấy ở d'Argenlieu một tên thực dân phản động điển hình. Ông Giáp mô tả ông ta là một "tu sĩ bị lột áo", với "đôi mắt nhỏ, gian xảo ẩn dưới cái trán nhăn nheo và đôi môi mỏng dính". Sau một thời gian tiếp xúc với d'Argenlieu, Tướng Giáp nhớ đến ông ta như "một kẻ cáo già, xảo quyệt, kiêu ngạo và ti tiện"[51]. Ở Pháp có người cho rằng d'Argenlieu sở hữu một trong những bộ óc xuất sắc nhất của thế kỷ XX. Tướng Jean-Etienne Valluy, người kế nhiệm Tướng Leclerc làm chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Viễn Đông từ tháng Bảy 1946 mô tả d'Argenlieu một cách bao dung hơn, như là một người "hoàn toàn không kiêu ngạo, mặc dù

hơi nghiêm túc và xa cách". D'Argenlieu là một trong những người mà sức mê hoặc của Hồ Chí Minh không tác động đến được. Tại một cuộc gặp giữa họ, Hồ Chí Minh nói: "*Đô đốc thân mến*, tôi kêu gọi những tình cảm Công giáo của ngài...". Vị tu sĩ cắt ngang lời Người: "*Thưa ngài Chủ tịch*, xin lỗi ngài, nhưng chúng ta ở đây để thảo luận những vấn đề nghiêm túc". Vấn đề nghiêm túc nhất mà d'Argenlieu có thể tưởng tượng là Liên bang Đông Dương. Valluy về sau tuyên bố rằng d'Argenlieu hết sức say mê ý tưởng "ngũ giác Liên bang Đông Dương" gồm năm thành viên, như mô tả trong tuyên bố chính phủ của de Gaulle ngày 24 tháng Ba 1945[52].

Trong suy nghĩ của d'Argenlieu, Liên bang Đông Dương sẽ được quản lý bởi một hội đồng gồm 10 đại diện của Pháp và 10 đại diện từ mỗi nước thành viên[53]. Quyền hành chính của hội đồng liên bang là biểu quyết về ngân sách liên bang, quyết định về thuế và thông qua các đạo luật do chính phủ liên bang đề xuất. Chính phủ liên bang này sẽ do chính Cao ủy lãnh đạo, với sự hỗ trợ của các ủy viên có chức năng như các bộ trưởng của một nước độc lập. Sẽ có ủy viên chính trị, tài chính, ngoại giao, tư pháp, giáo dục, thông tin, v.v.. Các ủy viên này hằng tuần sẽ họp nội các dưới sự chủ tọa của Cao ủy, với tư lệnh trưởng (Leclerc, sau đó là Valluy) làm phó[54]. Các ủy viên cần phải nắm tất cả các ngành quan trọng của chính phủ: quân đội, cảnh sát, thuế quan, bưu điện, đài phát thanh, v.v.. Với cấu trúc này thì các nước thành viên chẳng còn mấy quyền lực, nhưng d'Argenlieu muốn ký các thỏa thuận bằng văn bản với từng nước thành viên để xác định vị trí của nước đó trong Liên bang. Đặc biệt, ông ta sốt ruột muốn gây dựng một Nam Kỳ tự trị, vì Nam Kỳ có nền kinh tế phát triển nhất và nhiều kiều dân Pháp sinh sống nhất. Ở Nam Kỳ, một số nhất định người bản địa giàu và có học vấn cao đã được cấp quyền công dân Pháp qua quá trình đồng hóa. Ngay sau khi chính phủ cách mạng bị đẩy

ra khỏi các tòa nhà công cộng ở Sài Gòn ngày 23 tháng Chín 1945, đã nổi lên vấn đề sắp đặt quan hệ hợp tác một cách có hệ thống giữa người Pháp thường trú và người bản địa. Tuyên bố ngày 24 tháng Ba nói rằng chính quyền địa phương của mỗi nước trong số năm nước Đông Dương cần phải được cải cách và phát triển, đồng thời cần mở rộng cơ hội bổ nhiệm cho tất cả mọi công dân. Về phía Pháp, những người thân cận nhất với cựu Toàn quyền là Tướng Decoux thuộc chính phủ Vichy phải quay về Pháp, nhưng những người có thể khoe là có một vài hành động "kháng chiến" đều được chào đón ở lại Đông Dương phục vụ với tư cách nhân viên, cùng với các quan chức trẻ mới từ Pháp sang.

Năm 1939, số nhân viên dân sự Pháp ở Đông Dương là khoảng 3.500 người, nhưng con số này năm 1946 đã lên tới 14.000[55]. Một trong những nguyên nhân của việc tăng nhân viên dân sự Pháp là đội ngũ quan chức cũ đã bị cách mạng quét đi và một nguyên nhân khác là nhiều người Việt có học thức đi theo Việt Minh. D'Argenlieu thường xuyên phàn nàn về tình trạng thiếu người[56]. Những kiều dân Pháp và một số người Việt Nam thuộc tầng lớp trên trong xã hội cùng nhau lập ra một hội đồng cố vấn. Người đứng đầu bên Việt Nam là bác sĩ Nguyễn Văn Thinh, Chủ tịch Đảng Dân chủ (khác với Đảng Dân chủ thuộc phe Việt Minh), một người kịch liệt chống đối cách mạng và có ảnh hưởng lớn đối với giới địa chủ bản địa giàu có. Mặc dù vậy, khó có thể nói là ông ta lôi kéo được các nhóm khác thuộc tầng lớp trên ở Nam Kỳ tham gia hội đồng của mình, vì họ sợ bị dán nhãn "theo Tây". Thế nhưng ngày 12 tháng Hai 1946, hội đồng cố vấn vẫn chính thức thành lập, gồm bốn người Pháp và tám vị "thân hào". Các thành viên người Pháp muốn biến Nam Kỳ thành một "quận hải ngoại" của Pháp, trong khi các thành viên người Nam Kỳ muốn Nam Kỳ có quyền tự trị[57]. Nhân viên Pháp cả cũ lẫn mới, cũng như một số người bản địa đã được cấp quyền công

dân Pháp đều cảm thấy lo sợ trước viễn cảnh Nam Kỳ bị nhập vào Việt Nam. Họ cũng lo sợ những thay đổi xã hội mà chủ nghĩa cộng sản có thể đưa đến.

Có lần người ta đã hỏi Hồ Chí Minh về quan điểm của Người đối với việc thành lập Liên bang Đông Dương. Ông trả lời rằng Việt Nam sẵn sàng chấp nhận một liên bang mang tính chất cơ bản là kinh tế, nhưng kiên quyết ngăn chặn âm mưu thiết lập lại chế độ Toàn quyền Pháp tồn tại trước chiến tranh dưới vỏ bọc liên bang[58]. Đây đúng là sự mô tả khá chính xác mục đích của d'Argenlieu, mặc dù có một khác biệt quan trọng giữa Toàn quyền trước chiến tranh và Cao ủy sau chiến tranh: trước chiến tranh thì Cominindo do Bộ trưởng Hải ngoại làm Chủ tịch, trong khi theo thiết kế mới thì Cominindo do Thủ tướng làm Chủ tịch, do đó Cao ủy độc lập với Paris hơn là Toàn quyền trước kia.

De Gaulle từ chức tháng Giêng 1946 là một cú sốc đối với hầu hết người Pháp ở Đông Dương[59]. Họ cảm thấy dường như vị tướng de Gaulle bỏ rơi đội quân của mình trước khi họ hoàn thành nhiệm vụ giải phóng tất cả các lãnh thổ của Pháp. D'Argenlieu và Leclerc đã đi được một phần lớn chặng đường. Chính phủ cách mạng ở Campuchia đã bị kiềm tỏa, khiến cho vị vua trẻ Norodom Sihanouk giờ đây lại một lần nữa có thể nhận được những lời khuyên tốt từ phía Pháp. Nam Kỳ và Nam An Nam đã bị chiếm lại, đa số người tham gia khởi nghĩa đã bị bắt, bị giết. Tuy Pháp mới chiếm lại được phần cực nam của Lào, phần còn lại vẫn bị Tưởng chiếm đóng, nhưng Pháp có lý do để tin rằng quan hệ truyền thống của họ với vua Luổng Phạ Bang sẽ giúp họ lập lại sự hiện diện ở Trung và Bắc Lào. Tình hình Bắc Kỳ và Bắc An Nam đang bị Tưởng chiếm gây nhiều lo ngại hơn. Thậm chí, ngày 6 tháng Giêng 1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tổ chức cuộc bầu cử được gọi là bầu cử toàn quốc và người Pháp tại

Sài Gòn lo ngại rằng một chính phủ không có de Gaulle có lẽ sẽ không đủ mạnh để chiếm lại Bắc Đông Dương và đẩy quân Tưởng về nước. Liệu một chính phủ do đảng viên SFIO Félix Gouin đứng đầu có đủ mạnh và đủ quyết tâm để hoàn thành nhiệm vụ tế nhị là lập lại sự hiện diện của Pháp ở một đất nước mà phong trào cách mạng đang sôi sục, vừa bị Tưởng chiếm đóng lại vừa bị những người cộng sản dân tộc kiểm soát? Pháp phải chiến đấu trên ba mặt trận: đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chuẩn bị hành động quân sự và đàm phán với Tưởng.

Chương 2

CÁI BẪY CỦA TƯỚNG

Mùa thu năm 1946, trước khi thế giới nghe nói tới cuộc khủng hoảng là nguồn gốc của chiến tranh Đông Dương, Thủ tướng Inđônêxia là Sutan Sjahrir phàn nàn với lãnh sự Pháp ở Jakarta về những chính sách hẹp hòi của Hà Lan và Anh đối với Inđônêxia. Hà Lan và Anh đã huy động lực lượng để ngăn cản Inđônêxia giành độc lập. Sjahrir cho rằng Hà Lan và Anh cần học theo tấm gương của Pháp. Ông ta ao ước được ở vào vị trí của Hồ Chí Minh, người có đối tác là các quan chức Pháp sáng suốt đến thế, thái độ "tử tế" và "cảm thông" đến thế. Không còn nghi ngờ gì nữa, Cao ủy Pháp d'Argenlieu đúng là một "thiên tài". Làm sao trông mong Hà Lan cử tới Inđônêxia một người nhìn xa trông rộng, có đầu óc cởi mở như d'Argenlieu? Như Sjahrir nói, điều đó khác nào "hái sao trên trời", nhưng ít nhất người ta cũng phải phái đến ai đó có một chút "thiện chí" tối thiểu chứ![1]

Ngày nay nhiều người đã quên rằng năm 1946, trong một khoảng thời gian ngắn, Pháp đã được coi là hình mẫu cho công cuộc giải phóng dân tộc ở châu Á[2]. Nguyên nhân là Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba 1946 ký tại Hà Nội với sự chứng kiến của các quan sát viên Anh, Mỹ và Trung Quốc đã mở ra một thời kỳ hòa dịu ngắn ngủi giữa Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ và tạo điều kiện cho Hồ Chí Minh công du đến Pháp với tư cách một chính khách cấp cao vào mùa hè năm 1946.

HIỆP ĐỊNH NGÀY 6 THÁNG BA

Trong Hiệp định này, Pháp đã nhượng bộ ở ba điểm quan trọng. Thứ nhất, Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một đất nước tự do có chính phủ, quốc hội, quân đội và tài chính riêng, mặc dù Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ được nhập vào Liên bang Đông Dương, rồi Liên bang Đông Dương sẽ trở thành một thành viên của Liên hiệp Pháp. Thuật ngữ "tự do" là một thỏa hiệp giữa đòi hỏi "độc lập" của Việt Nam và đề nghị dùng khái niệm "tự chủ" hoặc "tự trị" của Pháp, như vậy vấn đề "hoàn toàn độc lập" phải đợi đến tương lai mới được giải quyết. Nhượng bộ thứ hai là cam kết tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân để giải quyết câu hỏi có thống nhất hay không ba miền Bắc Kỳ, An Nam và Nam Kỳ (còn được gọi là các "kỳ", hay các "bộ" của Việt Nam)[3]. Nhượng bộ thứ ba là chấp nhận nêu trong một phụ lục về quân sự rằng số quân Pháp có mặt ở phía bắc vĩ tuyến 16 sẽ giới hạn ở 15.000 người trong một khoảng thời gian 5 năm. Phụ lục quân sự này được đàm phán trong đêm mùng 5 rạng ngày 6 tháng Ba và ngày hôm sau được ký đồng thời với Hiệp định, nêu rõ số quân Pháp được phép đóng ở từng địa phương. Phụ lục này bị Chính phủ Pháp phản đối dữ dội khi tin tức về nội dung Hiệp định được chuyển đến Pháp ngày 12 tháng Ba. Trên đây thực sự là những nhượng bộ quan trọng, và nếu như trên thực tế Pháp tôn trọng chúng thì hẳn Pháp đã xứng với những lời ca ngợi người ta dành cho.

Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba - một văn bản là đối tượng thảo luận và trình bày trong hầu như tất cả sách báo viết về các cuộc chiến tranh ở Việt Nam - thường được coi như là biểu hiện của chính sách ôn hòa tạm thời của Pháp mà về sau Pháp đã từ bỏ, gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Điều này dựa trên giả thiết rằng Pháp đã thật lòng thỏa hiệp như vậy vì nhận ra một cuộc chiến tranh kéo dài với phong trào kháng chiến Việt Nam do Việt Minh

lãnh đạo sẽ rất tai hại. Người ta cho rằng lúc này những người thực dụng như Jean Sainteny, trưởng đoàn đàm phán ở Hà Nội và Tướng Philippe Leclerc, chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, theo đuổi chính sách thỏa hiệp với sự ủng hộ của Bộ trưởng Bộ Hải ngoại là Marius Moutet, bất chấp sự phản đối của Cao ủy d'Argenlieu và phe chủ chiến. Người ta cũng vẫn nghĩ rằng Sainteny và Leclerc là những người có công lớn trong việc đạt được thỏa thuận trong Hiệp định[4].

Mặc dù vậy, đáng buồn là Hiệp định không phải là kết quả của sự lên ngôi tạm thời của chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa thực dụng hay chính sách ôn hòa nào. Dưới con mắt của Leclerc, Sainteny đàm phán ở Hà Nội chỉ với mục đích tạo vỏ bọc ngoại giao để quân Pháp có thời gian triển khai chiếm đóng miền Bắc. Leclerc thấy rất cần có Hiệp định để ngăn chính phủ Hồ Chí Minh rời thủ đô Hà Nội, rút về các căn cứ du kích ở miền núi và bắt đầu chiến tranh du kích trong khi quân Pháp chưa kịp triển khai, vì nếu vậy thì Pháp sẽ phải tiến hành một chiến dịch kéo dài và tốn kém. Leclerc không thấy cần phải ký hiệp định với Hồ Chí Minh *trước khi* quân Pháp đổ bộ. Ông ta muốn trình diễn sức mạnh với hy vọng Hồ Chí Minh sẽ phải chấp nhận ký một hiệp định theo các điều kiện của Pháp. Ý định ban đầu của Leclerc là tung lực lượng để tái chiếm đóng quân sự với sự giúp đỡ của Tàu Tưởng, rồi *sau đó* mới ép Hồ Chí Minh phải quy phục. Nhưng trên thực tế, Pháp đã rơi thẳng vào bẫy của Tàu Tưởng. Phía Tưởng không chấp nhận cho bất kỳ lính Pháp nào đổ bộ nếu Pháp chưa ký được thỏa thuận với Hồ Chí Minh. Thậm chí phía Tàu Tưởng còn dọa sử dụng hành động quân sự để ngăn chặn Pháp đổ bộ và thực tế đã bắn vào tàu Pháp khi chúng đến. Quân Pháp trên tàu đang rất cần nước ngọt, và trong bối cảnh này, Pháp không thể quay lái về Nam, từ bỏ cuộc xâm lược vì như thế thì quá đổi mất mặt. Chính vì vậy, Tàu Tưởng đã ép

Leclerc phải đạt được một thỏa thuận có thể nói là bằng mọi giá *trước khi* quân Pháp đổ bộ. Thực sự là Pháp và Việt Nam bị Tàu Tưởng buộc phải hòa hoãn[5].

Hiệp định sơ bộ là kết quả của một số vòng đàm phán giữa Hồ Chí Minh và Sainteny, trên cơ sở các cuộc trao đổi từ ngày 1 tháng Mười hai 1945 trở đi[6]. Các cuộc trao đổi đó diễn ra trong bối cảnh một vở kịch quyền lực gồm ba nhân vật. Điều kiện rút quân của Tàu Tưởng là Pháp phải nhượng một số quyền cho Tàu Tưởng. Pháp thì muốn tái lập sự hiện diện của mình mà không bị mất quá nhiều đặc quyền vào tay nước Việt Nam. Và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì muốn thoát khỏi sự chiếm đóng của Tàu Tưởng, đồng thời muốn được Pháp công nhận. Cả phía Việt Nam và phía Pháp đều đặt cược lớn vào canh bạc này và sẵn sàng nói chuyện với nhau bằng vũ lực, nhưng đều muốn tránh đối đầu vũ trang với Tàu Tưởng. Tàu Tưởng quyết tâm không cho phép chiến tranh nổ ra chừng nào quân Tàu Tưởng còn ở Việt Nam, đồng thời lợi dụng sự chiếm đóng tạm thời của họ để thu lợi nhiều nhất có thể được. Cho tới ngày 28 tháng Hai, Pháp đồng thời đàm phán với Tàu Tưởng tại Trùng Khánh và với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hà Nội. Vào thời điểm này, trong khi Tàu Tưởng chưa chính thức đồng ý để Pháp quay lại Bắc Đông Dương, Leclerc rất cần đạt được một thỏa thuận với Hồ Chí Minh để có thể đổ bộ xuống miền Bắc mà không bị Việt Nam chống trả. Do vậy, ông ta vận động Chính phủ Pháp đưa ra những lời hứa hẹn mới, thậm chí lấp lửng cả lời hứa trao trả độc lập cho Việt Nam. Mặc dù vậy, ngày 28 tháng Hai 1946, tại Trùng Khánh, Tàu Tưởng đã ký một hiệp định chuyển trách nhiệm chiếm đóng Bắc Đông Dương từ tay Tàu Tưởng sang tay Pháp. Thậm chí hiệp định này còn quy định rằng quân Pháp có thể đến vào nửa đầu tháng Ba. Chiến thắng ngoại giao này là cơ sở để tại Sài Gòn, Leclerc và d'Argenlieu quyết định ngay lập tức tổ

chức một chiến dịch quân sự, đưa 21.000 quân ra Bắc bằng tàu biển, nhằm đổ bộ vào Hải Phòng và chiếm lại "phần lãnh thổ cuối cùng" mà Pháp chưa lấy lại được sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Lúc này Pháp cho rằng cứ việc đổ bộ mà không cần phải thỏa thuận điều gì với Hồ Chí Minh, vì đinh ninh là quân Tưởng ở phía Bắc sẽ ủng hộ việc Pháp chiếm lại Bắc Đông Dương. Thế nhưng Tàu Tưởng không muốn bị kẹt trong cuộc chiến tranh Pháp - Việt nên đặt điều kiện rút quân là trước hết Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải ký một thỏa thuận. Đồng thời, Tàu Tưởng cũng dàn xếp một cuộc hòa giải giữa Việt Minh và các đảng phái đối lập để thiết lập chính phủ liên hiệp ngày 2 tháng Ba. Như vậy là, dưới sự giám sát chặt chẽ của các sĩ quan Tàu Tưởng, hai bên đàm phán Pháp và Việt Nam đạt được thỏa thuận ngày 6 tháng Ba tại Hà Nội trong khi Leclerc đã đưa tàu vào Hải Phòng với quân Pháp súng ống kè kè. Mãi cho tới đêm mùng 5, rạng ngày 6 tháng Ba, Sainteny và Hồ Chí Minh mới đạt được thỏa thuận và đến cuối chiều ngày 6 tháng Ba, họ mới ký thỏa thuận này cùng với người đứng đầu một trong các đảng phái Việt Nam thân Tưởng là Vũ Hồng Khanh. Trước đó bốn ngày, Quốc hội Việt Nam thành lập và công nhận Chính phủ liên hiệp, ông Khanh trở thành Phó Chủ tịch Ủy ban toàn quốc kháng chiến do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch. Theo quan điểm của Tướng Giáp và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phe đối lập rất cần phải chia sẻ trách nhiệm trong thỏa hiệp của họ với Pháp. Cả phía Pháp và phía Việt Nam đều hành động dưới sự ép buộc. Yếu tố ép buộc này và bối cảnh đàm phán phức tạp được thể hiện trong các nguồn tài liệu của Anh, Pháp và Mỹ, nhận xét mang tính kinh điển của Philippe Devillers, phân tích mới đây của Frédéric Turpin và ba tác phẩm quan trọng khác, một trong số đó dựa trên các nguồn của Trung Quốc. Không may là tác giả cuốn sách này đã không có cơ hội tiếp cận các tài liệu của phía Việt Nam

có thể làm sáng tỏ chi tiết cuộc đấu tranh của Hồ Chí Minh để tồn tại về chính trị trong cuộc khủng hoảng từ tháng Hai đến tháng Ba này. Câu chuyện về những mối quan hệ phức tạp giữa Hồ Chí Minh với Sainteny, các quan chức Quốc dân Đảng đại diện cho lực lượng chiếm đóng của quân đồng minh, đại diện các đảng phái Việt Nam thân Trung Quốc và chính các lãnh đạo cao cấp của Việt Minh vẫn chỉ được viết lại dưới con mắt của phía Việt Nam[7].

Để hiểu được hoàn cảnh và lý do của Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba, xuất phát điểm tốt nhất không phải là những điều Pháp vẽ ra về việc cải cách chế độ thực dân, mà là ham muốn - quả vậy, Pháp coi điều này là hết sức cần thiết - xác lập lại chủ quyền của Pháp và chiếm lại trên thực địa phần lãnh thổ cuối cùng thuộc về đế quốc Pháp trước chiến tranh.

CHIẾN DỊCH BẾN TRE

Mật danh của chiến dịch tái chiếm Bắc Đông Dương tính từ vĩ tuyến 16 là Chiến dịch Bến Tre (Bến Tre là tên của thị xã và tỉnh nằm ở cửa sông Mê Công, phía nam Sài Gòn). Khi Sainteny ký Hiệp định ngày 6 tháng Ba với Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh, chín giờ sau khi những toán quân đầu tiên của lực lượng chiếm đóng Pháp tiến vào cảng Hải Phòng bằng tàu biển và bị quân Tưởng xả súng bắn, mục đích trước mắt của Pháp là ngăn ngừa sự bùng nổ của một cuộc chiến tranh quốc tế. Pháp không muốn có chiến tranh vào ngày này. Nếu không có hiệp định đó, các sách lịch sử hẳn đã phải viết lại rằng chiến tranh Đông Dương bắt đầu ngày 6 tháng Ba 1946, khi mà Tàu Tưởng trực tiếp đứng về phía Việt Nam chống lại Pháp.

Pháp đã chuẩn bị Chiến dịch Bến Tre từ nhiều tháng trước đó tại Phòng Ba Sở Chỉ huy của Tướng Leclerc[8], nhưng không hề báo cho Đô đốc Anh là Huân tước Mountbatten. Hầu hết quân Anh tại

Đông Dương đã rời đi hồi cuối tháng Giêng cùng với chỉ huy của mình là Tướng Douglas Gracey, nhưng một "lực lượng liên quân" nhỏ của Anh vẫn ở lại Sài Gòn, và về mặt chính thức, với tư cách chỉ huy cao nhất của quân Đồng minh tại Đông Nam Á, Mountbatten vẫn chịu trách nhiệm trước Bộ Tổng Tham mưu kết hợp của Anh và Mỹ về việc chiếm giữ Bắc Đông Dương. Tất nhiên, Pháp cũng không thông báo về chiến dịch này cho Tướng Lư Hán, người chịu trách nhiệm trước quân Đồng minh về việc chiếm giữ miền Bắc.

Cha đẻ của Chiến dịch Bến Tre là Trung tá Jean Lecompte. Kế hoạch của ông ta không chỉ được Leclerc phê duyệt, mà còn được đích thân Cao ủy d'Argenlieu chấp thuận trước khi được thông qua tại một cuộc họp của Cominindo tại Paris, ngày 20 tháng Hai 1946 với sự có mặt của d'Argenlieu. Cùng ngày, trong một bức điện gửi Tổng Tư lệnh quân đội Pháp, Tướng Alphonse Juin, Leclerc nhấn mạnh rằng Chiến dịch Bến Tre là tuyệt đối cần thiết. Ông nói rằng nhờ dùng vũ lực ở miền Nam, Pháp mới đạt được kết quả tốt như vậy, và rằng Pháp sẽ mất nhiều thứ nếu nhầm tưởng ký một thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam thì không cần thiết phải trình diễn sức mạnh nữa. Việc thể hiện sức mạnh vượt trội của Pháp sẽ khiến cho "chính phủ này phải đầu hàng". *Rồi sau đó* mới đến lúc tỏ ra rộng lượng và kết thúc đàm phán với Hồ Chí Minh, chứ không sớm hơn[9]. Trong những chỉ thị cho Sainteny ngày 22 tháng Hai, Leclerc nhấn mạnh: "Dù đàm phán diễn ra như thế nào chăng nữa, tôi sẽ đến vào đúng ngày đã định"[10]. Trên cơ sở các trao đổi điện tín của Leclerc trong quá trình đẩy mạnh Chiến dịch Bến Tre, ta có thể thấy một chiến lược ba điểm như sau:

- Phải giữ Chính phủ Việt Nam tại Hà Nội, không để họ rút về vùng cao, vì nếu chính phủ này rút an toàn về vùng cao và tiến hành kháng chiến lâu dài chống Pháp thì có thể có những hậu quả tai hại trong tương lai. Nhiệm vụ của

Sainteny là giữ Hồ Chí Minh ở lại Hà Nội. Chính phủ Pháp phải góp phần làm lắng dịu công chúng Việt Nam bằng cách bố cáo những ý định quảng đại của mình.

- Chiến dịch Bến Tre phải được tiến hành bằng cách trình diễn sức mạnh thật rầm rộ.
- Chỉ khi Pháp chiếm thế thượng phong thì mới ký một thỏa thuận với chính phủ Hồ Chí Minh. Leclerc tin chắc rằng Hồ Chí Minh sẽ "đầu hàng" khi thấy sức mạnh của quân Pháp và ký vào thỏa thuận theo những điều kiện của Pháp.

Những người dưới quyền Leclerc như Thiếu tướng Repiton-Préneuf, đứng đầu Phòng Nhì của Leclerc, hoàn toàn hiểu mức độ rủi ro của chiến lược nêu trên, đặc biệt là vào thời điểm này, khi Tàu Tưởng chưa chính thức thỏa thuận cho Pháp chiếm lại Đông Dương. Chắc chắn họ hy vọng có thể đạt được một thỏa thuận với Hồ Chí Minh trước ngày quân Pháp dự kiến đổ bộ vào miền Bắc[11]. Ngày 22 tháng Hai, Leclerc có nói với Sainteny rằng ông ta phải đề nghị Hồ Chí Minh đồng ý bằng văn bản về việc Pháp đổ bộ và đưa quân Việt Minh khỏi tuyến đường Hải Phòng - Hà Nội. Mặc dù vậy, Leclerc chia sẻ niềm tin của de Gaulle là trước hết cần phải *cho thấy ai là kẻ mạnh* rồi sau đó mới đàm phán. Vài tuần sau, sau khi Hiệp định ngày 6 tháng Ba đã ký, Leclerc bị chỉ trích vì đã góp phần vào việc để mất những nhượng bộ to lớn vào tay Chính phủ Việt Nam. Rõ ràng rằng d'Argenlieu không thích những gì Leclerc đã làm. Vì vậy, ngày 27 tháng Ba, Leclerc viết một bức thư cho Tướng de Gaulle giải trình về Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba, nêu lý do tình thế cấp thiết. Ông ta cho rằng tuyệt đối cần thiết phải ký hiệp định này vì sử dụng quân sự để thôn tính lại Bắc Kỳ là không thể được:

Nếu ngoài quân Tưởng, chúng tôi thấy một đất nước nổi dậy chống lại chúng ta hoặc đơn giản chỉ là một đất nước trong tình trạng

hỗn loạn, rõ ràng chúng tôi có thể đổ bộ vào Hải Phòng, nhưng - như tôi đã khẳng định nhiều lần - việc tái thôn tính dù chỉ là một phần Bắc Kỳ là không thể được. Ta không thể thôn tính một đất nước có vũ trang và đã được tôi luyện, lớn bằng hai phần ba nước Pháp nhờ một lực lượng nhỏ, ít nhất là năm 1946, điều này không thể xảy ra. Vả lại, vấn đề có thể loang ra quốc tế. Bởi vậy không thể coi nhẹ tầm quan trọng của các thỏa thuận đã đạt được[12].

Cũng như các nhà sử học về sau này, trong hồi ký của mình, Jean Sainteny coi bức thư này là bằng chứng rằng Leclerc cũng nghĩ như vậy trước ngày 6 tháng Ba[13]. Nhiều khả năng họ đã nhầm. Nếu Leclerc quyết tâm đạt được thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam trước khi cho quân đổ bộ, thì ông ta đã không tự đặt mình vào vị trí đòi hỏi cuộc đổ bộ phải xảy ra vào đúng một ngày đã định, điều mà ông ta đã làm; ngày này do thủy triều lên tại cảng Hải Phòng quyết định. Tương tự, nếu ông ta có ý định đạt được sự đồng ý của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước khi đổ bộ, hẳn ông ta phải báo cáo Chính phủ Pháp về vấn đề này trước khi khởi động Chiến dịch Bến Tre, nhưng thực tế ông ta nói ngược lại. Ông ta báo cáo với Cominindo là một cuộc đổ bộ hiệu quả, tiếp theo là nhanh chóng tiến về phía Hà Nội, có thể khiến Hồ Chí Minh "đầu hàng" và ký một thỏa thuận theo các điều kiện mà phía Pháp đưa ra. Thêm nữa, nếu ý định của Leclerc là đầu tiên ký thỏa thuận, rồi sau đó mới đổ bộ, thì ông ta việc gì phải gây áp lực để quân Tưởng giúp cung cấp vũ khí cho quân lính thực dân Pháp đang bị giam lỏng tại thành Hà Nội, hay đòi quân Tưởng tạo điều kiện cho các toán lính được vận chuyển bằng đường không đáp xuống sân bay Hà Nội - điều mà ông ta đã làm như chúng ta sẽ sớm xem xét. Leclerc được Cao ủy d'Argenlieu cho toàn quyền tiến hành Chiến dịch Bến Tre như ông ta thấy cần. Ngày 1 tháng Ba, khi Leclerc ra lệnh cho quân lên tàu hướng Bắc thẳng tiến, ông ta

đã chơi một canh bạc khổng lồ. Và canh bạc này không phải chỉ đơn giản là chuyện Hồ Chí Minh có ký vào thỏa thuận trước khi số lính này đến nơi hay không. Pháp đặt cược chủ yếu vào việc Tàu Tưởng sẽ để cho lính Pháp lên bờ mà không cần Chính phủ Việt Nam đồng ý và giúp lính Pháp hành quân đến Hà Nội. Khi canh bạc này thất bại, Leclerc buộc phải cho phép ký một thỏa thuận theo những điều kiện mà Chính phủ Pháp cho là không thể chấp nhận được trong hoàn cảnh bình thường. Ông ta đã lôi Pháp vào một cái bẫy với hy vọng hoặc niềm tin rằng Tàu Tưởng sẽ không lợi dụng tình huống này mà còn giúp Pháp. Khi đó Tàu Tưởng đã sử dụng đòn bẩy bất ngờ của mình để buộc Pháp và Việt Nam ký một thỏa thuận.

Tướng Philippe Leclerc là vị anh hùng vĩ đại của nước Pháp, người giải phóng Paris tháng Tám 1944, người đã được phong hàm Thống chế sau khi chết trong một tai nạn hàng không tại châu Phi năm 1947, được các nhà sử học tôn trọng và thường được đánh giá cao hơn Đô đốc d'Argenlieu. Nhưng cả hai người đều xuất thân từ tầng lớp quý tộc. Cả hai theo Cơ đốc giáo. Cả hai theo de Gaulle chống lại hòa ước của Pétain ngay từ những ngày vạn sự khởi đầu nan mùa thu năm 1940. Họ được bổ nhiệm vào những vị trí cao nhất ở Đông Dương mà chẳng hề biết gì về đất nước này. D'Argenlieu nắm chính quyền dân sự, còn Leclerc chỉ huy quân đội, chẳng người nào quyền cao chức trọng hơn người nào, nhưng về vấn đề chính sách, d'Argenlieu có lời nói cuối cùng. Leclerc thường được coi là người thực dụng hơn, trung dung hơn trong số hai người, ông ta nhận định rằng vấn đề Việt Nam chỉ có thể được giải quyết bằng chính trị, trong khi người ta cho rằng d'Argenlieu thiên về giải pháp sử dụng vũ lực[14]. Suy cho cùng thì họ không khác nhau là bao vào thời điểm này. Ngày 4 tháng Hai 1946, bị sốc vì chiến dịch "bình định" miền Nam Đông Dương, ngoại trưởng Mỹ

yêu cầu đại sứ Mỹ tại Paris cung cấp thông tin về việc Chính phủ Pháp hậu thuẫn ai: "Leclerc, một người có đầu óc thực dân không khoan nhượng, khắc nghiệt hay là d'Argenlieu, người theo xu hướng hòa giải và dung hòa"[15]. Đây không đơn giản là sự nhầm lẫn tên tuổi. Sự bất hòa giữa hai người về sau này thường bị hiểu sai. Xung đột giữa hai người bản chất là xung đột cá nhân và xuất phát từ quan điểm khác biệt về chiến thuật hơn là do bất đồng về nguyên tắc hay về quan điểm chiến lược. Năm 1973, Jean Sainteny nói rằng về cơ bản, hai người có quan điểm giống nhau, chỉ có điều d'Argenlieu bị ảnh hưởng quá nhiều bởi chủ nghĩa lạc quan giả tạo ở Sài Gòn. Leclerc hiểu tình hình miền Bắc rõ hơn, nhưng Chính phủ Pháp ủng hộ d'Argenlieu hơn[16]. Các nhà sử học quân sự Gilbert Bodinier và Philippe Duplay cho rằng cũng như de Gaulle, Leclerc tin tưởng vào việc phô diễn sức mạnh như một màn dạo đầu trước khi đặt bút ký các hiệp định, bằng chứng là trích đoạn một bài phát biểu của Leclerc về vấn đề Đông Dương vào tháng Mười 1945: "Sẽ hoàn toàn sai lầm nếu đàm phán theo kiểu thả lỏng với đại diện Việt Minh khi chưa chứng tỏ sức mạnh của mình... Hiển nhiên đây là vấn đề tái chinh phục, vì đàm phán với "người da vàng" không có tác dụng bao nhiêu"[17]. Phó cao ủy dưới quyền d'Argenlieu và người kế nhiệm Leclerc vào tháng Bảy 1946, Tướng Jean-Etienne Valluy là một trong những người cho rằng hai nhà lãnh đạo theo phe de Gaulle này khác nhau nhiều nhất. Valluy khẳng định Đô đốc d'Argenlieu và Tướng Leclerc khác nhau về bản chất và về tư tưởng. D'Argenlieu luôn luôn tìm cách thể hiện lòng ái quốc của mình và theo đuổi một chính sách gần như hoàn toàn nhất quán theo mô hình đã thiết kế. Trong khi đó, Leclerc là một người nhiều mưu mẹo khó có ai sánh kịp, nhưng không kiên định trong chính sách. Hành động của d'Argenlieu luôn luôn nhất quán với mục tiêu dài hạn tuân theo những nguyên

tắc được người thầy vĩ đại của ông ta là Charles de Gaulle đưa ra trong bản tuyên bố ngày 24 tháng Ba 1945[18]. Gần đây hơn, Frédéric Turpin đã có một nghiên cứu sâu về mối quan hệ giữa Leclerc và d'Argenlieu cho thấy d'Argenlieu luôn luôn được de Gaulle ủng hộ. Turpin cho rằng trong khoảng thời gian cận ngày ký thỏa thuận 6 tháng Ba, d'Argenlieu và Chính phủ Pháp đã "bật đèn xanh một cách bất cẩn cho việc khởi động Chiến dịch Bến Tre, trong khi Leclerc... thì tỏ ra là một người bốc đồng chứ không bình tĩnh một cách khôn ngoan"[19].

Ngay sau cuộc họp của Cominindo ngày 20 tháng Hai thảo luận về việc tái chiếm Bắc Đông Dương, d'Argenlieu bật đèn xanh cho Leclerc triển khai Chiến dịch Bến Tre nhân danh Chính phủ Pháp. Sư đoàn 9 Bộ binh viễn chinh Pháp và Sư đoàn 2 thiết giáp vừa hoàn thành việc "bình định" miền Nam Đông Dương lập tức lên chiến hạm của Pháp trong thời gian từ 27 tháng Hai đến 1 tháng Ba, ngay sau khi d'Argenlieu trở về Đông Dương; ngày 1 tháng Ba, một hạm đội hoành tráng gồm 35 chiến hạm rời Sài Gòn men theo bờ biển Bắc tiến. Đích thân Tướng Leclerc lên tàu Emile Bertin ngày 3 tháng Ba và từ thời điểm đó, ông ta chỉ có thể liên lạc với Hà Nội và Sài Gòn bằng vô tuyến điện[20]. Mục đích công khai của chiến dịch này là để tiếp quản Bắc Đông Dương từ tay quân Tưởng, thực hiện nhiệm vụ chiếm giữ để quân Tưởng có thể rút trước cuối tháng 3[21]. Tại sao lại tháng Ba? Vì trong trường hợp cần thiết, Pháp cũng cần thời gian để đè bẹp phong trào kháng chiến của người dân địa phương trước khi mùa mưa bắt đầu: "Chúng ta chưa nắm rõ thái độ của dân chúng An Nam đối với người Pháp ở Đông Dương, vì vậy, chúng ta phải chiếm các trung tâm lớn càng nhanh càng tốt để bảo vệ các trung tâm này"[22]. Những trung tâm lớn ở đây bao gồm Hải Phòng, Hòn Gai, Nam Định, Vinh, Huế và Hà Nội. Ở các thành thị này, từ ngày 9 tháng Ba 1945, người Pháp

đã sống trong điều kiện tồi tệ dưới quyền Nhật Bản, Việt Nam và Tàu Tưởng. Hà Nội không chỉ có người dân Pháp mà còn có 3.000 lính và sĩ quan Pháp thuộc đội quân thực dân đã bị Nhật tước vũ khí và giam trong nội thành cho tới lúc đó.

Chiến dịch Bến Tre do các lực lượng sau tiến hành:

- Một lực lượng đổ bộ gồm Sư đoàn 9 Bộ binh do Tướng Jean-Etienne Valluy chỉ huy và Trung đoàn Massu thuộc Sư đoàn 2 thiết giáp, tổng cộng 21.000 người. Họ từ Sài Gòn di chuyển bằng đường biển, cập bến Hải Phòng. Cuộc đổ bộ này sẽ diễn ra vào các ngày 4, 5 hoặc 6 tháng Ba vì đó là những ngày duy nhất (cho tới ngày 16, 17 và 18 tháng Ba) thủy triều cho phép tàu biển có kích cỡ nhất định vượt qua doi cát nằm chắn giữa biển để vào cảng nằm cách biển 20 km[23].
- Lực lượng ven biển đã đóng tại vịnh Hạ Long, phía bắc Hải Phòng.
- Quân Pháp trốn ở Trung Quốc sau khi thoát khỏi vụ tàn sát của Nhật Bản tháng Ba 1945. Họ chỉ nhận được sự giúp đỡ nửa vời và miễn cưỡng của những người dân tộc chủ nghĩa Trung Quốc và quân Mỹ ở Trung Quốc, nhưng họ đã có thừa thời gian để nung nấu căm hờn vì đã bị người châu Á nói chung xử tệ, trong đó có cả những người "Annammít" đã bỏ rơi họ hồi tháng Ba, tháng Tư 1945. Những người lính Pháp này vẫn giữ được vũ khí cũ của mình và kiếm thêm được một số vũ khí mới, được tập hợp dưới sự chỉ huy của Trung tá Robert Quilichini. Một vài người trong số đó đã xâm nhập biên giới Bắc Kỳ và chiếm thị xã biên giới Lai Châu. Theo kế hoạch, họ sẽ di chuyển sang bờ tây sông Hồng (thực ra sau khi Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba được ký, họ bỏ sang Lào).
- Một lực lượng sẽ đến bằng đường không, hạ cánh xuống sân bay ngoại thành Hà Nội, với nhiệm vụ đặc biệt là vũ trang

cho 3.000 lính Pháp còn lại ở Hà Nội. Họ nằm dưới quyền chỉ huy của Trung tá Lefèbvre d'Argence theo lệnh Tướng Raoul Salan. Trước đó, Salan đã được phong làm chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương, đã đến Hà Nội để sau đó chỉ huy vụ tấn công Chính phủ Việt Nam theo kế hoạch. Lúc này, ông ta đang là thành viên đoàn đàm phán của Sainteny. Về sau, Salan chỉ huy các chiến dịch quân sự của Pháp tại Hà Nội, song song với việc đàm phán với Tàu Tưởng để tiếp quản vùng lãnh thổ do Tàu Tưởng chiếm đóng[24].

Mục đích của Chiến dịch Bến Tre là lấy lại Hà Nội từ tay "Chính phủ cách mạng Annammít" như Pháp nói. Người Pháp tại Hà Nội, cả lính và dân đều không ưa gì chính phủ này cũng như quân Tưởng chiếm đóng, nhiều người trong số họ ngóng chờ ngày trả thù cho những nỗi khốn khổ mà họ phải chịu từ ngày 9 tháng Ba 1945. Sau ngày 6 tháng Ba 1946, hiệp định được loan báo, nhiều người Pháp, nhất là binh lính Pháp ở Hà Nội hết sức thất vọng. Một báo cáo của Cơ quan an ninh Pháp ngày 17 tháng Ba nói rằng họ bất bình vì "từ ngày 9 tháng Ba, họ chưa bao giờ mất hy vọng được trả thù, ít nhất là trả thù cho sự lăng nhục và quấy rối của những người Annammít mà họ đã phải nuốt hận chịu đựng. Đặc biệt là đa số binh lính Pháp bất bình vì bỗng chốc Hiệp định ngày 6 tháng Ba tước đi cảm giác hả hê mà họ mong có khi "trấn áp" những người đó"[25].

Binh lính Pháp bị nhốt trong thành Hà Nội có lý do để ghen tị với các đồng chí của mình ở Sài Gòn, vì từ tháng Chín 1945, lính Pháp tại Sài Gòn đã được Anh bảo vệ và hỗ trợ, giúp họ lật đổ chính quyền cách mạng, đuổi tất cả những người theo cách mạng ra khỏi các công sở và lấy lại quyền kiểm soát Nam Kỳ. Một yếu tố quan trọng trong Chiến dịch Bến Tre là bí mật trang bị lại vũ khí cho càng nhiều binh lính Pháp bị nhốt trong thành Hà Nội

càng tốt ngay sau khi quân Pháp đổ bộ xuống Hải Phòng và trước khi số quân này đến Hà Nội. Điều này sẽ cho phép các cựu tù binh chiến tranh tự vệ, đồng thời bảo vệ thường dân Pháp và chiếm các vị trí chiến lược trước khi quân chiếm đóng tới. Ban đầu, Pháp đã tính tới khả năng thả dù vũ khí xuống thành Hà Nội, nhưng đã từ bỏ kế hoạch này vì cho rằng quá rủi ro. Người An Nam có thể đoán biết sự việc và vũ khí có thể rơi vào tay họ. Do đó, Pháp quyết định đưa 12 máy bay đầm già (dakota) chở đầy vũ khí từ Sài Gòn hạ cánh xuống sân bay Gia Lâm ở ngoại thành Hà Nội, bí mật chuyển vũ khí sang xe tải rồi lái về thành phố. Các tài liệu không cho biết xe tải lấy ở đâu, nhưng nhiều khả năng là mua tại Hà Nội[26].

Việc tái chiếm Hà Nội do ba đơn vị chính đảm nhiệm: (1) Lực lượng trong thành Hà Nội, chia thành các tiểu đoàn, chịu trách nhiệm duy trì trật tự trong một số khu vực đã xác định trước[27]; (2) Một lực lượng đi đường không (Chiến dịch Ponchardier); và (3) Trung đoàn Massu (được đặt tên theo chỉ huy trung đoàn là Đại tá Jacques Massu), trung đoàn này sau khi đổ bộ vào Hải Phòng sẽ nhanh chóng tiến về Hà Nội theo đường 5 hoặc nếu bị chặn lại, sẽ đi thuyền theo hai sông đào khác nhập vào sông Hồng và xâm nhập vào Hà Nội bằng các đường dốc đã làm sẵn dọc bờ sông.

Ủy viên Cộng hòa Pháp Jean Sainteny đã được cung cấp truyền đơn thông báo thiết quân luật, truyền đơn có in chữ ký của Tướng Lư Hán, chỉ huy quân Tưởng chiếm đóng với giả định là Lư Hán sẽ đồng ý[28]. Có lẽ không cần phải nói thêm rằng kế hoạch Chiến dịch Bến Tre hoàn toàn dựa trên yếu tố bất ngờ[29].

Một số độc giả có lẽ đang tự hỏi: "Làm sao có thể như vậy?". Và họ đặt câu hỏi như vậy là hợp lẽ thôi. Chiến dịch Bến Tre đầy rủi ro. Gần như chắc chắn chiến dịch này sẽ trở thành một thảm họa. Không thể nào vũ trang cho 3.000 binh lính mà không ai biết giữa

một thành phố có đầy quân Tưởng và người Việt, những người đó đều biết rằng đang có một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, kể cả nếu quân Tưởng có đồng ý đi chăng nữa. Tổ chức cho một đơn vị thiết giáp hành quân từ Hải Phòng đến Hà Nội mà không khiến các nhà lãnh đạo Việt Nam cảnh giác quả là chuyện không tưởng. Ấy thế mà kế hoạch vẫn được vạch ra, và trong những ngày cận ngày 6 tháng Ba, người ta đã chuẩn bị mọi thứ để tiến hành kế hoạch này. Chiến dịch này có một phiên bản hòa bình mật danh Bouquet để tiến hành trong trường hợp Chính phủ Việt Nam chịu để cho Pháp chiếm lại miền Bắc[30].

Có một vấn đề giấy tờ chưa được giải quyết: miền Nam Đông Dương tính từ vĩ tuyến 16 nằm dưới sự quản lý của Bộ Tư lệnh Đông Nam Á của Anh, do đó, trước khi tiến hành bất kỳ chiến dịch quân sự nào, quân viễn chinh Pháp cần được Mountbatten cho phép. Nếu lực lượng nằm trong khu vực kiểm soát của Mountbatten lấn sang khu vực kiểm soát của Tưởng Giới Thạch, Anh có thể gặp phiền toái với Trung Quốc. Tháng Giêng 1946, Mountbatten đã rút tất cả lính Anh khỏi Đông Dương và để cho Pháp toàn quyền kiểm soát miền Nam trong tất cả mọi vấn đề thực tiễn. Ông ta quả thực đã trao quyền lực cho Tướng Leclerc. Tháng Giêng 1946, Anh đã yêu cầu Bộ Tổng Tham mưu kết hợp của Anh và Mỹ cho phép để Pháp chính thức chịu trách nhiệm thay Anh, nhưng ngày 1 tháng Hai, Mỹ đã từ chối[31]. Anh chỉ muốn tránh xa mọi rắc rối[32], nên ba tuần sau, Mountbatten rất sốc khi biết rằng Pháp chuẩn bị một chiến dịch lớn mà không báo gì cho ông ta cả. Ông ta phàn nàn và yêu cầu Leclerc cung cấp một bản báo cáo đầy đủ về diễn biến sự việc. Đầu tiên, Leclerc thoái thác trả lời, nhưng sau đó cũng cung cấp cho Mountbatten thông tin được yêu cầu, trừ thông tin về kế hoạch chiếm lại Hà Nội. Ngờ rằng sắp có chuyện, Mountbatten bèn quyết định phủi tay ngay, không dính líu thêm với Pháp nữa.

Ông đề nghị Chính phủ Anh đàm phán một thỏa hiệp với Mỹ càng nhanh càng tốt, cho phép Pháp được chuyển giao hoàn toàn trách nhiệm về miền Nam Đông Dương với ngoại lệ duy nhất: Anh sẽ chịu trách nhiệm đưa tù binh Nhật trở về nước. Vì Mountbatten đã được Leclerc cho biết quân Pháp sẽ đổ bộ vào Hải Phòng ngày 5 tháng Ba, Mountbatten công bố rằng trách nhiệm quản lý miền Nam Đông Dương được chính thức chuyển cho Pháp kể từ đêm 4 rạng ngày 5 tháng Ba, mặc dù thực tế ngày 29 tháng Ba tiểu đoàn Anh cuối cùng mới rời Sài Gòn[33]. Mối quan tâm chính của Mountbatten là làm sao để Anh không dính dáng gì tới bất kỳ xung đột nào giữa Pháp và Tàu Tưởng[34]. Ngày 21 tháng Hai, lãnh sự Anh ở Sài Gòn đã báo cáo về Anh rằng mặc dù là một người lạc quan, Tướng Salan đã dự tính một chiến dịch bình định ở Bắc Đông Dương có thể kéo dài ít nhất một năm: "Theo một nguồn rất đáng tin cậy ở Hà Nội, Tướng Salan - người sẽ chỉ huy quân Pháp - rất lạc quan về kết quả của chiến dịch và cho rằng việc quét sạch các trung tâm lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Huế, v.v. có thể diễn ra nhanh chóng mà không gặp phải sự kháng cự đáng kể của phía An Nam. Tuy vậy, ông ta công nhận rằng quân Annammít sẽ rút lui về vùng đồi núi và có thể mất ít nhất một năm để dẹp yên toàn bộ vùng này"[35]. Mặc dù vậy, Mountbatten vẫn băn khoăn về việc Pháp định làm gì để tránh xung đột với Trung Quốc.

Tất nhiên là Pháp biết điểm yếu quan trọng nhất của Chiến dịch Bến Tre là chiến dịch này phụ thuộc vào ý định của Tàu Tưởng. Điều kiện của chiến dịch là Tàu Tưởng không những phải làm ngơ, mà còn phải giúp đỡ Pháp tái chiếm đóng Đông Dương. Chắc chắn về mặt pháp lý, Tàu Tưởng có nghĩa vụ phải làm điều đó vì Tàu Tưởng đã công nhận chủ quyền của Pháp, nhưng cho phép Pháp thiết lập lại sự hiện diện bằng vũ lực sẽ gây ra phiền phức chính trị nội bộ cho chính phủ Tưởng Giới Thạch và có thể

khiến Việt Nam có thái độ thù địch những người Hoa sống tại Đông Dương[36]

ĐÀM PHÁN VỚI TÀU TƯỞNG

Có thể nói rằng quả là không khôn ngoan chút nào nếu khởi động một vụ xâm lược và tự đặt mình vào tình huống không còn đường rút nếu như người ta hoàn toàn không sẵn sàng đón nhận hậu quả của tình huống đó. Pháp sẵn sàng đối đầu với Việt Minh nếu Hồ Chí Minh từ chối ký thỏa thuận, nhưng Pháp không hề dự liệu khả năng khi đó sẽ xảy ra chiến tranh với Tàu Tưởng. Thế nhưng, trong thời gian từ ngày 27 tháng Hai đến 1 tháng Ba, trước khi rõ phản ứng của phía Tàu Tưởng, Leclerc đã phái một "hạm đội nhỏ" như d'Argenlieu gọi trong hồi ký của ông. Như đã nói, hạm đội này không thể quay trở lại được vì trên tàu không có đủ nước ngọt cho binh lính dùng lâu hơn nữa, và do điều kiện thủy triều, các tàu Pháp dứt khoát phải vào cảng Hải Phòng ngày 4, 5 hoặc 6 tháng Ba. Các nhà lãnh đạo phía Pháp hy vọng rằng việc quân Pháp đến sẽ khiến Hồ Chí Minh ký thỏa thuận theo những đòi hỏi của Pháp, và rằng Tàu Tưởng sẽ đứng sau lưng Pháp[37]. Mặc dù vậy, cả Tàu Tưởng và Việt Nam đều nhận ra rằng Pháp đã đặt lực lượng của mình và quyền lợi của mình vào vòng nguy hiểm. Điều này khiến Pháp rơi vào thế yếu và Pháp gần như hoảng sợ khi phát hiện ra Tàu Tưởng hoàn toàn không sẵn sàng hợp tác, mặc dù theo Hiệp định Trùng Khánh ngày 28 tháng Hai thì Tàu Tưởng có nghĩa vụ pháp lý phải làm như vậy, đấy là chưa kể một số tướng lĩnh Tàu Tưởng đã được Pháp hối lộ những khoản tiền lớn.

Tướng Leclerc đã nhận ra mối nguy hiểm, và đó chính là lý do ông ta cố sức đề nghị Chính phủ Pháp ra một tuyên bố sử dụng thuật ngữ "độc lập". Ông ta nghĩ rằng điều này sẽ tạo điều kiện

thuận lợi cho Sainteny dụ Hồ Chí Minh ở lại Hà Nội cho tới khi quân Pháp tới. Leclerc cũng nhấn mạnh rằng trước khi khởi động Chiến dịch Bến Tre, ông ta nhận chỉ thị trực tiếp từ chính phủ mới của Pháp chứ không phải nhận chỉ thị của riêng d'Argenlieu. Trong thời gian Leclerc tiến hành công cuộc "bình định" Nam Đông Dương, giữa d'Argenlieu và Leclerc không có mâu thuẫn, căng thẳng gì lớn, nhưng trước Chiến dịch Bến Tre, quan hệ của họ xấu đi trông thấy. Cuối tháng Giêng hoặc đầu tháng Hai, d'Argenlieu cử chỉ huy Sư đoàn 9 bộ binh, Tướng Jean-Etienne Valluy về Paris để xin chỉ thị khẩn của chính phủ. Ngày 26 tháng Giêng (chưa đầy một tuần sau khi de Gaulle từ chức), tại một phiên họp của Cominindo, Valluy trình bày một văn bản mà sau đó ông ta gửi cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Georges Bidault, liệt kê ba điều kiện để tái lập thành công chủ quyền của Pháp ở miền Bắc: (1) hành động quân sự, (2) hành động ngoại giao đối với Tàu Tưởng, và (3) hành động chính trị đối với "người Annammít". Ông ta cũng nói rằng không thể trì hoãn hành động thêm nữa vì "điều kiện khí hậu" cho việc đổ quân là tốt nhất trong khoảng thời gian cuối tháng Hai hoặc đầu tháng Ba. Valluy lập luận rằng không nên chỉ tiến hành một chiến dịch quân sự thuần túy vì bốn lý do sau: (1) chiến dịch đó sẽ vấp phải sự chống đối đồng thời từ phía Việt Nam và phía Tàu Tưởng, (2) chiến dịch đó có thể châm ngòi cho một cuộc thảm sát người Pháp ở miền Bắc, (3) chiến dịch đó sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra chiến tranh du kích kéo dài, và (4) cả trong nước lẫn nước ngoài đều sẽ phản ứng tiêu cực với loại hành động quân sự này. Do vậy, hành động quân sự cần phải núp dưới vỏ bọc chính trị và ngoại giao. Theo Valluy, Hồ Chí Minh nhiều khả năng sẽ cư xử "biết điều" một khi biết rằng mình đã thua trong canh bạc Đông Dương[38]. Có vẻ Chính phủ Pháp đã không cho Valluy chỉ thị như ông ta muốn.

Ngày 13 tháng Hai, d'Argenlieu đích thân đến Paris, để Leclerc đảm nhiệm chức cao ủy lâm thời. Với chức vụ này, Leclerc phải báo cáo cho d'Argenlieu. Lúc này, Leclerc sợ rằng d'Argenlieu tự đặt mình chắn giữa Leclerc và Chính phủ Pháp và diễn giải chính sách của Pháp ở Đông Dương theo cách thức không hoàn toàn phản ánh đúng quan điểm của các vị bộ trưởng phụ trách. Về sau này, d'Argenlieu gọi việc Leclerc cố gắng liên lạc trực tiếp với chính phủ, bỏ qua d'Argenlieu là "nực cười"[39]. Ngày 14 tháng Hai, một ngày sau khi d'Argenlieu khởi hành từ Sài Gòn, Leclerc gửi thông điệp của mình tới Paris đề nghị chính phủ ra một tuyên bố công khai, hứa hẹn "độc lập" cho Đông Dương. Leclerc cho rằng phía Việt Nam sẽ chấp nhận "độc lập" có nghĩa là "tự quản". Ông ta hối thúc chính phủ ra tuyên bố này trước khi Pháp đổ bộ vào Bắc Kỳ[40]. Điều này không có nghĩa là Leclerc muốn Pháp chỉ đổ bộ nếu như đạt được thỏa thuận với Hồ Chí Minh. Ông ta muốn có một tuyên bố của chính phủ để có thể dụ Hồ Chí Minh ở lại Hà Nội và đàm phán cho đến khi *và sau khi* quân Pháp đã đổ bộ. Điều này cho phép Pháp đàm phán trên thế mạnh. Đối với Leclerc, cứ phải "già đòn non lẽ", và điều thực sự có ý nghĩa là thể hiện được sức mạnh và sự quyết tâm của mình. Mục đích của việc đưa ra hứa hẹn không phải là để cam kết điều gì trong tương lai, mà là để tác động tới cách ứng xử của đối thủ ngay trong hiện tại. Chỉ cần Pháp thiết lập được sự hiện diện áp đảo ở miền Bắc, những gì còn lại có thể được giải quyết dễ dàng hơn nhiều.

Có lẽ Chính phủ Pháp đã nghe theo đề nghị của Leclerc sử dụng từ "độc lập" - bất chấp sự phản đối của d'Argenlieu - nếu như trong một báo cáo kết quả cuộc họp với Hồ Chí Minh ngày 16 tháng Hai, Sainteny không cho rằng Hồ Chí Minh có thể chấp nhận điều gì đó ít hơn thế. Sainteny nhận được trả lời của Chính phủ Pháp do d'Argenlieu soạn thảo và được Comindo thông qua,

cho phép ông ta ký một thỏa thuận với Việt Nam trên cơ sở "tự quản lý" (từ tiếng Anh "self-government" được sử dụng trong nguyên văn). Mặc dù vậy, d'Argenlieu khăng khăng rằng thỏa thuận này không được có bất kỳ điều gì thể hiện việc Pháp chấp nhận thống nhất ba "kỳ". "Chắc chắn, Hồ Chí Minh phải thừa nhận rằng quyết một giải pháp về vấn đề này trước khi để cho dân chúng ba "kỳ" thể hiện ý kiến của mình một cách hoàn toàn độc lập và tự do là trái với nguyên tắc dân chủ", Đô đốc d'Argenlieu trả lời Sainteny như vậy[41]. D'Argenlieu đã tính sai. Rất có thể là ông ta sử dụng lập luận nêu trên để chống lại việc nhượng bộ bất kỳ điều gì liên quan đến Nam Kỳ. Kế hoạch của ông ta là phát triển những thiết chế ở riêng Nam Kỳ, các thiết chế này sẽ từng bước chuẩn bị Nam Kỳ sẵn sàng cho việc lấy ý kiến dân chúng. Trong khi đó, khi nêu lập luận của d'Argenlieu trong đàm phán với Hồ Chí Minh, có lẽ Sainteny đã diễn đạt ý này như một đề nghị trưng cầu ý dân. Ban đầu Hồ Chí Minh phản đối, nhưng về sau lại chấp nhận. Một người muốn chứng tỏ mình là đại diện cho một nền dân chủ không thể dễ dàng giũ bỏ khái niệm trưng cầu ý dân, vì vậy, Sainteny đã hứa một điều mà về sau d'Argenlieu cho là vô cùng tai hại: Pháp sẽ tôn trọng quyết định của nhân dân ba "kỳ" thể hiện thông qua trưng cầu ý dân[42]. Sainteny đã làm trái quy tắc chỉ trưng cầu ý dân đối với một vấn đề sống còn nếu như biết chắc kết quả cuộc trưng cầu ý dân đó là có thể chấp nhận được. Còn Hồ Chí Minh thì đã làm đúng quy tắc này vì ông tin chắc là đa số người dân ủng hộ việc thống nhất đất nước, nhưng Sainteny cam kết tổ chức trưng cầu ý dân ở Nam Kỳ, một lãnh thổ mà theo quan điểm pháp lý của Pháp thì hoàn toàn thuộc chủ quyền của Pháp. Lời hứa này đi quá xa những gì mà nước Pháp sẵn sàng thực hiện.

Trong thời gian ở Paris từ ngày 17 đến 25 tháng Hai, dường như Đô đốc d'Argenlieu không muốn bàn bạc về nguy cơ chiến tranh. Ông ta trấn an chính phủ, nói rằng các cuộc đàm phán cả ở Trùng Khánh và Hà Nội đều diễn ra ổn thỏa. Ngày 20 tháng Hai, tại cuộc họp của Cominindo, ông ta nói rằng cả hai hiệp định Pháp - Tưởng và Pháp - Việt đều sắp được ký. Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Marius Moutet hẳn là hài lòng về việc này, nhưng để chắc chắn, đầu tháng Ba, ông ta yêu cầu Cao ủy "làm rõ liệu ông có định đợi đến khi ký xong hiệp định với Hồ Chí Minh rồi mới nhận tiếp quản từ tay quân Tưởng hay không. Chúng tôi mong rằng ông cố gắng đạt được hiệp định này trước đã". Moutet cũng bày tỏ đôi chút lo ngại về kế hoạch vũ trang cho quân Pháp đang bị giam trong thành Hà Nội: "Tôi bổ sung là để ngăn ngừa những vụ việc tương tự những gì xảy ra ở Sài Gòn khi binh lính tại chỗ được vũ trang lại [tháng Chín 1945], cần phải có những biện pháp cần thiết để bảo đảm điều kiện cho việc tái vũ trang thành Hà Nội"[43]. Và những câu văn khó hiểu tiếp theo cho thấy ngài bộ trưởng không chắc là người ta sẽ tuân lệnh ngài: "Điều hết sức quan trọng là chỉ huy quân sự phải hiểu rằng quân đội không thể dùng làm phương tiện cho một chính sách nào đó. Chúng ta phải cố gắng đạt được kết quả bằng phương cách chính trị để tránh phải dùng các hoạt động quân sự. Binh lính không thể trở thành quan tòa của chính sách này, một chính sách mà có lẽ một số người trong số họ không ủng hộ"[44].

Kể từ ngày 8 tháng Giêng, một đoàn đàm phán Pháp do Tướng Salan đứng đầu tiến hành đàm phán với chính quyền Tàu Tưởng tại Trùng Khánh về điều kiện để quân Pháp thay thế quân Tưởng ở Bắc Đông Dương. Các cuộc đàm phán này nằm trong bối cảnh Pháp và Tàu Tưởng tiến hành đàm phán ngoại giao về nhiều vấn đề

khác nữa, không chỉ về Đông Dương mà còn về quyền của Pháp trên lãnh thổ Trung Quốc, về thương mại và về tô giới của Trạm Giang, còn gọi là Quảng Châu Loan, nằm trên bán đảo Lôi Châu ở phía bắc đảo Hải Nam. Trong Hiệp ước Trùng Khánh ký ngày 28 tháng Hai, Pháp trao lại Quảng Châu Loan và các đặc quyền ngoại giao của Pháp tại Thượng Hải, Thiên Tân, Hàng Châu và Quảng Châu, và cam kết rằng Hải Phòng sẽ trở thành một cảng biển tự do đối với tàu buôn Trung Quốc[45]. Bù lại, Pháp muốn quân Tàu Tưởng nhanh chóng rút khỏi Đông Dương khi quân Pháp đến. Tuy vậy, ngày 27 tháng Hai khi quân Pháp lên tàu tại Sài Gòn, những người đại diện Pháp đàm phán tại Hà Nội vẫn chưa nói với đối tác Tàu Tưởng của mình rằng quân Pháp đã sẵn sàng đổ bộ và sẽ triển khai đổ bộ. Có một điểm trong Hiệp ước Pháp - Tưởng quy định rằng quân Pháp sẽ tiếp quản Bắc Đông Dương trong nửa cuối tháng Ba, nhưng điểm đó chỉ nói về hành động "giao nhận" chứ không phải việc tiến hành chiếm đóng rầm rộ. Và các nhà đàm phán Pháp cũng không hé một lời với phía Tàu Tưởng về kế hoạch đối xử của Pháp với Chính phủ Việt Nam[46].

Ngay sau khi ký hiệp ước song phương Pháp - Tưởng tại Trùng Khánh, Pháp thông báo cho Bộ Tham mưu của Tưởng Giới Thạch rằng quân đổ bộ của Pháp đang trên đường tới Hải Phòng và sẽ tới nơi vào đầu tháng Ba. Tin này không làm Tàu Tưởng hài lòng. Phía Tàu Tưởng còn bất bình hơn khi biết rằng Pháp cũng muốn được giúp đỡ để trang bị lại vũ khí cho quân Pháp ở thành Hà Nội[47]. Ngày 1 tháng Ba, đoàn đàm phán Pháp vẫn nghĩ rằng Tàu Tưởng đồng ý giúp họ trong cuộc đổ bộ sắp tới. Đại tá Jean Crépin, nhà quân sự cấp cao chủ chốt trong đoàn đàm phán của Pháp tại Trùng Khánh dưới quyền Tướng Salan gửi điện tín cho Leclerc: "Thỏa thuận đã đạt được. Hạm đội hãy nhổ neo". Thế nhưng khi Pháp

yêu cầu Tàu Tưởng nhanh chóng dọn dẹp bến cảng, bảo đảm an ninh trên đường từ Hải Phòng về Hà Nội, tạo điều kiện thuận lợi cho 12 máy bay hạ cánh ở sân bay Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội và bảo đảm an ninh trên con đường từ Gia Lâm tới thành Hà Nội, Tàu Tưởng đã thẳng thừng từ chối. Pháp nhấn mạnh yêu cầu là chỉ huy quân sự phía Tàu Tưởng gửi những mệnh lệnh cần thiết tới Hà Nội ngay đêm 1 tháng Ba. Đoàn đàm phán Tàu Tưởng phản đối, tỏ ý muốn thoái thác với lý do sợ Việt Nam có thái độ thù địch người Hoa ở Bắc Kỳ, và họ tìm ra vô số lý do khác trong mấy ngày sau đó để từ chối thực hiện mong muốn của Pháp[48]. Đáng lẽ ra cuộc tranh cãi này phải được đích thân Tổng Tư lệnh Tưởng Giới Thạch giải quyết, nhưng ông ta lại đang bận rộn với Phiên họp thứ hai Đại hội Quốc dân Đảng lần thứ sáu, mà trong phiên họp này thì phe bảo thủ lại chỉ trích ông ta vì đã trao lại Việt Nam vào tay bọn thực dân Pháp. Chỗ bấu víu cuối cùng của Pháp là nhờ đại sứ Anh ở Trung Quốc là ngài Adrian Carton de Wiart nói giúp với ông bạn Tổng Tư lệnh Tưởng Giới Thạch, nhưng ý định này (mà Mountbatten không hay biết) cũng không thành công. De Wiart viết cho Mountbatten: "Hôm nay, đại sứ Pháp cử tham tán đến gặp tôi. Tôi rất lo ngại vì Leclerc đã cho tàu khởi hành từ Sài Gòn đến Hải Phòng, dự kiến ngày mùng 5 sẽ tới nơi. Leclerc nghĩ rằng hiệp định đã được ký rồi nhưng thực ra không phải... Pháp muốn tôi giúp và tất cả những điều tôi có thể làm là hỏi tổng tư lệnh liệu ông ta có trả đất cho Pháp hay không. Tôi nói với ông ta rằng nếu ông ta trả lời không, điều đó sẽ gây ra một tình huống hết sức không hay"[49].

Trước đó một tháng, khi Tướng Valluy trình Cominindo kế hoạch tái chiếm Bắc Kỳ, ông ta đã nhấn mạnh rằng chiến dịch không được tiến hành dưới hình thức thuần túy quân sự, mà phải "núp bóng" hành động ngoại giao đối với cả phía Tàu Tưởng và

phía Việt Nam[50]. Ngày 1 tháng Ba, "cái bóng ngoại giao" đã không mang lại kết quả ở Trùng Khánh, nhưng khi thất bại trong đàm phán ở trung ương thì phải thử ở địa phương. Thế là Tướng Salan bèn cố sức thuyết phục chỉ huy quân Tưởng tại Hà Nội giúp quân Pháp tràn vào Bắc Đông Dương. Nhiệm vụ của Salan không đơn giản, vì cả chỉ huy quân Tưởng chiếm đóng là Tướng Lư Hán và chỉ huy Đại đoàn 53 của Tàu Tưởng là Tướng Zhou Fucheng đều ở Trùng Khánh để tham dự đại hội của Quốc dân Đảng. Do vậy, Tướng Salan phải đàm phán với các chỉ huy cấp dưới như Tướng Ma Ying và Tướng Zhao Zhenfan và người đứng đầu phái đoàn cố vấn của chính quyền Tưởng tại Việt Nam là Shao Baichang. Ngày 3 tháng Ba, Salan gửi một bức thư cho Lư Hán định ngày đổ bộ là 6 tháng Ba, giải thích cách trang bị vũ khí cho binh lính trong thành Hà Nội và yêu cầu cho Pháp tự do vào tất cả các sân bay ở Bắc Đông Dương và sử dụng con đường nối Hải Phòng với Hà Nội[51]. Cuộc đối thoại giữa Salan và phía Tàu Tưởng nhanh chóng rơi vào bế tắc vì các tướng lĩnh phía Tàu Tưởng nói rằng họ cần thảo luận với nhau và cần thêm thời gian để biết chắc Trùng Khánh chỉ thị làm đúng như yêu cầu của Pháp. Lúc này thì Salan phải từ bỏ cố gắng để Tàu Tưởng hỗ trợ trong việc trang bị lại vũ khí cho lính Pháp trong thành Hà Nội và tập trung vào vấn đề khẩn cấp hơn, đó là việc cho quân Pháp đổ bộ xuống Hải Phòng. Trong cuộc gặp bắt đầu ngày 4 tháng Ba và kéo dài tới tận cuối buổi sáng ngày 5 tháng Ba, trước sự hối thúc của Salan, Tàu Tưởng chấp thuận cho tàu Pháp "hiện diện" tại Hải Phòng vào ngày 6 tháng Ba, nhưng không cho đổ bộ bất kỳ tên lính nào. Tuy vậy, cuối ngày hôm đó, khi những mệnh lệnh mới từ Trùng Khánh đến Hà Nội thì có vẻ ngay cả thỏa thuận này cũng không chắc chắn. Vậy là Salan phải bắt đầu lại từ đầu. Đêm mùng 5 rạng

ngày 6 tháng Ba, một lần nữa Salan lại đạt được thỏa thuận với mục đích ngăn cản chiến tranh Pháp - Trung bùng nổ tại Hải Phòng. Thế nhưng khi đến Hải Phòng sáng ngày 6 tháng Ba, tàu Pháp vẫn bị pháo binh Tàu Tưởng nã đạn.

Các cuộc đàm phán giữa Salan với sĩ quan Tàu Tưởng và chuỗi sự kiện dẫn tới cái gọi là "biến cố Hải Phòng" đã được mô tả kỹ trong cuốn sách của tác giả Lin Hua có tên *Chiang Kai-shek, de Gaulle contre Ho Chi Minh* (Cuộc đọ sức giữa Tưởng Giới Thạch, de Gaulle và Hồ Chí Minh) và trong cuốn sách của tác giả Frédéric Turpin mang tên *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*. Turpin thấy biến cố này là "bi thảm và ngu ngốc" và cho rằng ít nhất Tướng Leclerc có một phần lỗi gây ra sự kiện đó vì ông ta đã nắm được thông tin đầy đủ về tình hình, do vậy biết rằng nếu cứ cố đổ quân thì có nguy cơ xảy ra sự biến nghiêm trọng[52]. Như Lin Hua và Turpin đã chứng minh một cách chi tiết, Leclerc và những người dưới quyền ông ta lúc đó biết rằng biến cố Pháp - Trung tại Hải Phòng không xuất phát từ bất kỳ sự hiểu lầm nào, hay vì chỉ huy quân Tưởng ở Hà Nội ra chỉ thị trái với mệnh lệnh của Trùng Khánh. Mặc dù chính phủ trung ương của Tưởng và các chỉ huy quân sự của Tưởng ở Đông Dương có thể có quan điểm khác nhau[53], họ đều thống nhất với nhau ở điểm cần phải ngăn cản Pháp gây chiến tranh đối với Việt Nam. Vì vậy, khi quân Tưởng nã pháo vào chiến hạm Pháp trên đường tiến vào cảng Hải Phòng, họ đang bảo vệ lợi ích của riêng họ, cũng như lợi ích của người châu Á chống lại sự xâm lược của phương Tây. Lãnh đạo hành động này là một viên tướng người Mãn Châu tên là Wang Lihuan, chỉ huy Sư đoàn 130, Đại đoàn 53. Mệnh lệnh nổ súng của Wang Lihuan căn cứ vào cách giải thích mà theo ông ta là đúng đắn nhất đối với chỉ thị của Trùng Khánh[54]. Khi ban lệnh này, ông ta chưa biết rằng

hiệp định Pháp - Việt sắp sửa hoàn thành. Vụ đụng độ kết thúc lúc 11h sáng, khi ông ta biết tin phiên họp đàm phán cuối cùng giữa Sainteny và Hồ Chí Minh đã kết thúc và người ta đang chuẩn bị lễ ký. Nếu cho đến lúc này mà hai bên đàm phán chưa đạt được thỏa thuận thì Tướng Wang chắc hẳn sẽ tiếp tục chống lại cuộc tấn công của Pháp với sự cố vấn giá trị của các sĩ quan Nhật mà ông ta vẫn đang giam giữ[55]. Hành động của quân Tưởng hoàn toàn không phải do vô kỷ luật như một số nhà sử học nghĩ. Đó là một vụ tống tiền có chủ ý và có toan tính trước, nhằm mục đích ép Việt Nam và Pháp thỏa hiệp với nhau. Tàu Tưởng không muốn bị mắc kẹt trong chiến tranh Pháp - Việt, vì vậy, họ làm mọi cách để áp đặt hòa bình. Và họ đã thành công.

Trong nội bộ Quốc dân Đảng, từ lâu, phe tả khuynh dân tộc chủ nghĩa đã thúc đẩy chính sách giúp người Việt tự giải phóng từ tay Pháp. Một nội dung của chính sách này là tìm cách tăng cường ảnh hưởng của các đảng Việt Nam đối lập thân Tàu, các đảng này còn bài Pháp hơn nhiều so với đảng cộng sản. Phe bảo thủ dân tộc chủ nghĩa Quốc dân Đảng có mặt trong số sĩ quan cũng như cố vấn Tàu Tưởng ở Việt Nam. Tuy nhiên, mối lo riêng của Tưởng Giới Thạch là chiến tranh với lực lượng Hồng vệ binh của Mao Trạch Đông ở Bắc Trung Quốc đã bùng nổ trở lại từ tháng Hai 1946 sau một thời gian lắng dịu nhờ sự can thiệp của Mỹ. Tưởng Giới Thạch sợ quân Xôviết sẽ rút khỏi Mãn Châu Lý và để vùng đất này rơi vào tay cộng sản Trung Quốc. Ở đông nam Trung Quốc (các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông), Tưởng chỉ muốn bảo vệ và củng cố sự kiểm soát của mình đối với khu vực này, đồng thời tìm cách để các tướng lĩnh địa phương cung cấp binh lính cho ông ta tiến hành chiến tranh ở miền Bắc. Ông ta không muốn dính líu vào cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam, mà cũng

không muốn bị coi là giúp Pháp đàn áp một dân tộc châu Á anh em. Ông ta muốn vùng đệm phía nam của ông ta yên ổn để còn tập trung vào chiến tranh giành Mãn Châu. Ông ta dự kiến điều Đại đoàn 60 chủ yếu là lính xuất thân từ tỉnh Vân Nam đến các cảng Hải Phòng và Hòn Gai để đi đường biển ra mặt trận Mãn Châu. Để làm được điều này, phải ngăn chặn chiến tranh giữa Pháp và Việt Nam. Tàu Tưởng đã ký hiệp ước ngày 28 tháng Hai không chỉ để chấm dứt các đặc quyền của Pháp trên đất Trung Quốc hay để thu lại một món tiền lớn, mà còn vì việc Trung Quốc công nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương có thể góp phần bảo đảm sự công nhận của cộng đồng quốc tế đối với chủ quyền của Trung Quốc tại Mãn Châu - vùng lãnh thổ mà Nhật tách ra khỏi Trung Quốc và biến thành nhà nước Mãn Châu độc lập. Đây là một trong những lý do khiến Tưởng Giới Thạch cam kết rút quân chứ không theo đuổi chính sách giải phóng Đông Dương từ tay Pháp như Roosevelt từng mong muốn.

Vào tháng Hai, trước khi ký Hiệp ước với Pháp, Tàu Tưởng đã cố gắng cải thiện quan hệ giữa đội quân Tưởng chiếm đóng với các đại diện của Pháp tại Bắc Kỳ. Suốt từ tháng Chín 1945 tới lúc này, đại diện của Pháp tại Bắc Kỳ liên tục lên án quân Tưởng cướp phá khắp nơi, không tôn trọng chủ quyền của Pháp và hầu như không làm gì để bảo vệ thường dân Pháp ở đây. Đội quân Vân Nam đói rách, vô kỷ luật một phần đã rút về Trung Quốc, một phần dồn về khu vực ven biển Hải Phòng - Hòn Gai, đẩy quân Việt Nam ra khỏi khu vực này. Thay thế đội quân Vân Nam là Đại đoàn 53 có kỷ luật hơn trực thuộc chính quyền Tàu Tưởng. Từ ngày 9 đến 26 tháng Hai, Tướng Lư Hán, tỉnh trưởng tỉnh Vân Nam và chỉ huy tối cao các lực lượng chiếm đóng của Tàu Tưởng tại Việt Nam đã có mặt tại Hà Nội và trong thời gian này, ông ta cố gắng hết sức để

thực hiện chính sách thân Pháp của Tàu Tưởng. Đổi lại, ông ta nhận được một "món quà quý" của Pháp và theo viên lãnh sự Pháp tại Côn Minh, ông ta khuyên Hồ Chí Minh thỏa hiệp với chính quyền thực dân Pháp[56].

ĐÀM PHÁN VỚI VIỆT NAM

Nhiệm vụ của Jean Sainteny với tư cách Ủy viên Pháp tại Bắc Kỳ và miền Bắc An Nam không hề dễ dàng. Ông ta đại diện cho nước Pháp tại một vùng mà công dân Pháp tiếp tục bị giam lỏng, trong khi quân Nhật đã bị quân Tưởng giải giáp vũ khí. Sainteny cố gắng bảo vệ các thường dân Pháp cũng như binh lính bị giam và xây dựng mối quan hệ với vị chủ tịch "Chính phủ cách mạng Annam" là Hồ Chí Minh. Từ tháng Mười 1945 trở đi, hai người thỉnh thoảng lại gặp nhau, một trong những lần gặp nhau đó là một vòng đàm phán đặc biệt quan trọng diễn ra ngày 1 tháng Mười hai 1945. Sainteny có phụ tá là Léon Pignon và một người theo SFIO tên là Louis Caput, trong khi đứng đằng sau Hồ Chí Minh là Võ Nguyên Giáp và Hoàng Minh Giám. Từ sau cuộc tổng tuyển cử toàn quốc ngày 6 tháng Giêng khẳng định tính hợp pháp của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đàm phán giữa Hồ Chí Minh và Sainteny đi sâu vào nội dung thực chất hơn. Hai vấn đề chính là quyền độc lập của Việt Nam và quy chế của miền Nam Việt Nam hay còn gọi là Nam Kỳ. Sainteny nhất quyết không chịu sử dụng từ "độc lập" hay trao cho Chính phủ Việt Nam chủ quyền dù dưới bất kỳ hình thức nào ở Nam Kỳ, vùng đất có ý nghĩa nhất về kinh tế ở Đông Dương.

Ngày 16 tháng Hai là một ngày có ý nghĩa quyết định. Hồ Chí Minh đang ở trong tình thế cực kỳ khó khăn về chính trị ngay trong thời gian nước rút chuẩn bị cho kỳ họp đầu tiên của Quốc hội mới được bầu trước đó không lâu, đối mặt với các đảng phái dân tộc chủ nghĩa

đối lập được Tàu Tưởng công khai ủng hộ đang đòi ông từ chức. Cơn sóng gió này xảy ra trước khi người Việt Nam biết rằng Pháp đang tập hợp quân xâm lược, vì vậy, Hồ Chí Minh quay sang Sainteny và tỏ ý là có thể Hồ Chí Minh sẽ không yêu cầu "độc lập" ngay lập tức mà có thể chấp nhận "tự quản", với mục tiêu cuối cùng là độc lập. Như đã nêu trên, chuyện này xảy ra đúng vào lúc Leclerc yêu cầu Chính phủ Pháp ra một tuyên bố công khai có từ "độc lập". Sự mềm mỏng bất ngờ của Hồ Chí Minh cất cho Pháp được gánh nặng phải sử dụng một từ ngữ nguy hiểm và tạo ra cho người Pháp ảo tưởng tạm thời là họ sắp vớ bở. Họ sẽ sớm thất vọng.

Sau cái có vẻ như là một bước tiến lớn trong đàm phán, Sainteny đến Sài Gòn để nhận chỉ thị của Leclerc. Ngày 19 tháng Hai, ông ta trở về Hà Nội, trên đường phố hôm đó xảy ra những cuộc biểu tình của phe dân tộc chống cộng sản. Phe đối lập biết rằng Hồ Chí Minh đang đàm phán với Pháp và lợi dụng điều đó để phao tin Hồ Chí Minh sắp "trao đổi" nền độc lập của đất nước với Pháp và đòi Người phải rút lui, nhường chức chủ tịch nước cho cựu hoàng Bảo Đại. Sáng ngày 22 tháng Hai, tình hình chính trị cũng như việc Tưởng ủng hộ các đảng đối lập khiến Hồ Chí Minh lo ngại tới mức Người thực sự đã đề nghị trao chức chủ tịch cho cố vấn tối cao Bảo Đại, nhưng ngay trong tối hôm đó, Người thay đổi ý kiến và rút lời đề nghị đó*. Hồ Chí Minh chuyển sang chủ động đàm phán với cả đại diện của Tàu Tưởng và các chính trị gia đối lập, kết quả là họ đạt được một thỏa thuận ngày 24 tháng Hai về việc thành lập một chính phủ liên hiệp quốc gia mới. Điều này giúp cho Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định uy tín của mình và trở lại quan điểm cứng rắn hơn trong đàm phán với Sainteny.

---

* Theo tài liệu của tác giả (*BT*).

Trong những ngày tiếp theo, hai người gặp nhau một vài lần nữa nhưng không có tiến triển gì về thực chất. Bỗng nhiên có tin Hiệp ước Pháp - Trung đã được ký tại Trùng Khánh, trong đó quy định Pháp sẽ thay thế Tàu Tưởng. Điều này khiến phía Việt Nam lại rơi vào tình thế khẩn trương mặc dù ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Việt Nam không phải là thỏa thuận với Pháp mà là tập hợp tất cả các đảng phái vào chính phủ để tập trung sức mạnh chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc sắp tới. Vì lý do đó, kế hoạch khai mạc Quốc hội đầu tiên của Việt Nam đã được đẩy lên sớm một ngày, ngày 2 tháng Ba.

Hôm đó, Quốc hội tổ chức cuộc họp đầu tiên với mối đe dọa Pháp xâm lược treo lơ lửng. Trong một cuộc họp ngắn, 242 đại biểu Quốc hội có mặt đã ra một số quyết định và nhất trí tuyệt đối phê chuẩn Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh đứng đầu. Một trong những nhà lãnh đạo phe dân tộc là Nguyễn Hải Thần trở thành Phó Chủ tịch và một người khác - Nguyễn Tường Tam - là Bộ trưởng Ngoại giao. Người thứ ba - Vũ Hồng Khanh - như đã nêu ở phần trên cuốn sách, được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban toàn quốc kháng chiến do một người thân cận và được Hồ Chí Minh hết sức tin tưởng là ông Võ Nguyên Giáp lãnh đạo. Kỳ họp Quốc hội này ban đầu dự kiến kéo dài vài ngày, nhưng vì lý do an ninh, kỳ họp đã được rút ngắn xuống còn vẻn vẹn bốn giờ đồng hồ. Lý do có lẽ là Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Giáp cho rằng quân Pháp có thể ập vào bất kỳ lúc nào. Vì chưa có thêm tiến triển gì mới trong đàm phán giữa Hồ Chí Minh và Sainteny, chắc hẳn ban lãnh đạo Việt Nam phải chuẩn bị tư tưởng cho một cuộc đối đầu một mất một còn nếu như Pháp đổ bộ. Phía Tưởng cũng thấy trước mối nguy này và bắt đầu gây áp lực mạnh mẽ lên cả hai bên để "kiến tạo" hòa bình.

CƯỠNG BỨC HÒA BÌNH

Không thể xác định một cách chính xác vai trò của Tưởng Giới Thạch trong các sự kiện sau đây. Tức là có thể các tướng lĩnh của Tưởng hành động độc lập với ông ta khi từ chối đề nghị hỗ trợ Chiến dịch Bến Tre của Pháp[57]. Nhưng có nhiều khả năng là "Tưởng Quốc trưởng" đồng ý với các tướng lĩnh này và chính ông ta ra lệnh cho họ ngăn cản việc quân Pháp đổ bộ cho tới khi hiệp định Pháp - Việt được ký. Trong nội bộ Trung Quốc thì chính sách cưỡng bức, tống tiền đã manh nha trong phần kiến nghị của một báo cáo đề ngày 6 tháng Hai của Yuan Zijian, cố vấn chính trị của Tướng Lư Hán, chỉ huy quân Tưởng chiếm đóng ở Bắc Đông Dương: "Tại thời điểm này, Pháp không làm gì được Việt Nam, và chúng ta giữ chìa khóa của tình hình". Yuan Zijian kết luận rằng cách duy nhất để ngăn thảm họa nối tiếp nhau xảy ra là ép Pháp phải đạt được một thỏa thuận công bằng ở mức nhất định với Việt Nam, bao gồm cả thỏa thuận về quy chế chính trị của Việt Nam[58].

Giờ thì chúng ta hãy cùng nhau điểm lại theo trình tự thời gian những sự kiện xảy ra trong bốn ngày Tàu Tưởng thực hiện cưỡng bức để có hòa bình:

Ngày 3 tháng Ba: Một sĩ quan liên lạc của Pháp ở Hà Nội hỏi đồng nghiệp Tàu Tưởng xem nếu Pháp đổ bộ khi chưa có thỏa thuận Pháp - Việt, liệu quân Tưởng có nổ súng hay không. Câu trả lời là có, nhưng phía Tưởng đang gây áp lực mạnh mẽ buộc các đảng phái ở An Nam đoàn kết. Pháp nên đợi một thời gian để phía Việt Nam thực sự đoàn kết lại trong một khối liên minh chân thành. Quân Pháp không được xuất hiện trước khi khối liên minh này hình thành[59]. Một ngày trước, Quốc hội đã phê chuẩn việc thành lập Chính phủ liên hiệp mới của Hồ Chí Minh, nhưng tới ngày 4 tháng Ba, Chính phủ liên hiệp kháng chiến mới họp.

Ngày 4 tháng Ba: Trong một cuộc hội đàm Pháp - Trung kéo dài tại Hà Nội, Tướng Ma Ying nêu khả năng "sinh biến với các phe phái Việt Nam. Nếu có đánh nhau, sẽ có lộn xộn, [và] an ninh trật tự sẽ bị ảnh hưởng; do đó, phải tìm kiếm một giải pháp hạn chế những rắc rối có thể xảy ra trong trường hợp có lộn xộn". Ban đầu, Salan trả lời là "quả thật có khả năng xảy ra đánh nhau, nhưng khi chúng tôi triển khai xong việc đổ bộ, trách nhiệm giữ an ninh trật tự sẽ chuyển sang chúng tôi và khi đó chúng tôi sẽ có đầy đủ phương tiện để bảo đảm an ninh trật tự. Có thể ban đầu có một số xáo trộn nhất định, nhưng tình hình sẽ nhanh chóng lắng xuống và không có lý do gì phải lo ngại xảy ra rắc rối lớn". Một thoáng sau, Salan nói thêm: "Vả lại đàm phán với chính phủ An Nam đang được tiến hành và không loại trừ khả năng chúng tôi làm bạn với họ... Khi các ông rời đi thì rất có thể thỏa thuận với An Nam đã ký xong, như thế tình hình sẽ sáng tỏ hơn nhiều". Phía Tàu Tưởng nói họ thấy nên giải quyết bằng con đường chính trị trước khi quân Pháp đến thì tốt hơn. Salan trả lời: "Chúng tôi đang cố"[60].

Cũng trong ngày 4 tháng Ba, Chính phủ liên hiệp mới của Hồ Chí Minh tổ chức phiên họp đầu tiên và trao cho Hồ Chí Minh quyền tiếp tục đàm phán. Trong khi đó, Cominindo hỏi Cao ủy d'Argenlieu liệu ông ta có trì hoãn chiến dịch quân sự cho đến khi thỏa thuận được với Hồ Chí Minh hay không, và nói thêm: "Chúng tôi mong muốn ông cố gắng hết sức để đạt được thỏa thuận với phía Việt Nam trước khi mở màn chiến dịch quân sự"[61]. D'Argenlieu cho Leclerc biết Chính phủ Pháp tỏ ý muốn chừng nào thỏa thuận với Hồ Chí Minh ký xong thì "chiến dịch tiếp quản" mới diễn ra, nhưng bổ sung rằng cá nhân d'Argenlieu đã biết rõ về kế hoạch đổ bộ của quân Pháp tại Hải Phòng, Hòn Gai và cướp ngục tại Hà Nội. "Và cuối cùng thì ngài phải tự quyết định thôi", d'Argenlieu nói[62]. Ý nghĩa của chuyện này có lẽ là mặc dù biết rõ mong muốn của

Chính phủ Pháp, d'Argenlieu toan tính cứ đổ bộ ngay cả khi không có thỏa thuận với Hồ Chí Minh và cho rằng Leclerc cũng tính như mình. Để Chính phủ Pháp không chỉ trích họ, d'Argenlieu khuyến cáo Marius Moutet là cần phải cảnh giác với âm mưu của quân Tưởng và có thể phía An Nam đã "đi đêm" với quân Tưởng ở Đông Dương và điều đó rất có thể là gây ra xung đột vũ trang. Có lẽ vì d'Argenlieu không muốn nói trắng ra về nguy cơ này nên ngôn từ của ông ta đầy bí hiểm: "Nếu chính phủ tiếp tục ủng hộ chúng ta, và đó là một điều cực kỳ quan trọng, chuyến này chúng ta sẽ qua cầu... Tôi cho rằng điều nên làm là cho phép mọi chuyện xảy ra và phơi ra ánh nắng mặt trời một vài ngày để đánh giá hành động mà chúng ta quyết tâm làm. Đừng ngạc nhiên nếu các thông báo của tôi có vẻ lạnh lùng và bàng quan"[63]. Đây là lời lẽ của một người biết rằng quyết định của mình có thể làm bùng nổ chiến tranh, và chính phủ của ông ta sẽ không ưa gì quyết định đó, nhưng cũng sẽ không dám chỉ trích ông ta, chủ yếu là vì ông ta được Tướng de Gaulle ủng hộ.

Ngày 5 tháng Ba: Buổi sáng, chỉ huy Đại đoàn 53 quân Tưởng gửi một bức điện từ Trùng Khánh tới Hà Nội với nội dung: "Thúc Hồ Chí Minh ký với Pháp... Lệnh Sư đoàn 130, Đại đoàn 53 cản Pháp đổ bộ khi đàm phán Pháp - Việt chưa hoàn tất"[64]. Salan cũng báo cho Leclerc rằng quân Tưởng đã cam kết gây áp lực mạnh đối với Hồ Chí Minh trong đêm đó để thúc đẩy thỏa hiệp[65].

Ở Hà Nội lúc này, các cuộc hội đàm giữa Salan với các tướng lĩnh Tàu Tưởng trực tiếp đả động tới tiến trình đàm phán giữa Sainteny và Hồ Chí Minh...

Tướng Zhao Zhenfan không dễ bị đe dọa, mà ngược lại còn kiên quyết: "Không như các ngài, tôi ngờ rằng sẽ có những vụ việc nghiêm trọng. Phía An Nam chắc chắn sẽ tấn công cả quân Pháp và quân Tưởng. Nếu xảy ra tấn công, chúng tôi phải tự vệ và

không bảo vệ được thường dân Pháp nữa đâu". Salan bèn nhắc lại lời hứa của ông ta vài ngày trước là sẽ chịu trách nhiệm cá nhân nếu xảy ra bất kỳ vụ việc nào: "Có thể có chết chóc, nhưng không ai có thể ngăn cản điều đó cả. Theo cách lập luận của ngài thì người Pháp chẳng lẽ không bao giờ đổ bộ được hay sao... Điều tôi yêu cầu chỉ đơn giản là quân Tưởng không bắn vào quân Pháp, là không để xảy ra va chạm giữa quân Tưởng với quân Pháp, và rằng phía Tàu Tưởng để chúng tôi đổ bộ. Chúng tôi chịu trách nhiệm về những việc còn lại".

Phía Tàu Tưởng giả ngây giả điếc trước yêu cầu này và nêu lại sự cần thiết phải ký thỏa thuận với Hồ Chí Minh trước đã. Salan phản đối: "Không ai thỏa thuận được điều gì với ông ta... Chỉ cần chúng tôi lên bến thì mọi chuyện ở đây sẽ được giải quyết êm đẹp"[66].

Cũng vào lúc đó, tác giả của kế hoạch Bến Tre là Trung tá Lecomte nhận ra rằng Pháp đã tự đưa mình vào một cái bẫy. Ông ta ở Hà Nội và chỉ có thể liên lạc bằng vô tuyến điện với Leclerc. Ông ta bèn viết tay một lời nhắn Sainteny mà về sau trở nên nổi tiếng với nội dung như sau:

> Lúc này ta không thể sửa đổi cách triển khai kế hoạch của chúng ta nên chúng ta có nguy cơ vướng phải những xung đột đẫm máu với quân Tưởng, và những sự kiện như vậy sẽ còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng trên bình diện quốc tế. Hy vọng duy nhất của chúng ta để thay đổi thái độ của quân Tưởng là báo cho họ rằng thỏa thuận giữa ta với An Nam đã được ký. Trong tình huống nghiêm trọng này và xét phạm vi của cuộc xung đột có thể sẽ xảy ra, nhân danh Tướng Leclerc, người đã cho phép tôi nói với ông điều này, tôi yêu cầu ông ngay lập tức làm tất cả những gì ông có thể làm để đạt được một thỏa thuận càng sớm càng tốt, kể cả khi phải chấp nhận những điều mà về sau có thể phủ nhận[67].

Như vậy là vào thời điểm này, về cơ bản, đáng lẽ Hồ Chí Minh có thể giành được bất kỳ điều gì ông muốn, ít nhất là trên giấy tờ. Nhưng tất nhiên Tàu Tưởng không chỉ tống tiền Pháp. Họ cũng gây áp lực với cả phía Việt Nam nữa. Không may là các nhà sử học vẫn chưa có điều kiện tiếp cận bất kỳ biên bản trao đổi nào giữa Hồ Chí Minh và tướng lĩnh Tàu Tưởng. Tối mùng 5 tháng Ba, Tướng Zhao gặp Hồ Chí Minh rồi sau đó đích thân chuyển đề xuất của Hồ Chí Minh tới đoàn đàm phán Pháp[68]. Vào thời điểm muộn màng này, bất ngờ đoàn Việt Nam đưa ra một vấn đề tranh cãi mới là sự cần thiết phải xác định số quân Pháp được phép có mặt ở miền Bắc, họ được ở lại bao lâu và đóng đồn ở những điểm nào. Còn vài giờ nữa thì sang ngày mới, Việt Nam vẫn kiên quyết không chấp nhận cho bất kỳ tên lính Pháp nào vào Hà Nội và đòi Pháp phải đưa tất cả những binh lính đang bị giam giữ tại thành Hà Nội về nước. Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như vậy, lại không thể xin ý kiến Paris hay Sài Gòn, Sainteny và Salan đã đặt bút ký vào những nghĩa vụ mà về sau chính phủ của họ sẽ thấy khó mà tôn trọng. Những nghĩa vụ đó được viết trong một phụ lục quân sự đi kèm với hiệp định chính trị mà nội dung của nó đã được chốt lại[69].

Ngày 6 tháng Ba: Rạng sáng, những chiến hạm Pháp đầu tiên đến Hải Phòng và vấp phải hỏa lực mạnh của quân Tưởng. Ban đầu, quân Pháp không đáp trả mặc dù phải chịu khá nhiều thương vong, nhưng sau đó quân Tưởng tiếp tục xả súng, Pháp liền nã pháo vào các cứ điểm của Tàu Tưởng khiến một kho đạn của Tàu Tưởng trúng phải đạn pháo của Pháp và nổ tung. Hai bên đọ súng tới 11h trưa, trong lúc đó hai đoàn đàm phán tại Hà Nội tiếp tục mặc cả về những chi tiết cuối cùng của phụ lục về các vấn đề quân sự đính kèm hiệp định. Từ 6h sáng, khi hai bên bắt đầu phiên đàm phán, nội dung hiệp định tạm coi là đã xong nhưng hai bên lại

đàm phán tiếp về phụ lục cho đến tận 11h trưa, vì vậy đến 4h chiều văn bản mới làm xong. Tướng Salan chỉ có một khoảng thời gian ngắn để đọc lại văn bản trước khi đặt bút ký toàn bộ Hiệp định sơ bộ, bao gồm phụ lục về vấn đề quân sự. Lễ ký được tổ chức vào lúc 5h chiều[70].

Một báo cáo tình báo của Pháp khẳng định phía Tàu Tưởng có vai trò nhất định trong việc tác động đến quyết định của Hồ Chí Minh vào giai đoạn đàm phán cuối cùng: "Giới chức Tàu Tưởng được [các thành viên đoàn đàm phán Việt Nam] thông báo diễn biến tình hình đàm phán đến từng phút một"[71]. Phía Tàu Tưởng có lẽ cũng thiết kế chi tiết để không chỉ Chủ tịch mà cả Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến là Vũ Hồng Khanh cũng đều ký vào Hiệp định cùng với Sainteny[72]. Điều này có ích cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và Việt Minh vì nó khiến Vũ Hồng Khanh và đảng của ông ta không thể lên án Việt Minh bán nước cho Pháp.

Tối hôm đó, d'Argenlieu giải thích cho Chính phủ Pháp lý do ông ta cho phép ký Hiệp định: "Các tham mưu của Tàu Tưởng ở Trùng Khánh lật lọng, đồng thời giới chức quân sự Tàu Tưởng tại chỗ thúc bách ta ký một thỏa thuận với chính phủ An Nam tại Hà Nội trước khi cho quân đổ bộ, tất cả điều này buộc chúng tôi phải gấp rút ký kết Hiệp định"[73].

KẾT QUẢ

Từ 11h trở đi, Hải Phòng đã im tiếng súng, nhưng chưa người lính Pháp nào được đặt chân xuống mặt đất. Chiều hôm đó, một đại đội tượng trưng được phép đổ bộ. Ngày 7 tháng Ba, thêm một số lính Pháp được rời tàu sau khi hai đại diện Chính phủ Việt Nam lên tàu Sénégalais đón Leclerc. Leclerc nói với họ một cách thô lỗ rằng "dù phía các ông có đồng ý hay không" thì Pháp vẫn cứ đến[74]. Quân Tưởng chỉ định một khu vực quân Pháp được phép hạ trại,

sau đó một nhóm lớn lính Pháp đầu tiên mới thực sự đổ bộ và hạ trại tại đó. Trong hai tuần tiếp theo, chưa có gì chắc chắn là Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba sẽ đứng vững. Phản ứng của dân chúng Việt Nam chưa có gì là rõ ràng. Mặc dù chữ ký của Vũ Hồng Khanh đặt cạnh chữ ký của Hồ Chí Minh, song những người dân tộc chủ nghĩa đối lập với Việt Minh vẫn lên án chính phủ bán nước. Trước tình hình đó, chính phủ triệu tập một cuộc míttinh lớn ở Hà Nội tối mùng 7 tháng Ba để bảo vệ lập trường của mình. Ông Giáp, ông Khanh và Hồ Chí Minh phát biểu giải thích sự cần thiết phải thỏa hiệp với Pháp, đám đông dân chúng hoan nghênh. Ông Giáp trình bày ba lựa chọn trước mắt: một cuộc kháng chiến lâu dài, một cuộc kháng chiến ngắn, hay thỏa hiệp bằng đàm phán. Lựa chọn thứ nhất sẽ gây ra nhiều mất mát, thương vong mà không chắc chắn thành công vì điều kiện thế giới chưa thuận lợi. Lựa chọn thứ hai sẽ dẫn đến thất bại vì Pháp có đầy vũ khí tối tân. Do vậy, chính phủ đã chọn phương án thứ ba. Phương án này cho phép Việt Nam có thêm thời gian xây dựng lực lượng cả về kinh tế và quân sự. Ông Giáp so sánh Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba với hiệp định của chính phủ cách mạng của Lênin với Đức tại Brest-Litovsk năm 1918: "Chẳng phải nhờ hiệp định này mà nước Nga đã trở thành cường quốc hay sao? Tư tưởng chủ đạo, mục tiêu cuối cùng của chính phủ là hòa bình để phát triển. Con đường mà hiệp định này mở ra dẫn đến độc lập hoàn toàn trong tương lai, và chúng ta quyết giữ mục tiêu đó"[75]. Phát biểu của ông Giáp và Hồ Chí Minh đã dẹp đường cho lực lượng Leclerc tiến từ Hải Phòng đến Hà Nội và đặt chân vào thủ đô Hà Nội ngày 18 tháng Ba. Theo nguồn tin lịch sử chính thức, Hiệp định ngày 6 tháng Ba được coi là một giải pháp giúp Chính phủ Việt Nam tránh phải tranh đấu đồng thời với cả Trung Quốc và Pháp. Chính phủ Việt Nam đã "tìm kiếm thỏa hiệp với

người Pháp để chấm dứt tình trạng chiếm đóng của quân Tưởng Giới Thạch và để kéo dài thêm thời gian"[76]. Cần thêm thời gian để dẹp không chỉ quân Tưởng chiếm đóng, mà còn phải tiêu diệt bè lũ "phản cách mạng" được quân Tàu Tưởng nâng đỡ, để xây dựng và chuẩn bị cho quân đội Việt Nam kháng chiến lâu dài.

Cũng khó mà biết được Pháp có ý định tôn trọng hiệp định này hay không. Lính Pháp trong thành Hà Nội chưa mất hy vọng trả thù, và quân viễn chinh Pháp vẫn lăm le triển khai Chiến dịch Bến Tre. Ngày 8 tháng Ba, d'Argenlieu than phiền riêng với Tướng Valluy: "Tôi kinh ngạc, vâng, ngài đại tướng ạ, tôi không biết dùng từ gì khác hơn là kinh ngạc, rằng nước Pháp có một lực lượng quân viễn chinh hùng hậu như vậy, mà các chỉ huy của lực lượng này lại muốn đàm phán hơn là đánh nhau"[77]. Ngày hôm sau, trong một bài diễn văn tưởng niệm những người kháng cự quân Nhật khi Nhật đảo chính Pháp ngày 9 tháng Ba năm trước, ông ta nói rằng ông ta chấp nhận Hiệp định ngày 6 tháng 3, rằng hiệp định này "cũng tốt"[78], nhưng ông ta dùng cụm từ "chính phủ Hà Nội" khi nói đến Chính phủ Việt Nam, và ông ta so sánh quy chế của Việt Nam với quy chế của Campuchia đã ký hiệp định với Pháp ngày 7 tháng Giêng[79]. Trong khi đó, binh lính và sĩ quan Pháp ở Hải Phòng lăm le tiến về Hà Nội. Quân Tưởng chần chừ không muốn rút vì thấy tình hình chưa thực sự yên, nhưng Pháp hối thúc Tàu Tưởng trao chính quyền cho Pháp trước cuối tháng Ba, thực hiện nghĩa vụ theo Hiệp ước Trùng Khánh. Lúc này Pháp đặt lại với Tàu Tưởng vấn đề trang bị lại vũ khí cho lính Pháp trong thành Hà Nội. Quân Tưởng miễn cưỡng chấp thuận cho 10 máy bay Pháp chất đầy súng cất cánh từ sân bay Tân Sơn Nhất ở ngoại thành Sài Gòn, bí mật mang tới sân bay Gia Lâm, từ đây, số súng này sẽ được chuyển vào nội thành Hà Nội bằng xe tải. Bất ngờ Tàu Tưởng đổi ý, Tướng Salan

đành phải ra lệnh cho các máy bay này chuyển hướng, hạ cánh ở Pạcxê, Lào. Ngày 21 hay 22 tháng Ba, súng mới được chuyển đến, lúc đó quân Leclerc đã có mặt trong thành phố mà không phát đạn nào được bắn ra[80].

Không một ai cảm thấy biết ơn quân Tưởng vì đã đóng vai trò nhất định trong việc thiết kế Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba và giám sát buộc các bên tôn trọng hiệp định này trong mấy tuần sau khi hiệp định được ký. Hai mươi vạn quân Tưởng, đặc biệt là cánh quân Vân Nam đã cướp bóc, vơ vét mọi thứ trên mặt đất. Cả người Việt và người Pháp đều căm ghét chúng. Hầu như cùng lúc Hiệp định ngày 6 tháng Ba được ký tại Hà Nội, cựu Thủ tướng Anh Winston Churchill đọc một bài diễn văn nổi tiếng tại Fulton, bang Missouri, trong đó có đoạn: "Từ Stettin ở biển Bantích tới Trieste ở vùng biển Adriatic, một tấm màn sắt đã sập xuống cắt ngang lục địa [châu Âu]. Sau tấm màn đó là tất cả các thủ đô của các nước châu Âu cổ xưa thuộc Trung Âu và Đông Âu. Warsaw (Vácsava), Berlin (Béclin), Prague (Praha), Vienna (Viên), Budapest (Buđapét), Belgrade (Bengrết), Bucharest (Bucarét) và Sofia (Xôphia)... Tình hình cũng hết sức đáng ngại ở Viễn Đông và đặc biệt là ở Mãn Châu". Xtalin lúc này vừa quyết định rút quân Liên Xô khỏi Mãn Châu trước khi Tưởng Giới Thạch kịp bố trí một lực lượng quân đội đủ mạnh tại đây nhằm ngăn cản Hồng vệ binh tiếp quản Mãn Châu. Tháng Sáu 1946, nội chiến thực sự bùng nổ tại Trung Quốc, và ba năm sau, Tưởng Giới Thạch buộc phải chạy ra Đài Loan. Năm 1950, một số sĩ quan Tàu Tưởng từng phục vụ quân Tàu Tưởng tại Việt Nam trong thời gian 1945-1946 được Mao Trạch Đông cử quay lại "vùng giải phóng" ở Bắc Đông Dương với tư cách cố vấn, huấn luyện viên và chuyên gia cầu cống giúp Việt Minh[81]. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không chú ý nhiều đến việc tuyên

truyền vai trò của Tàu Tưởng trong những năm 1945-1946, nhưng khi chúng ta rà lại những sự kiện xảy ra trong thời gian từ tháng Hai đến tháng Ba 1946, chúng ta thấy rõ rằng "nền hòa bình" ngắn ngủi và mong manh từ tháng Ba đến tháng Mười một, tiền đề để Hồ Chí Minh đến thăm nước Pháp và bước vào chính trường thế giới với tư cách đại diện quốc gia, cũng như tạo điều kiện cho ông Giáp xây dựng quân đội Việt Nam, là một nền hòa bình do Tàu Tưởng dựng lên. Quân át chủ bài của Trung Quốc là cả Việt Nam và Pháp đều muốn tránh nguy cơ chiến tranh trên cả hai mặt trận. Tướng Valluy đã nói rõ với Thủ tướng Pháp rằng chiến tranh trên cả hai mặt trận là không thể chấp nhận được: "Chỉ có thể trì hoãn giải pháp cho Bắc Kỳ trong vòng tối đa là một hay hai tháng nữa. Giải pháp này không nên thể hiện dưới hình thức hành động quân sự thuần túy, vì điều đó sẽ khiến ta ở vào thế cùng lúc đối đầu với Tàu Tưởng và An Nam". Các nhà lãnh đạo Việt Minh cũng nhận định tương tự như vậy một thời gian ngắn trước khi họ quyết định ký Hiệp định ngày 6 tháng Ba: "Nếu Pháp công nhận chủ quyền của Việt Nam, chúng ta có thể hòa hoãn. Hòa hoãn để dẹp Tàu Tưởng tham tàn, tiêu diệt bè lũ phản cách mạng trong nước và tàn dư phátxít Pháp. Nếu không, chúng ta sẽ bị cô lập và phải chiến đấu với hai kẻ thù cùng lúc và có thể thất bại"[82].

Tàu Tưởng đã tiếp tục tác động trong bao lâu để giữ nền hòa bình đó? Theo ý kiến chưa được khẳng định, cho tới tận ngày 18 tháng Chín, khi đơn vị lính Tưởng cuối cùng rút khỏi Hải Phòng, quân Tưởng mới buông tay. Chừng nào mà còn ít nhất vài tên lính Tưởng chiếm đóng ở Bắc Đông Dương, mọi sự đối đầu vũ lực công khai giữa Pháp và Việt Nam đều có nguy cơ gây chấn động ở tầm quốc tế. Tam giác quyền lực của ba quốc gia đều có lực lượng quân

đội hiện diện trên cùng một lãnh thổ có khuynh hướng tạo ra thế cân bằng có lợi cho hòa bình. Tác phẩm của tam giác quyền lực đó là một loại tạm ước không chính thức, trong đó Pháp và Việt Nam giằng co với nhau, không bao giờ thỏa thuận. Tuy vậy, ngày 15 tháng Chín, ba ngày trước khi sự chiếm đóng của Tàu Tưởng kết thúc vào ngày 18 tháng Chín, Hồ Chí Minh và Marius Moutet quyết định ký một tạm ước khác, lần này chỉ của riêng hai bên.

Chương 3

BẢN TẠM ƯỚC

Đêm khuya ngày 14 tháng Chín 1946, Hồ Chí Minh đến nhà riêng của Marius Moutet tại Paris. Người đã ở Pháp suốt mùa hè vừa qua, trả lời phỏng vấn nhiều nhà báo, tạo nên một hình ảnh không thể xóa nhòa gây ấn tượng mạnh với nhiều nhà báo Pháp và nước ngoài, trong khi cuộc hội đàm chính thức Pháp - Việt tại Fontainebleau cách xa Paris, một nơi giao lưu quốc tế với nhiều xu hướng khác nhau về chủng tộc, về chính kiến, đã không đi đến một thỏa thuận nào. Sự bế tắc chủ yếu vẫn là vấn đề độc lập dân tộc và thống nhất ba "kỳ". Nước Pháp đã không sẵn sàng trao trả độc lập cho Việt Nam và người Việt Nam cũng không sẵn sàng mềm dẻo hơn trong lập trường thương thuyết của họ, trừ phi có một sự dàn xếp tạm thời. Và điều quan trọng hơn nữa là Pháp đã từ chối ấn định thời gian cho việc tổ chức trưng cầu ý dân về việc thống nhất đất nước, và người Việt Nam cũng không chịu ký một văn bản thỏa thuận nào trừ phi họ thấy thời hạn tổ chức trưng cầu ý dân được ghi trong lịch trình của họ.

Một ngày trước đó, các nhà thương thuyết Việt Nam - trừ Hồ Chí Minh còn ở lại Paris - đã rời khỏi Fontainebleau về cảng Marseille để lên tàu Pasteur về nước, để lại sau lưng họ công việc còn dở dang trong cuộc đàm phán Việt - Pháp. Hồ Chí Minh ăn trưa với Moutet và hai người thỏa thuận rằng việc Hồ Chí Minh về

nước với hai bàn tay trắng là không thể chấp nhận được. Các bản dự thảo đã được trao đổi để đi đến một thỏa thuận sơ bộ, xác nhận lại Hiệp định ngày 6 tháng Ba, nhưng có một số điểm bổ sung và ấn định thời hạn cho một vòng đàm phán vào tháng Giêng 1947. Buổi chiều hôm đó Moutet đã tiếp Hồ Chí Minh tại nhà riêng và sau lúc nửa đêm 14 rạng ngày 15 tháng Chín, hai ông đã ký vào bản thỏa ước tại phòng ngủ của Moutet[1]. Trên đường trở về nhà, Hồ Chí Minh đã linh cảm trước những phản ứng của dư luận trong nước nhằm hạ thấp kết quả chuyến đi Pháp dài ngày của Người từ tháng Năm đến nay. Người ta nói rằng Hồ Chí Minh đã thầm nhủ với mình: "là vừa mới ký một tờ khai tử"[2].

Tuy nhiên, đồng bào trong nước của Hồ Chí Minh đã không kết án ông. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được hưởng lợi từ bản thỏa ước, văn bản này đã gây tổn hại cho vị thế của Pháp, đặc biệt là ở Nam Kỳ. Điểm quan trọng nhất trong thỏa ước là ngừng bắn ở miền Nam, nơi đây du kích Việt Minh đã tăng cường hoạt động từ khi những lực lượng thiện chiến nhất của quân Pháp được đưa ra miền Bắc từ tháng Ba. Thỏa thuận về ngừng bắn ở miền Nam có nghĩa là sự thừa nhận trong thực tế lực lượng du kích và là một khó khăn cho Pháp trong việc tố cáo hoạt động của du kích như những hành động khủng bố. Tạm ước ngày 14 tháng Chín gồm 11 điều, nêu ra một cách đại cương những điều kiện cho việc hợp tác Pháp - Việt trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, ngoại giao và quân sự, nhưng nếu không kể việc ngừng bắn và lời hứa hẹn của hai bên tôn trọng các quyền tự do, dân chủ, bản thỏa ước đã không nói lên những nhân nhượng mới của mỗi bên. Bản thỏa ước còn ghi nhận một vòng đàm phán mới để giải quyết dứt khoát những vấn đề then chốt trong bang giao Pháp - Việt, sẽ được tổ chức sau khi Đệ tứ Cộng hòa Pháp được tuyên bố thành lập vào tháng Giêng 1947.

Tại sao cả Pháp và Việt Nam đều cố gắng đi đến một thỏa thuận đầy chông gai vào mùa xuân (ký Hiệp định ngày 6 tháng Ba) và mùa hè (ký Tạm ước ngày 14 tháng Chín) năm 1946? Tại sao hai bên đã làm cho nhau hài lòng khi ký Tạm ước ngày 14 tháng Chín? Trước khi đi vào phân tích việc thực hiện Hiệp định ngày 6 tháng Ba, chúng ta phải tìm lời giải cho những câu hỏi nói trên. Có thể có ba lý do cần được xem xét. ***Một là,*** việc quân đội Trung Hoa tiếp tục có mặt tại Bắc Đông Dương. ***Hai là,*** hai bên Việt và Pháp không bên nào hài lòng về Hiệp định 6 tháng Ba. Sau này, bên nào cũng cho đó chỉ là một bước tạm nghỉ để tiến lên hướng về mục tiêu của mình. ***Ba là,*** tình hình không rõ ràng tại nước Pháp. Nền Đệ tứ Cộng hòa mới thành lập, còn chưa có Hiến pháp, chưa có đường lối chính trị rõ ràng.

TRUNG HOA CHẬM RÚT QUÂN KHỎI BẮC ĐÔNG DƯƠNG

Việc kéo dài sự có mặt của người Trung Hoa tại miền Bắc có hại cho cả hai phía Pháp và Việt Nam. Trong lúc Pháp thấy Việt Nam tỏ ra vui mừng khi thoát được ra khỏi sự "che chở" của người Trung Quốc, thì các nhà lãnh đạo Việt Nam mong đến ngày đuổi được những phần tử "quốc gia chống cộng" ra khỏi chính phủ và các tỉnh dọc biên giới do bọn này đã chiếm được nhờ sự ủng hộ của quân đội Trung Hoa. Chính phủ liên hiệp vào tháng Tư đã yêu cầu Sư đoàn 53 quân Trung Quốc ở lại Bắc Kỳ cho đến khi Việt Nam ký được hiệp định chính thức với Pháp, nhưng đó là chủ trương của Việt Nam Quốc dân Đảng mà người cầm đầu đang giữ cương vị Bộ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ liên hiệp[3].

Sự có mặt của người Trung Hoa là một trong những lý do khiến Chính phủ Pháp quyết định mời Hồ Chí Minh sang thăm chính thức nước Pháp. Leclerc và Sainteny muốn tách Hồ Chí Minh

khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa. Ngày 15 tháng Ba, Leclerc gửi một bức điện cho d'Argenlieu cảnh báo sự cần thiết phải chống lại ý đồ của Trung Hoa muốn phá hoại quá trình hợp tác Pháp - Việt vừa mới khởi động sau ngày 6 tháng Ba: "Để làm thất bại mưu đồ ấy, chúng ta phải phá hủy sự cấu kết Trung - Việt càng sớm càng tốt, tách Việt Minh khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa và các đảng phái quốc gia cực đoan được Trung Hoa ủng hộ"[4]. Leclerc tạo thuận lợi cho các cuộc đàm phán Pháp - Việt được tiến hành ngay tại Pháp. Ông chỉ thị cho Tướng Salan thông báo cho Hồ Chí Minh cuộc đàm phán sẽ sớm được tiến hành tại Paris[5]. Đó là lập trường của Leclerc trước khi tiến quân vào Hà Nội. Lời hứa hẹn của ông đã không được d'Argenlieu tán thành. Ông này đã báo cáo với Chính phủ Pháp một tuần sau đó rằng sẽ là một sai lầm nghiêm trọng nếu cuộc đàm phán Pháp - Việt được tiến hành tại Paris, vì như vậy sẽ làm suy giảm quyền lực của vị cao ủy Pháp, khiến cho Bắc Kỳ có một vị thế tốt hơn các thành viên khác trong Liên bang Đông Dương. Rõ ràng, ông ta không muốn phá hoại mọi dự định của Hồ Chí Minh nhân chuyến thăm Pháp sẽ gây ảnh hưởng đối với chính giới Pháp, và thông qua các cuộc tiếp xúc ở Pháp, sẽ phát huy vai trò người cựu trào của công cuộc truyền bá giáo lý cộng sản. D'Argenlieu chấp nhận rằng cần phải tách những người đại diện Việt Nam ra khỏi không khí chính trị không lành mạnh tại Hà Nội, nhưng là người thân tín của de Gaulle, ông cho rằng không khí chính trị tại Paris còn tệ hại hơn nữa. Theo d'Argenlieu, địa điểm tốt nhất cho cuộc đàm phán Pháp - Việt sẽ là Đà Lạt, ít nhất tại đây khí hậu mát mẻ là một nơi nghỉ dưỡng được ưa thích giữa mùa hè nóng nực đối với các quan chức cai trị thuộc địa. Ông ta còn nhắm vào mục tiêu dài hơi là sẽ biến Đà Lạt thành thủ phủ mới của Liên bang Đông Dương trong tương lai. Họp tại Đà Lạt, hội nghị đàm phán Pháp - Việt sẽ không bị các cuộc biểu tình tự

phát hoặc có tổ chức của quần chúng gây rối không khí thương lượng"[6]. Ngày 24 tháng Ba, vị cao ủy mời Hồ Chí Minh ra gặp ông trong một cuộc nói chuyện tay đôi (nghĩa là không mời Leclerc tham dự) trên boong tàu chiến Emile Bertin tại Vịnh Hạ Long phía bắc cảng Hải Phòng. Tại cuộc gặp, d'Argenlieu đã bác bỏ đề nghị của Hồ Chí Minh sớm mở cuộc đàm phán Pháp - Việt tại Paris, như thế là trái với ý định của Leclerc. Điều này làm cho ông ta bực tức[7].

Lập luận của Leclerc trong bức điện ngày 15 tháng Ba đã chỉ ra động cơ chính của thái độ hòa giải của vị tướng này là nỗi lo sợ xảy ra đồng thời hai cuộc xung đột Pháp - Việt và Pháp - Trung. Nhận định của ông ta dựa vào những điều đã xảy rại tại miền Bắc. Còn d'Argenlieu nhìn xa hơn, ông lo sợ Hồ Chí Minh sẽ giành được sự nhượng bộ của xu hướng thiên tả trong Chính phủ Pháp lúc bấy giờ, sau khi de Gaulle rời khỏi chính quyền. Ngày 27 tháng Ba, Leclerc bênh vực giá trị của Hiệp định ngày 6 tháng Ba trong một bản báo cáo dài gửi de Gaulle trước khi ông này rời chức vụ đứng đầu chính phủ[8]. Nếu lực lượng của ông phải lao vào cuộc chiến đồng thời với hai đối thủ là người Việt và người Trung Hoa thì như ông nói, "cuộc tái chiếm Bắc Kỳ dù chỉ là một phần cũng sẽ không thể thực hiện được". Ông chỉ trích d'Argenlieu (tuy không nêu đích danh) vì đã không báo cáo hết sự thật về mối hiểm nguy đó cho Chính phủ Pháp. Theo Leclerc, Pháp chỉ có thể giành phần thắng bằng phương sách chính trị và các cuộc thương lượng. Trung Hoa rút quân càng sớm khỏi Bắc Đông Dương càng tốt, các vấn đề khác sẽ giải quyết dễ dàng hơn, vì lúc này vị thế của Pháp sẽ được cải thiện hơn trong quan hệ với Việt Nam[9].

Nhưng Leclerc đã nhầm khi ông ta nghĩ rằng ảnh hưởng của người Trung Quốc đã làm cho người Việt Nam kém biết điều hơn. Như chúng ta đã thấy, người Trung Quốc bây giờ mong muốn Chính phủ Việt Nam hợp tác với Pháp. Nói rộng ra, Việt Minh

cũng cần Pháp làm đối trọng với Trung Hoa, một khi người Trung Quốc rút hết quân rồi, Việt Minh sẽ kiểm soát được tốt hơn tình hình quốc nội, sẽ có triển vọng tốt hơn trong cuộc kháng chiến lâu dài sau này với Pháp và do đó sẽ tỏ ra kém sẵn sàng thỏa hiệp trong đàm phán với Pháp. Điều này đã được Léon Pignon, nhân vật then chốt trong việc đề ra chính sách Pháp, hiểu rất rõ. Ông ta đã làm trợ lý cho.Sainteny trong các cuộc đàm phán dẫn tới Hiệp định ngày 6 tháng Ba, sau này đã có vai trò quan trọng trong đoàn đại biểu Pháp tại Hội nghị Fontainebleau. Từ tháng Bảy đến tháng Chín 1946 và từ ngày 2 tháng Mười, ông ta trở thành phụ tá về chính trị cho d'Argenlieu tại Sài Gòn. Pignon là cựu sinh viên có thành tích học tập xuất sắc tại Trường Thuộc địa Pháp và là "nhân vật tầm cỡ Machiavelli" của chính quyền thuộc địa Pháp. Đối với ông ta, quyền lợi của nước Pháp, chứ không phải lý tưởng, mới là điều đáng kể. Đầu năm 1946, khi ảnh hưởng của Trung Hoa và các đảng phái Việt Nam thân Trung Hoa đang lên mạnh, Pignon đã có ý định tách Việt Nam khỏi ảnh hưởng Trung Hoa và hướng về Pháp[10]. Do đó, ông ta đã hăng hái trợ giúp Sainteny trong các cuộc thương lượng với Hồ Chí Minh. Sau Hiệp định ngày 6 tháng Ba, Pignon nhanh chóng nhận ra rằng Hồ Chí Minh là đối thủ đáng gờm nhất của Pháp, ông ta lại quan tâm nhiều hơn đến Cựu hoàng Bảo Đại, cũng như những người cầm đầu các đảng phái quốc gia thân Trung Hoa, như là các lực lượng đối trọng với Việt Minh. Mặc dù không được chào đón bởi cả người Việt Nam và người Pháp, nhưng sự có mặt của quân đội Trung Hoa lại là cần thiết cho cả Pháp lẫn Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề của mình mà không phải sử dụng vũ lực. Một khi quân đội Trung Hoa rút đi rồi, không bên nào phải lo sợ đối phó với mặt trận thứ hai. Pignon và d'Argenlieu gặp nhau trong tầm nhìn dài hơi của họ, hiểu rõ vấn đề hơn Leclerc chỉ nhìn trước mắt.

Leclerc tiếp tục nuôi dưỡng ảo tưởng Việt Minh sẽ tỏ ra biết điều hơn sau khi quân đội Trung Hoa rút đi. Khi phần lớn lực lượng Trung Hoa đã rút khỏi Bắc Đông Dương vào đầu tháng Sáu, ông viết cho Maurice Schumann, người đứng đầu Đảng Cộng hòa bình dân (MRP) rằng không cần phải nhân nhượng nhiều hơn nữa đối với Việt Nam. Theo lập luận của Leclerc, nước Pháp bây giờ nắm được những vị trí then chốt tại Đông Dương. Tôi nghĩ trong hoàn cảnh đó sẽ rất nguy hiểm nếu các đại biểu của chúng ta trong đàm phán với Việt Nam bị mê hoặc vì những cách nói tuyệt vọng (như dân chủ, kháng chiến, nước Pháp mới) mà Hồ Chí Minh và đồng đội của ông đã hoàn thiện đến bậc thầy[11]. Schumann đã đưa bức thư của Leclerc cho Thủ tướng Georges Bidault.

Lập trường của Leclerc đã cứng rắn hơn nhưng thái độ chung của ông ta không có gì thay đổi, đều theo một hướng chung là phải có lực lượng tại chỗ đủ để răn đe đối phương dù xuất phát từ quan điểm riêng của ông. Khi nào sự có mặt về quân sự đã được củng cố vững chắc, Pháp có thể quyết định thái độ hào hiệp đến mức nào nếu muốn. Khi Tướng Leclerc rời khỏi vị trí chỉ huy của ông và quay về Paris, ông nói với một nhóm nhà báo có ảnh hưởng rằng thái độ cương quyết của Pháp có thể làm cho người Việt Nam duy trì thái độ ôn hòa hơn. Trong trường hợp xảy ra xung đột, Chính phủ Việt Nam phải rút lui về nội địa. Và nếu điều đó xảy ra, sự kiểm soát của Pháp đối với xứ Nam Kỳ giàu có và các địa điểm then chốt ở miền Bắc Việt Nam sẽ có thể, sau đó một thời gian, buộc người Việt Nam phải thay đổi thái độ[12]. Leclerc rời Sở Chỉ huy của ông ngày 18 tháng Bảy. Người thay thế ông là Tướng Jean Etienne Valluy, cho đến lúc đó ông này vẫn là chỉ huy quân Pháp ở Bắc Đông Dương. Đó là lúc các cuộc đàm phán Pháp - Việt đang diễn ra tại Fontainebleau, các tiểu ban lần lượt thành lập và thảo luận từng chương, mục trong một hiệp ước tương lai sẽ được đưa ra

hội nghị toàn thể thông qua. Với dự định thúc đẩy lập trường tiến xa hơn nữa, trước khi quân đội Trung Hoa ra đi, Pháp không hề đưa ra thêm một sáng kiến đáng kể nào để đi tới thỏa hiệp. Trong báo cáo cuối cùng kết thúc nhiệm kỳ của mình, Leclerc nhấn mạnh quân đồn trú Pháp ở miền Bắc như "những tù nhân" bị bó chân tay, không có chỗ nào mà cựa, đó là một vấn đề khó khăn cần phải giải quyết. Điều đó là kết quả của bản phụ lục về quân sự gắn với Hiệp định ngày 6 tháng Ba, và tiếp theo là bản thỏa ước tham mưu (Convention de la Conférence d'état-major) mà Tướng Salan đã ký ngày 3 tháng Tư[13]. Hiệp định ngày 6 tháng Ba quy định rằng một lực lượng gồm 10.000 binh sĩ Việt Nam và 15.000 binh sĩ Pháp (gọi là quân tiếp phòng) sẽ thay thế quân đội Trung Hoa tại phía bắc vĩ tuyến 16. Số quân Pháp và Việt Nam đóng tại mỗi doanh trại cũng đã được ấn định. Binh sĩ Việt Nam do người Việt kiểm soát nhưng đặt dưới quyền của một tổng chỉ huy Pháp. Quân số Pháp tại miền Bắc Việt Nam được ấn định rõ ràng là không quá 15.000 người, trong khi không có một mức trần nào quy định cho quân đội Việt Nam ngoài lực lượng tiếp phòng. Một phái bộ quân sự thường trực Việt Nam được đặt bên cạnh Bộ Chỉ huy Pháp và để phòng ngừa không xảy ra các vụ rắc rối ở địa phương, nhà đương cục Việt Nam sẽ được Pháp thông báo trước 48 tiếng đồng hồ về mọi cuộc di chuyển như thay quân, tiếp tế... Một ban liên lạc hỗn hợp Pháp - Việt đươc tổ chức ở các cấp quan trọng. Khi Valluy rời khỏi chức vụ chỉ huy quân đội tại miền Bắc để vào Sài Gòn nắm quyền Tổng Chỉ huy Quân đội Pháp tại Đông Dương thì người thay thế ông tại miền Bắc là Đại tá Jean Crépin, nhưng ông này chỉ tại vị được một tháng, trong thời gian đó xảy ra vụ đụng độ tại Bắc Ninh, phía bắc Hà Nội. Một thời gian ngắn sau đó, tướng ba sao Louis Morlière nắm quyền chỉ huy quân đội Pháp tại miền Bắc. Trong suốt thời gian thay đổi các chỉ huy quân Pháp tại miền Bắc, không xảy ra một vụ

rắc rối nào lớn gây tổn hại đến quan hệ với quân đội Trung Hoa cũng như Chính phủ Việt Nam, và sự có mặt của quân đội Trung Hoa đã là nhân tố chủ yếu để ngăn ngừa các vụ đụng độ như vụ Bắc Ninh không để đi đến leo thang chiến tranh.

Chừng nào sự có mặt của quân đội Trung Hoa còn kéo dài thì cả hai phía Pháp và Việt Nam không thể làm cứng rắn thêm lập trường của mình dẫn đến tình hình căng thẳng không thể kiểm soát được. Việt Minh muốn thanh lọc dứt khoát các đảng phái quốc gia thân Trung Quốc trước đây nhờ sự ủng hộ của quân đội Trung Hoa đã chiếm đóng một số nơi. Sự hợp tác với các đảng phái quốc gia trong Chính phủ liên hiệp không hề dễ dàng được cải thiện. Việt Minh rõ ràng mong muốn quân đội Trung Hoa rút lui nhanh chóng, và người Pháp có thể cũng không mong họ ở lại thêm nữa. Người Trung Quốc tiếp tục đe dọa người Pháp đòi phải trả giá cho việc rút quân của họ. Người Trung Quốc hứa hẹn rồi tìm cách lẩn tránh nghĩa vụ rút quân theo Hiệp ước Pháp - Hoa ký tại Trùng Khánh ngày 28 tháng Hai. Họ chần chừ việc rút hết quân đến tháng Sáu và để lại một số đơn vị quan trọng của lực lượng Vân Nam tại thành phố chiến lược Hải Phòng. Cuối cùng, ngày 18 tháng Chín họ mới xuống tàu rời khỏi cảng Hải Phòng để kéo quân lên miền Bắc Trung Hoa, tham gia nội chiến đã bùng nổ tại Mãn Châu vào tháng Sáu. Cuối cùng, việc thiết lập cơ cấu quyền lực tam giác ở Bắc Đông Dương đã mở đường cho cuộc xung đột hai cực giữa Pháp và Việt Minh, được cả hai bên chờ đợi một cơ may thúc đẩy lập trường từ trạng thái hòa hoãn mà họ buộc phải chấp nhận lúc ký kết Hiệp định ngày 6 tháng Ba đến trạng thái đối đầu trong quan hệ Pháp - Việt.

HAI LỰC LƯỢNG TIẾN LÊN

Lý do thứ hai khiến hai bên Pháp và Việt Nam không đi đến một thỏa thuận mới nào sau ngày 6 tháng Ba, ngoại trừ một bản

thỏa ước ký ngày 14 tháng Chín tại Paris, là cả hai chính phủ Pháp và Việt Nam không bên nào thực sự thấy rõ giá trị của nó. Cả hai bên đều coi thỏa thuận đạt được như là bước đệm để đưa vị thế của mình lên cao hơn nữa hơn là bắt đầu một quá trình thỏa hiệp hoặc đi đến một giải pháp mà hai bên cùng thắng cuộc. Thay vì chuẩn bị cho mình về mặt tâm lý và thực tiễn để cùng tiến lên phía trước, hai bên đều tìm cách thay đổi quan điểm lập trường để nâng cao vị thế của mình trước khi đi vào một vòng đàm phán mới.

Đã có thể có mảnh đất để thỏa hiệp. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể chọn lựa việc tập trung sức để xây dựng một quốc gia độc lập trong phạm vi miền Bắc, tránh tiến hành đấu tranh vũ trang ở miền Nam, tạm hoãn vấn đề thống nhất đến giai đoạn sau này. Nói cách khác, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể chấp nhận một điều gì đó ít hơn là sự độc lập, tùy thuộc vào việc Pháp thừa nhận trưng cầu ý dân để thống nhất đất nước. Người Pháp có thể để miền Bắc đi theo con đường của họ và tập trung vào việc hiện đại hóa xứ Nam Kỳ, Campuchia và Lào. Nếu không, họ có thể thừa nhận một quá trình phát triển tiến tới thống nhất Việt Nam, trong khi vẫn cố đòi được hưởng một số đặc quyền, được thừa nhận có mặt về quân sự của Pháp trên toàn lãnh thổ Đông Dương. Hiệp định ngày 6 tháng Ba đã không đưa lập trường hai bên xích lại gần nhau để thỏa hiệp theo một cách khác, từ đó thay vì mua bán chủ quyền và thống nhất, nó đã đưa hai trong những yêu cầu chính của quốc gia đi được nửa đường. "Tự do" không phải là hoàn toàn giống như "độc lập", nhưng có thể được hiểu là con đường đi đến độc lập. Trưng cầu ý dân cũng không phải là thống nhất đất nước một cách trọn vẹn nhưng có thể hy vọng đem lại thống nhất.

Khi Sainteny nói với Hồ Chí Minh sau khi ký Hiệp định ngày 6 tháng Ba rằng ông đã hài lòng như thế nào khi thấy con đường chiến tranh đã bị chặn đứng, Hồ Chí Minh trả lời: "Bản hiệp định

đã làm tôi đau lòng vì căn bản các ông đã thắng cuộc. Các ông biết rõ tôi muốn hơn thế... Nhưng rốt cuộc tôi cũng hiểu người ta không thể đạt được mọi thứ trong một ngày"[14]. Thỏa hiệp sẽ giành được một cách dễ dàng khi một bên tiến thì bên kia lùi thay vì cả hai cùng tiến hay nghĩ rằng họ đang làm như vậy. Người Việt Nam đã tìm kiếm con đường củng cố vững chắc thể chế cộng hòa ở miền Bắc, tăng cường sự kiểm soát toàn miền Bắc (Bắc Kỳ hay Bắc Bộ theo cách gọi của họ) ngay sau khi quân đội Trung Hoa rút đi. Họ cũng muốn nhân cơ hội này loại bỏ những đại biểu các "đảng phái quốc gia" khỏi Chính phủ liên hiệp kháng chiến, đã được mơ tưởng thay thế sự thống trị Pháp bằng ảnh hưởng của Trung Quốc và Mỹ. Và ở Nam Kỳ (hay Nam Bộ theo cách gọi của Việt Nam), Chính phủ Việt Nam đã chấp nhận giảm bớt việc tăng cường hoạt động du kích để làm nản lòng những phần tử hợp tác với Pháp chừng nào sự thỏa thuận đã giành được. Người Pháp, về phần mình, đã cố gắng thành lập chính phủ tự trị địa phương tiến bộ và thân Pháp tại Nam Kỳ và xây dựng Lào, Campuchia thành những thành phần vững chắc của Liên bang Đông Dương. Trong khi thực hiện những công việc trên đây, Pháp cố tránh gây ra những rắc rối mới với chính phủ Hà Nội mà họ coi như chỉ đại diện cho Bắc Kỳ. Người Pháp hy vọng xây dựng các thiết chế liên bang mạnh mẽ rồi hợp tác với chính phủ Hà Nội như đại diện của một trong năm xứ trong Liên bang Đông Dương. Về lâu dài, người Việt Nam không còn muốn sự có mặt về quân sự của người Pháp trong khi người Pháp cũng chẳng muốn chấp nhận một nhà nước do Việt Minh kiểm soát. Chủ trương của người Pháp là không để Hà Nội kiểm soát miền Nam, trong khi người Việt Nam đặt mục tiêu hàng đầu là thống nhất Nam - Bắc.

Tất cả những điều này có nghĩa là hội nghị trù bị Pháp - Việt ở Đà Lạt (d'Argenlieu thích chọn địa điểm này) từ 17 tháng Tư đến 11 tháng Năm và cuộc đàm phán chính thức diễn ra tại

Fontainebleau từ ngày 6 tháng Bảy đến 10 tháng Chín ngay từ đầu đã đi vào chỗ bế tắc. Cả hai bên đều đã chuẩn bị kỹ và đã tiến hành một số cuộc thảo luận náo nhiệt. Nhưng điểm bế tắc là ở vấn đề trưng cầu ý dân để thống nhất Việt Nam đã được hứa hẹn hồi tháng Ba 1946. Người Việt Nam khăng khăng đòi Pháp phải ấn định một thời hạn và họ tin chắc sẽ thắng trong cuộc bỏ phiếu sau này. Người Pháp thì lập luận rằng đó mới chỉ là một dự kiến mà đã dập tắt mọi hy vọng của người Nam Kỳ trong việc thành lập các thiết chế tự trị mạnh mẽ, có nghĩa là từ chối đặt thời hạn trước cho trưng cầu ý dân. Điều này đã quyết định số phận của các cuộc thương lượng.

Tại Đà Lạt, hai nhà thương lượng chủ yếu về phía Pháp là Max André, người của Đảng Dân chủ Công giáo, nghị sĩ Quốc hội Pháp, và về phía Việt Nam là Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam, người của Việt Nam Quốc dân Đảng. Trong khi d'Argenlieu, đứng đầu Liên bang Đông Dương, cố đóng vai trò là người chủ trung lập. Với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao, ông Tam không tham gia đàm phán trực tiếp, trong thực tế, Đoàn đại biểu Việt Nam do Võ Nguyên Giáp dẫn đầu. Không khí hội nghị ngay từ đầu đã không mấy tốt đẹp. Khi hội nghị tan vỡ, d'Argenlieu cảm thấy đã đến lúc củng cố phần còn lại của Đông Dương và rời khỏi Bắc Kỳ, trở về với số phận dành cho ông. Ông báo cáo về Paris rằng sự có mặt của người Trung Quốc khiến cần thiết phải tiếp tục đặt chân một cách thận trọng lên miền Bắc, nhưng nếu nước Pháp tập trung vào việc tăng cường sức mạnh của các quốc gia thành viên khác trong liên bang, thì "quốc gia tự do ở miền Bắc" chắc chắn sẽ mong muốn gia nhập liên bang trong giai đoạn sau, ít nhất là về mặt quân sự, kinh tế và văn hóa. Ông ta khẳng định: Hội nghị Pháp - Việt tại Fontainebleau, nếu thất bại - như đã dự kiến - thì cũng chẳng gây tổn hại gì nhiều lắm cho liên bang. Lào, Campuchia,

Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ - không nêu tên nước Pháp - sẽ được "hoàn toàn tự do hành động"[15]. Khi chính phủ bác bỏ đề nghị này, ông ta mời các đại biểu của các "quốc gia" khác trong liên bang đến Đà Lạt dự một cuộc họp được ông gọi là "Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai"[16].

Thiết nghĩ, không cần phải lục lại hồ sơ của các cuộc thương lượng[17] vô bổ này, chúng ta chỉ cần nhìn vào các nỗ lực của mỗi bên trong việc đưa ra hội nghị các quan điểm, lập trường của họ trong khi chờ đợi quân đội Trung Hoa rời khỏi miền Bắc. Người Pháp có kinh nghiệm trong việc vận động thành lập Nam Kỳ tự trị và xây dựng các thiết chế liên bang để cai trị tất cả năm xứ trong liên bang trước đây, nhưng phong trào du kích tại miền Nam đang làm tiêu tan các kinh nghiệm đó và Việt Minh đang cố gắng thiết lập sự kiểm soát bên trong đối với toàn miền Bắc, đồng thời xây dựng lực lượng vũ trang để tiến hành kháng chiến lâu dài. Nhưng hành động đó có thể giải thích là do không đạt được sự thỏa thuận nào tốt hơn những gì đã nói ra ở Đà Lạt hay Fontainebleau.

Tại Sài Gòn, các nhà đương cục Pháp thành lập Chính phủ lâm thời Nam Kỳ, nhưng vì tuyệt đại đa số người miền Nam tán thành thống nhất[18] nên chính phủ lâm thời chỉ đại diện cho một thiểu số rất nhỏ những người giàu có thân Pháp. Chính phủ này phải đối phó với công luận đối nghịch và sức mạnh đang tăng lên một cách đáng kể của phong trào du kích do Việt Minh lãnh đạo, hợp tác với các giáo phái mạnh mẽ. Người Pháp không bao giờ tin rằng chính phủ Nam Kỳ có thực lực. Cuối cùng, thử nghiệm Nam Kỳ tự trị có thể coi là một thất bại của Pháp.

Mấu chốt trong liên bang của d'Argenlieu là Nam Kỳ. Một tuần sau ngày 6 tháng Ba, Hội đồng Nam Kỳ đòi được hưởng cùng một quy chế như Chính phủ Việt Nam, muốn trở thành "một quốc gia tự do". Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Nam Kỳ, Jean Cédile tuyên

bố rằng Hiệp định ngày 6 tháng Ba chỉ là một thỏa thuận có tính chất địa phương đối với miền Bắc và cuộc trưng cầu ý dân nêu trong Hiệp định chỉ được tổ chức một khi trật tự được hoàn toàn khôi phục[19]. Ngày 26 tháng Ba, Hội đồng Nam Kỳ đã chỉ định bác sĩ Nguyễn Văn Thinh là Chủ tịch chính phủ mới của Cộng hòa Nam Kỳ, nhưng điều này chỉ có hiệu lực từ ngày 1 tháng Sáu, trước khi ông ta được Cao ủy chính thức công nhận. Quyết định ngày 26 tháng Ba đã làm dấy lên một làn sóng mưu sát những tên "phản quốc" và gia tăng chiến tranh tuyên truyền đang diễn ra giữa những người "tán thành thống nhất" và những người "chủ trương ly khai" tại miền Nam. Vào tháng Tư, một phái đoàn Nam Kỳ đã đến thăm Paris và d'Argenlieu yêu cầu Chính phủ Pháp đưa ra một quyết định càng sớm càng tốt. Chính phủ tảng lờ không trả lời. Sau đó, theo lệnh của d'Argenlieu, ngày 1 tháng Sáu 1946, Cộng hòa Nam Kỳ ra một bản tuyên bố chính thức. Hai ngày sau, một bản thỏa ước Pháp - Nam Kỳ được ký kết giữa Ủy viên Cộng hòa Pháp Jean Cédile và bác sĩ Nguyễn Văn Thinh. Ngay sau đó, Hội đồng Nam Kỳ mở rộng thành phần tới 92 thành viên, tất cả đều do Cao ủy chỉ định. Có nhiều lời đồn đại như chắc chắn hậu quả của trưng cầu ý dân sẽ là thống nhất đất nước. Nhà báo Philippe Devillers dẫn chứng lời của một thành viên người Pháp trong Hội đồng Nam Kỳ ví hành động đó được hiểu như một cuộc bỏ phiếu ủng hộ hay chống lại nước Pháp và 90% số phiếu sẽ là "chống lại chúng ta"[20]. Lãnh sự Mỹ tại Sài Gòn Charles Reed nghĩ rằng 65-70% số phiếu sẽ là tán thành thống nhất. Ông nhấn mạnh báo chí của phe tán thành thống nhất bỏ xa báo chí phe ly khai về số lượng phát hành[21]. Cộng hòa Nam Kỳ mới giành được sự ủng hộ rất hạn chế.

Ngày 31 tháng Năm, Hồ Chí Minh và Đoàn đàm phán Việt Nam rời Hà Nội tới Paris, Pháp dự Hội nghị Fontainebleau. Họ

đến Pháp đúng vào lúc cuộc tổng tuyển cử vừa kết thúc ngày 2 tháng Sáu, dẫn đến cuộc khủng hoảng nội các đang diễn ra. Chính phủ mới chưa thành lập. Trưởng Đoàn đàm phán Phạm Văn Đồng đã sẵn sàng ở Pháp sau khi dẫn đầu Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam thăm hữu nghị chính thức Pháp từ ngày 26 tháng Tư. Do chưa chuẩn bị đầy đủ, do cuộc khủng hoảng nội các chưa kết thúc và cũng do d'Argenlieu phản đối cuộc đàm phán diễn ra trên đất Pháp, nên ngày khai mạc Hội nghị Fontainebleau đã phải lùi lại nhiều tuần lễ. Do đó, Hồ Chí Minh và những nhà thương lượng Việt Nam có thời gian nhàn rỗi trong những ngày đầu lưu trú trên đất Pháp. Hồ Chí Minh đi nghỉ tại Biarritz, một thành phố nhỏ trên bờ biển Đại Tây Dương của Pháp rất xa đấu trường chính trị của Pháp. Tuy nhiên, bắt đầu từ ngày 22 tháng Sáu đến 4 tháng Bảy, ông được tiếp đón như một vị khách chính thức của Chính phủ Pháp tại Paris, rồi ông ở lại đó trong khi những nhà thương lượng Việt Nam gặp gỡ đối thủ của họ tại Fontainebleau. Hội nghị chính thức khai mạc ngày 6 tháng Bảy, ngay lập tức đã gặp khó khăn với những lời tố cáo của người Việt Nam đối với người Pháp vì đã bảo trợ cái gọi là Cộng hòa Nam Kỳ một tháng trước đó. Hội nghị giậm chân tại chỗ mà không thể làm sáng tỏ các vấn đề then chốt là độc lập và thống nhất của Việt Nam. Cuối tháng Bảy, Đoàn đàm phán Việt Nam được biết d'Argenlieu đã triệu tập Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai khai mạc ngày 1 tháng Tám mà không mời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham dự, chỉ có các đại biểu được chọn lọc kỹ lưỡng từ một vài vùng lãnh thổ mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho rằng chưa có chủ quyền đầy đủ. Điều này thôi thúc người Việt tạm thời cắt đứt thương lượng. D'Argenlieu không báo trước cho Moutet về Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai sắp khai mạc, khiến vị Bộ trưởng Hải ngoại Pháp phản ứng mạnh mẽ không phải về chủ trương triệu tập mà về thời điểm họp không thích hợp. Moutet tán

thành về nguyên tắc việc xây dựng Liên bang Đông Dương gồm năm quốc gia do Pháp đứng đầu cơ quan chấp hành.

Trong lúc Hội nghị Fontainebleau đang bế tắc, tại Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai họp vào tháng Tám, các đại biểu của Nam Kỳ họp với các đoàn đến từ Lào, Campuchia và những quan sát viên đến từ Nam Trung Kỳ và một số vùng thiểu số cao nguyên. Theo quan niệm của d'Argenlieu, Hiệp định ngày 6 tháng Ba chỉ liên quan đến Bắc Kỳ, nhưng ông dự định tạo ra một hệ thống các hiệp định tương tự ký với tất cả các thành viên khác trong Liên bang. Hiệp định đầu tiên đã được ký trước đó với Campuchia ngày 7 tháng Giêng, Hiệp định ngày 6 tháng Ba đã được d'Argenlieu xem là chỉ áp dụng với Bắc Kỳ và là hiệp định thứ hai thuộc loại này (sau Campuchia).. Văn bản thỏa thuận thứ ba đã được ký với Nam Kỳ ngày 3 tháng Sáu và bản thỏa thuận thứ tư được ký với Lào vào ngày 27 tháng Tám. Riêng Trung Kỳ chia ra hai phần Bắc Trung Kỳ và Nam Trung Kỳ hai bên vĩ tuyến 16 không thể có một văn bản thỏa thuận tương tự. Hội nghị liên bang của d'Argenlieu tại Đà Lạt đã tỏ ra thất bại một phần vì tại Fontainebleau, Đoàn đàm phán Việt Nam đã phản đối kịch liệt, buộc Chính phủ Pháp phải chỉ thị cho Sài Gòn tạm gác lại một số điểm trong chính sách xây dựng liên bang và tại Đà Lạt, các Đoàn đại biểu Campuchia và Lào không nhiệt tình ủng hộ vai trò của Pháp thống trị liên bang như d'Argenlieu đã hy vọng. Và hội nghị còn đưa ra những đề xuất chi tiết về thành phần và nhiệm vụ của các thiết chế liên bang cũng như việc lấy Đà Lạt là thủ đô tương lai của liên bang. D'Argenlieu đã chuẩn bị chuyển bộ máy của cao ủy từ Sài Gòn lên Đà Lạt và đã ra lệnh chuyển số lớn trang thiết bị từ Pháp sang phục vụ công việc này, song số thiết bị đó đã không đến đúng thời hạn mong muốn khiến ông ta phải phàn nàn[22].

Lý do chính khiến người Pháp không chịu ấn định thời hạn tổ chức trưng cầu ý dân là những hành động "khủng bố" đang hoành hành khắp nơi tại Nam Kỳ. Trong báo cáo kết thúc nhiệm vụ vào tháng Sáu 1946, Leclerc chỉ trích chính phủ Hà Nội vừa thương lượng với Pháp, vừa ủng hộ cuộc chiến tranh chống nước Pháp ở miền Nam. Đó là sự thật, nhưng Chính phủ Việt Nam không ngại ngùng chối bỏ vấn đề đó. Họ lên tiếng đòi chủ quyền trên "toàn bộ lãnh thổ Việt Nam" và coi cuộc đấu tranh du kích ở miền Nam như một biện pháp ủng hộ đòi hỏi đó. Trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám 1945, Việt Minh đã lãnh đạo phong trào ở miền Bắc lan rộng xuống cả miền Nam. Tại Nam Bộ, hai giáo phái Hòa Hảo và Cao Đài đã rút về nông thôn và lực lượng tờrốtxkít khá mạnh ở các đô thị. Phong trào cộng sản ở miền Nam do các phần tử trí thức lãnh đạo, họ thiên về lý thuyết hơn là thực tiễn và họ kém thành thạo về mặt sách lược và ngoại giao hơn các đồng chí của họ ở miền Bắc. Sự tranh chấp của phong trào quốc gia ở miền Nam đã tạo thuận lợi cho cuộc bình định của Leclerc cuối năm 1945 và đầu năm 1946. Ông ta đã lần lượt tước vũ khí của Hòa Hảo, Cao Đài và Việt Minh. Thoạt đầu, ông ta giành được thắng lợi vang dội về quân sự. Nhiều binh sĩ Cao Đài rời bỏ hàng ngũ kháng chiến, quay súng chạy sang phía quân Pháp. Tháng Ba 1946, Leclerc đánh giá rằng quân đội của ông không chỉ kiểm soát được các thành phố và đô thị mà cả 80% các thôn ấp[23]. Tuy nhiên về chính trị, nước Pháp đã đối đầu và xa rời dân chúng. Và khi Việt Minh tổ chức lại lực lượng của họ và cải thiện một cách có hệ thống mối quan hệ hợp tác với các giáo phái, thì phong trào du kích lại nổi lên ngay cả ở những làng trước đây người Pháp nghĩ rằng đã bình định được. Leclerc đã bố trí các đơn vị nhỏ tại nhiều đồn bốt nhỏ. Khi du kích triển khai các cuộc tiến công vào ban đêm thì các đồn bốt nhỏ đó đã không trụ vững và người Pháp lại phải tái tập trung quân đội của họ. Theo

báo cáo mới đây của Leclerc, đến tháng Giêng 1947[24], người Pháp chỉ kiểm soát được 10% các thôn ấp ở Nam Kỳ. Đương nhiên, trong vòng chưa đầy một năm, tỷ lệ các làng do Pháp kiểm soát đã rớt từ 80% xuống 10%. Đúng hơn là những thắng lợi mà Leclerc đã đạt được trong hai tháng Giêng và tháng Hai 1946 đã trở nên trống rỗng mặc dù chưa hiện ra một cách rõ ràng ngay lập tức. Lực lượng kháng chiến Việt Nam cần có thời gian tập hợp lại và củng cố sau cuộc đàn áp ồ ạt từ tháng Chín 1945. Không phải chỉ có Sư đoàn Bộ binh thuộc địa số 9 (9è DIC) và Sư đoàn Xe bọc thép số 2 (2è DB) đã tham gia tích cực vào việc đàn áp lực lượng kháng chiến Nam Bộ mà còn có cả quân Anh - Ấn, được quân Nhật trợ giúp (sau khi đầu hàng Đồng minh, quân Nhật lại được tái tập hợp dưới sự chỉ huy của sĩ quan người Anh trong những cuộc hành quân đẫm máu). Theo báo cáo của quân Anh, có 3 người Anh, 37 người Ấn, 85 người Pháp, 129 người Nhật và 1 người Mỹ (Trung tá Peter Dewey) trong số thương vong ở Nam Đông Dương những tháng lộn xộn bắt đầu từ tháng Mười 1945 cho đến khi trật tự tưởng như đã được vãn hồi vào ngày 13 tháng Giêng 1946. Trong số thương vong người Việt có 641 người bị quân Anh - Ấn sát hại, 1.565 người bị quân Pháp giết, 2.756 người là nạn nhân của quân Nhật[25]. Lính Nhật giết, làm bị thương và bắt được tù binh Việt Nam nhiều hơn so với quân Anh và Pháp. Sĩ quan chỉ huy Anh kinh ngạc thấy tinh thần kỷ luật trong chiến đấu của lính Nhật trong những cuộc hành quân tác chiến vì nghĩa vụ đáng lẽ ra không phải của họ. Khi Việt Minh tập hợp và tổ chức lại lực lượng kháng chiến và phát động chiến tranh du kích tại miền Nam, quân Anh đã rút đi, quân Nhật đã được đưa về nước, các sư đoàn thiện chiến của Pháp (2è DB, 9è DIC) đã đưa ra miền Bắc. Sư đoàn 3 Bộ binh thuộc địa (3è DIC) của Pháp, ít kinh nghiệm chiến đấu hơn, được đưa vào Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Campuchia. Nguyễn Bình,

người chỉ huy lỗi lạc của du kích Nam Bộ mới được đưa từ miền Bắc vào đã tổ chức lại cuộc kháng chiến và nhanh chóng giành được thắng lợi hơn hẳn những người chỉ huy tiền nhiệm của ông.

Việc tổ chức lại các lực lượng du kích ở miền Nam không chỉ được thực hiện bởi những người lãnh đạo Việt Minh Nam Bộ, mà còn do Nguyễn Bình, một cựu đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng đã giác ngộ chủ nghĩa cộng sản và sớm có một vai trò tương tự như Võ Nguyên Giáp ở miền Bắc. Ông dẫn đầu phái đoàn quân sự của Chính phủ Trung ương gửi vào miền Nam, sau đó nắm quyền chỉ huy trực tiếp chiến khu miền Đông Nam Bộ, bao gồm Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng thời giữ trách nhiệm phối hợp ba chiến khu miền Nam. Nguyễn Bình nổi lên như một người chỉ huy huyền thoại, có uy tín lớn trong nhân dân mà không một nhà lãnh đạo đấu tranh chống thực dân nào ở miền Nam sánh kịp. Cho đến tháng Ba 1946, ông tập trung cố gắng vào việc tổ chức lại bộ máy kháng chiến, tránh những cuộc giao chiến lớn. Đầu tháng Ba, khi phần lớn lực lượng Pháp chuyển ra Bắc, Nguyễn Bình thấy thời cơ thuận lợi đã đến với ông, ông chuyển sang hành động. Đó là lúc Chính phủ lâm thời Cộng hòa Nam Kỳ thành lập. Bấy giờ, không một nhà lãnh đạo địa phương nào ủng hộ Chính phủ lâm thời Nam Kỳ hay hợp tác với người Pháp có thể thoát được nguy cơ bị ám sát. Con số các vụ sát hại về chính trị tăng lên nhanh chóng và các lực lượng du kích bắt đầu quấy rối các đơn vị quân Pháp đi lẻ. Ngày 10 tháng Tư, một mặt trận thống nhất dân tộc thu hút các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và các nhóm kháng chiến khác tham gia đã được thành lập dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Bình. Ngày 19 tháng Tư, Nguyễn Bình ra lệnh tổng tiến công để "ủng hộ" Hội nghị Đà Lạt lần thứ nhất[26]. Chiến tranh du kích ở miền Nam phát triển mạnh từ tháng Năm đến tháng Tám và khi quân Pháp rút quân đóng ở các đồn bốt lẻ, tập trung thành những đơn vị lớn, những ban *hội tề*

(chính quyền bù nhìn) đều rời khỏi các thôn ấp không ai che chở. Theo Pignon, việc tập trung lực lượng quân Pháp thành những đơn vị lớn là cần thiết về mặt quân sự nhưng là một tai họa về chính trị[27]. Trong thời gian Hội nghị Fontainebleau đang họp, Pignon đã tố cáo các nhà đương cục quân sự Pháp là "cực kỳ ngây thơ"[28]. Trong hai tháng Chín và Mười, trong thời gian lệnh đình chiến theo quy định của Tạm ước ngày 14 tháng Chín có hiệu lực thi hành, Nguyễn Bình đã đẩy mạnh cuộc chiến tranh du kích ở miền Nam[29].

Các phương pháp được sử dụng trong chiến tranh du kích đã được hướng dẫn qua các chỉ thị phát đi từ Hà Nội, ký tên Trần Huy Liệu, một cựu đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng đã kết nạp Nguyễn Bình vào Quốc dân Đảng và chính ông đã giác ngộ chủ nghĩa cộng sản khi bị giam giữ trong nhà tù từ cuối năm 1930. Hai người trước đây đã kết bạn với nhau, nay ông Bình là người thực hành, còn ông Liệu thì làm bộ trưởng chịu trách nhiệm về công tác tuyên huấn trong chính phủ đầu tiên của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trần Huy Liệu đã dẫn đầu phái đoàn Chính phủ lâm thời vào Huế tiếp nhận việc thoái vị của Bảo Đại cuối tháng Tám 1945. Trong các tài liệu sử học của Việt Nam, việc giáo dục các nguyên tắc chiến tranh du kích thường gắn với tên tuổi của Tổng Bí thư Trường Chinh và Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp. Nhưng trong thời gian đầu, các tài liệu do Trần Huy Liệu khởi thảo đều "duy ý chí" và ông đã phạm một số sai lầm nghiêm trọng và vào cuối đời, ông chỉ còn là một nhà sử học chuyên nghiệp. Bỏ qua số phận của Trần Huy Liệu thời gian sau này, chúng ta thấy những chỉ thị của ông từ năm 1946 đã miêu tả một cách sinh động các chiến thuật mà những "con hổ" Việt Nam đã sử dụng trong gần 30 năm sau này trong cuộc chiến với những "con voi" phương Tây. Ông nói:

> Các chiến sĩ du kích hành động trong một không khí gia đình. Bí mật và bất ngờ là điều kiện giành thắng lợi trong những cuộc đụng

độ với đối phương bối rối, kém thông tin và hoạt động trong môi trường không thuận lợi.

Điều kỳ diệu của chiến tranh du kích là có sự tham gia của toàn thể dân chúng. Người lính là người dân và dân cũng là lính. Chiến thuật là tránh đánh vào các vị trí được phòng thủ tốt, tiến công các đồn bốt sơ hở, tiến khi quân thù rút và rút khi quân thù tiến, tổ chức các trận phục kích quân địch có quân số đông và thiện chiến. Một trong các chiến thuật du kích là làm cho kẻ thù như bị "mù", chiến sĩ du kích không mặc quân phục, không tập trung trong các lều trại và họ lẩn trốn trong đám đông được nhân dân che giấu nếu cần thiết. Trong trường hợp đó, lính Pháp không thể phát hiện được sự có mặt của họ. Một cách đánh du kích nữa là làm cho kẻ thù như bị "điếc"[30].

Trên đây chỉ là một phần trong những chỉ thị của Trần Huy Liệu. Những lời chỉ dẫn đó cho biết người Việt Nam thông thạo về chiến tranh du kích đến mức nào.

Các bức điện từ Sài Gòn gửi về Paris trong tháng Chín và tháng Mười cho biết nhiều vụ "đụng độ" đã xảy ra giữa quân Pháp và các lực lượng "phiến loạn". Các chi tiết và sự đánh giá mức độ nghiêm trọng khác nhau nhưng tất cả báo cáo đều nêu lên số lượng lớn các quân "phiến loạn" mà người Pháp đã tiêu diệt[31]. Một báo cáo ngày 7 tháng Mười đã minh họa "một trận phục kích xảy ra ở vùng Tân An đã làm một đồng chí hy sinh và hai đồng chí bị thương. Thương vong của quân phiến loạn rất nghiêm trọng[32]. Lính "páctidăng" - ý nói các binh sĩ Việt Nam đứng trong hàng ngũ quân Pháp (ngụy binh) thường chiếm số đông trong số thương vong của Pháp. Người Pháp cố gắng thành lập đội quân páctidăng, rồi đến ngày 19 tháng Chín, cao ủy Pháp yêu cầu Paris trang bị cho 9.300 lính páctidăng tại Nam Kỳ và 3.200 lính páctidăng ở Nam Trung Kỳ[33]. Có vẻ như lính páctidăng thường được sử dụng để canh giữ các tiền đồn có nhiều nguy cơ bị tiến công nhất. Cũng trong ngày 19 tháng Chín, Sài Gòn báo cáo: "Tại vùng Hóc Môn,

Thủ Dầu Một, các đội tuần tra của chúng ta đã hoạt động thuận lợi: 6 tên phiến loạn bị giết, 3 bị thương, 23 bị bắt làm tù binh, trong đó có nhiều ủy viên "ban ám sát". Trong cùng một vùng, lính páctidăng đã bỏ một bốt dưới áp lực của bọn phiến loạn và 2 người thiệt mạng, 1 người mất tích"[34].

Trong hai tuần lễ cuối cùng trước lệnh ngừng bắn theo quy định của Tạm ước ngày 14 tháng Chín có hiệu lực từ ngày 30 tháng Mười, Việt Minh đã tiến hành một cuộc tấn công quân sự. Ngày 26 tháng Mười, d'Argenlieu thông báo về một cuộc tấn công lớn vào thành phố Mỹ Tho nằm ở tây nam Sài Gòn[35]. Đến cuối tháng Mười, nhà báo Philippe Devillers khẳng định Việt Minh thực tế kiểm soát được ba phần tư lãnh thổ Nam Kỳ[36].

Như vậy, điều chúng ta đã thấy ở miền Nam là hai bên đều cố gắng cải thiện vị thế của mình. Nước Pháp thành lập các thiết chế tự trị mới bất chấp lời hứa của họ trong Hiệp định ngày 6 tháng Ba và Việt Minh, về phần mình, cũng gia tăng hoạt động nổi dậy. Trong bối cảnh đó, hai bên đều cố nâng cao vị thế của mình, bên này bắt bên kia phải trả giá. Ở miền Bắc, tình hình diễn ra tương tự. Sau nhiều lần trì hoãn, quân đội Trung Hoa cuối cùng đã rời khỏi Hà Nội và Việt Minh có thể từng bước loại bỏ ảnh hưởng chính trị của các đảng phái thân Trung Hoa.

Khi quân đội Trung Hoa rút đi, chính phủ nhanh chóng tái chiếm phần lớn các tỉnh trước đây quân đội Trung Hoa đã nhường lại cho các đảng phái thân Trung Quốc và dân quân vũ trang. Phần lớn những nhân vật lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng đã sang Trung Quốc hoặc tới một số ít đồn trại kiên cố gần biên giới Việt - Trung. Trong tháng Bảy, các sở chỉ huy sào huyệt của chúng đều bị các đơn vị công an xung phong tiến công và lục soát. Nhiều thi thể nạn nhân là quân nhân Pháp bị tra tấn và bị giết đã được phát hiện,

được xem như những bằng chứng mà các đảng phái thân Trung Quốc là thủ phạm của những vụ bắt cóc công dân Pháp[37]. Theo quan điểm của người Pháp tại miền Bắc, Việt Minh hiện nay hoàn toàn ôn hòa, nếu đem so sánh với Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội. Sau đó, Việt Minh có thể trấn áp lực lượng đối lập và độc quyền hóa quyền lợi chính trị của họ ở miền Bắc và không gây ra tình trạng đối đầu với Pháp. Thật khó khăn đối với người Pháp khi muốn phản đối nhà đương cục Việt Nam khi họ bắt một số người bị kết tội đã tổ chức bắt cóc và giết hại thường dân Pháp, hoặc khi họ can thiệp để ngăn chặn những tờ báo đối lập không được gây ra các chiến dịch nảy lửa chống lại nước Pháp. Lại nữa, việc chỉ xóa bỏ sự chống đối về chính trị ở miền Bắc đã được nhà đương cục Pháp tại Sài Gòn quan sát với sự chán ngán, nhất là Léon Pignon, phụ tá chính về chính trị và ủy viên về các công việc chính trị của Cao ủy d'Argenlieu. Ông ta có thể thấy bức tranh chính trị rộng lớn hơn và mong muốn Việt Minh bị tổn thương vì các cuộc đấu tranh nội bộ và sự thách thức thật sự đến từ bất kỳ phe đối lập nào, bất kể thái độ đối với Pháp như thế nào. Pignon biết rằng những hành động đó liên quan đến quyền lợi hơn là về thái độ, và sau này sẽ thay đổi cơ cấu quyền lực ở Hà Nội. Trong một cuộc trò chuyện với tác giả năm 1973, Pignon thừa nhận rằng, khi ông từ Fontainebleau quay trở lại Sài Gòn, ông đã mất hết hy vọng về một giải pháp hòa bình chủ yếu vì Việt Minh đã giải quyết xong với các phe nhóm chính trị đối lập ở miền Bắc, như thế Pháp sẽ phải đối phó với một khối đại đoàn kết dân tộc[38].

Thế là ở miền Bắc cũng như miền Nam, Việt Minh đã tăng cường vị thế của mình. Trong hai tháng Bảy và Chín, tình hình Pháp lại không được như thế. Họ đã đưa được quân đội ra miền Bắc và rải lực lượng ra đóng ở các vị trí được quy định theo Hiệp

định ngày 6 tháng Ba và các bản phụ lục về quân sự, nhưng vị thế của họ trong tương quan so sánh không phải vì thế mà được nâng cao lên nhiều lắm. Các đơn vị quân Pháp tại miền Bắc đã xây dựng kế hoạch để có thể sử dụng được mọi tình trạng khẩn cấp nhằm gia tăng sự kiểm soát các thành phố nơi họ đã triển khai lực lượng. Mọi nỗ lực xây dựng lòng tin lẫn nhau và sự hợp tác giữa quân đội Pháp và Việt Nam chỉ giành được những thành công rất hạn chế.

Khi một thỏa thuận đạt được giữa hai bên nhưng không bên nào thật sự hài lòng, thì sau đó vẫn còn có cơ hội để sự thỏa thuận đó có hiệu lực vì nhu cầu hòa bình, niềm tin lẫn nhau và tiếp đó là sự thỏa hiệp. Hiệp định ngày 6 tháng Ba đã có giá trị tích cực, không phải về mặt quốc tế, kể cả ở Pháp cũng vậy. Georges Bidault đã nói ở Đại hội đồng Đảng MRP họp ngày 8-10 tháng Ba rằng Đông Dương đã được "cứu vớt"[39]. Các đảng phái cánh tả ở Pháp thấy khuây khỏa trong lòng khi được tin những người chỉ huy phe de Gaulle ở Đông Dương đã bằng lòng thích nghi được những nguyện vọng của người Việt Nam và nhiều người thuộc phe tả ở Pháp đã nhiệt tình đón tiếp và chăm sóc Hồ Chí Minh khi ông đến thăm Pháp. "Hòa bình" là giá trị nổi bật trong thời kỳ sau chiến tranh ở châu Âu và đã có nhiều lực lượng phản đối các dự định đưa thêm quân vào cuộc chiến tranh thuộc địa mới. Có lẽ vì thế mà rốt cuộc có thể có cơ may để thi hành nghiêm chỉnh thỏa thuận đã đạt được cũng như có thể mở thêm những cuộc thương lượng mới có kết quả hy vọng. Nhưng muốn thế chắc phải thay đổi người lãnh đạo ở một bên hay cả hai bên trong cuộc thương lượng và trước tiên là ở Pháp. Mặc dù người ta bênh vực về lý thuyết và lấy làm kiêu hãnh về Hiệp định ngày 6 tháng Ba, Chính phủ Pháp không gây áp lực đối với d'Argenlieu để nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định, thay vào đó, lại cho phép ông ta tổ chức và xây dựng Liên bang Đông Dương chống Việt Minh chứ không phải chống

Việt Nam. Một cách giải thích đối với tình hình đó có thể là sự bất ổn chính trị ở Pháp đã ngăn cản Chính phủ Pháp trong việc tiếp tục thi hành một chính sách hòa hợp nhất quán.

NỀN CỘNG HÒA CÒN DANG DỞ

Trong khi các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai thương lượng với nhau tại trung tâm Paris về hiệp ước hòa bình cho châu Âu, thì các nhà thương lượng Việt Nam được yêu cầu chuyển địa điểm đàm phán đến Fontainebleau, một thị trấn nhỏ cách trung tâm thủ đô Paris khoảng 65 km về phía đông nam. Một chính trị gia bậc hai là Max André được chỉ định làm trưởng phái đoàn Pháp. Còn phái đoàn Việt Nam của Phạm Văn Đồng ở Paris suốt tháng Bảy, tháng Tám và đầu tháng Chín đã bám vào hai yêu cầu chính của Việt Nam là độc lập và thống nhất. Trong khi đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân ra sức bênh vực chính nghĩa Việt Nam. Nhưng tất cả đều vô ích. Phái đoàn Pháp bác bỏ yêu cầu cơ bản của Việt Nam. Có phải là vì trong các chính sách của Pháp có sự lộn xộn lớn, vì thất bại của các chính trị gia Pháp trong việc thông qua Hiến pháp mới và vì những khó khăn chung của việc đề ra các chính sách rõ ràng trong một chính phủ liên hiệp cam kết xây dựng nền cộng hòa mới?

Cũng như Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đệ tứ Cộng hòa Pháp chưa có Hiến pháp mới. Một tiểu ban Hiến pháp đã đưa ra một bản dự thảo, được những người cộng sản và xã hội ủng hộ, nhưng đã bị bác bỏ trong cuộc trưng cầu ý dân tổ chức vào ngày 5 tháng Năm, sau khi Đảng MRP đi theo de Gaulle để bác bỏ bản dự thảo. Do đó, một bản dự thảo mới đã được công bố trong khi cử tri Pháp chuẩn bị bầu một Quốc hội lập hiến mới vào ngày 2 tháng Sáu. Đảng MRP đã giành phần thắng trong cuộc bầu cử này. Bidault lập chính phủ mới và MRP đóng vai trò quyết định trong việc sửa

đổi Hiến pháp mới để văn bản này có thể được thông qua trong cuộc trưng cầu ý dân lần thứ hai vào tháng Mười. Hiến pháp mới giảm đáng kể mức độ tự chủ dành cho các thuộc địa có tư cách thành viên và tính đại diện trong Liên hiệp Pháp[40]. Những tranh cãi vụn vặt kéo dài về nội dung Hiến pháp mới đã thu hút nhiều sự chú ý của chính phủ trong suốt mùa hè và mùa thu năm 1946 và với công việc của một Bộ trưởng Ngoại giao, ông Bidault rất bận rộn với Hội nghị hòa bình Paris, tại đây các nước Đồng minh thắng trận đã mất rất nhiều thời gian để đạt được những thỏa thuận phức tạp với các nước bại trận tại châu Âu.

Việc phân chia trách nhiệm trong hệ thống hoạch định chính sách của Pháp đã bộc lộ rõ ràng ở sự thiếu phối hợp giữa hành động của Cao ủy trong việc củng cố một Nam Kỳ tự trị và những cố gắng của Chính phủ Pháp trong việc thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Fontainebleau. Ngày 29 tháng Ba 1946, Bidault nói với d'Argenlieu rằng nếu Nam Kỳ, "xứ đông dân và giàu có nhất ở Đông Dương" thống nhất với Việt Nam, thì nước Pháp sẽ mất đi một trong những "lá bài chủ" béo bở nhất[41]. Trong lúc Hội nghị trù bị ở Đà Lạt giậm chân tại chỗ thì Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Moutet nói với d'Argenlieu rằng người ta có thể coi người Pháp là "kẻ thủ đoạn" nếu Pháp cho phép chính quyền Nam Kỳ tự trị được thành lập sau khi hứa trong Hiệp định ngày 6 tháng Ba 1946 rằng Pháp sẽ tôn trọng kết quả cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất Việt Nam. Như thế, người Việt Nam sẽ cực lực phản đối và đặt nước Pháp vào "một tình thế khó xử" nếu một đoàn đại biểu Nam Kỳ đi Paris trong lúc Pháp đang đón Đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa[42]. Một lần nữa, như đã nêu ở trên, đoàn đại biểu của Nam Kỳ đã đến Paris và d'Argenlieu tiếp tục công việc chuẩn bị để chính thức xác nhận chính phủ lâm thời ở Nam Kỳ[43].

Khi Hội nghị Đà Lạt lần thứ nhất khép lại ngày 11 tháng Năm mà không đạt được kết quả nào, lý do là bởi phái đoàn Pháp không chịu thảo luận kế hoạch tổ chức trưng cầu ý dân như đã thỏa thuận. Người Việt Nam thất vọng, đặc biệt dưới ánh sáng của việc Pháp đang cố gắng thúc đẩy thành lập Nam Kỳ tự trị. Bốn ngày sau khi Hội nghị Đà Lạt thất bại, Tổng Thư ký của Cominindo cảnh báo d'Argenlieu rằng chính sách của Chính phủ Pháp không phải là phá hoại Hiệp định ngày 6 tháng Ba. Ông nói rằng, chính phủ đã quyết định triệt để tôn trọng các điều khoản trong Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba, theo đó, một cuộc trưng cầu ý dân sẽ được ấn định để định đoạt số phận của Nam Kỳ[44].

Cùng ngày, trong lúc d'Argenlieu nhận được những chỉ thị trái chiều thì Moutet chuyển cho ông ta bức thông điệp của cựu Toàn quyền Đông Dương Alexandre Varenne, là người đã cảnh cáo Sài Gòn hoãn cuộc trưng cầu ý dân cho đến khi tình hình hoàn toàn trở lại bình thường và thành lập một chính phủ lâm thời Việt Nam ở Nam Kỳ làm sao để có uy tín ngang với chính phủ Hà Nội ở miền Bắc. Không chậm trễ, Moutet nhấn mạnh rằng đó chỉ là ý kiến của Varenne và sau này ông sẽ đưa ra quan điểm riêng của mình[45]. Tuy vậy, thế cũng là quá đủ để d'Argenlieu hành động. Trong khi Hồ Chí Minh đang trên đường tới Pháp bằng máy bay, d'Argenlieu đã cho phép tuyên bố thành lập Cộng hòa Nam Kỳ vào ngày 1 tháng Sáu. Sau đó, ông ta hăng hái đi trước dựa vào những tín hiệu pha trộn mặc dù Paris còn chưa hoàn toàn cho phép hành động. Ngày 4 tháng Sáu, Cominindo thông qua những việc làm của d'Argenlieu. Mô hình hành động đã rõ: d'Argenlieu hành động ngay sau khi ông ta nghĩ rằng có thể hành động mà không bị cấp trên bác bỏ. Cominindo, sau khi chậm trễ ít ngày, đã thông qua chủ trương của vị cao ủy này.

Ngày 19 tháng Sáu 1946, khi Hồ Chí Minh tới Pháp, Bidault thay thế Félix Gouin làm Thủ tướng. Bidault không muốn giao phó trách nhiệm về Đông Dương cho Moutet như người tiền nhiệm của ông đã làm. Không phải Bidault không có khả năng tự mình điều khiển chính sách về Đông Dương. Ông không thể theo dõi một cách đều đặn các công việc về Đông Dương, vì thế, cách giải quyết của ông là chuyển giao các sáng kiến về Đông Dương cho viên Cao ủy. Trong thời gian Bidault làm Thủ tướng, Cominindo đã không đi theo con đường mà de Gaulle đã chủ trương. Thông thường, Ủy ban thường tán thành những chủ trương do Cao ủy đã thực hiện. Hậu quả của việc Bidault phong tỏa quyền lực của Cominindo là tăng cường sức mạnh đòn bẩy và quyền tự chủ của Cao ủy Thierry d'Argenlieu.

Ngày 25 tháng Sáu, các đoàn đàm phán tại Fontainebleau đang đấu tranh nhằm tìm ra điều gì đó bổ ích để thương lượng trong khi tránh các vấn đề tranh cãi gây chia rẽ, d'Argenlieu thông báo ông muốn triệu tập Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai. Phái đoàn Việt Nam nghĩ rằng họ đang thương lượng nhân danh toàn thể Việt Nam cho nên khi d'Argenlieu tiến hành thương lượng trên lãnh thổ Việt Nam với các đại diện được lựa chọn kỹ lưỡng từ các vùng mà Chính phủ Việt Nam cho rằng chưa có đầy đủ quyền lực, điều này giống như một cú đánh vỗ mặt. Một lần nữa, d'Argenlieu chưa được Paris cho phép rõ ràng về những việc ông ta làm[46] và khi được tin đó, đại biểu Pháp tại Fontainebleau tỏ ra lúng túng. Trưởng Đoàn đại biểu Việt Nam Phạm Văn Đồng buộc tội Pháp vi phạm Hiệp định ngày 6 tháng Ba và ra công hàm phản đối chính thức. Moutet dự thảo một bản trả lời để xoa dịu thái độ phản ứng của Đoàn đại biểu Việt Nam. Ông thuyết phục Bidault đưa ra quyết định dứt khoát. Bidault nói ông quá bận với Hội nghị hòa bình Paris, rồi ông yêu cầu Moutet đừng đưa vấn đề ra cuộc họp

đầu tiên của nội các sắp tới vì ông không có đủ thời gian đọc các tài liệu. Cho tới ngày 1 tháng Tám, khi Đoàn đàm phán Việt Nam không nhận được thông điệp trả lời nào của Chính phủ Pháp, họ quyết định cắt đứt đàm phán. Bấy giờ d'Argenlieu yêu cầu chính phủ dứt khoát phải đình chỉ hội nghị tại Fontainebleau[47] khiến Moutet rất tức giận. Có tin đồn ông đã yêu cầu Bidault thay thế vị trí cao ủy của d'Argenlieu. Cũng theo tin đồn trên, Bidault đã khước từ yêu cầu này[48]. Sau này, Vụ trưởng Vụ Châu Á, Bộ Ngoại giao Pháp nói rằng điều này gần như đã thúc đẩy một cuộc khủng hoảng nội các[49].

Sau khi giải quyết những bất đồng và để làm hài lòng Bidault, cả Moutet và Bidault bảo đảm với d'Argenlieu rằng Thủ tướng vẫn tín nhiệm ông ta[50]. Sự bảo đảm của ông Moutet dè dặt hơn Bidault. Sau này, ông đã tuyên bố với phóng viên Hãng thông tấn Pháp (AFP) rằng bất đồng xảy ra hồi tháng Tám chỉ mang tính chất "chiến thuật". "Chính sách hòa hợp" luôn luôn được thực hiện với sự nhất trí hoàn toàn của Đô đốc d'Argenlieu và Tướng Leclerc cùng người kế nhiệm là Tướng Valluy[51]. Tuy nhiên, chúng ta có thể rút ra kết luận từ tình hình trong tháng Bảy và tháng Tám rằng, d'Argenlieu không hài lòng về sự ủng hộ hoàn toàn của Moutet song lại được Bidault che chở.

Sau khi Phạm Văn Đồng rút khỏi Hội nghị Fontainebleau để phản đối việc triệu tập Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai, các nhà thương lượng Việt Nam đã đóng gói hành lý chuẩn bị về nước. Lúc này, Chính phủ Pháp mới cần đến một hành động để gỡ thể diện. Ngày 9 tháng Tám, người đứng đầu phái đoàn Pháp là Max André bảo đảm với Phạm Văn Đồng rằng Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai sẽ không đưa ra một quyết định nào và sẽ chỉ coi như một hình thức phổ biến quan điểm của nhau. Trên cơ sở đó, ông Phạm Văn Đồng đã đồng ý nối lại các cuộc thương lượng tại Fontainebleau. Cuộc

khủng hoảng cũng dẫn đến tranh cãi công khai trên báo chí Pháp về những yêu cầu của Việt Nam. Moutet chỉ trích Đảng Cộng sản Pháp vì đã không thể cản trở việc hợp nhất Nam Kỳ vào Việt Nam và đó có thể là một "sai lầm nghiêm trọng"[52]. Comininido họp trong hai ngày 10 và 12 tháng Tám đã quyết định đưa ra một đề nghị cho một hiệp định sơ bộ trong khi gác lại hai vấn đề chính là độc lập và thống nhất[53]. Trong một bức thư riêng đề ngày 19 tháng Tám, Moutet chỉ trích d'Argenlieu vì đã triệu tập Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai mà không báo trước cho Paris và bảo đảm với ông ta rằng giữa hai người đã có sự bất đồng, nhưng không phải về bản chất mà chỉ về thể thức[54].

Điều khiến d'Argenlieu sợ hãi hơn cả là phái đoàn Pháp tại Fontainebleau có thể đồng ý ấn định thời gian tiến hành trưng cầu ý dân. Điều này có thể gây tổn hại cho chính sách về Nam Kỳ tự trị. D'Argenlieu mong muốn chứng minh rõ ràng rằng Chính phủ Việt Nam chỉ đại diện cho miền Bắc. Đó là một trong những lý do để triệu tập hội nghị tại Đà Lạt. Vào ngày đầu của hội nghị, d'Argenlieu đã gửi một bản bị vong lục dài về Paris gợi ý nên đình chỉ các cuộc thương lượng tại Hội nghị Fontainebleau để các nước khác trong liên bang có thêm thời gian xây dựng thiết chế của họ[55]. Moutet không quan tâm đến đề xuất này mặc dù ông hoàn toàn đồng ý với chính sách khuyến khích Nam Kỳ tự trị. Ông không muốn đối đầu với Chính phủ Việt Nam. Ông nhận thấy điều đó có thể cản trở việc đạt được thỏa thuận về mọi vấn đề tại Fontainebleau, nhưng ông cho rằng cần phải tranh thủ thời gian. Trước khi tiến hành trưng cầu ý dân, các nhà đương cục địa phương cần được thiết lập tại Nam Kỳ và cần nỗ lực lớn có thể thực hiện để động viên nhân dân ủng hộ họ. Dân chúng cần được ý thức về tự do, nếu không, chắc chắn đa số dân chúng sẽ ủng hộ một nước Việt Nam thống nhất. Cần phải làm nhiều việc để "tiến hành trưng cầu ý

dân ủng hộ Nam Kỳ tự trị". Moutet nghĩ rằng "những người Nam Kỳ chân chính" nên quan tâm đến công tác tuyên truyền và nên thành lập các nhóm ở mỗi địa phương, lúc đầu hoạt động bí mật, để phục vụ cho nền tự trị ở Nam Kỳ. Một chương trình cải cách xã hội và ruộng đất cũng có thể cần thiết[56]. Tiến trình tự trị của Nam Kỳ rõ ràng không chỉ là chính sách của riêng d'Argenlieu, mà còn có sự hậu thuẫn tuyệt đối của vị Bộ trưởng Hải ngoại Pháp.

Luận điểm cho rằng bất đồng của họ chỉ mang tính "chiến thuật" dường như không phải là không đúng sự thật. Tính đến tháng Tám 1946, Moutet và d'Argenlieu nhất trí cần phải thúc đẩy nền tự trị Nam Kỳ nhưng lại bất đồng về thời điểm đưa ra một vài sáng kiến công khai và về thẩm quyền ra quyết định của Cao ủy và Bộ trưởng Hải ngoại Pháp. Chính d'Argenlieu đã có những quyết định quan trọng ngay sau khi ông ta nghĩ có thể làm như vậy mà không phải đối mặt với nguy cơ bị bác bỏ. Moutet thấy do dự và không thấy đây là thời điểm thích hợp để đưa ra những cam kết quan trọng mà không có sự ủng hộ rõ ràng của Thủ tướng hay của cuộc họp nội các hoặc của Cominindo. Bidault - người chịu trách nhiệm hoàn toàn về vấn đề này nhưng lại quá bận rộn với các vấn đề khác - sẵn sàng để d'Argenlieu được tự do. Sau Hội nghị Fontainebleau, trong một bức điện riêng gửi d'Argenlieu, Bidault thay mặt nước Pháp cảm ơn Cao ủy về những cố gắng của ông ta và bảo đảm rằng d'Argenlieu sẽ có được sự tin cậy hoàn toàn và tình bạn thân thiết của mình[57].

Bởi chính trường Pháp quá hỗn độn, điều này có thể giải thích cho thất bại của Hội nghị Fontainebleau là do kết quả của sự bất lực của Chính phủ liên hiệp Pháp trong việc đưa ra những quyết định dứt khoát. Tuy nhiên, cách giải thích này chưa thuyết phục vì một lý do được đưa ra. Cùng với thái độ rụt rè ngoại lệ của Đảng Cộng sản Pháp, các lực lượng chính trị chủ yếu của Pháp đều đồng

ý rằng Việt Nam cần được trả lại độc lập hoàn toàn và trong mọi tình huống, Việt Minh cần được phép kiểm soát Nam Kỳ. Ý sau gần như là nỗi ám ảnh đối với Moutet, đảng viên xã hội, nhân vật chủ chốt làm chính sách về Đông Dương. Có đa số rõ ràng trong chính phủ đứng đằng sau quyết tâm của nước Pháp trong việc không nhượng bộ trên hai vấn đề chủ yếu về nghị trình. Điều này đã được xác nhận vào tháng Mười một và tháng Mười hai khi cuối cùng Hiến pháp mới của Pháp đã được thông qua với tỷ lệ 53% trong cuộc trưng cầu ý dân diễn ra vào ngày 13 tháng Mười, khi các cuộc tuyển cử thường kỳ đầu tiên của Đệ tứ Cộng hòa Pháp được tổ chức vào ngày 10 tháng Mười một, và khi chính phủ Bidault cầm quyền tạm thời cho đến khi nội các mới được thành lập cuối cùng đã có thể đồng ý với một loạt chỉ thị của viên cao ủy vào ngày 10 tháng Mười hai. Đối với Chính phủ Pháp, rõ ràng nếu Việt Nam được trao trả độc lập hoàn toàn thì sự có mặt của Pháp ở Đông Dương nói chung có thể sẽ bị đe dọa. Về vấn đề thống nhất ba "kỳ", thái độ của Pháp chỉ là không triệt để dứt khoát. Trừ thái độ rụt rè của những người cộng sản Pháp, các nhà hoạch định chính sách Pháp ủng hộ thống nhất Việt Nam là những người chủ trương thành lập quốc gia phi cộng sản và có thể kiểm soát được nhiều hơn đối với Việt Minh. Ở đây, một lần nữa, thái độ của Chính phủ Pháp là không muốn thỏa hiệp thực sự với Hồ Chí Minh.

Như thế, lý do chính giải thích cho thất bại của các cuộc đàm phán Pháp - Việt không phải là do sự lúng túng hay bất lực của Chính phủ Pháp và việc rút quân chậm trễ của quân đội Trung Hoa đã cản trở việc làm sáng tỏ mối quan hệ Pháp - Việt ở miền Bắc. Lý do chủ yếu là ở chỗ hai bên đều nhận thấy Hiệp định ngày 6 tháng Ba là một bước đệm để nâng cao hơn nữa vị thế của mình thay vì tìm kiếm một thỏa hiệp đích thực. Tuy nhiên, cả hai bên đều có những nỗ lực đúng đắn để ít nhất là có thể đi đến được một

bản tạm ước, được coi như một thỏa thuận sơ bộ có thể cản trở được đối đầu công khai.

HIỆP ĐỊNH NGÀY 14 THÁNG CHÍN

Trong những ngày đầu tháng Chín, các đại diện hai đoàn đàm phán Việt Nam và Pháp tại Fontainebleau nhận ra rằng họ sẽ không đạt được bất kỳ thỏa thuận toàn diện nào. Sau đó, mỗi bên đưa ra dự thảo để có được một hiệp định sơ bộ, nói loanh quanh hai vấn đề nguyên tắc độc lập và thống nhất. Văn bản đã làm xong ngay buổi sáng ngày 10 tháng Chín nhưng đến buổi chiều, Phạm Văn Đồng trong một cố gắng cuối cùng đã đến gặp Chính phủ Pháp. Ông nói sẽ chỉ ký vào bản hiệp định nếu Pháp đồng ý ghi thời hạn và tiến trình thực hiện trưng cầu ý dân ở Nam Bộ. Pháp trước sau như một từ chối không làm như vậy, biện luận rằng chừng nào còn có hoạt động "khủng bố" diễn ra ở miền Nam thì không thể tiến hành một cuộc trưng cầu ý dân tự do và công bằng, và các nhà thương lượng Pháp kiện định đường lối này. Phần lớn các nhà đàm phán Việt Nam, kể cả ông Phạm Văn Đồng, đã rời Paris ngày 13 tháng Chín. Chủ tịch Hồ Chí Minh và hai thành viên đoàn đàm phán là Dương Bạch Mai và Hoàng Minh Giám ở lại về sau. Trong bữa ăn trưa ngày 11 tháng Chín, Moutet và Hồ Chí Minh đồng ý rằng đình hoãn đàm phán hoàn toàn là điều không thể chấp nhận được. Hồ Chí Minh nói với Moutet rằng ông sẽ không trở về nước với hai bàn tay trắng: "Ngài sẽ hoàn toàn không phải hối tiếc nếu ngài làm cho tôi trở nên mạnh mẽ để chống lại chủ trương lật tôi. Nếu chúng tôi phải chiến đấu, chúng tôi sẽ chiến đấu. Nếu các ngài giết mười người của chúng tôi thì chúng tôi cũng sẽ khiến một người của các ngài phải chết và cuối cùng các ngài sẽ kiệt sức"[58].

Cũng trong buổi tối hôm đó, ba đại diện của Pháp và hai đại diện Việt Nam gặp nhau. Liền sau đó, Hồ Chí Minh viết một bản

dự thảo mới. Ngày 14 tháng Chín, ông nhận lại phản đề nghị của Pháp và ngay buổi chiều hôm đó, Hồ Chí Minh đã đưa đề nghị của Pháp ra thảo luận với Thủ tướng Bidault[59], rồi sau đó đến gặp Moutet tại nhà riêng để ký kết. Nội dung của cái gọi là thỏa thuận tạm ước đó như thế nào?[60] Lời mở đầu trước khi đi vào nội dung gồm 11 điều khoản xác nhận Hiệp định ngày 6 tháng Ba sẽ tiếp tục có hiệu lực. Điều đó có nghĩa là một mặt giới hạn quân số Pháp đóng ở bắc vĩ tuyến 16, mặt khác nước Pháp giữ lời hứa tôn trọng kết quả trưng cầu ý dân để thống nhất đất nước. Trong Điều 10, hai bên ký kết đồng ý rằng các cuộc đàm phán để ký một hiệp ước dứt khoát sẽ bắt đầu không muộn hơn tháng Giêng 1947. Tạm ước có hiệu lực từ ngày 30 tháng Mười 1946 (Điều 11).

Tám điều khoản đầu được xây dựng theo lối cam kết hỗ tương, nhưng thực tế đó là những nhượng bộ của Việt Nam và lợi ích của Pháp trên lãnh thổ do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiểm soát. Chủ tịch Hồ Chí Minh hứa:

- Cho phép kiều dân Pháp được hưởng các quyền tự do tương tự như người Việt Nam, trên hết là quyền tự do kinh doanh (Điều 1);
- Không thay đổi quy chế về tài sản và các công ty của Pháp ở Việt Nam mà không có thỏa thuận sơ bộ với Pháp (Điều 2);
- Trao trả lại cho các chủ sở hữu người Pháp toàn bộ tài sản đã bị Chính phủ Việt Nam trưng thu (Điều 2);
- Cho phép các cơ sở giáo dục và khoa học của Pháp được tự do hoạt động ở Việt Nam theo các chương trình của Pháp, đồng thời trả lại Viện Pasteur tại Hà Nội cho Pháp (Điều 3);
- Bảo đảm quyền ưu tiên tuyệt đối cho kiều dân Pháp khi Việt Nam cần cố vấn, kỹ thuật viên hoặc các chuyên gia nước ngoài (Điều 4);
- Tôn trọng đồng bạc Đông Dương do Pháp kiểm soát là đồng tiền duy nhất trên toàn Đông Dương (Điều 5);

- Thành lập Liên minh quan thuế với các thành viên khác trong Liên bang Đông Dương (Điều 6).

Hai bên đồng ý thành lập năm ủy ban hỗn hợp Pháp - Việt. Các ủy ban quan trọng nhất là:

- Ủy ban phối hợp quan thuế, ngoại thương và tiền tệ sẽ tổ chức Sở Quan thuế Đông Dương (Điều 6);
- Ủy ban phối hợp về thông tin trên toàn Đông Dương (Điều 7);
- Ủy ban quyết định các công việc liên quan đến cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở các nước láng giềng và mối quan hệ với các lãnh sự nước ngoài (Điều 8).

Tám điều khoản trên phản ánh mức độ thỏa hiệp của Hồ Chí Minh liên quan đến độc lập thực sự của Việt Nam. Điều 9 chủ yếu liên quan đến việc Pháp kiểm soát Nam Bộ và Nam Trung Bộ, quy định rõ ràng rằng lệnh ngừng bắn có hiệu lực tại đây từ ngày 30 tháng Mười. Hai bộ tổng tham mưu Pháp và Việt Nam phải dàn xếp các "điều kiện áp dụng và giám sát các biện pháp được quyết định chung". Hai bên hiểu nội dung câu nhận định khó hiểu này theo những cách tương đối khác nhau.

Hai bên cần được bảo đảm về quyền tự do dân chủ. Việc tuyên truyền không hữu nghị sẽ chấm dứt ở cả hai phía. Chính phủ Việt Nam sẽ chỉ định một đại diện bên cạnh cao ủy Pháp để hợp tác trong việc thi hành thỏa thuận tạm ước này.

Đối với người Việt Nam, điều quan trọng là Chính phủ Pháp thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, vì như thế là ngầm thừa nhận sự có mặt của các thiết chế Việt Nam ở nam vĩ tuyến 16. Ngược lại, các nhà đương cục Pháp tại Sài Gòn giải thích việc ngừng bắn tại Nam Kỳ như giai đoạn mở đầu cho việc tước vũ khí hoặc rút toàn bộ lực lượng vũ trang Việt Nam khỏi miền Nam.

Hồ Chí Minh yêu cầu một khoảng thời gian khoảng sáu tuần giữa ngày ký thỏa thuận tạm ước đến ngày văn bản có hiệu lực. Vì vậy, cả hai bên đều có thời gian chuẩn bị lập luận và xây dựng các chiến lược sử dụng tạm ước nhằm đạt mục tiêu của mình. Tuy cách hiểu các điều khoản có khác nhau nhưng một phần nhỏ trong nội dung tạm ước đã từng được áp dụng.

HỒ CHÍ MINH TRỞ LẠI HÀ NỘI

Chỉ vài giờ trước khi ký kết Tạm ước, 25 thành viên của Đoàn đàm phán Việt Nam tại Fontainebleau đã rời cảng Marseille đáp tàu Pasteur về nước[61]. Điều kỳ lạ là họ hoàn toàn không nói tới bản tạm ước trước công chúng sau khi cập cảng Hải Phòng ngày 3 tháng Mười. Một trong những ngày đầu tiên lênh đênh trên biển, họ nhận được hai bức điện ngắn của Hồ Chí Minh cho biết tạm ước đã được ký kết[62]. Phạm Văn Đồng liền điện cho Hoàng Minh Giám hãy còn ở lại Paris với tư cách là đại diện cho Việt Nam tại Pháp, rằng họ muốn được xem văn bản[63]. Tuy nhiên, Cominindo chỉ thị cho Sài Gòn cung cấp cho Đoàn đàm phán Việt Nam một bản sao tạm ước khi tàu Pasteur dừng lại ở Cap St. Jacques (Vũng Tàu) ngoài khơi xa miền Nam Việt Nam[64]. Như vậy, Đoàn đàm phán Việt Nam phải mất hai tuần mới được biết kết quả đàm phán.

Trong thời gian ở Pháp, ngoài thời gian thương lượng, Đoàn đàm phán Việt Nam còn đi mua hàng hóa mang về nước. Số hành lý lên tới sáu tấn, chủ yếu là thiết bị radio. Tại cảng Marseille, các thùng hành lý đã bị "ghi nhầm" nơi đến là "Sài Gòn" thay vì "Hải Phòng". Cominindo đã nói với Sài Gòn rằng "sự cố" nhầm lẫn này đã "tạo cớ" để bốc dỡ hàng tại Cap St. Jacques phục vụ công tác "kiểm tra"[65]. Khi tàu Pasteur cập cảng Hải Phòng, nhiều hành lý đã bị hư hại[66].

Sau khi đoàn đàm phán về tới Hà Nội, Chính phủ Việt Nam đã lập báo cáo mật đầu tiên về các cuộc thương lượng tại Fontainebleau.

Vì vậy, mọi công việc chuẩn bị để thi hành các điều khoản ghi trong Tạm ước chỉ có thể bắt đầu ba tuần sau khi ký kết[67]. Cao ủy Pháp đã được nghe báo cáo nhanh chóng và đầy đủ của các cộng sự như Léon Pignon, Albert Torel và cố vấn tài chính Gonon - là người đã đáp máy bay từ Paris đến Sài Gòn vào ngày 24 tháng Chín.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Pháp bốn ngày sau khi ký kết Tạm ước. Người đáp tàu Dumont d'Urville và cập cảng Hải Phòng ngày 20 tháng Mười, tức 10 ngày trước khi bản tạm ước có hiệu lực thi hành. Trên đường về, Hồ Chí Minh nghe tin Hiến pháp mới của Pháp đã được thông qua. Mặc dù những sửa đổi Hiến pháp theo đề nghị của Đảng Phong trào cộng hòa bình dân đã được Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Xã hội Pháp ủng hộ mạnh mẽ, song Hiến pháp mới này chỉ được thông qua sau cuộc trưng cầu ý dân ngày 13 tháng Mười. Hồ Chí Minh có thể cũng đã biết rằng kết quả trưng cầu ý dân có những điểm không có lợi cho Đông Dương. Bởi lẽ, dù dân chúng Nam Bộ chưa được phép tiến hành trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất đất nước, nhưng mọi công dân Pháp tại Nam Kỳ, kể cả các chủ đồn điền người Pháp cũng như con số rất nhỏ người bản xứ nhập quốc tịch Pháp, đã được phép tham gia trưng cầu ý dân về Hiến pháp mới của nước Pháp. Số công dân Pháp ở Đông Dương là 34.292 người có quyền bỏ phiếu, trong số 18.213 lá phiếu chỉ có 3.559 phiếu tán thành Hiến pháp mới, 14.456 phiếu phản đối, hưởng ứng lời kêu gọi của de Gaulle bỏ phiếu không tán thành[68]. Lãnh sự Mỹ tại Sài Gòn giải thích rằng đó có thể là tín hiệu "phản ứng của tàn dư phátxít" [Pháp tại Đông Dương][69]. Chính phủ Việt Nam phản đối trưng cầu ý dân của Pháp tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam[70]. Tờ báo tả khuynh *Franc - Tireur* (Quân du kích) bình luận: "Các chủ đồn điền đã bỏ phiếu "không tán thành", còn dân chúng thì lại không được phép lên tiếng"[71].

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đang trên tàu thì cuộc trưng cầu ý dân về Hiến pháp mới được tổ chức. Trong hồi ký của mình, Võ Nguyên Giáp viết: tàu Dumont d'Urville đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước chạy với tốc độ rất thong thả và có vẻ như người Pháp cố ý trì hoãn ngày trở về của Người[72]. Tại sao Hồ Chí Minh không đi máy bay về nước như lượt đến Pháp? Jean Sainteny là người đã tháp tùng Hồ Chí Minh trong suốt thời gian Người ở Pháp nói rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khước từ đề nghị của Pháp để Người đi máy bay về nước với lý do sức khỏe không cho phép[73]. Ông Giáp viết rằng chính phủ Hà Nội e ngại người Pháp có dụng ý gây trở ngại cho chuyến về nước của Hồ Chí Minh và Đoàn đàm phán Việt Nam[74]. Ngô Đình Diệm sau này cũng cho rằng Hồ Chí Minh đã ký Tạm ước ngày 14 tháng Chín để bảo đảm người Pháp để Người trở về nước an toàn[75]. Tất cả những nhận định trên chỉ hoàn toàn là suy đoán.

Khó mà hiểu tại sao Hồ Chí Minh lại chọn đi về bằng tàu biển mất nhiều thời gian đến thế. Có thể là Người muốn để ông Giáp có thời gian tăng cường lực lượng Việt Minh ở miền Bắc và để Nguyễn Bình xây dựng lực lượng ở miền Nam. Khi trở về, Hồ Chí Minh sẽ có vai trò ôn hòa, có trách nhiệm, và mọi việc đã được thực hiện trong thời gian Người vắng mặt đều có thể cho qua. Một khả năng khác là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cần có thời gian chuẩn bị cho dân chúng tiếp nhận bản tạm ước.

Trong suốt hành trình dài lênn đênh trên biển, Hồ Chí Minh chỉ có thể liên lạc với Pháp và Việt Nam qua hệ thống cáp truyền tin của quân đội. Do đó, người Pháp đã biết và chúng ta cũng biết những gì Hồ Chí Minh đã nói với Hà Nội. Trước khi rời Pháp, Người đã thông báo với Chính phủ Việt Nam về nội dung bản tạm ước đã ký và gửi bằng máy bay về Hà Nội một bản sao văn bản

Tạm ước[76]. Trên boong tàu, Hồ Chí Minh chỉ thị cho Hà Nội phải giải thích kỹ cho dân chúng các điều khoản của Tạm ước và bắt đầu thực hiện các điều khoản trong đó. Người cũng hỏi thông tin về tình hình trong nước[77]. Trên tàu, Chủ tịch Hồ Chí Minh xử sự như một nhà lãnh đạo quốc gia ôn hòa và hữu nghị, thiết lập quan hệ nồng thắm với thủy thủ đoàn của Pháp - là những người rất ngưỡng mộ vị chủ tịch vì lối sống giản dị, bất chấp gian nan. Chủ tịch Hồ Chí Minh không có hành lý mang theo và mọi thủy thủ đều khâm phục Người khi thấy Chủ tịch tự mình giặt quần áo[78]. Thuyền trưởng người Pháp đã ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh về trí thông minh và sức hấp dẫn riêng. Ông ta nói thêm rằng dường như Chủ tịch Hồ Chí Minh sẵn sàng nghe theo lời khuyên của những người mà ông thấy tin cậy[79].

Trong ngày đầu tiên trên tàu, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện cho Moutet để khẳng định tình bạn thân thiết của Người và thể hiện niềm tin vào lòng tốt và sự trung thực của vị bộ trưởng trong việc thi hành bản tạm ước[80]. Khoảng một tuần sau, Người nhận được điện của Bidault với nội dung lịch sự nhưng không nói gì đến chính trị. Nhận được những báo cáo đầu tiên từ trong nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện trả lời, cảm ơn Bidault về bức điện đầy tình hữu nghị và nhận xét: "Bản tạm ước không làm hài lòng nhân dân Việt Nam. Con người ta là như vậy. Tôi sẽ làm hết sức mình và sẽ thành công nếu những người bạn Pháp tại Nam Bộ áp dụng trung thực các quyền tự do dân chủ, nghiêm chỉnh chấm dứt xung đột, trả tự do cho tù nhân và không có những lời nói hay hành động thiếu hữu nghị. Tôi tin tưởng vào sự giúp đỡ tích cực của ngài vì lợi ích của hai nước chúng ta"[81].

Thông điệp này quan trọng vì hai lý do: nó cho thấy, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự trung thành của người Việt Nam

đối với Tạm ước tùy thuộc vào việc người Pháp có thay đổi chính sách của họ đối với Nam Kỳ hay không. Bức điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thể hiện nỗ lực tiếp xúc trực tiếp giữa vị chủ tịch của Việt Nam và vị thủ tướng chính phủ của Pháp. Đối với Hồ Chí Minh, điều quan trọng là phải kết nối một mắt xích với Bidault. Ông này là một nhân vật chính trị có ảnh hưởng lớn nhất ở Pháp và nếu Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể tiếp xúc trực tiếp với ông ta thì quan hệ hữu nghị Việt - Pháp sẽ dựa trên tinh thần bình đẳng. Bidault cảm nhận được ngay điều đó và không bao giờ đáp lại. Ông cho rằng thông điệp có tính chất chính trị nên ông nghĩ rằng Cao ủy Pháp sẽ phải là người trả lời chứ không phải là Thủ tướng hay Bộ trưởng Hải ngoại Pháp. Vì vậy, đầu tháng Mười một, Bidault đã chuyển tiếp bức điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho Cao ủy d'Argenlieu[82]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng để lại người cộng sự gần gũi của Người là Hoàng Minh Giám ở lại Pháp với tư cách Trưởng Đoàn đàm phán Việt Nam tại Paris gồm bốn thành viên. Khi biết được điều này, d'Argenlieu đã điện cho Paris nhấn mạnh sự tồn tại của phái đoàn đó tại Pháp không được ghi trong Tạm ước và yêu cầu được giải thích. Ngày 5 tháng Mười, Paris trả lời rằng phái đoàn của Hoàng Minh Giám không được hưởng quy chế chính thức nào và bức thư gửi cho Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ tính chất "không chính thức" của phái đoàn. Tuy nhiên, Paris đã không làm gì để phủ nhận quyền của các thành viên phái đoàn được ở lại Pháp với tư cách cá nhân. D'Argenlieu tỏ ra không hài lòng về cách giải thích của Paris và yêu cầu Moutet đuổi khéo phái đoàn đó[83]. Yêu cầu của viên cao ủy không được đáp ứng, song Hoàng Minh Giám cũng không được bố trí cuộc hẹn nào và ông sớm nhận ra việc ông ở lại Pháp chỉ mất thời gian vô ích. Vì vậy, sang tháng Mười một, ông đã quay về Hà Nội. Vị trí của ông do một nhân vật cấp thấp hơn là Trần Ngọc Danh đảm nhiệm[84].

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Hà Nội, trong lúc hai bên đều cố gắng thi hành Tạm ước, d'Argenlieu đã gửi chuyển tiếp cho Chính phủ Pháp thông điệp kèm theo lời bình luận mà ông nhận được từ người Việt Nam: "Những thông điệp chỉ thuần túy mang tính thể thức do Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thủ tướng Pháp thì có thể chấp nhận được, còn nếu mang tính chất chính trị thì không được"[85]. Để ủng hộ sự độc quyền của cao ủy trong việc thông tin chính trị với Hà Nội vào thời điểm có thể Bidault phải từ chức, sau này d'Argenlieu đã trích dẫn quyết định đưa ra trong tháng Mười của Bidault rằng không cần phải trả lời thông điệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đi từ tàu Dumont d'Urville[86].

Trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh vắng mặt, Việt Minh đã tăng cường vị thế đáng kể của mình. Những nhân vật chủ chốt quan trọng của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội đã biến mất khỏi sân khấu chính trị và Việt Nam Quốc dân Đảng cũng đã bị làm suy yếu. Bản tạm ước có thể là không được lòng nhiều nhà hoạt động chính trị Việt Nam trẻ tuổi, nhưng Tổng bộ Việt Minh đã áp dụng các biện pháp để ngăn cản mọi chỉ trích công khai đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh[87]. Người Pháp không tìm thấy dấu hiệu phản đối vị chủ tịch xuất hiện trên báo chí Việt Nam. Chỉ có một bài bình luận tiêu cực đăng trên báo *Cứu quốc*, cơ quan ngôn luận của Việt Minh, khẳng định nhân dân Việt Nam không hài lòng với Tạm ước và cho rằng những nhân nhượng của Việt Nam là quá rộng rãi. Sự chỉ trích này có thể là nguyên nhân để Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện cho Bidault nói rằng phản ứng đó cũng là "tính người". Một phản ứng điển hình đối với bản tạm ước đã được tình báo Pháp tập hợp ở Huế, trong đó cấp lãnh đạo địa phương ám chỉ rằng cần thiết yêu cầu các cường quốc như Mỹ, Anh, Nga và Trung Quốc ủng hộ Việt Nam là điều chính đáng. Việt Nam không đủ mạnh để đi vào cuộc đấu tranh vũ trang. Do đó, cần phải sử dụng

Tạm ước một cách có lợi nhất có thể. Các cơ quan Việt Minh các cấp đều [nhận được lệnh] thuyết phục dân chúng rằng mọi việc mà "người cha già dân tộc" đã làm đều nhằm mang lại những điều tốt đẹp nhất cho Tổ quốc và nhân dân.

Khi tàu Dumont d'Urville đi vào Vịnh Cam Ranh phía đông nam bờ biển Đông Dương, Đô đốc d'Argenlieu đã chờ sẵn để gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh để chứng minh rằng trong tương lai ông sẽ đại diện cho nước Pháp trong quan hệ với Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh và d'Argenlieu đã gặp gỡ hai lần trên boong tàu của viên đô đốc: năm 1946, trên tàu Emile Bertin ở Vịnh Hạ Long ngày 24 tháng Ba và trên tàu Suffren tại Vịnh Cam Ranh ngày 18 tháng Mười. Viên đô đốc rất thích những cuộc gặp trên tàu hải quân bởi chúng mang không khí biểu dương lực lượng Pháp. Hồi tháng Ba, d'Argenlieu đã tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách "long trọng và hoành tráng". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phản ứng lại hành động biểu dương sức mạnh đó bằng những nét "cực kỳ đơn giản" của Người[88]. Trong báo cáo về cuộc gặp tháng Ba đó, d'Argenlieu nói rằng sự phô trương sức mạnh hải quân đó dường như gây ấn tượng mạnh đối với vị chủ tịch của Việt Nam[89]. Trên đường trở về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Tướng Salan tháp tùng ông rằng các con tàu của Đô đốc d'Argenlieu không thể chạy trên các sông ngòi Việt Nam[90]. Ngày 18 tháng Mười, đề tài thảo luận tay đôi là việc thi hành Tạm ước, trong đó mấu chốt là quan hệ Pháp - Việt ở miền Nam sau ngừng bắn. Chủ tịch Hồ Chí Minh hứa sẽ chọn một đại diện chính thức vào Sài Gòn để hai bên có thể dễ dàng "trao đổi những ý kiến hữu nghị". Hai người đồng ý mở các cuộc hội đàm để ấn định những nguyên tắc chấm dứt xung đột ở những khu vực khác nhau và khi d'Argenlieu đề cập những hoạt động khủng bố ở Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh

đã đáp lại bằng cách không công nhận những việc đó[91]. Khi viên cao ủy yêu cầu rút (mà ông ta dùng từ "hồi hương") lực lượng vũ trang Việt Nam khỏi miền Nam và nói rằng ông ta đã nhận được "những chỉ thị rõ ràng nhất" về việc đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn "tuyệt đối không khoan nhượng"[92]. D'Argenlieu vẫn cảm tưởng rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh thành thật muốn tìm hiểu về nước Pháp và bình luận rằng hành động của Chủ tịch sau khi trở về Hà Nội sẽ chứng tỏ ông có thực sự muốn thi hành Tạm ước hay không. Muốn biết bánh có ngon hay không thì chỉ có cách ăn bánh. D'Argenlieu nói ông cảm nhận lo lắng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình hình khi ông trở về. Điều đó rõ ràng là sự thật. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi hơn bốn tháng và trong tháng cuối cùng, sự tiếp xúc duy nhất của Người với thế giới bên ngoài là thông qua những bức điện - phương tiện thông tin của Pháp. Bây giờ, ông có thể gặp lại ông Giáp và các cộng sự gần gũi khác, có thể hỏi chuyện họ trên tinh thần hoàn toàn tin cậy về những gì đã xảy ra từ khi ông rời Hà Nội ngày 31 tháng Năm.

Tàu Dumont d'Urville cập cảng Hải Phòng ngày 20 tháng Mười và ngày hôm sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hà Nội trên một chuyến tàu đặc biệt. Theo báo cáo của Phó Lãnh sự Mỹ, 80.000 người dân đã tập trung ở thủ đô để chào đón Người[93]. Các đảng phái đối lập đã bị xóa sổ nên không còn sự phản kháng nào trước chính quyền Việt Minh. Đã không còn một kênh chính trị nào khơi mào cho một làn sóng bất mãn dữ dội nào chống lại Tạm ước và Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể quên đi mối lo về các phần tử hung hăng bên ngoài Việt Minh sẽ tiến công tạt sườn. Ngày 23 tháng Mười, Người phát biểu với dân chúng, đề cập những nhượng bộ đã dành cho đối phương và cố gắng chuẩn bị thi hành lệnh ngừng bắn bằng cách ngăn cấm mọi hành động bạo lực xảy ra ở miền Nam.

"Đối với quân đội Pháp ta phải lịch sự.

Đối với kiều dân Pháp ta phải ôn hòa

...

Để cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ, không có thể và không có cớ mà chia rẽ.

Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công"*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hứa với đồng bào miền Nam rằng ngày thống nhất sẽ đến. "... không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta". Nhưng để có được điều đó, cần phải tôn trọng những điều đã thỏa thuận. "Bộ đội Việt cũng như bộ đội Pháp đồng thời phải thôi đánh nhau... Tuyệt đối không được dùng cách kịch liệt"[94].

Lời cảnh báo đó liên quan đến miền Nam, tại đây, điều quan trọng đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thể hiện thẩm quyền đối với lực lượng của Nguyễn Bình. Trong lúc đó, Việt Minh đã củng cố được vị thế của mình ở miền Bắc, nơi đây các đảng phái đối lập không còn dựa vào sự che chở của người Trung Quốc. Từ ngày 23 đến 27 tháng Mười, ngay trước Kỳ họp lần thứ hai của Quốc hội Việt Nam, những tàn dư của các đảng phái đối lập đã tiến hành một cuộc vận động chính trị chống lại sự hợp tác với Pháp. Chính phủ đã đáp lại bằng một cuộc trấn áp. Người Pháp ước tính trong hai đợt trấn áp của các nhà cầm quyền Việt Nam, mỗi đợt có 200 người bị bắt[95].

Thời gian này, Việt Minh vẫn kiểm soát được bộ máy chính quyền đặt dưới sự quản lý của ủy ban nhân dân các cấp, 120 tờ báo, một đài phát thanh quốc gia cũng như nhiều báo địa phương và một quân đội không ngừng phát triển. Vấn đề lớn nhất là cung cấp

---

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.469-470.

tài chính cho một quốc gia mới thành lập, cho một nền kinh tế đang phát triển chậm chạp[96].

NỀN CỘNG HÒA VIỆT NAM CHƯA HOÀN CHỈNH

Kỳ họp lần thứ hai của Quốc hội Việt Nam được triệu tập ngày 28 tháng Mười 1946, vẫn là Quốc hội được bầu ra ngày 6 tháng Giêng, trong đó phe đối lập chiếm 70 ghế không qua bầu cử. Quốc hội đã họp phiên chớp nhoáng ngày 2 tháng Ba. Phần lớn trong số 70 đại biểu ngoài Việt Minh đều có mặt trong kỳ họp tháng Ba. Nhưng đến Kỳ họp lần thứ hai này, chỉ có 37 đại biểu có mặt khi được triệu tập họp. Quốc hội còn theo mô hình của Pháp, xếp các đại biểu mácxít và xã hội bên tả, Đảng Dân chủ Công giáo ở giữa, phe bảo thủ bên hữu, nhưng cách phân chia kiểu này sớm bị hủy bỏ.

Chính phủ Việt Nam được thành lập trong tháng Hai - tháng Ba là một liên hiệp rộng khắp có sự tham gia của những nhân vật không thuộc phe nhóm nào cũng như những thành viên các đảng phái thân Trung Quốc nắm giữ những bộ quan trọng. Các bộ trưởng không phải cộng sản thường dựa vào các thứ trưởng cộng sản để làm việc. Thực tế, những người này mới nắm quyền hành thực sự trong các bộ đó. Một số bộ trưởng đã sang Trung Quốc trước khi chính phủ giải tán ngày 29 tháng Mười, và ngày 3 tháng Mười một, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố thành phần chính phủ mới phù hợp với quyền lực thật sự. Việt Minh nắm giữ những bộ then chốt. Hồ Chí Minh vẫn giữ cương vị Chủ tịch, đồng thời phụ trách công việc ngoại giao cùng với Hoàng Minh Giám là Thứ trưởng. Võ Nguyên Giáp trở thành Bộ trưởng Quốc phòng. Huỳnh Thúc Kháng vẫn giữ chức Bộ trưởng Nội vụ. Ông là nhân vật không đảng phái cao tuổi, đã giữ chức quyền Chủ tịch chính phủ trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh đi Pháp. Giúp việc cụ

Huỳnh có Hoàng Hữu Nam với cương vị Thứ trưởng. Hoàng Hữu Nam còn làm Trưởng Ban Liên kiểm Việt - Pháp. Phạm Văn Đồng giữ chức Thứ trưởng Kinh tế trong khi ghế bộ trưởng vẫn để trống để chờ đợi một cán bộ từ miền Nam ra. Sau đó ít lâu, chính Phạm Văn Đồng cũng được cử đi công tác ở miền Nam. Với sự thành lập chính phủ này, Việt Minh đã kiểm soát chặt chẽ bộ máy chính phủ trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng mới. Người Pháp rõ ràng là không thỏa mãn. Trước khi rời khỏi nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để người Pháp hiểu (Pignon nói là Chủ tịch Hồ Chí Minh "đã hứa") ông sẽ mở rộng chính phủ để làm sao có thể chào đón thêm những nhân vật ôn hòa. Lúc đó, phe đối lập đã tỏ ra hài lòng[97].

Ngày 8 tháng Mười một, Quốc hội thông qua Hiến pháp mới. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu trước Quốc hội, tức là ngày 9 tháng Mười một, đúng vào ngày Hiến pháp mới được Quốc hội thông qua với 240 phiếu thuận so với 2 phiếu chống[98]. Người nói: "Hiến pháp mà các đồng chí vừa thông qua là Hiến pháp đầu tiên của nhân dân Việt Nam. Mặc dù nó chưa thật hoàn hảo 100% nhưng đã làm hài lòng và thích hợp với quốc gia non trẻ của chúng ta. Nó xác nhận việc thiết lập chế độ cộng hòa và dân chủ ở nước ta".

Hiến pháp Việt Nam năm 1946 gồm 70 điều chia làm 7 chương. Mở đầu Hiến pháp xác định Nhà nước Việt Nam là cộng hòa dân chủ. Chế độ cộng hòa đã được Quốc hội hoàn toàn nhất trí thông qua. Ngoài ra, Hiến pháp còn xác nhận chủ quyền thuộc về "toàn thể nhân dân" không phân biệt giai cấp, giới tính, giàu nghèo, tôn giáo. Hiến pháp còn quy định Việt Nam là một lãnh thổ thống nhất gồm ba miền Bắc, Trung và Nam, không thể phân chia, và xác định rõ Hà Nội là thủ đô chung của cả nước[99].

Chương III của Hiến pháp đề cập chủ quyền thuộc về nhân dân. Quốc hội sẽ chỉ gồm một viện và là cơ quan quyền lực cao

nhất của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sẽ tổ chức tuyển cử trong cả nước ba năm một lần[100]. Chính phủ (Chương IV) do chủ tịch nước đứng đầu và được Quốc hội bầu ra trong thời hạn 5 năm.

Tại sao Hiến pháp đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không đóng một vai trò quan trọng hơn trong hồi ức lịch sử của người Việt Nam? Thứ nhất, đó là nhược điểm gắn trong văn bản, có lẽ những gì Chủ tịch Hồ Chí Minh suy nghĩ khi phát biểu chưa thật hoàn hảo 100%. Hiến pháp mang tính "rousseau"* một cách rõ rệt, thể hiện trong mệnh đề: chủ quyền trọn vẹn thuộc về toàn dân do Quốc hội và Ban Thường vụ Quốc hội đại diện. Trong Hiến pháp không có điều khoản nào nói lên sự phân lập về quyền hạn giữa các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp, trừ một điều quy định Chính phủ không được gây áp lực với Toà án.

Tổ chức chính trị quyền lực nhất ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Việt Minh và Ban Chấp hành Trung ương (gọi là Tổng Bộ), và đằng sau là Đảng Cộng sản đã tuyên bố tự giải tán về hình thức nhưng vẫn hoạt động bí mật dưới cái tên "Tổ chức", song trong Hiến pháp không có chỗ nào nói đến vai trò của Việt Minh và Đảng Cộng sản. Tổng Bộ vẫn là một quyền lực đứng đằng sau sân khấu và Đảng Cộng sản cũng vậy. Trong các cuộc thảo luận để thông qua Hiến pháp, Việt Minh được đối xử ít nhiều giống như bất kỳ đảng phái nào khác mặc dù trong thực tế nó là một nhà nước trong phạm vi nhà nước.

Tuy nhiên, chúng ta cùng tiếp tục chuyển sang cách giải thích thứ hai về vị trí yếu kém của Hiến pháp năm 1946 trong hồi ức lịch sử của người Việt Nam, nếu nói rõ hơn thì đó là vai trò hạn chế của quá trình hình thành Hiến pháp trong đời sống chính trị

---

* Jean Jacques Rousseau (1712-1778) sinh ở Giơnevơ (Thụy Sĩ), là nhà văn có tư tưởng tiến bộ thời tiền cách mạng tư sản Pháp (*ND*).

của đất nước. Thông thường, một hiến pháp quan trọng và thành công được thông qua là kết quả của một quá trình thương lượng để đi đến nhất trí. Nhưng điều đó không xảy ra ở Việt Nam năm 1946. Khi Quốc hội họp phiên chớp nhoáng lần thứ nhất hồi tháng Ba, Quốc hội đã cử ra một tiểu ban xây dựng Hiến pháp trên cơ sở một bản dự thảo đã được viết ra hồi tháng Mười một. Tiểu ban có bảy thành viên Việt Minh, ba thành viên Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội và một thành viên Việt Nam Quốc dân Đảng[101]. Tiểu ban đã họp nhiều phiên trong mùa hè và mùa thu nhưng công việc của họ không được công chúng chú ý nhiều lắm. Tháng Chín, trong lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh vắng mặt, Chính phủ Việt Nam do Võ Nguyên Giáp điều hành hiệu quả đã cố gắng đưa Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng vào khối đoàn kết dân tộc mới thành lập (gọi là Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, hay gọi tắt là Liên Việt), trong đó Việt Minh vẫn giữ vai trò ưu thế thông qua sự kết hợp giữa áp lực và đề nghị. Các nhân vật cầm đầu ngoan cố nhất của hai đảng đối lập đã bị bắt giữ hoặc chạy sang sống lưu vong ở Trung Quốc trong khi những người khác chấp nhận hợp tác với Việt Minh, cố gắng hòa hợp thành công nhất trong quan hệ với Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội. Trong tiểu ban xây dựng Hiến pháp, ba thành viên Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội ngả theo đa số, chỉ có một thành viên Việt Nam Quốc dân Đảng là Phạm Gia Đỗ vẫn giữ ý kiến độc lập của mình, tán thành chế độ lưỡng viện, có sự kiểm soát lẫn nhau và tạo nên thế cân bằng.

Trong phiên họp Quốc hội ngày 28 tháng Mười, Phạm Gia Đỗ tiếp tục chống lại ý kiến chính thức và bị các thành viên khác trong Quốc hội lên án là phá hoại đoàn kết dân tộc, gây tổn hại cho sự ủng hộ cuộc đấu tranh của chính phủ cho nền độc lập quốc gia. Có lần ông còn bị ngăn chặn không được phát biểu ý kiến của mình

và ông là một trong hai người bỏ phiếu phản đối Hiến pháp ngày 9 tháng Mười một.

Các thành viên Quốc hội tập hợp trong một số nhóm như mácxít, xã hội, dân chủ, Việt Minh, Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng. Tất cả các nhóm đều có những ưu tiên khác nhau, ngoại trừ Việt Nam Quốc dân Đảng, đều là một bộ phận của khối đoàn kết dân tộc. Quá trình này là một cố gắng lý thú để phát triển một nền chính trị có nhiều phe phái trong một khuôn khổ chung là khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Việt Minh ủng hộ, nhưng tiếc rằng Quốc hội không họp được từ ngày 2 tháng Ba đến ngày 28 tháng Mười.

Việc xây dựng Hiến pháp mới diễn ra gần như đồng thời ở Pháp và Việt Nam. Các bản dự thảo ban đầu được viết xong vào mùa thu năm 1945 và những văn bản cuối cùng được thông qua một năm sau đó. Trong khi tại Pháp, đề nghị chế độ một viện của những người cộng sản bị bác bỏ thì tại Việt Nam, chế độ đó được đa số thông qua. Khi Phạm Văn Đồng chủ tọa một buổi họp của Quốc hội Việt Nam vào tháng Mười và tháng Mười một 1946, ông đã có trong tay một bản sao Hiến pháp mới vừa được thông qua tại Pháp[102]. Cũng phải nói thêm rằng Việt Nam không phải là nơi duy nhất thông qua Hiến pháp phỏng theo Hiến pháp của Pháp trong thời kỳ này. Người Lào và người Campuchia cũng có Hiến pháp mới thảo bằng tiếng Pháp trước khi được dịch ra tiếng địa phương.

Một trong những vấn đề gây tranh cãi nhất trong Hiến pháp của Pháp đã không được nêu ra trong Hiến pháp của Việt Nam. Đó là cải cách chế độ thuộc địa. Hiến pháp mới của Đệ tứ Cộng hòa Pháp đã thay cách gọi Đế quốc Pháp bằng cách gọi mới là Liên hiệp Pháp, có đại hội đồng riêng bao gồm đại diện của Pháp và các lãnh thổ hải ngoại. Việt Nam đã được giả định sẽ gia nhập Liên hiệp Pháp nhờ tư cách thành viên trong Liên bang Đông Dương.

Điều này đã được đề cập trong Hiến pháp của Pháp nhưng không được phản ánh đầy đủ trong Hiến pháp của Việt Nam, trong đó không có câu nào nói đến sự tồn tại của Pháp, Liên hiệp Pháp hoặc Liên bang Đông Dương. Hiến pháp Việt Nam không có điều khoản nào quy định nước Pháp có địa vị ưu tiên ở Việt Nam. Đây có thể là một "giải pháp Solomon"*, cho rằng các nhà đàm phán Việt Nam và Pháp tại Fontainebleau đã không thể thỏa thuận được với nhau về những quy định hay điều kiện để Việt Nam gia nhập Liên hiệp Pháp, nhưng cũng có nghĩa là Hiến pháp đã không có một hào khí như thực tế. Hiến pháp cũng lờ đi sự tồn tại của Việt Minh cũng như của người Pháp. Vì thế, ai nấy đều thấy rõ rằng nếu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Pháp có thể đạt được thỏa thuận trong các vòng đàm phán sắp tới, thì Hiến pháp mới của Việt Nam sẽ phải thay đổi.

Do đang trải qua khủng hoảng chính trị, cũng có lẽ do thiếu nguồn lực chung, Quốc hội đã quyết định ngay sau khi thông qua Hiến pháp rằng Hiến pháp chưa được ban hành. Sau này, có lẽ Chính phủ Việt Nam buộc phải kêu gọi nhân dân bày tỏ ý kiến trong một cuộc trưng cầu ý dân trên toàn quốc và bầu ra một Quốc hội mới trước khi Hiến pháp có hiệu lực như ở Pháp đã làm. Quốc hội được bầu ra ngày 6 tháng Giêng 1946 sẽ được coi như Quốc hội lập hiến, và một Quốc hội mới sẽ trở thành Quốc hội đích thực đầu tiên trong khuôn khổ Hiến pháp mới. Quốc hội lập hiến quyết định kéo dài sự tồn tại của mình trong khi để Hiến pháp mới có hiệu lực mà không ban bố chính thức. Về mặt hình thức, điều đó có nghĩa là Quốc hội đã phạm phải một số điều khoản của Hiến pháp ngay

---

* Solomon là con trai của vua David, là vị vua thứ ba của người Hébreux (970-931) trước Công nguyên, theo Kinh thánh. Không hiểu dụng ý của tác giả là gì khi đề cập giải pháp Solomon ở đây (*ND*).

sau khi bỏ phiếu thông qua. Có một số ý kiến phản đối cách làm đó, song với tư cách là một văn bản pháp lý, Hiến pháp đã gặp trở ngại ngay từ đầu.

CHIẾN LƯỢC CỦA MOUTET

Marius Moutet đã dính líu sâu vào quá trình hình thành Hiến pháp Pháp và lại ít liên quan đến diễn biến chính trị tại Hà Nội. Ông ta chỉ quan tâm đến Nam Kỳ, một vùng đất giàu có nhất và hiện đại nhất trong hệ thống thuộc địa Pháp. Một tuần sau khi ký kết Tạm ước vào giữa tháng Chín 1946, Moutet ban hành một loạt chỉ thị cho Cao ủy d'Argenlieu, nhấn mạnh Nam Kỳ là "cái trục" trong chính sách về Đông Dương của Pháp và khẳng định Tạm ước ngày 14 tháng Chín là một bước tiến đáng kể so với Hiệp định ngày 6 tháng Ba. Vị thế của Pháp ở bắc vĩ tuyến 16 đã được nâng lên một cách đáng ngợi khen và viên cao ủy được chỉ thị sử dụng toàn bộ quyền hạn của mình để bảo đảm rằng Chính phủ Việt Nam thực hiện đúng đắn nghĩa vụ của mình đến mức tối đa. Về phần mình, nước Pháp cũng sẽ nghiêm chỉnh thực hiện Tạm ước để giảm căng thẳng. Ông ta chỉ thị cho d'Argenlieu tránh mọi hành động có thể làm xấu quan hệ Pháp - Việt trước khi Tạm ước có hiệu lực vào ngày 30 tháng Mười. Sẽ là thích hợp với các nhà cầm quyền Pháp nếu đi những bước đầu tiên tiến tới giảm căng thẳng bằng cách thiết lập các quyền dân chủ tại Nam Kỳ. Chính phủ đã hoàn toàn bị thuyết phục rằng Nam Kỳ là "điểm then chốt trong toàn bộ chính sách đối với Đông Dương". Pháp phải nhanh chóng gặt hái thành công ở Nam Kỳ vì sự hiện diện trong tương lai của Pháp trên toàn cõi Đông Dương hoàn toàn tùy thuộc vào thành công của Pháp trong chính sách đối với Nam Kỳ[103].

Khi nhận được chỉ thị của Moutet, Cao ủy d'Argenlieu đã lên kế hoạch tổ chức các cuộc bầu cử hội đồng thành phố ở Nam Kỳ,

coi đây như là một bước thử nghiệm đầu tiên trong quá trình dân chủ hóa tại Nam Kỳ. Cuối tháng Chín, viên cao ủy đi một vòng kinh lý toàn Nam Kỳ cùng với Đại tá Nguyễn Văn Xuân, Phó Chủ tịch Hội đồng Nam Kỳ. Sài Gòn điện về Paris rằng đi đến đâu d'Argenlieu cũng được dân chúng đón tiếp nhiệt tình và còn trích dẫn lời phát biểu của ông: "Nam Kỳ giờ đây đã được giải phóng nhờ quân đội Pháp, họ là những người sau khi giải phóng nước Pháp đã không quên nhiệm vụ của mình là hoàn thành sự nghiệp giải phóng chừng nào quân Nhật Bản còn chiếm giữ Đông Dương". Cử tọa đều biết Pháp không được giải phóng hoàn toàn bằng sức mạnh của chính mình và người Nhật đã buông súng đầu hàng trước khi quân đội của de Gaulle vào Đông Dương, và không phải Pháp đã "giải phóng" Nam Kỳ từ tay Nhật Bản mà từ cuộc cách mạng của người bản xứ với sự giúp đỡ của quân Nhật. D'Argenlieu tiếp tục bài phát biểu của mình với cùng một giọng điệu và sớm đi đến một nghịch lý đáng nêu ra như sau: "Chúng ta chúc cho Nam Kỳ được hưởng tự do và chúng ta không cho phép ai nhân danh tự do để người Nam Kỳ phải trở lại kiếp nô lệ. Nước Pháp sẵn sàng giúp đỡ người Nam Kỳ và điều quan trọng là không được quên điều đó"[104]. Đó là lời cảnh cáo chống lại những ai ủng hộ du kích. Cuộc bầu cử hội đồng thành phố được tổ chức ở một số nơi nhưng không thành công, và việc Việt Minh chối bỏ những người được bầu đã buộc người Pháp phải chấm dứt mọi nỗ lực của mình nhằm thiết lập nền dân chủ.

Chỉ thị của Moutet ngày 21 tháng Chín cũng nhấn mạnh nhu cầu mở rộng thành phần Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ của bác sĩ Thinh nhằm mục đích thành lập một chính phủ có thể đại diện cho đa số dân chúng Nam Kỳ. Ông Moutet cho rằng d'Argenlieu không nên sợ những người ủng hộ thống nhất Việt Nam sẽ hợp tác với

chính quyền của bác sĩ Thinh. Chính phủ Pháp không sợ sự tiến triển của nền "dân chủ đích thực" ở Nam Kỳ ngay cả khi điều đó có thể dẫn đến thống nhất ba "kỳ" theo hình thức này hay hình thức khác, miễn là không theo điều kiện của Việt Minh. Chỉ thị cuối cùng này có nghĩa là lát sẵn một con đường cho Nguyễn Văn Xuân. Ông này đã dẫn đầu một đoàn đại biểu Nam Kỳ đi Paris và đã có những cuộc tiếp xúc chặt chẽ với các nhà lãnh đạo Đảng Xã hội Pháp. Ông ta không phải là người dễ kiểm soát, nhưng ông đối nghịch với Việt Minh và đã tuyên bố với các nhà báo Pháp trong thời gian diễn ra Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai vào ngày 4 tháng Tám rằng không ai có thể ngăn cản thống nhất ba "kỳ" nếu chính phủ Hà Nội bớt tả khuynh hơn[105].

Những chỉ thị từ Moutet gửi d'Argenlieu cho thấy Moutet cũng có cùng một quan điểm như thế. Chính sách của Pháp về nền tự trị Nam Kỳ không phải là vấn đề nguyên tắc. Moutet sợ chiến tranh với Việt Minh. Trong thư gửi d'Argenlieu, ông viết: "chính sách sử dụng sức mạnh" trong phần lớn trường hợp là không giành được thắng lợi vì các phương tiện quân sự của Pháp đã và sẽ còn rất hạn chế[106]. Mặt khác, Moutet cũng sợ Việt Nam thống nhất dưới sự khống chế của Việt Minh. Cách thoát ra khỏi tình trạng khó xử, tiến lui đều khó của ông ta là xây dựng một thế lực chính trị ở Nam Kỳ đủ mạnh để đối trọng với sức mạnh của Việt Minh ở miền Bắc. Tuy vậy, chiến lược chính trị đó ít nhiều không thể trở thành hiện thực, bởi bất kỳ nỗ lực đúng đắn nào nhằm cho phép những người Nam Kỳ được tự quyết định số phận của mình rất có thể sẽ dẫn đến thống nhất với miền Bắc, trong đó Việt Minh giữ vai trò chủ đạo. Và bây giờ, cuộc đình chiến ở Nam Kỳ đã lấy đi của người Pháp cơ hội dùng phương tiện quân sự để hậu thuẫn cho chiến lược của họ.

THI HÀNH TẠM ƯỚC

Tính đến ngày 30 tháng Mười 1946, theo điều khoản trong Tạm ước, các nhà cầm quyền Pháp và Việt Nam bắt buộc phải:

- Trao trả tự do cho tất cả các tù nhân chính trị, tôn trọng các quyền tự do dân chủ, chẳng hạn như tự do báo chí, tự do tổ chức, chấm dứt tuyên truyền thù địch;
- Chấm dứt tất cả các hành vi thù địch;
- Thành lập các tiểu ban hỗn hợp để chuẩn bị các thỏa ước về quân sự bền vững ở miền Nam, các điều kiện hợp tác kinh tế ở miền Bắc, kể cả việc trả lại tài sản Pháp đã bị tịch thu cho chủ sở hữu.

Hai bên sẽ hoàn thành nghĩa vụ của mình đến mức nào? Không có một chỉ dẫn nào cho biết việc thi hành Tạm ước sẽ thôi thúc chính phủ Hà Nội "phóng thích" bao nhiêu tù nhân Pháp. Hiện thời, cơ quan tình báo Pháp vẫn giữ bí mật tuyệt đối về một thông tư của nhà cầm quyền Việt Nam đề ngày 28 tháng Mười 1946, trong đó chỉ thị cho các cấp chính quyền tỉnh, thành phố lập một danh sách "những tên phản quốc và phản động" đã bị xử tử hoặc bị bỏ tù và chế tác các hồ sơ cho rằng họ đã bị giết trong khi chạy trốn, hoặc bị bỏ tù vì đã hợp tác với người Nhật hay về tội giả mạo[107]. Tuy nhiên, người Việt Nam tuyệt nhiên không đưa cho người Pháp một bản danh sách nào vì nhà cầm quyền Pháp mới chỉ bắt đầu chuẩn bị yêu cầu thả tù binh vào ngày 21 tháng Mười khi tình hình ở thành phố cảng Hải Phòng đang trên bờ vực bùng nổ của chiến tranh[108].

Báo chí Việt Nam phát động một chiến dịch chống lại những hành vi áp bức của người Pháp ở miền Nam. Báo chí miền Bắc đả kích người Pháp vì đã bắt giam kỹ sư nổi tiếng Nguyễn Ngọc Bích và hành hình năm người yêu nước Việt Nam đã được xác định danh tính. D'Argenlieu cho Paris biết rằng ba trong số đó đã bị tử thương trong khi cố chạy trốn. Người thứ tư chết trong bệnh viện

vì bị trọng thương trong cuộc giao chiến với người Pháp. Người thứ năm chưa chết nhưng đang bị bắt giam tại Sài Gòn. D'Argenlieu yêu cầu Paris sử dụng thông tin này để ngăn ngừa những cuộc đả kích mới của bộ máy tuyên truyền Hà Nội và "việc mở rộng hoạt động tuyên truyền ở Pháp, tạo nên một vũ khí quan trọng nhất mà Chính phủ Việt Nam có thể sử dụng"[109].

Sai lầm của người Việt Nam là đưa vào danh sách những người bị tử hình tên của một người còn sống đã cung cấp cho d'Argenlieu một cơ hội tuyên truyền mới. Trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về nước, viên cao ủy đã phóng thích 10 tù nhân chính trị nổi tiếng, kể cả hai người tưởng là đã chết và một kỹ sư đã được xác định danh tính trên báo chí Việt Nam. Chín trong số tù nhân được phóng thích đã được trả về miền Bắc, trong khi kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích, chắc chắn vì trình độ tay nghề uyên thâm, đã được đưa sang Paris để tách khỏi "ảnh hưởng địa phương". Viên cao ủy d'Argenlieu đã tuyên truyền rầm rộ cho cử chỉ này từ trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Hà Nội và đã sử dụng nó trong cuộc hội đàm với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Vịnh Cam Ranh[110]. Mười người thuộc một nhóm gồm 85 tù nhân đã được phóng thích trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Pháp trở về. Ngày 31 tháng Mười, 150 người khác đã được trả tự do, như vậy Sài Gòn đã trả tự do tổng số 235 tù nhân chính trị[111].

Cuốn sách này thiếu thông tin về tự do báo chí ở miền Bắc[112]. Và rõ ràng là khi các lực lượng đối lập Trung Quốc bị trấn áp, thì báo chí của họ (chống Pháp kịch liệt) hoặc bị đóng cửa hoặc đặt dưới sự kiểm soát của Việt Minh. Dường như hoạt động kiểm duyệt báo chí ở Việt Nam vẫn hoạt động có hiệu quả. Điều này vừa ngăn chặn chỉ trích đối với Việt Minh, vừa dập tắt những luồng dư luận chống Pháp quá đà. Ngay sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Hà Nội, quyền Ủy viên Cộng hòa Pháp tại miền Bắc trong lúc

Sainteny vắng mặt là Tướng Morlière đã báo cáo rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khiển trách giám đốc thông tin của Việt Nam là Trần Huy Liệu vì đã cho phép báo chí phát động chiến dịch chống Pháp trong lúc Người đang ở Pháp[113].

Trong lúc đó, tại miền Nam, cơ quan kiểm duyệt của Pháp hoạt động rất nhu nhược vì sợ bị cáo buộc là vi phạm Tạm ước. Điều này cho phép báo chí của những người tán thành thống nhất đất nước chứng minh sự ủng hộ chính phủ "giả tạo" của bác sĩ Thinh là nhỏ bé đến mức nào. Sau này, người Pháp quy kết tự do báo chí ở miền Nam là một trong những lý do thất bại của phe chủ trương ly khai ở Nam Kỳ. Giữa tháng Mười một, tờ báo mácxít của Pháp mang tên *Lendemains* (Những ngày sau) đã đăng bài phỏng vấn Chủ tịch Ủy ban hành chính Nam Bộ do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hà Nội bổ nhiệm. Bài phỏng vấn đã được đăng tải trên bốn tờ báo tiếng Việt. Như thế là quá đáng đối với nhà cầm quyền Pháp. Họ đã quyết định đóng cửa tờ *Lendemains* trong suốt một tháng và bốn tờ báo của những người ủng hộ thống nhất trong bốn ngày. Theo lời giải thích với Paris, Léon Pignon biện luận rằng dân chúng có thể có cảm tưởng rằng động cơ của người Pháp ở miền Nam chủ yếu là xấu nếu những người có trách nhiệm bào chữa các vụ việc nói trên tự cho phép mình trở thành lố bịch một cách công khai trước công chúng[114].

Một tuần lễ trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực, báo chí Việt Nam ở miền Bắc cho biết Ủy viên quân sự Nam Bộ đã ra lệnh cho tất cả các đơn vị chấm dứt xung đột kể từ đêm 29 rạng ngày 30 tháng Mười[115]. Lệnh này đã được thi hành nghiêm chỉnh. Các bản tin quân sự hằng ngày của Pháp cũng cho biết đã xảy ra nhiều cuộc giao chiến trong những ngày trước ngày 30 tháng Mười, nhưng sang đến ngày 1 tháng Mười một lại đưa tin như sau: "Nam Kỳ - từ 0h ngày 30 tháng Mười, tình hình yên tĩnh trên tất cả các

phân khu"[116]. Hai ngày sau, tin điện từ Sài Gòn báo cáo về Paris cũng chỉ đơn giản tương tự: "Gần đây tuyệt đối yên tĩnh và các hoạt động khủng bố đều chấm dứt trên toàn bộ các tỉnh ở miền Nam"[117].

Lệnh ngừng bắn hình như đã được hai bên tôn trọng khoảng hơn một tuần liền. Song đến ngày 9 tháng Mười một, Hội đồng Nam Kỳ trong một bức điện gửi về Paris phàn nàn về những cuộc tiến công của người Việt Nam vào các đồn bốt của lính páctidăng cũng như những nỗ lực sống chết của một thành viên Hội đồng Nam Kỳ, tất cả đều vi phạm Tạm ước[118]. Ít ngày sau, Hà Nội đã phát đi những phản kháng đầu tiên trước những hành động vi phạm Tạm ước của phía Pháp[119] và ngày 23 tháng Mười một, d'Argenlieu đưa ra trước Comindo một bản kê các vụ bắt cóc, ám sát, đảo ngũ, phá hoại và những trận đụng độ nhỏ chứng tỏ đình chiến chỉ được thực hiện trong vòng một tuần và nói rằng ngày 20 tháng Mười một, hoạt động "phiến loạn" đã trở lại như thường[120].

Tại sao người Việt Nam chỉ triệt để thi hành lệnh ngừng bắn trong những ngày đầu tiên và ai là người chịu trách nhiệm về sự phá vỡ đó? Việc tôn trọng lệnh đình chiến vào ngày, giờ do ông Nguyễn Bình quy định chứng tỏ rằng nhà cầm quyền Việt Nam đã kiểm soát hoàn toàn quân đội của mình. Có thể đây là lý do giải thích tại sao họ triệt để tránh không để xảy ra rắc rối nào trong những ngày đầu tháng Mười một?[121]. Thật khó mà xác định được ai là người chịu trách nhiệm về sự đổ vỡ này, nhưng người Việt Nam và người Pháp giải thích ngừng bắn theo các cách khác nhau. Người Việt Nam chủ trương mọi lực lượng vũ trang hai bên phải giữ nguyên vị trí của mình và không di chuyển sang các vùng lãnh thổ do đối phương kiểm soát. Người chỉ huy lực lượng của Pháp ở miền Nam, Tướng Georges Nyo nhìn sự vật một cách khác hẳn. Vào ngày 30 tháng Mười, ông ra lệnh cho quân đội bảo đảm duy trì luật pháp và trật tự trên toàn lãnh thổ và phản ứng "ngay lập tức"

chống lại các "phần tử phiến loạn" gây nên tình trạng hỗn loạn. Những người chỉ huy địa phương cũng được yêu cầu chuẩn bị các cuộc hành quân lớn chống lại "các toán cướp có vũ trang", mặc dù những cuộc hành quân như thế chỉ triển khai theo các lệnh rõ ràng của chính Tướng Nyo ban ra[122]. Căn cứ vào bản chất của các lệnh hành quân này, thì hình như các vụ đụng độ tháng Mười một chỉ xảy ra khi quân Pháp di chuyển trong các vùng mà những người chỉ huy du kích coi là vùng của họ.

Trong một cuộc nói chuyện riêng với Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan cuối tháng Mười, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Tạm ước ngày 14 tháng Chín có kết quả hay không là tùy thuộc vào hành động của người Pháp ở Nam Bộ. Nếu họ giữ lời hứa tôn trọng tự do công dân, phóng thích các tù nhân chính trị và chấm dứt hành động tấn công các lực lượng Việt Nam thì mọi chuyện sẽ tiến triển tốt với họ ở Bắc Bộ. Nói cách khác, các tiểu ban hỗn hợp sẽ không làm được nhiều việc[123]. Ngày 30 tháng Mười, Hà Nội chỉ thị cho các sĩ quan liên kiểm ở 11 thành phố phía bắc vĩ tuyến 16 chưa triển khai việc thi hành Tạm ước trước khi họ nhận được mệnh lệnh đặc biệt của chính phủ[124].

Điều đó có nghĩa là việc thi hành Tạm ước ở miền Bắc tùy thuộc vào thành công của việc ngừng bắn ở miền Nam mà việc này, đổi lại, lại tùy thuộc vào cách thừa nhận các thiết chế của Việt Nam ở Nam Bộ. Người Việt Nam chỉ sẵn sàng hoàn thành nghĩa vụ của họ ở miền Bắc nếu Pháp công nhận các thiết chế Việt Nam ở miền Nam như một bên đối tác trong các giải pháp quân sự, chính trị cho miền Nam, tùy thuộc rất nhiều vào cái gọi là các cuộc nói chuyện với Tướng Nyo nhằm tìm ra một giải pháp cho vấn đề quân sự.

Trong giai đoạn cuối của Hội nghị Fontainebleau, Pháp đã đề nghị sau ngừng bắn phải là hành động rút tất cả các lực lượng vũ

trang Việt Nam ra khỏi miền Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khước từ ghi vấn đề đó vào phần mở đầu của Tạm ước được ký vào sớm 15 tháng Chín[125]. Do đó, Tạm ước không đưa ra chi tiết về việc thực hiện ngừng bắn, mà chỉ nói: "Sự thỏa thuận do hai bộ tham mưu Pháp và Việt Nam sẽ dàn xếp với nhau những điều kiện thi hành và giám sát các biện pháp được hai bên quyết định" (Điều 9b). Bộ trưởng Quốc phòng Pháp đã chuẩn bị những chỉ thị nội bộ để giải thích các điều khoản về quân sự của Tạm ước và những chỉ thị đó sẽ được gửi cho Sài Gòn ngày 1 tháng Mười[126]. Các chỉ thị yêu cầu Cao ủy rút quân và giải giáp các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam. Ngày 31 tháng Mười, d'Argenlieu bảo đảm với Paris rằng vấn đề căn bản trong các cuộc hội đàm về quân sự sẽ là vấn đề "hồi hương" của quân đội chính quy từ miền Bắc tiến vào miền Nam và vấn đề giải giáp "lực lượng phiến loạn" ở miền Nam. Việc giữ lại các đội quân đó ở Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ sẽ tương đương với việc thừa nhận chủ quyền của Hà Nội ở các vùng lãnh thổ nói trên. Vì thế, d'Argenlieu đã chỉ thị cho Tướng Nyo ra những yêu cầu này ngay vào thời điểm khai mạc các cuộc đàm phán về quân sự[127].

Khi các cuộc hội đàm về quân sự bắt đầu tại Hà Nội ngày 3 tháng Mười một, cũng đúng vào ngày Chính phủ Việt Nam được Quốc hội thông qua, người Việt Nam đã dứt khoát bác bỏ yêu cầu của Tướng Nyo. Không phải là ông Giáp mà chính là ông Hoàng Hữu Nam đã thay mặt cho phía Việt Nam trong các cuộc đàm phán với tư cách đại biểu của Ủy ban kháng chiến toàn quốc. Ông Nam được sự hỗ trợ từ Tham mưu trưởng của ông Giáp, người này theo báo cáo của người Pháp chỉ là "một nhân vật câm" liên tục chuyển những mẩu giấy "ghi các mệnh lệnh của quân đội và của ông Giáp". Vì không bên nào muốn nhận trách nhiệm làm tan vỡ đàm phán, nên các cuộc nói chuyện vẫn diễn ra đều đặn cho đến khi

chiến tranh bùng nổ ở Hà Nội. Đoàn đàm phán Việt Nam cố gắng đi đến một thỏa thuận sơ bộ để ngăn ngừa mọi hành động đối địch. Người Pháp hoàn toàn không phản đối điều này song vẫn để kéo dài các cuộc thương lượng. Ngày 23 tháng Mười hai, Tướng Nyo kết luận: "Tiểu ban quân sự Pháp đã phải đương đầu với một nhiệm vụ khó khăn vì tiểu ban được kỳ vọng tham gia vào các hiệp ước quân sự mà không thể không liên quan đến các vấn đề chính trị căn bản và không giải quyết được trong các Hiệp định ngày 6 tháng Ba hay thông qua Hội nghị Đà Lạt hay Hội nghị Fontainebleau[128].

Khi các cuộc hội đàm bắt đầu ở Hà Nội vào ngày 3 tháng Mười một, phía Việt Nam đã bác bỏ yêu cầu mà Tướng Nyo đưa ra. Không bên nào có ý định thỏa hiệp, song cả hai bên sẵn sàng tiếp tục thương lượng[129]. Đoàn đàm phán Việt Nam cố gắng làm cho Nyo chịu chấp nhận một thỏa thuận sơ bộ để tránh mọi xung đột cho đến khi đạt được thỏa thuận dứt khoát. Người Pháp không khước từ rõ ràng nhưng hai bên không đạt được thỏa thuận nào[130].

Người Việt Nam cũng hy vọng rằng người Pháp sẽ đồng ý dàn xếp với những nhà lãnh đạo địa phương của họ ở miền Nam. Ngày 13 tháng Chín, Ủy ban kháng chiến miền Nam đã được tổ chức lại và ngày 22 tháng Chín, Ủy ban hành chính lâm thời khu vực Nam Bộ được thành lập trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đã ra tuyên bố yêu cầu Ủy ban được công nhận là quyền lực hợp pháp duy nhất ở Nam Bộ[131], do Phạm Văn Bạch làm Chủ tịch và Nguyễn Bình làm Ủy viên quân sự. Ngày 17 tháng Mười, Ủy ban hành chính Nam Bộ gửi chỉ thị cho các ủy ban tỉnh giải thích lý do tại sao Tạm ước ngày 14 tháng Chín được ký kết và cách thức đẩy mạnh đấu tranh cho thống nhất và độc lập: việc Pháp nghiêm chỉnh thi hành các điều khoản có nghĩa là thừa nhận quyền của Chính phủ Việt Nam ở miền Nam. Vì vậy, "chúng ta phải chứng tỏ cho người Pháp và các cường quốc nước ngoài thấy rằng chúng ta

là những người có kỷ luật, rằng chúng ta nghe theo mệnh lệnh của chính phủ và tôn trọng chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh"[132]. Bản tạm ước quy định rằng Chính phủ Việt Nam sẽ chỉ định một đại diện được Chính phủ Pháp chấp nhận làm việc bên cạnh Cao ủy Pháp tại Sài Gòn. Cuối tháng Mười, Chính phủ Việt Nam chỉ định Phạm Văn Bạch đảm nhiệm chức vụ đó và hy vọng sẽ được Pháp gián tiếp thừa nhận Ủy ban hành chính Nam Bộ. D'Argenlieu không đồng ý và yêu cầu Paris ủy quyền để thông báo cho Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng việc cử Phạm Văn Bạch đã không được thừa nhận. Cũng trong thời gian đó, viên cao ủy điện cho Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng "không có gì kém chắc chắn hơn" là nhận được sự chấp thuận của Paris[133]. Moutet đã trả lời d'Argenlieu thay vì trực tiếp gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ thị viên cao ủy cực lực phản đối sự toàn tại của Ủy ban hành chính khu vực Nam Bộ[134]. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần yêu cầu Chính phủ Pháp trả lời. Từ chối chính thức của Chính phủ Pháp không chấp nhận Phạm Văn Bạch đã đến Hà Nội ngày 25 tháng Mười một[135]. Sau đó chẳng bao lâu, tiêu điểm của sự căng thẳng không còn tập trung vào miền Nam.

Người Pháp không chỉ bác bỏ việc cử Phạm Văn Bạch, họ còn muốn Chủ tịch Hồ Chí Minh từ bỏ cái gọi là cuộc kháng chiến ở miền Nam. Ngày 2 tháng Mười một, Moutet muốn biết liệu Ủy viên Cộng hòa Pháp tại miền Bắc là Tướng Morlière có làm được vai trò "đại diện cần thiết" bên cạnh Chính phủ Việt Nam liên quan đến việc thành lập Ủy ban kháng chiến khu vực Nam Bộ hay không[136]. Thực tế, Ủy ban kháng chiến khu vực Nam Bộ đã tồn tại từ lâu nhưng người Pháp thách thức tính hợp pháp của một đạo luật về cải tổ Ủy ban vào ngày 13 tháng Chín. Đòi hỏi của Moutet đã dẫn đến một cuộc trao đổi công hàm giữa d'Argenlieu và Chủ tịch Hồ Chí Minh về tính hợp pháp của Ủy ban hành chính khu vực

Nam Bộ. Phản kháng đầu tiên của d'Argenlieu đến tay Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 7 tháng Mười một. Các hoạt động của Ủy ban đã được xác định là trái với Hiệp định ngày 6 tháng Ba và Tạm ước ngày 14 tháng Chín, Chủ tịch Hồ Chí Minh được yêu cầu chấm dứt mọi hoạt động của các thiết chế tại Nam Kỳ đại diện cho Chính phủ Việt Nam[137].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lập luận lại rằng Ủy ban kháng chiến ra đời từ ngày 25 tháng Tám 1945 và cả hai Hiệp định ngày 6 tháng Ba cũng như Tạm ước ngày 14 tháng Chín đều dựa trên việc duy trì nguyên trạng cho đến khi cuộc trưng cầu ý dân được tổ chức[138]. D'Argenlieu đáp lại rằng cách hiểu Hiệp định ngày 6 tháng Ba và Tạm ước ngày 14 tháng Chín như thế là thiếu cơ sở pháp lý. Nam Kỳ là lãnh thổ thuộc Pháp và quy chế đó chỉ có thể thay đổi theo một quyết định của Quốc hội Pháp, trong đó phê chuẩn ước muốn của dân chúng thể hiện thông qua trưng cầu ý dân. Ông cảnh cáo nếu Chủ tịch Hồ Chí Minh cứ khăng khăng với cách hiểu Hiệp định và Tạm ước như thế sẽ gây tổn hại thực sự cho cơ sở của các cuộc thương lượng đang diễn ra[139]. Ngày 14 tháng Mười một, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại trả lời rằng Điều 9 trong Tạm ước ngày 14 tháng Chín là không phù hợp với luận điểm chối bỏ sự tồn tại của các thiết chế hành chính và quân sự tại Nam Bộ. Nam Bộ là một phần lãnh thổ của Việt Nam, ở đó đã xảy ra tình hình thực tế đặc biệt do sự hiện diện của các lực lượng quân sự Pháp gây ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh thông báo với viên cao ủy rằng Người phản đối việc sử dụng các biện pháp vũ lực có thể dẫn đến đình chỉ việc thi hành Tạm ước. Trong trường hợp đó, Chính phủ Việt Nam sẽ từ chối mọi trách nhiệm[140]. Nguy cơ về một cuộc đình chiến không phải là điều gì khiến d'Argenlieu sợ hãi. Từ lâu ông ta đã muốn điều đó xảy ra[141]. Ngày 13 tháng Mười một, ông ta rời Sài Gòn đi Paris,

quyết tâm yêu cầu Cominindo đình chỉ thi hành Tạm ước mà Moutet đã ký hai tháng trước đó. Trong thời gian d'Argenlieu vắng mặt, quyền Cao ủy là Tướng Valluy. Ông này đã chấm dứt mọi trao đổi thư từ với Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng Mười một. Ông ta xác nhận những điều đã được nói tới trong các thư gửi trước đây và nói thêm rằng Điều 9 trong Tạm ước liên quan đến sự tồn tại của các cuộc xung đột vũ trang, điều đó có nghĩa là kết thúc chứ không phải là tiếp tục bất kỳ tình trạng thực tế nào[142].

Thư từ về quy chế cho Nam Bộ là ranh giới cuối cùng của hai lập trường không thể dung hợp với nhau. Tại Fontainebleau, người Pháp từ chối ấn định thời gian tổ chức trưng cầu ý dân vì cần có thời gian để thúc giục dư luận ủng hộ nền tự trị Nam Kỳ. Khi báo chí được để cho tự do và "những kẻ phiến loạn" được phép chứng tỏ lòng trung thành với Hà Nội bằng cách triệt để tôn trọng lệnh ngừng bắn, thì những người tán thành Việt Nam thống nhất đã làm cho quan điểm của họ được các phương tiện truyền thông ở Sài Gòn chú ý lắng nghe. Dưới ánh sáng của diễn biến này, những chỉ thị từ Paris yêu cầu phải rút quân đội Việt Nam khỏi miền Nam là hoàn toàn không thể thi hành được. Nhưng trong các cuộc hội đàm với Tướng Nyo tại Hà Nội, nước Pháp đã tránh mọi sự nhượng bộ về nguyên tắc liên quan đến sự có mặt chính thức của lực lượng vũ trang Việt Nam tại miền Nam. Cũng trong thời gian đó, bị thúc giục trước yêu cầu của Moutet, d'Argenlieu đã chọn cách nhấn mạnh vấn đề tế nhị nhất là yêu cầu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xóa bỏ các thiết chế của mình tại miền Nam. Xung đột về quy chế của Nam Bộ đã định đoạt số phận của Tạm ước.

Chỉ có một điều khoản duy nhất trong Tạm ước đã được thi hành đầy đủ. Ngày 31 tháng Mười, người Việt Nam đã trao lại cho người Pháp Viện Pasteur tại Hà Nội. Ngày 7 tháng Mười một, cơ quan tình báo Pháp báo cáo rằng các nhà cầm quyền Việt Nam đã

quyết định không giải quyết bất cứ vấn đề gì chừng nào các cuộc hội đàm với Tướng Nyo không tiến triển[143]. Điều này không có nghĩa là người Việt Nam không coi trọng vai trò của các tiểu ban hỗn hợp. Họ chuẩn bị cho mình một thái độ cứng rắn, kéo dài thương lượng về mọi vấn đề[144]. Tuy nhiên, sự chuẩn bị tư thế của người Việt Nam thực tế không có ích lợi gì bởi điều này chứng tỏ không thể thỏa thuận được, ngay cả vấn đề địa điểm hội đàm. Vì vậy, các tiểu ban hỗn hợp đã không bao giờ được thành lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định sẽ họp tại Hà Nội[145] trong khi d'Argenlieu giữ ý kiến theo nguyên tắc, những vấn đề liên quan đến toàn bộ Liên bang Đông Dương nên được thảo luận tại Đà Lạt. Hơn nữa, cần phải đưa các nhà thương lượng Việt Nam ra khỏi Hà Nội, là nơi họ đã tiêu phí toàn bộ thời gian vào việc vận động chính trị thay vì thành thật thương lượng[146].

Mấy ngày sau khi d'Argenlieu lên đường về Paris, Sài Gòn quyết định rằng không nên cho phép những bất đồng ý kiến về địa điểm họp các tiểu ban hỗn hợp làm trì hoãn việc trả lại tài sản của người Pháp đã bị tịch thu. Trưởng đoàn đàm phán về kinh tế Ladreit de Lacharrière đi Hà Nội để thành lập các tiểu ban được giao phó việc tiến hành trao trả. Valluy gọi đó là "cử chỉ tái hòa hợp"[147]. Khi d'Argenlieu nhìn thấy cụm từ này trong một bức điện ông nhận được ở Paris, ông ta lo sợ Valluy sẽ có thái độ mềm mỏng nên đã gấp gáp bày tỏ hy vọng rằng phái đoàn của de Lacharrière sẽ khiến Hà Nội phải làm tròn nghĩa vụ của mình hơn là mong muốn những cử chỉ thái quá về tái hòa hợp[148].

Đúng sau ngày de Lacharrière đến Hà Nội, một rắc rối nghiêm trọng xảy ra ở Hải Phòng do xung đột về thuế quan. De Lacharrière được Chủ tịch Hồ Chí Minh hứa hẹn sẽ thành lập ngay lập tức tiểu ban phụ trách việc trả lại tài sản Pháp, nhưng ngược lại Người muốn thành lập một tiểu ban hỗn hợp đặc biệt để tìm ra giải pháp

cấp bách tạm thời cho xung đột về thuế quan vừa xảy ra ở Hải Phòng. De Lacharrière đã thảo luận với Ủy viên Cộng hòa Pháp Morlière và đàm phán với đại diện của ông ta về kinh tế là Robert Davée. Tất cả mọi người đều đồng ý rằng đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh nên được chấp nhận và điện ngay việc đó về Sài Gòn[149].

Tuy nhiên, quyền Cao ủy Valluy từ chối biện luận rằng việc thành lập tiểu ban hỗn hợp đặc biệt có thể tạo ra cảm tưởng rằng Pháp đã thay đổi lập trường của họ và đã cúi đầu trước sức ép của người Việt Nam[150]. Khi điện cho Hà Nội biết sự từ chối của ông ta ngày 23 tháng Mười một, Valluy đã sẵn sàng ra lệnh cho quân Pháp ở Hải Phòng triển khai hoạt động trả đũa. Trận chiến Hải Phòng đã chấm dứt mọi hy vọng của Tạm ước.

NỖI KINH HOÀNG TẠI SÀI GÒN

Chính phủ Việt Nam đã có chiến lược rõ ràng về cách thức vận dụng Tạm ước thế nào cho có lợi nhất. Điều 9 được xem là mấu chốt để khai thác nhằm thi hành đầy đủ hoặc trì hoãn việc thi hành phần còn lại của Tạm ước cho đến khi Pháp buộc phải giải quyết vấn đề với đại diện của họ ở miền Nam. Chiến lược của Pháp thì chập chờn, lúng túng bởi Tạm ước do Moutet ký kết đi ngược lại mong muốn của d'Argenlieu. Ông này không mấy tin tưởng vào Tạm ước, đặc biệt là không ưa Điều 9. Trong những báo cáo đầu tiên của ông về hiệu quả của lệnh ngừng bắn đã chỉ ra một cảm nhận lạc quan tương đối xuất hiện trong thời gian ngắn ở Sài Gòn. Tuy nhiên, với những cuộc hội đàm quân sự với Tướng Nyo không đi đến đâu, với nhiều báo cáo nói về các vụ bỏ việc của các ban hội tề và một cuộc khủng hoảng sâu sắc trong Hội đồng Nam Kỳ, thì người Pháp ở Sài Gòn cảm thấy mặt đất chuyển động dưới chân mình. Đến giữa tháng Mười một, họ tin rằng con đường duy nhất

để bảo vệ uy tín và quyền lực của Pháp là phải hành động quyết liệt và dạy cho người Việt Nam một bài học.

Ngay từ ngày 15 tháng Mười, ba ngày trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh quay về nước, d'Argenlieu lấy làm tiếc rằng Pháp đã có phản ứng không cần thiết để đối phó với quan điểm của Việt Nam về vấn đề Nam Kỳ. Pháp đã đáp trả một cách ôn hòa đối với những "cáo buộc" của Việt Nam cốt để tạo ra một không khí thuận lợi cho việc thi hành Tạm ước, song họ sớm nhận ra rằng, theo d'Argenlieu, Pháp sẽ ở vào thế yếu nếu cứ cố giữ thái độ ôn hòa khi phải đương đầu với những hành động thiếu thận trọng của đối phương. Trong bất cứ trường hợp nào, chiến tranh ở Việt Nam phải chấm dứt. Ông ta nói: "Chúng ta phải được biết rõ ý đồ thực sự của người Việt Nam ra sao khi Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn thắt chặt "dây cương quyền lực" ở Nam Kỳ"[151]. Hai ngày sau, ngày 17 tháng Mười, trong lúc chuẩn bị đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày hôm sau trên tàu Suffren trên Vịnh Cam Ranh, d'Argenlieu đã nhận được công hàm vắn tắt từ Léon Pignon, cố vấn chính trị mới của ông, đồng thời là ủy viên Liên bang về các vấn đề chính trị, ông ta tin chắc Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn "đuổi nước Pháp ra khỏi Đông Dương". Nước Pháp có ba lựa chọn, trong đó chỉ có lựa chọn thứ ba là khả thi. *Thứ nhất là* giáng một đòn quân sự chống lại Chính phủ Việt Nam ở Bắc Kỳ; *thứ hai là* rút lui chiến lược để xây dựng vị thế của Pháp về kinh tế, văn hóa kèm theo việc thừa nhận Việt Nam độc lập, và *thứ ba là* hành động về chính trị kết hợp với quân sự để buộc Chính phủ Việt Nam đi vào giải quyết nghiêm chỉnh với nước Pháp, tiến hành đàm phán thật sự với Việt Nam mà không chỉ thay đổi bộ mặt của mình[152].

Sau khi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 18 tháng Mười tại Vịnh Cam Ranh, d'Argenlieu điện một bản báo cáo khá lạc quan về Paris, xác nhận nhân cách và tài nghệ ngoại giao của

Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vị đô đốc bây giờ có cảm tưởng rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn củng cố kết quả thu được sau chuyến thăm Pháp của mình, tìm kiếm sự hòa hoãn với Pháp. Nhưng d'Argenlieu cũng tin rằng, bằng cách "pha trộn lòng tốt và những lời lẽ hữu nghị với hành động trên thực tế", Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn nâng cao vị thế của mình ở Nam Kỳ, thậm chí vượt qua cả những thành công đáng kể mà Người đã đạt được từ Điều 9 của Tạm ước[153]. Đồng thời, d'Argenlieu cũng cảnh báo các tham mưu trưởng không loại trừ khả năng có thể xảy ra hành động quyết liệt về quân sự của Việt Nam chống lại quân Pháp ở Bắc Kỳ và Pháp cần chuẩn bị giáng trả ngay cả ở "Hà Nội và Trung Kỳ". Do đó, Pháp không chỉ phải duy trì 75.000 quân tại Đông Dương, mà còn cần chuẩn bị tăng cường quân số và hỏa lực[154]. Ít ngày sau, d'Argenlieu chuyển tiếp những thông điệp đầy tình hữu nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Paris. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi lời chào mừng đến Bidault, Moutet và Bộ trưởng Tái thiết, đảng viên cộng sản François Billoux. Bức điện gửi Bidault về bản chất là mạnh mẽ nhất (với "những mong muốn nghiêm chỉnh thi hành Tạm ước") và điện gửi Billoux thì vô cùng thân thiết (kèm theo "những chiếc hôn gửi bọn trẻ")[155].

D'Argenlieu không thích những điện văn như thế. Ngày 26 tháng Mười, trong bức điện gửi về Paris, ông phàn nàn về ấn tượng với "những cử chỉ lịch sự một cách chính thức". Ông nói đến "trò chơi" của Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà chính trị "cực kỳ" khôn ngoan và thông minh, có thể chính thức phủ nhận những hành động quá thách thức của cấp dưới, đồng thời cùng lúc lại để chính phủ khuyến khích những tổ chức cơ sở ở miền Nam duy trì những hoạt động "cảnh cáo". D'Argenlieu trích dẫn một trong những chỉ thị của chính phủ Hà Nội gửi các cấp cơ sở ở miền Nam được tình báo Pháp tịch thu làm bằng chứng. Ông ta kết luận

rằng người Việt Nam đang vận dụng triệt để Điều 9 của Tạm ước, cố gắng vô hiệu hóa những thành tựu mà người Pháp đã đạt được trong một năm qua ở Nam Kỳ. Bản tạm ước có lẽ muốn biến những phần tử được nhìn nhận một cách chính đáng và hợp pháp như những kẻ gây rối, phiến loạn thành quan lính chính quy của quốc gia thành viên trong Liên hiệp Pháp. D'Argenlieu cảnh báo rằng có lẽ phải bóc trần mọi âm mưu do một đối phương bướng bỉnh sắp đặt kỹ càng đến từng chi tiết. Như vậy, nếu đúng như dự đoán thì cần phải thông báo cho Chủ tịch Hồ Chí Minh biết rằng thời hạn ngừng bắn có hiệu lực có thể bị hoãn lại[156].

Thực tế đó là một lời công kích dành cho Moutet vì ông này đã ký vào Tạm ước. Tuy nhiên, d'Argenlieu không thể thực hiện lời đe dọa hoãn thi hành các điều khoản Tạm ước. Thay vào đó, ngày 30 tháng Mười, ông đọc một bài phát biểu dài dòng tố cáo những hành động khủng bố ở miền Nam, bảo đảm sự ủng hộ của Pháp đối với Chính phủ lâm thời Nam Kỳ, biểu lộ nghi ngờ đối với việc Việt Nam sẽ tôn trọng tất cả các nghĩa vụ của mình[157]. Thành công trong việc thực hiện ngừng bắn trong những ngày đầu tiên đã gây nên một tâm trạng háo hức ngắn ngủi. Ngày 1 tháng Mười một, d'Argenlieu báo cáo về Paris rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh dường như đang kiềm chế những hành động mà có thể biện minh cho việc trì hoãn thi hành Tạm ước[158]. Ngày 3 tháng Mười một, ông miêu tả tình hình miền Nam "tiến bộ rõ rệt" và nói rằng các cuộc hội đàm ở Hà Nội tiến triển thuận lợi[159].

Những bức điện văn đó chứng tỏ tâm trạng bối rối của Cao ủy d'Argenlieu. Nhân tố làm ông ta thấy bất an nhất chính là quyền lực cá nhân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hình như ông ta chỉ dựa vào báo cáo của cơ quan tình báo ở Hà Nội. Ngày 6 tháng Mười một, d'Argenlieu báo với Moutet rằng thông tin của ông ta về ý định của Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn tránh gây đổ vỡ quan hệ với Pháp

xuất phát từ một nguồn thông tin hoàn toàn tin cậy, khẳng định rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn kiểm soát được tình hình. Phe đối lập chống cộng sản ở miền Bắc với vũ khí duy nhất là công kích Việt Minh bằng những luận điệu bài ngoại nay không còn khả năng công khai bộc lộ quan điểm của mình vì lực lượng an ninh Việt Nam khá đông và hoạt động hiệu quả. Phe đối lập ngày nay mong ước cựu hoàng Bảo Đại sớm trở về nước. Một số người hy vọng nước Pháp cùng các nước khác như Mỹ sẽ đưa Bảo Đại từ Trung Hoa về nước[160].

Có sự tương phản rõ rệt giữa những bức điện mang tính chất hòa giải trong những ngày đầu tháng Mười một và những lời lẽ cứng rắn mà Cao ủy d'Argenlieu đã sử dụng trong thông điệp ngày 26 tháng Mười của ông. Điều này phản ánh tâm trạng lạc quan tạm thời ở Sài Gòn do thành công của lệnh ngừng bắn gây ra. Cũng có thể hiểu được rằng d'Argenlieu biết rõ Moutet đã đầu tư toàn bộ uy tín cá nhân của mình vào Tạm ước ngày 14 tháng Chín Viên cao ủy đã che giấu quan điểm thật sự của mình và trông một cơ hội tốt hơn để hiểu rõ những kết quả do đối phương thu được trong việc ký kết Tạm ước. Đến ngày 13 tháng Mười một, khi d'Argenlieu lên đường về Paris, không điều gì còn sót lại của tâm trạng lạc quan hồi đầu tháng Mười một.

D'Argenlieu vừa rời khỏi Việt Nam thì Phó Cao ủy Valluy bắt đầu liên tục gửi điện xoay quanh những chủ đề mà cao ủy đương nhiệm đã bày tỏ trong các điện văn gửi hồi đầu tháng Mười. Valluy chê trách Paris làm tình hình Nam Kỳ xấu đi vì đã "ngầm công nhận" những đòi hỏi của Việt Nam liên quan đến khu vực này[161]. Ngày 19 tháng Mười một, Valluy cảnh báo Paris về vị thế đang đi xuống của Pháp tại Nam Kỳ cũng như trên phần còn lại ở Đông Dương. Chiến lược "áp dụng đơn phương" tất cả các biện pháp "có thể áp dụng được" của người Pháp ngày càng làm hại chính mình.

Valluy nhấn mạnh Chính phủ Pháp phải ra tuyên bố khẳng định chủ quyền của Pháp tại Nam Kỳ[162].

Xét về phía Pháp, Tạm ước dường như là một thắng lợi của Pháp. Pháp đã giành được những nhượng bộ có ý nghĩa và dài hạn của phía Việt Nam mà không phải trả lại một nhân nhượng nào liên quan đến độc lập và thống nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, việc thi hành hiệu quả lệnh ngừng bắn ở miền Nam và việc biểu thị rầm rộ sự ủng hộ của nhân dân miền Nam đối với sự nghiệp thống nhất đất nước đã xoay chuyển việc thi hành Tạm ước thành một thắng lợi chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều đó đẩy người Pháp vào một tâm trạng khủng hoảng. Đến tháng Mười một, họ hy vọng có được chiếc bánh của mình và được ăn nó: kiểm soát Nam Kỳ và hòa bình với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việc tăng cường hoạt động du kích, sức mạnh chính trị của phe chủ trương thống nhất, việc Pháp miễn cưỡng để bác sĩ Thinh có thực quyền và những dấu hiệu cho biết nhà cầm quyền Pháp sẽ chấm dứt ủng hộ phe ly khai - tất cả những nhân tố nói trên kết hợp lại gây ra một cuộc khủng hoảng gay gắt trong Hội đồng Nam Kỳ và Chính phủ lâm thời Nam Kỳ tự trị đúng vào lúc Tạm ước bắt đầu có hiệu lực.

Người Pháp và những thành viên bản xứ trong Hội đồng Nam Kỳ (cơ quan được xem như tiền thân của một nghị viện do dân bầu) chê trách chính phủ của bác sĩ Thinh phải chịu trách nhiệm về cuộc khủng hoảng ngày 31 tháng Mười và đòi cải tổ chính phủ. Một tuần sau, khi không thể đưa ra trước Hội đồng một nội các mới, bác sĩ Thinh bị công kích gay gắt. Người chỉ trích chính là bác sĩ Lê Văn Hoạch với tuyên bố: "Chính phủ giống như một đội thể thao. Người đứng đầu là thủ quân. Chúng ta - những thành viên còn lại của Hội đồng - là những cổ động viên. Đội hình hiện tại của chúng ta đã thi đấu những trận đấu "khá rắn" với các đội khác. Đội ta đã thua vì thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong hàng ngũ đội viên.

Còn chúng ta, những cổ động viên đòi hỏi cải tổ đội hình, loại bỏ những người kém, tuyển chọn những người giỏi vào đội, đó là chuyện cần làm trên hết"[163].

Từ tháng Tám, bác sĩ Thinh đã phàn nàn trong những cuộc gặp riêng tư rằng chính quyền Pháp dường như đã khuất phục "trong việc chứng minh với Việt Minh rằng chúng ta chỉ là bù nhìn của Pháp". Phản ứng của bác sĩ là:

> Tất cả những thiếu sót mà tôi bị trách cứ xuất phát từ một chế độ chính trị lai tạp đã bị áp đặt cho Nam Kỳ. Đó là thuộc địa hay cộng hòa? Chính phủ chúng ta đau khổ về tình trạng này và không có phương tiện gì để hành động. Việc thi hành Tạm ước tại Nam Kỳ đặt chúng ta vào một tình thế tế nhị. Liệu chúng ta có bị thay thế bằng một chính phủ mới chăng? Lúc này Nam Kỳ đang ở trong thời khắc khó khăn. Các vị yêu cầu tôi một ngày kia phải thay đổi nội các. Tôi sẵn sàng làm việc đó, nhưng trước hết tôi xin hỏi Công ủy viên Cộng hòa, tôi phải hỏi ý kiến ai trong những vấn đề như thế này. Cũng vì lý do đó, tôi đã yêu cầu ông ta đến dự họp với chúng ta tối nay. Còn lại chuyện bảo đảm rằng việc cải tổ nội các theo ý muốn của các ngài sẽ được thực hiện trong thời hạn ngắn nhất[164].

Bác sĩ Thinh hứa sẽ công bố thành phần nội các mới trước ngày 15 tháng Mười một, nhưng đến ngày 10 tháng Mười một, người ta đã thấy thân thể ông treo trên xà ngang cửa sổ[165]. Những điều đó khiến cho người Pháp thực dân nhớ lại 80 năm trước quan đại thần Phan Thanh Giản sau khi cố gắng cộng tác với những ông chủ mới nước ngoài đã giải quyết các bế tắc của tình hình bằng cách tự lấy đi cuộc sống của chính mình[166]. D'Argenlieu ngay lập tức báo tin cho Paris, biện luận rằng hành động tự sát của bác sĩ Thinh chứng minh rằng ông này đã bị đả kích trực tiếp một cách bất công bởi các nhóm chịu ảnh hưởng của Hà Nội, như vậy càng tỏ rõ "Tạm ước ngày 14 tháng Chín đã tạo thuận lợi cho quyền tự do

ngôn luận được phát triển mạnh mẽ tại Nam Kỳ"[167]. Vụ tự sát của bác sĩ Thinh đã chấm dứt mọi hy vọng của người Pháp muốn tạo ra một Nam Kỳ tự trị, trung thành và hùng mạnh như một hòn đá tảng đặt nền móng cho Liên bang Đông Dương. Tuy nhiên, kinh nghiệm Nam Kỳ sẽ còn tiếp tục. Một thời gian ngắn trước ngày d'Argenlieu lên đường về Paris, ngày 13 tháng Mười một, viên cao ủy đã triệu tập các cố vấn, phụ tá của mình để cùng nhau tìm ra lối thoát cho tình trạng bế tắc này. Những người tham dự cuộc tham vấn đã thừa nhận thất bại. Tiếp đó Albert Torel, quyền Cao ủy đầu tiên, Ủy viên Cộng hòa mới tại Nam Kỳ đã tỏ thái độ hoài nghi về ý tưởng Nam Kỳ ly khai khỏi Việt Nam và ưu tiên chọn giải pháp lập lại chế độ quân chủ trên toàn bộ Việt Nam. Hội nghị tham vấn cũng kém nhiệt tình trong việc tìm ứng viên thay thế bác sĩ Thinh. Họ đi đến kết luận rằng khó tìm được một người chính trực và đề nghị thay thế chính quyền Nam Kỳ tự trị bằng ủy ban hành chính lâm thời, để "xung đột sẽ thu hẹp trong phạm vi địa phương giữa Pháp và Việt Nam". Pignon không đồng ý. Ông ta nói: "Trong giai đoạn đầu, chúng ta phải chấp nhận luật chơi và tôn trọng cam kết của chúng ta". D'Argenlieu đồng ý: "Chính phủ Nam Kỳ phải tồn tại y như cũ". Nhưng trong lựa chọn những nhân vật thay thế bác sĩ Thinh, một số người loại trừ "những người chân chính thuộc phe thống nhất [tán thành thống nhất ba "kỳ"] phi cộng sản". Sau vài tuần lễ thảo luận loanh quanh, hai ứng cử viên chính được chọn vào chức chủ tịch là Trần Văn Ty - một phần tử cực đoan trong phe chủ trương ly khai và Nguyễn Văn Xuân - một người thuộc phe chủ trương thống nhất. Tuy nhiên, cả hai đều xin rút khỏi danh sách ứng cử. Ngày 6 tháng Mười hai, một nhân vật yêu thích thể thao, ngoài ra chẳng có gì nổi bật, là bác sĩ Lê Văn Hoạch đã được bầu là Chủ tịch[168].

Tại Pháp, tin tức tự sát của bác sĩ Thinh đến cùng một lúc với việc công bố kết quả sơ bộ cuộc tổng tuyển cử Pháp, nhưng tờ *Le Populaire* (Bình dân), cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp đã dành nhiều cột báo bình luận sự kiện này, cho rằng còn nhiều điều phải nói đến hơn là những thông tin và bình luận do d'Argenlieu đưa ra: "Thành công của việc thi hành Tạm ước do Moutet và Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng ký tên đã tước bỏ dần dần từng tý một cái "lý do tồn tại" và "quyền uy" của chính phủ giả tạo đó. Vụ tự sát của ông chủ tịch chắc chắn sẽ làm cho chính phủ ấy kết liễu sớm hơn"[169].

Một tuần trước vụ tự sát, lệnh ngừng bắn ở Nam Bộ vẫn còn hiệu lực và điều này càng củng cố uy tín của Chính phủ Việt Nam ở miền Nam. Nói đơn giản là Việt Minh đã giành phần thắng trong chiến tranh tuyên truyền. Thắng lợi chính trị của Việt Minh cũng như thất bại của người Pháp và những người chủ trương Nam Kỳ tự trị đã trở nên quá rõ ràng. Những tình huống như thế có thể nói là một trong những tình huống nguy hiểm nhất trong lịch sử. Khi một cường quốc nhận thấy nền tảng cho sức mạnh của mình đang suy yếu, đôi khi họ liều lĩnh chuyển sang những hành động mạo hiểm, thậm chí là hấp tấp. Nguy cơ những người cộng sản có thể có phiếu trong các cuộc bầu cử Quốc hội Pháp ngày 10 tháng Mười một có khả năng dẫn tới việc thành lập một nội các dễ dàng nhượng bộ Việt Nam đã góp phần tạo nên tình trạng kinh hoàng ở Sài Gòn, có thể tạo bước biến chuyển chiến lược tại Sài Gòn. Giải pháp chuyển sang một chiến lược công khai đối đầu đã được thảo luận trước đó nhưng còn để ngỏ. Cho đến nay, chiến lược này đã được xác định là nhằm tránh mọi xung đột quân sự quy mô lớn ở miền Bắc, trong khi đó tập trung tăng cường kiểm soát của Pháp ở Nam Kỳ, Nam Trung Kỳ, Campuchia và Lào. Người ta hy vọng việc áp dụng thành công chiến lược này có thể buộc Hà Nội phải

tiếp nhận ít nhiều các điều kiện tương tự như những điều kiện Pháp đã đưa ra với các chính phủ Viêng Chăn, Phnôm Pênh và Sài Gòn. Những người đưa ra quyết định của Pháp tại Sài Gòn bây giờ lại lo sợ chính phủ mới của Pháp sẽ có thêm những nhượng bộ mới với Hà Nội và có thể cho Việt Nam được hưởng quy chế "quốc gia liên kết", một phạm trù hợp pháp mới của các quốc gia nửa độc lập đã được đưa vào Hiến pháp mới vừa được thông qua[170]. Điều đó thuyết phục d'Argenlieu và êkíp cộng sự của ông ta rằng cần thiết phải có một chiến lược mới và họ cần phải nắm quyền chủ động mà không cần đợi chủ trương của chính phủ mới. Điều gì đó ấn tượng cần phải được làm để chứng minh quyết tâm của Pháp là bảo vệ sự có mặt của mình ở châu Á. Quyết định tìm kiếm sự đối đầu ở miền Bắc đã được đưa ra vào ngày 12 hay 13 tháng Mười một, đúng thời điểm trước khi d'Argenlieu lên đường về Paris. Ông ta đã để lại sau lưng mình những chỉ thị cho Valluy tập kết quân đội ở miền Bắc để đối phó với tình huống Pháp buộc phải chuyển sang tình trạng "cần thiết phải hành động trực tiếp biểu dương sức mạnh chống lại chính phủ Hà Nội"[171]. Điều quan trọng cần chú ý là mục đích chính của quyết định này là bảo đảm sự kiểm soát của Pháp ở miền Nam chứ không phải chinh phục miền Bắc. D'Argenlieu và êkíp của ông ta hy vọng cắt đứt quan hệ với miền Bắc sẽ có thể tác động thuận lợi đến thái độ của dân chúng miền Nam.

Chương 4

THẢM SÁT

Nhiệm vụ của hải quân đã được thực thi một cách hoàn hảo. Tàu chiến Savorgna de Brazza đã nã pháo và tiêu hủy một ngôi làng tại Kiến An.

Báo cáo của Sở Chỉ huy Hải quân, Hải Phòng, ngày 23 tháng Mười một 1946

Con số hàng nghìn nạn nhân đã bị ẩn giấu đằng sau bức điện cộc lốc. Khi đi tìm nguồn gốc các cuộc chiến tranh ở Việt Nam, người ta dễ dàng bị hút vào những hành động của các tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng, đô đốc hải quân, tướng lĩnh và đại tá, và người ta lãng quên hàng triệu người, đàn ông, đàn bà và trẻ em đã bị giết hại hay thương vong. Tuy nhiên, đôi lúc hồ sơ của những người ra quyết định đã tiết lộ hiển nhiên nỗi đau này. Vào ngày 3 tháng Mười hai, Jean Sainteny, tác giả của Hiệp định ngày 6 tháng Ba, trong lúc đi thị sát tình hình tàn phá đổ nát tại Hải Phòng đã ghi nhận những hành động rất "xuất sắc" và cũng rất "tàn bạo" của giới quân sự[1].

QUYẾT ĐỊNH

Những quyết định then chốt dẫn đến cuộc tàn sát Hải Phòng là từ Phủ Cao ủy của Đô đốc d'Argenlieu đưa ra trong khoảng thời gian từ ngày 11 đến 13 tháng Mười một 1946 khi ông ta đến dự

lễ tang bác sĩ Thinh và nhận được tin từ Pháp về kết quả tổng tuyển cử, theo đó Đảng Cộng sản Pháp trở thành chính đảng chiếm nhiều ghế nhất trong Quốc hội. Ngày 13 tháng Mười một, ông lên đường trở về Pháp, để lại sau lưng những chỉ thị đầy tính bi kịch cho người kế nhiệm là Tướng Valluy, là người đại diện cho ông trong khi ông tiến hành vận động hành lang ở Paris và viếng thăm Tướng de Gaulle tại nhà ở Colombey-les-Deux Eglises. Tháng Hai năm nay, hai bên Pháp - Việt đã xuống thang tạm hòa hoãn ở miền Bắc. Trong khi đó, tại miền Nam, phong trào du kích cũng tạm lắng xuống từ sau tháng Ba, những người lãnh đạo du kích đã không thể hoặc không sẵn sàng mở cuộc tiến công lớn sau khi lệnh ngừng bắn được thực hiện có kết quả[2]. Ở miền Bắc, lực lượng Trung Hoa hoàn thành việc rút quân. Tình hình căng thẳng giảm bớt chưa được bao lâu thì thành phố cảng Hải Phòng và thủ đô Hà Nội lại trở thành tâm điểm của tình hình đang ngày một xấu đi. Tiếp đó, lại xảy ra vụ đụng độ tại Lạng Sơn, một thành phố có vị trí chiến lược trên tuyến đường sắt quan trọng nhất sang Trung Quốc.

Khẩu hiệu của Đảng Xã hội Pháp trong chính sách đối với Đông Dương lúc này là "không từ bỏ nhưng cũng không chinh phục", có nghĩa là thiết lập một nền hòa bình trong sự hòa giải với nước Pháp vĩ đại. D'Argenlieu trong thâm tâm nghĩ rằng hai việc đó không thể đi đôi với nhau và dĩ nhiên, ông nghiêng về việc ủng hộ nước Pháp vĩ đại. Quan niệm của người xã hội Pháp thực tế là một chiến lược hai gọng kìm đã thống trị suy nghĩ của người Pháp trong những năm 1945-1946, song bây giờ lại bị từ bỏ ở Sài Gòn. Trước đó Pháp chủ trương để Việt Minh giữ nguyên nền thống trị miền Bắc trong lúc này. Những người tán thành chủ trương này sẽ phải lường trước việc kiểm soát của Pháp được bảo đảm ở miền Nam và đời sống kinh tế đã được triển khai, chế độ miền Bắc sẽ

phải chấp nhận thương lượng và khi đó, miền Bắc sẽ phụ thuộc vào miền Nam về kinh tế. Vì không tranh thủ được sự ủng hộ của dân chúng miền Nam, d'Argenlieu và cộng sự của ông đã đề ra chiến lược hai gọng kìm và ấp ủ hy vọng rằng nếu nền tảng sức mạnh chính của Việt Minh ở miền Bắc sụp đổ thì lúc đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ giảm bớt tham vọng của mình hoặc người Pháp sẽ tìm được những đối tác biết điều hơn. Và như thế, để đổi lại, Pháp cũng thiết lập được mối quan hệ cố tính xây dựng với các bộ phận tinh hoa ở miền Nam.

Giữa tháng Mười, trong lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trên tàu Dumont d'Urville trở về nước, d'Argenlieu đã đề cập khả năng người Pháp phải thực hiện một cuộc "đảo chính" ở Bắc Kỳ, coi như đáp trả một cuộc tiến công có thể là thù nghịch của người Việt Nam ở miền Bắc. Ngày 14 tháng Mười, d'Argenlieu đã bí mật điện cho Thủ tướng Bidault và Tướng Juin: "Tôi cho rằng không thể loại trừ giả thuyết chính phủ Hà Nội sẽ viện ra nhiều cớ để có những "hành động vũ lực" đối với chúng ta, phát sinh từ việc vận dụng các điều khoản của Tạm ước ngày 14 tháng Chín... Nếu chính phủ (Pháp) thừa nhận giả thuyết trên đây có thể trở thành hiện thực thì chúng ta cần phải sẵn sàng ứng phó... Một hành động giáng trả ngay lập tức ở Hà Nội và Trung Kỳ sẽ là cần thiết". D'Argenlieu hỏi liệu có khả năng gửi quân tăng viện cho Đông Dương hay không. Tướng Juin ủng hộ đề nghị của d'Argenlieu trong cuộc họp của Cominindo vào ngày 23 tháng Mười, đúng vào ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh về đến Hà Nội và được đông đảo quần chúng chào đón nhiệt liệt. Tướng Juin đề ra việc cần thiết phải gửi thêm quân đến Đông Dương càng nhanh càng tốt để đối phó với khả năng về một cuộc khủng hoảng rất nghiêm trọng ở Đông Dương[3]. Hai ngày sau đó, d'Argenlieu đã nói với bộ phận tham mưu của ông ta ở Sài Gòn rằng họ phải chuẩn bị giành lợi thế khi nổ ra xung đột có thể

vào đầu tháng Giêng 1947, chủ động phát động tiến công nhằm vô hiệu hóa chính phủ Hà Nội về chính trị và tinh thần và cũng như tạo thuận lợi cho công cuộc bình định miền Nam[4].

Thực tế, d'Argenlieu không thực sự chờ đợi đối phương ra tay trước mà luôn luôn tìm cơ hội để hành động. Ông yêu cầu Tướng Valluy lập kế hoạch "đảo chính" ở Bắc Kỳ. Một nghiên cứu sơ bộ đã được Phòng Ba - phòng tác chiến tại Sài Gòn đề xuất và gửi cho Đô đốc vào ngày 9 tháng Mười một. Hai phương án lựa chọn đã được xem xét: chiếm đóng hoặc từ bỏ Hà Nội. Trong cả hai trường hợp, phải tính đến việc rút bỏ các doanh trại đóng quân của Pháp, sơ tán thường dân ra khỏi các thành phố quan trọng là Nam Định và Lạng Sơn cũng như Phủ Lạng Thương (Bắc Giang) và Bắc Ninh. Điểm quan trọng đối với Valluy, là người từ lâu đã phàn nàn rằng quân đội của ông ta đóng quá phân tán, là phải giữ Hải Phòng, bởi giữ được thành phố cảng Hải Phòng sẽ kiểm soát được bờ biển Bắc Việt Nam. Nếu làm chủ được vùng biển này và các cảng biển khác, Pháp có thể, như ý nghĩ lạc quan của Valluy, "buộc các nhà đương cục và dân chúng Bắc Kỳ phải lệ thuộc chúng ta bằng cách làm cho nền kinh tế miền Bắc phải nghẹt thở". Về phương diện quân sự, Valluy nghiêng về việc rút bỏ Hà Nội nhưng ông ta thừa nhận, nếu rút bỏ Hà Nội sẽ bất lợi về mặt chính trị và kinh tế, sẽ bị coi như một hành động rút lui và có thể giải thích như một dấu hiệu về việc Pháp phải từ bỏ sự có mặt của mình ở miền Bắc. Trong giai đoạn đầu của các động thái quân sự, trước khi rút quân đội và sơ tán thường dân Pháp, quân Pháp cần phải tiến hành một cuộc "đảo chính" ở mỗi thành phố và bắt giữ các nhân vật quan trọng. Cần thiết phải "vô hiệu hóa chính phủ Việt Minh thông qua một hành động bạo lực". Những "cú đánh" như vậy chỉ có thể thắng lợi nếu được giữ bí mật tuyệt đối, "ngay cả đối với những nhân vật cấp

cao về hành chính và chính trị (Pháp)... chúng ta sẽ không được đắn đo, lưỡng lự trong việc chuẩn bị hành động quân sự gắn với mọi hành động ngoại giao có lợi"[5].

Đô đốc d'Argenlieu đã nghiên cứu đề nghị đó trong bối cảnh xảy ra vụ tự sát của bác sĩ Thinh và kết quả tổng tuyển cử ở Pháp. Trong khi đánh giá cao khía cạnh đảo chính, chắc hẳn chủ trương rút quân ở nhiều nơi được coi như một sự thận trọng quá đáng. Ngày 12 hay 13 tháng Mười một, sát ngày lên đường về Paris, d'Argenlieu đã chỉ thị hà khắc:

> ... Nếu như bất chấp những cố gắng của Chính phủ Pháp nhằm đi đến một hiệp định đáng hài lòng với chính phủ Hà Nội, nhiều cuộc đụng độ đã xảy ra tại nhiều nơi ở Đông Dương, thì điều quan trọng là quân đội của chúng ta phải đủ sức chịu đựng không chỉ một cuộc tiến công bất ngờ của đối phương, mà còn đủ sức giáng trả đối phương bằng những đòn quyết định... Do đó, chúng ta phải nhìn thấy trước giả thuyết Chính phủ Pháp sau khi tận dụng mọi nguồn lực hòa giải sẽ buộc phải ứng phó với các vụ xung đột gia tăng bằng cách sử dụng vũ lực chống lại chính phủ Hà Nội[6].

Cao ủy d'Argenlieu ra lệnh phải tập trung lực lượng ở miền Nam, "rút bỏ những đồn lẻ quá phân tán lực lượng, củng cố tổ chức phòng vệ dân sự, thành lập các đơn vị cơ động có thể trợ lực cho quân đội trong những nhiệm vụ quan trọng của cảnh sát", chấp hành tốt mọi chủ trương trên đây là nhằm triển khai có hiệu quả lực lượng ở miền Bắc, củng cố chỗ đứng mới tạo lập được. Ông chấp nhận việc giảm bớt lực lượng chiếm đóng một số nơi ở miền Bắc (Bắc Ninh, Phủ Lạng Thương và Lạng Sơn) nhằm tập trung cố gắng vào "căn cứ chiến lược ở bờ biển" từ Hải Phòng đến Vịnh Hạ Long. Ông vẫn muốn "rút bỏ Lạng Sơn, căn cứ có tính cách "tượng trưng" cho đến khi có lệnh mới" nhưng không muốn bỏ sân bay Gia Lâm (Hà Nội) được xem như một vị trí tiền tiêu, căn cứ xuất phát

mọi hành động vũ lực nhằm vô hiệu hóa chính phủ Hà Nội và phá hủy các trung tâm quân sự tại Hà Đông, Sơn Tây và có thể cả Hòa Bình". Ông cũng yêu cầu Tướng Valluy bảo đảm con đường giao thông huyết mạch Hải Phòng - Hà Nội, ít nhất là tạm thời.

Chỉ thị của Đô đốc d'Argenlieu còn đi xa hơn những đề nghị của Tướng Valluy và đã được các viên chỉ huy quân sự cấp địa phương xúc tiến, sớm hơn nhiều so với suy nghĩ của viên đô đốc. D'Argenlieu không trông đợi Valluy thực thi hành động vũ lực trong thời gian ông vắng mặt tại Đông Dương, ngay cả việc chuẩn bị cho hành động này, mà ông nghĩ là phải muộn hơn, có thể là "trong tháng Giêng 1947"[7]. Chỉ thị của d'Argenlieu hoàn toàn đi ngược lại chiến lược trước đây của Valluy đã được các tham mưu trưởng thông qua từ tháng Tám, và lý lẽ của d'Argenlieu dựa trên việc phân tích tình hình không phải chỉ ở Bắc Kỳ mà còn cả Nam Kỳ. Chính thất bại ở miền Nam đã khiến d'Argenlieu phải xem xét lại tình thế hòa hoãn ở miền Bắc. Ông đã xem xét các vấn đề mới nảy sinh trong tháng Mười rồi cũng ngả nghiêng dao động một thời gian sau cuộc gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại St. Jacques (Vũng Tàu) ngày 18 tháng Mười và đợi xem đối phương thi hành thỏa thuận ngừng bắn như thế nào sau ngày 30 tháng Mười. Tuy nhiên, vào ngày 5 tháng Mười một, d'Argenlieu đã viết thư cho de Gaulle thông báo sẽ trở về Pháp và phàn nàn việc Chính phủ Pháp lúng túng không thấy được tình hình diễn biến thật sự như thế nào. Ông bày tỏ mong muốn cử tri Pháp hãy lắng nghe và thông cảm với những tuyên bố gần đây của de Gaulle[8]. Một thời gian ngắn sau đó, tin bác sĩ Thinh tự sát, rồi báo chí ra sức khai thác rùm beng khiến vị đô đốc cao ủy dao động sâu sắc. Lúc đó, không thể có cách nào có thể bịt miệng báo chí phe chủ trương thống nhất. Làm như vậy sẽ vi phạm quyền tự do chính trị đã được nêu trong Tạm ước ngày 14 tháng Chín. Đồng thời, ông ta thấy không

thể có hành động quyết định nào chống lại phong trào du kích ở miền Nam, lúc này không những gia tăng hoạt động quân sự mà còn gắn với các phương tiện chính trị để chứng minh họ phục tùng trung thành với quyền lực của chính phủ trung ương. Việt Minh tiếp tục mở rộng sự kiểm soát chính trị của họ khắp miền nông thôn dưới sự che chở của Tạm ước ngày 14 tháng Chín. D'Argenlieu hiểu rằng tình hình chính trị tại Paris khiến ông không thể kiếm đâu ra được sự chấp thuận đối với việc cắt đứt hoàn toàn quan hệ với Việt Minh. Hy vọng lớn nhất lúc này đối với vị đô đốc chỉ là cơ hội đem vấn đề ra thảo luận trong những cuộc gặp gỡ riêng tư với Thủ tướng Bidault và Tổng Tham mưu - Tướng Juin. Ý định của d'Argenlieu trong chuyến trở về Paris lần này chắc chắn phải là báo cáo với các thành viên Cominindo về tình trạng sụp đổ nghiêm trọng ở miền Nam, tạm ngừng thi hành lệnh đình chiến và cuối cùng là bắt đầu thảo luận về sự cần thiết phải hành động ở miền Bắc.

Viên đô đốc yêu cầu Tướng Valluy chuẩn bị báo cáo và tài liệu cần thiết về miền Nam và ngày 19 và 22 tháng Mười một, Valluy nộp hai báo cáo về những diễn biến ở miền Nam cho Paris, phàn nàn lệnh ngừng bắn được thi hành sẽ làm suy yếu nghiêm trọng uy thế của Pháp. Cần phải nỗ lực hết mình "bằng mọi phương tiện sẵn có" trong lúc này để ứng phó với tình hình[9]. Việc chấp hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn vào đúng ngày và giờ do những "người lãnh đạo quân phiến loạn" ấn định đã chứng minh tính kỷ luật của các "phiến quân". Vào đúng lúc ngừng bắn, một chiến dịch chính trị xảo quyệt và mãnh liệt được chuẩn bị kỹ lưỡng đã được phát động ở tất cả các tỉnh miền Nam và dân chúng đều hiểu đó là một bước tiến trên con đường đi tới thống nhất đất nước. Mỗi ngày Việt Minh càng lấn sâu nhiều hơn trên địa hạt chính trị, những người đứng đầu các cấp địa phương đang dần dần xa lánh người

Pháp và đã xảy ra 200 vụ đào ngũ trong hàng ngũ páctidăng. Mặc dù có những cố gắng đáng kể, người Pháp vẫn thiếu phương tiện để phản công lại tình trạng leo thang chính trị của "phiến quân": "Như vậy, không có lý do gì để tin rằng có thể đi đến thỏa thuận về một cuộc đình chiến ở Hà Nội trong những điều kiện đã được Paris quy định. Mặt khác, chúng ta không thể cho Hà Nội được hưởng lợi thế về tinh thần nếu sự đổ vỡ do chúng ta gây ra. Tôi cho rằng tình hình sẽ muôn vàn khó khăn; cần phải được giải quyết ở một số chi tiết và ở một số nơi nào đó, nhưng chủ yếu là sẽ nghiêm trọng và chắc chắn sẽ không thuận lợi bởi mọi người dường như thích nói như thế trong một số giới ở Paris[10].

D'Argenlieu từ lâu đã muốn trình bày quan điểm của mình với Chính phủ Pháp và ngày 17 tháng Mười, Thủ tướng Bidault đã bật đèn xanh cho d'Argenlieu đến Paris sau tuyển cử ngày 10 tháng Mười một[11]. Khi viên đô đốc lên máy bay đến Paris vào ngày 13 tháng Mười một, Lãnh sự Mỹ Charles Reed tỏ ý nghi ngờ ông sẽ trở về nhiệm sở tại Đông Dương nếu "các phần tử cánh tả đoàn kết lại để kiểm soát tình hình chính trị"[12]. Báo chí Pháp vừa in một bản tin của Hãng thông tấn Pháp (AFP) nói rằng d'Argenlieu chắc sẽ rời khỏi chính trường để quay về tu viện[13]. Tướng Valluy đã phản ứng lại bằng cách yêu cầu AFP sa thải giám đốc của mình[14]. Trong một tháng sau đó, vấn đề d'Argenlieu có hay không giữ được chức vụ cao ủy là một vấn đề nóng hổi trong công luận ở Paris. Báo chí xã hội và cộng sản yêu cầu bãi chức viên đô đốc mặc dù họ không biết điều gì, dù chỉ là hời hợt, về việc ông ta đã kết thúc nhiệm vụ của mình như thế nào. Không dao động vì những lời lẽ ồn ào của cánh tả, viên đô đốc đã "vận động hành lang" có hiệu quả trong các cơ quan chính trị và tăng thêm quân cho Đông Dương, trong khi đó ông gửi những bức điện văn làm yên lòng Valluy tại Sài Gòn.

Trước khi bay về Paris, d'Argenlieu còn quy định trách nhiệm của các cộng sự. Valluy được chỉ định quyền cao ủy. Pignon phụ trách chính trị. Gonon phụ trách tài chính. "Bộ ba quyền lực" này sẽ quán xuyến mọi công việc ở Đông Dương như nhận xét của lãnh sự Mỹ[15]. Bộ ba do Valluy lãnh đạo sẽ đưa ra những quyết định quan trọng cho đến khi d'Argenlieu quay trở lại vào ngày 23 tháng Mười hai đem theo những chỉ thị mới của chính phủ.

KẾ HOẠCH ĐẢO CHÍNH

Chỉ thị của d'Argenlieu đã buộc Valluy vứt bỏ chiến lược thận trọng mà ông đã áp dụng trong tháng Bảy và tháng Tám, đồng thời tìm lại trong đống hồ sơ của mình kế hoạch tiến công được lập ra tiếp nối Chiến dịch Bến Tre. Trong tháng Ba và tháng Tư, khi chưa chắc chắn liệu Hiệp định ngày 6 tháng Ba có được thực hiện nghiêm chỉnh hay không, các kế hoạch "đảo chính" ở các tỉnh miền Bắc đã được khởi thảo, tuy nhiên từ tháng Năm, những kế hoạch này đã được cất kỹ trong hồ sơ. Ngay sau khi thông qua thỏa ước quân sự ngày 3 tháng Tư quy định quân số Pháp và Việt Nam đóng tại các địa điểm để tiếp quản nhiệm vụ của quân đội Nhật Bản ở Bắc Kỳ, Tướng Leclerc đã ban hành nhật lệnh mang tên "Chỉ thị số 1", quy định nhiệm vụ của lực lượng đồn trú Pháp là bảo vệ lợi ích của Pháp bằng "phương pháp từ từ nhưng mỗi ngày tiến lên một ít mà không làm cho quân đội mỏi mệt, bằng vũ lực nếu cần thiết"[16]. Mệnh lệnh của Leclerc không rõ ràng lắm nhưng chứng tỏ ông ta coi Hiệp định ngày 6 tháng Ba như một bước tiến trên con đường gia tăng sự kiểm soát của Pháp chứ không phải ngược lại. Các mặt quân sự của Hiệp định ngày 6 tháng Ba được nêu rõ ràng trong bản phụ lục kèm theo Hiệp định và sau đó chi tiết hóa thêm trong một thỏa ước quân sự ký ngày 3 tháng Tư, giới hạn quân số của Pháp sẽ được đóng ở miền Bắc,

xác định nơi đồn trú của quân Pháp và thiết lập cơ cấu hợp tác quân sự giữa Pháp và Việt Nam.

Tướng Raoul Salan thay mặt Pháp ký Thỏa ước ngày 3 tháng Tư ngay trước khi ông rời khỏi Bộ Chỉ huy quân Pháp tại miền Bắc, trao lại quyền cho Tướng Valluy đảm nhiệm chức vụ này cho đến khi thay thế Leclerc làm Tổng Chỉ huy lực lượng quân đội Pháp ở Viễn Đông vào ngày 17 tháng Bảy[17]. Ngày 10 tháng Tư, Valluy nói rõ "phương pháp từ từ" của Leclerc trong "Chỉ thị số 2", trong đó ông ta nhấn mạnh tình hình không ổn định của quân Pháp ở Bắc Kỳ trong thế uy hiếp của dân chúng đối nghịch với quân Pháp và của lực lượng Trung Hoa. Trong mỗi doanh trại, người chỉ huy phải đề ra một kế hoạch an ninh, bao gồm cả những hướng dẫn bảo vệ thường xuyên doanh trại cũng như đánh chiếm thành phố trong trường hợp khẩn cấp. Cùng với việc xây dựng kế hoạch địa phương để "vô hiệu hóa" kẻ thù và chiếm đóng "các điểm nhạy cảm", các phương pháp sẽ được xây dựng để thay đổi việc chiếm đóng quân sự và cuối cùng chuyển từ hành động quân sự thuần túy sang "đảo chính"[18]. Tất nhiên, điều đó được quan niệm như một kế hoạch bất ngờ phải thực hiện trong bối cảnh hợp tác quân sự được quy định trong Thỏa ước quân sự ngày 3 tháng Tư đã bị tan vỡ.

Là một chỉ dẫn về các phương pháp thích hợp, nhật lệnh quy định việc tổ chức tình báo gồm những đội ngũ chuyên viên (có thể được ngụy trang) chịu trách nhiệm "vô hiệu hóa" các nhà lãnh đạo địa phương và việc đó phải được tiến hành tuyệt đối bí mật. Chúng tôi cho rằng những kế hoạch như thế phải được sẵn sàng thực thi bởi những chỉ huy một số doanh trại quân Pháp. Nhưng cho đến tháng Mười một, kế hoạch vẫn chưa được thi hành. Ngày 27 tháng Tư, sau chuyến đi thăm Hà Nội, Lãnh sự Mỹ Reed báo cáo rằng phải có những động cơ ngầm đằng sau thái độ năn nỉ của Pháp

muốn quân đội Trung Hoa rút nhanh[19]. Nếu người Pháp đã làm như vậy khi phần lớn lực lượng Trung Hoa rút đi vào tháng Sáu thì điều đó hoàn toàn trùng hợp với thời gian họp Hội nghị Fontainebleau. Sài Gòn có thể không tin chắc Paris sẽ lùi bước nếu lực lượng Pháp ở Đông Dương xuất hiện giống những kẻ xâm lược. Hơn nữa, thời kỳ đầu sau khi lực lượng Trung Hoa rút đi, hai bên Pháp - Việt đã đóng quân bên cạnh nhau ở miền Bắc, ấy thế mà rất ít rắc rối đã xảy ra. Trong số những rắc rối nghiêm trọng nhất là vụ Bắc Ninh, phía bắc Hà Nội xảy ra hồi đầu tháng Tám, làm 12 lính Pháp thiệt mạng và nhiều người bị thương, dẫn đến hai bên phản đối lẫn nhau tại diễn đàn Hội nghị Fontainebleau, cuối cùng Hội nghị phải tạm đình hoãn khi Đoàn đàm phán Việt Nam được tin d'Argenlieu họp "Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai"[20].

Thái độ ôn hòa của Pháp ở miền Bắc từ tháng Tám đến tháng Mười là nhờ sự trì hoãn của lực lượng Trung Hoa trong việc rút quân, nhờ các cuộc thương lượng tại Fontainebleau đang tiến triển và đặc biệt là do Pháp đã điều chỉnh tiêu cự Nam Kỳ. Hãy nhìn lại sơ qua ý nghĩ của Valluy trong tháng Tám để thấy chiến lược của ông sau này sẽ đảo ngược. Cuối tháng Tám, ông nói với các sĩ quan tham mưu Pháp rằng: "chính là ở Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ mà tương lai của Pháp ở Đông Dương và Viễn Đông sẽ được quyết định". Ông muốn tăng quân ở Nam Kỳ, Campuchia (là nơi Pháp đã kích động khiêu khích quân sự với quân Thái Lan vào tháng Năm để chứng minh quyết tâm sẽ giành lại các tỉnh của Campuchia và Lào mà Phnôm Pênh, và "có thể" cả Lào, đã sáp nhập năm 1941). Tuy nhiên, đến tháng Tám, Valluy không thấy cần thiết phải tăng cường thêm lực lượng Pháp ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ. Ưu tiên chiến lược của ông ta là khóa chặt Nam Kỳ trong một chiến trường khép kín để ngăn cản viện trợ từ bên ngoài thâm nhập vào và sau đó, giai đoạn 2 sẽ tiêu diệt lực lượng du kích của Nguyễn Bình[21].

Các sĩ quan tham mưu chấp nhận chiến lược này và cho đến khi ký Tạm ước ngày 14 tháng Chín, Valluy vẫn không nhận thấy nhu cầu phải sửa đổi. Cho đến tận ngày 10 tháng Chín, ông ta thậm chí vẫn còn thừa nhận rằng tình hình có thể tốt nhất nếu Pháp tuyệt nhiên không phái thêm quân ra Bắc Kỳ. Những đơn vị này có thể được sử dụng hữu hiệu hơn ở miền Nam: "Chúng tôi đã kiểm soát được toàn bộ đất nước. Chúng tôi biết rõ như lòng bàn tay"[22]. Với chiến lược dựa vào miền Nam, Valluy thấy không cần có một chỉ huy mạnh ở miền Bắc. Điều này giải thích tại sao Cao ủy d'Argenlieu và Valluy sau này đã chọn Tướng Louis Constant Morlière vào vị trí này[23]. Morlière đã ba lần làm việc tại Đông Dương trước Chiến tranh thế giới thứ hai (1921-1923; 1929-1932; 1934-1939) và ông coi nơi đây như quê hương thứ hai của mình. Sinh năm 1897, Morlière hơn Valluy hai tuổi. Như thế, trong hoàn cảnh bình thường, Valluy phải dưới quyền chỉ huy của Morlière chứ không phải là ngược lại. Tuy nhiên, trong quân đội Pháp thời kỳ ngay sau chiến tranh, một tiêu chí đề bạt có giá trị hơn là thâm niên: đó là người nào sớm chạy theo phe de Gaulle trong chiến tranh sẽ được cử vào những chức vụ cao hơn so với những người đến với de Gaulle muộn hơn. Leclerc, d'Argenlieu và Valluy ngay từ những ngày đầu đã theo lực lượng nước Pháp tự do, do de Gaulle cầm đầu khi còn ở London. Morlière đã phục vụ chế độ Vichy ở Bắc Phi cho đến khi de Gaulle cùng với người Mỹ đổ bộ vào Bắc Phi năm 1942. Năm 1944, trong khi chiến đấu chống Đức trên đất Pháp, Valluy đã thay thế Morlière chỉ huy Sư đoàn Bộ binh thuộc địa số 9. Những chuyện đó không dễ đi vào quên lãng. Tháng Tám 1946, Morlière chịu nuốt thêm viên thuốc đắng khi nhận lời yêu cầu của d'Argenlieu sẽ phục vụ dưới trướng của Valluy tại thuộc địa Đông Dương - là nơi ông biết khá rõ từ những năm 1920 đến những năm 1930.

Morlière là sĩ quan cẩn trọng và yêu chuộng hòa bình với hồ sơ sức khỏe tuyệt vời và thái độ nhân ái với người bản xứ. Leclerc, Valluy, Salan coi Morlière như "công chức" chứ không phải một quân nhân thực thụ. Tướng Giáp miêu tả Morlière không có khí thế của người lính, kể lại trong hồi ký của ông về cách thức người Pháp này thể hiện lòng trắc ẩn đối với nhân dân Việt Nam, "không ngớt ca ngợi một trong những người phục vụ của ông ta là một đầu bếp trung thực và rất giỏi nghề". Tháng Hai 1947, sau khi Valluy chấp nhận đơn từ chức của Morlière, ông này vẫn hãnh diện là trong thời gian nắm quyền chỉ huy tại Hà Nội, từ vụ Bắc Ninh đầu tháng Tám đến vụ Hải Phòng cuối tháng Mười một, tình hình Bắc Kỳ đều gần như hoàn toàn yên tĩnh[24].

Người chỉ huy địa phương ở Hải Phòng là Đại tá Pierre-Louis Dèbes, 46 tuổi đã báo cáo với Morlière về hệ thống chỉ huy của mình. Dèbes là Tham mưu trưởng Sư đoàn Bộ binh thuộc địa số 9 đã tham gia chiến đấu tại chiến trường châu Âu, ban đầu dưới quyền của Morlière, sau đó là dưới trướng Valluy. Ban đầu, Dèbes tỏ ra cảm tình với Morlière mặc dầu hai người khác hẳn nhau về tính cách. Dèbes cũng như d'Argenlieu là con người hành động không quan tâm mấy đến số phận người dân Việt Nam, miễn sao mục đích đề ra phải đạt được. Dèbes không thích nhìn thấy Morlière phải nhận lệnh trực tiếp của Valluy và ông ta thích giữ một khoảng cách với hai vị tướng bằng cách cứ ở lại Hải Phòng cho đến khi có cơ hội hồi hương về nước. Dèbes chán ngấy Valluy vì trước đây đã trao cho ông những nhiệm vụ khó khăn không thể tưởng tượng được. Ông đã từng phớt lờ lệnh của Valluy bắt ông phải chỉ huy cuộc tiến công đánh chiếm cảng Marseille. Tuy nhiên, vào tháng Mười 1946, thấy có triển vọng đánh bại quân đội Việt Nam, Dèbes đã trung thành thi hành "Chỉ thị số 2" bằng cách

ban hành những mệnh lệnh chi tiết cho tất cả các đơn vị dưới quyền đóng ở Hải Phòng trong trường hợp khẩn cấp. Các mệnh lệnh chiến đấu này đều được đóng dấu niêm phong kín và chỉ được mở khi có lệnh đặc biệt của Dèbes[25]. Đúng bốn tuần lễ sau đó, Dèbes ra lệnh mở niêm phong. Trong thời gian cuộc chiến ở Hải Phòng đang diễn ra, các bản sao mệnh lệnh và chỉ thị về "đảo chính" của Valluy đã rơi vào tay người Việt Nam và được phân phát rộng rãi. Điều đó khiến người Việt Nam tin rằng một kế hoạch đảo chính tương tự sẽ được dự kiến thi hành ở Hà Nội. Dèbes ra lệnh cho đơn vị cơ giới và pháo binh phải kiên quyết ra tay để kiểm soát cho được Hải Phòng: "Vì tình hình còn bất ổn, chúng ta có thể bất cứ lúc nào chủ động can thiệp nhanh chóng. Để thực hiện khả năng này, cần phải có một kế hoạch tiến công"[26].

Một yếu tố then chốt trong các kế hoạch tiến công được chuẩn bị từ Chiến dịch Bến Tre là cái gọi là "kế hoạch đảo chính". Để thực hiện kế hoạch này, không nhất thiết phải hành động quân sự mà bao gồm cả những yếu tố chính trị. Đó là lĩnh vực của Léon Pignon. Jean Sainteny cũng có thể yêu cầu được giúp đỡ về chuyên môn trong lĩnh vực này, mặc dù ông ta trước đây là một nhà kinh doanh. Tháng Giêng 1947, Sainteny đã tóm tắt suy nghĩ của ông ta đằng sau những hành động từ tháng Mười một như sau: "Kết luận... có thể giành được (thắng lợi) ở Bắc Kỳ, tổng hành dinh của lực lượng kháng chiến... Phải hạn chế mọi hành động xuất phát từ miền Bắc có thể cổ vũ những phần tử cực đoan của Việt Minh ở miền Nam. Tổng hành dinh Việt Minh ở miền Bắc chẳng khác nào con thủy tức không bị diệt mà chỉ cắt bỏ những xúc tu của nó thì sau đó xúc tu mọc lại lớn mạnh hơn giống như tình hình cuối năm 1945, chừng nào mà cơ quan trung ương của nó hiện ở miền Bắc không bị loại trừ"[27]. Sainteny nói thêm rằng giết bỏ con thủy tức không

phải là biện pháp đúng đắn. Tốt hơn là tìm được con vật khác thay thế nó, phù hợp hơn, dễ chế ngự hơn.

ẢO TƯỞNG BẢO ĐẠI

Sau vụ bác sĩ Thinh tự sát, người Pháp đã sẵn sàng dành thời gian tìm kiếm các nhóm hay các nhân vật có thể là sự lựa chọn thay thế Việt Minh và cũng thay cho những phần tử "ly khai" bất lực trong chủ trương tách Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam[28]. Ủy viên Cộng hòa Jean Cédile, một đại diện của "nước Pháp mới" đã đến Nam Kỳ sau "giải phóng" là người sốt sắng ủng hộ phe "ly khai" Nam Kỳ. Ông rời khỏi Sài Gòn vào tháng Mười và Albert Torel là người thay thế ông nắm giữ vị trí Ủy viên Cộng hòa tại Nam Kỳ. Ông này thuộc phái bảo hoàng và nghiêng về ủng hộ giải pháp lập lại chế độ quân chủ với triều đình truyền thống Huế hơn là những phần tử tinh hoa trong giới doanh thương ở Sài Gòn[29]. Điều nổi bật là những người đề ra chính sách bảo thủ nhất của Pháp là những người nghiêng về việc thỏa mãn nguyện vọng muốn thống nhất đất nước của người Việt Nam.

Từ cuộc Cách mạng Tháng Tám xảy ra ngay sau khi Nhật trao trả Nam Kỳ cho chế độ quân chủ của Bảo Đại, Việt Minh là người bảo vệ quan trọng đối với nguyên tắc thống nhất đất nước - một chủ trương thu hút được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân ở ba "kỳ". Từ cuối tháng Chín, người Pháp đã tiến hành cuộc tiếp xúc đầu tiên với Bảo Đại lúc này đang ở Hồng Công. Đổi lấy việc trở về nắm chính quyền, Bảo Đại yêu cầu Pháp thỏa mãn điều mà trước đây họ đã từ chối Hồ Chí Minh là chủ quyền trên "toàn bộ lãnh thổ Việt Nam" cho đến tận mũi Cà Mau.

Được tấn phong làm vua từ năm 12 tuổi vào năm 1925, Bảo Đại chưa bao giờ thi hành quyền lực thực sự. Ông ta là bù nhìn của Pháp và khi ông tuyên bố Việt Nam độc lập ngày 11 tháng Ba 1945

theo xúi giục của Nhật Bản, điều này đã không làm thay đổi nhiều lắm tình cảnh của ông. Người Nhật chỉ đơn giản thay thế những cố vấn người Pháp bằng người Nhật, mở rộng đến những lĩnh vực nào mà họ có nhân lực, còn nhiều lĩnh vực khác, họ đành để trống hoặc cuối cùng là lọt vào tay Việt Minh. Ngày 25 tháng Tám, Bảo Đại tuyên bố thoái vị, bắt đầu dùng tên thường gọi là Vĩnh Thụy và được mời làm cố vấn tối cao cho chính quyền Hồ Chí Minh, tham dự các buổi họp chính phủ; tháng Giêng 1946, ông thay mặt nhân dân Thanh Hóa nơi quê cha đất tổ của triều đình nhà Nguyễn, được bầu vào Quốc hội[30]. Khi Chính phủ liên hiệp kháng chiến được thành lập và được Quốc hội chuẩn nhận vào ngày 2 tháng Ba 1946, Vĩnh Thụy vẫn giữ vai trò cố vấn tối cao và tháng sau đó, ông dẫn đầu phái đoàn chính phủ đi Trùng Khánh, tranh thủ sự ủng hộ của Tưởng Giới Thạch. Nhiệm vụ không thành công, đến lượt Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam đứng đầu Việt Nam Quốc dân Đảng chán ngán bỏ việc. Tưởng Giới Thạch bận bịu với việc thi hành Hiệp ước Trung - Pháp, tổ chức rút quân khỏi Đông Dương. Vĩnh Thụy chọn con đường sống lưu vong tại Hồng Công. Tuy nhiên, là quân vương nên nhu cầu cá nhân của ông rất lớn, và khi người Pháp tiếp xúc với ông vào tháng Chín, họ phải đưa ông cả tiền và vàng. D'Argenlieu nói: "Chắc chắn nhiều con mắt hướng về Bảo Đại... nhưng lúc này ông ta không phải là nhân tố bảo đảm thắng lợi". D'Argenlieu cảm thấy Bảo Đại thích trở về Pháp và sống ở Cannes, trên bờ sông Riviera, trong một môi trường "thân thiết" với ông ta"[31]. Người Pháp có ý định mời Bảo Đại về sống ở Bắc Phi làm con bài dự trữ. Ông ta coi đó là một đề nghị nghiêm chỉnh nhưng cuối cùng đã quyết định ở lại Hồng Công để nghe ngóng tình hình sẽ phát triển ra sao[32].

Người Pháp, đặc biệt là Léon Pignon, thấy cần phải tranh thủ sự ủng hộ của những nhóm bảo thủ ở Trung Kỳ và phe thân

Trung Quốc ở Bắc Kỳ. Pignon phân tích những nhóm người này nhưng thấy ảnh hưởng của các quan lại cũ không vượt ra ngoài thành phố Huế và hầu hết số này đã thỏa hiệp với người Nhật. Ông cũng thấy khó có thể công khai tìm đối tác trong Việt Nam Quốc dân Đảng hay Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội bởi hai tổ chức này đã tạo cho mình một hình ảnh chống Pháp và "bài ngoại" còn hơn cả Việt Minh. Cộng đồng Công giáo Việt Nam có sự chia rẽ giữa Nguyễn Mạnh Hà, người đã hợp tác với Việt Minh và anh em Ngô Đình Diệm, người đã nhẫn nhục chịu sự phản đối của chính phủ Nam triều Bảo Đại năm 1932 và vẫn được tiếng là cực lực chống Pháp. Trong tình thế thất vọng như vậy, những người ra quyết định của Pháp ở Sài Gòn dường như đã đặt hy vọng vào một giải pháp được nhắc đi nhắc lại là một "cơn sốc tâm lý", tạo mảnh đất để tập hợp những người lãnh đạo mới nổi lên dưới cái gọi là "giải pháp Bảo Đại".

Dĩ nhiên, Léon Pignon biết những khó khăn trong việc thuyết phục các nhà chính trị - xã hội và cộng sản tại Pháp đưa một ông vua đã thoái vị trở lại ngai vàng. Ông ta thấy tình hình trước đây còn dễ hơn, đó là việc làm tương tự của de Gaulle đối với cựu hoàng Duy Tân, tức Hoàng tử Vĩnh San, bị Pháp truất ngôi và đày đi đảo Réunion năm 1916, nhưng không may ông này đã tử nạn trong một chuyến bay qua Trung Phi tháng Mười một 1945 trước khi được đưa trở lại ngai vàng[33]. Marius Moutet, đảng viên xã hội, Bộ trưởng Hải ngoại Pháp từ ngày 20 tháng Giêng 1946 nhắc đi nhắc lại nhiều lần việc phục hồi chế độ quân chủ ở Việt Nam. Với sự ủng hộ của Giám đốc Nha Chính trị Henri Laurentie, Marius Moutet mong muốn Cộng hòa Nam Kỳ được hiện đại hóa, thoát khỏi chủ nghĩa bảo thủ, và nếu có thể, thoát khỏi cả chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, tại Hội nghị Fontainebleau, ông cũng cảnh báo rằng, nếu Chủ tịch Hồ Chí Minh bị đẩy ra ngoài cuộc thì "đảng thay thế ông

thậm chí sẽ còn cực đoan hơn trong vấn đề dân tộc chủ nghĩa của mình". Và như thế, có thể nhiều cường quốc khác, chứ không chỉ Trung Quốc, sẽ ủng hộ[34].

Tuy vậy, Pignon không từ bỏ việc khai thác giải pháp quân chủ. Ngày 5 tháng Mười, ông gửi đến Cominindo ý kiến bình luận của một nhà báo Việt Nam giấu tên, "thừa nhận" các đảng đối lập thực tế vẫn còn trông đợi sự ủng hộ của Pháp chống kẻ thù chung là Việt Minh. Cái ông X nào đó dám liều đưa ra ý kiến rằng những nhà xã hội Pháp nên phát động một chiến dịch tuyên truyền phản đối việc đàn áp tự do dân chủ ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ba tuần lễ sau đó, Pignon nói rõ hơn trong thư gửi Cominindo và Bộ Hải ngoại Pháp: "Mọi việc đều xác nhận rằng sự lựa chọn duy nhất để thay thế Hồ Chí Minh và Việt Minh là một nền quân chủ dựa trên khối liên hiệp dân chủ. Chính quốc cho phép chúng tôi chơi con bài đó không?"[35]. Không thể được. Giám đốc Nha Chính trị Bộ Hải ngoại Pháp Henri Laurentie nhận thức rõ cuộc khủng hoảng Nam Kỳ và thất bại của chính phủ tự trị của bác sĩ Thinh, song ông ta nghĩ rằng giải pháp tối ưu là mở rộng nền tảng chính trị của chính phủ ở Nam Kỳ. Ngày 21 tháng Mười, vài ngày trước khi nhận được thư của Pignon, ông ta đã cảnh báo Marius Moutet về cuộc khủng hoảng Nam Kỳ đang có chiều hướng tăng lên: "Từ mấy tháng nay, vị thế của chúng ta ở Nam Kỳ đã trở nên nguy hiểm... Một nhân tố cơ bản hoàn toàn đe dọa mọi cơ may của chúng ta... Đây là tình hình ở Nam Kỳ; nếu không có sự phục hồi nhanh chóng, sẽ không có con đường nào khác để thiết lập lại trật tự ngoài việc khôi phục ảnh hưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở đó. Đây có thể là thất bại của nước Pháp với những hậu quả khôn lường. Công luận hay lịch sử sẽ không bao giờ tha thứ cho một chính phủ cho phép mình chịu đựng một thất bại như thế". Giải pháp duy nhất cho

tình trạng tiến thoái lưỡng nan này là thành lập một chính phủ Nam Kỳ, "chính phủ đó nếu cần phải tán thành thống nhất thì có thể phải là chống cộng, nhưng phải bảo đảm những nguyên tắc xã hội và dân tộc mới đem lại uy lực căn bản cho mình"[36]. Henri Laurentie nghĩ rằng điều đó là có thể trở thành hiện thực và ông ta thấy không có sự lựa chọn nào khác. Sau khi nhận được thư của Pignon, Laurentie đã bám vào quan điểm phi thực tiễn của mình. Ông không tin vào Tạm ước ngày 14 tháng Chín được thực hiện sẽ cải thiện vị thế của nước Pháp. Rộng lượng cho phép thành lập ở Nam Kỳ một chính phủ "đóng chặt cửa với những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản, với những nguyên tắc mạnh mẽ và đầy hấp dẫn của Việt Minh" là câu trả lời duy nhất đối với ông. Đây là cách duy nhất để tránh phải nhường Nam Kỳ cho Việt Minh. Cuối tháng Mười một, sau sự đổ vỡ của Hải Phòng, Laurentie vẫn kiên trì với quan điểm của ông: chỉ có một con đường duy nhất là tổ chức lại Nam Kỳ về mặt hành chính và chính trị[37]. Pignon lại có quan điểm ngược lại. Ông cho rằng sai lầm nghiêm trọng là để cho Việt Minh xóa bỏ lực lượng bảo thủ và các phần tử Trung Quốc ở miền Bắc. Bằng cách chỉ giải quyết vấn đề với Việt Minh, Pháp đã củng cố những tiêu chuẩn dân tộc của những phần tử đối lập với Việt Minh[38].

Sự dao động của Pháp giữa các nhân vật không mấy gây ấn tượng ở Nam Kỳ và những phần tử theo Bảo Đại cũng chẳng gây ấn tượng cho lắm còn kéo dài thêm hơn hai năm nữa. Năm 1947, Pignon được cử đến Phnôm Pênh để điều hành Vương quốc Campuchia, còn Laurentie thì được cử đến New York đại diện cho nước Pháp tại Liên hợp quốc, nhưng năm 1948, sau khi Marius Moutet bị truất khỏi chức Bộ trưởng Hải ngoại Pháp và Đảng MRP hoàn toàn kiểm soát chính sách của Pháp đối với Đông Dương,

Pignon cũng không còn trong bộ máy cao ủy tại Sài Gòn. Năm 1949, cuối cùng ông đã có thể chào đón Bảo Đại trở về đứng đầu "một nhà nước Việt Nam mới" được xác định như một "quốc gia liên kết" theo Điều 60 của Hiến pháp mới của nước Pháp. Hiện nay, với sự cổ vũ nhiệt tình của Vương quốc Anh và sự tiếp nhận có phần dè dặt hơn của Mỹ, có lẽ Pignon đã bỏ phí tài năng lớn của ông trong việc tìm cách thuyết phục người Việt Nam và toàn thế giới tự do rằng Bảo Đại là một nhà lãnh đạo dân tộc tuyệt vời[39].

CHIẾN TRANH KINH TẾ

Trong thời gian phục vụ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hà Nội từ tháng Chín 1945 với cương vị cố vấn tối cao đến tháng Tư 1946, Bảo Đại buộc phải sống một cuộc sống hết sức tằn tiện. Lần đầu tiên ông chứng kiến những người lãnh đạo cách mạng bãi bỏ thuế thân mà Pháp trước đây áp đặt cho mỗi người dân thuộc địa, và sau này, ông được biết các bộ trưởng chính phủ đã tìm nhiều cách khác nhau để chu cấp cho chế độ cộng hòa non trẻ của mình, chẳng hạn như yêu cầu nhân dân quyên góp vàng, bạc và nữ trang. Bảo Đại chắc hẳn đã cảm thấy nhẹ nhõm khi ông được chính phủ yêu cầu đi công tác tại Trung Quốc. Trong suốt 16 tháng ròng ở Hà Nội, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đấu tranh để xây dựng nền kinh tế quốc dân trong một đất nước vừa mới trải qua nạn đói ghê gớm và nay phải cấp dưỡng cho một số lượng khổng lồ lực lượng Trung Quốc*. Chính phủ đã phát hành tiền giấy gọi là "giấy bạc Hồ Chí Minh", song đồng tiền nhanh chóng bị mất giá. Chính phủ cũng nỗ lực hết sức để tìm cách thu mua vũ khí. Sau Hiệp định ngày 6 tháng Ba, với triển vọng hòa hoãn với Pháp, các quan chức chính phủ đã đặt ra những kế hoạch tham vọng để

---

* Quốc dân đảng (*BT*).

phát triển nền kinh tế quốc dân với công nghiệp, thương mại và xây dựng cơ sở hạ tầng mới. Các nhà thương thuyết tại Đà Lạt và Fontainebleau đã chuẩn bị thảo luận các kế hoạch hiện đại hóa nền kinh tế với các chuyên gia Pháp và Chủ tịch Hồ Chí Minh háo hức nhấn mạnh rằng Người muốn các nhà kinh doanh và cố vấn Pháp có mặt ở Việt Nam thay thế cho những viên chức dân sự. Cuối tháng Mười, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về nước báo cáo với chính phủ về những điều khoản của Tạm ước ngày 14 tháng Chín, Sở Mật thám Pháp xác nhận Chính phủ Việt Nam đã quan tâm hơn lúc nào hết đến việc lập kế hoạch đổi mới nền kinh tế. Một công ty thương mại đặc biệt - Công ty Việt Tiến đã được thành lập để xúc tiến xuất nhập khẩu, thúc đẩy công nghiệp, vận tải,...[40]. Tiếp đó, khi d'Argenlieu đang chuyển hướng chính sách của mình thì ngày 12 tháng Mười một, tình báo Pháp đột ngột báo cáo rằng ba ngày trước đó, Tổng bộ Việt Minh đã quyết định một chương trình hoàn toàn khác liên quan đến vấn đề tự túc kinh tế, chỉ dựa vào phát triển nông nghiệp. Việc tái thiết nền kinh tế xem ra đã bị trì hoãn[41]. Trong thực tế, Việt Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương từ lâu đã tiến hành song song hai chương trình vừa chuẩn bị cho công cuộc tái thiết trong hòa bình, vừa chuẩn bị chiến tranh, với việc phân công công tác giữa những nhà lãnh đạo hoạt động công khai và những người được giao xây dựng căn cứ và cơ sở hạ tầng cho cuộc chiến tranh du kích lâu dài (Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Văn Hoan và những người khác). Ngay khi d'Argenlieu thay đổi chiến lược tổng thể thì dường như đã có bước biến chuyển ngay lập tức về cách nhìn tổng thể.

Điều gì có thể giải thích cho sự thay đổi này? Vì thiếu các nguồn đáng tin cậy nên chúng ta chỉ có thể suy đoán. Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường trở về đã gặp d'Argenlieu tại Vịnh Cam Ranh. Quốc hội Việt Nam đã triệu tập và chính phủ đã được cải tổ

bảo đảm độc quyền thật sự của Việt Minh trong bộ máy quyền lực. Lệnh ngừng bắn đã có hiệu lực ở miền Nam nhưng cuộc gặp đầu tiên với Tướng Nyo đã đem lại chút ít hy vọng cho giải pháp lâu dài. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không đồng ý với Sài Gòn về địa điểm họp các tiểu ban hỗn hợp. D'Argenlieu cũng phản đối sự tồn tại của Ủy ban hành chính Nam Bộ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người Pháp cũng đã đơn phương xác lập quyền kiểm soát xuất nhập khẩu tại Hải Phòng. Những diễn biến đó đã thuyết phục các nhà lãnh đạo Việt Minh rằng các cuộc thương thuyết với Sài Gòn sẽ không đi đến đâu. Nếu Chính phủ Pháp không can thiệp để uốn nắn chính sách của d'Argenlieu, phía Việt Nam sẽ sớm thấy sự cần thiết phải cầm vũ khí tiến hành chiến tranh lâu dài. Điều này được phản ánh trong nghị quyết ngày 9 tháng Mười một của Tổng bộ Việt Minh. Tuy nhiên, cần phải khai thác thêm một khi hồ sơ lưu trữ của Việt Nam được mở rộng cho việc nghiên cứu.

Một trong những băn khoăn, lo lắng đáng kể ở đây chính là những hoạt động kiểm soát xuất nhập khẩu tại Hải Phòng mà người Pháp đã đơn phương lập ra. Việc kiểm soát này được lập ra không phải để thu bất kỳ khoản thuế xuất nhập khẩu nào, mà là để ngăn chặn người Việt Nam làm việc đó. Chủ đích của việc tranh chấp hai bên là bảo vệ giá trị của đồng bạc Đông Dương bằng cách giảm nhập khẩu và ngăn ngừa nhập khẩu vũ khí, đạn dược và xăng dầu cung cấp cho quân đội Việt Nam. Nền tài chính Việt Nam đã không hề được cải thiện kể từ khi Bảo Đại rời khỏi đất nước và lực lượng Trung Hoa rút đi. Nhu cầu cho quân sự thì lớn mà nguồn lực của nhà nước thì có hạn, nguồn thu nhập chính là tiền bán gạo, thuế ngoại thương và quyên góp tự nguyện. Nếu người Pháp tước đi của Chính phủ Việt Nam quyền thu thuế xuất nhập khẩu thì tình hình càng khó khăn hơn. Việc đánh thuế xuất nhập khẩu đã đưa Chính phủ Việt Nam đến chỗ xung đột quyền

lợi với các thương nhân Trung Quốc ở Hải Phòng. Thực tế là họ đã được hứa hẹn trong Hiệp ước Trung - Pháp ký ngày 28 tháng Hai rằng Hải Phòng sẽ trở thành cảng tự do. D'Argenlieu đã chủ trương hoãn thi hành điều khoản đó cho đến khi quân đội Trung Hoa rút hết khỏi Đông Dương[42]. Lúc này, các thương nhân Trung Quốc hy vọng sẽ được miễn mọi khoản thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu của mình.

Nhiều người Hoa, chủ yếu hoạt động xuất nhập khẩu, đã bị cuốn vào tâm điểm của cuộc đấu tranh đòi kiểm soát cảng Hải Phòng. Người Pháp cam kết bảo hộ bằng sức mạnh quân sự và khuyến khích lái buôn người Hoa từ chối không nộp thuế hải quan cho người Việt Nam. Người Việt Nam bắt đầu tổ chức lại ngành hải quan từ tháng Năm, và tháng Sáu - tháng Bảy, các dịch vụ hải quan Việt Nam đã hoạt động đều đặn và ngày càng có hiệu quả[43]. Lúc đầu, các thương nhân Trung Hoa thỏa thuận nộp thuế xuất nhập khẩu cho hải quan Việt Nam, nhưng khi biểu thuế tăng lên, họ bắt đầu kêu ca, gây sự và yêu cầu người Pháp bảo hộ. Từ tháng Sáu, Leclerc đã nhận thấy thời điểm thích hợp để nắm quyền kiểm soát hoàn toàn cảng và ra lệnh cho Valluy sử dụng biện pháp quân sự nếu cần thiết[44]. Lúc này, Valluy hãy còn thuộc phái "bồ câu". Ngày 5 tháng Bảy, Valluy thông báo với Leclerc rằng sự chiếm đóng quân sự đối với cảng Hải Phòng là không cần thiết và mọi biện pháp thực tiễn để người Pháp kiểm soát ra vào cảng đã sẵn sàng. Ngoài ra, hành động quân sự sẽ dẫn đến tổn thất "nguồn nhân lực chuyên môn người bản xứ"[45]. Sau đó, Valluy còn nói thêm rằng Pháp kiểm soát hải quan Hải Phòng sẽ không có hiệu quả bởi hàng hóa có thể ra vào bất cứ nơi nào trên bờ biển. Sự kiểm soát chỉ có hiệu lực khi Pháp thực hiện được hoàn toàn sự tuần tra trên biển. Ngày 7 tháng Bảy, Đại tá Dèbes đã khuyên lãnh sự Trung Hoa tại Hải Phòng chỉ thị cho các công dân Trung Hoa không nộp thuế hải quan

cho nhà đương cục Việt Nam. Viên lãnh sự Trung Hoa đã phớt lờ lời yêu cầu của vị đại tá Pháp và đã kịp thời báo cho nhà đương cục Việt Nam những điều Dèbes đã nói với ông ta[46]. Vì người Hoa không yêu cầu Pháp bảo hộ nên Pháp phải để mặc cho cảnh sát Việt Nam kiểm soát khu vực người Hoa trong thành phố, Pháp chỉ giới hạn sự kiểm soát vào khu vực người Âu trong thành phố cũng như hoạt động xuất nhập khẩu của các hãng buôn Pháp[47].

Giữa tháng Tám, một nhóm thương nhân người Hoa than phiền với người Pháp việc hải quan Việt Nam đã tịch thu ngân phiếu và kho thuốc lá của họ. Lời than phiền này không được viên lãnh sự Pháp ủng hộ, song người Pháp nắm lấy cơ hội đó để yêu cầu hải quan Việt Nam trả lại ngân phiếu và số thuốc lá bị tịch thu cho chủ sở hữu của chúng. Người Việt Nam bác bỏ yêu cầu đó và ngày 29 tháng Tám, Dèbes đã điều động quân đội tới chiếm đóng Sở Hải quan Hải Phòng và bắt giữ một số nhân viên hải quan và cảnh sát người Việt. Đã có những xung đột xảy ra nhưng Ban Liên hiệp Việt - Pháp đã kịp thời ngăn chặn. Các cuộc thương thuyết về hải quan kéo dài đến nửa đầu tháng Chín. Phía Pháp sẽ chỉ trả tự do cho tù nhân nếu phía Việt Nam chịu trả lại cho chủ sở hữu những tấm ngân phiếu và thuốc lá bị tịch thu[48]. Một lần nữa, người Việt Nam một mực từ chối và cử một phái đoàn đến xác nhận chủ quyền của Việt Nam. Do quân đội Pháp đã hoàn toàn kiểm soát cảng nên vị thế của người Việt Nam trở nên yếu ớt. Họ trì hoãn thương thuyết cho đến khi Tạm ước ngày 14 tháng Chín có hiệu lực sẽ đem lại hy vọng cho việc dàn xếp các tranh chấp. Để lấy lại lòng tin, người Việt Nam đã nhượng bộ và trả lại hàng hóa, ngân phiếu bị tịch thu, đổi lại Pháp trao trả những người bị bắt[49]. Việc này được thực hiện ngày 18 tháng Chín, đúng vào ngày đơn vị cuối cùng của Trung Quốc rời khỏi cảng Hải Phòng trên tàu Mỹ.

Trong thời gian xảy ra khủng hoảng về hải quan, Chánh văn phòng Longeaux của Cao ủy d'Argenlieu đi công cán tại miền Bắc. Ông này báo cáo với d'Argenlieu rằng Hà Nội dường như chấp nhận Pháp kiểm soát cảng Hải Phòng mặc dù điều này đồng nghĩa với việc họ chịu để mất quyền thu thuế hải quan[50]. Một thời gian ngắn sau đó, Tướng Morlière từ Hà Nội chỉ thị thành lập một cơ quan mới nhằm kiểm soát xuất nhập khẩu tại Hải Phòng, bắt đầu triển khai từ ngày 15 tháng Mười[51]. Các nhà xuất nhập khẩu đều phải làm tờ khai xin giấy phép của hải quan "Liên bang". Yêu cầu này theo sau quyết định của Pháp cuối tháng Tám về việc cấm xuất khẩu gạo. Nhập khẩu xăng dầu cũng đồng thời bị hạn chế, chỉ dành cho các công ty xăng dầu lớn đặt dưới sự kiểm soát của người Pháp[52].

Một số nhà lãnh đạo Việt Nam tỏ ý lo lắng trước "sự đầu hàng" trong tranh chấp về kiểm soát hải quan. Vào tháng Mười, tờ nhật báo của Việt Minh ở Hải Phòng mang tên *Dân chủ* nói rằng quyền kiểm soát hải quan của Việt Nam phải được bảo vệ "bằng máu"[53]. Khi các hoạt động kiểm soát xuất nhập khẩu bắt đầu vào giữa tháng Mười, Chính phủ Việt Nam đã ra tuyên bố chính thức phản đối, lập luận rằng hành động đơn phương của Pháp là vi phạm điều khoản của Tạm ước ngày 14 tháng Chín, nói rằng "Việt Nam sẽ cùng các nước khác trong Liên bang Đông Dương thành lập Liên minh quan thuế" và chỉ định một ủy ban điều phối "để chuẩn bị thành lập cơ quan Hải quan Đông Dương". Trong khi người Pháp nhấn mạnh họ chủ trương thành lập một cơ quan liên bang, còn người Việt Nam chủ trương mỗi nước lập cơ quan hải quan riêng của mình nhưng có chung một biểu thuế và không có hàng rào ngăn cản giữa các nước Đông Dương. Bởi vì chưa có buổi họp nào của tiểu ban hỗn hợp được triệu tập, nên cũng chưa có cuộc

thương thuyết nào được tiến hành, nhưng người Pháp vẫn tự ý đơn phương tiếp tục việc kiểm soát hải quan của mình.

Tranh chấp về hải quan đã dẫn đến tình trạng thường xuyên căng thẳng. Ngày 30 tháng Mười, cơ quan an ninh của Pháp cho biết có nhiều tin đồn giữa những người Việt Nam rằng quân đội Pháp đang chờ đợi thời cơ thuận lợi để đánh chiếm thành phố cảng[54]. Điều đó là chính xác khi Đại tá Dèbes đang phân phát các loại phong bì dán kín. Cuối tháng Mười một và tháng Mười hai, người Pháp cảm nhận khá rõ rằng lo lắng cực điểm đã ngự trị trong lòng các viên chỉ huy người Việt suốt hai tháng Mười và Mười một. Ngày 13 tháng Mười, chỉ huy trưởng tiểu khu Hải Phòng đã thông báo với các đơn vị trực thuộc rằng người Pháp có thể mở cuộc tổng tiến công vào ngày 15 tháng Mười khi cơ quan kiểm soát xuất nhập khẩu của Pháp được thành lập. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Robert Davée, trưởng phái đoàn kinh tế của Pháp tại miền Bắc ra chỉ thị đề ngày 14 tháng Mười nhằm thắt chặt kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu kể từ ngày hôm sau, nhưng ông ta cũng nhấn mạnh đó chỉ là biện pháp tạm thời trong khi chờ đợi kết quả thỏa thuận cuối cùng giữa hai bên Pháp - Việt[55]. Ông mời người Việt Nam tham gia vào việc chuẩn bị tổ chức chi cục hải quan mới nhưng ông không nhận được trả lời. Từ ngày 15 tháng Mười, Pháp chính thức yêu cầu mỗi người kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng (gạo, xăng dầu) trên một hạn mức nào đó phải có giấy phép của Liên bang. Ông tuyên bố tại một cuộc họp báo rằng những mặt hàng cấm xuất nhập khẩu sẽ được thay thế bằng những mặt hàng do Pháp cung cấp[56]. Tuy nhiên, sau này ông cũng thừa nhận hệ thống này có một nhược điểm: miền Bắc thiếu một số mặt hàng tiêu dùng có thể nhập khẩu từ nước ngoài và các nhà đương cục Sài Gòn từ chối không chịu lấy từ kho dự trữ tại Nam Kỳ để cung cấp cho miền Bắc. Người Việt Nam gọi đó là sự phong

tỏa kinh tế đối với miền Bắc và Davée báo cáo về Sài Gòn: "Nếu không phải là cấm vận thì ít nhất đó cũng là một hành động thu hẹp nhập khẩu đối với Bắc Kỳ"[57]. Trong tháng đầu tiên, người Pháp không thực thi các hoạt động kiểm soát xuất nhập khẩu một cách thực sự gắt gao.

Ngày 21 tháng Mười, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đáp xe lửa từ Hải Phòng lên Hà Nội trên hành trình trở về từ nước Pháp, quân đội Việt Nam tại Hải Phòng một lần nữa được lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp. Mười ngày sau, có tin đồn quân Pháp sắp tiến công đánh chiếm Nhà hát lớn Hải Phòng. Quân đội Việt Nam được đặt trong tình trạng báo động, tuy nhiên, lệnh nổ súng chỉ ban bố cho các lực lượng tự vệ. Ngày 4 tháng Mười một, Davée và Morlière yêu cầu Sài Gòn xem xét lại quyết định về việc không chở hàng ra Bắc để thay thế các mặt hàng nhập khẩu miền Bắc đang thiếu. Hai ông lập luận rằng nếu quyết định đó không được hủy bỏ thì sẽ "không tránh khỏi xảy ra những rắc rối do chi cục hải quan không cấp phép nhập khẩu" hoặc có thể xảy ra tình trạng bất chấp những quy định về xuất nhập khẩu và sẽ tự do cấp giấy phép theo yêu cầu[58]. Trong hồ sơ lưu trữ không thấy có dấu tích gì về câu trả lời của Sài Gòn. Trong phiên họp ngày 8 tháng Mười một, Quốc hội Việt Nam đã chỉ thị cho chính phủ mới không được nhượng bộ về vấn đề hải quan "với bất cứ giá nào"[59]. Tiếp đó, ngày 11 tháng Mười một, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi công hàm tới viên cao ủy Pháp với ngôn ngữ ngoại giao, phản đối việc "đơn phương tổ chức cơ quan hải quan Pháp và kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu tại cảng Hải Phòng". Nếu Pháp không chấm dứt những biện pháp đó, hậu quả sẽ rất nghiêm trọng đối với các cuộc thương lượng sắp tới[60].

Ngày 13 tháng Mười một, ban chỉ huy quân sự của Việt Nam tại Hải Phòng báo cáo về "thái độ cực kỳ khiêu khích" của Pháp và cảnh báo cho quân đội về một sự kiện nghiêm trọng có thể xảy ra[61].

Ngày hôm sau, Bộ Nội vụ Việt Nam chỉ thị "tất cả các thành phố và Hải Phòng" bắt buộc lính Pháp phải trở về doanh trại của họ nếu họ đi ra ngoài các khu vực quy định mà không được phép của Việt Nam[62]. Năm ngày sau, một điều gần như không thể tránh khỏi đã xảy ra. Nhà đương cục Pháp được tin một thuyền buồm của người Hoa chở dầu sắp cập cảng Hải Phòng[63]. Ngày 18 tháng Mười một, Morlière thông báo với Sài Gòn rằng theo quy định mới về xuất nhập khẩu, sẽ phải tịch thu số hàng trên thuyền đó. Điều này càng làm tăng thái độ phản đối của người Việt Nam đang lan rộng và với cường độ mạnh, nhưng Morlière nhấn mạnh rằng điều đó sẽ có cơ làm bức tranh toàn cảnh xấu hơn nữa[64]. Sáng ngày 20 tháng Mười một, chiếc thuyền buồm đã cập bến.

Vậy động cơ nào khiến Pháp phải tiến hành kiểm soát xuất nhập khẩu? Đến ngày 20 tháng Mười một, Chính phủ Pháp tại Paris vẫn chưa hề được tham khảo ý kiến về vấn đề này và dường như không lộ vẻ gì ngạc nhiên về vụ tranh chấp hải quan đang xảy ra tại Hải Phòng. Chỉ có ngày 21 tháng Mười một, sau ngày "định mệnh" đầu tiên tại Hải Phòng, bộ ba "tam đầu chế" tại Sài Gòn đã thấy đến lúc thích hợp để thông báo cho Paris quá trình diễn biến của cuộc tranh chấp hải quan. Bức điện của họ tố cáo Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phản đối sự kiểm soát xuất nhập khẩu, theo họ, chỉ là "một biện pháp hành chính" với lý do là "trình độ hoàn toàn yếu kém" về nghiệp vụ của nhân viên hải quan Việt Nam. Mục đích được viện dẫn ở đây chỉ là nhằm ngăn chặn tình trạng buôn lậu gạo và các mặt hàng lương thực, kim loại, đặc biệt là với Trung Quốc, để "bảo vệ" việc cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho dân chúng ở Bắc Kỳ cũng như giá trị của đồng bạc Đông Dương[65].

Đó là những lý do chính thức và được báo chí Pháp sớm nhắc lại trên mặt báo. Ngày 27 tháng Mười một, Moutet căn cứ vào

những thông tin nhận được từ Sài Gòn khi ông tuyên bố với hãng thông tấn rằng đã có tình trạng xuất khẩu lậu rất lớn về lương thực, thực phẩm ở Bắc Kỳ[66]. Năm 1946, những hình ảnh về nạn đói khủng khiếp năm 1945 có thể đã cướp đi hàng triệu sinh mạng vẫn còn hằn sâu trong ký ức người dân xứ Bắc. Năm 1946 không có nguy cơ về một nạn đói tương tự và tháng Mười một 1946, lúa mọc rất tốt[67]. Tuy nhiên, dường như đáng ngạc nhiên là miền Bắc dân cư đông đúc lại có xuất khẩu lương thực, thực phẩm quy mô lớn trong khi vẫn phải phụ thuộc vào gạo chở ra từ miền Nam. Mặt khác, Chính phủ Việt Nam rất khao khát mua sắm vũ khí và tiền thu được từ xuất khẩu gạo có thể được sử dụng để trang bị quân sự. Nếu đúng như vậy thì Chính phủ Việt Nam đã hủy bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo đã được ban hành vào đầu tháng Mười 1945 trước bối cảnh nạn đói trong năm[68]. Báo cáo của Davée không đả động gì đến xuất khẩu gạo nhưng nói thêm rằng lệnh mới về kiểm soát xuất nhập khẩu sẽ làm giảm bớt đáng kể khối lượng nhập khẩu. Sài Gòn cho biết Việt Nam đang dùng thuốc phiện và gạo để mua vũ khí và việc Pháp cấm nhập khẩu xăng dầu nhiều phần chắc chắn có thể hiểu là để bóp nghẹt quân đội Việt Nam về nhu cầu nhiên liệu[69].

Một điều cũng quan trọng đối với người Pháp là ngăn chặn đà xuống dốc của đồng bạc Đông Dương trên thị trường Hồng Công, đây là nơi có sức ép lớn do cán cân thương mại thâm hụt của Đông Dương[70]. Valluy không đề cập thực tế sự nâng đỡ giá trị đồng bạc Đông Dương cũng là một phần cố gắng của Pháp trong việc làm mất giá "giấy bạc Hồ Chí Minh"[71]. Quy định về xuất nhập khẩu tại Hải Phòng có nghĩa là đưa Bắc Kỳ hòa nhập vào hệ thống tài chính do Pháp kiểm soát. Việc thực hiện nhanh chóng các quy định ấy trước khi các cuộc thương lượng diễn ra chứng minh rất rõ những mục tiêu quân sự và chính trị là cắt đứt mọi nguồn tiếp tế

cho quân đội Việt Nam, gây tổn hại cho những nền tảng kinh tế của Nhà nước Việt Nam, khiến Chính phủ Việt Nam hoặc phải khuất phục ham muốn của người Pháp hoặc là phản ứng bằng vũ lực tạo cớ để Pháp hành động bạo lực. Trong báo cáo ngày 23 tháng Mười một - ngày tệ hại nhất trong lịch sử thành phố Hải Phòng, Pignon đã bày tỏ một số động cơ của Pháp: "Nếu hệ thống tiền tệ Hồ Chí Minh sụp đổ thì toàn bộ chế độ cũng sẽ sụp đổ theo bởi chính phủ sẽ không thể có con đường nào khác để kiếm được ngoại tệ. Điều này tương tự mọi sự rối loạn mà Pháp đã gây ra nhằm đẩy chính phủ hiện tại của Việt Nam vào vị thế tồi tệ nhất, khó có thể chống lại sự đối lập ngày càng nhiều và càng mạnh chống lại những thủ đoạn của chế độ Việt Minh[72].

Davée đã nêu khả năng mục đích của quyết định kiểm soát xuất nhập khẩu ban đầu là "chuyển cuộc đấu tranh từ lĩnh vực quân sự sang lĩnh vực kinh tế"[73]. Điều này đã xảy ra từ trước khi Davée nhận trách nhiệm về các vấn đề kinh tế tại miền Bắc. Davée đã khôn khéo lập luận rằng sau khi Hồ Chí Minh chấp nhận chi cục hải quan liên bang được nêu trong Tạm ước ngày 14 tháng Chín, việc kiểm soát hải quan sẽ không còn được xem như cuộc chiến tranh kinh tế, tương tự như một biện pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ nền kinh tế đất nước. Nhưng điều này đã làm Davée thất vọng, người Việt Nam không nhìn nhận vấn đề theo cùng một quan điểm. Ông ta cảm thấy Hồ Chí Minh là khuôn mặt hàng đầu của một chính phủ mà trong đó các phần tử cực đoan giữ địa vị thống trị và chỉ muốn "tống cổ hoàn toàn người Pháp". Do đó, Pháp chỉ còn hai lựa chọn: rút khỏi Đông Dương hoặc phục hồi quyền lực Pháp bằng sức mạnh[74].

Nhà học giả người Pháp Paul Mus đã gọi Hải Phòng là "lá phổi của Bắc Kỳ"[75]. Tướng Valluy năm 1967 tuyên bố rằng dù dưới quyền của một chỉ huy mẫn cán đến đâu, Hải Phòng vẫn là tiêu điểm,

đồng thời cũng là nơi sơ hở nhất và dễ tổn thương nhất[76]. Báo cáo của tình báo Pháp từ tháng Giêng 1947 xác nhận rằng bằng việc nắm quyền kiểm soát Hải Phòng và loại trừ chi nhánh hải quan Việt Nam tại Hải Phòng, người Pháp đã tiến công vào một khu vực được coi là sống còn nếu không phải là của toàn thể chính phủ thì cũng là của ông Giáp và giới quân sự, mặc dù họ đã sẵn sàng thiết lập một hệ thống "hàng đổi hàng" quy định hạn mức, chế độ trả lương cho nhân viên để vẫn có thể tiếp tục hoạt động ngay cả khi Hải Phòng bị mất[77]. Phó Tổng Tham mưu trưởng, Đô đốc Pierre Barjot của Pháp, nhân vật chủ chốt từng chỉ trích chiến lược mới của d'Argenlieu và Valluy ngày 8 tháng Mười hai đã gửi một bức công hàm trong đó ông kết luận việc kiểm soát xuất nhập khẩu không thể tránh khỏi dẫn đến đấu tranh vũ trang[78]. Đó là những suy nghĩ về sau này, nhưng như chúng ta thấy, Morlière đã cảnh báo trước những sự kiện sẽ xảy ra tương tự. Có thoáng chút nghi ngờ rằng Sài Gòn đã tìm cách gây rắc rối nhằm phá hoại Tạm ước ngày 14 tháng Chín. Khi một rắc rối xảy ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu Pháp thỏa thuận lập ngay tiểu ban hỗn hợp để chuẩn bị một hiệp định sơ bộ về hải quan. Davée và Morlière muốn chấp nhận đề nghị của Hồ Chí Minh, nhưng bộ ba "tam đầu chế" Sài Gòn thì nói không.

SỰ KIỆN NGÀY 20 THÁNG MƯỜI MỘT

Có năm nguồn chính dẫn tới sự kiện Hải Phòng ngày 20 tháng Mười một. Đại tá Dèbes đã viết một báo cáo chi tiết vào buổi tối cùng ngày. Trưởng Phòng Nhì của Bộ Chỉ huy hải quân ở Bắc Kỳ, Đại úy hải quân Nougarède viết báo cáo vào ngày hôm sau và cấp trên của ông ta là Thiếu tá hải quân Barrière cũng viết báo cáo của mình. Về phía Việt Nam, Đại úy Lê Văn My - một sĩ quan liên kiểm đã gửi báo cáo về cho Tướng Giáp ngay sau khi xảy ra vụ rắc rối.

Báo tiếng Pháp *Le Peuple* (Nhân dân) số ra ngày 23 tháng Mười một đã đăng bài tường thuật khá chi tiết. Thêm nữa, Chính phủ Việt Nam đã đưa một báo cáo về sự kiện Hải Phòng vào danh mục 76 phụ lục trong một bị vong lục mà Chủ tịch Hồ Chí Minh dự định sẽ trao tận tay cho Marius Moutet khi ông này tới thăm Hà Nội vào cuối tháng Mười hai 1946[79]. Nguồn tin của Pháp độc lập với hai nguồn tin Việt Nam nhưng tác giả bài báo đăng trên tờ *Le Peuple* và bản bị vong lục của Hồ Chí Minh có lẽ đã dựa vào báo cáo của Đại úy Lê Văn My. Tất cả những báo cáo sau đó đều trực tiếp hoặc gián tiếp dựa vào báo cáo của Dèbes hay của nguồn tin Việt Nam[80]. Các sự kiện được tái hiện dưới đây dựa vào những nguồn tin nói trên và chỉ được đề cập một khi có sự khác biệt.

Sáng sớm ngày 20 tháng Mười một, việc bốc dỡ các thùng dầu từ chiếc thuyền buồm của một thương nhân người Hoa đã bắt đầu khi một xuồng đổ bộ Pháp đến gần thuyền và kéo về doanh trại Pháp. Ba sĩ quan an ninh do Trung úy Jumeau[81] chỉ huy đã tịch thu số hàng được bốc dỡ khỏi tàu. Cảnh sát và những người lính Việt Nam kéo đến ngay hiện trường. Về điểm này, hai nguồn tin Pháp - Việt có sự khác nhau. Theo nguồn tin Việt Nam, lực lượng Pháp đổ bộ đã nổ súng và những người lính Pháp giữ các thùng dầu đã xô xát với cảnh sát Việt Nam và giết chết một người. Theo báo cáo của Dèbes, lính Việt Nam đã nổ súng vào tàu Pháp và Jumeau, không giết ai cả, đã thảo luận vấn đề với một sĩ quan cảnh sát Việt Nam, người cảnh sát này đã thừa nhận rằng vụ việc thuộc quan hệ Pháp - Trung và không liên quan đến người Việt. Thiếu tá hải quân Barrière lại báo cáo khác dựa vào lời kể của Jumeau và được một sĩ quan hải quân Pháp xác nhận là đúng. Một đội tuần tra Việt Nam đến bằng xe tải đã tấn công Jumeau. Họ bắn vào tàu đổ bộ Pháp và binh sĩ trên tàu này đã dùng súng máy bắn trả. Thiếu tá Barrière nói thêm rằng hai bên bắn nhau,

song không bên nào bị thương vong, nhưng một thường dân Việt Nam bị giết "chắc chắn là do đạn Việt Nam".

Báo cáo của Dèbes và Barrière dường như không khớp nhau. Jumeau chắc chắn không phải là một sĩ quan bình thường. Nhóm "an ninh quân sự" của ông là chi nhánh Hải Phòng của một cục quân báo đặc biệt thuộc Cục Quân báo liên bang của Pháp (BFDOC). Sau này, Morlière mới phát hiện ra rằng Jumeau và hai người bạn chiến đấu của mình đã làm việc cho một cơ quan "chuyên gây rắc rối"[82]. Tháng Tư 1951, Jumeau vẫn là một trung úy, trở thành một người nổi tiếng bỉ ổi khi dư luận biết hắn đã ra lệnh tàn sát hai mươi con tin Việt Nam tại Cam Ly gần Đà Lạt[83]. Mặt khác, bởi vì chiếc xuồng đổ bộ đã kéo chiếc thuyền buồm nên không có lý do gì để nổ súng, như vậy, lập luận của người Việt Nam cho rằng xuồng đổ bộ bắn trước còn gây nghi ngờ. Lập luận những người lính Việt Nam đứng trên bờ đã nổ súng để lấy lại chiếc thuyền buồm bị kéo đi có vẻ hợp lý hơn. Báo cáo của Dèbes khẳng định không ai trên thuyền bị trúng đạn. Có lẽ những người lính Việt Nam chỉ bắn cảnh cáo. Hầu như khó có thể tin vào lập luận của Dèbes cho rằng một sĩ quan công an Việt Nam thừa nhận tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của họ. Lời khai của sĩ quan liên kiểm Lê Văn My có sức thuyết phục hơn, cụ thể là, khi được phía Việt Nam đề nghị cùng can thiệp, sĩ quan liên kiểm Pháp đã nói rằng, đây là vụ việc liên quan đến quan hệ Pháp - Trung chứ không liên quan đến người Việt Nam.

Sau sự kiện ban đầu này, người Việt Nam đã phái một lực lượng mạnh đến địa điểm mà người Pháp chứa các thùng dầu tịch thu được. Họ tước vũ khí của nhóm Jumeau và đưa về đồn cảnh sát. Rồi sĩ quan liên kiểm hai bên đến. Lê Văn My đã chấp nhận yêu cầu của Pháp: trả tự do ngay cho nhóm Jumeau.

Tuy nhiên, chiếc xe ô tô trả họ về trại đã bị bắn, hai tay súng bị thương, còn người lái xe thì giả vờ chết để tự cứu mình[84]. Sai lầm này của người Việt Nam đã tạo cớ cho Dèbes ra lệnh cho xe bọc thép đến hiện trường. Đến gần đồn cảnh sát, họ bị đạn bắn xuyên vào vỏ xe bọc thép. Họ quay về kéo theo trọng pháo và súng máy, dàn quân trước nhà hát thành phố. Ban Liên kiểm Việt - Pháp lại đến can thiệp và các sĩ quan Pháp bị bắt đã được thả vào quãng buổi trưa.

Đây có thể đã là điểm kết thúc vụ việc[85], song Đại tá Dèbes từ chối không chịu rút xe bọc thép và yêu cầu bộ đội Việt Nam rút khỏi khu phố người Hoa, gỡ các chiến lũy họ đã xây dựng tại đây. Theo Dèbes, những đề nghị này đã được các nhà đương cục Việt Nam chấp nhận nhưng khi ông cho xe ủi đến san lấp các chiến lũy thì có tiếng súng bắn vào họ. Theo giải thích của người Việt Nam thì những yêu cầu đó đã bị khước từ và Dèbes đã mở cuộc tiến công tổng lực kéo dài đến tận đêm khuya. Dèbes cũng miêu tả cuộc tiến công đó, trong đó quân Pháp đã đánh chiếm nhà hát thành phố (trừ tầng thượng) và các điểm chiến lược khác trong thành phố. Trưởng Phái đoàn liên kiểm Pháp, Thiếu tá Camoin đã bị giết khi ông đem cờ trắng đến phòng tuyến quân Việt.

Ai là người đáng chê trách trong sự kiện Hải Phòng và cuộc leo thang sau đó? Mặc dù các sự việc được kể lại trong báo cáo của Dèbes chỉ ra rằng quân đội Việt Nam và các nhóm tự vệ đã hành động một cách bực bội và có sự kiểm soát lỏng lẻo của những người chỉ huy của họ, song ông ta đổ lỗi cho *các nhà đương cục* Việt Nam đã gây ra sự kiện Hải Phòng[86]. Võ Nguyên Giáp khẳng định xung đột là do người Pháp đã lập kế hoạch từ trước và họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm[87]. Không thể xác định một cách chắc chắn liệu bên Pháp hay phía Việt Nam đã nổ súng trước khi chiếc thuyền buồm

bị tịch thu. Cả hai bên đều đã sẵn sàng dùng vũ lực: người Việt Nam thì muốn bảo vệ chi cục hải quan của họ, người Pháp thì muốn bảo vệ quyền kiểm soát xuất nhập khẩu tại cảng Hải Phòng. Như Morlière đã từng báo lại cho Sài Gòn, các tranh chấp bạo lực phần lớn khó tránh khỏi do sự tồn tại song song hai cơ quan tranh giành nhau quyền kiểm soát hải quan. Cũng không rõ ràng liệu có phải sự việc đã được bên này hay bên kia dự kiến từ trước hay không, nhưng xem ra sự dính líu của nhóm quân báo BFDOC là điều đáng nghi vấn. BFDOC đã được thành lập vào tháng Bảy, dưới quyền chỉ huy của Thiếu tá Schlumberger, hành động độc lập với nhiều đơn vị quân sự của Phòng Nhì. BFDOC báo cáo thẳng với Cao ủy d'Argenlieu, được Cao ủy giao nhiệm vụ thu thập và phân phối tin tức tình báo do các cơ quan tình báo Pháp cung cấp. Ngay từ đầu, BFDOC đã có bộ máy nhân sự riêng của mình[88].

Người Việt Nam đã thua thiệt nhiều hơn người Pháp từ vụ việc này. Người Pháp mạnh hơn người Việt về quân sự. Các sự việc xảy ra chứng tỏ các nhà đương cục Việt Nam đã nỗ lực hết sức để đình chỉ xung đột trong khi Dèbes lại lợi dụng vụ việc này để đưa vị thế của họ tiến lên. Dèbes bác bỏ yêu cầu rút khỏi điểm chiến lược là nhà hát thành phố hoặc bất kỳ một điểm nào mà quân Pháp đã chiếm[89].

Cũng không phải là muộn đến mức chiều hôm đó những người Pháp có trách nhiệm ra quyết định không kịp đi từ Hải Phòng lên Hà Nội để bàn với cấp cao hơn nhằm đi tới một giải pháp hòa giải. Các sĩ quan liên kiểm Việt Nam đã gặp những người Pháp đồng cấp vào lúc 14h30, nhưng cơ quan đầu não của Morlière vẫn chưa nhận được báo cáo từ Hải Phòng gửi lên. Morlière chỉ nhận được một điện báo ngắn gọn của Dèbes lúc 16h nói rằng một chiếc xe đã bị tấn công và hai tay súng bị thương[90]. Dèbes có vẻ không muốn Hà Nội can thiệp. Lúc bấy giờ, Morlière mới tiếp xúc với Dèbes qua

điện tín. Về điểm này, sau này Morlière khẳng định rằng ông thấy Dèbes đã sẵn sàng dùng hỏa lực của pháo binh nên đã chỉ thị cho phép tiến công để tránh những rắc rối về sau[91]. Chính là sau khi nhận được chỉ thị đó, Dèbes mới ra lệnh đánh chiếm khu vực.

Lúc này, Morlière mới cử cố vấn chính trị của ông ta là Đại tá Lami đi gặp Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Nội vụ, Phó Chủ tịch Quân ủy, một trong những cộng sự gần gũi của Tướng Giáp. Vào hồi 5h40 chiều, hai bên thỏa thuận ngừng bắn ngay lập tức và theo nguyên tắc, quân đội hai bên sẽ trở về vị trí ban đầu. Một tiểu ban hỗn hợp lên đường đi Hải Phòng vào sáng hôm sau để bảo đảm lệnh ngừng bắn được thực hiện. Sự thỏa thuận đã được truyền đạt tới Hải Phòng bằng điện thoại. Khi Dèbes xin lệnh của Morlière cho phép quân Pháp tiếp tục kiểm soát khu vực nhà hát thành phố - điều này trái với thỏa thuận giữa Đại tá Lami và Hoàng Hữu Nam, thì Morlière rõ ràng là đã đồng ý.

Trong khi Lami thương thuyết với Hoàng Hữu Nam, Morlière thông báo cho Sài Gòn biết ông ta đã chỉ đạo Dèbes tránh tấn công và chấm dứt các rắc rối[92]. Điều này đã làm Tướng Valluy giận dữ một cách không thể tưởng tượng được và làm cho ông thấy rõ một sai lầm ghê gớm là để Morlière phụ trách miền Bắc. Sự chỉ định Morlière vào cương vị đó đã được tiến hành vào thời điểm tình hình miền Nam đang nghiêm trọng. Bây giờ mọi người ai cũng tập trung chú ý vào miền Bắc. Ngày hôm sau, giới cầm quyền Pháp đã leo một nấc thang mới, từ một Hà Nội ôn hòa đến một Sài Gòn thiếu kiên nhẫn.

NGÀY 21 THÁNG MƯỜI MỘT

Đoàn tàu hỏa chở tiểu ban liên kiểm hỗn hợp Pháp - Việt từ Hà Nội phải dừng chân bên ngoài thành phố Hải Phòng khi có một tiếng súng bắn vào đoàn tàu. Người Pháp nói đó là súng của bộ đội

Việt Nam, còn người Việt thì nói tiếng súng bắn ra từ nhà ga đã bị Pháp chiếm đóng. Các sĩ quan tiểu ban hỗn hợp vào thành phố trên những chiếc xe jeep và xe bọc thép. Sau một cuộc họp ngắn để nghe thông báo tình hình, các sĩ quan Việt Nam tiến vào phòng tuyến để nỗ lực ngừng bắn. Sau nhiều giờ cố gắng, họ mới thành công[93]. Sau này, người Pháp ca ngợi Hoàng Hữu Nam đã liều thân để làm nhiệm vụ. Về phía họ, người Pháp đã có cuộc thảo luận khá căng thẳng và gay gắt với Dèbes, ông này không tới dự cuộc họp của tiểu ban liên kiểm hỗn hợp. Vào hồi 16h45, một thỏa thuận mới được ký kết giữa Thiếu tá Herckel thay mặt cho người Pháp và Hoàng Hữu Nam thay mặt cho phía Việt Nam ra lệnh hai bên không được nổ súng với bất kỳ lý do gì và các xe bọc thép của Pháp phải rời khỏi trận địa ngay lập tức[94]. Sau này, Lami giải thích tại sao ông không ký vào bản thỏa thuận mà lại để cho Herckel ký: "Lúc tôi tới Hải Phòng, tôi thấy thái độ của Đại tá Dèbes không có vẻ thuận lợi cho nhiệm vụ của tôi và tôi thấy ít có cơ may để ông ta thực hiện sự thỏa thuận... Tôi nghĩ tốt nhất là không ký vào bản thỏa thuận... để Chính phủ Việt Nam có ấn tượng là các nhà đương cục dân sự Pháp... không thể làm cơ quan chỉ huy quân sự tại Hải Phòng tôn trọng chữ ký của họ"[95].

Tối ngày 21 tháng Mười một, tình hình trở lại yên tĩnh ở Hải Phòng, và mặc dù Lami đã có linh tính trước, nhưng rốt cục Dèbes cũng phải tuân theo thỏa thuận giữa Herckel và ông Nam nếu như Morlière không quá vội vàng báo với Sài Gòn tin vui từ bản thỏa thuận đạt được tại Hải Phòng. Khi Valluy được thông báo về thỏa thuận được ký giữa Herckel và ông Nam, ông ta cảm thấy đã mất một cơ hội tuyệt vời để dạy cho người Việt Nam một bài học. Vào hồi 17h52 ngày 21 tháng Mười một, Valluy đã gửi điện trực tiếp cho Dèbes, một việc làm mà theo ý kiến của Morlière là "trái với mọi quy tắc về thứ bậc"[96]. Bức điện của Valluy ra lệnh cho Dèbes

"tuyệt đối cần thiết phải giành lợi thế trong sự kiện này và cải thiện vị thế của chúng ta ở Hải Phòng". Valluy nói với Dèbes rằng ông ta đã chỉ thị cho Morlière yêu cầu tất cả các lực lượng vũ trang Việt Nam phải rút khỏi Hải Phòng và phải làm điều này bằng vũ lực sau khi tiến hành "điều tra sơ bộ". Valluy cũng đã gửi những chỉ thị này cho Morlière kèm theo một bức điện riêng yêu cầu ông ta phải phản ứng ngay lập tức và mạnh mẽ chống lại những hành động khiêu khích của Việt Nam và ông ta nhắc lại điệp khúc "bắt giam, tước vũ khí và phá hủy các doanh trại bộ đội Việt Nam"[97].

Cùng buổi tối hôm đó, Sài Gòn thông báo với Paris về diễn biến tình hình, nói rằng lệnh ngừng bắn của Morlière là kết quả của "phương thức hòa giải cực đoan"[98]. Valluy cũng thông báo cho Paris biết những chỉ thị "khó nghe" mà ông ta đã gửi cho Morlière[99], nhưng cơ quan đầu não ra quyết định của Pháp tại Sài Gòn đã ỉm đi mà không chuyển điện về Paris. Chính phủ Pháp đã để bức điện đó nằm tại Sài Gòn.

NGÀY 22 THÁNG MƯỜI MỘT

Những chỉ thị của Valluy đã vượt ra ngoài những điều mà Dèbes mong đợi. Morlière thấu hiểu điều này khi ông ta nghiền ngẫm những mệnh lệnh của Valluy trong đêm 21 rạng ngày 22 tháng Mười một. Ông quyết định chấp nhận những điều Dèbes đã yêu cầu và như vậy là phá vỡ thỏa thuận giữa ông Nam và Herckel, nhưng ông ta đã nỗ lực làm cho Valluy sửa đổi những mệnh lệnh quá đáng của mình. Vào lúc 8h45 sáng ngày 22 tháng Mười một, Morlière gửi điện đi Hải Phòng thông qua những kết luận trong báo cáo của Dèbes và ra lệnh cho Dèbes phải bám trụ khu vực nhà hát thành phố tại Hải Phòng[100]. Một giờ sau, Morlière ký điện báo cáo với Valluy, trong đó ông nhắc lại những chỉ thị ông đã gửi cho Dèbes và nói thêm: "Yêu cầu rút hoàn toàn các lực lượng của Việt Nam

khỏi Hải Phòng có nghĩa là quyết định chắc chắn - tôi nhắc lại là hoàn toàn chắc chắn - việc đánh chiếm thành phố, trước khi đánh chiếm phải sử dụng hỏa lực pháo binh, do đó buộc phải gây ra thiệt hại lớn, thậm chí là phá hủy một phần thành phố. Điều này có nghĩa là hoàn toàn vô hiệu hóa Hiệp định ngày 6 tháng Ba và Tạm ước ngày 14 tháng Chín và phần nhiều mở rộng quy mô cuộc giao chiến đối với mọi lực lượng đồn trú của chúng ta ở Bắc Kỳ"[101]. Khi lời cảnh báo đó tới Sài Gòn thì Valluy đã sẵn sàng gửi thêm những mệnh lệnh mới ngặt nghèo hơn nữa cho cả Morlière và Dèbes: "Rõ ràng là chúng ta đang đứng trước một cuộc xâm lược có dụng ý, được quân đội chính quy Việt Nam chuẩn bị kỹ lưỡng. Dường như họ không còn tuân thủ mệnh lệnh nào của chính phủ. Trong hoàn cảnh đó, những nỗ lực hòa giải trong danh dự của chúng ta và việc phân phối các nơi đóng quân cũng như cuộc điều tra tôi yêu cầu trước đây bây giờ không còn cần thiết nữa. Đã đến lúc chúng ta phải dạy cho những kẻ tiến công chúng ta một bài học nghiêm khắc. Bằng mọi phương tiện sẵn có, các ông phải kiểm soát toàn diện thành phố Hải Phòng và làm cho quân đội và Chính phủ Việt Nam phải hối hận về sai lầm của họ"[102].

Lời cảnh báo của Morlière không có tác dụng gì vì nó đến tay Valluy ngay sau khi ông này gửi đi bức điện định mệnh của mình. Valluy nhắc Morlière phải khai thác mọi khả năng để thúc đẩy vị thế của Pháp bằng cách tống cổ mọi lực lượng của Việt Nam ra khỏi thành phố Hải Phòng và vùng lân cận. Ông ta còn thêm vào phút chót rằng để cảnh cáo đối phương, ông cho phép sử dụng pháo binh nếu cần thiết[103].

Ngày 22 tháng Mười một, tình hình Hải Phòng tương đối yên tĩnh. Dèbes đang chuẩn bị tối hậu thư gửi cho phía Việt Nam. Lami ra lệnh cho ông không được làm như vậy và gửi cho Dèbes một thư cảnh cáo trước khi rời Hải Phòng: "Chúng ta phải làm mọi

việc để tránh nổ ra một cuộc xung đột mà sẽ ngay lập tức lan rộng, không những gây nguy hiểm cho các đồn lẻ ở Hải Phòng và Vinh mà cho cả dân chúng ở Hà Nội. Cả Cao ủy và Chính phủ Pháp đều không muốn xung đột nổ ra. Tôi nghĩ rằng tối hậu thư chỉ nên gửi đến các cấp địa phương ở Hải Phòng sau khi có xác nhận của Hà Nội"[104]. Tuy nhiên, Dèbes đã nhận lệnh trực tiếp từ Sài Gòn và quyết định trao tối hậu thư ngay vào buổi sáng.

NGÀY 23 THÁNG MƯỜI MỘT

Dèbes bào chữa cho tối hậu thư của mình bằng lập luận rằng Việt Nam đã điều động và tập trung bộ đội trong khu phố khách (khu vực có đông người Hoa cư trú), gần nhà ga và làng Lạc Viên, trái với thỏa thuận ngày 21 tháng Mười một, và ông ta đã yêu cầu Việt Nam rút quân khỏi khu vực của người Hoa. Ông cũng yêu cầu tước vũ khí của thường dân người Việt sống ở khu vực này. Sau đó, Dèbes còn trói buộc Valluy bằng cách nói thêm rằng ông đưa ra những yêu cầu như vậy đối với phía Việt Nam là dựa vào những chỉ thị của viên cao ủy. Ông ta kết luận: "Tôi chỉ đơn giản yêu cầu họ chấp nhận những điều kiện đó trước 9h sáng ngày 23 tháng Mười một, nếu không, tôi giành quyền thi hành mọi biện pháp nếu tình hình đòi hỏi"[105].

Người Việt Nam nhận tối hậu thư lúc 6h sáng, tức là họ chỉ có ba tiếng đồng hồ để trả lời. Chủ tịch Ủy ban hành chính Hải Phòng mà theo nguồn tin của chúng tôi tên là Nguyên đã ngay lập tức trả lời rằng tối hậu thư vi phạm thỏa thuận mới đây, bác bỏ luận điệu nói bộ đội Việt Nam đã di chuyển và tập trung trong khu phố khách. Trong thư trả lời, ông viết: "Chúng tôi ngạc nhiên khi nhận được lá thư của ngài với những yêu cầu mà chúng tôi cho là không thích hợp để chúng tôi trả lời. Dù thế nào chúng tôi cũng phải báo cáo lên chính phủ Trung ương tại Hà Nội và xin ý kiến trả lời".

Dèbes lập tức nhắc lại tối hậu thư, trong khi ông ta thắt thêm một nút dây vào cổ Valluy: "Ngài đại diện Chính phủ Việt Nam tại Hải Phòng có trách nhiệm khước từ hay tiếp nhận những yêu cầu trên đây. Những yêu cầu đó là từ Phủ Cao ủy tại Sài Gòn gửi đến cho chúng tôi hôm qua. Tôi lưu ý ngài lần cuối cùng về những hậu quả cực kỳ nghiêm trọng gây ra từ việc khước từ những yêu cầu đó. Tôi đợi câu trả lời của ngài vào lúc 9h45". Dèbes nhận được câu trả lời thậm chí còn trước cả thời hạn chót nói trên: "Tôi không thể không chờ quyết định của chính phủ Trung ương của chúng tôi về việc tiếp nhận hay khước từ những yêu cầu của ngài. Là Chủ tịch Ủy ban hành chính Hải Phòng, tôi có trách nhiệm thi hành đúng và trung thực hai điều khoản trong bản thỏa thuận chiều ngày 21 tháng Mười một 1946 giữa ông Nam, Thứ trưởng Ngoại giao và Đại tá Herckel, đại diện cho các nhà đương cục quân sự của Cao ủy Cộng hòa Pháp tại Hà Nội". Khi thời hạn chót đã hết, các sĩ quan liên kiểm tại Hà Nội lại gặp nhau, trong khi đó Dèbes hạ lệnh tổng tiến công với pháo binh yểm trợ. Cuộc nã pháo bắt đầu lúc 10h05[106].

Đây không phải là cuốn lịch sử quân sự mà chỉ là một trường hợp để nghiên cứu chiến tranh đã bắt đầu như thế nào và tại sao. Vì vậy, sẽ là thừa nếu kể lại chi tiết năm ngày giao chiến tại Hải Phòng, người Pháp tấn công, người Việt nỗ lực phản công, trọng pháo được đem ra sử dụng, người Pháp đã chiếm toàn bộ khu vực xung quanh thành phố cảng. Sự khiếp sợ của dân chúng Việt Nam, tiếng nổ của trọng pháo Pháp và máy bay Pháp trên một vùng rộng lớn của người dân Việt Nam ở Hải Phòng đã cướp đi hàng ngàn sinh mạng, thúc đẩy quyết tâm của nhiều thanh niên Việt Nam tham gia quân đội của Tướng Giáp và tiến hành một cuộc kháng chiến lâu dài từ các căn cứ trong nội địa. Họ biết câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Tướng Salan vào tháng Ba: Tàu chiến của Pháp không thể đi trên các dòng sông của Việt Nam.

LẠNG SƠN

Lạng Sơn ở cách xa biển và Valluy đã thấy, về mặt quân sự, việc rút bỏ các doanh trại của Pháp tại đây là thích hợp, trong khi đó d'Argenlieu lại chủ trương giữ lại ở đó một lực lượng tượng trưng. Các sự kiện xảy ra sẽ quyết định khác. Tháng Giêng 1947, báo *Le Figaro* khẳng định một cách vui mừng rằng hai "cổng vào" Việt Nam bằng đường bộ ở Lạng Sơn và đường biển tại Hải Phòng đã đóng chặt. Rồi đây Việt Minh sẽ không còn nguồn cung cấp dễ dàng như trước[107]. Điều đó đoán trước được kết quả sắp tới của các trận đánh tại Hải Phòng và Lạng Sơn. Hà Nội đã mất quyền kiểm soát thành phố cảng và một trong hai cửa ngõ nối liền với Trung Hoa bằng đường sắt, đồng thời mất đứt đoạn nối trên tuyến đường đi từ biên giới Trung Quốc tới Vịnh Bắc Bộ.

Việc nã pháo vào Hải Phòng và chiếm đóng Lạng Sơn xảy ra gần như cùng một thời điểm, nhưng điều này không có nghĩa là hành động đó đã được lên kế hoạch từ trước. Dân chúng Lạng Sơn không tin tưởng vào Chính phủ Việt Nam như ở các nơi khác. Khu vực này đã bị các phần tử Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội thân Trung Quốc chiếm đóng. Trong số 170.000 dân, chỉ có khoảng 9.000 người Kinh, khoảng 5.000 người Hoa, 4.000 người Mán, 72.000 người Thổ và 80.000 người Nùng[108]. Khi quân đội Trung Hoa rút khỏi Lạng Sơn vào tháng Sáu, bộ đội Việt Nam đã tiếp quản thành phố từ lực lượng Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, nhưng chỉ ít ngày sau, vào ngày 8 tháng Bảy, những đơn vị đầu tiên của quân Pháp đã tới. Họ đến đây với lời chúc phúc của cơ quan chỉ huy Việt Nam tại Hà Nội, nhưng người Việt Nam lại yêu cầu họ chiếm một khu vực đã chỉ định. Quân Pháp bắt đầu đi ra ngoài phạm vi quy định, vào các làng lân cận bên ngoài thành phố, và điều này kích động phản kháng và gây ra những biến cố nhỏ.

Sự kiện Bắc Ninh đầu tháng Tám xảy ra khi một đoàn xe chở quân Pháp tăng cường cho quân đồn trú của Pháp ở Lạng Sơn[109].

Tình trạng căng thẳng giữa người Việt Nam và quân Pháp ở khu vực Lạng Sơn đã bắt đầu, và từ ngày 12 tháng Mười, Hồ Chí Minh chính thức phản kháng những hành động tịch thu, bắt cóc, bắn giết và can thiệp vào công việc hành chính địa phương, tuyên truyền thù địch và thâu nạp những tên phỉ người Hoa và người Việt thân Nhật vào hàng ngũ quân Pháp. Người Pháp bác bỏ những lời phản kháng đó và phàn nàn về việc không thể thiết lập quan hệ hợp tác đích thực với bộ đội Việt Nam tại khu vực biên giới. Nhiệm vụ của quân Pháp ở Lạng Sơn là "giám sát vùng biên giới trên tinh thần hợp tác với bộ đội Việt Nam, nếu có thể"[110]. Đúng một tháng sau, tình trạng thiếu hợp tác này đã dẫn đến xung đột công khai.

Có nhiều nguồn tin nói về sự việc xảy ra ở Lạng Sơn ngày 21 tháng Mười một và những ngày sau đó. Buổi tối cùng ngày, ông Giáp đã viết thư cho Morlière và người Việt Nam sau đó đã chuẩn bị một bản ghi nhớ liệt kê những vụ việc xảy ra trong mười ngày từ ngày 15 đến 25 tháng Mười một[111]. Trung tá Sizaire, chỉ huy phân khu Lạng Sơn viết một báo cáo làm cơ sở cho quan điểm của Pháp[112]. Trong hồ sơ lưu trữ của Pháp còn giữ được hàng xấp điện văn trao đổi giữa Sizaire, Morlière và Valluy cùng bản dịch ra tiếng Pháp các tài liệu tiếng Việt tịch thu được[113].

Ngày 24 tháng Mười một, người Pháp chuẩn bị kỷ niệm sự kiện tưởng nhớ binh lính và sĩ quan Pháp bị giết trong vụ quân Nhật tràn vào Lạng Sơn tháng Chín 1940 và tháng Ba 1945. Trong vụ tháng Ba 1945, vì quân đồn trú Pháp chống cự kịch liệt khiến quân Nhật buộc phải hành hình gần như tất cả số binh lính và sĩ quan đã đầu hàng. Trước lễ kỷ niệm, Sizaire muốn trở lại địa điểm hành hình khai quật các thi thể Pháp bị giết hại và mong

muốn tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm trong thành Lạng Sơn, lúc đó là nơi đóng trụ sở của cơ quan chỉ huy quân sự Việt Nam. Người Việt Nam biết đó chỉ là cái cớ để quân Pháp chuẩn bị tấn công bộ đội Việt Nam. Ủy ban bảo vệ thành phố Lạng Sơn họp ngày 15 tháng Mười một quyết định nếu Pháp nổ súng tấn công thì Ủy ban bảo vệ sẽ đổi tên là Ủy ban kháng chiến. Cuộc họp chuyển sang bàn về các hành động chống khiêu khích của Pháp và quyết định làm mọi việc để đề phòng những rắc rối có thể xảy ra. Những quyết định đó được Hà Nội thông qua trong một bức điện mà Ủy ban nhận được vào ngày 19 tháng Mười một, trong đó nói rằng: "D'Argenlieu sắp bị cách chức nên có thể ông ta sẵn sàng khiêu khích bằng mọi giá. Lúc này, người Pháp đang tìm cách tạo ra một làn sóng khiêu khích, chủ yếu ở Hải Phòng, với hy vọng bảo vệ chính sách gieo rắc khủng bố của ông ta. Phải hết sức thận trọng"[114].

Ngày 20 tháng Mười một, người Pháp bắt đầu khai quật các hố chôn gần thành Lạng Sơn và triệt phá một số công trình phòng thủ của người Việt chắn lối đi vào các hố chôn tập thể. Trong cách giải thích của người Việt, quân Pháp dùng việc khai quật các hố chôn để tìm thi thể lính và sĩ quan Pháp bị Nhật giết như cái cớ để tiến công trinh sát quân sự gắn với "hành động đảo chính". Vào buổi tối, các nhà đương cục Việt Nam đặt sở chỉ huy mới ở ngoại thành Lạng Sơn. Sáng hôm sau, khi quân Pháp lại đến để tiếp tục công việc khai quật thì các rào chắn đã được dựng lên và gài mìn. Quân Pháp bắt đầu tháo dỡ các rào chắn và đến lúc này, dường như người Việt Nam không còn đủ khả năng kiềm chế, ít nhất là trước việc quân Pháp vẫn cố tình làm điều họ tin là đúng. Sizaire báo cáo rằng bộ đội Việt Nam nổ súng từ phía sau và phía trước bức tường rào và người Pháp đã bắn lại. Còn theo giải thích của phía Việt Nam thì họ chỉ bắn cảnh cáo và quân Pháp đã nổ súng bắn vào họ. Trong báo cáo gửi từ Hà Nội về Sài Gòn, người ta nói hai

lính Pháp đã chết vì vấp phải mìn. Thế là quân Pháp phản ứng ngay tức thì[115].

Sau nhiều giờ chiến đấu, các sĩ quan liên kiểm hai bên phải can thiệp và một thỏa thuận ngừng bắn đã được ký kết. Sau khi ngừng bắn, quân Pháp chiếm nhà ga Lạng Sơn và bưu điện với lập luận rằng có tiếng súng từ các nơi đó bắn ra, như thế là vi phạm thỏa thuận ngừng bắn. Sizaire kể tên chín người chết và chín người bị thương bên phía Pháp và ước tính đối phương thiệt hại mười lăm người. Ngay lập tức, Pháp gọi đó là một "vụ đánh úp có tính toán trước", trong khi ông Giáp khẳng định bộ đội Việt Nam có thiện chí đã trở thành nạn nhân của một kế hoạch "cố ý từ lâu"[116].

Trong đêm 22 tháng Mười một, người Việt xây dựng nhiều chiến lũy trên đường phố nhưng trong đêm không xảy ra vụ đọ súng nào. Buổi tối, Chủ tịch Ủy ban hành chính Lạng Sơn và Sizaire đã gặp nhau. Sizaire yêu cầu phá dỡ các rào cản nhưng lại khước từ yêu cầu của người Việt Nam đòi Pháp rút quân khỏi các tòa nhà mà Pháp đã chiếm đóng vào ngày 21 tháng Mười một. Vì vậy, hai bên không đạt được một thỏa thuận nào[117]. Sizaire không hăng máu đánh nhau như Dèbes và có vẻ như ông tạ không nhận lệnh trực tiếp từ Sài Gòn. Ông ta báo cáo tình hình về Hà Nội và đợi chỉ thị của Morlière. Trong vụ Lạng Sơn, Morlière thực sự là người đề ra quyết định. Trưa ngày 21 tháng Mười một, Sizaire nghe thấy đài phát thanh đưa tin về sự kiện Hải Phòng và ngay lập tức, ông ta điện hỏi Morlière liệu có mối liên hệ nào giữa hai sự việc rắc rối ở Hải Phòng và Lạng Sơn hay không. Vào lúc 17h35 chiều hôm đó, Morlière trả lời rằng khó nói được điều đó và yêu cầu Sizaire "tránh mọi hành động có thể làm tình hình nghiêm trọng thêm nữa". Theo đó, Morlière tiếp tục xu hướng mềm mỏng này; nhưng sáng ngày 23 tháng Mười một, dưới ánh sáng của mệnh lệnh ngặt nghèo mà Morlière nhận được từ Valluy liên quan đến vụ Hải

Phòng, Morlière thay đổi hẳn thái độ ứng xử của mình và ra lệnh cho Sizaire không phải do dự nếu ông ta xét thấy cần thiết phải tấn công thành Lạng Sơn[118]. Cả Morlière và Sizaire đều không ý thức được rằng Valluy đang có kế hoạch lợi dụng vụ Lạng Sơn để nhấn mạnh sự cần thiết phải kiểm soát thành phố Hải Phòng.

Cuối ngày hôm đó, trong khi Dèbes đánh bom Hải Phòng thì Sizaire lại gặp đại diện chính quyền Việt Nam tại Lạng Sơn và yêu cầu phóng thích hai lính Pháp và mười thường dân người Hoa đã bị bộ đội Việt Nam bắt giữ. Người Việt Nam bèn thả hai lính Pháp nhưng không chịu thả người Hoa. Ngày 24 tháng Mười một, tình hình yên tĩnh trong khi Sizaire quyết định kiểm soát hoàn toàn thành phố Lạng Sơn vào ngày hôm sau nếu yêu cầu của ông ta không được phía Việt Nam đáp ứng đầy đủ. Sáng 25 tháng Mười một, người Việt Nam vẫn không chịu phóng thích mười tù binh người Hoa. Vì vậy, Sizaire đã triển khai một cuộc tiến công quy mô lớn phù hợp với kế hoạch mà ông đã dự kiến từ tháng Bảy nhưng có điều chỉnh đôi chút. Sau khi lực lượng phòng thủ thành Lạng Sơn bị súng máy bắn từ máy bay và trọng pháo mặt đất nã đạn trái phá làm vỡ một mảng tường thành, lực lượng Pháp đã tràn vào thành sau không đến ba giờ tiến công. Trước lúc sẩm tối, trung tâm thành phố Lạng Sơn rơi vào tay quân Pháp. Vùng ngoại ô thành phố tiếp tục bị trọng pháo bắn uy hiếp, và trong khi lực lượng Pháp chỉ mất có ba người và bị thương bảy người, thì Sizaire ước tính phía Việt Nam bị thiệt hại nặng. Trong báo cáo ngày 30 tháng Mười một, Sizaire nói rằng thất bại nhanh chóng của Việt Nam và tinh thần chiến đấu "tự phát" của lính páctidăng chứng tỏ cấu trúc của người Việt là bạc nhược và giả tạo, được xây dựng trên cơ sở tuyên truyền và uy hiếp trong một đất nước nơi Việt Minh không bao giờ thiết lập được quyền lực thật sự của mình. Một nhân viên trong cơ quan của Pignon có tính hoài nghi đã viết

nguệch ngoạc bên lề bản báo cáo đầy lạc quan của Sizaire: "Kết luận này chỉ đúng với khu vực từ Lạng Sơn đến Móng Cái chứ không đúng với vùng Cao Bằng"[119].

Thực tế này cho thấy một vấn đề nghiêm trọng sẽ sớm bắt đầu: cần phải làm gì với các khu vực bị chiếm đóng? Có phải là thông minh khi tiến hành khai thác những tình cảm chống Việt Nam của người dân tộc thiểu số và thiết lập một kết cấu chính trị bền vững ở những khu vực có đa số người ủng hộ, hay là điều này sẽ kéo theo nghĩa vụ của người Pháp là phải bảo vệ các dân tộc thiểu số này, và nhiệm vụ đó không dễ dàng chút nào. Người Pháp xem ra chưa có một kế hoạch nào để giải quyết vấn đề này. Không lâu sau khi Lạng Sơn rơi vào tay quân Pháp, ông Giáp hỏi Morlière rằng người Pháp dự định làm gì với các vùng bị chiếm đóng. Morlière đã không trả lời được. Ông ta điện về Sài Gòn xin chỉ thị và nói không thể để Uỷ ban hành chính tỉnh Lạng Sơn trở về thành phố, vì như vậy sẽ gây tổn hại cho "uy tín của Pháp đối với người dân địa phương", đẩy họ vào nơi nguy hiểm bị những người Việt trả thù. Morlière đề nghị bảo đảm quyền bá chủ (suzerainty) rõ ràng cho chính phủ Hà Nội, nhưng phải để cho các dân tộc thiểu số duy trì chính quyền địa phương của riêng họ. Lực lượng đồn trú của Pháp sẽ giám sát về quân sự trên tinh thần hợp tác với "lực lượng dân quân địa phương trong tỉnh"[120]. Có lẽ do phấn khởi vì đã nhanh chóng chiếm được thành phố cảng Hải Phòng, Valluy bây giờ gác lại chiến lược thận trọng hơn của mấy tuần lễ trước đó. Ông ta chỉ thị cho Morlière không những phải kiểm soát Lạng Sơn mà phải để mắt đến toàn vùng biên giới phía đông cho đến Vịnh Bắc Bộ (trừ Móng Cái, ít ra là trong lúc này). Lý do căn bản đằng sau mệnh lệnh đó là mở ra con đường tiếp tế cho thành Lạng Sơn để Pháp không phải bảo đảm an toàn cho con đường sắt trống trải từ Hà Nội lên Lạng Sơn. An ninh của con đường dọc biên giới sẽ không

chỉ tùy thuộc vào thái độ của các dân tộc thiểu số ở vùng này mà còn phụ thuộc vào sự tồn tại của một chính quyền thân thiện ở Trung Quốc, một điều kiện chỉ cần phải duy trì trong ba năm. Valluy hứa hẹn sẽ gửi tiếp chỉ thị về các biện pháp chính trị và hành chính. Lẽ dĩ nhiên, điều này còn phụ thuộc vào Pignon. Sizaire nhận được mệnh lệnh chính thức là phải chiếm đóng toàn bộ khu vực từ Lạng Sơn ra đến bờ biển vào ngày 30 tháng Mười một[121].

Pignon tiếp tục xây dựng một kế hoạch đầy tham vọng là thành lập vùng tự trị của người Thổ và người Nùng dọc biên giới Việt - Trung đặt dưới quyền bảo trợ của Pháp. Lộc Bình, Dinh Lập và Móng Cái lần lượt bị đánh chiếm. Chính phủ Việt Nam được mời tham gia tiểu ban hỗn hợp, dần dần chỉ làm nhiệm vụ "thanh sát". Pignon kết thúc kế hoạch này bằng khuyến cáo "kế hoạch này chỉ được thực hiện nếu Pháp kiên quyết ở lại Bắc Kỳ". Việc thực hiện kế hoạch này chỉ có thể bắt đầu khi nào chúng ta "thuyết phục được dân chúng tin vào sức mạnh và thái độ kiên quyết của chúng ta"[122]. Đề nghị của Pignon nhận được sự ủng hộ nhiệt liệt của Sainteny, ông này là người đã tuyên bố: việc chiếm đóng "vành cung miền núi" bao quanh châu thổ Bắc Kỳ, nơi đông người không phải là thuần Việt sinh sống là việc làm "tuyệt đối cần thiết". "Họ thường bị tê liệt do mặc cảm tự ti trong quan hệ với người Việt ở vùng châu thổ đến định cư tại đây, họ cần cảm thấy được hỗ trợ vững chắc trước khi đạt được sự táo bạo cần thiết để biến họ thành lực lượng trợ thủ đắc lực cho sự nghiệp của người Pháp[123]. Cả Sainteny và Pignon đều không nhận thức được rằng một chính sách dựa vào sự gạ gẫm, mua chuộc các dân tộc thiểu số sẽ có hại cho mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số và các cộng đồng chiếm đa số, đồng thời cũng đặt một cái "nêm" vào giữa các dân tộc đa số và chính quyền thuộc địa. Họ cũng không chú ý rằng một chiến lược như thế đòi hỏi một nguồn lực quân sự lớn đến mức nào.

Pháp đã thiết lập sự hiện diện vững chắc về quân sự tại vùng biên giới với Trung Quốc, nhưng vào tháng Mười 1950, một đạo quân của Pháp muốn rút khỏi Cao Bằng về Lạng Sơn đã bị phục kích, đánh dấu một thất bại tệ hại nhất của Pháp cho đến trận chiến Điện Biên Phủ năm 1954. Nước Pháp đã có hơn 4.800 người chết và mất tích và kết quả là đã rút chạy khỏi Lạng Sơn mà không chiến đấu và sau đó bị quét sạch khỏi toàn vùng biên giới Việt - Trung[124].

Các cuộc tiến công của Pháp ở Hải Phòng và Lạng Sơn năm 1946 có phối hợp với nhau không, hay chỉ xảy ra một cách ngẫu nhiên? Câu trả lời là hai lần "không". Vì những lý do chiến lược, Valluy muốn kiểm soát hoàn toàn thành phố cảng chứ không phải là Lạng Sơn. Ông ta không tính toán trước và không hề phối hợp hai cuộc tiến công, song trận này nối tiếp trận kia cũng không phải là sự trùng hợp. Chỉ cách nhau 24h từ sự kiện Hải Phòng ngày 20 tháng Mười một đến lúc mở màn cuộc xung đột ở Lạng Sơn vào ngày 21 tháng Mười một. Ông Giáp lưu ý Morlière rằng biến cố Lạng Sơn xảy ra khi sự kiện Hải Phòng chưa được dàn xếp: "Tình trạng xảy ra đồng thời hai sự vụ trở nên phức tạp hơn khi người ta cho rằng trong cả hai trường hợp, quân Pháp đều chuẩn bị kỹ lưỡng với cùng một quyết tâm là đánh vào các tòa nhà công cộng và các vị trí quân sự của chúng tôi"[125]. Ông Giáp sợ rằng cả hai vụ việc đều là một phần của kế hoạch tấn công có tính toán trước của người Pháp. Quả thực, ông đã có lý khi nghi ngờ các cuộc hành quân của Pháp đều dựa trên những kế hoạch đã được vạch ra từ trước, song không có dấu hiệu nào chứng tỏ "tính đồng thời" đã được đưa vào kế hoạch. Đúng hơn là cả Morlière và Sizaire đều được thôi thúc bởi mệnh lệnh của Valluy gửi cho Dèbes.

Phó Lãnh sự Mỹ James O'Sullivan với lập trường trung lập đã đưa ra bình luận về tính đồng thời của hai vụ việc. Ông ta chấp nhận lời buộc tội của Pháp cho rằng người Việt Nam đã nổ súng

trước vào quân Pháp ở Hải Phòng và Lạng Sơn, và suy đoán rằng hai vụ việc đó đều có ý nghĩa cảnh báo nước Pháp không thể "đơn phương hành động như họ mong muốn". Tuy nhiên, "cảnh báo" đó hóa ra lại có tác động trái chiều tới người Pháp "bấy giờ dường như còn hiếu chiến hơn và tự tin vào sức mạnh của họ có thể áp đặt bất cứ điều gì họ muốn đối với người Việt Nam"[126]. Một báo cáo của Đại tá Lami với dụng ý công bố coi tính đồng thời của hai sự kiện Hải Phòng và Lạng Sơn như để chứng tỏ rằng cả hai sự vụ đều tuân theo chỉ thị của Hà Nội. Người Pháp còn cho công chúng biết họ đã phát hiện ra những chỉ thị như thế ở cả Hải Phòng và Lạng Sơn[127]. Điều đó có thể là không thật. Có rất nhiều tài liệu tiếng Việt đã được dịch ra tiếng Pháp được giữ trong hồ sơ lưu trữ của Pháp, nhưng cho đến nay không có tài liệu nào được tìm thấy chứng tỏ hành động có tính toán trước của người Việt Nam. Như đã trình bày, một số tài liệu tịch thu được đã chứng tỏ điều ngược lại. Hà Nội rất hào hứng trong việc ngăn chặn các cấp chỉ huy địa phương và quân đội bị Pháp khiêu khích.

Nếu thời gian xảy ra các vụ việc có sự trùng hợp ngẫu nhiên thì sự leo thang sau đó lại liên hệ với nhau một cách chặt chẽ. Khi Sizaire phát động cuộc tấn công ngày 25 tháng Mười một, ông ta biết rằng cuộc đánh chiếm Hải Phòng mới bắt đầu từ hai ngày trước. Cả hai cuộc đánh chiếm, một có tính chiến lược ở Hải Phòng và một ít tính chiến lược hơn ở Lạng Sơn sau này đều theo lệnh của Valluy.

THƯƠNG VONG

Ngày 26 tháng Mười một, toàn bộ quân đội Pháp và các đơn vị hải quân đóng tại Hải Phòng đều nhận được lệnh sau đây: "Các đơn vị sẽ báo cáo ngay sau khi họ xác định được con số thi thể người Việt Nam và Trung Hoa trong phân khu mình phụ trách.

Chỉ rõ vị trí một cách chính xác. Chỉ huy địa phương sẽ phải làm mọi việc cần thiết để di dời các thi thể tìm thấy"[128]. Chiến lược của Đại tá Dèbes là hủy diệt khu phố người Việt tại Hải Phòng với trọng pháo nhằm không để một sinh mạng Pháp nào phải hy sinh trong việc đánh chiếm Hải Phòng[129]. Khu phố người Hoa thì không bị hủy diệt vì chỉ bị tấn công bằng khinh pháo và bộ binh. Chính tại khu vực nảy, quân Pháp chịu nhiều thương vong nhất trong tổng số thiệt hại khiêm tốn của họ. Nhà cửa đều được loại khỏi mục tiêu bắn phá và hầu hết thường dân người Hoa đều sống sót. Nhiều thường dân người Việt đã sơ tán khỏi Hải Phòng trước khi bị oanh tạc, một số lớn cư dân vẫn ở lại[130]. Hồ Chí Minh cũng phàn nàn việc nhiều dân thường trên đường sơ tán đã bị máy bay tiến công. Các bức điện của Pháp xác nhận rằng các con đường dẫn ra ngoài thành phố đều bị oanh tạc: "Cuộc bắn phá kéo dài từ 10h đến 17h bằng trọng pháo của hải quân nhằm các mục tiêu đã chỉ định sẵn trên bản đồ. Kết quả rất tốt. Tất cả đều trúng mục tiêu và hơn thế nữa, bất chấp những khó khăn về địa hình đặc biệt đối với nhà cửa của người dân bản xứ. Các máy bay khạc lửa đã can thiệp bắn phá vào các nơi tập trung ngoài thành phố"[131].

Trong suốt các cuộc chiến tranh ở Đông Dương, chiến lược của Việt Nam là các đơn vị chính quy mới mặc quân phục, còn các lực lượng du kích cải trang như dân thường, nhưng các cuộc hành quân tác chiến của bộ đội chính quy bao giờ cũng được coi là hình thức cao nhất của cuộc chiến. Vai trò của du kích là chuẩn bị chiến trường để đưa các đơn vị chính quy vào các vùng nằm dưới quyền kiểm soát của địch. Cuộc đấu tranh ở Nam Bộ năm 1946 là cuộc chiến tranh du kích điển hình và chiến thuật du kích cũng giữ vai trò chủ đạo trong giai đoạn đầu của chiến tranh Đông Dương những năm 1947-1949. Bằng cách cải trang giống dân thường, ở một mức độ nào đó, du kích cũng được bảo vệ và khi đối phương phản ứng

lại các cuộc tấn công của du kích bằng cách giết dân thường thì điều đó càng làm tăng lòng căm thù đối với địch trong nhân dân, càng tạo điều kiện cho việc tiếp tế cho du kích, thu nạp thêm các đội viên mới cho các đơn vị du kích. Đôi khi, các đơn vị chính quy cũng trà trộn với dân thường để được bảo vệ. Trong vụ Hải Phòng, chiến thuật trà trộn binh sĩ với dân thường đã không thành công vì Dèbes không phải là người đắn đo khi giết dân thường.

Nhiều người dân Hải Phòng đã sơ tán khỏi thành phố để tìm nơi trú ẩn tại thị xã lân cận là Kiến An, hành động này đã thu hút sự chú ý của quân Pháp trước khi trận chiến Hải Phòng bắt đầu bởi lẽ nhiều lái buôn người Hoa đã tìm cách trốn tránh hoạt động kiểm soát xuất nhập khẩu bằng cách không lái tàu thuyền vào cảng Hải Phòng mà lại hướng về Kiến An. Và dường như quân đội Việt Nam cũng đặt sở chỉ huy ở Kiến An[132]. Tướng Valluy lúc đầu hạ lệnh cho Morlière đánh chiếm Kiến An, nhưng sau khi suy nghĩ lại, ông đã rút lại lệnh đó. Morlière cũng đồng ý rằng sẽ là dại dột nếu tấn công Kiến An, nhưng vào lúc biết được sự thận trọng của Valluy và Morlière thì Đại tá Dèbes và người đồng nghiệp Barrière đã sẵn sàng oanh tạc Kiến An, nơi tập trung rất đông dân tản cư[133]. Tin Kiến An bị ném bom đã đăng trên báo chí Việt Nam từ sớm ngày 24 tháng Mười một. Morlière chính thức phủ nhận sự việc này, nhưng sau đó báo chí Sài Gòn giật tin nóng hổi: cuộc oanh tạc Kiến An và một "ngôi làng được chỉ định" khác bằng trọng pháo của tàu chiến Savorgna de Brazza đã được "thực thi một cách hoàn hảo"[134]. Một báo cáo của Sở Mật thám Hải Phòng ngày 29 tháng Mười một nói rằng con số thi thể tìm thấy trong đống đổ nát của những khu phố người Việt ở Hải Phòng không cao lắm. Hầu hết dân thường cũng như quân đội Việt Nam đã đi tản cư cũng như rút khỏi thành phố trước khi khu phố bị tàn phá. Mặt khác, Sở Mật thám lại nhận được báo cáo nói việc nã pháo vào

Kiến An và vùng kế cận xung quanh cũng như "việc bắn phá các con đường quanh thành phố" đã gây nhiều thương vong. Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan nhận xét rằng "việc sử dụng ngay lập tức hỏa lực pháo binh bắn vào Kiến An cũng như oanh tạc bằng máy bay đối với các con đường gần thành phố Hải Phòng cũng có nghĩa là biện hộ lý thuyết cho rằng đây là một biện pháp khủng bố"[135].

Người ta có thể cho rằng Sài Gòn sẽ nỗ lực giảm thiểu số thương vong được công bố trong các báo cáo gửi về Paris, nhưng sự "giảm thiểu" ấy trở thành một tập quán quá thông thường đến mức Sài Gòn thấy cần phải lên tiếng phản đối, khuyến cáo Paris về sự giảm bớt hay đánh giá thấp hơn con số thực vì không thể che giấu các cơ quan lãnh sự nước ngoài về mức độ tàn phá. Để ngăn ngừa tình trạng người dân bị bưng bít thông tin phải đối chứng một cách đột ngột và không được chuẩn bị với những luận điệu có dụng ý xấu chỉ trích quân đội Pháp đã gây nên sự tàn phá, thì tốt hơn là nói công khai rằng cuộc chiến đấu tại Hải Phòng đã gây nên sự tàn phá và đổ mọi chê trách cho kẻ thù. Tốt hơn hãy nói với công chúng là sự đốt phá là do người Việt Nam gây ra trước khi đuổi dân chúng đi tản cư. Pháo binh chỉ được sử dụng vào phút chót chứ không nhằm mục đích trừng phạt[136].

Trước cuộc chiến, thành phố Hải Phòng có mười vạn dân[137]. Đầu tháng Mười hai, chỉ còn lại xấp xỉ một nửa con số nói trên[138]. Vậy trong số năm vạn dân đó, có bao nhiêu người đã thiệt mạng? Có nhiều cách ước tính, trong đó ước tính của Valluy là thấp nhất với chỉ 300 nạn nhân. Chắc hẳn Valluy đã quên bẵng lời khuyên tránh giảm thiểu khi công bố bản tự bào chữa năm 1967, ba năm trước khi ông qua đời[139]. Phần lớn các sách báo nói về vụ Hải Phòng đều đưa ra con số 6.000 nhưng hình như chỉ dựa vào một nguồn tin do Đô đốc Battet đưa ra. Ông ta không còn ở Đông Dương vào tháng Mười một 1946 nhưng tháng Năm 1947 có nói

với Paul Mus rằng "không nhiều hơn con số 6.000 người đã bị giết vì trúng trọng pháo từ chiến hạm bắn trúng vào dòng người đi sơ tán khỏi thành phố"[140]. Tướng Yves Gras sau này nhận xét rằng con số 6.000 nạn nhân "là do tưởng tượng chứ không phải do quan sát thực tế tại chỗ. Hỏa lực của quân đội Pháp ở Hải Phòng không đủ sức gây nên cuộc tàn sát ghê gớm như thế"[141]. Có vẻ như Tướng Gras đã quên rằng các loại súng hải quân cũng được sử dụng. Các cỗ pháo đặt trên các tàu Savorgna de Brazza, Suffren, Chevreuil và Dumont d'Urville đã được phối hợp sử dụng một cách ấn tượng[142]. Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan báo cáo về Washington rằng sau một chuyến thăm đến Hải Phòng, Trưởng Ban Tình báo quân sự Pháp đã ước tính số người Việt Nam thương vong từ ngày 20 đến 27 tháng Mười một vào khoảng 1.500-2.000 người[143]. Pignon viết cho một người bạn ở Pháp nói rằng "tổn thất của phía Việt Nam hãy còn chưa thể tính chính xác được, nhưng chắc chắn là phải đến hàng nghìn"[144]. Cục Quân báo liên bang của Pháp (BFDOC) đưa ra con số 10.000 người Việt Nam đã chết và bị thương ở Hải Phòng và Lạng Sơn, đa số là dân thường. BFDOC còn đề nghị sử dụng con số thiệt hại đó vào việc tuyên truyền để chứng minh tình trạng yếu kém của chính phủ Hà Nội không bảo vệ được công dân của mình, một ý tưởng hình như không được ai tuân theo[145].

Khó mà đánh giá giá trị của các con số ước tính trên. Các cơ quan tuyên truyền Việt Nam sau này khẳng định đã có 10.000 hoặc thậm chí 20.000 trường hợp thương vong, nhưng Hồ Chí Minh trong thư gửi Léon Blum và Vincent Auriol ngày 19 tháng Mười hai đưa ra con số "3.000 nạn nhân bị sát hại tại Hải Phòng"[146]. Người ta có thể nói rằng đó là con số tối đa vì Hồ Chí Minh không có lợi ích gì trong việc giảm thiểu con số thương vong thực tế. Tuy nhiên, các nhà đương cục Việt Nam thường chỉ tiếp

cận được một phần hạn chế của trận chiến Hải Phòng sau khi sự kiện xảy ra. Người Pháp thì có cơ hội đếm số thi thể người chết trong khu vực mà họ đã chiếm được nhưng hồ sơ lưu trữ không để lại một con số chính xác nào. Con số 10.000 của BFDOC bao gồm cả số người chết và bị thương ở cả hai nơi Hải Phòng và Lạng Sơn và không nói rõ bao nhiêu người chết và bao nhiêu người bị thương. Trên cơ sở đó, chúng ta buộc phải kết luận một cách mơ hồ theo kiểu Pignon viết trong thư gửi một người bạn ở Paris: hàng nghìn người thương vong và hầu hết đều là dân thường. Xem ra cũng có thể gọi đó là cuộc thảm sát mà theo quan điểm hoài nghi có thể coi là "xuất sắc," bởi người Pháp có thể kiểm soát cửa ngõ vào Bắc Kỳ chỉ mất có năm ngày với rất ít tổn thất.

AI LÀ NGƯỜI ĐÁNG CHÊ TRÁCH?

Trách nhiệm gây ra những sự kiện đầu tiên ở Hải Phòng và Lạng Sơn đã được đem ra thảo luận và có lý do chính đáng để nghĩ rằng tình trạng thiếu kỷ luật của lực lượng tự vệ Việt Nam và các cấp thấp hơn trong quân đội Việt Nam đóng một vai trò quan trọng, song sai lầm trong việc để xung đột leo thang một cách có tính toán ở cả Hải Phòng và Lạng Sơn dứt khoát là thuộc phía người Pháp. Cũng còn một lý do, mặc dù không đáng kể, để suy luận rằng các nhà lãnh đạo Việt Nam muốn một cuộc đụng độ quân sự chỉ ở mức đó thôi. Họ cần tranh thủ thời gian trong khi chờ chính phủ mới của Pháp thành lập và sau đó là cách chức d'Argenlieu. Vì vậy, tôi sẽ tập trung vào việc thảo luận trách nhiệm của phía Pháp. Có bốn cấp ra quyết định ở phía Pháp như sau:

- Hải Phòng: Dèbes/Barrière; Lạng Sơn: Sizaire
- Hà Nội: Morlière/Lami
- Sài Gòn: Valluy/Pignon/Gonon/Đô đốc Auboyneau

- Paris: Bidault/Moutet/Bộ trưởng quân đội Michelet/Tham mưu trưởng Juin/d'Argenlieu.

Dèbes và Valluy muốn đánh. Morlière thì không muốn và nghĩ rằng ông hành động như vậy là phù hợp với chính sách của chính phủ. Morlière không được tiếp xúc trực tiếp với Paris trong khi Valluy thường xuyên thông báo tình hình cho Chính phủ Pháp và nhận được trả lời rất sớm từ d'Argenlieu.

Nếu không xảy ra mâu thuẫn giữa Morlière và Valluy, và nếu Morlière không can thiệp chống lại ý muốn của Dèbes sử dụng hỏa lực pháo binh, thì Valluy hẳn phải đã che giấu được "bàn tay sắt" của mình. Ông ta có thể ra lệnh cho các cấp chỉ huy địa phương của mình hành động theo tinh thần "phương pháp từ từ" đã được đề ra trong những chỉ thị trước đó. Sự việc đã xảy ra mà không có những mệnh lệnh rõ ràng và dư luận rộng rãi cũng như các sử gia buộc phải coi Dèbes và Morlière là những thủ phạm. Morlière đã phòng ngừa điều đó bằng "lối hòa giải cực đoan" của ông ta. Valluy cảm thấy cần phải can thiệp bằng những chỉ thị đưa ra trong hai ngày 21 và 22 tháng Mười một. Về sau, ông ta tự kết án mình và sống trong tình trạng phạm tội. Dèbes cũng góp phần vào những chỉ trích dành cho Valluy. Sau này Valluy nói "người chiến binh cừ khôi" này phạm ba cái sai. Thứ nhất là biến chỉ thị của cấp trên thành tối hậu thư dứt khoát. Thứ hai là hễ phát biểu là nhân danh Valluy, như vậy là lôi kéo người có quyền lực cao nhất ở Đông Dương dính líu vào sự việc. Và thứ ba là chỉ cho người Việt Nam có ba tiếng đồng hồ để xem xét những yêu cầu của Pháp[147].

Năm 1967, Valluy viết ra điều đó đúng lúc một "kẻ phạm tội" khác là Robert McNamara đang dằn vặt lương tâm và ngăn cản Lyndon B. Johnson chớ gửi thêm quân nữa đến cái "bẫy" Việt Nam. Cũng có thể sai lầm thứ nhất và sai lầm thứ ba của Dèbes là những cách giải quyết đáng chỉ trích, nhưng lẽ ra Valluy cũng phải

phẫn nộ gay gắt và ngay lập tức với sai lầm thứ hai của Dèbes. Bằng cách trực tiếp viện dẫn những chỉ thị mật của Valluy trong tối hậu thư của mình, Dèbes đã làm tiêu tan hy vọng bình thường của cấp trên thường hành động theo những tiêu chuẩn đạo lý để thực hiện nguyện vọng mà bản thân không phải dính líu vào. Đó là tinh thần của "phương thức từ từ". Các cuộc xung đột sẽ phát triển cục bộ và được sử dụng để nâng cao vị thế của Pháp mà không phải quy trách nhiệm cho người có quyền cao nhất nước Pháp.

Dĩ nhiên, những sai lầm của Dèbes là nhỏ so với những sai lầm của Morlière. Ngay sau khi đến thị sát Hải Phòng, Morlière đã phát hiện ra tính cách nóng nảy của Dèbes đóng vai trò quyết định trong việc xử lý vụ rắc rối về hải quan hồi tháng Tám. Trong báo cáo ngày 10 tháng Giêng 1947, Morlière đã bộc lộ điều gì đó về cả bản thân mình lẫn Dèbes khi nhận xét: "Điều nhỏ nhất có thể nói là Dèbes không thích người Việt". Morlière tự hỏi liệu có nên tìm người thay thế Dèbes, song ông lại kiềm chế không làm điều này vì Valluy không thể cho phép điều đó xảy ra và cũng bởi vì dù thế nào thì Dèbes cũng sẽ kết thúc nhiệm kỳ công tác vào cuối tháng Mười một. Trận chiến Hải Phòng đã làm cho việc hồi hương của Dèbes bị hoãn lại. Thực tế, ông đã không bao giờ còn sống để trở về nhà. Tháng Hai 1947, Morlière được lệnh đóng gói hành lý để ra đi, nhường chỗ cho người kế nhiệm và Dèbes được đề bạt thay thế Morlière ở cương vị chỉ huy lực lượng Pháp tại Bắc Bộ đặt tổng hành dinh tại Hà Nội[148]. Đúng hai tháng sau, Dèbes chết trong một tai nạn máy bay.

Mặc dù Valluy chỉ là người thi hành một cách trung thực chỉ thị của d'Argenlieu, nhưng ông tướng này không thể có hạnh phúc khi phải đảm đương toàn bộ trách nhiệm trong suốt cuộc khủng hoảng, trong khi viên đô đốc bận rộn với công việc vận động hành lang ở Paris. Trước sự kiện Hải Phòng, Valluy phàn nàn với Salan

rằng ông ta không được thông tin đầy đủ về không khí (chính trị) tại Paris vào lúc có nhu cầu cần khởi động một "cơn sốc tâm lý".và tiến hành "các biện pháp cách mạng". Valluy nói muốn được thấy d'Argenlieu hay người thay thế ông ta đến và nhận trách nhiệm hơn là để cho bản thân ông phải đảm đương toàn bộ công việc. Nhưng ông đã nhận được chỉ thị và chuẩn bị thi hành triệt để những chỉ thị đó[149].

Quan ngại về diễn biến chính trị trong nước dĩ nhiên là một kiểu lý do mà những người ra quyết định về các vấn đề thuộc địa hiếm khi phải để lại dấu tích trên giấy tờ, ít nhất cũng không phải kiểu giấy tờ mà sau này có thể tìm thấy trong hồ sơ lưu trữ công cộng. Những lý do như thế rất khó tiếp cận đối với các sử gia phụ thuộc hoàn toàn vào những nguồn tư liệu bằng văn bản. Ngay cả khi không có bằng chứng chắc chắn, xem ra cũng là hợp lý khi cho rằng tình hình chính trị trong nước đã có ảnh hưởng sống còn đối với những người ra quyết định tại Sài Gòn. Tin tức về thắng lợi lớn trong bầu cử Quốc hội của những người cộng sản và xã hội Pháp đã đến đúng sau vụ bác sĩ Thinh tự sát. Điều này đã nhen lên hy vọng về chính phủ mới của Pháp sẽ gần gũi hơn với Chủ tịch Hồ Chí Minh và có lẽ d'Argenlieu sẽ bị thải hồi. Những thất vọng ban đầu đã khiến Valluy và các cố vấn của ông ta thấy khó mà nhận được những chỉ thị rõ ràng, dứt khoát của các chính phủ liên hiệp, đặc biệt là khi các chính phủ này sắp hết thời hoặc vừa mới được thành lập. Do đó, những người ra quyết định tại Sài Gòn có thể tin chắc là họ có thể và cần thiết phải tự mình hành động vì lợi ích lớn nhất của dân tộc, và cũng vì de Gaulle có thể muốn họ làm như vậy. Sự kiện Hải Phòng ngày 20 tháng Mười một đã tạo cơ hội để hành động sớm hơn điều mong đợi của mọi người, nhưng Valluy đã nắm lấy cơ hội, dựa hẳn vào những chỉ thị mà d'Argenlieu đã gửi cho ông ta vào ngày 12 tháng Mười một. Valluy đã gửi đi những

mệnh lệnh định mệnh và hoàn toàn tin chắc vào sự ủng hộ của d'Argenlieu dành cho mình, nhưng ông ta hẳn phải biết rằng mình đang đặt Chính phủ Pháp trước sự đã rồi.

Năm 1967, Valluy đã viết một loạt bài tự chỉ trích bằng cách thừa nhận một cách muộn màng rằng lẽ ra ông ta nên hành động khác [với chỉ thị của cấp trên - ND]:

> Tôi không bao giờ lẩn tránh trách nhiệm của mình trong vụ việc Hải Phòng xảy ra vào tháng Mười một 1946 gắn với vấn đề cá nhân. Nhưng những quyết định mà ngày nay, với nhận thức mới về những điều đã xảy ra từ đó đến nay, tôi cho những quyết định là sai lầm do chúng dễ gây xáo động ở một mức độ nhất định. Tôi muốn nói rằng những quyết định đó ở môi trường dân sự và quân sự xung quanh tôi lúc đó, những quyết định đó được coi như những biện pháp có ích, nhằm đối phó với chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đội ngũ của Người áp đặt cho đại đa số người Pháp ở Đông Dương, thậm chí cả cho nhiều người Việt Nam, cũng như cả ở Paris, đối với Đô đốc d'Argenlieu, với các chính trị gia và các bộ trưởng[150].

Ngày nay, về cấp độ thứ tư và cấp độ ra quyết định tối cao, chúng ta có thể nói được điều gì? Paris đã không can thiệp hoặc không đưa ra bất kỳ chỉ thị nào rõ ràng và dứt khoát. Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên. Là chỉ huy cấp cao nhất, Valluy có quyền đưa ra những quyết định theo ý mình trong thời khắc khủng hoảng. Nhưng thái độ im lìm không hành động gì của Paris có thể được giải thích theo nhiều cách. Có một khả năng là chính phủ không chuẩn y những gì Valluy đã làm nhưng đã không thể hoặc không dám làm rõ những điều này. Không có cách nào khác là chính phủ buộc phải phê chuẩn những hành động của Valluy nhưng lại tìm cách để không phải dính líu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra bất ổn. Khả năng thứ ba nhiều khả năng xảy ra hơn, đó là những nhân vật then chốt đưa ra quyết định tại Paris

đã không chắc chắn và có sự bất đồng trong nội bộ với nhau. Các sử gia sẽ rất khó khăn khi phải giải quyết vấn đề: phải chăng Valluy và d'Argenlieu đã hành động với sự ủng hộ ngầm nào đó từ những nhân vật chủ chốt của chính phủ, đặc biệt là Thủ tướng Bidault, hay tự ý hành động, tạo ra một "việc đã rồi" mà không phải Bidault hay bất cứ ai khác trong chính phủ mong muốn. Để cân nhắc giữa hai cách giải thích đó, lấy cái nọ so sánh với cái kia, chúng ta cần phải xem xét kỹ hơn các hoạt động chính trị của các đảng phái ở Pháp lúc đó.

CHÍNH TRƯỜNG PHÁP NĂM 1946

Chính trường Pháp năm 1946 chịu ảnh hưởng của một đại tướng về hưu và ba chính đảng chia nhau nắm Quốc hội - Chính phủ. Tướng de Gaulle tuy đã rút lui khỏi chính trường nhưng vẫn còn ảnh hưởng lớn đối với chính sách ở Đông Dương theo ba cách. Thứ nhất, thông qua hệ thống ra quyết định đã được thành lập trước khi ông từ chức vào ngày 20 tháng Giêng; hệ thống Cominindo đã làm suy yếu quyền lợi của Bộ trưởng Hải ngoại Pháp và trao cho Cao ủy quyền hạn rộng rãi với ảnh hưởng lớn. Thứ hai, thông qua ảnh hưởng của de Gaulle đối với các sĩ quan như Leclerc, d'Argenlieu và Valluy đã từng phục vụ theo lệnh của ông ta và tiếp tục nắm giữ những vị trí then chốt tại Đông Dương. Ví như khi phát sinh xung đột giữa Leclerc và d'Argenlieu, Leclerc đã xin ý kiến của de Gaulle chứ không phải ý kiến của bất kỳ một bộ trưởng đương nhiệm nào. Một điều không thể là những cảnh báo của Leclerc trước những nhượng bộ tại Hội nghị Fontainebleau đã được đưa ra theo ý kiến tư vấn của de Gaulle. Thứ ba, de Gaulle tiếp tục thể hiện ảnh hưởng của mình thông qua nỗi sợ của những người đứng đầu các đảng chính trị cho rằng thất bại trong việc thực hiện lợi ích của Pháp ở Đông Dương có thể được những người

theo de Gaulle khai thác để sắp xếp đưa ông ta trở lại chính trường. Bộ trưởng các quân chủng năm 1946 là Edmond Michelet sau này khẳng định rằng de Gaulle đã thúc giục Bidault đừng nhượng bộ Hồ Chí Minh[151]. Trong chiến dịch chống lại Hiến pháp đã được thông qua bằng cuộc trưng cầu ý dân ngày 13 tháng Mười, de Gaulle lập luận rằng các đoạn nói về Liên hiệp Pháp là quá tự do. Trong một cuộc họp báo vào tháng Tám, ông ta tuyên bố nếu mất lãnh thổ hải ngoại thì Pháp có nguy cơ chẳng còn là cường quốc nữa. Những lãnh thổ này sau đó có thể rơi vào tay các nước khác thống trị[152].

Dưới thời Bidault, lãnh đạo Đảng Dân chủ Công giáo (Phong trào Cộng hòa bình dân - MRP) giành được 26% phiếu bầu và chiếm 164 ghế trong Quốc hội trong cuộc bầu cử ngày 10 tháng Mười một 1946, ít hơn so với cuộc tuyển cử trước diễn ra hồi tháng Sáu. Có thể Bidault sẽ ủng hộ một chính sách kiên quyết về Đông Dương nếu không có sức ép từ de Gaulle, nhưng thái độ kính trọng và khâm phục đang lan rộng đối với de Gaulle trong MRP đã góp phần vào sự thống nhất trong đảng đằng sau thái độ cố chấp của Bidault[153]. MRP ra đời trong phong trào kháng chiến Pháp và phát triển thành một chính đảng năm 1944 với tinh thần ái quốc mãnh liệt. Phong trào đã chiếm ưu thế trong thành phần chính phủ năm 1946 và phải gánh phần lớn trách nhiệm về chính sách dẫn tới chiến tranh thuộc địa. Chỉ một nhóm chính trị gia của MRP quan tâm tích cực đến vấn đề Đông Dương, nhưng họ không chút do dự trong quyết tâm không nhượng bộ trước các yêu cầu đòi độc lập của Đông Dương. Năm 1946, Bidault giành được sự ủng hộ vô điều kiện của người đứng đầu MRP là Maurice Schumann, thể hiện qua bài viết về quan điểm của ông này trên tờ báo đảng *L'Aube* (Rạng đông)[154].

Theo kết quả bầu cử ngày 10 tháng Mười một, Đảng Xã hội Pháp (SFIO) chỉ kiếm được 18% phiếu bầu với 105 ghế trong Quốc hội. Nội bộ SFIO chia rẽ giữa các xu hướng trầm trọng hơn Đảng MRP, song vấn đề này cũng chưa được nghiên cứu kỹ vì nó vượt quá mục đích của công trình này[155], nhưng cũng không khó để nhận ra sự khác biệt giữa Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Moutet và đường lối hành động được ủng hộ trong hầu hết các báo đảng. Trong khi Moutet ủng hộ Nam Kỳ tự trị thì các báo của SFIO lại liên tục công kích Chính phủ lâm thời Nam Kỳ và nhấn mạnh những nghĩa vụ của Pháp đối với Việt Nam như đã quy định trong Hiệp định ngày 6 tháng Ba. Tại Đại hội lần thứ 39 của SFIO tháng Tám - tháng Chín 1946, phe cánh tả trong đảng đứng đầu là Guy Mollet và Jean Rous đã tranh thủ được sự ủng hộ của đa số các đại biểu dự Đại hội và Guy Mollet đã được bầu làm Tổng Bí thư mới của đảng. Báo *Franc-Tireur* (Quân du kích), cơ quan ngôn luận của nhóm Rous trong tháng Mười một và tháng Mười hai đã đăng nhiều bài ủng hộ việc bãi chức d'Argenlieu và gần như ngày nào cũng cảnh báo nguy cơ một cuộc chiến tranh kéo dài ở Đông Dương. Nhóm đảng viên trẻ thuộc phe tả trong SFIO còn thẳng thừng lên tiếng về vấn đề Đông Dương hơn những người cộng sản và rất có ảnh hưởng trong tổ chức đảng. Tuy nhiên, "cánh phụ trách già" hãy còn kiểm soát chính sách của đảng trong chính phủ.

Đảng Cộng sản Pháp (PCF) trở thành đảng có ảnh hưởng lớn nhất trong tất cả các chính đảng ở Pháp trong cuộc bầu cử ngày 10 tháng Mười một với 28% số phiếu bầu và 170 đại biểu trong Quốc hội. Đó là thế lực chính trị quan trọng duy nhất chủ trương hợp tác với Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính phủ do Người lãnh đạo. Ngay từ đầu, PCF đã phê phán gay gắt chính sách Nam Kỳ tự trị và khẳng định ủng hộ chủ trương thống nhất ba "kỳ" của Việt Nam[156]. Chắc chắn điều này phản ánh thái độ chung của những người lãnh đạo cộng sản,

những cũng chứng tỏ họ không nhiệt tình lắm trong việc truyền bá rộng rãi quan điểm của họ hay thuyết phục người khác theo quan niệm của họ.

Thực tế chính sách của PCF trong vấn đề Đông Dương năm 1946 có thể tóm tắt trong hai từ: "giữ yên". Những người cộng sản quan tâm đến việc làm sao giữ được các vị trí trong thành phần chính phủ hơn là thuyết phục người khác ủng hộ các đồng chí Việt Nam của họ. Trong thời kỳ ngay sau chiến tranh, PCF đã làm hết sức mình để tạo ra hình ảnh một lực lượng chính trị yêu nước và ôn hòa ở Pháp. Chính sách đó đạt mức cao điểm vào tháng Mười một 1946 khi đảng hy vọng gây vốn chính trị cho mình bằng thắng lợi tuyển cử và mong đợi lãnh đạo đảng Maurice Thorez làm Thủ tướng. Cả Liên Xô lẫn PCF đều không nhiệt tình ủng hộ Cách mạng Tháng Tám 1945 của Việt Nam. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng Chín 1945, phần lớn báo chí Pháp bình luận một cách tiêu cực. Cơ quan ngôn luận của đảng là tờ *L'Humanité* (Nhân đạo) không bình luận gì, không nói gì đến cách mạng Việt Nam cho đến mười ba ngày sau, họ chỉ trích dẫn ngắn một mẩu tin của hãng thông tấn AFP. Những người cộng sản Pháp đã phản ứng tích cực đối với Hiệp định ngày 6 tháng Ba. Một vài đảng viên cao tuổi ít ảnh hưởng trong đảng hoặc một số bạn bè thân thiết đã tỏ thái độ hữu nghị với Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian Người lưu trú tại Pháp. Tuy nhiên, PCF đã tự kiềm chế không sử dụng vị thế của Bộ trưởng cộng sản Tillon trong Cominindo cũng như của Henri Lozeray, đại biểu cấp tiến trong Đoàn đại biểu Pháp tại Hội nghị Fontainebleau để gây áp lực với các thành viên khác nhằm có được những nhân nhượng đối với Việt Nam. Khi mối quan hệ Pháp - Việt xấu đi vào tháng Mười một, báo chí cộng sản hoặc từ chối bình luận, hoặc cố gắng chê trách thái độ của các nước thứ ba như người Trung Quốc hay người Mỹ trước các sự việc xảy ra[157].

Phù hợp với chính sách lấy châu Âu làm trung tâm của Mátxcơva trong thời gian này, PCF ưu tiên hy sinh những người cộng sản Việt Nam hơn là gây rủi ro cho tiếng tăm của chính đảng của họ.

Hai nhóm chính trị còn lại là các phần tử bảo thủ và cấp tiến (mỗi nhóm kiếm được 11-12% số phiếu bầu và 40 ghế trong Quốc hội trong các cuộc tuyển cử tháng Mười một 1946); cả hai đều là những phần tử thực dân tham lam và chống Việt Minh. Phân tích các tít báo và xã luận về Đông Dương được thực hiện bởi sáu tờ báo lớn ở Paris là nhằm minh họa các loại thông tin được cung cấp cho công chúng Pháp. Theo quan điểm của chúng tôi, phản ứng về vụ oanh tạc Hải Phòng và các sự kiện tiếp theo đến ngày 19 tháng Mười hai được quan tâm đặc biệt.

Không có một phóng viên báo độc lập nào có mặt ở Đông Dương vào thời gian đó. Các tin tức từ Sài Gòn đều được các nhà báo trích bản tin của hãng thông tấn AFP (Saulnier) dưới sự kiểm soát gắt gao của các giới cầm quyền tại Sài Gòn. Còn tin từ Hà Nội thì trích bản tin của hãng thông tấn AP (Mouschen) của Mỹ[158]. D'Argenlieu có thái độ khinh bỉ thâm căn cố đế đối với báo chí tự do và tìm cách tránh cấp thị thực cho bất kỳ nhà báo nào hay chỉ trích nhà cầm quyền[159]. Ông ta thiết lập quan hệ hợp tác chặt chẽ với AFP đến mức hãng thông tấn này được xem như một chi nhánh của chính quyền. Trong suốt ba tuần đầu tháng Mười một, sáu tờ báo hằng ngày ở Paris viết rất ít về tình hình Đông Dương. Việc thực thi hiệu quả lệnh ngừng bắn và vụ tự sát của bác sĩ Thinh đã được đưa tin nhưng không có bất kỳ nỗ lực nào để đánh giá mức độ thực hiện Hiệp định. Vụ tự sát đã làm dấy lên làn sóng chỉ trích trên báo chí. Tờ báo của SFIO *Le Populaire* tiên đoán chính phủ Nam Kỳ sẽ biến mất. Cảm thấy chắc chắn rằng người Nam Kỳ muốn tự trị, trên tờ *Le Monde*, Jacques Guérif bày tỏ tiếc nuối rằng chính phủ lâm thời lẽ ra phải dân chủ hơn thế[160]. Khi nghe tin về sự kiện

Hải Phòng ngày 20 tháng Mười một, tờ *Le Figaro* của những người bảo thủ, tờ *L'Aube* của những người Công giáo và tờ *Le Monde* của những người tự do đều lập tức chê trách người Việt Nam[161] mặc dù tờ *Le Monde* theo đúng bổn phận cũng có đăng cách giải thích của Việt Nam[162]. Các tít bài trên các tờ báo phe tả đều trung lập. Tờ *Le Populaire* và tờ *Franc Tireur* phản ánh xu hướng tự do trong SFIO, nhấn mạnh vụ rắc rối Hải Phòng bắt nguồn từ tranh chấp về hải quan, còn tờ báo cộng sản *L'Humanité* trong một mẩu ký sự ngắn ở trang 3 gợi ý rằng vụ rắc rối có thể do "hành động khiêu khích của các phần tử người Hoa chống Việt Nam"[163]. Ngày 23 tháng Mười một, hãng AFP đưa tin Dèbes gửi tối hậu thư cho người Việt Nam và điều này có thể dẫn đến cuộc tiến công của người Việt Nam. Loại thông tin như thế đã được *Le Monde* và *L'Aube* đăng lại. Tờ *L'Aube* thậm chí còn giật tít rằng người Pháp lại bị tấn công một lần nữa. Tờ *Le Figaro* đưa ra một bản tóm tắt sự việc theo hai cách giải thích của Pháp và Việt Nam. Tờ *Le Populaire* và *Franc-Tireur* bày tỏ nỗi thất vọng của họ về cách giải thích chính thức nhưng không thể đưa ra bất kỳ một cách lý giải nào khác. Tờ *Le Populaire* hy vọng chính phủ sẽ thấy được điều gì đã thực sự xảy ra và tờ *Franc-Tireur* kêu gọi bãi chức d'Argenlieu. Báo này bác bỏ luận điệu "người Việt Nam khiêu khích" và đặt câu hỏi "có phải các nhà thực dân lạc điệu nào đó đang cố gắng cứu vớt một chính sách phi lý thông qua những khiêu khích quân sự"[164]. Tập trung vào yêu cầu đòi Maurice Thorez phải cầm đầu chính phủ mới là nội dung trên trang nhất báo *L'Humanité* số ra ngày 26 tháng Mười một, ba ngày sau khi quân Pháp phạm tội tàn sát dân thường, thách thức thỏa thuận đã ký với một chính phủ do một người cộng sản lãnh đạo, là người đã tham gia thành lập PCF. Tuy nhiên, trang 3 của báo lại đưa những tin về Việt Nam. Một số "phần tử khiêu khích" không được xác định được coi là đã gây ra vụ rắc rối. Bài báo biện hộ cho niềm tin vào

Hồ Chí Minh và đòi chấm dứt "các phương pháp nước đôi, luôn luôn tạo đà cho các vụ khiêu khích". Ngày hôm sau, sự kiện bắt đầu điều tra thuyền buồm của lái buôn Trung Hoa đã được sử dụng để chứng minh rằng "đang xuất hiện một số lợi ích cá nhân nào đó xa lạ với lợi ích của Pháp và người bản xứ Việt Nam"[165]. Khi quân Pháp đã chiếm xong Hải Phòng thì báo *L'Humanité* lại chạy tít: "Bình yên đã trở lại Việt Nam"[166].

Việc sử dụng pháo binh và máy bay bắn phá các dòng người tản cư khỏi thành phố chỉ được đưa tin trên báo chí Pháp dưới hình thức phủ nhận chính thức, nhưng tờ *Le Populaire* lại nhận xét một cách đúng đắn rằng một trong những điều phủ nhận thực tế lại khẳng định lập luận của Việt Nam cho rằng pháo binh đã được sử dụng[167]. Nhiều báo đã nói đến số lính Pháp bị giết. Để bác bỏ những báo cáo cường điệu trên báo chí tiếng Hoa, có báo đưa tin chỉ có 50 người Hoa ở Hải Phòng bị giết hại. Không một tờ báo nào cố đưa ra con số thương vong của người Việt, và trận chiến hay "cuộc thảm sát" tại Hải Phòng chỉ được gọi chung chung là một "sự cố". Ngày 28 tháng Mười một, nhà báo Rémy Roure của tờ *Le Monde* khẳng định rằng về phía Pháp "không có một phát súng nào bắn ra, trừ trường hợp để tự vệ".

Đối với dư luận, như vậy đã là quá nhiều. Cần ghi nhớ những tình cảm dân tộc chủ nghĩa và việc không được thông tin đầy đủ và chính xác bởi vì bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu lập luận của những nhà hoạch định chính sách cấp cao nhất về Đông Dương.

NỘI CÁC CỦA BIDAULT

Nội các của Bidault là liên minh giữa ba chính đảng lớn nhất nhưng cũng bao gồm cả Alexandre Varenne, một đảng viên cấp tiến trước đây đã từng làm Toàn quyền Đông Dương. Nội các và Cominindo do các bộ trưởng thuộc MRP chi phối. Ba trong số các

thành viên của Comindindo là người của MRP gồm Bidault, Schumann và Michelet. SFIO chỉ có Marius Moutet là đại diện duy nhất. PCF cũng chỉ có một đại diện là Charles Tillon, được mệnh danh là bộ trưởng không quân, trung thành với chỉ thị của đảng là "giữ mồm, giữ miệng", không phát biểu gì hết. Còn Varenne tham gia đều đặn các buổi họp của Cominindo và nhiều lần lên tiếng[168].

Đa số các thành viên trong Cominindo đều hy vọng tránh được chiến tranh ở Đông Dương. Họ không đồng tình với ý muốn của d'Argenlieu là cắt đứt quan hệ với Hồ Chí Minh và triệt tiêu chính phủ của Người. Tin tức về các vụ Hải Phòng và Lạng Sơn đưa về Paris giữa lúc đang diễn ra cuộc khủng hoảng nội các. Nhiều khả năng nhất là Bidault sẽ phải bãi nhiệm ngay sau khi Quốc hội mới được bầu họp và thông qua thành phần chính phủ mới. Trong tình cảnh ấy, các bộ trưởng mãn nhiệm đang chờ người thay thế không thể đưa ra bất kỳ quyết định nào có ý nghĩa về những gì cần phải làm tại Đông Dương. D'Argenlieu không nhận được "đèn xanh" mà ông đang tìm kiếm để có thể thay đổi mạnh mẽ chính sách về Đông Dương, song ông cũng không bị "đèn đỏ" ngăn cấm. Thay vào đó, chính phủ đưa ra một loạt "đèn vàng". Tại Sài Gòn, Valluy đang chờ quyết định của chính phủ mà d'Argenlieu đi Paris để xin chỉ thị. Ông ta chỉ nhận được hàng loạt các bức điện của bản thân d'Argenlieu cốt chỉ để làm yên lòng thuộc cấp.

D'Argenlieu đến Paris vào chiều ngày 15 tháng Mười một. Trước tiên ông đi gặp Sainteny, là người mà ông đã chỉ thị phải trở lại Đông Dương tiếp tục nhiệm vụ Ủy viên Cộng hòa tại Hà Nội. Sau đó, d'Argenlieu bắt đầu đi vận động hành lang. Trong lúc pháo binh của hải quân đang nã đạn tới tấp vào Hải Phòng thì Cominindo họp ngày 23 tháng Mười một để nghe d'Argenlieu báo cáo về những điều đã xảy ra ba tháng trước. Ủy ban còn muốn nghe viên cao ủy báo cáo tường tận trước khi có những phác thảo

cuối cùng để xây dựng đề cương chỉ thị mới của chính phủ cho đô đốc - hoặc người kế nhiệm sau này - trở lại Sài Gòn. Nội dung những chỉ thị này đã được đem ra thảo luận và thông qua tại một buổi họp bổ sung của Cominindo ngày 29 tháng Mười một.

Báo cáo của d'Argenlieu trong cuộc họp ngày 23 tháng Mười một bắt đầu với tình hình Lào và Campuchia mà ông cho là đáng hài lòng mặc dù các vị quốc vương trị vì hai nước này "cần phải được cố vấn chặt chẽ và được kiểm soát một cách kín đáo". Các chính trị gia Lào và Campuchia đang chăm chú quan sát chính sách của Pháp tại Nam Kỳ và Bắc Kỳ, tự hỏi liệu nước Pháp có tỏ ra "quyết tâm mạnh mẽ hay do dự yếu ớt đối với những đòi hỏi và tham vọng của người Việt đối với hai nước láng giềng". D'Argenlieu thừa nhận Pháp đã thất bại tại Nam Kỳ và việc bác sĩ Thinh tự sát là "một dấu hiệu của thất bại đó". Điều này có ý nghĩa căn bản bởi "vấn đề An Nam bị neo chặt vào vấn đề Nam Kỳ". D'Argenlieu chê trách thái độ "thiếu cương quyết" của Chính phủ Pháp, xem đó là nguồn gốc của thất bại ở Nam Kỳ, ngoài ra, còn do sự tương phản giữa thái độ "im lặng dè dặt" của Paris đối với Nam Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng như đối với cá nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh. Việt Nam đã triệt để khai thác mặt không chắc chắn nói chung trong ý đồ của Pháp và mặt thuận lợi do Điều 9 của Tạm ước ngày 14 tháng Chín nói về ngừng bắn ở miền Nam đem lại cho họ. Thực tế, Điều 9 là sự uy hiếp nghiêm trọng đối với "di sản Pháp" [ám chỉ xứ thuộc địa Nam Kỳ - ND]. Do đó, d'Argenlieu thấy rất cần thiết phải đình chỉ thi hành Tạm ước. Biện pháp này có thể sẽ gây nên "một cơn sốc tâm lý" nhưng là cần thiết[169].

Mặc dù ngày 12 tháng Mười một, d'Argenlieu đã chỉ thị cho Valluy không loại trừ một cuộc đối đầu trực tiếp với "chính phủ Hà Nội", nhưng hình như ông ta coi nhẹ nguy cơ nổ ra xung đột ở miền Bắc theo báo cáo của ông gửi Cominindo ngày 23 tháng Mười một, hầu

như ông chỉ toàn nói về Nam Kỳ. Tuy nhiên, tất cả những người tham dự cuộc họp, có thể trừ Charles Tillon, đều hẳn đã biết những chỉ thị mà Valluy gửi cho Dèbes ngày 21 tháng Mười một[170]. Cuộc họp của Comindo bắt đầu lúc 3h chiều. Một loạt chỉ thị của Valluy gửi lần thứ hai cho Dèbes và Morlière về việc dạy cho Việt Nam một bài học nghiêm khắc đã được Phòng Cơ yếu tại Paris ghi thời gian nhận là 17h47 ngày 23 tháng Mười một[171]. Có thể ít nhất một số thành viên trong Cominindo đã được biết tin đó trong hoặc sau buổi họp. Sau khi nghe báo cáo của d'Argenlieu, Bidault, Moutet và Michelet đã thảo luận với nhau khá lâu. Theo biên bản cuộc họp thì Tillon cũng đã phát biểu đôi điều[172]. Thật tiếc là không có một biên bản tóm tắt nào về cuộc thảo luận ngày 23 tháng Mười một giữa Michelet và Tillon cho biết từng người đã nói gì. Hình như cả Bidault và Moutet không ai nói đến vụ Hải Phòng. Hai ông đều phát biểu ủng hộ cho phép Sài Gòn chấm dứt lệnh ngừng bắn đã được ghi trong Điều 9 của Tạm ước ngày 14 tháng Chín. Bidault nhấn mạnh Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp và sẽ giữ nguyên quy chế này cho đến khi Quốc hội Pháp có quyết định khác. Luật pháp Pháp vẫn có hiệu lực tại Nam Kỳ và "chính phủ có nghĩa vụ làm tất cả các quyền của Pháp được tôn trọng bằng tất cả các phương tiện, kể cả phải dùng đến bạo lực"[173].

Moutet khẳng định Điều 9 của Tạm ước ngày 14 tháng Chín không cho Việt Nam có quyền gì tại Nam Kỳ. Chỉ có một điều liên quan đến Nam Kỳ có thể được đem ra thảo luận với chính quyền Hà Nội là hai bên đã thỏa thuận ngừng bắn tại đây. Moutet khẳng định Bộ Chỉ huy Pháp đã nghiêm chỉnh tôn trọng lệnh ngừng bắn, nhưng lính Pháp vẫn còn bị tấn công, và những cuộc tấn công cũng nhằm vào người Việt mà Bộ Chỉ huy Pháp có nghĩa vụ phải bảo vệ. "Kết quả là Bộ Chỉ huy Pháp thấy cần thiết phải lập lại trật tự và dập tắt mọi hành động gây rối, nếu cần phải sử dụng bạo lực"[174].

Những phát biểu của Bidault và Moutet xem ra chỉ áp dụng ở Nam Kỳ, nhưng khi chúng ta nhận thấy rằng một khi họ đã ý thức được cuộc khủng hoảng Hải Phòng thì chắc chắn họ cũng đã hiểu rằng phát biểu của mình có thể được coi là "bật đèn xanh" cho việc sử dụng bạo lực ở miền Bắc. Đó là cách hiểu của d'Argenlieu khi ông thông qua mọi đề nghị của Valluy trong bức điện gửi Sài Gòn ngày 25 tháng Mười một: "Tôi hoàn toàn chuẩn y những chỉ thị mà ông gửi cho Tướng Morlière. Chúng phù hợp với định hướng của chính phủ đã được quy định trong kỳ họp của Cominindo ngày 23 tháng Mười một"[175].

Nội các của Bidault họp phiên cuối cùng ngày 27 tháng Mười một và ngày hôm sau, khi Quốc hội của Đệ tứ Cộng hòa Pháp họp phiên đầu tiên, Bidault đã thông báo từ chức. Sau cuộc họp nội các ngày 27 tháng Mười một, Moutet nhắc lại cách giải thích của Valluy về sự kiện Hải Phòng trong phát biểu của ông với báo chí, nói thêm rằng nếu "chính sách thỏa thuận" bị đối phương phá hoại thì sự lựa chọn duy nhất đối với Pháp là "cương quyết không chùn bước"[176]. Lời phát biểu này được các nhà cầm quyền Sài Gòn hoan hỉ đón nhận. Họ yêu cầu Paris gửi cho toàn văn bài phát biểu vì có thể "bổ ích về sau này"[177].

Chính phủ của Bidault có đáng bị chê trách gì đó trong những sự việc xảy ra ở Đông Dương hay không? Chính phủ có biết Valluy và Dèbes đã hành động như thế nào không? Sài Gòn có thông báo cho Paris một cách chính xác không? Cho đến ngày 21 tháng Mười một, xem ra viên cao ủy đã không báo cáo cho Paris về các hoạt động kiểm soát xuất nhập khẩu cùng những hệ lụy của chúng tại Hải Phòng[178]. Nhưng d'Argenlieu đã báo cho Bidault và Tướng Juin (Tổng Tham mưu trưởng) về những chỉ thị ngặt nghèo mà ông ta đã gửi cho Valluy ngày 12 tháng Mười một. Tiếc rằng chúng ta không biết họ thông tin cho những người khác ở mức độ nào và họ

đã nói gì với d'Argenlieu khi ông này tới Paris. Rõ ràng là Tướng Valluy không chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình hình mà d'Argenlieu đã đặt ông ta vào và ông đã thực hiện chính sách của viên đô đốc mà không biết chắc chính phủ có đứng đằng sau ông ta hay không. Sau ngày d'Argenlieu rời Sài Gòn, Valluy đã gửi một loạt điện tín về Paris với những lập luận ủng hộ chính sách cương quyết. Rõ ràng ông này không muốn Paris đứng ngoài cuộc chơi này và không muốn chỉ mình ông ta chịu trách nhiệm về "việc đã rồi".

Tin tức gửi về Paris trong suốt cuộc chiến ở Hải Phòng là không đầy đủ và thiên lệch. Vụ việc liên tục được báo cáo theo kiểu đó là hành động khiệu khích của phía Việt Nam, tuyệt nhiên không nói gì đến số nạn nhân, kể cả tranh cãi giữa Valluy và Morlière. Tuy nhiên, Valluy đã thông báo cho Paris không chậm trễ lắm về những chỉ thị mà ông nhận được ngày 21 và 22 tháng Mười một, trích dẫn kèm thêm cả những lời lẽ thô lỗ nhất[179]. Thư phản kháng của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Bidault yêu cầu ông ta ra lệnh ngừng bắn ngay lập tức cũng đã được chuyển về Paris trong ngày 27 tháng Mười một[180].

Những phản ứng đầu tiên từ Paris hẳn đã làm vui lòng Valluy. Nhiều điện văn bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn của chính phủ[181], nhưng tất cả đều đến từ d'Argenlieu. Ít ngày sau, Valluy nhận được một số câu hỏi và bình luận mang tính chỉ trích của các tham mưu trưởng. Họ làm ông sợ rằng rốt cuộc thì d'Argenlieu cũng chẳng có sự che chắn nào đằng sau. Như chúng ta sớm nhận ra, nỗi sợ này đã có ảnh hưởng sâu xa đến cách hành xử của Pháp một vài tuần sau đó khi Valluy rơi vào tình trạng lung lay.

Khó mà phân tích chính xác vai trò và trách nhiệm của Bidault và chính phủ của ông ta trong những sự kiện dẫn đến cuộc thảm sát và chiếm đóng Hải Phòng và Lạng Sơn. Hành động của Pháp đều diễn ra dưới quyền uy của những chỉ thị từ viên cao ủy

chứ không phải từ Thủ tướng hay một bộ trưởng nào, nhưng sự thực d'Argenlieu đã thông báo cho Bidault và Tướng Juin về những chỉ thị ông ta gửi cho Valluy ngày 12 tháng Mười một trước khi chúng được thực hiện lại liên quan đến trách nhiệm của cả Thủ tướng và Tổng Tham mưu trưởng. Mặc dù giấy phép ngày 23 tháng Mười một của Moutet cho phép hủy bỏ lệnh ngừng bắn mà ông ta đã ký vào giữa tháng Chín chỉ áp dụng ở miền Nam, song ông ta hẳn phải sớm biết rằng d'Argenlieu và Valluy đã làm gì, nhưng ông ta không cố ngăn cản họ. Dường như đã rõ ràng là ít nhất một số bộ trưởng Pháp đã có đủ kiến thức để hiểu rằng "nước Pháp mới" đã đi vào con đường đối đầu toàn diện với Việt Minh.

Tuy nhiên, việc chiếm đóng Hải Phòng và Lạng Sơn đã không ngay lập tức dẫn đến bùng nổ chiến tranh như d'Argenlieu và Valluy có thể đã mong đợi. Quân đội Việt Nam vẫn tiếp tục chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài nhưng không ăn miếng trả miếng. Một tháng bế tắc tiếp theo, trong suốt thời gian đó, Chính phủ Pháp lại có cơ hội can thiệp. Hồ Chí Minh đã mong muốn chuyện đó trong tuyệt vọng. Người muốn có thêm nhiều thời gian chuẩn bị hoặc tránh để xảy ra chiến tranh. Tuy nhiên, bộ ba "tam đầu chế" của Pháp ở Sài Gòn đã không để mất thời gian. Valluy sẵn sàng ra lệnh thi hành một số bộ phận cốt lõi trong Chiến dịch Bến Tre hình thành từ tháng Hai - tháng Ba, phát động cuộc tiến công từ phía tây thành phố Hải Phòng để giành quyền kiểm soát con đường từ Hải Phòng lên Hà Nội. Điều đó cần có sự phối hợp với "hành động cảnh sát" nhằm bắt được Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thành viên chính phủ. Song, liệu viên cao ủy có dám nhận trách nhiệm triển khai các chiến dịch tiến công sau đó khi Chính phủ Việt Nam không phản ứng bằng bạo lực hay không? Nếu không như vậy thì tốt hơn hết là tìm cách thôi thúc Việt Minh tạo ra một cái cớ. Nước Pháp cần một cái bẫy.

Chương 5

CÁI BẪY CỦA PHÁP

Sau ngày 23 tháng Mười một, Morlière đã mong đợi việc Pháp chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn sẽ ngay lập tức gây ra một xung đột lớn, và ông còn tập trung chuẩn bị các lực lượng để đáp trả lại cuộc phản công từ phía Việt Nam. Ở Hải Phòng, tình báo quân đội Pháp đã nắm trong tay một kế hoạch của Việt Nam nhằm tấn công đơn vị đồn trú của Pháp tại Hà Nội, và việc này càng củng cố phán đoán rằng Việt Nam sẽ bắt đầu tấn công trước. Việc này sau đó sẽ châm ngòi cho "cuộc đảo chính", một phần trong kế hoạch của Pháp từ khi chiến dịch Bến Tre bị huỷ bỏ sau Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba. Tuy nhiên, Việt Nam đã không tấn công. Thay vào đó, họ đã tăng cường chuẩn bị về phòng thủ và xây dựng các công sự phòng thủ trên các tuyến phố của Hà Nội. Các lãnh sự nước ngoài nói với Morlière rằng một vài thành viên trong Chính phủ Việt Nam đã bộc lộ mong muốn của họ về việc hạn chế xung đột và thậm chí là kết thúc nó[1]. Ông Giáp đã yêu cầu được gặp Morlière và việc này đã thúc đẩy việc trao đổi thư từ giữa hai bên. Morlière cố bưng bít dư luận, hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng tiêu cực của vụ thảm sát ở Hải Phòng; tuy nhiên, những lá thư ông ta gửi cho Chính phủ Việt Nam, dựa trên các chỉ thị của Valluy, đã được công bố ngay lập tức. Những lá thư đó đã khiến người dân Việt Nam gọi Morlière bằng một biệt danh "vị tướng của những tối hậu thư"

và những người Pháp thuộc cánh tả đã cáo buộc ông là người thuộc "phái cận thần của thực dân"[2].

Morlière nhận lời gặp ông Giáp vào lúc 4h chiều ngày 26 tháng Mười một. Morlière yêu cầu Việt Nam thừa nhận quyền kiểm soát của Pháp đối với Hải Phòng. Có thể thiết lập lại chính quyền nhân dân và một lực lượng dân quân Việt Nam ở đó, tuy nhiên, lực lượng quân đội chính quy Việt Nam sẽ phải đóng quân tại một vùng đã được phân định ở phía ngoài. Morlière thông tin cho Valluy biết ý định của ông ta trước khi đưa ra các yêu cầu với ông Giáp, chính việc này đã khiến Valluy có cơ hội để ngăn cản Morlière. Hai giờ trước buổi gặp, Valluy đã chỉ thị cho Morlière phải hoãn lại[3]. Có phải Valluy muốn lợi dụng chiến thắng ở Hải Phòng để "làm vốn" và đoạn tuyệt quan hệ với Hồ Chí Minh không? Không cần thiết. Valluy và cố vấn chính trị của ông là Pignon, cả hai người đều tỏ ra lo lắng rằng Pháp không nên xuất hiện như kẻ đi xâm lược. Ngày 23 tháng Mười một, trong lúc trận chiến Hải Phòng đang tiếp diễn, và cũng cùng ngày hôm đó Comindo họp tại Paris, họ đã từ chối thực hiện yêu cầu của d'Argenlieu về việc phục chức Cao uỷ Pháp tại Bắc Kỳ (vẫn là Morlière trong khi Sainteny vắng mặt) và chiếm lại dinh thự cũ của Toàn quyền Đông Dương. Điều này đã được giải thích trong một bức điện: "Trong hoàn cảnh hiện tại và sau các sự việc rất nghiêm trọng đã xảy ra tại Hải Phòng và Lạng Sơn, việc làm này sẽ được hiểu như một sự khiêu khích, biểu lộ mong muốn của chúng ta về một sự đoạn tuyệt quan hệ với Việt Nam. Tóm lại, đây là toàn bộ chính sách của Chính phủ Pháp mà sẽ bị vấn đề này gây ra nghi ngờ, và chúng tôi tin rằng nhất thiết phải tham khảo ý kiến trước"[4].

Bức điện được Morlière và Pignon cùng gửi cho d'Argenlieu đã cho ta một cái nhìn thoáng qua khá hấp dẫn về mối quan hệ đã

phát triển giữa Chính phủ Pháp và những người đại diện của họ tại Đông Dương. Viên quyền Cao ủy và Cố vấn chính trị của ông ta không tin rằng Cao ủy có thể giải thích một cách đúng đắn chính sách của chính phủ mặc dù ông ta khi ở Paris đã gặp các vị bộ trưởng. Bởi vậy, họ đã thách thức mệnh lệnh của ông ta về một vấn đề có tính biểu tượng và nhạy cảm cao.

Ba ngày sau, khi Valluy xem xét các yêu cầu mà Morlière dự định đưa ra trong cuộc gặp ông Giáp, ông ta nhận thấy những điều kiện đó quá khiêm nhường. Trước khi gặp ông Giáp, ông ta chỉ thị cho Morlière vẫn tiếp tục các cuộc hành quân và mở rộng vùng kiểm soát của Pháp.xung quanh Hải Phòng. Sau đó mới đề ra các yêu cầu sau đây với ông Giáp: phân định ranh giới một vùng rộng lớn xung quanh Hải Phòng, tại đây không một đơn vị quân sự hoặc bán quân sự nào của Việt Nam được quyền đóng quân; Pháp có quyền kiểm soát mọi di chuyển của các đơn vị bộ đội Việt Nam và thuyền bè trên sông qua vùng đó; và Pháp hoàn toàn tự do di chuyển trên tuyến đường từ Hải Phòng đi Đồ Sơn (một thị trấn nhỏ ven biển, phía nam Hải Phòng). Tại Lạng Sơn, Morlière phải củng cố thắng lợi đã giành được trong khi chờ đợi mệnh lệnh mới[5].

Morlière không tuân lệnh ngay lập tức và đã cảnh báo Valluy rằng Việt Nam không thể đồng ý cho Pháp được hoàn toàn kiểm soát việc đi lại trên con sông quan trọng này. Valluy lúc này đã có phần tự tin hơn vào sự hậu thuẫn của chính phủ. Vì Valluy nhận được tin của d'Argenlieu nói rằng những chỉ thị mà ông ta gửi cho Morlière liên quan đến việc chiếm đóng Hải Phòng là "theo đúng đường lối với các quyết định của chính phủ", nên ông ta đã giải thích cho Morlière hiểu rằng việc kiểm soát giao thông trên sông chỉ ảnh hưởng đến công cuộc vận chuyển quân sự. Ông khước từ mọi thay đổi đối với các yêu cầu trên. Sau đó, Morlière buộc phải thông báo với ông Giáp các yêu cầu này tại cuộc gặp ngày 27 tháng

Mười một. Ông ta nói với ông Giáp rằng những yêu cầu này đã được Sài Gòn "phê chuẩn", nhưng không tiết lộ rằng những yêu cầu đó đã được "ra lệnh" cho ông ta[6].

Ông Giáp đã đề nghị thành lập một tiểu ban hỗn hợp để thảo luận vấn đề này. Morlière trả lời rằng các điều kiện trên là kết quả của "những chỉ thị rất rõ ràng", không thể đem ra bàn bạc. Vì thế, một tiểu ban hỗn hợp chỉ hữu ích nếu mục đích của nó là quyết định các biện pháp thực hiện như thế nào. Ông Giáp đáp lại là các yêu cầu đó vi phạm chủ quyền quốc gia của Việt Nam và yêu cầu Morlière xem xét lại và thông báo cho Sài Gòn về những gợi ý của ông. Morlière nhắc lại rằng các điều kiện đó đã được chỉ huy cấp cao của Pháp thông qua và rằng Sài Gòn luôn luôn được biết về các đề nghị của ông Giáp[7]. Sau đó, ông Giáp đã để cho vấn đề chìm xuống. Khi Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan thông báo cho Washington về các điều kiện của Morlière, ông đã gọi chúng là một "tối hậu thư không có thời hạn cuối cùng" và cho rằng Pháp dường như đã quyết tâm ép buộc sự cộng tác của Việt Nam theo các điều kiện của Pháp "hoặc là đập nát chính phủ (Việt Nam)"[8].

Khi "tối hậu thư không có thời hạn cuối cùng" được biết đến tại Pháp, tờ báo *Le Populaire* của SFIO chỉ đưa tin mà không hề bình luận. Tờ *L'Aube* của Đảng MRP đã tập trung vào sự trì hoãn trả lời của Việt Nam và báo *Le Figaro* của Đảng Bảo thủ thì trích dẫn lời giải thích của d'Argenlieu. Tờ báo cộng sản *L'Humanité* cho rằng phương pháp trong các tối hậu thư là "không tốt" và rằng "chính sách kiên quyết giả tạo" đã từng được áp dụng tại Libăng và Xyri đang làm hủy hoại chính quyền đạo đức của Pháp và "mở cánh cửa tới những chính sách khác"[9]. Tờ *Franc-Tireur* của phái tả đã đăng lại tối hậu thư dưới tít bài nổi bật và đặt câu hỏi liệu có phải nước Pháp đang chuẩn bị "tái chinh phục" và yêu cầu phái một đoàn nghị sĩ đến Đông Dương.

Mặc dù bộ ba "tam đầu chế" tại Sài Gòn mong muốn xóa bỏ Chính phủ Việt Nam, nhưng người Pháp đã không làm vậy trong nửa đầu tháng Mười hai vì ba lý do chính. *Thứ nhất,* Morlière và Valluy quan tâm đến số phận của các công dân Pháp ở Hà Nội và sự an toàn của các lực lượng đồn trú nhỏ của Pháp tại Vinh, Hải Dương, Bắc Ninh và Phủ Lạng Thương. *Thứ hai,* Valluy và Pignon tiếp tục lo ngại rằng Chính phủ Pháp có thể phủ nhận các hoạt động của họ. Và *thứ ba,* một số nhà hoạch định chính sách của Pháp nghĩ rằng có thể áp đặt các điều kiện của Pháp lên nhóm các phần tử ôn hoà ở Bắc Việt Nam và tách họ ra khỏi phe các phần tử quá khích. Quan trọng nhất là sự thiếu nhất quán trong thái độ của Chính phủ Pháp. Lý do tại sao tối hậu thư của Valluy và Morlière không đề ra thời gian giới hạn là vì rất có khả năng Valluy sẽ đợi để xem kết quả cuộc họp ngày 29 tháng Mười hai của Cominindo, để thông qua các huấn thị mới của chính phủ đã được chờ đợi từ lâu.

Tường thuật về tối hậu thư của Pháp, Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan nói thêm rằng đường lối hành động của Việt Nam "vẫn chưa được quyết định". Việc sơ tán phần lớn dân chúng ra khỏi Hà Nội, bắt đầu từ khi Dèbes đánh chiếm Hải Phòng, đang được tiếp tục. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ít nhất là một phần chính phủ, cũng đã rời khỏi thủ đô, và dân chúng, đặc biệt là ở vùng ngoại ô, "hầu hết đều trong tình trạng hoang mang"[10]. Ngày 30 tháng Mười một, Morlière báo cáo về Sài Gòn việc sơ tán dân chúng ra khỏi Hà Nội vẫn tiếp tục, tuy nhiên, ông ta không thấy những dấu hiệu chứng tỏ một cuộc phản công của Việt Nam sắp xảy ra trong thành phố. Morlière đã thông báo cho Cao uỷ rằng trước việc Pháp từ chối thảo luận những điều kiện khắt khe do Valluy đưa ra và quyết tâm của Chính phủ Pháp, Chính phủ Việt Nam dường như vẫn không dự tính "một hành động tiến công

nhưng cố gắng kéo dài sự việc". Morlière thông báo ngay cho viên Cao ủy[11]. Mỗi bên đang đợi bên kia đi bước tiếp theo và đợi Paris làm sáng tỏ lập trường của mình.

"MỘT NGƯỜI THỔI CÒI"

Chúng ta đã thấy Cominindo trong phiên họp chiều ngày 23 tháng Mười một thể hiện một điều lạ lùng là không nắm được tình hình thực tế đang diễn ra tại Đông Dương. Ủy ban đã thảo luận về tình hình Nam Kỳ và bàn về sự cần thiết phải chấm dứt thi hành lệnh ngừng bắn vào lúc pháo binh Pháp đang trút đạn vào thành phố Hải Phòng suốt một ngày. Không một ai trong số các thành viên dự họp lên tiếng về tình hình báo động đó hay hỏi han gì về mục đích của cuộc pháo kích này. Nếu biên bản cuộc họp là đáng tin cậy thì cả trong biên bản không thấy một lời phát biểu nào của hai ông Bidault và Moutet về "sự kiện Hải Phòng". Tuy nhiên, trong số những người tham dự, có một nhân vật đã thổi còi phản đối sau cuộc họp. Người đó không phải là bộ trưởng thay mặt cho bộ nào trong chính phủ, cũng không phải là một trong số những người chủ trương cải cách thể chế thuộc địa trong Bộ Hải ngoại Pháp, mà là Phó Tổng Tham mưu trưởng, Đô đốc Pierre Barjot. Và ông này đã sớm nhận được sự ủng hộ từ cố vấn quân sự của Thủ tướng.

Valluy và Pignon có lý do chính đáng để nghi ngờ khả năng d'Argenlieu có thể giải thích đúng đắn chính sách của Chính phủ Pháp, và Valluy biết rằng một cuộc đối đầu toàn diện với Việt Minh sẽ đòi hỏi chính quốc phải tăng viện cho đội quân viễn chinh và có nghĩa là nước Pháp sẽ tăng thêm một cách đáng kể các khoản chi tiêu quân sự. Các tham mưu trưởng đều biết rõ các chính trị gia Pháp đang tìm cách *cắt giảm* chi tiêu quân sự. Những yêu cầu làm Pháp mạnh hơn về kinh tế luôn luôn là nguồn gốc xung đột về ý tưởng giữa Paris và Sài Gòn. Trong chiến dịch vận

động bầu cử, các ứng cử viên cộng sản và xã hội đều nhấn mạnh những hứa hẹn cắt giảm chi tiêu quân sự. Moutet cũng đã cố gắng giữ những lời đã hứa với cử tri. Trong tháng Chín, ông đã phái một tiểu ban kiểm tra liên bộ do Thanh tra Georges Gayet dẫn đầu đi Đông Dương để thanh tra các phương án tiết kiệm. Đúng là Gayet đã không được hoan nghênh tại Đông Dương. Ngay sau khi tới nơi, Valluy và ông ta đã tranh cãi nhau kịch liệt, không thỏa thuận được với nhau hiện nay bao nhiêu quân là vừa để bảo vệ khu vực Sài Gòn[12]. D'Argenlieu đã không đợi để xem kết luận của Gayet trước khi đánh điện về Paris vào ngày 4 tháng Mười rằng Tạm ước ngày 14 tháng Chín không có nghĩa là cắt giảm nhu cầu cung ứng cho quân đội: "Tôi nghĩ rằng hiện nay không có việc gì phải dùng đến tiền và quân đội tốt hơn là việc bảo vệ các vùng lãnh thổ của Liên hiệp Pháp"[13]. Còn Gayet thì khẳng định quan điểm trái ngược của ông: có thể giảm mạnh sự hiện diện của quân đội châu Âu ở đây nếu Tạm ước được nghiêm chỉnh thi hành[14]. Ông nói đến một khía cạnh khác là ở thuộc địa có quá nhiều sĩ quan cao cấp. Quan điểm của Gayet vấp phải những phản ứng gay gắt không những ở Sài Gòn mà còn của các tham mưu trưởng, Bộ Tham mưu quốc phòng (EMGDN). Trong một bức thư gửi Moutet, EMGDN đã bác bỏ tất cả các kết luận của Gayet và ủng hộ yêu cầu của Sài Gòn để 75.000 quân Pháp ở lại Đông Dương đến hết năm 1947[15]. Trong khi chiếm đóng Hải Phòng, Valluy còn yêu cầu Paris tăng thêm viện quân cho quân đội viễn chinh. Ông nói: "Ý đồ của chính phủ Hà Nội và nghĩa vụ mới của chúng ta ở Campuchia khiến cho không thể khẳng định rằng ưu thế quân sự của chúng ta có thể duy trì được trong mấy tháng tới với cùng một giới hạn như hiện nay"[16].

Các tham mưu trưởng đều ủng hộ d'Argenlieu và Valluy chống lại Gayet. Còn Moutet không tỏ ra mong muốn giảm quân số, nhưng EMGDN đã phải nghiêm túc suy nghĩ về những rủi ro mà

nước Pháp sẽ phải chịu đựng tại các vùng lãnh thổ khác trong khối Liên hiệp Pháp nếu gửi quá nhiều quân dính líu vào cuộc chiến tranh Đông Dương và bắt buộc tăng thêm những khoản chi tiêu khổng lồ. Không phải chính Tổng Tham mưu trưởng Alphonse Juin thổi còi mà lại là Phó Tổng Tham mưu trưởng, Đô đốc Barjot. Ông này có được hậu thuẫn của Tướng Humbert, Cố vấn trưởng về quân sự của Thủ tướng Bidault, là người đã gửi một bản ghi nhớ cho Bidault ngày 30 tháng Mười một, trong đó nói rằng có thể gửi thêm quân chi viện theo yêu cầu của Valluy nếu đó chỉ là biện pháp tạm thời, còn nếu là điều báo hiệu một chính sách dựa vào vũ lực thì đó là một bước đi tới vực thẳm vì nó vượt quá xa những khả năng của Pháp[17].

Tướng Juin đã đi thăm Braxin và Barjot đại diện cho EMGDN tham dự cuộc họp ngày 29 tháng Mười một của Cominindo. Trước khi họp, ông đã yêu cầu Sài Gòn cung cấp thêm nhiều thông tin về việc chiếm đóng Hải Phòng. Một ngày sau cuộc họp, Valluy mới trả lời rằng ông ta không có gì để thêm vào những gì mà ông đã báo cáo[18]. Sau đó, Barjot quyết định phải báo cáo chính xác hơn. Ông ta muốn một báo cáo miêu tả việc kiểm soát xuất nhập khẩu và các phản ứng của Việt Nam trong việc này. Ông ta muốn biết thời gian và ngày tháng ký kết bản thỏa thuận giữa Herckel và Hoàng Hữu Nam có liên quan gì đến thời gian và ngày tháng Valluy ra lệnh đánh chiếm Hải Phòng hay không, và cuộc tấn công này đã gây thiệt hại cho khu phố người Hoa ở Hải Phòng như thế nào? Ngoài ra, ông còn yêu cầu đánh giá tổng thể tình hình quân sự tại miền Bắc[19]. Các câu hỏi của Đô đốc Barjot gửi đến Sài Gòn kèm theo một yêu cầu của Moutet về việc giải thích "mệnh lệnh đảo chính Dercourt", một trong những mệnh lệnh được niêm phong kín của Dèbes đã lọt vào tay người Việt Nam trong khi giao chiến và đã được đăng tải trên báo chí Việt Nam[20]. Valluy đã giải thích cho

Moutet hiểu rằng một đơn vị dưới quyền chỉ huy của Dercourt có một nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ đó là cần thiết, nói một cách tổng thể, là một cuộc tiến công trong phòng ngự[21]. Thật là may mắn cho nhà sử học, các câu hỏi của Đô đốc Barjot đã được chuyển tiếp tới Hà Nội, tại đây, Morlière nhân dịp này tập hợp một cách thận trọng tất cả những huấn thị mà ông đã nhận được và gửi đi trong khi đang diễn ra trận chiến Hải Phòng. Morlière viết một báo cáo, kèm theo tất cả các tư liệu liên quan và sau đó gửi toàn bộ báo cáo và tư liệu đến Sài Gòn. Đây là bản báo cáo ngày 4 tháng Mười hai 1946 của Morlière, thông thường được trích dẫn trong phần chú thích ở cuối sách[22].

Bản báo cáo của Morlière không làm vừa lòng Valluy. Ông này chua chát viết cho Morlière rằng những câu hỏi của Barjot chỉ có chủ đích "báo chí", tuyệt nhiên không phải là một cuộc thẩm vấn của chính phủ. Valluy đã gửi tiếp báo cáo của Morlière cho d'Argenlieu. Ông này sẽ phải dè chừng Barjot[23]. Người ta không biết rõ liệu d'Argenlieu hoặc Morlière có đưa báo cáo này cho ai nữa không, tuy nhiên, đã có một bản sao được Cominindo gửi cho Bộ Ngoại giao vào ngày 3 tháng Giêng 1947. Moutet đã trao tận tay Morlière bản sao báo cáo này trong lúc ông ta tới Sài Gòn ngày 6 tháng Giêng 1947[24].

Pignon đã xem báo cáo của Morlière gần một tháng trước đó và bản báo cáo chắc hẳn đã khiến cho lương tâm ông ta bất an. Ông ta đang thảo một báo cáo dài của riêng ông về sự kiện Hải Phòng và Lạng Sơn, với 17 tài liệu được đính kèm, nhưng không có một tài liệu nào có tính quy tội như những tài liệu Morlière đã gửi kèm theo báo cáo ngày 4 tháng Mười hai. Làm sao Pignon có thể gửi báo cáo của ông về Paris mà không nêu những sự việc đã được kể lại trong báo cáo của Morlière trước đó? Liệu ông có thể bị chính

phủ cáo buộc là giấu giếm thông tin hay không? Ông ta đã tìm ra một giải pháp để thoát tội. Ông đã trích dẫn các số của tất cả các bức điện nhận được của Morlière và nói rằng những bức điện đã được mã hóa theo thông lệ và chúng là những tài liệu tuyệt mật, không thể lưu hành rộng rãi. Nhà đương cục có thể yêu cầu cơ quan tổng hành dinh của Valluy cung cấp những bức điện đã được giải mã[25]. Báo cáo của Pignon được gửi tới Paris ngày 10 tháng Mười hai nhưng không đính kèm các bức điện của Morlière. Có lẽ không ai yêu cầu được xem những bức điện đã được giải mã.

Trước đó mười một ngày, không được Morlière ủng hộ, Barjot đã viết một bản ghi nhớ dài có tính chỉ trích của riêng mình, ký ngày 29 tháng Mười một, chắc chắn là đã gửi cho Bidault một bản sao và có thể đưa ra cuộc họp của Cominindo. Barjot nói rằng việc kiểm soát thuế quan mà không có thương thảo trước với người Việt Nam và những huấn thị của Valluy gửi Morlière đã dẫn đến việc tái diễn cuộc xung đột tại Hải Phòng vào lúc cuộc xung đột đã được giải quyết một phần thông qua thỏa thuận ký giữa Herckel và Hoàng Hữu Nam:

> Vấn đề then chốt bảo đảm an ninh cho chúng ta là Nam Kỳ chứ không phải Bắc Kỳ. Chúng ta không thể cùng lúc có mặt ở khắp mọi nơi và chiếm đóng ồ ạt tất cả các vị trí. Chúng ta phải biết lựa chọn: lựa chọn là hiển nhiên: nền tảng sự hiện diện của chúng ta tại Đông Dương là Nam Kỳ. Đây là nơi chúng ta phải tập trung lực lượng của mình. Chúng ta không có lợi ích gì trong việc nhen nhóm những cuộc hành quân tại miền Bắc, việc này sẽ khiến chúng ta - và thực tế là đã và đang khiến chúng ta - phải phái ra Bắc những con tàu, những lính dù và máy bay, làm cạn kiệt lực lượng của chúng ta tại Nam Kỳ. Nếu chúng ta muốn chiếm tất cả các lãnh thổ ở Bắc, Nam và Trung Đông Dương bằng vũ lực, chúng ta sẽ không thể thực hiện được với 10.000 hoặc 15.000 viện binh. Chúng ta sẽ cần đến 250.000 quân.

Theo Barjot, việc gửi nhiều viện binh đến Đông Dương sẽ là "một trong những sai lầm nghiêm trọng nhất về chiến lược" có thể hình dung được, vì sẽ không còn lực lượng dự phòng các cuộc xung đột có thể bùng nổ tại châu Phi thuộc Pháp (như đã xảy ra tại Mađagaxca vào tháng Ba sau đó). Barjot kết luận: "Quan điểm của các tham mưu trưởng đã được xác định", "chính tại Nam Kỳ, các nỗ lực quân sự của chúng ta phải được tiếp tục thực hiện"[26]. Trong các khuyến nghị của Barjot, Valluy đã phải thừa nhận chiến lược mà chính ông đã đưa ra vào hồi tháng Tám.

Tướng Leclerc đọc bản ghi nhớ của Barjot ở Paris và ủng hộ quan điểm trong đó. Ngày 5 tháng Mười hai, sau khi thảo luận về Đông Dương với Thủ tướng Bidault, ông đã viết một bản bị vong lục, trong đó ông lấy làm tiếc rằng mấy tháng nay người ta đã áp dụng tại Đông Dương một phương pháp "chủ yếu là khác hẳn" với phương pháp của chính ông trước đây. "Họ muốn bẻ gãy cuộc kháng chiến của Việt Nam bằng vũ lực, áp dụng lại một lần nữa những phương pháp từ thời chinh phục thuộc địa. Hơn thế nữa, họ không tin Chủ tịch Hồ Chí Minh và đội ngũ của Người sẽ đem lại hiệu quả"[27]. Khi Tướng Lerlerc nói đến các phương pháp "áp dụng từ thời chinh phục thuộc địa", chắc hẳn ông muốn nói đến cuộc xâm chiếm Bắc Kỳ những năm 1884-1885, nhưng ông cũng có thể ám chỉ chiến dịch Bến Tre của chính ông, vét hết quân ở Nam Kỳ hồi tháng Ba để đưa ra Bắc Kỳ, tạo thuận lợi cho Việt Minh tập hợp và tổ chức lại lực lượng của họ và như vậy, họ có thể phát triển chiến tranh du kích có hiệu quả tại miền Nam.

Ngày 8 tháng Mười hai, Barjot lại viết một bản bị vong lục nữa, trong đó ông chỉ trích còn gay gắt hơn sự kiểm soát xuất nhập khẩu và đặt câu hỏi liệu việc kiểm soát đó có phải là dọn đường đi đến kiểm soát tiền tệ của Việt Nam không và nói rằng "bất luận thế nào, biện pháp đó đã chắn chắn dẫn đến xung đột vũ trang".

Ông cáo buộc Sài Gòn đã trì hoãn việc gửi những thông tin quan trọng về Paris và chỉ trích d'Argenlieu đã thất bại trong việc thi hành chỉ thị của chính phủ về giải giáp và rút quân đội Việt Nam khỏi miền Nam. Thay vào đó, Sài Gòn đã gây căng thẳng tại Bắc Kỳ. Barjot đã khiển trách Sài Gòn coi nhẹ Nam Kỳ. Ông sợ rằng Pháp bây giờ sẽ phải đấu tranh trên nhiều mặt trận thay vì một mặt trận. Barjot đã xem Nam Kỳ như một "lãnh thổ chiến lược", "yếu tố quyết định sự hiện diện của Pháp tại Đông Dương"[28]. Ông đã hy vọng Chính phủ Việt Nam có thể bị thuyết phục để rút quân đội của họ ra khỏi miền Nam. D'Argenlieu có đủ kinh nghiệm để biết rằng điều này là không thể. Ông ta đã thấy vị thế của Pháp ở Nam Kỳ đang bị suy yếu dần về mặt chính trị. Ngày 23 tháng Mười một, Cominindo đã cho phép ông ta đình chỉ thi hành lệnh ngừng bắn tại Nam Kỳ. Điều này liệu có cho ông ta rảnh tay hơn để hành động ở miền Bắc hay không? D'Argenlieu nghĩ là có, còn Barjot thì không.

Tuy nhiên, Barjot không thể thuyết phục được Tướng Juin khi ông ta từ Braxin trở về. D'Argenlieu phản đối Tướng Juin đã cho lưu hành các bị vong lục của Barjot, khẳng định rằng những văn kiện này "vi phạm nghiêm trọng kỷ luật quân đội". Juin đồng ý rằng công việc của Barjot không cho phép ông có những cách đánh giá như vậy. Ông đã thông báo với Pierre Messmer, Tổng Thư ký của Cominindo, rằng các nghiên cứu của Barjot chỉ là những ý kiến cá nhân của chính ông ta. Messmer trả lại Tướng Juin tất cả các bản sao mà ông có được và bảo đảm rằng ông đã không phân phát những tài liệu đó cho bất cứ bộ trưởng nào[29].

Khi Barjot nhận ra là đã bị bịt miệng, ông đã tiến hành một nỗ lực tuyệt vọng để tác động lên dư luận công chúng bằng việc bí mật liên hệ với tờ *Franc-Tireur*, tờ báo đã mạnh mẽ yêu cầu bãi chức d'Argenlieu, và ông đã cung cấp cho họ bản sao các bị vong

lục của ông. Bởi vậy, vào ngày 20 tháng Mười hai, tờ *Franc-Tireur* đã dẫn ra những chỉ thị của Valluy gửi cho Đại tá Dèbes vào ngày 21-22 tháng Mười một. Tuy nhiên, tờ báo này không thể tiết lộ nguồn của thông tin có được[30]. Mười năm sau, khi Barjot chỉ huy lực lượng hải quân Pháp đánh chiếm Suez cùng với người Anh sau khi Nasser quốc hữu hóa kênh đào, đến lượt Barjot dẫn dắt Pháp tới một thảm họa.

NHỮNG NGƯỜI TẠM QUYỀN

Khi Comínindo nhóm họp ngày 29 tháng Mười một thì cũng là ngày chính phủ liên hiệp của Bidault từ chức. Không ai biết chắc chắn vị thủ tướng kế nhiệm Bidault là ai, có thể là Maurice Thorez hay lại là Georges Bidault (được tái cử), hoặc cũng có thể là một đảng viên SFIO. Moutet mở đầu cuộc tranh luận[31], nhưng trong hồ sơ lưu trữ của Pháp không thấy có một tư liệu nào liên quan đến bài phát biểu của Moutet. Người thứ hai phát biểu sau Moutet là Alexandre Varenne, ông này ủng hộ sự cần thiết phải kiểm soát thuế quan tại Hải Phòng nhằm ngăn chặn việc nhập lậu vũ khí cho quân đội Việt Nam hiện đã tăng quân số lên tới 75.000 người. Theo quan điểm của Varenne, chính phủ cần làm hai việc: ra một bản tuyên bố mạnh mẽ làm rõ chính sách hoà hợp chỉ có thể tiếp tục nếu đối phương chấm dứt phá hoại các hiệp định[32]. Bidault đã hướng cuộc họp vào tình cảnh khó xử trong chính sách thuộc địa của Pháp. Một mặt, không thể áp dụng chính sách đã được thực hiện có kết quả ở Marốc hay Tuynidi. Mặt khác, sử dụng thuần túy vũ lực sẽ bị dư luận Pháp và quốc tế phản đối. Bằng mọi cách, cần làm cho mọi người hiểu rằng Pháp phải bảo vệ sự hiện diện của mình tại Đông Dương "bằng tất cả các phương sách"[33]. Bidault bác bỏ "sử dụng vũ lực thuần túy" và việc ông đề cập dư luận quốc tế chứng tỏ ông không hoàn toàn ủng hộ d'Argenlieu. Không ai biết

trước khi kết thúc cuộc họp có còn ai phát biểu nữa không vì sau đó không có tài liệu nào được công bố tiếp theo[34] và những huấn thị cho d'Argenlieu đáng lẽ được thông qua tại cuộc họp đã không kịp chuẩn bị. Điều này có thể đồng nghĩa với việc bất đồng nào đó đã thu hút hết thời gian của Cominindo. Thật không may cho d'Argenlieu và Valluy là Cominindo kết thúc buổi họp mà không vạch ra được phương hướng chỉ đạo hành động tiếp theo của họ tại Đông Dương.

Ngày 3 tháng Mười hai, Quốc hội Pháp đã bầu một đảng viên SFIO là Vincent Auriol làm người phát ngôn, và ngày hôm sau, Quốc hội bỏ phiếu bầu lãnh đạo PCF Maurice Thorez làm ứng cử viên chức thủ tướng. Hầu hết các đại biểu SFIO ủng hộ Thorez, nhưng rốt cuộc Thorez vẫn không giành được đa số phiếu. Ngày 5 tháng Mười hai, Quốc hội lại bỏ phiếu một lần nữa, lần này dứt khoát chống lại Georges Bidault, ứng cử viên của Đảng MRP. Biết rằng mình không được tái cử vào chức vụ thủ tướng, Bidault bèn cố tìm kiếm sự nhất trí giữa các bộ trưởng của ông về nội dung huấn thị mới cho Cao uỷ và đã quyết định thông qua dù không biết chắc d'Argenlieu có giữ được hay không cương vị Cao ủy tại Đông Dương.

Từ lúc hai người lãnh đạo của hai đảng chính trị lớn nhất là Cộng sản và Cộng hòa bình dân thất bại, không giành được đa số phiếu ủng hộ trong Quốc hội, nhiệm vụ tổ chức một chính phủ mới đành phải giao cho một đảng viên SFIO. Ngày 7 tháng Mười hai, Hội đồng toàn quốc SFIO thông qua một chương trình hành động của chính phủ mới, trong đó đoạn nói về Liên hiệp Pháp là một thắng lợi trong cách tiếp cận cua Moutet ủng hộ chế độ thuộc địa, phê phán những người "đã thúc đẩy dân bản xứ hướng đến chế độ hoàn toàn tự trị hoặc độc lập, đi ngược lại những lợi ích thật sự của họ" và nhấn mạnh rằng không chỉ nước Pháp tôn trọng những thỏa thuận đã đạt được với Việt Nam, mà bất cứ ai cũng phải tôn

trọng. Cao uỷ Pháp tại Đông Dương phải chấm dứt gây tổn hại đến việc lập lại hòa bình và trật tự. Ngay sau khi lập lại yên bình, Cao ủy phải tập trung vào giải quyết các khó khăn trong vấn đề Nam Kỳ và hòa nhập "những quốc gia khác nhau" vào Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp[35]. Chương trình hành động này đã cung cấp cho Moutet nền tảng chính trị đi tới một thỏa thuận với hai bộ trưởng của Đảng MRP là Bidault và Michelet về nội dung huấn thị mới cho Cao ủy và kéo dài nhiệm kỳ của d'Argenlieu tại Đông Dương.

Viên đô đốc cao ủy ở lại Paris trong suốt thời gian diễn ra khủng hoảng nội các, trừ thời gian đến thăm Charles de Gaulle tại Colombey-les-Deux-Eglises. Ông ta có ban thư ký riêng tại Paris (gọi tắt là AGINDO) do ngân sách của Liên bang Đông Dương đài thọ. D'Argenlieu là một vấn đề gây tranh cãi trên chính trường Pháp. Đối với Đảng MRP và cánh hữu, ông ta là một biểu tượng của chủ nghĩa yêu nước. Nếu ông ta bị bãi chức, đó sẽ là một dấu hiệu minh chứng cho việc Pháp từ bỏ vai trò cường quốc của mình. Còn về phần mình, Moutet háo hức muốn tìm người khác thay thế d'Argenlieu và muốn kiểm soát trực tiếp hành động của Cao ủy. Vào tháng Mười một, Bộ Hải ngoại Pháp của ông đã dự thảo một sắc lệnh xác định khả năng và điều kiện cần phải có đối với viên cao ủy mới, và từ nay, ông này sẽ phải báo cáo trực tiếp đến Bộ Hải ngoại Pháp tại số 27 phố Oudinot[36]. Tại sao Moutet không đi xa hơn, có thái độ kiên quyết hơn đối với d'Argenlieu? Tại sao ông ta lại đồng ý giữ lại d'Argenlieu ở cương vị cao uỷ? Sau này, Moutet giải thích tại một cuộc họp nội bộ của SFIO rằng Thủ tướng Georges Bidault cũng đã muốn thay d'Argenlieu vào tháng Mười một - tháng Mười hai nhưng đã bị những người lãnh đạo khác của Đảng MRP ngăn cản: "Bidault lo sợ có sự chia rẽ trong nội bộ đảng của ông ta"[37]. Câu trả lời cho câu hỏi tại sao d'Argenlieu không bị bãi chức chắc chắn sẽ được tìm ra trong mối quan hệ rối rắm giữa

các đảng phái chính trị ở Pháp trước khi thành lập chính phủ mới do đảng viên SFIO cầm đầu ngày 16 tháng Mười hai 1946. Những lá phiếu ủng hộ của MRP là cần thiết[38]. Moutet là thành viên duy nhất của Cominindo có thể giữ được ghế bộ trưởng trong chính phủ do đảng viên SFIO làm thủ tướng. Vì vậy, nếu không có sự đồng ý của thủ tướng, Cominindo không thể thông qua những huấn thị mật đã được chuyển cho d'Argenlieu ngày 10 tháng Mười hai, nghĩa là hai ngày trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua ứng cử viên SFIO vào chức vụ thủ tướng. Có thể xem như một điều bất ngờ khi người tạm giữ quyền điều hành công việc của chính phủ lại đưa ra những huấn thị quan trọng như vậy thay vì giao lại trách nhiệm cho chính phủ mới. Một lý do là sự vội vàng trong cách nhìn, một cảm giác gấp gáp trong quan điểm về khủng hoảng tại Đông Dương. Lý do khác là do kỳ vọng chính phủ mới có thể là chính phủ một đảng trong khi liên minh giữa các đảng sắp mãn nhiệm lại có tính hợp pháp rộng hơn trong phạm vi toàn quốc. Và lý do thứ ba, được gắn với lý do thứ hai, có thể là MRP sẽ bỏ phiếu ủng hộ người của SFIO làm thủ tướng và như vậy sẽ có cơ hội kéo dài nhiệm kỳ cao ủy của d'Argenlieu.

Các bộ trưởng trong chính phủ sắp mãn nhiệm của Bidault trước tiên thông qua một văn bản xác định mục đích sự hiện diện của Pháp ở Viễn Đông. Văn bản này có thể được Henri Laurentie, một chuyên viên trong Bộ Hải ngoại Pháp của Moutet khởi thảo. Ông này chính là người đã khởi thảo bản tuyên bố của de Gaulle ngày 24 tháng Ba 1945. Moutet muốn thay thế bản tuyên bố đó bằng một tài liệu mới, có ý nghĩa hơn, ít nói về những hứa hẹn hoa mỹ và về cơ cấu hành chính mà tập trung nhiều hơn vào những lợi ích chủ chốt của nước Pháp đã được liệt kê trong lời nói đầu bản huấn thị ngày 10 tháng Mười hai 1946. Sau này, vào tháng Ba 1947, nội dung của văn bản này được sửa đổi ít nhiều rồi được trao

cho người kế nhiệm của d'Argenlieu là Emile Bollaert với chữ ký của các bộ trưởng chính trong chính phủ liên hiệp của Thủ tướng Paul Ramadier, trong đó có cả Thorez. Như vậy là người đứng đầu PCF đã ký tên vảo văn bản của Moutet xác định lợi ích quốc gia của nước Pháp. Đây là một tư liệu then chốt trong lịch sử tư tưởng thuộc địa của Pháp những năm từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến thời kỳ Chiến tranh lạnh. Như đã nhấn mạnh trong Chương 1 của cuốn sách này, đây không phải là một bước lùi của chủ nghĩa thực dân mà chỉ là biểu thị một nỗ lực cải tổ và tăng cường mạnh hơn các thuộc địa[39].

Lời mở đầu bản huấn thị xác định ba lợi ích chủ yếu về tinh thần và vật chất của nước Pháp: duy trì và phát triển ảnh hưởng về văn hoá và lợi ích kinh tế của Pháp; bảo vệ các dân tộc thiểu số; bảo đảm an ninh cho các căn cứ chiến lược. Phần mở đầu đã làm sáng tỏ việc thừa nhận những lợi ích đó không cho phép cao uỷ "trong lĩnh vực chính trị, từ bỏ quyết tâm kiểm soát ở một mức độ nhất định việc xây dựng những dự định về một vài vùng lãnh thổ được quy định rõ ràng". Điều này có nghĩa là một mặt Pháp phải có được vị thế cố vấn đặc quyền cho chính phủ mỗi nước Đông Dương, mặt khác, trực tiếp kiểm soát các vùng cụ thể xung quanh các căn cứ chiến lược. Bản huấn thị cho rằng có thể coi Đông Dương như "một quốc gia tương tự như Mỹ" (bản dự thảo đầu tiên nói đến "một quốc gia cơ bản là tư bản chủ nghĩa" giống như Mỹ) để bảo vệ vốn đầu tư của mình chỉ bằng cách nêu bật viện trợ có điều kiện về kinh tế và tài chính của Pháp, tham gia vào công cuộc tái thiết Đông Dương nhưng không có nghĩa là thực hành "chủ nghĩa tự do" nhưng cũng không phản đối về nguyên tắc. Nước Pháp cũng không thể áp dụng chính sách của Liên bang Xôviết đối với "các nước cộng hòa trong liên bang" do khoảng cách địa lý không xa khiến chính quốc có thể nhanh chóng can thiệp nếu cần.

Sau khi tiến hành so sánh như vậy, tác giả bản huấn thị nhấn mạnh: nếu các nước Đông Dương "có thể bảo vệ sự phát triển bình thường đối với các hoạt động về kinh tế cũng như văn hóa của Pháp, thì sẽ không có gì ngăn cản họ nếu họ muốn xóa bỏ mọi sự bảo đảm này". Trong trường hợp này, công thức có thể đúng là lập lờ một cách có chủ ý. "Sự bảo đảm" có thể được hiểu là triệt để cam kết tôn trọng chủ quyền của Pháp. Nếu Pháp có vị thế mạnh như Mỹ hay Liên bang Xôviết thì Pháp có thể trao trả chủ quyền cho các nước Đông Dương nhưng ngầm hiểu là dân địa phương vẫn nằm trong ảnh hưởng mạnh mẽ của Pháp. Tuy nhiên, bản huấn thị còn cho biết theo kinh nghiệm đã có từ hơn một thế kỷ nay và được củng cố bởi những sự kiện gần đây, "kết luận như vậy là còn quá sớm". Làm Liên hiệp Pháp trở thành "một khối Thịnh vượng chung chỉ đòi hỏi lòng trung thành tượng trưng thuần túy của các nước thành viên" sẽ nhanh chóng thừa nhận "việc Pháp rũ bỏ hoàn toàn mọi trách nhiệm và hy sinh tất cả các lợi ích của mình". Nếu Pháp từ bỏ sự kiểm soát của mình đối với các vùng chiến lược thì rút cục Pháp cũng sẽ rơi vào trường hợp tương tự. Vì thế, trong hoàn cảnh hiện tại, Pháp không nên nhượng bộ nhân dân Đông Dương, trao trả cho họ "một nền độc lập vô điều kiện mà thực tế sẽ không là cái gì cả, ngoại trừ một sự huyễn hoặc nghiêm trọng gây tổn hại cho cả hai bên".

Như đã được chứng minh trong một công trình nghiên cứu của Mark Lawrence về chính sách Đông Dương của Pháp, Anh và Mỹ từ năm 1944 đến 1950, quyết định của Chính phủ Pháp không chịu công nhận nền độc lập của Việt Nam chẳng đem lại lợi ích gì cho nước Pháp mà còn tác động ngược lại. Mục đích ở đây là để bảo vệ ưu thế của Pháp ở Đông Dương, nhưng kết quả lại là sự phụ thuộc vào các cường quốc phương Tây khác. Năm 1945, Chính phủ Pháp phụ thuộc vào các cường quốc khác, đặc biệt là Anh, về sự

giúp đỡ trong việc vận chuyển và trang bị quân đội để chiếm lại miền Nam Đông Dương. Chính phủ Pháp đã mất rất nhiều thời gian trong giai đoạn này để minh chứng cho các chính sách của mình dưới con mắt của các đồng minh phương Tây và thường xuyên lo ngại người Mỹ sẽ gây tổn hại cho vị thế của Pháp. Sự phụ thuộc của Pháp đã giảm xuống khi người Anh rời Đông Dương vào tháng Giêng - tháng Ba 1946. Trong hơn ba tháng đó, một lực lượng Trung Hoa đông đảo hãy còn hiện diện tại miền Bắc, một số trong đó cần đến sự giúp đỡ của người Mỹ để di chuyển lên miền Bắc Trung Hoa. Từ tháng Sáu, một thời kỳ tự túc tiếp theo với nước Pháp, khiến Chính phủ Pháp đoán chừng không một cường quốc nào có thể can thiệp. Điều này có thể tiếp tục kéo dài nếu như Pháp duy trì được nền hoà bình với Việt Nam và thi hành Tạm ước, nhưng khi chiến tranh quy mô lớn bùng nổ, một lần nữa Pháp lại cần tăng thêm quân, thêm tàu chuyên chở, thêm vũ khí và trang bị, và một lần nữa Pháp lại cần đến sự ủng hộ của các cường quốc đồng minh. Nguy cơ chính không phải ở chỗ Pháp có thể bị các đối thủ thay thế, như các tác giả bản huấn thị đã khẳng định, mà là chiến tranh có thể làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên của Pháp, khiến Pháp phụ thuộc vào sự giúp đỡ từ bên ngoài. Điều này không xảy ra ngay sau ngày 19 tháng Mười hai 1946. Mặc dù chi phí cho đội quân viễn chinh đã tăng lên xấp xỉ 40% trong nửa đầu năm 1947, nhưng toàn bộ chi phí của Pháp cho chiến tranh lúc đó vẫn giữ nguyên mức độ có thể thu xếp được trong ba năm, trong khi nền kinh tế sa sút nghiêm trọng ở các vùng do Việt Minh kiểm soát. Tuy nhiên, tính đến năm 1949-1950, chi phí đã tăng lên một mức độ khiến Pháp càng ngày càng phụ thuộc vào sự giúp đỡ từ bên ngoài và thay đổi quyền quyết định từ Bộ Quốc phòng và Bộ Hải ngoại Pháp sang Bộ Tài chính. Sau này, năm 1954, Thủ tướng Pháp Pierre Mendès-France, người đã kết thúc chiến tranh Đông

Dương lần thứ nhất nói: "Không phải tất cả các vấn đề đều liên quan đến tài chính, nhưng cuối cùng mọi vấn đề cũng quay về với tài chính"[40].

Huấn thị ngày 10 tháng Mười hai không nói gì đến "sự vĩ đại" hay sứ mệnh khai hóa của nước Pháp, mà chỉ xác định ba lợi ích chính của Pháp và kết luận rằng hiện tại những lợi ích đó không thể thực hiện được nếu Việt Nam giành độc lập. Không có sự khác biệt nào giữa những lợi ích này, tuy nhiên, không cần nói ra thì ai cũng biết rằng nếu sự hiện diện của Pháp phải được chấp nhận, thì những khía cạnh văn hoá và an ninh sẽ được trả giá bằng một vài loại thuế, đến lượt nó sẽ phải phụ thuộc vào khả năng sinh lợi của thuộc địa. Luôn luôn có một số người Pháp tin rằng Đông Dương có thể đem lại lợi nhuận, và người Pháp phải liên tục ủng hộ công cuộc phát triển kinh tế Đông Dương bằng cách ra sức khai thác để nó sinh lợi. Những người làm công việc khai phá thuộc địa (*colon*) chiếm hữu những cánh đồng lúa hay những đồn điền cao su, còn những công ty Pháp thì quản lý các mỏ. Ngân hàng Đông Dương đầu tư vào hầu hết các ngành kinh tế Đông Dương. Năm 1945, người Pháp trở lại mang theo những dự định lớn lao về công cuộc hiện đại hoá nền kinh tế. Một kế hoạch công nghiệp hoá Đông Dương đã được Paul Bernard đưa ra từ thập niên 1930 trong hai cuốn sách, trong đó ông bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ các nỗ lực công nghiệp hóa, dựa vào các khoản chi ngân sách nhưng chưa bao giờ được thực hiện ngang với mức độ chi tiêu cho chiến tranh của Pháp tại Đông Dương trong những năm 1945-1950[41]. Từ cuối năm 1945, các nhà kinh tế của d'Argenlieu ở Sài Gòn đã đề ra nhiều biện pháp để thu hút vốn đầu tư của Pháp, gia tăng xuất khẩu gạo và cao su cũng như các sản phẩm công nghiệp khác. Không nghi ngờ rằng khát vọng muốn các khoản đầu tư công và tư nhân trước đây quay lại và công cuộc chuẩn bị nền tảng cho những khoản đầu tư

mới đã được tính toán trong các quyết định của Pháp về tái chiếm và cải tổ thuộc địa. Điều nghịch lý là ở chỗ những huấn thị mới do bộ máy giúp việc của Bộ trưởng Moutet, đảng viên SFIO khởi thảo sau đó được các bộ trưởng khác cùng ký tên, trong đó có cả Maurice Thorez, người đứng đầu PCF, lại dễ dàng đóng góp thêm những lý lẽ để nước Pháp dính líu về quân sự tại Đông Dương nhằm bảo vệ và phát triển những lợi ích vật chất của mình. Nếu những người theo de Gaulle hoặc đảng viên Đảng Dân chủ Công giáo đã khởi thảo những huấn thị thì chắc họ không chú ý nhiều như thế đến những chuyện vật chất tầm thường. Bidault đã tuyên bố lý do chính để ông từ chối nhượng bộ Hồ Chí Minh là nguy cơ lây lan đến châu Phi thuộc Pháp. Cách lập luận này giống "học thuyết đôminô" đã ám ảnh các nhà hoạch định chính sách của Mỹ đối với Việt Nam trong thập niên 1960.

Vì vậy, lo ngại về sự lây lan đến các thuộc địa khác và nhu cầu duy trì các lợi ích kinh tế và văn hoá Pháp là những lý do chính giải thích thái độ không khoan nhượng của Chính phủ Pháp trong những năm 1946-1947. Sau này, năm 1967, Valluy đã chia sẻ quan điểm này:

> Những gì tỏ ra đáng ngạc nhiên ngày hôm nay, sau hai mươi năm về hưu, đầu tiên phải kể đến là chúng ta đã rụt rè trong việc áp dụng một trật tự khoáng đạt và đến giữa năm 1946, chúng ta đã chống đối phong trào dân tộc, mặc dù chúng ta đã lặp đi lặp lại tuyên bố chúng ta bênh vực quyền của các dân tộc được tự thu xếp các vấn đề của mình, và tiếp đó, chúng ta đi ngược lại tấm gương của Anh tại Ấn Độ và Miến Điện, cố chấp đeo đuổi công thức liên bang của chúng ta, trong đó chúng ta không đủ nỗ lực che giấu tham vọng muốn chính quốc giữ ưu thế. Điều này chắc hẳn là sự lo ngại tạo ra một tiền lệ nguy hiểm cho các thuộc địa của chúng ta ở châu Phi và cũng có thể là sự lo ngại chúng ta sẽ bị hất cẳng về kinh tế ở Nam Kỳ, một nơi được trời phú cho sự giàu có với nhiều loại sản phẩm khác nhau[42].

Mục nói về quân sự trong bản huấn thị là kết quả sự thỏa hiệp giữa mong muốn của các tham mưu trưởng về việc hạn chế số quân triển khai tại Viễn Đông và sự cố chấp của d'Argenlieu nói rằng ở đó các nguồn tài nguyên của Pháp không thể được sử dụng tốt hơn. D'Argenlieu muốn Pháp dính líu sâu hơn ở vùng biên giới với Trung Quốc. Bộ Tham mưu quốc phòng (EMGDN) thì lại chủ trương nên giới hạn sự dính líu này. Còn Cao uỷ đơn giản chỉ muốn từ bỏ việc thi hành Hiệp định quân sự ký ngày 3 tháng Tư 1946 với Việt Nam. EMGDN thì muốn hiệp định đó được đem ra thương lượng lại. D'Argenlieu yêu cầu tăng thêm nhiều viện quân. EMGDN đã cảnh báo chống lại việc đưa quân Pháp từ Nam Kỳ ra Bắc Kỳ. Người ta có thể thấy quan điểm của Barjot trong các chủ trương của EMGDN[43].

Huấn thị được các bộ trưởng thông qua ngày 10 tháng Mười hai không hề cho phép Cao uỷ thi hành các mệnh lệnh mà ông ta đã gửi Valluy ngày 12 tháng Mười một và tìm cách gây xung đột với Việt Minh ở miền Bắc. Bản huấn thị cũng không bao gồm bất kỳ sự phê chuẩn công khai nào về những gì đã xảy ra tại Hải Phòng. Những điều được nhấn mạnh trong mục quân sự của bản huấn thị là: thứ nhất, sự cần thiết phải bảo vệ các căn cứ chiến lược "là hạt nhân của tổ chức quân sự tương lai của Liên bang Đông Dương". Vì Hải Phòng được coi là một căn cứ như thế, cùng với Vịnh Cam Ranh, địa điểm này có thể được xem như gián tiếp thông qua việc đánh chiếm thành phố cảng. Thứ hai, bản huấn thị trao quyền cho Cao uỷ "được hành động có hiệu quả để bảo đảm sự tôn trọng các điều khoản của Tạm ước ngày 14 tháng Chín và duy trì trật tự công cộng". Mặc dù điều này đúng là đồng nghĩa với việc d'Argenlieu có thể sử dụng vũ lực để duy trì ngừng bắn, trong thực tế, nó cũng có nghĩa là phá vỡ lệnh ngừng bắn. D'Argenlieu muốn từ bỏ rõ ràng và công khai lệnh ngừng bắn. Cụ thể hơn, Cao uỷ đã

có được sự đồng tình của Chính phủ Pháp về việc mở rộng vùng chiếm đóng ở biên giới Việt - Trung, việc này đã bắt đầu với việc đánh chiếm Lạng Sơn. Điều này chống lại Barjot và những quan điểm chiến lược đúng đắn của ông. Tuy nhiên, những điều được nói đến trong bản huấn thị của chính phủ có thể xem như là do ảnh của Moutet, là người quan tâm đến việc bảo vệ các dân tộc thiểu số hơn là tránh phân tán lực lượng. Hồi tháng Sáu, Moutet đã cho phép đánh chiếm cao nguyên miền Trung ở Bắc Trung Kỳ, vi phạm Hiệp định quân sự ngày 3 tháng Tư, với mục đích thành lập khu tự trị của dân tộc thiểu số. Barjot chịu trách nhiệm về điều cuối cùng trong mục nói về quân sự: không được chuyển quân từ Nam ra Bắc. Theo bản huấn thị, việc duy trì đủ lực lượng quân sự ở Nam Kỳ là "hòn đá tảng của cấu trúc Pháp tại Đông Dương". Nhiệm vụ đầu tiên của Cao uỷ là đưa ra khỏi Nam Kỳ các "bộ phận vũ trang người Bắc Kỳ" đã thâm nhập vào miền Nam. Điều quan tâm của Barjot năm 1946 giống hệt những điều làm Tướng Westmoreland của Mỹ phải bận tâm trong thập niên 1960 sau này.

Nói chung, phần mở đầu bản huấn thị của chính phủ đã phản ánh trung thực những suy nghĩ của Bộ trưởng Hải ngoại Pháp, tập trung vào những lợi ích cơ bản của Pháp, nhưng bao gồm cả việc bảo vệ các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, về vấn đề cấu trúc và thể chế, Moutet không thực hiện được những điều ông mong muốn. Điều này sẽ được thấy khá rõ nếu đem so sánh bản dự thảo đã được chuẩn bị cho cuộc họp của Cominindo ngày 29 tháng Mười một với bản cuối cùng được ký ngày 10 tháng Mười hai. Bản huấn thị này chắc chắn đã phản ánh quan điểm của Moutet, mặc dù nó có thể đã được biên tập bởi hai người thuộc phái tự do của de Gaulle là Henri Laurentie (Giám đốc Nha Chính trị của Moutet) và Pierre Messmer (Tổng Thư ký của Cominindo). Hai ông đã chỉnh lý chút ít những ý tưởng cốt lõi của bản tuyên bố ngày 24 tháng Ba 1945

của de Gaulle về một Liên bang Đông Dương hùng mạnh với quyền tự trị tương đối với Paris. Bây giờ, nước Pháp đã có Hiến pháp mới, thay thế đế quốc cũ đã chết bằng khối Liên hiệp Pháp hướng tới tương lai, như Moutet đã viết trong bị vong lục, đã đến lúc giảm bớt quyền lực của Chính phủ Liên bang tại Sài Gòn (***Organe tentaculaire dont il faut limiter les pouvoirs*** = một cơ quan có các chân rết tỏa rộng khắp nơi nhưng cần hạn chế quyền lực - ND). Dự thảo cố thu hẹp quy mô của chính phủ liên bang ở Sài Gòn, nhấn mạnh rằng liên bang "chủ yếu là cơ quan hành chính" và không nên chỉ đạo chính sách[44].

Đây là một đòn tấn công trực tiếp vào d'Argenlieu và tham vọng của ông ta về việc thống trị Đông Dương thuộc Pháp với những quyền lực tương tự như quyền lực của Tướng Douglas MacArthur của Mỹ ở Nhật Bản. Sau đó, ý tưởng về thể chế liên bang lại được tái hiện trong văn bản cuối cùng của huấn thị nhằm thành lập nhiều hơn nữa các cơ quan liên bang tại mỗi nước Đông Dương. Như vậy, d'Argenlieu đã thắng điểm với Moutet, có nhiều khả năng là do ảnh hưởng của các bộ trưởng thuộc Đảng MRP và Alexandre Varenne, là người rất cố gắng ngăn cản sự can thiệp quá nhiều của các đảng viên SFIO vào chính sách thuộc địa của Pháp.

Những người hậu thuẫn d'Argenlieu cũng đã ngăn chặn được những đề nghị quan trọng khác của Bộ Hải ngoại Pháp muốn chấm dứt việc phản đối thống nhất ba "kỳ". Bản thảo đầu tiên nói: "Bây giờ có thể chắc chắn rằng sớm hay muộn Nam Kỳ sẽ thống nhất với Việt Nam. Bởi vậy, lúc này chúng ta phải sẵn sàng lên kế hoạch ứng phó với việc thống nhất này, nhưng phải bảo đảm cho Nam Kỳ được hưởng quyền tự trị về hành chính và tài khóa". Trong bản cuối cùng, đoạn này đã bị xoá sạch. Thay vào đó, bản huấn thị được ký thông qua nói rằng nước Pháp sẽ "cố tìm một giải pháp cục bộ" ở Nam Kỳ trong khi vẫn cho phép những nhân vật

nổi tiếng có quan điểm ôn hòa về thống nhất được tham gia chính phủ Nam Kỳ. Bản huấn thị cũng làm sáng tỏ "giải pháp cục bộ" này không cần thiết phải tổ chức trưng cầu ý dân. Như vậy, cuối cùng Chính phủ Pháp đã chọn việc từ bỏ một nhân nhượng quan trọng nhất trong Hiệp định ngày 6 tháng Ba 1946.

Thật thú vị khi so sánh đoạn nói về "giải pháp cục bộ" trong huấn thị của chính phủ với với dự thảo gốc của Moutet. Dự thảo gốc viết: "Hoạt động quân sự của chúng ta (tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ) cần phải kèm theo hoạt động chính trị". Chắc Moutet hy vọng bằng việc chấp nhận thống nhất ba "kỳ", có thể sẽ có sự cải tổ chính phủ Hà Nội, đưa các bộ trưởng không cộng sản gốc miền Nam tham gia nội các thống nhất. Điều này giống các phương án lựa chọn được Pignon và Torel nghiền ngẫm một thời gian dài. Nhưng trong lúc Moutet mường tượng ra một giải pháp thông qua thương lượng, trong đó Hồ Chí Minh vẫn giữ vai trò một nhà lãnh đạo quốc gia, thì các cố vấn chính trị của d'Argenlieu ở Sài Gòn đã dự tính thành lập một chính phủ không cộng sản mới cho toàn bộ Việt Nam và vô hiệu hóa Việt Minh.

D'Argenlieu có lý do để hài lòng với những huấn thị mới gửi cho ông, mặc dù ông ta không đạt được việc ông đang toan tính, đó là tạm đình chỉ thi hành Tạm ước. Bản huấn thị viết: "Những kết quả đạt được cho đến lúc này đã không thỏa mãn ước vọng của chúng ta cách đây vài tuần lễ, không đủ minh chứng cho việc tạm đình chỉ thi hành hay là chấm dứt hiệu lực của Tạm ước ngày 14 tháng Chín". Tuy nhiên, ba vị bộ trưởng đã ký thông qua huấn thị mới là Bidault, Moutet và Michelet nói thêm rằng Cao uỷ nên áp dụng "một loạt biện pháp cương quyết nhằm làm Chính phủ Việt Nam nhận thức được tình trạng các vấn đề được coi là ưu tiên cần giải quyết có lợi cho nhân dân hai nước". Điều này dẫn đến việc giải thích những điều mà đội ngũ cộng sự của d'Argenlieu ở Sài Gòn

vốn có tài. Tuy nhiên, bản huấn thị đã đưa ra hai ví dụ: Cao uỷ được phép sử dụng vũ lực để phục hồi quyền sở hữu (bất động sản, tài sản lớn, v.v. - ND) của người Pháp nếu Chính phủ Việt Nam cản trở điều đó - chắc chắn dẫn đến rối loạn. Ông ta cũng được phép làm cho Chính phủ Việt Nam ý thức được trách nhiệm của mình trong việc duy trì luật pháp và trật tự. Đây là tất cả những gì mà bản huấn thị đã nói về mối quan hệ giữa Pháp và Chính phủ Việt Nam, không kể phần mở đầu khẳng định mối quan hệ này là tồi tệ và "không thấy xuất hiện bất cứ một khả năng nào để bình thường hóa mối quan hệ ấy"[45].

Ba vị bộ trưởng hành động nhất trí với nhau, đã tự kiềm chế không đưa ra bất cứ quan điểm rõ ràng nào về tình hình tại Bắc Kỳ, và điều đáng chú ý nhất là họ đã không đưa ra một sáng kiến nào để tiếp xúc trực tiếp với Chính phủ Việt Nam để giải quyết cuộc khủng hoảng. Bởi vậy, họ đã để lại việc giải quyết khủng hoảng cho d'Argenlieu và những người có mặt tại chỗ. Điều này có nghĩa là họ phải, có lẽ là nhắm mắt làm ngơ, chấp nhận rủi ro là những sự kiện xảy ra gần đây có thể dẫn đến chiến tranh toàn diện. Tuy nhiên, rõ ràng là Moutet muốn tránh một kết cục như vậy và kể từ ngày 10 tháng Mười hai, trong ba bộ trưởng của nội các mãn nhiệm, ông ta là người duy nhất có hy vọng được giữ lại cương vị bộ trưởng trong nội các kế nhiệm. Điều này đã đem lại cho ông một lực đẩy lớn hơn trước và bộ của ông cũng biết điều này. Ngày hôm sau khi d'Argenlieu nhận được huấn thị mới, người đứng đầu Nha Chính trị của Moutet là Henri Laurentie đã soạn thảo một bức điện tín rõ ràng như pha lê để Moutet ký tên và gửi cho Valluy nhằm ngăn cản Pháp không đi chệch hướng trong vấn đề Nam Kỳ và để bảo đảm rằng những quyết định quan trọng do chính phủ mới ở Paris quyết định chứ không phải do nhà cầm quyền tại Sài Gòn. Bức điện cảnh báo Valluy rằng dù trong hoàn

cảnh nào cũng không bao giờ có thể hy vọng bất kỳ sự tăng viện nào và rằng "Pháp không bị đặt vào tình huống phải chọn lựa giữa việc nỗ lực với những phương tiện sẵn có hoặc rút khỏi Đông Dương. Đây là một điều kiện bắt buộc đối với chính sách của chúng ta". Ngoài ra, bức điện nhấn mạnh chính phủ đã bác bỏ ý tưởng về bất kỳ sáng kiến nào "với mục đích hoặc hậu quả là trục xuất bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh ra khỏi chính quyền tại miền Bắc". Lý do được nêu ra cho biết Laurentie đã có tầm nhìn sáng suốt như thế nào: "Hậu quả của việc này thực sự là một giai đoạn đua tranh thứ cấp mà kết quả chỉ có lợi cho những kẻ không có tương lai trừ phi phải cần đến sự giúp đỡ của Pháp". Laurentie biết rằng gặp một đối thủ giỏi còn hơn là có những đồng minh tồi. Bức điện kết thúc bằng việc yêu cầu Valluy thuyết phục Chủ tịch Hồ Chí Minh "đưa ra khỏi chính phủ những phần tử quá khích". Nếu Valluy không thể thành công trong ván bài này thì *Chính phủ Pháp* sẽ có trách nhiệm quyết định "trong những điều kiện nào và đến mức nào phải viện đến hành động quân sự phụ trợ"[46].

Bức điện đặt sẵn trên bàn và chuẩn bị được gửi vào ngày 11 tháng Mười hai. Nhưng Moutet đã không gửi đi. Người ta thấy trong tập tài liệu cá nhân của Bidault có một bản sao của bức điện. Phải chăng Moutet đã tham khảo ý kiến của vị thủ tướng sắp mãn nhiệm trước khi quyết định bỏ qua một cơ hội ngăn chặn chiến tranh? Hôm sau, ngày 12 tháng Mười hai, Bidault đã gửi bức điện cá nhân của ông cho Valluy, bình luận về một bản báo cáo mà Valluy đã trình chính phủ vào ngày 6 tháng Mười hai. Valluy đã cảnh báo chính phủ về "đặc tính định mệnh của việc chính phủ Hà Nội cắt đứt quan hệ với chúng ta chủ yếu là do lòng căm thù và ý chí quyết tâm của họ". Bidault đã bình luận như sau: "Tôi muốn lưu ý ông rằng tôi lấy làm sửng sốt về những từ ngữ dẫn ra trong bức điện của ông, những từ ngữ đã đột ngột nhắc đến một tình

hình đáng báo động mà trong thông báo trước của ngài không hề có chi tiết nào cho phép chúng tôi đoán trước được". Bản thảo cũng bao gồm câu sau đây - câu này đã bị xóa bỏ trước khi bức điện được gửi đi (*tác giả dẫn nguyên văn tiếng Pháp*: "J'espère qu'il ne s'agit pas là d'une simple habileté destinée à couvrir votre responsabilité dans tous les cas" (nguyên văn tiếng Việt: "Tôi hy vọng rằng đây không đơn giản chỉ là khéo léo che đậy trách nhiệm của mình trong mọi trường hợp")[47]. Ngay cả khi không có câu cuối cùng này, bức điện chắc hẳn đã gây cho Valluy cảm giác ớn lạnh. Còn nếu giữ cả câu đã bị xóa bỏ trước khi gửi đi thì chắc chắn Tướng Valluy sẽ trằn trọc khó ngủ yên. Bidault đã không để Valluy biết ông đang thắc mắc về động cơ của Valluy, tuy nhiên, vị thủ tướng sắp mãn nhiệm để lại câu nói hiểm độc này trong bản thảo lưu tại hồ sơ của Cominindo. Như vậy, có lẽ chính Bidault mới là người đã cố che giấu trách nhiệm của bản thân ông ta. Hôm sau, Đảng MRP đã phát hành một truyền đơn yêu cầu "Chính phủ Pháp đồng tâm nhất trí" chứng minh ý chí quyết tâm của mình để sự hiện diện của Pháp tại Đông Dương được tôn trọng và càng sớm càng tốt thi hành kế hoạch "kiên quyết đấu tranh chống lại mọi loại khủng bố"[48].

NHIỆM VỤ BẤT KHẢ THI

Bức điện không được gửi đi của Moutet yêu cầu Valluy làm cho Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu rằng chính Người nên tự tách mình khỏi những phần tử "quá khích" trong đảng, nhưng bức điện cũng nói nếu việc này thất bại, Valluy không được tự mình rút ra kết luận mà phải báo cáo chính phủ tại Paris. Điểm mới là ai sẽ phải rút ra kết luận, nhưng cố gắng của Pháp nhằm thuyết phục Hồ Chí Minh loại bỏ những cộng sự "không mong muốn" đối với Pháp (nhất là Võ Nguyên Giáp) và thay thế họ bằng những bộ trưởng ôn hoà hơn, đã và đang tiếp diễn được hai tuần. Người được giao

nhiệm vụ bất khả thi này chính là một người Pháp, người hiểu biết Hồ Chí Minh rõ nhất, đó là Jean Sainteny, "con người của Hiệp định ngày 6 tháng Ba"[49]. Ông đã đi cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Pháp và sắp xếp cuộc lưu trú của Người tại Pháp, nhưng ông đã không quay lại Việt Nam cùng với vị chủ tịch. Sainteny đã thu xếp công việc kinh doanh của mình tại Pháp cho đến tháng Mười một khi ông được yêu cầu trở lại với nhiệm vụ được giao phó tại Hà Nội. Huyền thoại Sainteny của người Pháp, như được đưa lên trang bìa cuốn hồi ký của ông từ năm 1953, đã quay trở lại Hà Nội *quá muộn* để có thể ngăn cản được sự bùng nổ của chiến tranh[50]. Cơ sở của huyền thoại này chẳng tốt gì hơn huyền thoại về ý chí thực dụng của Tướng Leclerc về hòa bình. Khi Sainteny quay lại Hà Nội vào đầu tháng Mười hai, nhiệm vụ của ông, như đã được xác định trong các chỉ thị của d'Argenlieu và Valluy, là lợi dụng tình bạn của ông với Hồ Chí Minh để gây nên sự rạn nứt trong Chính phủ Việt Nam. Sainteny đến Hà Nội không phải là *quá muộn*, nhưng nhiệm vụ của ông là không thể thực hiện và phạm vi nhiệm vụ giao cho ông là quá chật hẹp đến mức không còn chỗ nào cho việc thắt chặt quan hệ với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sainteny gần như không có gì để đề nghị với Hồ Chí Minh. Từ ngày 3 đến 19 tháng Mười hai, tại Hà Nội, ông ta hành động hoàn toàn dựa trên các đường lối đã được d'Argenlieu, Valluy và Pignon vạch ra.

Đầu tháng Mười, d'Argenlieu đã ca ngợi Sainteny về "phẩm chất ngoại giao kiên quyết của ông ta" và yêu cầu Moutet cử Sainteny trở lại cương vị cũ của ông ta tại Hà Nội[51]. Tuy nhiên, thực tế là d'Argenlieu còn phân vân về doanh nhân tầm cỡ kiêm nhà ngoại giao này. Ông lo ngại khuynh hướng của Sainteny chỉ tìm kiếm những thỏa thuận mang tính cục bộ mà không xét đến bối cảnh lớn hơn[52]. D'Argenlieu không vội tha thứ cho việc Sainteny đưa ra ý tưởng về cuộc trưng cầu ý dân và những điều nhượng bộ

vào phút chót của cuộc thương lượng ngày 6 tháng Ba. Khi thấy Sainteny không thể ghé qua Sài Gòn trước ngày d'Argenlieu khởi hành đi Paris hôm 13 tháng Mười một, d'Argenlieu đã yêu cầu Sainteny ở lại Paris để hai người có thể gặp nhau và có một cuộc thảo luận bổ ích trước khi ông ta bay về Đông Dương[53]. Họ đã gặp nhau vào ngày đầu tiên khi d'Argenlieu đến Paris, rồi sau đó Sainteny ghé qua Sài Gòn vừa lúc các tàu chiến của Dèbes trút đạn pháo oanh tạc dữ dội thành phố Hải Phòng.

Lúc đó, d'Argenlieu đã chỉ thị cho Valluy giữ Sainteny ở lại Sài Gòn một thời gian ngắn để chuẩn bị cho nhiệm vụ của ông tại Hà Nội[54]. Bởi vậy, Sainteny vẫn ở miền Nam khi Valluy đọc nguyên văn những điều kiện của "tối hậu thư không có thời hạn cuối cùng" cho Morlière. Valluy nghĩ tốt nhất là giữ Sainteny ở lại Sài Gòn cho đến khi biết được những phản ứng đầu tiên của Việt Nam đối với tối hậu thư. Ngày 30 tháng Mười một, khi thấy không có bất cứ sự trả đũa nào của Việt Nam đối với việc Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Valluy đã tìm ra thời gian chín muồi cho Sainteny ra Bắc để cứu vãn thất bại của Morlière khi đã không phát huy được lợi thế về chính trị từ những thắng lợi quân sự gần đây đem lại. Valluy nhận được báo cáo cho biết trong nội bộ lãnh đạo của Việt Nam đã có sự bất đồng ý kiến, có một nhóm cùng với ông Giáp muốn sơ tán các cơ quan chính phủ ra khỏi Hà Nội và chuẩn bị cầm vũ khí kháng chiến, trong khi đó một nhóm khác quá "hốt hoảng" trước viễn cảnh chiến tranh có thể xảy ra đến mức sẵn sàng có một số nhượng bộ nào đó. Vị trí của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quan hệ với hai khuynh hướng này vẫn chưa "được xác định". Trong tình hình này, Valluy cảm thấy Sainteny là người duy nhất có khả năng "giành được lợi thế về chính trị"[55].

Trước khi Sainteny rời Sài Gòn, một cuộc họp giữa các thành viên quan trọng nhất của giới cầm quyền liên bang (và Albert

Torel) đã đề ra một loạt chỉ thị. Cốt lõi của chỉ thị là khai thác trên mọi lĩnh vực những lợi thế mà Pháp đã đạt được tại Bắc Kỳ nhờ những thắng lợi về quân sự của Pháp tại Hải Phòng và Lạng Sơn mà không đẩy Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính phủ của Người đến chỗ phải áp dụng những giải pháp tuyệt vọng; giành ưu thế áp đảo đối với các nhà lãnh đạo Việt Nam để thúc ép họ đi vào đàm phán theo các điều kiện có lợi hơn cho Pháp; tìm cách khiến cho vị chủ tịch chính phủ không chấp nhận, và nếu có thể, loại bỏ những phần tử "quá khích"; không được xa rời lập trường của Pháp trên bất cứ phương diện nào; nếu phải cắt đứt quan hệ thì thận trọng để đối phương chủ động trước, trong khi phải hết sức đề phòng để tránh bị bất ngờ[56].

Những yêu cầu mà Sainteny đưa ra với đối phương đã được xác định rõ ràng. Tất cả quân đội Việt Nam tại Nam Kỳ sẽ được trở về miền Bắc, để Pháp được tự do triệt phá mọi hình thức khủng bố. Tại Bắc Kỳ, Pháp được quyền kiểm soát Đài Bạch Mai, đài phát thanh chính thức của Việt Nam, giải thoát toàn bộ con tin và bảo đảm phục hồi hoàn toàn đời sống kinh tế. Đáp lại, để ủng hộ Việt Nam, Sainteny được phép đưa ra hai đề nghị: một là đàm phán về các nhiệm vụ của cơ quan hải quan và thương mại quốc tế, và hai là Pháp sẽ rút quân khỏi Bắc Ninh và Phủ Lạng Thương. Quyết định huỷ bỏ việc đóng quân ở những nơi này đã thật sự sẵn sàng thực hiện vì chúng quá dễ bị tấn công và con đường bộ đi từ Lạng Sơn đến Vịnh Bắc Bộ đã bị kiểm soát thì trong bất cứ trường hợp nào cũng không cần thiết kiểm soát tuyến đường từ Hà Nội qua Bắc Ninh và Phủ Lạng Thương tới Lạng Sơn nữa[57].

Tác giả của những chỉ thị này chắc hẳn đã nhận ra rằng nhiệm vụ giao cho Sainteny là không thể thực hiện. Không một nhà lãnh đạo có trách nhiệm nào của Việt Nam có thể đồng ý với những yêu cầu như vậy và "hai củ cà rốt" mà họ đã cho phép Sainteny đưa ra

để nhử Cụ Hồ là quá nhỏ bé đến mức sau đó không còn gì để đàm phán. Tuy nhiên, cảnh báo về việc thúc ép Chính phủ Việt Nam phải dùng đến các biện pháp tuyệt vọng đã chỉ ra rằng không phải tất cả mọi người ở Sài Gòn đều muốn quan hệ Việt - Pháp đổ vỡ. Một vài người đã nuôi dưỡng ảo tưởng về việc có thể khiến chủ tịch nước Việt Nam tiếp tục quan hệ với nước Pháp và loại trừ những phần tử cực đoan xung quanh ông. Vào ngày trước khi Sainteny đến Hà Nội, Morlière đã từng biết Thứ trưởng Nội vụ Hoàng Hữu Nam và Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám, là hai nhà đàm phán chính của phía Việt Nam trong thời gian sắp ký kết Hiệp định ngày 6 tháng Ba. Morlière nhận thấy họ thất vọng và đang bị phân tán tư tưởng. Họ muốn ngăn chặn cuộc xung đột không lan tới Hà Nội và không có ý định phản công, nhưng họ quyết tâm chống lại "bất kỳ khiêu khích mới nào"[58]. Morlière cũng đã báo cáo rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đang xem xét khả năng thay đổi hai trong số bộ trưởng của Người bằng những nhân vật có quan điểm ôn hoà[59]. Morlière đón Sainteny đến Hà Nội ngày 2 tháng Mười hai, và như Sainteny sau này kể lại, Morlière lúc đó tự hạn chế mình trong các nghĩa vụ về quân sự, chuẩn bị cho việc "dường như càng ngày càng khó tránh xảy ra, đó là cuộc trắc nghiệm về sức mạnh của mỗi bên". Còn Sainteny sẽ quan tâm đến những công việc thuộc phạm vi chính trị[60].

Ngày đầu tiên ở Hà Nội, Sainteny đã nhận được một bức thư phản đối những hành động của Pháp tại Kiến An - Hải Phòng và Lạng Sơn từ "Hội Việt - Pháp" - một tổ chức đại điện cho phái ôn hoà nhất và ái mộ Pháp nhất trong phong trào chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam[61]. Những chỉ thị mà Sainteny nhận được từ Sài Gòn có khác so với những chỉ thị ông nhận được của d'Argenlieu gửi từ Paris về một điểm quan trọng: d'Argenlieu muốn ông chiếm lại dinh thự dành cho Toàn quyền Đông Dương (còn gọi là Phủ Toàn quyền) tại Hà Nội. Sainteny thực tế đã từng làm điều này sau khi đến Hà Nội trên

một máy bay của Mỹ vào giữa những ngày Cách mạng Tháng Tám 1945, tuy nhiên, ông đã bị trục xuất ra khỏi đó để nhường cho một vị tướng quân đội Trung Hoa vào tháng Mười 1945. Như chúng ta thấy, Valluy và Pignon không thấy thích hợp để đảm trách một việc làm khiêu khích mang tính tượng trưng như thế, bởi vậy, những chỉ thị của họ gửi cho Sainteny không bao gồm điều này[62].

Nhiệm vụ chính của Sainteny là gây nên một sự chia rẽ trong nội bộ ban lãnh đạo Việt Nam và sau đó ngăn Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành kẻ thù của nước Pháp. Chắc Pignon và Valluy có thể nhận rõ nỗ lực này là phù phiếm như thế nào. Dù có hay không, chính Sainteny đã hiểu ra điều đó là đáng ngờ, không chắc thành công, nhưng trong buổi gặp mặt đầu tiên và duy nhất của họ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận ra rằng người bạn Pháp của Người đã đến với đôi tay trắng[63]. Khi được tiếp đón tại Bắc Bộ Phủ - nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào buổi tối ngày 3 tháng Mười hai, Sainteny chú ý nhận thấy người chủ nhà tiếp ông đang bị ốm, "dù đó không phải là một cử chỉ ngoại giao nhưng việc này không tỏ ra là không có liên quan gì đến những sự kiện gần đây". Họ đã gặp nhau tại văn phòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, mặc dù trong giai đoạn này Chủ tịch không còn thực sự làm việc ở đây mà Người làm việc tại một ngôi nhà an toàn bên ngoài thành phố. Chủ tịch Hồ Chí Minh được kín đáo đưa vào trong thành phố để tham gia các cuộc họp và sau đó đưa ra khỏi thành phố ngay lập tức[64]. Vào ngày 3 tháng Mười hai*, ông Giám và ông Nam lúc nào cũng có mặt tại đây, vì thế, Sainteny không bao giờ được gặp riêng Chủ tịch Hồ Chí Minh[65].

---

* Trong nguyên bản, tác giả ghi nhầm là "ngày 2 tháng Mười hai", vì Sainteny và Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ gặp nhau một lần duy nhất vào ngày 3 tháng Mười hai 1946 mà thôi. *(ND)*

Sainteny đã nói thẳng với Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng "những phần tử đáng tin cậy xung quanh Người" có thành kiến với việc hoà giải Pháp - Việt trong thời gian Người lưu lại quá lâu tại Paris (ám chỉ ông Giáp). Thay cho câu trả lời, Chủ tịch Hồ Chí Minh quy trách nhiệm cho Pháp đã gây ra các vụ Hải Phòng và Lạng Sơn, đồng thời nói thêm rằng để làm lắng dịu tâm trạng không bình thường lúc này, Người đề nghị họp các tiểu ban hỗn hợp hai bên về quân sự và về việc trao lại quyền sở hữu tài sản của Pháp như đã thỏa thuận trong Tạm ước ngày 14 tháng Chín để tiếp tục công việc của họ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đề xuất thành lập hai tiểu ban chung hai bên để giải quyết vụ Hải Phòng cả trên lĩnh vực quân sự và liên quan đến việc kiểm soát thuế quan. Cuối cùng, Người gợi ý quân đội Pháp và Việt Nam nên rút quân trở về các vị trí mà họ đã chiếm giữ trước khi xảy ra các vụ rắc rối gần đây nhất. Ông Nam và ông Giám nhấn mạnh tầm quan trọng sống còn của điều này. Sainteny trả lời là việc thành lập hai tiểu ban chung hai bên là chấp nhận được, nhưng Chính phủ Pháp sẽ dứt khoát từ chối quay trở lại với tình trạng trước kia. Hành động khiêu khích của Việt Nam sẽ vấp phải những biện pháp trả đũa của Pháp trong tương lai. Cuộc gặp giữa Sainteny và Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đến kết quả là một tờ báo phát hành ngày hôm sau nói rằng có một cuộc trao đổi quan điểm đã diễn ra để thăm dò các khả năng làm dịu tình hình căng thẳng hiện tại. Sainteny cảm thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh và những người ủng hộ trung thành nhất của Người sẽ làm mọi việc để tránh một sự đổ vỡ. Ông vẫn chưa biết chắc chắn những người ủng hộ trung thành này là ai, hoặc họ còn nắm giữ bao nhiêu quyền lực, nhưng ông cảm thấy chắc chắn rằng ông đã làm họ hiểu rằng Pháp đang chơi con bài cuối cùng trước khi tiến hành cuộc trắc nghiệm về sức mạnh[66].

Trong báo cáo đầu tiên của mình gửi Valluy, Sainteny không đề cập việc Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu ông chuyển tiếp một bức điện khẩn cấp giải thích rõ ràng ba đề nghị của Người với Chính phủ Pháp. Việt Nam đang hy vọng rằng những đề nghị này sẽ khiến Paris can thiệp vào[67], và trong một cuộc phỏng vấn với báo *Paris - Sài Gòn* ngày 7 tháng Mười hai, Sainteny khẳng định rằng ông đã gửi đi thông điệp này[68]. Điều này dường như không chắc chắn bởi vì thiếu bằng chứng về bức điện đã được đưa vào hồ sơ lưu trữ của Pháp. Báo chí Việt Nam đã viết một cách lạc quan về việc Sainteny trở lại Hà Nội, tuy nhiên, vào giữa tháng Mười hai, giọng điệu đã thay đổi và Sainteny bị tố cáo là đã đóng kịch từ ngày 6 tháng Ba[69].

Sáng ngày 5 tháng Mười hai, Sainteny thông báo cho Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan về một "hành động cảnh sát" đang được trù tính. Chính phủ Việt Nam đã trở nên "quá khích" hơn rất nhiều và đến lúc này chỉ đại diện cho một thiểu số trong dân chúng. Pháp sẽ cho phép Hồ Chí Minh giữ lại chức chủ tịch, nhưng những thành phần chống Pháp sẽ phải ra đi. Sau khi chính phủ hiện tại được xoá bỏ, nhân dân sẽ được phép chọn ra bất kỳ chính phủ nào mà họ muốn, miễn là không chống lại người Pháp. Sainteny phủ nhận điều này sẽ dẫn đến sự thành lập một chính phủ bù nhìn, nhưng O'Sullivan cảm thấy rằng "mặc dù những cải chính của Sainteny", người Pháp sẽ buộc phải thành lập một chính phủ như vậy. Ông ta lo ngại việc Pháp thu phục được nông thôn khỏi sự kiểm soát của Việt Minh sẽ phải mất nhiều thời gian hơn dự tính của Sainteny[70]. Buổi chiều cùng ngày hôm đó, Sainteny gặp ông Giám và khuyên ông nếu muốn một cuộc "trắc nghiệm sức mạnh" thì chỉ có một lựa chọn duy nhất là cải tổ chính phủ, thay thế "những bộ trưởng nào đó bằng các nhân vật rõ ràng là thân Pháp". Sau một cuộc thảo luận dài, ông Giám hứa sẽ đưa cho Chính phủ Pháp bản danh sách

các bộ trưởng mới có triển vọng đưa vào chính phủ nếu đổi lại người Pháp nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định ngày 6 tháng Ba. Lúc này Sainteny cảm thấy không chắc chắn liệu ông Giám có quyền lực thật sự hay không và ông ta than phiền với Sài Gòn là ông ta biết quá ít về quan hệ trong nội bộ ban lãnh đạo Hà Nội và những ai cầm quyền thật sự[71].

Sainteny không thể hiểu quyền lực thật sự không thuộc về chính phủ mà thuộc một tổ chức bí mật là Đảng Cộng sản. Do đó, việc cải tổ chính phủ không có hiệu quả gì nhiều. Các quyết định quan trọng nhất đều được chính thức đưa ra bởi một nhóm cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó có ba người là đảng viên cộng sản Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Hoàng Hữu Nam và cả đảng viên xã hội là Hoàng Minh Giám, hoặc được Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản họp kín trước khi đưa ra quyết định. Dường như cơ quan tình báo Pháp đều tưởng rằng Tổng bộ Việt Minh đóng một vai trò có ý nghĩa nơi hậu trường, nhưng ở đây không phải như thế. Tổng bộ không họp thường xuyên và không có nhiều ảnh hưởng như tưởng tượng của người Pháp. Khi có những quyết định quan trọng cần tập thể thông qua thì Trường Chinh đưa ra Ban Thường vụ Trung ương Đảng bàn bạc tập thể, và ít nhất các nhà sử học ngày nay muốn chúng ta tin đó là sự thật. Người ta cũng không hoàn toàn biết rõ rằng những ai là thành viên Ban Thường vụ lúc đó, nhưng chắc chắn là bao gồm các ông Trường Chinh, Hồ Chí Minh, Lê Đức Thọ và Võ Nguyên Giáp, cũng có thể có thêm Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Trần Huy Liệu và Phạm Văn Đồng, mặc dù Phạm Văn Đồng được cho là chỉ tham gia Ban Thường vụ vào năm 1949. Tháng Mười một - Mười hai 1946, Phạm Văn Đồng không còn tham gia hoạch định chính sách tại Hà Nội vì ông được cử vào Nam (sau khi cưới vợ) để chỉ đạo cuộc kháng chiến

ở Nam Trung Bộ. Các nguồn tin của Pháp không cho biết Tổng Bí thư Trường Chinh và người phụ trách các vấn đề nhân sự là Lê Đức Thọ và có thể là cả ông trùm tình báo Trần Quốc Hoàn đã có vai trò như thế nào. Người Pháp dường như không biết rằng hai đảng viên chóp bu khác là Nguyễn Lương Bằng và Hoàng Quốc Việt đã được giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở an toàn ở nông thôn làm nơi đặt cơ quan lãnh đạo cuộc kháng chiến đang đến gần. Như vậy, những người ra quyết định tại Hà Nội trong thời khắc khủng hoảng đó dường như gồm có Chủ tịch Hồ Chí Minh và các ông Trường Chinh, Lê Đức Thọ và Võ Nguyên Giáp, trong lúc đó các ông Hoàng Hữu Nam và Hoàng Minh Giám chủ yếu đóng vai trò ngoại giao với Pháp.

Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan báo cáo về Washington rằng Sainteny đã tiên đoán Pháp sẽ thắng lợi nhanh chóng và điều đó được khẳng định trong bức điện tiên tri của Sainteny gửi về Sài Gòn một tuần sau khi ông về đến Hà Nội. Trong lúc thắng lợi của Việt Minh ở phạm vi trong nước được xem như thắng lợi trọn vẹn sau khi đã tiêu diệt các căn cứ sào huyệt của phe đối lập thân Trung Quốc, người ta vẫn không ảo tưởng về sự "thống nhất" đạt được nhanh chóng và bằng các biện pháp vũ lực. "Cơ cấu chế độ cai trị của Việt Minh vẫn còn non trẻ và vì nó dựa vào sự độc đoán chuyên chế nên người ta cho rằng chế độ đó sẽ khó tồn tại sau khi vấp phải thất bại nghiêm trọng đầu tiên" (một nhận định gây sửng sốt những ai thuộc thế hệ đã có dịp quan sát Liên Xô thời Xtalin chiến thắng cuộc tiến công dữ dội của Đức như thế nào). Trong điện báo cáo của mình, Sainteny suy ngẫm tâm trạng của người Việt Nam trong cuộc nói chuyện thẳng thắn với ông Hoàng Hữu Nam về khả năng chiến tranh có thể bùng nổ nay mai. Ông ta (Sainteny) có cảm tưởng những người lãnh đạo Việt Nam không có khả năng tiếp nhận thực tế. Không bao giờ họ có thể chấp nhận

yêu cầu của Pháp bởi vì chấp nhận chúng có nghĩa là thừa nhận thất bại, nhưng cũng không thể tuyên bố một cuộc tổng nổi dậy. Áp dụng "chiến thuật Viễn Đông điển hình", Việt Minh muốn hành động theo kiểu như mọi việc tự nó sẽ trở lại bình thường ngay sau khi tình trạng khẩn cấp qua đi[72]. Những kết luận rõ ràng như thế không thể hiện trên văn bản nhưng không phải là xa rời thực tế và tạm thời không áp dụng: nước Pháp muốn sớm làm một điều gì đó để giúp Hà Nội thực hiện sự lựa chọn của mình.

Tướng Morlière không hoàn toàn tự giới hạn vào vai trò quân sự sau khi Sainteny trở lại Hà Nội. Trước hết, ông tập hợp biên soạn lại các báo cáo đồ sộ của ông về sự kiện Hải Phòng và Lạng Sơn theo yêu cầu của Đô đốc Barjot. Sau đó, ông thảo một bản báo cáo khác về tình hình hiện nay và tính toán các khả năng phát triển của tình hình bổ sung thêm vào bản báo cáo ngày 12 tháng Mười hai. Ở thời điểm đó, Morlière vẫn còn phụ trách quân sự và ông khẳng định "những phản ứng" của Pháp tại Hải Phòng và Lạng Sơn thể hiện tình cảm đồng thuận của quân đội và thường dân Pháp. Bản thân Morlière cũng biết rằng ông đã bị đẩy vào ngõ cụt sau một thời gian dài đứng trước tình trạng nghịch lý của các sự việc với nước Pháp và với Việt Minh đang chiến đấu ở Nam Kỳ trong lúc đại diện hai bên vẫn chúc rượu và ăn tối với nhau ở Bắc Kỳ. Chính phủ Việt Nam không muốn nhượng bộ trước các yêu cầu của Pháp bởi vì điều đó có nghĩa là, như Morlière khẳng định, "tự kết án mình". Nhưng về phía mình, Pháp không thể chấp nhận quay về tình trạng trước khi xảy ra xung đột tại Hải Phòng và như thế chỉ dẫn đến những rắc rối mới. Sự hiện diện của Pháp nói chung đang bị đe dọa. Không một doanh nghiệp nào của Pháp có thể đến đặt cơ sở ở Đông Dương hoặc phát triển công việc làm ăn của mình mà không có sự kiểm soát của Pháp đối với đất nước này và sự kiểm soát đó chỉ là ảo tưởng nếu không có sự hiện diện của

quân đội Pháp[73]. Đó là mấu chốt của vấn đề. Khi lòng căm thù lẫn nhau đạt đến mức hoạt động kinh tế của Pháp sẽ bị đe dọa nếu Việt Minh còn nắm chính quyền thì thậm chí một người như Morlière cũng phải chuẩn bị sẵn sàng đối mặt với cuộc trắc nghiệm về sức mạnh[74].

Trong báo cáo của mình, Morlière viết nếu Chính phủ Việt Nam không cải tổ thì sẽ không còn tồn tại chính phủ. Thất bại về quân sự là nguyên nhân duy nhất khiến điều này thành hiện thực. Như vậy, cuộc xung đột là điều "gần như không thể tránh được". Dân chúng vẫn thích "bơ hơn súng" và Chính phủ Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề nếu chính phủ rút về nông thôn. Cuối cùng, chính phủ phải cải tổ hoặc tự giải tán và phải lắng nghe "tiếng nói của lẽ phải". Phải có thời gian để Pháp chứng tỏ tính hào phóng của họ. Morlière đã đi tới kết luận rằng chỉ một thái độ cương quyết về phía Chính phủ Pháp và một quyết định chấp nhận và duy trì nỗ lực nghiêm túc và bền bỉ mới có thể cứu vãn Đông Dương và cùng với Đông Dương là phần còn lại của các lãnh thổ hải ngoại của Pháp[75].

Dưới sức ép của các sự kiện, Morlière ngày càng trở nên bi quan. Trong những ngày trước ngày 19 tháng Mười hai, tất cả người Pháp ở Hà Nội dường như đều tin rằng chiến tranh xảy ra là điều tất yếu. Tuy nhiên, cần nhớ rằng trong khi Sainteny tin rằng Việt Minh sẽ sớm sụp đổ, Morlière lại nhấn mạnh cuộc đấu tranh sẽ kéo dài và gay go, gian khổ. Sau khi soạn thảo xong báo cáo, Morlière đưa cho Sainteny và yêu cầu gửi về Sài Gòn. Sainteny thấy kết luận quá bi quan và bổ sung thêm vài bình luận lạc quan một cách kỳ lạ dựa trên những ảo tưởng rằng một quốc gia có thể bị sức ép từ bên ngoài để tìm ra những người lãnh đạo mới. Ông nói Hiệp định ngày 6 tháng Ba đã được ký kết không phải là nhân danh Việt Minh mà là đại diện cho toàn thể dân chúng và vì vậy,

nó vẫn có hiệu lực sau khi chính phủ sụp đổ. Việt Nam chắc chắn sẽ tìm được người lãnh đạo mới và tốt hơn: "Mặc dù Pháp đã bị đánh đổ bởi chính những người nước Pháp làm cho họ mạnh lên và giao cho họ quyền lực với giả định rằng họ sẽ phục vụ chính quyền và không phải vì lý do đó mà nước Pháp từ bỏ lập trường của mình trong Hiệp định ngày 6 tháng Ba. Nếu sau này khi trải nghiệm, Việt Minh không có khả năng thể hiện mình, thì Việt Nam sẽ phải tìm ra người lãnh đạo mới cùng với cộng sự của mình. Lúc đó, nghĩa vụ của Pháp là không đối lập với chính phủ đó và còn chân thành mong muốn được thấy đất nước này được cai trị bởi một chính phủ do họ tự chọn".

Tại Sài Gòn, Pignon tỏ ra có thái độ tích cực hơn. Báo cáo ngày 12 tháng Mười hai của Morlière làm ông hài lòng vì ông thấy tốt hơn những tư liệu tổng hợp về sự kiện Hải Phòng mà Morlière đã gửi cho ông mấy hôm trước. Trước khi chuyển tiếp báo cáo mới của Morlière về cho Messmer ở Paris, Pignon đã bổ sung thêm một nhận xét tán thành mạnh mẽ: "Trong ba tháng rưỡi, Tướng Morlière đã có thiện ý đặt nền móng hợp tác chặt chẽ với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với cái giá phải chịu đựng là những chỉ trích cực kỳ mạnh mẽ của thường dân Pháp tại Đông Dương cũng như của quân đội dưới quyền chỉ huy của ông. Trong báo cáo ngắn gọn này, ông đã tóm tắt thất bại của mình một cách cô đọng nhưng đầy đủ, vô tư và thành thật. Báo cáo này là một bản phân tích khách quan nhất và ít hoài nghi nhất về tình hình tiến triển ở Bắc Kỳ".

Trong tháng Giêng - tháng Hai 1947, Morlière cảm thấy báo cáo ngày 12 tháng Mười hai của mình là một sai lầm và ông càng tin chắc rằng một giải pháp thuần túy quân sự là không thể được. Cần phải đi vào thương lượng càng sớm càng tốt: "Chúng ta không chỉ chiến đấu chống lại Việt Minh mà cả một đa số rất đông đảo,

nếu không muốn nói là tất cả dân chúng tập hợp chung quanh mục tiêu "độc lập". Rất nhiều người Annam (chỉ người Việt) đối nghịch hoặc thờ ơ với Việt Minh nhưng tinh thần dân tộc của họ, lòng yêu nước của họ và cả đầu óc bài ngoại âm ỉ ở châu Á đã không chút do dự tập hợp dưới lá cờ Việt Minh, đằng sau Chủ tịch Hồ Chí Minh - biểu tượng thiêng liêng của dân tộc Việt Nam"[76].

HOẠT ĐỘNG TÌNH BÁO CỦA PHÁP

Điểm mạnh - tài sản lớn của Sainteny là có được quan hệ cá nhân với Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng từ khi quay lại Hà Nội với hai bàn tay trắng, ông ta đã hy vọng có được lợi thế xuất phát từ quan hệ cá nhân ấy, nhưng không thành công. Nay ông chỉ còn làm việc với hai phái viên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng trong giao thiệp với người Pháp. Đó là Thứ trưởng Nội vụ Hoàng Hữu Nam và Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám. Việc Sainteny than phiền với Sài Gòn là ông biết quá ít về các công việc nội bộ của Việt Minh là một điều giả dối đáng ngạc nhiên. Đông Dương thuộc Pháp luôn luôn là "quốc gia cảnh sát", trong đó các toàn quyền, thống đốc đều dựa vào lực lượng an ninh và vô vàn điệp viên để thu thập thông tin về người bản xứ, được gọi là Phòng Nhì. Nguồn tin tốt nhất về lịch sử gần đây của Đảng Cộng sản Đông Dương có lẽ là hồ sơ lưu trữ của Sở Mật thám, tức cơ quan đã tuyển mộ một trong những người bạn thân của Hồ Chí Minh làm điệp viên để bất cứ điều gì Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trong nhóm nhỏ các đồng chí gần gũi của Người ở Quảng Châu những năm 1920 đều được báo cáo kịp thời và đưa vào hồ sơ[77]. Không lâu sau đó, người này bị các đồng chí nghi ngờ. Năm 1931, khi Hồ Chí Minh bị người Anh bắt ở Hồng Công, người điệp viên của Pháp cũng bị bắt và được phái trở về Việt Nam và định cư tại Thái Bình. Sau Cách mạng Tháng Tám, những người lãnh đạo cách mạng ở

địa phương muốn xử lý điệp viên này nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh không cho phép. Chỉ đến năm 1950, khi quân Pháp tràn về Thái Bình, điệp viên này mới bị xử lý vì lo ngại anh ta có thể nối liên lạc lại với người Pháp[78]. Cơ quan an ninh Pháp đã khai thác những người con lai làm điệp báo và thường sử dụng những tù nhân chính trị chịu khai báo làm gián điệp hai mang. Khi còn là giáo sư dạy Lịch sử, ông Võ Nguyên Giáp đã bị bắt* nhưng người thẩm vấn của Sở Mật thám thấy đó là một chàng trai thông minh nên đã can thiệp để ông Giáp được trả tự do trước thời hạn và bảo đảm cung cấp tiền cho ông tiếp tục đi học[79]. Đây là một may mắn cho ông Giáp nhưng cũng làm cho một số đồng chí của ông nghi ngờ. Những người Tờrốtxki đã công khai chỉ trích ông về chuyện này.

Trong hồ sơ lưu trữ của chế độ thuộc địa Pháp có một số lượng khổng lồ các hộp hồ sơ chứa các đoạn trích được đánh máy cẩn thận những lời tâm sự, thư riêng của đủ loại tầng lớp dân chúng, nói chung đây là một kho tàng thật sự cho những ai muốn viết lịch sử về tâm tính người Đông Dương. Người biết rõ nhất về chủ nghĩa cộng sản Đông Dương những năm 1930 và nửa đầu những năm 1940 có lẽ phải là Louis Arnoux, Chánh mật thám Đông Dương cho đến tháng Ba 1945. Nhưng lòng trung thành của ông ta đối với chính phủ Vichy thân Đức và Toàn quyền Đông Dương Jean Decoux đã khiến ông ta không có một vai trò nào đáng kể trong Đệ tứ Cộng hòa Pháp. Nước Pháp có một nguồn tin tình báo dồi dào khiến những nhà sử học như chúng tôi phải biết ơn[80]. Nhưng tất cả đều không được tận dụng. Khó có thể tìm thấy một nước nào trên

---

* Ở đây tác giả nhầm Võ Nguyên Giáp bị bắt khi ông còn đang học ở trường Quốc học Huế vì đã tham gia phong trào để tang Phan Chu Trinh năm 1925 chứ không phải sau này khi là giáo sư dạy Lịch sử ở trường Thăng Long tại Hà Nội. (*ND*)

thế giới mà ở đó những người cộng sản có được sức mạnh và uy tín lớn như ở Việt Nam.

Khi Sainteny đến Hà Nội, một vài bộ óc thông minh nhất của các cơ quan tình báo Pháp đã hoạt động trong thành phố, thường độc lập với nhau. D'Argenlieu, Leclerc và Valluy đều là các quân nhân không muốn dựa vào các cơ quan tình báo, một công cụ của Leson Pignon, và viên đô đốc hải quân vốn không tin cơ quan Phòng Nhì của quân đội thường báo cáo trực tiếp cho cấp chỉ huy của họ. Dĩ nhiên, d'Argenlieu và Leclerc không dựa vào các cơ quan tình báo của nhau, mỗi người có tổ chức tình báo riêng của mình. D'Argenlieu có cơ quan tình báo liên bang (BFDOC), còn Leclerc có cơ quan tình báo quân đội (SEH) với chi nhánh ở miền Bắc gọi là Chi cục nghiên cứu lịch sử Hà Nội (SEHAN) và ở miền Nam gọi là Chi cục nghiên cứu lịch sử Sài Gòn (SESAG)[81].

Morlière đã nhìn thấy bàn tay của BFDOC trong sự kiện xảy ra ở Hải Phòng ngày 20 tháng Mười một (đã nói đến ở Chương 4) và như chúng ta thấy, sau khi xảy ra vụ thảm sát Hải Phòng, trưởng BFDOC là Thiếu tá Schlumberger đã gợi ý một cách xảo quyệt là nên thổi phồng số nạn nhân của vụ thảm sát như một bằng chứng về sự bất lực của Chính phủ Việt Nam không bảo vệ được tính mạng công dân của mình nên mới để thiệt mạng nhiều đến thế. Đúng là BFDOC không có nghĩa là một "cơ quan đặc vụ" như đã xác định theo nghĩa hẹp, mà là một đơn vị phối hợp và chắt lọc tin tình báo từ các cơ quan tình báo khác rồi sau đó tổng hợp lại. Nhưng Schlumberger đã sớm thành lập các chi nhánh đặc biệt ở một số trung tâm ở Đông Dương. Nhân viên của BFDOC thường được tuyển dụng từ các sĩ quan an ninh ở địa phương. Thủ đô Hà Nội được xem như một điểm yếu của hệ thống BFDOC, nhưng kể từ ngày 1 tháng Mười hai 1946, BFDOC đã có chi nhánh riêng của mình với nhiệm vụ phối hợp nhiều hoạt động tình báo của các cơ

quan tình báo khác nhau rồi tổng hợp các nguồn tin và chuyển thẳng về trung tâm BFDOC tại Sài Gòn. Khó khăn của hệ thống BFDOC là thiếu nhân viên có kinh nghiệm, nhưng dường như là chỗ dựa đáng tin cậy về tình báo của d'Argenlieu.

Các cơ quan tình báo Pháp tại Đông Dương không bao giờ có thể lập lại mạng lưới có cùng một chất lượng như trước ngày 9 tháng Ba 1945 và việc tổ chức lại hoạt động tình báo Pháp ở miền Nam thành công hơn là miền Bắc. Tại Hà Nội, cơ quan tình báo có chất lượng nhất là Sở Mật thám (tức Sở An ninh) và tình báo quân đội SEHAN. Sở Mật thám do André Moret đứng đầu. Đó là một người có năng lực, trước đây đứng đầu cơ quan cảnh sát Pháp tại Thượng Hải, còn cơ quan tình báo quân đội SEH do Trung tá Trocard cầm đầu. Ông này có quan điểm tả khuynh nên có lợi thế hơn những người cạnh tranh với mình trong việc quan hệ cảm tình với cộng sản. Valluy đã đánh giá Trung tá Trocard, một người bạn của ông ta, là một "chuyên gia tình báo lỗi lạc". Hình như ông này đã bị giết trong một trận phục kích năm 1947. Chúng tôi không rõ ai là người chỉ huy SEHAN nhưng có lẽ đó là một sĩ quan có tên Jacques Bousquet, là người đã đóng vai trò nổi trội. Bousquet vốn là một sĩ quan trong chính phủ Vichy thân Đức, sau đó chạy sang phe cộng sản năm 1943. Những ngày đầu tháng Ba 1946, Bousquet đóng vai sĩ quan liên lạc chính giữa Sainteny và Hồ Chí Minh[82]. Sau đó, ông ta trở thành cố vấn văn hóa cho Chính phủ Việt Nam, có quan hệ với Võ Nguyên Giáp nhưng vẫn tiếp tục làm việc bí mật cho tình báo Pháp và đã có được những nguồn tài chính khá lớn. Ông rời Hà Nội trước khi chiến tranh bùng nổ và ngày 20 tháng Mười hai 1946, Bộ Ngoại giao Pháp đã cố gắng thu xếp cho ông ta một chỗ trên máy bay về Paris trên đường từ Rio (Braxin) đến Lisbon (Bồ Đào Nha). Tháng Giêng 1947, người Pháp đã yêu cầu không chính thức nhà đương cục Anh tại Hồng Công bắt

Bousquet áp giải về Đông Dương. Rõ ràng ông ta đã bị tình nghi là buôn lậu vũ khí cho Việt Minh. Tháng Tư 1947, Bousquet một lần nữa đến Hồng Công và trả lời phỏng vấn báo *Sud* (Phía Nam) có cơ sở tại Sài Gòn: "Tại Hải Phòng, tôi đã chứng kiến sự hoang mang, lúng túng của họ. Các bộ trưởng Việt Nam không kiểm soát được tình trạng vô kỷ luật của quân đội. Họ muốn ngừng giao chiến nhưng không thể. Hà Nội thì bị nỗi sợ ám ảnh. Tôi rời khỏi thành phố trước ngày 20 tháng Mười hai nhưng tôi biết Việt Minh đã sống trong bầu không khí hoảng loạn"[83].

Cục tình báo quân đội SEH hình như hoạt động trong môi trường xã hội mà trong đó những người Âu thân cộng sản đã kết bạn với một nhóm nhỏ cán bộ Việt Minh thân Pháp. Điều đó cho phép SEHAN tập hợp đầy đủ thông tin chi tiết về các cuộc thảo luận giữa những người lãnh đạo chủ chốt của Việt Minh. Giá trị của nguồn tin đó dường như đáng ngờ, tuy nhiên, rõ ràng là những thông tin đó không bao hàm một điều gì liên quan đến tổ chức đảng của Trường Chinh. Dường như có thể là người Việt Nam đã sử dụng SEH như một mục tiêu để tung tin giả nhằm đánh lừa đối phương. D'Argenlieu đã tỏ vẻ miệt thị SEH và cuối tháng Mười, tại Paris, ông đã than phiền về "sự đồng lõa giữa một số người Pháp và các tổ chức của Hà Nội". Theo viên đô đốc thì thông tin chủ yếu đi qua hai đường. Ông ta còn nêu ra khả năng phải tiến hành "vô hiệu hóa những phần tử nguy hiểm". Sau này, năm 1967, Valluy viết rằng: "D'Argenlieu đã phải tống khứ người bạn ông ta là Trung tá Trocard vì đã "quan hệ quá mức với những người mácxít"[84].

Báo cáo của Sở Mật thám và SEH thường khác nhau về nội dung. Mục đích của SEH là gây nên sự phân hóa trong nội bộ hàng ngũ Việt Minh nhằm duy trì quan hệ giữa nước Pháp và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khi Sở Mật thám, với mạng lưới chỉ điểm trong số Hoa kiều cũng như trong số người Việt thân Trung Quốc và

thân Mỹ, chọn con đường đoạn tuyệt quan hệ Pháp - Việt. Đặc điểm của quan hệ giữa Sở Mật thám và SEH là nghi ngờ lẫn nhau, còn những người thuộc mạng lưới tình báo liên bang BFDOC thì không thể dễ dàng phối hợp với họ. Do trình độ yếu kém của tình báo liên bang tại Hà Nội, có thể d'Argenlieu phải dựa vào Sở Mật thám của Pignon trong khi Sainteny và Valluy đặt niềm tin vào tình báo quân đội SEH. Sau khi chiến tranh bùng nổ vào ngày 19 tháng Mười hai, d'Argenlieu kết luận rằng ông ta và Pignon đã có lý khi cho rằng "trông chờ vào những thay đổi trong suy nghĩ cá nhân của Hồ Chí Minh là chuyện phù phiếm. Việc đó cũng giống như suy nghĩ cho rằng Hồ Chí Minh đang giữ một khoảng cách với những phần tử triệt để đối nghịch trong đảng, hoặc Hồ Chí Minh bị những phần tử quá khích cầm tù và không còn giữ được toàn bộ uy quyền sau chuyến đi thăm Pháp quá lâu. Ý tưởng cho rằng phải cô lập Chủ tịch Hồ Chí Minh ra khỏi ảnh hưởng của những đối thủ cứng rắn, lập một chính phủ có thể chấp nhận được quanh Người đã không còn hy vọng thực hiện được"[85].

Chúng ta hãy tổng kết lại các nguồn tin tình báo do Moret và SEHAN cung cấp trong hai tháng Mười và Mười một mà không cần thiết phải xem những gì đã được nói ra. Vấn đề chính ở đây không phải là tóm tắt những gì đã thực sự xảy ra trong những người hoạch định chính sách của phía Việt Nam, mà hãy tìm xem người Pháp đã *nghĩ* gì và đã *làm* gì.

Ngày 6 tháng Mười, theo tin của SEHAN, Tổng bộ đã có cuộc họp vào buổi tối, trước hết để nghe Phạm Văn Đồng báo cáo về tiến trình Hội nghị Fontainebleau, nhưng không cho biết ai đã có mặt. Ông Đồng nói cá nhân ông không tin rằng Pháp có thiện chí hoặc có thể thành thật hợp tác với Việt Nam. Sau đó, cuộc họp đã thảo luận về hành động quân sự nếu xảy ra xung đột Việt - Pháp.

Một tuần sau đó, SEHAN đã bắt được mật lệnh số 177 của chính phủ về việc mở rộng quyền lực của Quân sự Ủy viên hội (ông Giáp) trên toàn Đông Dương và cho biết ông Giáp sẽ được giao chức Bộ trưởng Quốc phòng. Đầu tháng Mười một, SEHAN lại nói đến một nhân vật tên là "Nhân Nhân", là người chưa có một vị trí chính thức quan trọng nào, tuy nhiên đã có mặt tại nhiều cuộc họp. Người này thường được nhắc đến với cương vị tổng bí thư đảng, trạc bốn mươi tuổi, đeo kính, luôn luôn tươi cười, thái độ có phần rụt rè và thường xuyên di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác. Một ngày trước khi Phạm Văn Đồng lên đường đi Pháp với Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng Năm, "Nhân Nhân" là một trong bốn người tham dự vào một cuộc họp quan trọng, những người còn lại là Võ Nguyên Giáp, Hoàng Hữu Nam và Phạm Văn Đồng. Miêu tả người được gọi là "Nhân Nhân" không thể gán cho Tổng Bí thư Trường Chinh vì ông Trường Chinh không đeo kính; nhiều khả năng đó là Hoàng Quốc Việt hay Trần Huy Liệu.

SEHAN còn cho biết đầu tháng Mười một đã có cuộc tranh cãi gay gắt xảy ra giữa Bộ Chỉ huy quân sự và Chính phủ. Chính phủ muốn dựng các chướng ngại vật trong các biện pháp phòng thủ ở Hà Nội, nhưng Bộ Chỉ huy quân sự phản đối. SEHAN bình luận về cá tính ông Giáp và thấy đối với ông tinh thần dân tộc và lòng căm thù người Pháp quan trọng hơn là các lý tưởng cộng sản (trong quan điểm của SEHAN, chủ nghĩa cộng sản còn hơn là chủ nghĩa quốc gia bài ngoại, đối với Pignon và Sở Mật thám thì đó là một con đường khác). Báo cáo của SEHAN kết luận rằng ông Giáp thực tế là người cần phải ngăn chặn. Trong khi đang diễn ra cuộc xung đột Hải Phòng, ông Giáp tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn cõi Việt Nam. SEHAN còn cho biết nhân dịp này, đã có cuộc tranh cãi gay gắt giữa ông Võ Nguyên Giáp và Bộ trưởng Tuyên truyền Trần Huy Liệu. Điệp báo của SEHAN còn cho biết ông Giáp chủ

trương chiến đấu toàn diện trong khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trần Huy Liệu lại muốn hòa bình.

Người ta kể lại rằng Trần Huy Liệu đã nêu câu hỏi: "Quân đội Việt Nam còn gì nếu cách đây không lâu chúng ta đã nghe theo ông Giáp đánh lại quân chiếm đóng Trung Hoa?"[86] Đó có thể là tin đồn không chính xác vì theo ý kiến chung, hồi tháng Hai - tháng Ba, chính ông Liệu mới là người chủ trương cứng rắn trong khi ông Giáp thì thận trọng hơn, mặc dù đây chủ yếu là giọng điệu của báo *Cứu quốc* - ai cũng biết là tờ báo phản ánh quan điểm của Trần Huy Liệu, lúc đó cũng là một người thuộc phái cứng rắn.

Một chỉ điểm khác cho biết gần như cùng thời gian này, ông Giáp triệu tập nhiều chuyên gia quân sự ở các địa phương khác nhau của Việt Nam tại Hà Nội, trong đó có Tướng Nguyễn Sơn từ Quảng Ngãi (miền Trung Việt Nam) ra. Một nguồn tin tình báo khác cho biết cuối tháng Mười một, họ đã nghe trộm được một bức điện của chỉ huy chiến tranh du kích tại Nam Bộ là ông Nguyễn Bình gửi cho ông Giáp khuyến cáo từ bỏ mọi ảo tưởng và nên áp dụng ở miền Bắc cùng một chiến thuật du kích đang thu được thắng lợi ở miền Nam.

Ngày 25 và 27 tháng Mười một, một mật báo viên chỉ điểm khác của Sở Mật thám cho biết người Việt Nam sắp khởi sự tiến công quân Pháp tại Hà Nội. Với một cái giá "hợp lý", Sở Mật thám Pháp đã "mua" được những bản sao "kế hoạch phòng thủ thủ đô Hà Nội" do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thông qua trong một phiên họp kín của chính phủ cũng như kế hoạch tiến công sân bay Gia Lâm được thông qua tại một cuộc họp của tiểu ban gồm các chuyên viên quân sự vào ngày 26 tháng Mười một. Hai kế hoạch này đều do ông Giáp soạn thảo. Trùm mật thám Moret khẳng định không thể có lý do nào để nghi ngờ nguồn tin này. Phải chăng đó là trường hợp tung tin giả? Có thể. Điều chúng ta biết được là Bộ Tham mưu

của Morlière cho rằng bản kế hoạch này là "đáng quan tâm" và đã thấy những động thái của quân đội Việt Nam và việc xây dựng chiến lũy trên đường phố Hà Nội trong thời gian gần đến ngày 19 tháng Mười hai rất ăn khớp với các kế hoạch đã vạch ra từ trước.

Kế hoạch phòng thủ Hà Nội đã đưa ra những biện pháp để phòng xảy ra một cuộc gây hấn của Pháp hay nếu chính phủ phát động phong trào bình dân học vụ. Vệ quốc đoàn được lực lượng tự vệ chi viện sẽ bao vây thành Hà Nội trong lúc tự vệ đi bắt hết thường dân Pháp sống rải rác trong các khu phố ở Hà Nội mà họ đã nắm chắc trong tay. Các tòa nhà quan trọng của Pháp sẽ bị chiếm đóng ngay lúc khởi sự, trừ Viện Pasteur, Ngân hàng Đông Dương sẽ chỉ bị bao vây. Các chiến lũy sẽ được dựng lên quanh thành Hà Nội. Tất cả thường dân người Việt, nếu không bị động viên sẽ được sơ tán khỏi thành phố. Để ngăn chặn Pháp chi viện bằng đường không, sân bay Gia Lâm sẽ bị đánh chiếm nhưng để tránh liên lụy đến các cuộc tiếp xúc ngoại giao sau này, phải tránh hủy hoại các thiết bị và xăng dầu tại sân bay. Kế hoạch được xây dựng với giả định rằng vẫn có thể có những cuộc tiếp xúc ngoại giao giữa hai nước trong khi các biện pháp phòng thủ trên đây được thực hiện. Mục đích căn bản của các biện pháp phòng thủ này là nắm được chủ bài trên bàn thương lượng. Kế hoạch cũng dự kiến cả việc rút lui ra ngoài thành phố, tuy nhiên, chỉ được thực hiện khi cần thiết. Điều này đã sớm chứng tỏ là cần thiết.

Dù có đúng là kế hoạch thật hay chỉ là nghi binh thì việc có được tài liệu này đã ảnh hưởng đến cách hành xử của người Pháp trong những tuần lễ kế tiếp. Morlière đã chuẩn bị lực lượng để ngăn chặn không cho các kế hoạch được thực hiện trót lọt. Việc Morlière nắm được kế hoạch này tất phải đưa ông ta đến chỗ đợi cho người Việt Nam khởi sự trước thay vì tự mình chủ động tiến công trước. Tuy nhiên, trong hồi ký của mình, ông Giáp khẳng định

ông không bao giờ xem xét một cách nghiêm túc việc thực hiện một cuộc tiến công mạo hiểm như thế chống lại quân Pháp có ưu thế về trang bị vũ khí.

Vẫn theo nguồn tin của SEHAN, trong các cuộc họp của mặt trận đấu tranh của Việt Minh trong lúc đang diễn ra cuộc xung đột Hải Phòng, ông Giáp đã chủ trương Việt Nam phải tổ chức "phản công sớm" [có nghĩa là phải chuẩn bị mọi mặt để hễ bị kẻ thù tiến công thì đủ sức quật lại ngay - ND]. Tuy nhiên, sự việc xảy ra đã không đúng đến mức như thế. Người Việt Nam đã tăng cường các công trình phòng thủ và cắt đứt giao thông trên đường bộ từ Hà Nội đi Hải Phòng. Nhận thấy người Việt Nam chắc không thể chủ động tiến công như đã dự đoán, như chúng ta thấy, Valluy đã phái Sainteny ra Hà Nội. Trong khi Sainteny nối lại tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Valluy đã chỉ đạo cho Dèbes ở Hải Phòng tiến quân từ từ, từ Hải Phòng lên Hà Nội nhằm mở lại đường giao thông huyết mạch này để tăng cường sức ép đối với chính phủ Hà Nội. SEHAN và Sainteny đều dự tính giữ một vai trò chủ chốt để phát huy về mặt chính trị sức ép này. Tuy nhiên, d'Argenlieu lại tìm cách ngăn chặn việc này. Ông ta không muốn lặp lại Hiệp định ngày 6 tháng Ba và sợ rằng SEHAN có thể xây dựng một nền tảng thỏa thuận mới với riêng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 28 hay 29 tháng Mười một, tức là trước một ngày hoặc cùng ngày họp Cominindo tại Paris, d'Argenlieu nhận được thư của Bidault với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao yêu cầu cho biết tình hình Hà Nội. Không may là thư này không được lưu trong hồ sơ lưu trữ mà chỉ được nói đến trong thư trao đổi giữa Valluy và d'Argenlieu. Ngày 29 tháng Mười một, d'Argenlieu yêu cầu cử ngay không trì hoãn Trung tá Trocard và người phó của mình là Trung úy B. (chắc hẳn là Bousquet) đi Paris để báo cáo trực tiếp và nhận chỉ thị từ Bộ trưởng Quân đội Michelet. Ngày hôm sau, Đô đốc lại gửi một bản

sao thư của Bidault cho Valluy, yêu cầu mở cuộc điều tra Ủy viên Cộng hòa Bắc Kỳ và các cơ quan đặc vụ khác đang hoạt động ở đó để cho phép d'Argenlieu đáp ứng yêu cầu của Bộ trưởng Ngoại giao. Cuộc điều tra đáng lẽ phải do BFDOC tiến hành, nhưng dường như d'Argenlieu đã tìm mọi cách tước bỏ quyền của Valluy được có vai trò trung tâm trong cuộc khủng hoảng.

Bidault muốn những mâu thuẫn nội bộ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và các phần tử quá khích được chứng minh. Sainteny hy vọng phân hóa hàng ngũ Việt Minh, còn Valluy thì muốn cả hai phái nên có chung một giọng điệu đúng đắn. Valluy chẳng mất gì nhiều khi cho phép Sainteny cố gắng chia rẽ hai phái ôn hòa và cực đoan trong hàng ngũ lãnh đạo Việt Nam. Rủi ro là ở chỗ có thể gây ra những hành động thù địch công khai, nhưng điều này cũng đáng liều lĩnh bởi vì đây là điều d'Argenlieu mong muốn. Viên cao ủy và cố vấn chính trị Pignon muốn đoạn tuyệt với Việt Minh. Dường như Valluy không thành công trong việc tuân lệnh Cao ủy. Ông ta đồng ý lập một chi nhánh tình báo liên bang tại Hà Nội thông qua một nghị định ký ngày 10 tháng Mười hai nhưng không muốn cử Trocard hay Bousquet về Paris. Thay vào đó, Trocard được cử đi Hà Nội còn Bousquet rời khỏi Đông Dương [để đi Hồng Công - ND].

HÀNH ĐỘNG CÓ CHỦ Ý

Suốt năm 1947, tình báo Pháp "đã chứng minh" nhiều lần rằng cuộc nổi dậy ngày 19 tháng Mười hai của người Việt Nam là một hành động có suy tính trước. Nhiều "bằng chứng" đã được đưa ra. Lý do tại sao người Pháp cứ phải lục lọi nhiều bằng chứng là bởi không có một bằng chứng nào hoàn toàn có tính "thuyết phục". Hành động có chủ tâm được hiểu là "đặt kế hoạch từ trước một hành động chứng tỏ ý định muốn thực hiện hành động ấy". Người Pháp

chứng minh không chút hoài nghi rằng đã có cuộc tiến công được dự tính trước của người Việt Nam nhưng tài liệu đưa ra lại không nói cuộc tiến công ấy đã diễn ra trong hoàn cảnh nào nhằm thực hiện hành động đã dự tính trước[87]. Người Pháp không bao giờ có thể chứng minh rằng đã có một quyết định tiến công trước cuộc khủng hoảng cuối cùng. Điều đó làm cho giả định hai bên đều có kế hoạch tiến công nhưng vẫn không quyết định ở "thời khắc cuối cùng" có vẻ hợp lý. Trên bờ vực, hai bên đều ngập ngừng do dự, nhưng đến tối 19 tháng Mười hai, họ đều sẩy chân và rơi vào "vũng bùn chiến tranh".

Sau khi tịch thu được Chỉ thị số 2 của Valluy và kế hoạch tiến công Hải Phòng của Dèbes, người Việt Nam tin rằng người Pháp sẽ diễn lại kịch bản Hải Phòng. Nỗi lo sợ ấy càng tăng lên khi có người cho rằng thời khắc đã điểm để phát động "chiến tranh toàn dân", nhưng phát động như thế nào? Bằng cách lặng lẽ rút khỏi các thành phố và tổ chức chiến tranh du kích từ các khu căn cứ ở thượng du? Dưới hình thức phản công hay thông qua cuộc kháng cự có tính phòng ngự? Cái lợi của hình thức đầu tiên là người Việt Nam được tự chọn thời điểm và địa điểm phản công, còn cái lợi của hình thức thứ hai là tạo cho người Việt Nam thế "thượng phong" và Chính phủ Pháp phải tìm dịp để cách chức d'Argenlieu. Chỉ đơn thuần rút lui khỏi thành phố mà không chiến đấu thì sẽ không được nhân dân địa phương nhìn với con mắt thiện cảm. Tuy nhiên, đây là cách lựa chọn của tổ tiên người Việt mỗi khi họ phải đối mặt với đội quân xâm lược đông hơn và mạnh hơn như ông Giáp đã kể lại trong hồi ký của mình, sự lựa chọn đó đã nhanh chóng bị loại bỏ[88].

Các công việc có tính phòng ngự như sơ tán thường dân ra khỏi thành phố, đắp các chướng ngại vật trên đường phố đã được triển khai sau khi nổ ra cuộc xung đột tại Hải Phòng. Mặc dù vậy,

không phải tất cả dân thường đều bắt buộc phải sơ tán rút khỏi thành phố; một số phần tử thân Pháp hoặc "không đáng tin cậy" đều đã bị tóm cổ và đưa ra ngoài thành phố[89]. Nhà sử học Dương Trung Quốc, một trong những người đi đầu của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, chủ bút của tờ *Xưa & Nay* cũng như ấn phẩm bằng ảnh gần đây nói về khởi đầu của cuộc chiến tranh Đông Dương trong năm 1946-1947[90], và là một thành viên độc lập trong Quốc hội Việt Nam đã nói với tôi vào mùa hè năm 2007 rằng khi Pháp đánh chiếm Hải Phòng, cha mẹ ông còn trẻ và sống ở Hà Nội. Họ xuất thân trong một gia đình khá giả không có cảm tình với cộng sản. Mẹ ông thấy mình đang mang bầu, theo lời khuyên của ông nội của ông Quốc, bố mẹ ông đã rời khỏi Hà Nội tản cư về Sơn Tây sống với bà con họ hàng.

Nhiều vị bộ trưởng và lãnh đạo cấp cao khác của Việt Nam đã ngủ đêm bên ngoài thành phố trong khi ban ngày vẫn làm việc tại Hà Nội. Một số cơ quan chính phủ và hồ sơ lưu trữ của họ đã được sơ tán về những nơi đã được chuẩn bị sẵn[91]. Các chiến lũy được dựng lên một cách có hệ thống trong khu Hoa kiều của thành phố, nơi đây đã được chuẩn bị đủ mọi thứ cho cuộc giao chiến kéo dài, như đục tường mở lối đi thông từ nhà nọ sang nhà kia để cho những tay súng bắn tỉa hay lực lượng tự vệ có thể di chuyển tự do trong các con phố mà không phải lộ diện.

Để không làm cho người Pháp có cớ để gây hấn, các xe ôtô của Pháp được đi lại tự do trong khu người Âu và các phố chính tại Hà Nội mà không hề bị ngăn trở[92]. Ông Giáp khẳng định trong hồi ký của mình rằng một kế hoạch phòng thủ chi tiết đã được chuẩn bị song không đề cập bất kỳ kế hoạch tiến công nào. Tuy nhiên, chúng ta đều biết rằng có tồn tại những kế hoạch như thế và việc tập trung quân đội xung quanh Hà Nội không phải là biện pháp phòng ngự[93]. Một cán bộ quân đội, ông Ngô Văn Chiếu đã viết

trong nhật ký rằng thật ra đó là kế hoạch tiến công. Lực lượng tự vệ có nhiệm vụ tiến công thường dân và lính Pháp đi lẻ trong khi bộ đội chính quy thì từ ngoại thành tiến vào đánh chiếm thành Hà Nội, tiêu diệt số lính Pháp đóng tại đây, tạo nên một cú "sốc" với bất kỳ trang bị vũ khí nào có trong tay[94].

Ngày đầu tiên Sainteny tới Hà Nội, báo *Cứu quốc,* cơ quan ngôn luận của Việt Minh đăng lời cảnh báo bọn phản động Pháp đang tiến hành xâm lăng Bắc Bộ. Nếu cứ tiếp tục, kẻ xâm lăng sẽ biết thế nào là lòng dũng cảm và sức mạnh của nhân dân Việt Nam. Nhân dân Việt Nam không thích chiến tranh nhưng thử hỏi bao đời nay họ có bao giờ không chiến đấu vì nền độc lập của nước nhà. Họ đã chôn vùi quân xâm lược Mông Cổ dưới lòng sông Bạch Đằng, đã thiêu sống quân xâm lược Mãn Thanh tại Đống Đa: "Chúng ta không đòi hỏi điều gì quá đáng. Chúng ta chỉ cầu mong Tổ quốc được độc lập và chúng ta quyết hy sinh xương máu để bảo vệ nền độc lập ấy. Chúng ta đã sẵn sàng". Một bài báo khác được đăng tải ngày 5 tháng Mười hai tuyên bố: "Kháng cự là sống, không kháng cự là chết". Tổng bộ yêu cầu chính phủ có những biện pháp quyết đoán[95]. Tuyên bố này có ý nghĩa như một lời cảnh báo người Pháp, vừa là một bảo đảm cho nhiều đồng bào giận dữ của Việt Minh rằng không thể chịu đựng thêm bất kỳ một nhượng bộ nào nữa. Trong thời gian sau khi đăng các bài nói trên, cơ quan kiểm duyệt của Việt Minh tập trung vào việc quyết liệt thu hồi những bài báo có tinh thần chống Pháp[96].

Một trong những thanh niên Việt Nam trẻ tuổi giận dữ lúc đó là người cha của nhà sử học Dương Trung Quốc. Ông cảm thấy hổ thẹn khi phải tản cư và sống an toàn ở Sơn Tây bên ngoài thủ đô trong khi quốc gia đang lâm nguy đến mức ông xin cha cho phép gia nhập đội cảm tử thủ đô. Tuy nhiên, ông nội của ông Quốc từ chối, viện lẽ ông và bà đã già, lại chỉ có một con trai độc nhất để

săn sóc cha mẹ, vả lại con ông cũng phải nghĩ đến người vợ trẻ của mình chưa sinh con. Chàng trai trẻ không từ bỏ ý định, cuối cùng, cha ông nói nếu thuyết phục được mẹ thì ông có thể ra đi. Người con trai đã năn nỉ xin mẹ để cho ông đi chiến đấu và cuối cùng đã được phép của mẹ. Thế là cha ông Quốc từ biệt cha mẹ, trở lại Hà Nội gia nhập đội tự vệ chiến đấu trong lòng thành phố.

Ngày 1 tháng Mười hai, một báo cáo của SEHAN cho biết ông Giáp đang lên kế hoạch tiến công quân Pháp tại Hà Nội vào đêm 5 rạng ngày 6 tháng Mười hai. Ông viện lẽ đã nói riêng với một người nào đó rằng ông muốn nhìn sự vật một cách thực tế: ông muốn dành thời gian để người Pháp quay về với lẽ phải. Khi họ "đã phải đổ máu mười hoặc hàng trăm lần nhiều hơn cho tới nay thì họ sẽ hiểu rằng họ phải tìm cách hòa hoãn với chúng ta". Tốt hơn hết là phải chủ động nổ súng hơn là chờ đến khi người Pháp hành động. Người ta kể lại ông Giáp nói ông có sơn pháo, súng cối và 35.000 quân. Thêm nhiều thường dân sơ tán khỏi thành phố và nhiều trung đội xung phong được thành lập.

Nhiều báo cáo "dùng sức người" dựa trên những gì mà các mật báo viên nhặt nhạnh ở Hà Nội phù hợp với nguồn tin tình báo Pháp "dùng máy móc" để nghe trộm qua hệ thống liên lạc vô tuyến giữa miền Bắc và miền Nam của Việt Minh. Ngày 2 tháng Mười hai, người Pháp giải mã được một bức điện của Nguyễn Bình ở miền Nam gửi cho ông Giáp vào ngày 28 tháng Mười một, trong đó Nguyễn Bình khuyên ông Giáp những điều đúng như sẽ xảy ra trong thực tế ba tuần lễ sau, phá nhà máy điện, nhà máy nước, phá cầu nối liền thành phố với sân bay, dùng chướng ngại vật ngăn chặn đi lại trên đường phố. Người Pháp cũng nghe trộm được bức điện trả lời của ông Giáp đề ngày 30 tháng Mười một: "Hoàn toàn đồng ý với ý định của đồng chí. Chúng ta đang chuẩn bị sẵn sàng. Chừng nào tin Pháp đánh Hà Nội được xác nhận thì chừng

đó toàn mặt trận Nam Bộ sẽ đồng loạt nổ súng hưởng ứng"[97]. Một bức điện mới của Nguyễn Bình đề ngày 8 tháng Mười hai lại thúc giục ông Giáp nên bỏ hết các ảo tưởng. Ông Bình hỏi liệu cuộc giao chiến tại Hải Phòng và Lạng Sơn có tiếp tục nữa hay không và xin phép được triển khai cuộc tiến công của lực lượng kháng chiến Nam Bộ[98].

Ngày 9 tháng Mười hai, chánh mật thám báo cáo Chính phủ Việt Nam đang ráo riết chuẩn bị cho tình huống xấu nhất và sẵn sàng dùng vũ lực. Nếu Bộ Chỉ huy Pháp đẩy các nhà "lãnh đạo An Nam" vào bước đường cùng thì rất có thể chiến sự sẽ bắt đầu[99]. Đó là điều d'Argenlieu đang hy vọng, nhưng các báo cáo khác nhận được từ Hà Nội không làm hài lòng viên cao ủy, mà điều lo sợ lớn nhất của ông ta là thấy sự việc kéo dài đủ để Hồ Chí Minh phải thu xếp để thiết lập quan hệ với chính phủ mới của Pháp. Khi Sainteny đến Hà Nội, ông ta không ngay lập tức phát hiện được bất kỳ kế hoạch tấn công nào của người Việt Nam. Trong những ngày sau, lại xuất hiện báo cáo về những cuộc tiến công có thể sắp nổ ra, đầu tiên là vào ngày 5 tháng Mười hai, sau đó lui lại đến ngày 12 tháng Mười hai rồi đến giữa tháng Mười hai. Sainteny đã đi đến kết luận Chính phủ Việt Nam không muốn phát động cuộc tổng giao chiến[100].

Cảm tưởng của Morlière và Sainteny về sự lúng túng và không muốn tiến công của các nhà lãnh đạo Việt Nam không phù hợp với báo cáo của các cơ quan tình báo Pháp. Chúng ta không có cách nào để biết họ đã nghiêm chỉnh nắm các cơ quan tình báo như thế nào và họ dựa vào cơ quan tình báo nào. Cơ quan Phòng Nhì tại Sài Gòn đã nêu ra đặc điểm thái độ của các nhà lãnh đạo Việt Nam ngày 6 tháng Mười hai là: "Ông Giáp đã tiến hành mọi biện pháp đề phòng để tránh khỏi bị bất ngờ trong trường hợp quan hệ Việt - Pháp bị cắt đứt. Riêng ông đã sẵn sàng đương đầu với một

cuộc đấu tranh vũ trang. Trong nội bộ, không ai có thể phản đối quyết định của ông. Uy quyền của ông lan rộng đến tất cả cán bộ các cấp trong quân đội. Là thành viên có vị trí cao nhất của Mặt trận Việt Minh, ông Giáp có uy tín chính trị không thể phủ nhận. Qua nhiều người vốn đã chịu sự giáo dục của ông, ông có nhiều mối quan hệ, đặc biệt trong Bộ Nội vụ và công an Việt Nam. Là người trẻ tuổi có tham vọng và nghị lực mạnh mẽ, lúc này ông rất dễ trở thành người có quyền hành tuyệt đối".

Phòng Nhì báo cáo: đối với ông Giáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh "đóng một vai trò bí ẩn". Có thể là Hồ Chí Minh thực sự ủng hộ chính sách dùng vũ lực và đúng là đang để ông Giáp chịu trách nhiệm về thi hành chính sách đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh tỏ ra nghiêng về hòa dịu hơn. Mọi việc đều đã sẵn sàng để trở lại cuộc đấu tranh vũ trang, nhưng "một số tài liệu nào đó" đã chỉ ra rằng có thể có thay đổi, "trừ phi có sự việc nghiêm trọng xảy ra tại Hà Nội". Kết luận: "Mọi việc chuẩn bị về quân sự đã được tiến hành nhằm gây ra xung đột trên toàn cõi Đông Dương dựa trên bất kỳ một rắc rối nhỏ nào. Với sự thúc đẩy của vị tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp, quân đội Việt Nam đã sẵn sàng khởi sự. Vấn đề còn phải phát hiện thêm là Hồ Chí Minh sẽ để cho quân đội lấn át chính quyền dân sự đến mức nào và phát động cuộc đấu tranh sẽ gây hậu quả nghiêm trọng như thế nào đối với tương lai của chính phủ ông"[101].

SEHAN tiếp tục cung cấp tin tình báo về sự chuẩn bị quân sự của Việt Nam, cho biết ông Giáp muốn nỗi lo sợ lan rộng trong đám thường dân Pháp[102]. Báo cáo của SEHAN ngày 7 tháng Mười hai nói rằng một cuộc họp của Mặt trận chiến đấu của Việt Minh đã được tổ chức ba ngày trước đó. Có một người tên là Lê Văn Nhanh, một người ít được biết đến, đã phân biệt chính sách của chính phủ và chính sách của Mặt trận. Chính phủ muốn hòa bình

để tránh đổ máu và củng cố vị thế của mình. Ngược lại, Mặt trận chiến đấu của Việt Minh kiên quyết đi vào cuộc chiến đấu và có thể hành động vượt quá mệnh lệnh của chính phủ nếu tình hình quân sự yêu cầu. Ba ngày sau, SEHAN chuyển sang nhận định rằng cả Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Giáp đều đã hành động theo một hướng và sống trong tình trạng báo động thường xuyên. SEHAN cho rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh nghiêng về cách làm thế nào để giảm căng thẳng một cách hòa bình, còn cần một thời gian nữa để phát huy kết quả đã đạt được về mặt chính trị. Nhưng trong trường hợp cắt quan hệ với Pháp, chắc chắn Người sẽ chuyển sang tập hợp những người chiến đấu chống lại quân Pháp. SEHAN cũng được tin ông Giáp đã ra lệnh đến ngày 12 tháng Mười hai, quân đội phải hoàn thành mọi công đoạn chuẩn bị về quân sự, ngoài ra, các trụ sở của Bộ Quốc phòng phải trong tình trạng trống rỗng và một trung đội quyết tử mới, đã được thành lập theo lệnh của ông Giáp.

Những bức điện trao đổi giữa Hà Nội và nhà cầm quyền Việt Nam ở miền Nam đã bị nghe trộm. Lê Duẩn, người sau này là Bí thư thứ nhất và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1960 cho đến khi mất năm 1986 và là chính ủy Nam Bộ năm 1946, đã dùng điện đài vô tuyến liên lạc với Hà Nội vào ngày 8 tháng Mười hai nói rằng: "Chỉ có một cuộc chiến tranh tổng lực lâu dài mới có thể giải quyết được vấn đề chủ quyền của Việt Nam". Ít lâu sau đó, theo các tin tức nghe lén được thì Hà Nội đã chỉ thị cho Nguyễn Bình phát động một cuộc tổng tiến công trên toàn mặt trận Nam Bộ vào ngày 12 tháng Mười hai. Theo một báo cáo tiếp sau đó, lệnh này đã được ông Phạm Văn Đồng ban hành cho miền Nam. Ông Đồng là "phái viên đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại miền Nam". Nếu đúng như vậy thì lệnh đó không thể gửi đi từ Hà Nội. Ông Đồng đã đi vào Nam và lúc này đang hoạt động ở Quảng Ngãi.

Hồ sơ tình báo bao giờ cũng đầy ắp những điều khẳng định đáng ngờ bên cạnh những tin tức đáng tin cậy hơn. Một loạt mệnh lệnh do ông Bình ký tên và đề ngày 14 đến 17 tháng Mười hai, ra lệnh cho các đơn vị tại Nam Bộ "hãy tiếp tục phối hợp tấn công nhằm buộc địch phải tôn trọng lợi ích của ta". Lúc đầu, lệnh tổng tấn công ở khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn đã được phát đi nhưng sau đó lại có lệnh hủy bỏ[103]. Khó mà nói liệu những báo cáo tình báo có phản ánh một sự hỗn loạn thật sự về tình hình Việt Nam hay liệu có phải chính các cơ quan tình báo cũng nhầm lẫn hay không.

Ngày 8 tháng Mười hai, Moret đánh giá 70% cư dân Hà Nội đã được sơ tán ra khỏi Hà Nội và Chính phủ Việt Nam đang ráo riết chuẩn bị cho điều xấu nhất: "Sự phô trương các vấn đề đó rất có thể là họ "đang chơi bài poker*" đối với chúng ta. Nhưng những người thạo tin nói chung đều nghĩ rằng nếu việc đó dẫn đến chỗ dùng vũ lực thì đành phải chấp nhận tình huống có thể xảy ra. Không thể lùi bước thêm nữa và nếu Bộ Chỉ huy Pháp để những nhà lãnh đạo Việt Nam đi vào ngõ cụt mà họ đã đặt ra cho mình, không với bất kỳ nhượng bộ đáng kể nào, thì họ sẽ đi đến chỗ chiến tranh". Moret có lý khi tỏ ra lo lắng về thường dân Pháp tại Hà Nội:

> Việc bảo vệ thường dân không đơn giản. Nhà đương cục quân sự sẽ phải xem xét điều này ở mức độ có thể, nhưng mặt khác nhiều thường dân Pháp đã được chúng ta phát vũ khí. Cần phải thừa nhận rằng các ngôi nhà Pháp và Việt ở xen lẫn nhau vốn là đặc trưng của Hà Nội khiến cho quân đội không thể phân tán nỗ lực và sẽ phải thấy những trở ngại quan trọng trên các trục tiến quân để bảo vệ thường dân. Những thời khắc đầu tiên của cuộc xung đột có thể gây

---

* Trong trò chơi này, người chơi đánh cược về giá trị của những quân bài họ đang giữ. (*BT*)

thiệt hại cho thường dân Pháp và không ai được quên rằng Bộ Chỉ huy Việt Nam có kế hoạch bắt được càng nhiều con tin càng tốt.

Ngày 10 tháng Mười hai, Moret đã triệu tập những người đứng đầu của tám tiểu khu nơi thường dân Pháp sinh sống và bày tỏ ý muốn tập trung họ lại. Moret đã đưa ra một kế hoạch sơ tán 400 thường dân nhưng đã do dự không thực hiện, bởi ông thấy rất nhiều vấn đề có thể phát sinh như vấn đề nhà ở, tiền bạc và có lẽ cả vấn đề bạo lực, và bởi việc này trước sau gì cũng bị phát giác và vì vậy có thể bị lực lượng tuyên truyền của Việt Nam khai thác. Buổi tối hôm đó, Moret đem vấn đề này thảo luận với Sainteny nhưng Bộ Chỉ huy quân sự coi đó là việc làm quá sớm. Moret kết luận: "Nếu tình hình xấu thêm, tôi sẽ nêu lại vấn đề một lần nữa"[104]. Việc này dường như kỳ lạ bởi thực tế là một báo cáo tình báo đã cảnh báo rất có thể có một cuộc tổng tiến công của người Việt sẽ xảy ra vào ngày 12 tháng Mười hai. Ngày hôm đó, chiến tranh du kích được tăng cường ở Nam Kỳ nhưng ở Bắc Kỳ không có tình trạng rối loạn quan trọng nào xảy ra. Người Pháp giải thích rằng lệnh tấn công đã bị hủy bỏ, có thể người Việt Nam đợi Quốc hội Pháp chỉ định thủ tướng mới kế nhiệm Bidault. Sainteny cho rằng rõ ràng có sự thay đổi thái độ của người Việt Nam và điều đó liên quan đến những diễn biến chính trị ở Pháp. Các bài báo ở Pháp nói sự thay đổi chính sách của Pháp có thể đã ảnh hưởng đến người Việt Nam. Sainteny còn nói bằng bất kỳ giá nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đang áp dụng một cách tiếp cận ôn hòa và ít có khả năng Chính phủ Việt Nam sẵn sàng chủ động gây chiến. Sau đó, một báo cáo của văn phòng Sainteny về tất cả những rắc rối xảy ra giữa người Việt và người Pháp trên đường phố từ khi các ụ cản được dỡ bỏ nhận định các sĩ quan liên lạc người Việt đã làm mọi việc có thể để ngăn ngừa những rắc rối như vậy lan rộng[105].

Theo nguồn tin từ một điệp báo của SEHAN, một phiên họp mở rộng của Chính phủ Việt Nam được triệu tập vào khoảng 6h chiều ngày 14 tháng Mười hai đã thông qua một chiến lược kép: vừa chờ đợi thành lập chính phủ mới ở Pháp vừa thúc đẩy chuẩn bị kháng chiến về quân sự ở khắp các địa phương trong nước. Ngày Giáng sinh được coi như có thể là ngày mở màn cuộc tiến công. Người mật báo còn cho biết có hai ý kiến đối lập nhau trong chính phủ. Ông Hoàng Hữu Nam và ông Hoàng Minh Giám thuộc phái ôn hòa muốn đạt được sự dàn xếp với nước Pháp. Tuy nhiên, ông Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng và một số bộ trưởng khác ủng hộ chính sách *chính trị vũ lực* (politique de force). Tướng Quang Trung, người mà các chỉ điểm của SEHAN nói sai là tham mưu trưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đồng ý với ông Giáp. Một cơ quan tình báo khác của Pháp đã suy đoán rằng chỉ huy lực lượng bảo vệ Hà Nội là ông Hoàng Quốc Việt, hoạt động dưới cái tên Quang Trung, nhưng thực ra cả ông Hoàng Quốc Việt và ông Quang Trung "thực" lúc đó đều không ở Hà Nội. Quang Trung đã được điều động vào công tác tại miền Nam[106].

Cũng theo nguồn tin của SEHAN, bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn toàn không thể đưa ra quyết định. Một đơn vị tình báo quân đội khác là Phòng Nhì của hải quân đã đánh giá thái độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: "Dường như ông sẵn sàng thảo luận những yêu cầu của chúng ta nhằm ngăn ngừa sự đổ vỡ, miễn là những yêu cầu đó cần phải thay đổi, vì chấp nhận công khai những yêu cầu đó thì danh dự quá tổn thương. Quan điểm này chỉ được nêu ra trong các cuộc nói chuyện mà theo ý Chủ tịch Hồ Chí Minh, phải được giữ kín triệt để. Thái độ của ông dường như muốn kéo dài mọi thứ với niềm hy vọng tha thiết là chính phủ mới ở Pháp được thành lập sẽ có thay đổi chính sách trong vấn đề Đông Dương"[107].

Trong một báo cáo không chính thức gửi về Sài Gòn nói về tình hình Hà Nội cho đến ngày 15 tháng Mười hai, một tác giả giấu tên đưa ra những lời khuyên có thể được Pignon coi trọng, bởi nó phù hợp với nhiều tài liệu quan trọng khác. Theo nguồn tin này, ít có khả năng Bộ Chỉ huy Việt Nam ra lệnh cho quân đội của họ nổ súng tại Hà Nội. Đã có nhiều sự kiện nghiêm trọng xảy ra, tạo cho họ cơ hội để nổ súng. "Mọi người cho rằng, nếu chủ động hành động (vũ lực) thì có lợi cho chúng ta hơn"[108].

Ngày 15 tháng Mười hai, Ủy ban kháng chiến họp với ông Trần Huy Liệu tại Đống Đa (gần Hà Nội). Một điệp báo của Pháp có mặt tại cuộc họp cho biết Trần Huy Liệu đã đến đó sau khi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có người hỏi ông Liệu nếu Trung Quốc can thiệp thì sao. Ông Liệu trả lời tin đồn về nguy cơ Trung Quốc can thiệp không phải là không có cơ sở nhưng ông nghĩ rằng điều này không chắc xảy ra vì Trung Quốc không muốn đưa quân vào Việt Nam chừng nào còn có mặt quân đội Pháp ở đây. Chính dự đoán Trung Quốc sẽ can thiệp đã có một ảnh hưởng tích cực. Lo ngại của Pháp và Trung Quốc về việc phải chiến đấu với nhau đã được tận dụng giống như hồi tháng Ba 1946 nhằm ngăn chặn một xung đột công khai. Ông Liệu hy vọng tình hình chính trị trên thế giới sẽ phát triển có lợi cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam đòi độc lập. Nếu xung đột nổ ra lúc này, cả Đông Dương sẽ trở thành một bãi chiến trường và "chúng ta sẽ ân hận là chúng ta đã không kiềm chế được sự bực tức của mình"[109].

Đến ngày 15 tháng Mười hai, có thể đánh giá rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh và ít nhất một vài cố vấn của Người vẫn hy vọng *có thể* tránh được cuộc chiến tranh có quy mô toàn quốc. Họ biết rằng ông Giáp đã có một kế hoạch tiến công người Pháp ở Hà Nội và trụ lại một số nơi trong thành phố càng lâu càng tốt, nhưng họ chỉ

muốn để ông Giáp làm như vậy khi đã biết chắc là người Pháp sẽ chủ động ra tay trước.

Nếu nguồn tin của SEHAN là chính xác, ông Trần Huy Liệu đã có lý khi xem xét những khía cạnh quốc tế của vấn đề. Một trong những lý do khiến Chính phủ Pháp miễn cưỡng để d'Argenlieu và Valluy lún sâu vào đường lối họ đã chọn và đoạn tuyệt quan hệ với Việt Minh là vì điều này liên quan đến quốc tế. Tuy rằng mối liên quan này đã giảm đáng kể. Franklin D. Roosevelt đã ra đi từ lâu, Tưởng Giới Thạch đã rút toàn bộ quân đội của họ về nước và với vai trò phái viên của Tổng thống Mỹ Harry Truman tại Trung Quốc, Tướng Georges C. Marshall đã không thể ngăn cản Quốc dân đảng gây nội chiến chống lại Hồng quân của Mao Trạch Đông. Người Pháp cũng biết Mỹ do dự trong việc gây sức ép với Pháp ở châu Á vì như thế có thể làm cho Pháp quay sang chống Mỹ ở châu Âu và tiếp tục kích động bộ máy tuyên truyền của PCF. Điều nghịch lý là cả PCF và Mỹ đều muốn Pháp nhân nhượng chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam nhưng không bao giờ làm điều đó một cách công khai, dành ưu tiên cho sân khấu chính trị Pháp và vai trò của Pháp trong một châu Âu đang ngày càng bị chia rẽ.

MỘT NGƯỜI MỸ THẦM LẶNG

Ngày Sainteny gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, Valluy nhận tiếp một vị khách ít được chú ý tại Phủ Cao ủy ở Sài Gòn. Để gây ấn tượng với người khách này và tạo cho khách lầm tưởng rằng mình được đón tiếp trọng thị, Valluy đã có một cử chỉ khác thường là đón khách ở ngoài phạm vi của đội bảo vệ danh dự, hành động này vốn chỉ dành riêng cho những nguyên thủ quốc gia khi đón tiếp các nguyên thủ quốc gia khác. Trong trường hợp này, khách của quyền Cao ủy chỉ là một vụ trưởng trong Bộ Ngoại giao Mỹ.

Có mặt trong lễ đón còn có các thành viên khác của bộ ba "tam đầu chế" điều hành công việc của Đông Dương thuộc Pháp trong hai tháng Mười một và Mười hai 1946: đó là Pignon, người bày mưu tính kế về chính trị và Gonon, thanh tra tài chính. Nếu d'Argenlieu có mặt tại Sài Gòn lúc đó, chắc hẳn ông khách Mỹ này đã được chào đón trên boong tàu chỉ huy của viên đô đốc hải quân kèm theo một loạt phát đại bác hải quân chào mừng.

Abbot Low Moffat là người đứng đầu Vụ Đông Nam Á, Bộ Ngoại giao Mỹ. Cũng như thủ trưởng của ông ta, John Carter Vincent, Vụ trưởng Vụ Khu vực Viễn Đông, Moffat thuộc lớp cán bộ ngoại giao lão luyện đã hiểu biết ít nhiều về châu Á và vì vậy đã ngăn cản đất nước họ không dính líu quá nhiều nhằm cứu vãn chế độ Tưởng Giới Thạch đang ngắc ngoải. Vì thế, họ đã trở thành nạn nhân của các cuộc đả kích cay độc của Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy trong thập niên 1950 chống lại cách suy nghĩ không đúng với phong cách Mỹ trước khi hành động. Moffat là người quan tâm sâu sắc đến nguy cơ chủ nghĩa cộng sản đang dâng cao ở châu Á, nhưng cũng tin rằng chỉ có duy nhất một con đường chống lại nguy cơ này là phải thích nghi với những nguyện vọng dân tộc của nhân dân các nước châu Á. Moffat đánh giá Đông Dương là một lãnh thổ có tầm quan trọng chiến lược và không tin vào khả năng của nước Pháp với những lợi ích chủ yếu là ở châu Âu và Bắc Phi có thể bảo vệ được lãnh thổ này. Ông đã viết một số bài báo chỉ trích thái độ không khoan nhượng của Pháp mà theo ông, có thể đẩy người Đông Dương vào tay chủ nghĩa cộng sản. Moffat tin rằng người ta đang đề nghị với nước Pháp một giải pháp mà Pháp không thể khước từ. Đó là vai trò trung gian của Anh và Mỹ trong vấn đề Đông Dương. Thủ trưởng của ông, John Carter Vincent đã nắm bắt ý tưởng đó từ tháng Chín nhưng đã bị lãnh đạo Vụ châu Âu, Bộ Ngoại giao Mỹ bác bỏ. Đến tháng Mười, Vincent khẳng định rõ

việc Mỹ có thể can thiệp về ngoại giao ở Đông Dương nhưng phải được các bên hữu quan yêu cầu[110]. Người Pháp thì không bao giờ yêu cầu Mỹ can thiệp, tuy nhiên, trước khi đi Sài Gòn, Moffat một lần nữa đã tranh cãi với Bộ Ngoại giao Mỹ và Bộ Ngoại giao Anh rằng đã đến lúc cần đưa ngay đề nghị làm trung gian cho các bên hữu quan tại Đông Dương.

D'Argenlieu và Valluy có thể không chia sẻ quan điểm riêng của Moffat, nhưng chắc chắn một điều là họ không thích tiếp đón một vị khách đến từ một nước mà trước đây đã áp đặt sự chiếm đóng tốn kém của người Trung Quốc ở Bắc Đông Dương mà không hỏi ý kiến de Gaulle. Tuy nhiên, viên cao ủy đã nhượng bộ trước năn nỉ của Bộ trưởng Ngoại giao Pháp và cũng không thể từ chối tiếp một đại diện của Bộ Ngoại giao Mỹ, vả lại, Moffat cũng không nêu rõ mục đích của chuyến đi đến Đông Dương lần này[111]. Đại sứ Pháp tại Washington cũng nhấn mạnh cá nhân Moffat đã góp phần đạt được thỏa thuận với Thái Lan ngày 17 tháng Mười một 1946 về việc trao trả các tỉnh của Campuchia và Lào đã sáp nhập vào Thái Lan năm 1941[112].

Moffat bày tỏ khát khao được đến thăm Bắc Kỳ, nơi Sainteny rất ngán ý tưởng phải tiếp một người trong đám "khách du lịch Mỹ". Ủy viên Cộng hòa Pháp đã có những ký ức không thích thú cho lắm với Archimedes L. Patti, một sĩ quan tình báo Mỹ người Italia gốc Hy Lạp đã cộng tác chặt chẽ với nhà đương cục Trung Hoa ở địa phương để trì hoãn chuyến đi của Sainteny từ Côn Minh đến Hà Nội nhiều ngày sau khi Nhật đầu hàng ngày 15 tháng Tám 1945, và tiếp đó, vào ngày 2 tháng Chín lại diện bộ đồng phục đẹp nhất để nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh tố cáo chế độ thực dân Pháp, trích dẫn cả Tuyên ngôn độc lập của Mỹ năm 1776. Cuối cùng, Moffat cũng được phép đến Hà Nội, nhưng Sainteny yêu cầu ông ta không được thăm Hải Phòng trong bất kỳ tình huống nào[113].

Khi đến Sài Gòn, Moffat thực tế không biết gì về việc Pháp đang chiếm Hải Phòng - một minh chứng rõ rệt về việc báo chí quốc tế đã viết về sự kiện Hải Phòng ở mức hạn chế như thế nào. Không một nhà báo nào được đến thăm Hải Phòng sau khi bị pháo binh hải quân Pháp tàn phá nặng nề. Báo chí phương Tây, kể cả các báo cộng sản, chỉ đăng lại các bản tin chính thức của các hãng thông tấn AFP (Pháp) và AP (Mỹ), và nhìn chung cũng chỉ đưa tin ngắn về vụ thảm sát của người Pháp như một sự kiện khiêu khích của người Việt Nam.

Moffat dừng lại ở Đông Dương 10 ngày, từ ngày 2 đến 12 tháng Mười hai, và ở Hà Nội trong ba ngày, từ ngày 6 đến 8 tháng Mười hai. Những lá thư ông gửi về cho vợ đã điểm qua về không khí trong những tuần lễ trước khi chiến tranh Đông Dương bùng nổ[114]. Moffat đã bị "bất ngờ" trước chất lượng kém cỏi của những lãnh đạo chóp bu của Pháp tại Sài Gòn, đặc biệt là Pignon, nhưng ông thấy chất lượng của những quan chức cai trị người Pháp ở cấp thấp còn tồi tệ hơn nữa. Người kế nhiệm bác sĩ Thinh làm Chủ tịch Nam Kỳ là bác sĩ Lê Văn Hoạch cũng không gây được một ấn tượng sâu sắc nào. Lúng túng một cách tuyệt vọng trước chuyến thăm của vị khách quý, Lê Văn Hoạch gọi lãnh sự Mỹ Reed là "Ngài đại sứ" và dường như ông ta nghĩ rằng Moffat là Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ.

Tình hình Hà Nội cũng gây một cơn sốc mạnh mẽ cho Moffat. Đó là lần đầu tiên trong đời ông đến một nơi tràn ngập tâm lý chiến tranh. Ông ta đau lòng thấy trong ba ngày ở Hà Nội, ông chỉ nhận được một nụ cười ngập ngừng miễn cưỡng của một đứa trẻ duy nhất ông gặp trên đường phố Hà Nội. Cả hai bên hữu quan đều nói sự có mặt của ông góp phần làm dịu, ít ra là tạm thời, không khí căng thẳng, bởi lẽ nếu nổ ra xung đột thì sẽ làm mất mặt vị khách cấp cao như ông đang có mặt tại chỗ. Buổi chiêu đãi

nhẹ đón tiếp ông đã tạo dịp cho các phe đối địch gặp nhau: Morlière và Hoàng Hữu Nam, Lami và Võ Nguyên Giáp, Sainteny và Hoàng Minh Giám trò chuyện với nhau một cách thân mật xung quanh cốc rượu vang. Sainteny và Morlière cảm thấy lạ lùng phải nâng cốc chúc rượu những người mà bất kỳ lúc nào đều có thể trở thành kẻ thù sinh tử của mình. Moffat nhận thấy chẳng có gì sai trái trong nỗ lực hòa giải các kẻ thù và ngẫu hứng phát biểu chúc mừng bằng tiếng Pháp: "Chúc mừng ngài Talleyrand* Sainteny". Sự so sánh như vậy chắc hẳn có nghĩa như là nhắc đến kỹ năng ngoại giao của Talleyrand được biểu lộ trong hội nghị hòa bình ở Vienna năm 1814-1815 chứ không phải là sự đóng góp trước đó của ông ta vào việc chinh phục châu Âu của Napoléon.

Moffat cố ý tìm gặp các nhà lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam. Ông không nhiệt tình nói chuyện với ông Giáp, ông viết cho vợ rằng ông luôn luôn mất bình tĩnh trước những người có bộ mặt "ngơ ngác". Ông Giáp, đối với ông là người lãnh đạo cộng sản thông minh "đến mức lý tưởng", một mẫu gốc. Ông Giáp thừa nhận rằng có thể người Việt Nam không thắng trong cuộc đối đầu với Pháp nhưng trong bất kỳ tình huống nào, nước Pháp cũng không thắng được Việt Nam bởi lẽ lực lượng vũ trang Việt Nam luôn luôn có khả năng tiếp tục chiến đấu mặc dù Pháp có xe tăng, máy bay và súng lớn, nước Pháp vẫn luôn luôn bị đánh cho mệt lử. Moffat và Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan hỏi ông Giáp liệu ông có sợ tổn thất nhiều sinh mạng không. Ông Giáp trả lời cần thiết phải hy sinh, hy sinh và hy sinh nữa. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh Việt Nam sẽ không hành động trước. Nhiều năm sau, ngày 23 tháng Sáu 1997, một người Mỹ khác, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert McNamara

---

* Talleyrand (1754-1838) là tên một nhà ngoại giao nổi tiếng trong lịch sử của Pháp thế kỷ XVIII-XIX (*ND*).

đến gặp Tướng Giáp tại Nhà khách Chính phủ, trước đây là Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, sau đó là Phủ Chủ tịch của Hồ Chí Minh những năm 1945-1946. Suy nghĩ của McNamara cũng vẫn là những ý nghĩ đã làm bận tâm Moffat và O'Sullivan năm 1946: Chiến tranh có thể tránh được không? Có đáng phải hy sinh đến như thế không? McNamara đã mất trọn một tiếng đồng hồ buổi trưa nhưng ông ta đã không bao giờ được nói chuyện với ông Giáp. Thay vào đó, ông Giáp đã đọc một bài về quyết tâm của nhân dân Việt Nam phải tiến hành kháng chiến chống ngoại xâm: chúng tôi đã chiến đấu vì phải chiến đấu. Nếu cần, chúng tôi quyết tâm kháng chiến trong 100 năm. Nhờ quyết tâm đó, chúng tôi đã giành lại độc lập dân tộc mà gần 100 năm trước đây chúng tôi không thể làm khác. Ông thừa nhận có một số bạn bè nói rằng người Việt Nam không thể thắng, ông không muốn chỉ đích danh ai. Tuy nhiên, ông Giáp luôn luôn tin chắc nhân dân Việt Nam sẽ thắng. Mỹ cũng như Pháp trước đây đã phạm sai lầm về chiến lược khi can thiệp vào Việt Nam (lời ông Giáp nói năm 1997). Người thắng trong cuộc chiến tranh này là nhân dân Việt Nam và mọi lực lượng tiến bộ cũng như nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả lực lượng tiến bộ và nhân dân yêu hòa bình ở Mỹ, đều phản đối chiến tranh. Đó là điều McNamara không muốn nghe. Ông đang đi tìm những sai lầm để có thể hay giảm bớt những đau khổ mà cuộc chiến tranh đã đem tới. Nhưng con người có khuôn mặt "ngơ ngác" đã kiên trì nói cho đến cuối buổi tiếp. Moffat và McNamara đều nhận được cùng câu trả lời cơ bản[115].

Moffat thích Hoàng Minh Giám hơn nhiều, nhưng ông Giám đã sai lầm như phần lớn các nhà hoạt động chính trị cánh tả khi gặp một người Mỹ lần đầu tiên. Ông ta nghĩ Moffat là đại diện cho một cường quốc lãnh đạo thế giới tư bản chủ nghĩa đang tìm kiếm cơ hội đầu tư hay căn cứ quân sự. Vì vậy, ông ta đã đưa ra một lời

dụ dỗ về các cơ hội ngọt ngào mà các doanh nghiệp Mỹ có thể tìm thấy ở Việt Nam nếu Việt Nam trở thành một nước độc lập và ông ta đã gợi ý rằng Mỹ có thể chiếm lại căn cứ chiến lược tại Cam Ranh hiện nay trong tay Pháp. Đó cũng không phải là điều Moffat muốn nghe. Kết quả tiêu cực mà cuộc chiến tranh thuộc địa có thể gây ra đối với đời sống sung túc về kinh tế - xã hội và chính trị của Pháp là điều quan tâm chính của Bộ Ngoại giao Mỹ. Moffat và Carter Vincent mong muốn sự ổn định của châu Á bởi nó cần thiết cho công cuộc tái thiết Nhật Bản. Vì vậy, Moffat quan tâm đến việc người Việt Nam và Pháp ngồi lại với nhau không phải để dàn xếp với các công ty Mỹ hay quân Mỹ nắm quyền kiểm soát những cơ sở hiện nay của Pháp. Để gây ấn tượng với Moffat, ông Giám nói nhiều hơn về quyết tâm của người Việt Nam tôn trọng quyền sở hữu tài sản của Pháp và quan tâm tới công cuộc kinh doanh của Pháp. Có thể ông Giám nhận ra sai lầm của mình và lái câu chuyện sang nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh bởi vì ông đã chọn một cách tiếp cận khác khi Moffat đến thăm ông.

Về phần mình, Moffat đã chủ động đến thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sainteny tỏ ra giận dữ khi ông ta nghe thấy chuyện này vì việc đến thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh nằm ngoài chương trình đã được xếp đặt trước. Sainteny được giao nhiệm vụ thúc đẩy Hồ Chí Minh đến chỗ phải lựa chọn giữa đối đầu hoặc thỏa thuận theo các điều kiện của Pháp. Ông ta nghĩ chuyến thăm của Moffat có thể làm thất bại nhiệm vụ của ông, bằng cách làm cho Chủ tịch Hồ Chí Minh thêm hãnh diện về việc một nhân vật cấp cao của chính quyền Mỹ đến thăm mà tin vào những điều kỳ diệu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bị ốm từ sau vụ thảm sát Hải Phòng và phải tiếp Moffat trên giường bệnh. Với sự dè dặt, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với khách về tình hữu nghị và lòng khâm phục đối với Mỹ và những người Mỹ mà Người đã làm quen khi cùng nhau chiến đấu

chống Nhật trong rừng sâu. Họ đối xử rất bình đẳng với người Việt Nam. Người nói ý muốn của mình là xây dựng Việt Nam trong sự hợp tác với người Pháp để nhân dân Việt Nam có hạnh phúc hơn; người Việt Nam muốn được tự do, tìm kiếm tình hữu nghị với các nước khác cùng với Pháp để bảo đảm nguồn lực cần thiết cho phát triển đất nước. Nước Pháp hiện nay quá nghèo, không đủ cung cấp vốn cho Việt Nam tái thiết. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói Người biết Mỹ không thích chủ nghĩa cộng sản, nhưng đó không phải là mục đích của Người. Nếu Người có thể bảo đảm giành lại độc lập cho Việt Nam thì cũng hết thời gian của cuộc đời Người: "Có lẽ trong 20 năm nữa kể từ năm nay (tức năm 1946), Mỹ sẽ trở thành cộng sản và chắc lúc đó Mỹ không phản đối nếu Việt Nam cũng làm như vậy". Hồ Chí Minh nói tiếng Anh hơi ngập ngừng với một nụ cười và tình hữu nghị: "Đừng nên lo lắng!". Chủ tịch Hồ Chí Minh kết thúc câu chuyện bằng cách nhấn mạnh ý muốn hoà bình mặc dù Người không cảm thấy Việt Nam có thể chịu khuất phục trước yêu cầu của Pháp.

Nguồn chủ yếu của chúng tôi về cuộc đi thăm của Moffat là những lá thư ông gửi về cho vợ được công bố năm 1972 gắn với cuộc điều tra của Thượng viện Mỹ về nguồn gốc của tấn thảm kịch Việt Nam[116]. Nếu những bức thư đó là nguồn duy nhất có giá trị về cuộc gặp gỡ giữa Moffat và Hồ Chí Minh, thì chúng ta có thể kết luận rằng bản thân Moffat không nói gì trừ việc bày tỏ hy vọng về một cách giải quyết hòa bình. Tuy nhiên, cơ quan tình báo của d'Argenlieu sớm biết được cuộc đi thăm này theo các nguồn Việt Nam. Moffat bày tỏ "ý muốn" rằng Việt Nam nên kêu gọi Liên hợp quốc. Việc đó đã làm cho Bộ Ngoại giao Pháp hỏi Bộ Ngoại giao Mỹ liệu đó có phải là chính sách của Mỹ không. Trong khi còn ở Đông Nam Á, người ta đã hỏi Moffat về những khẳng định của Pháp và ông ta phủ nhận việc ông đã bày tỏ bất cứ ý muốn nào[117]. Nếu thế,

việc đó có thể đúng như vậy vì khi ông từ Hà Nội quay trở lại Sài Gòn vào ngày 9 tháng Mười hai, một bức điện từ thủ trưởng của ông là John Carter Vincent đang đợi ông, mà chắc chắn đã bị xem xét, thậm chí có thể còn do Vụ châu Âu, Bộ Ngoại giao làm chủ mưu nữa. Cơ quan này đã chỉ thị cho Moffat tránh tạo ra cảm tưởng rằng Mỹ muốn can thiệp vào chính sách của Pháp tại Đông Dương và còn nói "bất kỳ việc công bố nào về việc này đều đáng tiếc".

Vincent tỏ ra háo hức được thấy Pháp và Việt Nam thỏa thuận thương lượng với nhau. Ông nói: "Đúng là Bộ Ngoại giao Mỹ đã chỉ thị cho đại sứ của mình tại Paris cảnh cáo Chính phủ Pháp rằng thái độ không khoan nhượng của Pháp chỉ có thể phục vụ lợi ích của những phần tử cực đoan, bọn này sẽ chiếm lợi thế khi cắt đứt mối liên hệ với phương Tây. Vincent muốn biết sức mạnh của những phần tử quốc gia không cộng sản và nhắc nhở Moffat về quá khứ ai cũng biết rõ của Hồ Chí Minh với vai trò một cựu phái viên của chủ nghĩa cộng sản quốc tế".

Moffat trả lời rõ ràng là Chính phủ Việt Nam nằm trong tay của một nhóm nhỏ cộng sản mà gần như chỉ có quan hệ tiếp xúc gián tiếp với Mátxcơva và trực tiếp với Diên An (thủ đô thời chiến của Mao). Nhưng ông nghĩ rằng những người lãnh đạo của Hà Nội trên hết đều là những người dân tộc chủ nghĩa, sử dụng kỹ thuật và kỷ luật của những người cộng sản trong cuộc chiến đấu vì nền độc lập dân tộc của họ, và họ đều sẵn sàng tạm gác việc thực hiện một xã hội cộng sản. Moffat đi tới kết luận này sau những cuộc trò chuyện với Pignon và Hồ Chí Minh. Moffat nhấn mạnh hơn nữa tầm quan trọng của sự có mặt của Pháp tại Đông Dương để bảo vệ lợi ích của phương Tây ở châu Á. Họ hiểu được sự dọa nạt không những từ Mátxcơva, mà còn nghiêm trọng hơn là từ "Trung Hoa trong tương lai". Sự hiện diện cần thiết của Pháp ở Đông Dương chỉ có thể được duy trì bằng cái giá của sự thỏa thuận với Chính

phủ Việt Nam. Ông ta không nghĩ đó sẽ là một cuộc chiến tranh quy mô toàn quốc vì cả hai bên đều mong muốn tránh được chiến tranh, nhưng cuối cùng ông lại gợi ý rằng Mỹ nên đề nghị "thiện chí làm trung gian"[118]. Tuy nhiên, đề nghị này không hề nhận được bất cứ sự ủng hộ nào ở Washington, nơi các nhà ngoại giao hàng đầu và những nhà hoạch định chính sách đối ngoại Mỹ quyết tâm tránh phá vỡ quan hệ của Mỹ với nước Pháp.

Thực tế người Việt Nam đã chộp lấy lý do chính để người Anh và Mỹ dừng can thiệp từ rất sớm. Chỉ thị của Ủy ban hành chính Nam Bộ đề ngày 17 tháng Mười 1946 đã dùng những từ hoa mỹ để đặt câu hỏi: tại sao Mỹ và Anh quay lưng với cách mạng Việt Nam? Câu trả lời thật ngắn gọn: "Họ đã nhận nước Pháp đứng vào hàng ngũ các cường quốc cùng với họ". Sau đó, Xứ ủy Nam Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương cũng nêu câu hỏi tương tự và trả lời: "Về mặt quốc tế, Pháp là một trong những cường quốc của Liên hợp quốc. Bởi vì vị thế ưu tiên của Pháp ở châu Âu nên tất cả các cường quốc đều thi nhau ủng hộ Pháp"[119].

DO DỰ - NGẬP NGỪNG

Để gỡ rối một tình thế hoạt động hay không hoạt động phức tạp gây bùng nổ chiến tranh ngày 19 tháng Mười hai 1946, trước tiên, cần phải nhìn vào biên niên các sự kiện tại Hà Nội, Sài Gòn và Paris, giống như cách Philippe Devillers đã làm trong cuốn sách *Paris - Saigon - Hanoi: Les archives de la guerre, 1944-1947* (Paris - Sài Gòn - Hà Nội: Hồ sơ lưu trữ về cuộc chiến tranh 1944-1947), một cuốn sách tư liệu do ông xuất bản và công bố năm 1988. Tấn thảm kịch đã diễn ra đồng thời ở ba nơi. Những nhà hoạch định chính sách thi hành công việc của họ ở tất cả ba địa điểm với trình độ khác nhau về thông tin và phối hợp thông tin giữa họ với nhau. Mặc dù những sự kiện thực tế diễn ra tại Hà Nội, các quyết định

then chốt lại xuất phát từ Sài Gòn và luôn luôn ở trong tình trạng bị cấp cao hơn khống chế, song vẫn có thể được thông qua hoặc bị những cuộc tranh luận ngớ ngẩn tại Paris từ chối. Đó là lý do tại sao d'Argenlieu - nhân vật vừa là người thi hành vừa là người quản lý của Sài Gòn trong suốt quá trình diễn ra cuộc khủng hoảng sau lưng Paris vẫn cứ ở lại chính quốc đấu tranh tự cứu mình và cứu Liên bang Đông Dương bằng cách ngăn chặn mọi tiếp xúc trực tiếp giữa Paris và Hà Nội. Sự dao động của nhà đương cục Pháp tại Sài Gòn giữa gây chiến công khai đi đôi với các hành vi khiêu khích, sự chờ đợi kéo dài, gây áp lực một cách khôn khéo, tinh vi và gài bẫy trong thời gian bốn tuần lễ từ vụ thảm sát Hải Phòng đến buổi tối định mệnh 19 tháng Mười hai 1946 không những phản ánh toan tính và kỳ vọng chờ đợi ở cách hành xử của Chính phủ Việt Nam ở Hà Nội, mà còn thể hiện sự phản đối đối với bất kỳ hành động can thiệp bất lợi nào từ phía chính phủ Pháp ở Paris.

Ngày 17 tháng Mười hai, Pignon viết: "Dễ nhìn thấy tình hình hiện nay bị tác động rõ rệt, thậm chí có thể nói là bị chỉ huy bởi tình hình chính trị ở chính quốc được tạo ra ngày 10 tháng Mười một... Điều chắc chắn là kết quả bầu cử Quốc hội tại chính quốc đã tạo nên những hy vọng và ảo tưởng trong ban lãnh đạo Việt Nam ở Hà Nội, điều này chứng tỏ là nguy hiểm đối với chúng ta"[120]. Quan điểm của Pignon là một trong những quan điểm có căn cứ nói lên thắng lợi của phái tả đã mang lại những hy vọng giả tạo trong phái tả ở Việt Nam. Mối nguy hiểm này đã được phản ánh trong tâm trạng lo âu của chính Pignon. Các cuộc tuyển cử của Pháp đã khiến những người lãnh đạo Việt Nam nghĩ rằng họ có thể giữ được thủ đô và mở lại cuộc thương lượng với Pháp vào tháng Giêng 1947, như đã ghi trong Tạm ước ngày 14 tháng Chín. Đối với nhà cầm quyền ở Sài Gòn, đó là điều họ lo ngại nhất bởi vì nó khuyến khích

tính hợp pháp của Việt Minh và chế độ cộng hòa của họ trên phạm vi trong nước và quốc tế.

Bốn tuần lễ từ ngày 23 tháng Mười một đến ngày 19 tháng Mười hai tương ứng với bốn giai đoạn tiến triển rõ rệt về chiến thuật của Sài Gòn. Trong tuần lễ đầu tiên đến hết ngày 30 tháng Mười một, Sài Gòn nghĩ và có thể hy vọng một cuộc tổng giao chiến có thể sẽ bùng nổ, coi như kết quả trực tiếp của những gì đã xảy ra tại Hải Phòng và Lạng Sơn và của tối hậu thư ngày 28 tháng Mười một. Trong thời gian này, Sainteny còn nán lại Sài Gòn. Trong tuần thứ hai từ ngày 1 đến ngày 7 tháng Mười hai, Valluy và Pignon chuẩn bị triển khai lực lượng Pháp trên hai mặt trận: một đi từ Hải Phòng rồi tiến dần lên Hà Nội nhằm khai thông và bảo đảm con đường huyết mạch từ thành phố cảng lên thủ đô Hà Nội, trong lúc đó Sainteny tiến hành hội đàm với các nhà lãnh đạo Việt Nam tại Hà Nội. Cuộc hành quân của Pháp có thể gây ra những phản ứng từ phía Việt Nam, và Pháp sẽ sử dụng những phản ứng này là cái "cớ" để tiến hành các hoạt động cảnh sát (bắt cóc, thủ tiêu) những phần tử quá khích trong chính phủ và Tổng bộ. Trong tuần lễ thứ ba, từ ngày 8 đến 14 tháng Mười hai, Sài Gòn chần chừ trong việc mở lại con đường Hải Phòng - Hà Nội và hành động cảnh sát. Trong tuần thứ tư từ ngày 15 đến 19 tháng Mười hai, Sài Gòn thúc giục Sainteny và Morlière áp dụng một đường lối cứng rắn hơn. Điều này dẫn đến việc xảy ra những va chạm nghiêm trọng tại Hà Nội vào ngày 17 và 18 tháng Mười hai, đã được người Pháp sử dụng để biện minh cho những yêu sách mới được đưa ra cho đối phương ngày 18 và sáng 19 tháng Mười hai.

Trong tuần lễ đầu, Quốc hội mới của Pháp được thành lập thông qua bầu cử nhưng chưa họp phiên đầu tiên, không ai biết người nào sẽ đứng đầu chính phủ mới. Cominindo họp ngày 23 và 29 tháng Mười một và nội các liên minh do Bidault đứng đầu họp

phiên cuối cùng vào ngày 28 tháng Mười một. Bidault chính thức kết thúc nhiệm kỳ cùng ngày hôm đó, nhưng ông vẫn giữ tạm quyền điều hành công việc trong khi chờ đợi Quốc hội Pháp thông qua chính phủ mới. Các cuộc họp của Cominindo đã không công khai hủy bỏ Tạm ước ngày 14 tháng Chín như d'Argenlieu mong muốn, nhưng đã bật đèn xanh cho việc sử dụng vũ lực chống lại du kích có căn cứ ở miền Nam và hình như lại công nhận những việc Valluy đã làm ở Hải Phòng. Trước đó, các đại biểu của các bộ quan trọng nhất đã dự thảo một loạt chỉ thị mật cho d'Argenlieu nhưng không thể thông qua chúng trong cuộc họp ngày 29 tháng Mười một. Tình hình nhập nhằng đó kéo dài cho đến ngày 10 tháng Mười hai, trong tuần lễ thứ ba, bộ huấn thị mới vẫn chưa chuẩn bị xong. Lúc đó, vẫn chưa rõ ai sẽ đứng đầu chính phủ mới, nhưng đến ngày 12 tháng Mười hai, đảng viên lão thành của SFIO, Léon Blum, người đã không tham gia khởi thảo huấn thị mới được cử đứng ra lập chính phủ mới và được Quốc hội Pháp bầu làm thủ tướng. Sau những cuộc hội đàm bất thành với những người lãnh đạo PCF và MRP, Blum thấy không thể liên minh với PCF và thay vào đó, ông lập một chính phủ hoàn toàn của SFIO vào ngày 16 tháng Mười hai, giữ Marius Moutet ở lại làm Bộ trưởng Hải ngoại Pháp. Ngày hôm sau, 17 tháng Mười hai phản ánh những cuộc thương lượng phức tạp giữa các đảng chính trị và sự đánh giá tổng quát nhu cầu cần giải quyết thắng lợi cuộc khủng hoảng nội các để sớm thông qua Hiến pháp mới của Đệ tứ Cộng hòa Pháp, nội các của Blum đã giành được sự ủng hộ của Quốc hội, chỉ có hai đại biểu phản đối. Sang ngày tiếp theo, Bidault trao toàn bộ chìa khóa các cơ quan Phủ Thủ tướng cho Blum. Ông này cũng như người tiền nhiệm kết hợp chặt chẽ vị thế thủ tướng tại điện Matignon (Phủ Thủ tướng Pháp) với trách nhiệm về các vấn đề ngoại giao ở Quai d'Orsay (trụ sở Bộ Ngoại giao trên phố Quai d'Orsay). Tối 18 tháng Mười hai,

vài giờ trước lúc mặt trời mọc ở Việt Nam, nội các của Blum họp phiên đầu tiên.

Giai đoạn thứ nhất có đặc trưng là thái độ ngập ngừng của Sài Gòn tương ứng với thời kỳ nội các Bidault bảo đảm sự ủng hộ hoàn toàn đối với viên Cao ủy, còn giai đoạn thứ hai và thứ ba tương ứng với thời kỳ chính phủ tạm quyền của Bidault điều hành công việc đất nước trong khi chờ đợi chính phủ mới thành lập, cuộc khủng hoảng nội các vẫn chưa kết thúc. Chưa ai biết thắng lợi sẽ thuộc về đảng nào, ai sẽ được Quốc hội cử ra lập chính phủ mới, và giai đoạn thứ tư - giai đoạn của những sức ép khôn khéo tinh vi, gài bẫy trùng hợp với thời gian Blum cầm quyền, lập chính phủ mới.

Chúng ta hãy khái quát việc liên lạc giữa Paris và Sài Gòn trong cả bốn tuần lễ sóng gió đó. Phản ứng đầu tiên của Paris đối với việc đánh chiếm Hải Phòng là bức điện tán thành của d'Argenlieu tuyên bố rằng chỉ thị của Valluy gửi cho Morlière phù hợp với chính sách của Chính phủ Pháp đã được xác định tại cuộc họp ngày 23 tháng Mười một của Cominindo[121]. D'Argenlieu còn gửi cho Valluy một bản tóm tắt các quá trình tiến hành đã được Moutet cũng như Bộ trưởng Quân đội Michelet đọc và được Bidault thông qua. Chỉ thị này cũng cho phép Valluy phớt lờ lệnh ngừng bắn ở Nam Kỳ và "giảm hoạt động vũ lực"[122]. D'Argenlieu bảo đảm với Valluy rằng ông được rảnh tay hoạt động quân sự và nhấn mạnh phải tăng cường cảnh giác hơn nữa[123]. Valluy gửi những tin tốt lành cho các Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Sài Gòn, Nha Trang và Hà Nội ngày 27 tháng Mười một. Ông ta nói với họ sẽ có những chỉ thị gửi tiếp theo sau cuộc họp của Cominindo vào ngày 29 tháng Mười một. Trong lúc đó, họ đã hành động dựa theo những tuyên bố ủng hộ của Bidault và Moutet. Valluy nhấn mạnh họ hãy tỏ rõ lập trường kiên quyết của Chính phủ Pháp, thông qua

sự "không kín đáo một cách có tính toán"[124]. Những bức điện của Paris cam kết sự bảo đảm của chính phủ gợi ý cho Morlière những "tối hậu thư không có thời hạn cuối cùng" mà Valluy đã ra lệnh cho Morlère đưa cho ông Giáp vào ngày 28 tháng Mười một. Tuy nhiên, tối hậu thư đã không gây ra bất kỳ phản ứng bạo liệt nào của người Việt Nam, và Cominindo họp ngày 29 tháng Mười một đã không làm hài lòng Valluy và d'Argenlieu như cuộc họp trước. Cuộc họp đã không thông qua những huấn thị của chính phủ như đã hứa và Đô đốc Barjot đã nêu những câu hỏi tìm hiểu. Sau đó, tình hình vẫn không rõ ràng cho đến ngày 30 tháng Mười một khi Valluy quyết định để Sainteny tới Hà Nội.

Đặc trưng của tuần lễ thứ hai là những cố gắng vụng về của Sainteny nhằm gây ra sự chia rẽ giữa những người Việt Nam ôn hòa và những phần tử quá khích. Một thành tố khác trong cách tiếp cận của Sài Gòn là kế hoạch tiến quân về phía tây dọc đường bộ Hải Phòng - Hà Nội đã bị cắt đứt ở nhiều chỗ. Ngày 5 tháng Mười hai, Morlière tuyên bố sẵn sàng khai thông con đường huyết mạch này sau khi quân tăng viện đến Hải Phòng[125]. Tuy nhiên, Sainteny cảnh báo hành động mở lại con đường bằng vũ lực có thể dẫn đến mở rộng cuộc xung đột như một đám cháy đang lan rộng. Ông đề nghị hoãn lại việc khai thông con đường cho đến khi biết được lập trường rõ ràng của Paris[126]. Valluy nhận được lời cảnh báo đó vào đúng lúc ông ta được d'Argenlieu cho biết cuộc họp thứ hai của Cominindo đã xác nhận lập trường cứng rắn của Valluy nhưng không thể mong chờ một tuyên bố công khai từ chính phủ tạm quyền của Bidault[127]. Valluy nghĩ rằng thế cũng đủ để tự trấn an khi phớt lờ cảnh báo của Sainteny và chỉ thị cho Sainteny yêu cầu Chính phủ Việt Nam vừa mở lại đường bộ Hải Phòng - Hà Nội, vừa phá dỡ các lô cốt chướng ngại vật dựng lên trên đường phố, gỡ bỏ mìn... Để làm rõ thêm chủ trương này, Valluy nói thêm: một khi

nhận được lệnh "khai thông con đường huyết mạch" bằng vũ lực, ông không thể làm gì khác trừ việc tuân theo lệnh đó[128]. Lời khuyến cáo này gửi cho Ủy viên Cộng hòa phụ trách về chính trị chứ không phải cho người chỉ huy quân sự. Gần đến ngày 6 tháng Mười hai, Valluy đã chuẩn bị cho tình huống tan vỡ hoàn toàn. Ông ta gửi hai bức điện dài về Paris cảnh báo chiến tranh sắp nổ ra đến nơi, yêu cầu chính phủ tuyên bố kiên quyết, và nhấn mạnh một lập trường cứng rắn ở miền Bắc sẽ ảnh hưởng tích cực đến không khí chính trị tại Nam Kỳ. Trong bức điện thứ nhất, ông tuyên bố cố gắng của Morlière định tiến hành những biện pháp đối phó ở địa phương trở thành chính đáng và cần thiết đã thất bại và không thể được tha thứ lâu hơn nữa. Cần phải làm xong việc mở lại con đường Hải Phòng - Hà Nội trong khoảng một vài ngày và nếu phải sử dụng vũ lực thì khả năng thu hẹp cuộc xung đột vào phạm vi cục bộ là "rất nhỏ". "Nhiệm vụ của tôi là cảnh báo chính phủ về sự tan vỡ có thể nói là không thể tránh được do lòng hận thù và không thành thật của chính phủ Hà Nội đang dẫn chúng ta đến chỗ phải hành động như thế". Con đường duy nhất để ngăn ngừa sự đổ vỡ có lẽ là phải tước nốt hy vọng cuối cùng của các phần tử quá khích bằng cách chính phủ ra một tuyên bố khẳng định quyết tâm của nước Pháp tăng cường nỗ lực quân sự, khôi phục hòa bình và trật tự[129]. Trong bức điện thứ hai, quyền Cao ủy bình luận về việc mới đây chính phủ mới của Nam Kỳ đã thành lập để kế tục sự nghiệp của bác sĩ Thinh quá cố. Thành công của chính phủ này tùy thuộc vào việc Pháp tiếp cận vấn đề Việt Nam như thế nào. Nếu cuộc khủng hoảng ở phía bắc có thể được giải quyết mà Pháp không phải rút lui, thì nỗi lo sợ về sự có mặt của "những phần tử Việt Nam" có thể giảm bớt. Chính sách mới về Nam Kỳ cảnh giác hơn sẽ đơm hoa kết trái và dân chúng sẽ được trang bị tinh thần tự bảo vệ để chống lại những kẻ phiến loạn và đè bẹp

chúng với sự ủng hộ của Pháp[130]. Hai bức điện này còn thật thà hơn cả những điều d'Argenlieu đã mong muốn. Valluy không thể còn tin vào sự khôn khéo của viên đô đốc có thể che chắn cho những hành động của ông ta tại Paris. Những bức điện báo động của Valluy rất có thể tạo ra những cuộc thảo luận nóng hổi tại Paris vào ngày thứ bảy, mùng 7 tháng Mười hai.

Sáng chủ nhật, mùng 8 tháng Mười hai, Valluy đột ngột thay đổi cách xử trí nhạy bén của ông ta và chỉ thị cho Sainteny trì hoãn hành động[131]. Cùng ngày hôm đó, Đô đốc Barjot bổ sung bị vong lục thứ hai của ông, chỉ trích Valluy đã phân tán lực lượng từ Nam ra Bắc. Trong một loạt chỉ thị mới được ban hành ngày chủ nhật, Valluy yêu cầu Sainteny và Morlière hãy tránh việc mở rộng cuộc xung đột cho đến khi nhận được viện binh từ Pháp sẽ đến vào khoảng ngày 15 tháng Giêng 1947. Đáp lại thái độ "ôn hòa không ngờ" đó, Morlière viết bản báo cáo ngày 12 tháng Mười hai, cảnh báo chớ ảo tưởng rằng hòa bình sẽ được giữ gìn sau những sự kiện xảy ra mới đây. Ông ta phải tránh không trở thành người giơ đầu chịu báng nếu xảy ra chiến tranh[132]. Nhu cầu cần viện binh không thể là lý do chính khiến Valluy phải thay đổi hoàn toàn thái độ. Đúng là ông ta đã lập luận rằng cần triển khai gấp các cuộc hành quân bởi lẽ tháng Giêng năm tới, những đơn vị Pháp dày dạn kinh nghiệm sẽ phải hồi hương, sẽ làm cho tình hình quân sự xấu đi chứ không tốt lên. Vậy điều gì có thể lý giải được sự thay đổi đột ngột thái độ đó của ông ta? Có lẽ do sự có mặt của Abbot Low Moffat chăng? Như chúng ta đã thấy, Moffat kể cho vợ rằng sự có mặt của ông ta được cả hai bên coi như vật cản không để cho tình hình tiếp tục căng thẳng thêm. Tuy nhiên, ông nghĩ rằng lý do chính khiến cho cuộc khủng hoảng tạm lắng dịu một cách đột ngột "phải tìm ở một nơi nào khác"[133]. Chắc chắn là ông ta nói có lý vì Moffat đến Sài Gòn ngày 3 tháng Mười hai và đến Hà Nội ngày 6

tháng Mười hai. Nhưng đến ngày 8 tháng Mười hai, Valluy mới biểu thị thái độ ôn hòa. Nguyên nhân duy nhất có thể tưởng tượng được về sự thay đổi thái độ của Valluy có thể xem như một phản ứng tiêu cực từ Paris đối với các bức điện ngày 6 tháng Mười hai của ông. Có ai đó ở cấp cao có thái độ lo ngại cuộc khủng hoảng có thể dẫn đến chiến tranh lan rộng nên đã có hành vi can thiệp nào đó? Chúng tôi không thể tìm thấy một dấu vết nào trong các tập hồ sơ lưu trữ nói lên sự phản ứng tức thì từ Paris đối với các bức điện "báo động" của Valluy[134] trừ phi chúng được truyền đi bằng điện thoại? Thứ tư, ngày 11 tháng Mười hai, Laurentie dự thảo một bức điện gửi cho Moutet nói về các vấn đề trên nhưng bức điện đã không được gửi đi và sáng ngày 12 tháng Mười hai, đích thân Bidault đã ký vào bức điện không tán thành phương hướng hành động của Valluy như đã dẫn ra ở trên[135].

Không biết vị thủ tướng mãn nhiệm thành thật hay chỉ viết để đưa vào lưu trữ? Điều này không chắc chắn. Chỉ cần nói rằng bức thông điệp của Bidault chắc hẳn phải gây "sốc" cho d'Argenlieu và Valluy đúng lúc họ biết rằng đảng viên SFIO gốc Do Thái Blum bị những người bảo thủ Pháp căm ghét vì chủ nghĩa hòa bình của ông ta sẽ đứng ra lập nội các mới với sự ủng hộ gần như nhất trí của Quốc hội. Sau này, Valluy sẽ đưa ra một bản tường thuật xuất sắc nhưng thô sơ về tình trạng lộn xộn của Sài Gòn và nhiều bức điện trao đổi với d'Argenlieu và Cominindo. D'Argenlieu trách cứ Valluy đã tiết lộ và báo cáo thẳng cho Bidault[136]. Ít có người chỉ huy nào thấy hạnh phúc nhận trách nhiệm về những hành động không xuất phát từ những mệnh lệnh rõ ràng từ cấp trên. Đối với Valluy, không phải ông ta tin cậy d'Argenlieu ở mức độ đó. Ông ta cử tham mưu chuyên trách về quân sự của Cao ủy là Đại tá Louis Le Puloch đáp máy bay về Paris để xin chỉ thị của chính phủ và tìm hiểu xem có chính sách gì mới không. Le Puloch đã gặp Sainteny

và Morlière tại Hà Nội. Ông đại tá đã trình bày quan điểm của ông tại cuộc họp tư vấn của Cominindo, quy tụ những quan chức của các bộ quan trọng nhất vào ngày thứ bảy, 14 tháng Mười hai. Le Puloch khuyên nên hành động quân sự ngay lập tức, nhấn mạnh cần khai thông tuyến giao thông Hải Phòng - Hà Nội và quân đội Việt Nam phải được xem như đối thủ. Ông ta đánh giá rằng lực lượng Pháp đủ mạnh để kiểm soát cả hai thành phố Hải Phòng và Hà Nội, mở lại con đường nối liền hai thành phố và đẩy Chính phủ Việt Nam ra khỏi thủ đô của họ. Sau đó, Chính phủ Việt Nam không có khả năng sống sót vì đã mất cơ sở tài chính cần thiết để duy trì sức mạnh chiến đấu. Theo Le Puloch, cần phải nắm lấy cơ hội để được đáp ứng các điều khoản quân sự mà Tướng Morlière đã đưa ra trong những yêu cầu ngày 28 tháng Mười một[137].

Điều này đã làm dấy lên những phản đối mạnh mẽ của vị tổng thư ký trẻ tuổi của Cominindo là Pierre Messmer. Ông này phát biểu rằng điều đó sẽ gây ra tình hình chính trị tồi tệ nếu Pháp phải duy trì một hình thức cai trị gián tiếp, che đậy yếu kém ở miền Nam trong lúc lực lượng Pháp ở miền Bắc có mặt ở một số ít thành phố lớn. Giải pháp duy nhất cho vấn đề Nam Kỳ là một giải pháp trong đó có sự tham gia của chính phủ Hà Nội. Ở cấp chiến thuật, Messmer khuyên nên tìm kiếm một sự dàn xếp tạm thời với Hồ Chí Minh và cố gắng tạo ra sự chia rẽ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và lực lượng của ông Giáp. Những kinh nghiệm thất bại của chính phủ Nam Kỳ tự trị chỉ ra rằng sẽ là dại dột nếu làm cho Chủ tịch Hồ Chí Minh phải ra đi. Le Puloch đã đáp lại rằng rất khó mà tạo ra sự chia rẽ trong nội bộ lãnh đạo Việt Nam... Messmer cảnh báo chống lại những phản ứng tiêu cực của Chính phủ Pháp và của dư luận quốc tế, nhấn mạnh nếu xảy ra những rắc rối mới, không được để lỗi lầm quy về phía Pháp. Le Puloch kết luận cuộc thảo luận bằng cách nhấn mạnh tình hình quân sự hiện nay ở Bắc Kỳ

là thuận lợi và một cố gắng ngay lập tức, nếu chính phủ quyết định như vậy, có thể sẽ dẫn tới một cách giải quyết có lợi trước mùa xuân. Cần triển khai các cuộc hành quân trước khi có việc thay quân đã được dự kiến vào tháng Giêng[138].

Khi Le Puloch quay trở lại Sài Gòn, ông ta đã thấy được Paris sẽ không dung thứ cho một "vụ Hải Phòng" khác và những lời lẽ của Messmer luôn luôn văng vẳng bên tai: "Nếu xảy ra những rắc rối mới, không được để lỗi lầm quy về phía Pháp" - ông ta khẳng định rằng nếu chỉ có đối phương nổ súng đầu tiên thì chính phủ Blum sẽ ủng hộ. Nếu để nội các mới thành lập của nước Pháp có thời gian dính líu trước thì chính nghĩa của Pháp ở Đông Dương sẽ bị tổn hại không thể sửa chữa được. Sau đó, Hồ Chí Minh sẽ có cơ hội để nói với mọi người rằng nước Pháp đã gây ra vụ Hải Phòng. Chỉ còn ít thời gian để đặt bẫy và đẩy ông Giáp vào mồi nhử.

BLUM BƯỚC RA SÂN KHẤU

Léon Blum là con người có đạo đức liêm chính lớn, gốc Do Thái, chống chủ nghĩa quân phiệt và có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động chính trị. Ông là nhà chính trị được kính trọng nhất và cũng là người bị chửi rủa nhiều nhất của nền Đệ tam Cộng hòa Pháp. Trong cuộc đời hoạt động chính trị của ông cũng như phần lớn các nhà hoạt động chính trị khác thường bị buộc phải từ bỏ lý tưởng của mình và điều chỉnh theo sự đòi hỏi cần thiết của tình hình lúc bấy giờ. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, niềm tin chống chủ nghĩa quân phiệt khiến ông phải tán thành động viên giai cấp công nhân Pháp bỏ mạng ở chiến hào. Sự nổi tiếng của ông liên quan đến sự đoàn kết thống nhất trong SFIO, khiến ông trở thành người phát ngôn trung thành của thiểu số ở lại trong SFIO trong khi cánh tả trong đảng (bao gồm cả Hồ Chí Minh) rời khỏi Đại hội Tours năm 1920 để thành lập Phân bộ Pháp của

Quốc tế Cộng sản (SFIC), gia nhập Quốc tế thứ ba của Lênin (Comintern), sau này trở thành Đảng Cộng sản Pháp (PCF). Trong thập niên 1930, thái độ hoài nghi của Blum đối với sự tham gia của những đảng viên xã hội vào nội các của nhà nước tư bản khiến ông trở thành người lãnh đạo không thể tranh cãi của chính phủ Mặt trận bình dân, và quan hệ bằng hữu của ông với những người lãnh đạo nước Cộng hòa Tây Ban Nha đã khiến ông có quyền uy tinh thần trong việc bảo vệ chính sách không can thiệp của Pháp vào cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha. Sự tương phản giữa điều Blum muốn làm và những gì đã xảy ra do bắt buộc là điều không thể nhầm lẫn được.

Từ một ngôi nhà an toàn ở bên ngoài thành phố, nơi Người bí mật ẩn lánh từ sau sự kiện Hải Phòng, Hồ Chí Minh gửi nhiều lời kêu gọi đến Paris. Ngày 27 tháng Mười một, Sài Gòn chuyển tiếp về Paris điện văn của Hồ Chí Minh kêu gọi khẩn thiết ngừng bắn tại Hải Phòng và Lạng Sơn[139]. Ngày 6 tháng Mười hai, Hồ Chí Minh lên đài phát thanh kêu gọi Quốc hội và Chính phủ Pháp ra lệnh cho quân đội Pháp quay về vị trí cũ trước ngày 20 tháng Mười một[140]. Lời kêu gọi của ông được đăng tải trên tờ *Le Populaire* (Bình dân) ra ngày 9 tháng Mười hai, đúng vào ngày Chủ tịch Quốc hội Pháp giao cho Léon Blum đứng ra lập chính phủ mới. Blum gián tiếp trả lời lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng một bài báo đăng tải trên tờ *Le Populaire* ra ngày 10 tháng Mười hai. Sự khác biệt giữa thông điệp công khai của Blum và bản huấn thị bí mật mang chữ ký của Moutet cùng ngày hôm đó minh chứng đặc trưng "hai mặt" trong cách tiếp cận công cuộc phi thực dân hóa của cánh tả Pháp. PCF giải quyết vấn đề một cách thầm lặng có tính toán. SFIO ồn ào xử sự một cách đạo đức giả. Nhưng bản thân Blum không phải là con người đạo đức giả. Bi kịch của ông là tính thật thà đã khiến ông là con người hữu ích đối với những ai cần

rũ sạch trách nhiệm. Trong bài báo ngày 10 tháng Mười hai, Blum đi vào cốt lõi của vấn đề, biểu lộ lo ngại nước Pháp phải lao vào vòng chiến.

> Chính phủ Pháp bây giờ chỉ có hai cách lựa chọn: lấy lại một phần Đông Dương bằng vũ lực hoặc nhìn nhận rằng Hiệp định đã ký hồi tháng Ba với Việt Nam vẫn có hiệu lực, vững chắc và lâu bền, hoặc miễn cưỡng dùng quân sự để lập lại tình bằng hữu và tin cậy lẫn nhau. Đó là sự lựa chọn duy nhất, và tôi xin nói thêm là tôi không nghĩ rằng có thể chần chừ do dự để chọn cách duy nhất là giữ gìn uy tín của công cuộc khai hóa của chúng ta, duy trì ảnh hưởng chính trị và tinh thần của chúng ta ở Đông Dương, cũng như đối với những người muốn giữ gìn những lợi ích vật chất chính đáng của chúng ta. Đó là những thỏa thuận chân thành trên nền tảng độc lập, tin cậy lẫn nhau, tình bằng hữu... Chính sách chung phải đưa ra Quốc hội quyết định, không một nhà cầm quyền quân sự nào, không một nhà *thực dân* dân sự nào ở Đông Dương có thể quyết định, ngoại trừ chính phủ ở Paris. Và khi tôi nói chính phủ, tôi không có ý định nói về các ủy ban liên bộ kia đã không thành công trong việc giải quyết vấn đề Đông Dương hơn là vấn đề Đức, mà tôi muốn nói đến nội các và bộ trưởng chuyên trách. Chính phủ mới sẽ phải đối mặt với vấn đề này ngay từ những giờ phút đầu tiên. Trong tất cả những lý do để thúc đẩy việc thành lập chính phủ mới, chúng tôi thêm một lý do nữa là phải sớm giải quyết vấn đề Đông Dương[141].

Bài báo của Blum có ấn tượng vang dội ở Paris, Sài Gòn và Hà Nội và việc dùng từ "độc lập" gây nhiều tranh cãi. Hai ngày sau, vào ngày 12 tháng Mười hai, Blum được Quốc hội chính thức giao phó việc lập chính phủ mới bằng 575 phiếu thuận trong số 583 đại biểu bỏ phiếu và thắng tiếp cuộc bỏ phiếu tín nhiệm chính phủ mới vào ngày 17 tháng Mười hai với 544 phiếu thuận và 2 phiếu chống. Trong cuộc tranh luận tại Quốc hội ngày 12 tháng Mười hai, trước lúc biểu quyết, một người bạn của Blum là Edouard Herriot, nhà

chính trị cấp tiến đã ám chỉ gián tiếp đến bài báo gây tranh cãi đăng trên tờ *Le Populaire*. Ông nói vì "có một vài bài báo khiến chúng ta lo lắng" nên chính đảng bé nhỏ của ông, đảng "Tập hợp những người phe tả" đã miễn cưỡng bỏ phiếu cho Blum. Moutet, một người bạn thân khác của Blum, đã cắt ngang lời Herriot "có một vài thời điểm mà sự im lặng có nghĩa là đòi hỏi hành động... Tôi có thể nói với ông rằng chính sách cần áp dụng lúc này không phải là Pháp phải dính líu vào những cuộc phiêu lưu mà một số người đang mong muốn [*có tiếng la ó trong Quốc hội*], mà đất nước này, tôi tin chắc như vậy, không thể ủng hộ về tinh thần hay vật chất"[142]. Niềm tin vững chắc của Moutet rằng Pháp không thể ủng hộ một cuộc phiêu lưu quân sự sẽ sớm tan tành.

Các đảng phái đối lập giữ im lặng theo yêu cầu của Moutet đưa ra ngày 12 tháng Mười hai và bỏ phiếu ủng hộ Blum, nhưng cùng ngày hôm đó, Đảng MRP đã phát hành một cuốn sách về vấn đề Đông Dương, yêu cầu "Chính phủ Pháp nhất trí đoàn kết cùng với dư luận, chứng minh quyết tâm của mình là làm cho sự có mặt của Pháp tại Đông Dương phải được tôn trọng". Cùng ngày hôm đó, Hồ Chí Minh ra một bản tuyên bố phản đối gửi tới Chính phủ Pháp chống lại việc tăng quân Pháp ở Đà Nẵng, trái với Hiệp định quân sự ngày 3 tháng Tư. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định điều này có thể làm tăng thêm mối lo ngại rằng nước Pháp mới đang đi vào con đường dùng vũ lực. Valluy đã chuyển tiếp lời phản kháng của Hồ Chí Minh về Paris, nói rằng "đó là một thí dụ nữa về ý muốn rõ ràng của Hồ Chí Minh để trao đổi thư từ trực tiếp với Chính phủ Pháp, bỏ qua các nhà đương cục Pháp tại Sài Gòn. Thực tế, lợi ích của chúng ta là nhấn mạnh ưu thế về mọi phương diện của chính quyền liên bang"[143].

Điều này đi ngược lại những gì Blum đã viết trong báo *Le Populaire*. Blum nói rằng chính phủ mới và bộ trưởng chuyên trách sẽ phải

đương đầu với vấn đề Đông Dương trong những giờ phút đầu tiên. Nội các chưa thể khởi động công việc điều hành trước khi Blum hoàn thành công việc tổ chức. Trước hết, ông cần có thời gian để tham khảo các đảng như MRP, PCF và kết luận về việc không có khả năng lập khối liên minh giữa các đảng phái. Ngày 14 tháng Mười hai, trong lúc Le Puloch đang tranh cãi với Messmer, Blum hãy còn chưa lập xong chính phủ mới, ông còn thảo luận vấn đề Đông Dương với Moutet và d'Argenlieu, đã có quyết định định mệnh là khước từ lời khuyên của SFIO của ông và giữ lại d'Argenlieu ở chức vụ cao ủy[144].

Tại sao? Có mọi lý do để nghĩ rằng cả hai ông Blum và Moutet đều muốn bãi chức d'Argenlieu; thực tế, Vụ trưởng Vụ châu Á - châu Đại Dương, Bộ Ngoại giao đã đi quá xa khi nói với đại sứ Mỹ vào ngày 3 tháng Mười hai rằng việc thay d'Argenlieu là điều mong muốn[145]. Chúng ta hãy phỏng đoán MRP đã đặt điều kiện ủng hộ chính phủ Blum là phải giữ d'Argenlieu tại vị. Ngày 13 tháng Mười hai, báo *L'Aube* (Rạng đông) cho biết các nghị sĩ MRP đã họp nhau lại và nói lên "ý muốn của họ là thấy công việc của cựu Thủ tướng Bidault được tiếp tục, liên quan đến Liên hiệp Pháp và các lãnh thổ hải ngoại". Những người cộng sản Pháp cũng không tỏ ra tán thành việc bãi chức viên đô đốc chống cộng này. Ngày 13 tháng Mười hai, báo *L'Aube* nhấn mạnh rằng trước khi bỏ phiếu cho Blum, hết thảy những người phát biểu tại Quốc hội đã nhấn mạnh vấn đề Đông Dương nghiêm trọng như thế nào "ngoại trừ ông Duclos". Lãnh đạo nhóm nghị sĩ cộng sản Jacques Duclos là một trong những người hay phát biểu nhất trong các đại biểu Quốc hội tại phiên họp ngày 12 tháng Mười hai, cũng như trong các cuộc họp tiếp theo ngày 17 tháng Mười hai, nhưng theo đường lối chính sách của đảng, ông ta không bao giờ nói đến vấn đề Đông Dương[146].

Sau cuộc tiếp kiến Blum ngày 14 tháng Mười hai, d'Argenlieu phát biểu cộc lốc với báo chí: "Tôi sẽ trở lại Sài Gòn"[147] và ông ta đã thực hiện điều này bốn ngày sau đó. Hôm đó, Moutet đưa ra một bản tuyên bố dài dòng: "Khi chúng tôi bị cáo buộc là thi hành một chính sách "bỏ rơi", điều đó không đúng. Bỏ rơi không phải là hòa bình. Sự cương quyết cũng không nhất thiết là chiến tranh. Giữa hai việc đó, có những phương sách chính trị". Khi được hỏi d'Argenlieu có bị mọi người không ưa hay không, Moutet trả lời với một giọng mỉa mai rằng ông ta rất ấn tượng với việc đô đốc không bao giờ thể hiện bất kỳ sự bất đồng nào với chính sách mà họ đang cùng nhau thực hiện..Ông ta còn nói thêm ông cũng đang chuẩn bị đi Đông Dương nếu ông ta được trao toàn quyền để ra một lời kêu gọi hòa bình và hòa hợp, đồng thời yêu cầu người Việt Nam ngừng đổ máu và tôn trọng lợi ích của Pháp[148].

Ngày 17 tháng Mười hai, Blum đã sẵn sàng có trong tay thành phần nội các mới gồm thiểu số bộ trưởng là người của SFIO. Ông tin rằng thành phần như vậy có thể được Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm và sẽ đảm nhiệm quyền lực vào ngày hôm sau. Đó là một chính phủ tạm quyền cho đến khi Hiến pháp mới của Pháp có hiệu lực vào ngày 25 tháng Mười hai và một chính phủ mới có cơ sở rộng rãi hơn nữa có thể được thành lập. Trong cuộc tranh luận tại Quốc hội trước khi biểu quyết tín nhiệm, có hai nghị sĩ chất vấn Blum về việc ông sẽ giải quyết vấn đề Đông Dương như thế nào. Ông ta trả lời việc này đòi hỏi một cuộc tranh luận đặc biệt ở giai đoạn sau. Sau đó, Maurice Schumann, nghị sĩ MRP khẳng định: "Một chính phủ quá độ không có quyền làm tan vỡ tính liên tục của một chính sách. Tính liên tục cũng có nghĩa là tiếp tục sự có mặt của Pháp trên tất cả các lãnh thổ của Liên hiệp Pháp". Schumann báo động chính phủ mới về "một vài từ ngữ hoặc sự im lặng nào đó khuyến khích thách thức nào đó hoặc hành động nào

đó ở hải ngoại có nguy cơ làm những người Pháp và những người bạn của nước Pháp phải đổ máu"[149]. Nói đến "sự im lặng nào đó" là ông muốn ám chỉ Jacques Duclos trong khi "một vài từ ngữ" là ám chỉ bài báo của Blum đăng trên tờ *Le Populaire* ngày 10 tháng Mười hai[150]. Những lời khuyến cáo đó của người lãnh đạo MRP có nghĩa là "trói tay" Blum. D'Argenlieu và Valluy chắc hẳn đã sống trong trạng thái phấp phỏng lo âu vì phải chịu trách nhiệm về vụ thảm sát Hải Phòng.

Khi Bidault trao chìa khóa dinh thự Matignon và tòa nhà ở phố Quai d'Orsay cho Blum vào chiều ngày 18 tháng Mười hai, hai ông đã hội đàm với nhau trong một tiếng rưỡi đồng hồ[151]. Hai ông không biết rằng Hồ Chí Minh đã đọc bài báo của Blum trên tờ *Le Populaire* và biết rằng Blum sẽ trở thành người đứng đầu chính phủ mới. Đối với Hồ Chí Minh, đó là điều không đáng kể trong cơ may ông đang chờ dịp để đón lấy. Ngày 15 tháng Mười hai, ông viết một bức thư cho Blum với những đề nghị rõ ràng, chính xác về hòa bình. Chính phủ Việt Nam sẽ bảo đảm việc đưa đời sống kinh tế trở lại bình thường trong các thành phố, bãi bỏ các biện pháp bảo hộ, mở lại con đường giao thông Hà Nội - Hải Phòng và Lạng Sơn. Ngược lại, người Pháp sẽ rút về các vị trí cũ họ đã giữ trước ngày 20 tháng Mười một, rút lực lượng Pháp đã đưa thêm vào Đà Nẵng, chấm dứt mọi cuộc hành quân ở Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ. Hai bên sẽ cùng nhau khôi phục hoạt động của các ủy ban hỗn hợp được dự tính trong Tạm ước ngày 14 tháng Chín[152]. Tóm lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại các sự việc xảy ra trong mấy tuần qua và trở về với Tạm ước ngày 14 tháng Chín. Thông điệp của Người đã trao cho Sainteny để chuyển về Chính phủ Pháp vào ngày 15 tháng Mười hai. Ngày hôm sau, Hoàng Minh Giám kể lại thực chất những đề nghị hòa bình của Hồ Chí Minh cho Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan và ông này đã báo cáo ngay về Washington và đến lượt

Bộ Ngoại giao Mỹ thông báo cho đại sứ của mình tại Paris là Jefferson Caffery[153]. Caffery được biết những đề nghị của Hồ Chí Minh ngay từ sáng 18 tháng Mười hai trong khi Thủ tướng Blum hai ngày sau mới nhận được. Chỉ chậm có hai ngày nhưng đã làm nên sự khác biệt rất lớn[154].

Sainteny đã làm gì mà không chuyển gấp về Paris thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Sau này, Sài Gòn khẳng định đã nhận được thư gửi qua "hành lý ngoại giao" chuyển bằng máy bay vào sáng 18 tháng Mười hai trong khi Valluy có thể đích thân đem về Sài Gòn khi ông từ Sài Gòn bay ra Bắc để gặp Sainteny ở Hải Phòng vào ngày 17. Tuy nhiên, Sainteny cũng có thể chuyển thư của Hồ Chí Minh bằng điện tín vào ngày 15 tháng Mười hai và cũng chỉ cùng ngày đã đến tay Pignon. Điện của Sainteny có thể kèm theo toàn văn những đề nghị của Hồ Chí Minh hoặc ít ra cũng là tóm tắt, nhưng đã kèm theo bình luận dài dòng của Hồ Chí Minh báo động cho Sài Gòn về những "cố gắng của chính phủ An Nam" muốn tiếp xúc trực tiếp với Blum. Sainteny tuyên bố ông ta đã chuyển bức điện chính thức đó cho Thủ tướng Blum nhưng Chính phủ Việt Nam cũng có thể dùng những kênh khác. Sau đó, Sainteny yêu cầu Pignon chuyển tiếp cho Messmer tại Paris. Ngày 16 tháng Mười hai, Pignon chuyển tiếp cho Messmer *lời cảnh báo* của Sainteny chứ không phải là thông điệp hòa bình của Hồ Chí Minh. Ông ta nói với Messmer rằng bức điện mà Sainteny nói đến là điện chào mừng của những đảng viên Đảng Xã hội Việt Nam gửi tới SFIO đã được Sài Gòn chuyển đi Paris từ ngày 14 tháng Mười hai. Khi Messmer nhận được điện cảnh báo của Sainteny chiều ngày 16 tháng Mười hai, ông ta hãy còn chưa biết gì về những đề nghị hòa bình của Hồ Chí Minh. Messmer phân phát điện cảnh báo của Sainteny cho d'Argenlieu và Moutet nhưng lại không gửi cho Blum[155].

Mãi tới sáng 18 tháng Mười hai, Sài Gòn mới chuyển thông điệp hòa bình của Hồ Chí Minh một cách chậm chạp, như vậy, về đến Paris còn phải đợi hai ngày nữa mới đến tay người nhận. Hơn nữa, trước khi gửi đi, Sài Gòn còn "bổ sung" lời cảnh báo Paris trước những "thủ đoạn" của Chính phủ Việt Nam là muốn liên lạc trực tiếp với Chính phủ Pháp[156]. Nỗ lực có suy tính của Sài Gòn nhằm làm hại khả năng của Blum có thể tạo ra dư luận của chính mình, được đánh giá là chống lại nền tảng lập luận của Blum trên báo *Le Populaire*, cho rằng các quyết định về Đông Dương phải là trách nhiệm của nội các hoặc bộ chuyên trách ở Paris chứ không phải là của các cấp chỉ huy quân sự, các quan chức dân sự trong bộ máy chính quyền thực dân. Tập đoàn Pignon, Valluy và Sainteny đã thành công trong nỗ lực ngăn cản sự tiếp xúc trực tiếp giữa những nhà lãnh đạo hàng đầu của Pháp và Việt Nam là một thí dụ mẫu mực về chế độ quan liêu có thể gây trở ngại cho quá trình ra quyết định của các nhà lãnh đạo chính trị như thế nào.

Ngày 18 tháng Mười hai, sau ba ngày chờ đợi không có hồi âm về những đề nghị hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại viết một lời kêu gọi nữa đề nghị Quốc hội Pháp gửi một phái đoàn sang Việt Nam để điều tra tình hình[157]. Mặc dù không được biết những nỗ lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn tiếp cận mình, song Blum cũng đã cố gắng tiếp xúc được với Người. Sau khi được Bidault giao xong chìa khóa các dinh thự ở điện Matignon và tòa nhà Bộ Ngoại giao ở phố Quai d'Orsay, Blum đến thẳng chỗ họp lần đầu của nội các. Cuộc họp đã quyết định cử Moutet đi công cán Đông Dương. Sau đó, Blum đi cùng với Moutet đến Bộ Hải ngoại Pháp ở số 27 phố Oudinot và tự tay viết thông điệp gửi vị chủ tịch Việt Nam thông báo việc Moutet sẽ đi Đông Dương cùng với d'Argenlieu nhằm "khai thông mọi sự hiểu lầm" trên con đường thực thi Tạm ước ngày 14 tháng Chín, lập lại niềm tin cậy lẫn nhau và đình chỉ

chiến sự[158]. Bức điện đánh dấu "khẩn" và "ưu tiên số 1" đề ngày 18 tháng Mười hai, vào hồi 22h. Tại Hà Nội lúc đó là sáng sớm ngày 19 tháng Mười hai, những ai có thể ngủ được thì vẫn đang mơ màng, nhưng không một ai trong những người lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam ngủ qua đêm trong nội thành, họ đã đi ra các làng ven đô chung quanh thành phố.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Ngày 17 tháng Mười hai là một ngày của những quyết định định mệnh ở Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn. Ban Tham mưu của Sainteny làm bản tóm tắt tình hình các sự kiện xảy ra trên các đường phố trong mấy tuần qua, xác nhận các sĩ quan liên lạc Việt Nam đã làm mọi việc có thể để ngăn ngừa cuộc leo thang[159]. Sainteny đã ở Hải Phòng từ hôm trước để họp với Valluy, Morlière, Dèbes và Barrière - chỉ huy hải quân ở địa phương. Hình như không ai làm biên bản về cuộc họp này, nhưng Barrière ghi chép rằng họ đã "khái quát tình hình chính trị và quân sự tại Bắc Kỳ". Theo Devillers, thái độ của Valluy tại cuộc họp được tóm tắt như sau: "Bọn *nhacs* (một từ có ác ý gọi những người nông dân là "nhà quê" - ở đây ám chỉ lực lượng vũ trang Việt Nam bao gồm bộ đội, công an và tự vệ) muốn đánh nhau ư? Chúng sẽ được đánh!"[160]. Ngoài ra, còn có một điều khác nữa, đó là trong cuộc họp Valluy quyết định hoãn một lần nữa việc mở lại con đường Hải Phòng - Hà Nội. Thay vào việc tiến quân về phía Hà Nội, Dèbes được lệnh cho quân mở rộng vùng chiếm đóng chung quanh Hải Phòng. Valluy cũng đề ra yêu cầu hai cuộc hành quân phòng ngự nữa: rút lực lượng Pháp khỏi Phủ Lạng Thương (Bắc Giang ngày nay) với sự giúp đỡ của quân Pháp vận động từ Bắc Ninh lên và điều thêm quân từ Hà Nội lên tăng cường cho Bắc Ninh; rút quân đồn trú tại Vinh (miền Bắc Trung Kỳ) với sự giúp đỡ của hải quân.

Những cuộc điều quân này sẽ bắt đầu từ ngày 21 tháng Mười hai. Mục đích không nghi ngờ gì nữa là tập trung lực lượng Pháp trước khi nổ ra cuộc đối đầu đã mong đợi từ lâu và để bảo đảm sự kiểm soát của Pháp đối với "căn cứ chiến lược" Hải Phòng. Valluy quay trở lại Sài Gòn ngay chiều 17 tháng Mười hai.

Tại Paris, d'Argenlieu chuẩn bị quay trở lại Sài Gòn sau khi từ bỏ mọi hy vọng được làm sáng tỏ những huấn thị của chính phủ mới. Ông ta kết luận sự lựa chọn duy nhất là thi hành chính sách cương quyết trong phạm vi địa phương, tại chỗ, trên cơ sở giải thích các chỉ thị đã nhận được trước đây từ chính phủ mãn nhiệm. Trước khi đến chào tạm biệt Tướng de Gaulle ở Colombey-les Deux-Eglises, ông ghi lại trong nhật ký của mình: "Người ta báo nội các Blum đã thành lập. Hoàn toàn do người của SFIO nắm giữ. Hôm nay sẽ đệ trình Nghị viện thông qua. Giả thuyết: nội các sẽ trụ được trong năm tuần lễ nữa, cho đến khi Hiến pháp mới có hiệu lực. Sau đó, thay vì nói rõ và kiên quyết về vấn đề Đông Dương, sẽ nói theo bài báo mới đây (của Blum trên tờ *Le Populaire*) với đôi chút thay đổi cứng rắn hơn. Chúng ta sẽ phải làm gì? Một đường lối chính thức, rõ ràng, kiên quyết, nhấn mạnh việc phớt lờ các hiệp định (chủ yếu về quân sự: các con tin, phá hoại...). Còn lại là sự kiên quyết tại chỗ để chúng ta rảnh tay với chế độ ở Việt Nam, vứt bỏ được thứ ma túy này. Rút ra những nguyên tắc để hành động, 'sử dụng mọi phương tiện'... theo chỉ thị gần đây của Georges Bidault"[161].

Trong lúc đó, ở Hà Nội và Sài Gòn, các Chánh mật thám André Moret và Pierre Perrier đã gần đến chỗ từ bỏ kỳ vọng hay hy vọng rằng người Việt Nam bắt đầu gây chuyện trước. Perrier đọc cho Pignon một đoạn ghi chép ngày 17 tháng Mười hai: "Tôi không nghĩ rằng Bộ Chỉ huy Việt Nam có ý muốn khởi đầu cuộc xung đột tại Hà Nội. Đã xảy ra nhiều vụ việc nghiêm trọng, tạo cho họ cơ

may để khởi động nhưng họ đã không nắm lấy. Tuy nhiên, xem ra chúng ta không thể để mặc đối phương tiếp tục mãi việc ngăn đường, chặt cây, triển khai súng cối trên các nóc nhà, đặt súng máy chỗ này chỗ kia trong thành phố và cắt đứt mọi ngả đường giao thông của chúng ta ra bên ngoài. Mọi người đều đồng ý rằng chúng ta không thể thắng nếu loại trừ việc nắm quyền chủ động tiến hành các cuộc hành quân của chúng ta"[162].

Pignon không đi cùng với Valluy xuống Hải Phòng, tại đây tình hình quân sự đang ở tiêu điểm, thay vào đó, ông viết một báo cáo phản ánh thẳng thắn sự thật gửi về Paris: không thể nhìn tương lai của Đông Dương, ông viết trong báo cáo, với niềm tin cậy lẫn nhau được nữa "cho đến ngày êkíp cầm quyền ở Hà Nội phải ra đi". Không một thỏa thuận thành thật nào đạt được với đảng Việt Minh. Điều đó "không thể tưởng tượng được". Thật là phù phiếm nếu còn đặt hy vọng vào cá nhân ông Hồ, là người có khả năng hơn và suy nghĩ thận trọng hơn những cộng sự trẻ hơn của ông, nhưng mục tiêu của ông cũng là mục tiêu của những người trong Tổng bộ Việt Minh. Bất kỳ một sự cải tổ nội các nào của ông "chỉ có thể là một cái bẫy". Chỉ có loại bỏ đảng Việt Minh mới có thể cho phép trở lại hòa bình. Nguồn gốc của vấn đề Đông Dương không phải là ở Nam Kỳ mà là Bắc Kỳ, trong thực tế là đảng Việt Minh đang nắm quyền tại đây. Số đông người An Nam biết rằng chính đảng này là trở ngại cho việc thực hiện nhanh chóng một cách hòa bình các nguyện vọng dân tộc của họ là độc lập và thống nhất ba "kỳ". Tiêu diệt đảng Việt Minh hay là làm cho Việt Minh yếu đi để buộc họ phải nhượng bộ chính xác là điều kiện để Pháp giữ được "địa vị ưu thế của một cường quốc trong quan hệ với tất cả các nước liên kết"[163].

Chúng ta không biết Pignon hay Perrier có đưa ra những huấn thị mới cho Moret ở Hà Nội hay không, nhưng họ đều được một

trong các chỉ điểm thông tin rằng trong một cuộc họp của Chính phủ Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng đã quyết định dời chính phủ lên Thái Nguyên hay Sơn Tây và lặng lẽ rời bỏ Hà Nội không chiến đấu. Người ta còn nói họ đã áp đặt quan điểm của họ đối với Tổng bộ không muốn tản cư khỏi Hà Nội cho đến khi các chiến sĩ tự vệ hy sinh đến cùng dưới đống gạch ngổn ngang[164].

Chúng ta chỉ được biết rất ít về những điều đã nói trong cuộc họp của người Pháp ở Hải Phòng và Hà Nội, ngoại trừ nhiều tin tức về những gì đã xảy ra trên đường phố Hà Nội. Một lần nữa, các nguồn tin Pháp và Việt Nam lại không hoàn toàn ăn khớp với nhau. Khi không thể phán xét nguồn tin nào đáng tin cậy hơn thì chúng ta chỉ đơn giản thấy chúng đi liền với nhau. Hai ngày trước đây, sĩ quan liên lạc Pháp tại Hà Nội yêu cầu ba chướng ngại vật đặc biệt phải được dỡ bỏ. Chi cục tình báo quân sự phía Bắc (SEHAN) liên tục nhận được tin cho biết ngày 16 thang Mười hai, lực lượng tự vệ Hà Nội và các đội xung phong lần đầu tiên nhận được lệnh nổ súng đáp trả nếu họ bị quân Pháp tấn công trước. Cho đến lúc đó, họ chỉ được lệnh bắn chỉ thiên[165]. Khi người Việt Nam không chịu dỡ chướng ngại vật theo yêu cầu của Pháp, người Pháp đã đem xe đến húc đổ một trong số các chướng ngại vật đó vào buổi sáng 17 tháng Mười hai. Người Việt Nam để yên không kháng cự và đến buổi chiều, họ đã tự nguyện phá dỡ hai chướng ngại vật còn lại. Tuy nhiên, tại một nơi khác trong thành phố, một cuộc chạm súng đã nổ ra lúc 9h45 sáng giữa một tiểu đội tự vệ đang đứng gác ở một chiến lũy mới dựng và một xe quân sự Pháp đang đi trên đường[166]. Theo người Pháp, tự vệ đã nổ súng vào chiếc xe quân sự Pháp và giết chết hai lính Pháp. Trạm gác tự vệ liền bị "tiêu diệt" ngay sau đó. Khu phố bị lục soát và đạn dược bị tịch thu[167]. Người Việt Nam khẳng định tiếng súng đầu tiên là từ trên

xe bắn ra[168]. Vào lúc 9h50, lính Pháp trong đơn vị bảo vệ hỗn hợp tại một trong hai nhà máy điện tại Hà Nội đã nổ súng bắn chết hai bộ đội Việt Nam cùng gác với họ. Công nhân nhà máy điện đã đáp trả bằng một cuộc "đình công"[169] nhưng đến 13h họ đã trở lại làm việc. Đến 15h45, một cảnh sát Pháp bị một tay bắn tỉa Việt Nam bắn chết. Theo cách giải thích của Pháp, chiếc lô cốt từ trong đó có tiếng súng bắn ra đã bị "phá hủy". Theo giải thích của người Việt Nam thì toàn bộ một khu phố bị súng lớn của Pháp bắn phá và người dân nơi đây hầu như không được phép thu nhặt xác chết và người bị thương[170]. Sĩ quan liên lạc Pháp yêu cầu những chiến lũy dựng gần cơ quan của Morlière phải được dỡ bỏ trước ngày hôm sau[171].

Người Việt Nam khẳng định hơn 50 người dân bị thương vong trong ngày 17 tháng Mười hai và cho rằng đây là một hành động hoàn toàn có tính toán trước do Pháp chủ động gây ra[172]. Người Pháp ghi lại trong báo cáo nội bộ rằng Chính phủ Việt Nam đã bày tỏ ý muốn tránh để xảy ra rắc rối nhưng lệnh này không bao giờ được tuân theo[173]. Nhận xét này đã bị cắt bỏ khi Sài Gòn chuyển tiếp bức điện về Paris[174].

Sau khi từ Hải Phòng trở về, Sainteny thảo luận tình hình với một số lãnh sự nước ngoài. Sau đó, O'Sullivan báo cáo về Washington: tình hình "đang trôi đi một cách không mục đích và nguy hiểm". Chính phủ Việt Nam rõ ràng là trông chờ những diễn biến ở Paris nhưng đã phản ứng một cách tiêu cực khi được tin d'Argenlieu sẽ quay trở lại. O'Sullivan có cảm tưởng không bên nào muốn chiến tranh nhưng ông ta cho rằng tình hình "đúng như một thùng thuốc súng có thể nổ bất cứ lúc nào"[175].

Sáng sớm ngày 18 tháng Mười hai, khoảng một trăm lính dù lục soát những ngôi nhà của người Việt Nam được cho là phải chịu trách nhiệm về việc một lính dù bị giết sáu ngày trước đó. Ba chục người Việt Nam đã bị giết trong cuộc truy lùng. Một người lính

Pháp cũng bị giết[176]. Đến 11h, công nhân Pháp bắt đầu dỡ bỏ một chiến lũy dựng gần tổng hành dinh của Morlière trước mặt một sĩ quan liên lạc Việt Nam. Trước thái độ ngượng ngùng của người sĩ quan, có người nào đó nấp trong nhà bên cạnh bắn ra làm một công nhân Pháp bị thương ở bụng[177].

Những rắc rối xảy ra ở Hà Nội trong hai ngày 17 và 18 tháng Mười hai được đưa lên trang nhất của hầu hết các tờ báo Pháp ra ngày 19 tháng Mười hai. Trong khi các tờ *Le Figaro* và *Le Monde* chỉ đưa lại tin của các bản tin chính thức mới nhận được thì tờ *L'Aube* đã bi kịch hóa các vụ việc, viết rằng 300 người Việt được người Nhật vũ trang và huấn luyện đã tiến công một đơn vị Pháp[178]. Báo của Đảng MRP cũng chỉ đưa tin tương tự. Người đứng đầu MRP là Maurice Schumann tuyên bố người ta không chỉ tôn trọng các hiệp định mà còn phải làm cho chúng được các bên tôn trọng. Tờ *Le Populaire* nhấn mạnh việc chính phủ quyết định cử Moutet đi Đông Dương, tại đây, ông ta sẽ hợp tác với Hồ Chí Minh tìm ra những thể thức để thi hành có hiệu quả Tạm ước ngày 14 tháng Chín. Báo *L'Humanité* thấy kỳ lạ là những rắc rối xảy ra đúng vào lúc cuộc khủng hoảng nội các ở Pháp sắp được giải quyết và rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy ai đó đang hành động nhằm "chia rẽ người Pháp trên một vấn đề khó khăn và đau khổ nhằm thực hiện một cuộc vận động chính trị nội bộ"[179]. Tờ *Franc - Tireur* mở cuộc tiến công trực diện vào d'Argenlieu và "cận thần" của ông đang đặt Chính phủ Pháp trước một việc đã rồi[180].

Trưa ngày 18 tháng Mười hai, Sainteny báo cáo từ Hà Nội rằng thái độ của Chính phủ Việt Nam đang "lên nước". Đến lúc đó, Chính phủ Việt Nam không sẵn sàng khai cuộc nhưng Hoàng Hữu Nam đã "ngầm thừa nhận" trong khi nói chuyện riêng rằng chính phủ đã đi gần đến chỗ bị một số phần tử quá khích "đánh tạt sườn"[181]. Thái độ của nước Pháp thì không "lên nước" nhưng ngày

càng tăng cường sức ép đối với đối phương. Trước buổi trưa, ban liên lạc Việt Nam nhận được thư của người Pháp báo rằng họ có thể chiếm đóng tòa nhà của Nha Tài chính và Bộ Giao thông, từ lúc một xe quân sự Pháp bị lật nhào trước các tòa nhà này. Sainteny yêu cầu Morlière cho quân đến chiếm các toà nhà này và không gặp một sự chống cự nào. Trong thư đó, thêm một số ụ cản dựng trên đường phố được yêu cầu phía Việt Nam dỡ bỏ, nếu không Bộ Chỉ huy Pháp sẽ buộc phải phá dỡ để bảo đảm đi lại[182]. Người Việt Nam gọi thư đó là "tối hậu thư thứ nhất".

Cùng ngày, một sĩ quan liên kiểm Pháp, Thiếu tá Jean Julien Fonde viết một bức thư nữa, mà người Việt Nam sau này gọi là "tối hậu thư thứ hai" phàn nàn lực lượng công an Việt Nam không làm tròn nhiệm vụ và tuyên bố: "Bộ Chỉ huy Pháp đã yêu cầu tôi báo các ông biết rằng nếu những vấn đề nói trên kéo dài, Bộ Chỉ huy Pháp sẽ làm nhiệm vụ duy trì trật tự tại Hà Nội chậm nhất là từ ngày 20 tháng Mười hai 1946". Thư hăm dọa gửi cho Hoàng Hữu Nam hình như đã đóng một vai trò có ý nghĩa trong việc các nhà lãnh đạo Việt Nam thảo luận kỹ lưỡng và ra quyết định quan trọng vào buổi chiều hôm đó hoặc sáng hôm sau[183]. Hoàng Hữu Nam đáp lại ngay lập tức là Công an Việt Nam đang tiếp tục làm công việc của họ "một cách can đảm" và người Pháp không được dùng những sự kiện xảy ra một cách ngẫu nhiên để làm cớ hành động xâm phạm quyền kiểm soát an ninh trật tự của Chính phủ Việt Nam trong phạm vi lãnh thổ của mình, những quyền đó thuộc "chủ quyền của một quốc gia Việt Nam tự do"[184]. Theo đài phát thanh của Việt Nam, ông Nam đã phản đối Pháp phá dỡ ụ cản và tuyên bố: "Trong lúc việc thành lập chính phủ ở Pháp đem lại niềm hy vọng cho một giải pháp hòa bình và hữu nghị cho cuộc khủng hoảng do các vụ đổ máu ở Hải Phòng và Lạng Sơn gây ra, cần phải tránh một cách thận trọng bất cứ hành vi nào có thể gây nguy hiểm

cho tình hình"[185]. Ông Giáp khẳng định trong hồi ký của mình rằng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp ngày 18 tháng Mười hai tại một làng thuộc tỉnh Hà Đông, không xa Vạn Phúc, nơi Hồ Chí Minh đặt tổng hành dinh bí mật. Hồ Chí Minh đã chuyển ra ngoại thành từ ngày 26 tháng Mười một và phần lớn thời gian Người ở trong một ngôi nhà ở Vạn Phúc rồi chuyển đến Xuân Dương[186]. Theo hồi ký của Vũ Kỳ, thư ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ tháng Tám 1945 cho đến ngày Người qua đời năm 1969, sau đó trở thành Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Hà Nội, những người thường hay đến gặp Hồ Chí Minh để xin ý kiến vào ban đêm là Trường Chinh, Lê Đức Thọ và Võ Nguyên Giáp[187]. Họ đã cùng nhau lập ra Ban Thường vụ của Đảng như đã được ghi chép trong các sách lịch sử của Việt Nam. Có lẽ, trong khoảng thời gian đó đã hình thành những chủ trương như mọi người đã biết. Tại cuộc họp đánh dấu bước ngoặt ngày 18 tháng Mười hai, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định Pháp đã đi vào một giai đoạn mới. Thời kỳ hòa hoãn đã qua. Càng nhân nhượng thì kẻ thù càng lấn át quyền chính đáng của Việt Nam. Nhân dân Việt Nam không thể quay về cuộc sống nô lệ. Cuộc kháng chiến sẽ lâu dài, gian khổ và ác liệt nhưng chắc chắn sẽ thắng lợi[188]. Đó là điều sau này ông Giáp khẳng định: Bác Hồ đã nói như thế, nhưng hồi ký của Vũ Kỳ thì không nói gì về bất kỳ cuộc họp nào vào ngày 18 tháng Mười hai tại Hà Đông.

Không có một báo cáo tình báo nào của Pháp nói đến các cuộc họp ở Vạn Phúc hay Hà Đông. Người Pháp xem ra không hề biết về nơi ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh, song SEHAN ngày 18 tháng Mười hai nhận được tin những mệnh lệnh bí mật đã được truyền đi vào ban đêm cho các ủy ban hành chính các cấp, đến từng khối nhà trong thị xã Hà Đông rồi được truyền miệng đến những người dân trong từng nhà. Những gia đình không đi tản cư được yêu cầu tích trữ lương thực và nước đủ dùng trong 45 ngày. Phụ nữ, trẻ em

và người già bị bắt buộc phải sơ tán khỏi thủ đô nhưng mỗi nhà để lại một thanh niên để trông nhà. Mỗi thanh niên được nhận ba trái lựu đạn với giá khoảng 2,5 đồng bạc một trái. Các mệnh lệnh cũng chỉ rõ cách dựng chiến lũy, đặt vật cản trên đường phố như thế nào và quy định cả hình phạt đối với những ai không làm tròn nghĩa vụ. Mỗi hành động trước khi thi hành phải được nhà cầm quyền cấp trên thông qua. Bất kỳ ai tự ý làm những việc ảnh hưởng đến trật tự công cộng hay chính sách của chính phủ đều bị nghiêm trị. Mệnh lệnh kết luận: "Chính phủ yêu cầu dân chúng giúp đỡ tùy theo khả năng của mình để ngăn ngừa các sự việc rắc rối xảy ra, giữ bình tĩnh và sẵn sàng chiến đấu khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lệnh"[189]. Sở Công an Việt Nam ra lệnh cho nhân viên tích trữ nước càng nhiều càng tốt trong các căn nhà thuộc địa bàn họ phụ trách. Mệnh lệnh cuối cùng cũng nói rõ thời hạn cuối cùng thi hành việc tích trữ nước là: "5h chiều mai"[190].

Bộ đội, công an và dân chúng đều đã sẵn sàng nổ súng, nhưng cùng lúc đó, Chính phủ Việt Nam tiếp tục nỗ lực ngăn ngừa không để xảy ra các vụ đụng độ trên đường phố và vẫn duy trì tiếp xúc với các nhà đương cục Pháp. Rõ ràng là Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tìm mọi lý do để trì hoãn cuộc tấn công đã được chuẩn bị, để Người có thời gian xác định ý đồ của Blum như thế nào. Theo lời kể của Vũ Kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thức rất khuya đêm 18 tháng Mười hai để soạn thảo Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến nổi tiếng. Những bản sao Lời kêu gọi đánh trên máy chữ vẫn đang được trưng bày tại nhiều bảo tàng lớn của Việt Nam và được đưa vào nhiều cuốn sách đã xuất bản[191].

Từ những vụ việc xảy ra trong ngày hôm sau, có thể rút ra kết luận: có lẽ đúng là các nhà lãnh đạo Việt Nam đã quyết định một kế hoạch hành động hai mũi tên vào ngày 18 tháng Mười hai: *thứ nhất*, hoàn tất mọi công việc chuẩn bị cuối cùng để bất ngờ tấn

công quân Pháp vào buổi tối, bằng cách đó có thể ngăn chặn cuộc tấn công dữ dội của Pháp được dự kiến vào sáng hôm sau, ngày 20 tháng Mười hai, được coi như thời hạn cuối cùng được đề ra trong "tối hậu thư" của Fonde; *thứ hai*, tránh mọi rắc rối có thể xảy ra tại Hà Nội trong ngày, thăm dò ý đồ của Pháp, và nếu có thể đạt được sự bảo đảm cho phép hoãn lại cuộc tấn công bất ngờ cho đến khi biết được ý định của Blum.

Đừng bao giờ nên suy luận ý đồ thật sự của ai đó nếu chỉ dựa vào hành động của họ. Thường tồn tại một khoảng cách rất lớn giữa những gì con người quyết định làm và những gì họ thật sự làm. Để khám phá được những gì là ý định của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Trường Chinh và những nhà lãnh đạo khác của Việt Nam vào ngày 18 tháng Mười hai, chúng ta cần phải tiếp cận những tài liệu được viết vào hôm đó. Khó khăn là nguồn thông tin đó vẫn chưa được phép tiếp cận, ngay cả đối với các nhà sử học của Việt Nam. Đó là lý do tại sao chúng tôi xin được khẳng định ở đây - hãy tạm coi như một giả thuyết - rằng Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã thông qua kế hoạch hai mũi tên vào đêm 18 tháng Mười hai, khi nhân dân Hà Nội đã đi ngủ, và ngày hôm sau vẫn là một trang mở trong lịch sử. Ngày hôm đó có thể đã là ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh và Blum liên lạc được với nhau, ông Giáp trấn an binh sĩ, không khí căng thẳng triệt tiêu quanh các chiến lũy, Moutet đóng vali chuẩn bị lên đường và d'Argenlieu xả bớt sự hậm hực của mình vào người phi công chở ông đi Tuynidi nhận nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, ngược lại, đó lại là ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Giáp mắc bẫy của người Pháp.

Chương 6

AI ĐƯA RA CHÂN LÝ?

Tháng Giêng 1947, người Pháp đã nắm được chỉ thị của Võ Nguyên Giáp truyền đạt tới tất cả các đơn vị quân đội Việt Nam nhằm "hủy bỏ ngay lập tức chỉ thị hằng ngày của ngày 19 tháng Mười hai cùng với mọi phụ lục"[1]. Một điều gì đó đã diễn ra không như ý muốn vào ngày hôm đó. Những gì xảy ra trong ngày 19 tháng Mười hai 1946 vẫn nằm trong bóng tối của lịch sử. Không chỉ người Việt Nam mà cả người Pháp đã giữ kín một điều gì đó.

Vào hồi 20h03 hoặc 20h04, điều mà chúng tôi biết là nguồn cung cấp điện và nước trong thành phố đã bị cắt. Vài phút sau, các đơn vị đột kích của Việt Nam đã tấn công thường dân Pháp tại nhà riêng của họ và bắt giữ khoảng 200 con tin. Nhiều thường dân được Sở Mật thám trang bị sẵn vũ khí và một số người đã cố tự vệ. Khoảng 20-30 thường dân Pháp thiệt mạng, một số bị chết cháy hoặc thương vong theo nhiều cách khủng khiếp. Các cơ quan tuyên truyền của Pháp đã tận dụng điều này để mô tả Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tướng Giáp như những người chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc tấn công công dân Pháp[2]. Những cuộc tấn công tại Hà Nội đã được người Pháp làm rùm beng lên như một câu chuyện hoang đường về hành vi bài ngoại chung ở Viễn Đông, được thể hiện trong việc người Nhật hành quyết toàn bộ số người Pháp sống sót sau cuộc chiến tại Lạng Sơn ngày 11 tháng Ba 1945, cuộc hoành hành tại

Cité Héraud ở Sài Gòn ngày 24 tháng Chín 1945 nơi 120 người Pháp bị giết, và giờ đây là những hành động ở Hà Nội. Có người đã đặt ra thuật ngữ "Buổi cầu kinh chiều của người Bắc Kỳ" để biểu thị những sự kiện ngày 19 tháng Mười hai, ám chỉ "Buổi cầu kinh chiều của người Sicily" ở Palermo trong lễ Phục sinh, ngày thứ hai và thứ ba - 30 và 31 tháng Ba 1282 khi một âm mưu của giới quý tộc địa phương đã làm bùng nổ cuộc khởi nghĩa chống lại ách thống trị của vị hoàng tử người Pháp vùng Anjou là Charles. Giữa những tiếng gào thét "Cái chết dành cho người Pháp", cuộc nổi dậy nhanh chóng lan rộng trên toàn bộ hòn đảo và hơn 4.000 người Pháp đã bị thảm sát. Cũng giống như việc Charles hiểu rằng không thể tin tưởng bất kỳ quý tộc người Sicily nào, số phận của những thường dân Pháp tại Hà Nội là một lý lẽ mạnh mẽ một lần nữa chống lại việc thương lượng với Việt Minh.

Trong suốt một tiếng rưỡi đầu tiên của cuộc chiến, lực lượng tự vệ đã giành thế chủ động, nổ súng từ nhiều nơi trong khi các con tin Pháp đã được đưa ra khỏi Hà Nội. Một tàu hỏa đã được chuyển tới một vị trí có thể ngăn cản việc di chuyển của những phương tiện giao thông của Pháp và mìn đã được gài đầy đường. Xe của Jean Sainteny đã bị trúng mìn và ông ta bị thương nặng. Quân đội chính quy của ông Giáp đóng ở ngoại ô Hà Nội không bao giờ vào được Hà Nội để tham gia cuộc chiến. Dường như nhiệm vụ của họ là bảo vệ lãnh đạo và đóng vai trò lực lượng dự phòng. Khoảng 21h30, Pháp đã sẵn sàng phản công. Buổi tối hôm sau, sau 24h chiến đấu đầu tiên, quân Pháp đã kiểm soát toàn bộ khu vực của người Âu trong thành phố. Tất cả những người bảo vệ Phủ Chủ tịch đã bị giết lúc 4h chiều và lá cờ tam tài của Pháp đã được treo trên văn phòng Chủ tịch. Tuy nhiên, chẳng có chủ tịch hay bất kỳ nhà lãnh đạo quan trọng nào khác bị bắt. Họ không có mặt trong thành phố khi chiến tranh nổ ra.

Đêm 19 rạng ngày 20 tháng Mười hai, các đơn vị đồn trú của Pháp ở phía bắc cũng bị tấn công. Khoảng cách từ Hà Nội càng lớn, mọi việc diễn ra trong đêm càng muộn[3]. Hải Dương và Vinh là nơi có các đơn vị đồn trú nhỏ của Pháp mà Valluy định di tản đến trong một cuộc hành quân bất ngờ vào ngày 21 tháng Mười hai, cũng là nơi quân đội Việt Nam có thể đánh tan quân Pháp và bắt sống làm tù binh. Đêm 20 và rạng ngày 21 tháng Mười hai, một phát thanh viên đã dõng dạc đọc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã soạn thảo đêm 18 rạng ngày 19 tháng Mười hai: "Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy, gộc"[4]. Trong khu Hoa kiều ở Hà Nội, chiến sự kéo dài suốt cả tháng Giêng và tháng Hai. Quân Pháp đã hạn chế sử dụng pháo binh theo cách của Đại tá Dèbes, do đó, quân đội Việt Nam có thể kéo dài khả năng chống cự trong vòng hai tháng trước khi họ nhận ra rằng không thể trụ vững được và đã chủ động rút số quân còn lại sang bên kia sông Hồng. Tám năm kể từ đó đã trôi qua trước khi đạt được Hiệp ước hòa bình tại Giơnevơ, cho phép Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Giáp quay trở lại thủ đô. Đơn vị đầu tiên bước vào trong ngày 9 tháng Mười 1954 là Trung đoàn Thủ đô, đó là những con người đã chiến đấu với quân đội Pháp tại Hà Nội trong suốt khoảng thời gian từ tháng Mười hai 1946 tới tháng Hai 1947.

Các sự kiện được sắp xếp hợp lý từ lâu, song vẫn còn đó nhiều điều khó hiểu. Tại sao người Việt Nam lại chọn giải pháp đấu tranh? Cái gì có thể giải thích được sự trái ngược giữa quyết định tấn công bất ngờ lúc 8h tối ngày 19 tháng Mười hai và hai lá thư hòa giải được gửi tới Chính phủ Pháp sớm ngày hôm đó? Tại sao cuộc tấn công lại diễn ra theo cách như vậy? Tại sao lực lượng quân đội bao quanh Hà Nội lại không tham gia vào cuộc chiến? Tại sao Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh

không được loan truyền khi cuộc chiến bắt đầu, mà lại được phát đi rất lâu sau đó? Và về sự chậm trễ gần như không thể giải thích nổi trong hành động tấn công vào các đơn vị đồn trú khác của Pháp?

NHỮNG LỜI GIẢI THÍCH

Lời giải thích chính thức đầu tiên của Việt Nam đã được chuẩn bị trước sự kiện này. Trên một tấm áp phích tuyên bố thiết quân luật, năm, tháng, ngày và thời gian (20h00) được điền bằng tay. Tấm áp phích được đặt tại Hà Nội cùng trong buổi tối hôm đó và được bắt đầu bằng lời tuyên bố như sau: "Lệnh chính thức: Đồng bào chú ý! Quân đội Pháp đã khai chiến tại Hà Nội"[5]. Trước khi bình minh ló rạng ngày 20 tháng Mười hai, một tấm biển của Pháp phản đối áp phích đã xuất hiện, trên đó là giải thích chính thức của Pháp, và lời giải thích này xuất hiện tràn lan trên các báo của phương Tây: "Tuyên bố: Việt Minh đã bắt đầu những hành động chiến tranh nguy hiểm, trong đó vận dụng sách lược đảo chính của Nhật Bản ngày 9 tháng Ba 1945. Chính phủ Việt Minh chạy ngược chạy xuôi. Chính quyền Pháp nhận thấy họ buộc phải thiết lập lại trật tự..."[6]. Điều đáng chú ý là Chính phủ Việt Nam đã bị hạ thấp chỉ còn là chính quyền Việt Minh.

Tướng Morlière cảm thấy chắc chắn cuộc tấn công đã được tiến hành theo một "kế hoạch có tính toán trước", được quân đội Việt Nam chuẩn bị theo những chỉ thị từ chính phủ. Ông ta thậm chí còn khẳng định rằng những cuộc tấn công vào các đơn vị đồn trú của Pháp đều xảy ra đồng thời[7]...

Ngày 21 tháng Mười hai, quyền Cao ủy Valluy đã quả quyết với Paris rằng cuộc xung đột bắt đầu bằng một cuộc tấn công bất ngờ theo lệnh của những nhà chức trách Việt Nam. Ông cũng nhắc lại việc thông tin sai của Morlière "về tính đồng thời" của các cuộc tấn công và sử dụng việc này như bằng chứng về hành động có

mưu tính trước[8]. Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan cảm thấy chắc chắn là cuộc tấn công đã được Chính phủ Việt Nam lập kế hoạch từ trước. Những bức điện của ông gửi đi Washington rõ ràng đã bị người Pháp ở Sài Gòn chặn đứng, sau đó được dịch và gửi về Paris để thuyết phục Chính phủ Pháp rằng Hà Nội không phải là "một sự kiện Hải Phòng mới"[9].

Phân tích mà Pignon đã viết ngày 23 tháng Mười hai rất giống những gì sẽ trở thành phiên bản chính thức của Pháp. Sau khi tuyên bố cuộc tấn công được dựa trên một kế hoạch có tính toán trước, được làm giống hành động táo bạo của Nhật Bản ngày 9 tháng Ba 1945, Pignon cộng thêm bốn điểm quan trọng. Trước hết, trước cuộc tấn công là vô số kế hoạch nhằm làm cho người Pháp tin rằng các mối quan hệ đang được cải thiện, bao gồm cả những lá thư hữu nghị mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Sainteny và của Hoàng Hữu Nam gửi Morlière, cũng như những nỗ lực của các sĩ quan liên lạc Việt Nam nhằm làm cho chỉ huy quân Pháp phải để lực lượng quân đội trong các doanh trại được nghỉ phép và cho phép họ rời khỏi thành phố. Thứ hai, mục đích của những kế hoạch này là bảo đảm sự bất ngờ hoàn toàn: quân đội Việt Nam đã có ý định tấn công lính Pháp trong khi họ bị phân tán ở các rạp chiếu phim và nhà hàng. Thứ ba, những kế hoạch này thoạt đầu đã thành công và Bộ Chỉ huy Pháp thực sự đã quyết định cho quân đội được nghỉ vào tối hôm đó, nhưng sau khi nhận được một báo cáo mật từ một điệp viên, Morlière đã vội vàng gọi binh lính quay về doanh trại, cứu họ thoát khỏi số phận giống như những thường dân Pháp. Thứ tư, kế hoạch của Việt Nam chứng tỏ rằng toàn bộ Chính phủ Việt Nam, kể cả Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hoàng Hữu Nam, đều mong muốn quét sạch các đơn vị đồn trú của Pháp: Pháp đang đối mặt với một khối đoàn kết được xây dựng nhằm loại trừ sự hiện diện của Pháp ở Đông Dương. Pignon hy vọng việc này

sẽ giúp công luận Pháp và quốc tế thấy rõ bản chất thực sự của Việt Minh[10]. Giải thích của Pignon sẽ tạo nền tảng cho kiểu bùng nổ chiến tranh chuẩn theo phương Tây. Trong nhiều năm, chẳng có lời giải thích nào cho việc này. Tính đơn giản và cấu trúc lôgích của lời giải thích cũng như hình ảnh lôi cuốn về một gián điệp đơn độc đã cứu mạng vài trăm lính Pháp đã làm cho kịch bản của Pignon được chấp nhận rộng rãi bất chấp mọi bằng chứng mà nó không thể giải thích được.

Trớ trêu thay, những báo cáo của Việt Nam ngày 19 tháng Mười hai lại có xu hướng khẳng định phân tích của Pignon. Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên công khai giải thích trong một bài phát biểu trên đài phát thanh vào ngày 25 tháng Mười hai, quy cho Pháp phải chịu trách nhiệm về sự bùng nổ chiến tranh. Người Pháp đã chuyển một "tối hậu thư" vào ngày 19 tháng Mười hai, trong đó yêu cầu để Pháp kiểm soát lực lượng cảnh sát. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, khi phía Việt Nam từ chối, "cuộc chiến đã bùng nổ"[11]. Nếu hãng thông tấn AP (Mỹ) dịch chính xác bài diễn văn trên đài phát thanh thì những lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật đáng ngạc nhiên. Thông thường là phải buộc tội kẻ thù đã gây ra chiến tranh. Chỉ bằng cách nói cuộc chiến "đã bùng nổ", Chủ tịch Hồ Chí Minh ít nhiều đã thừa nhận rằng quân đội Việt Nam đã chủ động gây chiến. Người cũng không nêu gì cụ thể trong một bản bị vong lục ký ngày 31 tháng Mười hai, mục đích là chứng minh trách nhiệm của người Pháp để chiến tranh bùng nổ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập ba "tối hậu thư" của Pháp, hai bản trong ngày 18 tháng Mười hai và một bản ngày 19 tháng Mười hai nhưng lại mô tả cuộc tấn công mà không phân chia trách nhiệm rõ ràng thành từng phần: "Cuộc tổng tấn công bất ngờ diễn ra vào tối 19 tháng Mười hai, và vào lúc chập tối, những bước chuẩn bị cuối cùng hầu như đã hoàn tất". Ngay trong một bản bị vong lục được

biên soạn một cách tỉ mỉ và đáng tin cậy này, cũng là nguồn tham khảo quý giá cho cuốn sách này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng không vượt quá tuyên bố chung rằng quân Pháp đã "bắt đầu và mong muốn" cuộc xung đột[12]...

Năm 1948, đoàn đại biểu chính thức của Việt Nam tại Pháp đã công bố một cuốn sách nhỏ bằng tiếng Anh, đổ lỗi sự bùng nổ chiến tranh hoàn toàn là do người Pháp: "Chiến sự nổ ra vào tối 19 tháng Mười hai không bắt nguồn từ phía Việt Nam mà bởi người Pháp lấy cớ rằng người Việt Nam sẽ tấn công họ". Những lời giải thích chuẩn theo lịch sử Việt Nam sau đó khẳng định rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận ra chiến tranh là giải pháp không thể tránh được nên đã phát đi hiệu lệnh toàn dân kháng chiến. Trong cuốn *Vietnam: A Long History* (Việt Nam: Một lịch sử lâu dài) đã được tái bản nhiều lần ở Hà Nội, tác giả Nguyễn Khắc Viện cho rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào ngày 19 tháng Mười hai. Ông trích dẫn Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và kết luận: "Cuộc kháng chiến lan rộng trên toàn quốc và sau đó chỉ còn giới hạn ở miền Nam". Vấn đề ở đây là Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên thực tế không được loan truyền cho đến ngày hôm sau đó[13].

Vương Thừa Vũ, chỉ huy đặc khu Hà Nội vào tháng Mười hai 1946 đã viết một bài báo ba năm sau đó với tiêu đề đầy hứa hẹn: "Sự thật về ngày 19 tháng Mười hai tại Hà Nội"[14]. Ông đã dành bảy trang rưỡi cho những thông tin về bối cảnh quân sự, sáu trang về cuộc đấu tranh anh hùng trong hai tháng tiếp theo và nửa trang về sự bùng nổ chiến tranh. Nửa trang báo này viết rằng lực lượng tự vệ đã tập trung tại tòa thị chính để tuyên bố họ đã sẵn sàng. Sau đó, vào lúc 20h03, quân đội Pháp đã kích động những cuộc xô xát và chiếm đóng những công trình công cộng nhằm bắt quân đội Việt Nam phải hành động tự vệ. Cách giải thích kiểu này

chỉ có thể giúp tăng độ tin cậy trong giải thích của Pháp mà sau đó lại được củng cố bằng một bài phát biểu trên đài phát thanh vào tháng Mười hai 1949 của nhà cựu lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Sài Gòn và sau này là một nhà sử học lỗi lạc của Việt Nam, ông Trần Văn Giàu...

Giải thích của Pignon đã được chấp nhận và được hầu hết các tờ báo của Pháp đưa tin. Chỉ có hai nhà báo Pháp là Léon Boutbien của tờ *Franc-Tireur* và Philippe Devillers của tờ *Le Monde* tìm kiếm cách giải thích khác[15]. Boutbien bác bỏ ý kiến cho rằng Pháp phải đối mặt với một khối quyết tâm đoàn kết và khẳng định rằng các nhà lãnh đạo Việt Nam đã bị chia rẽ... Ở một điểm nào đó, các phần tử cực đoan đã nắm quyền từ sau sân khấu. Chính phủ không có khả năng rút lui. Philippe Devillers đã trở về Pháp trước khi nổ ra chiến tranh sau 11 tháng làm việc trong vai trò tham mưu cho Leclerc và Valluy; ông cũng công nhận có những bất đồng nội bộ trong ban lãnh đạo Việt Nam nhưng lại không coi ông Giáp là một phần tử cực đoan. Ông Giáp lâu nay đã là công cụ để duy trì bầu không khí thoải mái ở Bắc Kỳ giữa Pháp và Việt Nam, nhưng sau đó, ông phải chịu áp lực từ những phần tử cực đoan hơn. Vào tháng Mười hai, những hành động của Pháp đã làm cho người Việt Nam bực tức đến mức các phần tử cực đoan đã vượt khỏi tầm điều khiển. Theo quan điểm của Devillers, coi Việt Minh như một khối thống nhất, gộp những người Việt Minh ôn hòa và những kẻ thù không thể khoan nhượng của Pháp với nhau là một sai lầm nguy hiểm.

Cả Boutbien lẫn Devillers đều không thích hợp khi đưa ra những câu hỏi cụ thể về giải thích chính thức của Pignon, nhưng vào năm 1947, nhà báo Pháp Jean Bidault (không có mối quan hệ với Thủ tướng Bidault) đã nặc danh công bố một cuốn sách nhỏ chống Việt Minh, có thể là dựa trên những thông tin nội bộ từ một

trong những cơ quan tình báo Pháp. Ông không tán thành lời giải thích chính thức của Pháp ở một điểm cốt yếu: khi Morlière giữ quân của ông ta trong các doanh trại vào chiều ngày 19 tháng Mười hai, kế hoạch của ông Giáp đã bị chặn đứng. Kế hoạch của Việt Nam là phải thực hiện một cuộc tấn công toàn lực tại thời điểm mà 1.200 binh sĩ Pháp đang được nghỉ ngơi trong những nhà hàng và quán cà phê tại Hà Nội. Khi Morlière thu quân về doanh trại và (có lẽ) đã triển khai những chiếc xe bọc thép tại các nút giao thông mà quân đội Việt Nam cần phải vượt qua để vào được thành phố, ông Giáp có thể không còn hy vọng gì ở hiệu ứng bất ngờ đã trù tính. Vì vậy, ông đã cố trì hoãn cuộc tổng tiến công, tuy nhiên, lệnh hủy bỏ của ông lại không đến được các đơn vị tự vệ và vào đúng 20h00, họ đã thực hiện phần việc của mình theo như kế hoạch. Điều này có thể giải thích tại sao lực lượng quân đội Việt Nam xung quanh Hà Nội với tính kỷ luật tương đối vẫn rơi vào thế bị động trong khi lực lượng tự vệ hành động, và đó cũng là lý do tại sao các đơn vị đồn trú khác của Pháp rất lâu sau mới bị tấn công[16]. Năm 1952, khi Devillers xuất bản cuốn *Histoire du Viet-Nam de 1940 à 1952*, ông đã xem xét quan điểm của Jean Bidault, nhưng nói thêm rằng có thể lực lượng tự vệ đã cố ý lờ đi lệnh hủy bỏ của ông Giáp[17]...

TRÒ LỪA HAY HY VỌNG?

Bình minh vừa lên, những tờ báo của Việt Minh đã ra lò từ các nhà in tại Hà Nội lần cuối cùng trong tám năm. Tờ *Cứu quốc* phản đối "quyết liệt thực tế rằng các đại diện của Pháp ở Việt Nam đã cố ý chuẩn bị cuộc tấn công của họ tại Hà Nội nhằm mở rộng chiến sự trong khi Thủ tướng Chính phủ Pháp Léon Blum và ông Moutet đang chân thành ủng hộ hợp tác Pháp - Việt". Tờ *Dân thanh* kêu gọi thủ tướng mới của Pháp là Léon Blum "chấm dứt những âm

mưu của thực dân, là những kẻ sắp hoàn thành nỗ lực đẩy hai dân tộc đến chỗ chết. Tuy nhiên, ông ta phải nhanh chóng hành động nếu ông muốn đến đích đúng lúc"[18].

Từ sáng sớm, quân đội Việt Nam xung quanh Hà Nội đã được đặt trong tình trạng báo động và những người chỉ huy ở Hà Nội cũng như ở các khu vực chiến sự khác đều nhận được một chỉ thị bí mật mà theo lệnh của ông Giáp thì sau đó sẽ bị hủy bỏ, song lại xuất hiện trong cuốn hồi ký mới, hoàn chỉnh hơn mà ông Giáp đã công bố khi ông gần 90 tuổi. Chỉ thị gồm ba phần. Phần đầu là đoạn văn bản dưới đây được gửi đi vào lúc 9h00: "Những kẻ xâm lược Pháp đã đưa ra tối hậu thư [kêu gọi] quân đội hạ vũ khí, tự vệ và an ninh công cộng. Chính phủ ta đã bác bỏ tối hậu thư này. Vì vậy, trong vòng 24h tới[24], giặc Pháp chắc chắn sẽ nổ súng. Chỉ thị từ trung tâm: Tất cả phải sẵn sàng!" Phần tiếp theo là mệnh lệnh được chính Võ Nguyên Giáp ký:

> Nước nhà đang lâm nguy! Đã đến lúc phải đấu tranh!
>
> Theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính phủ, với tư cách là Bộ trưởng Quốc phòng và Tổng Tư lệnh, tôi lệnh cho toàn bộ quân đội quốc gia Việt Nam và lực lượng tự vệ ở miền Trung, Nam và Bắc hãy cùng đứng lên như một người lính.
>
> Hãy tiến lên phía trước tiêu diệt kẻ thù xâm lược, cứu lấy đất nước.
>
> Hãy chiến đấu hết mình, chiến đấu tới giọt máu cuối cùng!
>
> Tiêu diệt thực dân Pháp.
>
> Chiến đấu tới cùng.

Phần thứ ba là một thông báo giả được gửi đi vào đầu giờ chiều. Thông báo này không được gửi tới miền Nam nhưng lại tới tất cả các khu vực ở miền Bắc, bao gồm một đơn vị đồn trú của Pháp: 1 (Lạng Sơn), 2 (Sơn Tây, Yên Bái, Lào Cai), 3 (Hải Phòng, Hải Dương, Móng Cái), 4 (Vinh) và 11 (Hà Nội) cùng với thành phố ở phía Nam là Đà Nẵng nơi có lực lượng quân Pháp rất mạnh.

Những người nhận được thông báo này phải bảo đảm chắc chắn rằng chỉ thị sẽ đến tay các chỉ huy chiến khu và mặt trận trước 9h30 ngày 19 tháng Mười hai: "“Chuyến hàng" đến lúc 18h00 ngày 21 tháng Mười hai 1946. Số đăng ký của "chuyến hàng" là A+2 và B-2. Hãy chú ý và nhận hàng đúng giờ". "Chuyến hàng" ở đây là cuộc tấn công chống lại lực lượng Pháp. Theo hệ thống đã được thống nhất tại hội nghị quân sự ngày 13 tháng Mười hai, những người nhận sẽ cộng thêm hai tiếng đồng hồ vào thời gian định sẵn (A+2) và trừ đi hai ngày so với ngày định trước (B-2). Điều này có nghĩa là họ sẽ tấn công vào lúc 20h00 ngày 19 tháng Mười hai[19]. Như vậy, sáng ngày 19 tháng Mười hai, tất cả các đơn vị quân đội của Việt Nam đều được lệnh làm điều gì đó mà sau đó họ đã không làm, và họ chỉ làm cái việc mà người Pháp buộc họ phải làm, cụ thể là tấn công đồng thời vào lúc 20h00.

Vào hồi 11h00, một số quân đội chính quy của ông Giáp đã chiếm được một số vị trí tại Hà Nội, từ đó có thể tấn công thành Hà Nội - là nơi tập trung chủ yếu lực lượng Pháp[20]. Chỉ huy các đội cảm tử trong thành phố được lệnh chuẩn bị thi hành nhiệm vụ của mình. Trong một chỉ thị được ký bởi Chính ủy Lê Hồng, các chỉ huy được lệnh đếm người chết, bị thương và những người sống sót sau trận đánh và báo cáo lên chỉ huy tại làng Gia Quất Hạ, phía đông sông Hồng[21]. Theo chỉ thị của ông Giáp, tín hiệu tấn công sẽ được đưa ra theo kiểu vô cùng phức tạp: "tín hiệu chuẩn bị: tên lửa màu xanh lá cây; tín hiệu tấn công: tên lửa màu đỏ, tiếp theo là ba tiếng nổ từ ba quả lựu đạn; tín hiệu cho tối nay (ngày 19 tháng Mười hai 1946) vào lúc 18h45"[22]. Kỷ luật quân đội sẽ được thực thi một cách vô cùng nghiêm khắc: "rút lui = chết; hiểu sai mệnh lệnh = chết; xúi giục âm mưu = chết". Tuy ba hình phạt này đều có vẻ giống nhau, nhưng hình phạt thứ hai chắc hẳn đã tạo ra ấn tượng ớn lạnh hơn hai hình phạt còn lại vì quả là không dễ dàng hiểu

được chỉ thị của Lê Hồng. Ông tuyên bố sẽ phát ra hai tín hiệu: một màu xanh và một màu đỏ. Sau đó, ông đưa ra thời điểm chính xác cho tín hiệu mà không nói thời điểm đó dành cho tín hiệu nào. Tất nhiên là các đội cảm tử có thể chờ đến 18h45 và xem xem liệu đó là một vài tên lửa màu xanh hay chỉ có một tên lửa đỏ. Đối với các sử gia - những người (may mắn) không có cơ hội xem lại những sự kiện, thì điều đó còn khó hơn, nhưng vì chúng ta biết rằng ông Giáp đã ra lệnh tấn công vào lúc 20h00 nên chúng ta phải thừa nhận rằng tên lửa mà Lê Hồng dự định bắn lên trời lúc 18h45 là tên lửa màu xanh (trừ phi Lê Hồng sử dụng "18h45" như một mật mã ám chỉ thời điểm 20h00).

Trong khi các đội cảm tử chuẩn bị cho nhiệm vụ của mình, thì các nhóm đặc nhiệm được lệnh sẵn sàng tấn công thường dân Pháp tại nhà, thu giữ vũ khí, đạn dược và đưa họ ra khỏi Hà Nội làm con tin[23]. Trong khi đó, tình hình trên đường phố đang diễn biến tốt hơn. Công an Việt Nam bỗng nhiên xuất hiện khắp nơi để chứng tỏ rằng họ có thể bảo đảm an ninh trật tự. Sau đình công, công nhân Việt Nam trong thành phố cũng như các đội tuần tra hỗn hợp Pháp - Việt Nam vẫn tiếp tục công việc của mình[24]. Tại văn phòng, Sainteny đã biết được sự chuẩn bị của Việt Nam qua một báo cáo đề ngày 17 tháng Mười hai của SEHAN, trong đó là nội dung một chỉ thị của Việt Nam gửi tới tất cả các ủy ban lân cận, hướng dẫn các bước chuẩn bị cuối cùng cho chiến tranh và bảo đảm rằng người dân đã "sẵn sàng chiến đấu khi Chủ tịch Hồ Chí Minh phát lệnh"[25].

Chín giờ 30 sáng, theo những chỉ thị mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi đi cùng với người thư ký Vũ Kỳ, Hoàng Minh Giám đã yêu cầu Sainteny sắp xếp một cuộc hẹn vào buổi chiều, nhưng Sainteny từ chối gặp và hẹn đến sáng hôm sau[26]. Ông Giám được Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu giao một bức thư ngắn, song ông Giám lại

gửi qua người đưa thư. Lá thư hòa giải này vừa là một trò lừa nhằm bảo đảm hiệu ứng bất ngờ của cuộc tấn công vào buổi tối, vừa là nỗ lực sau cùng nhằm đạt được thỏa hiệp, theo đó có thể trì hoãn tấn công trong khi Chủ tịch Hồ Chí Minh chờ câu trả lời của Blum liên quan đến những yêu cầu của Người: "Ủy viên - người bạn thân thiết! Bầu không khí đã trở nên căng thẳng trong vài ngày qua. Điều này thực sự là đáng tiếc. Trong khi chờ đợi quyết định từ Paris, tôi hy vọng ông có thể gặp ông Giám để tìm ra một giải pháp có thể cải thiện tình hình"[27]. Sainteny không hồi âm. Thay vào đó, ông ta gửi một bức thư trơ tráo hơn nhiều cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, cảnh báo rằng nếu những kẻ giết hại một dân thường người Pháp mà không bị bắt giữ và cầm tù trong vòng 48 tiếng đồng hồ thì ông ta sẽ tự điều tra và làm bất cứ việc gì cần làm để ngăn chặn những tội ác như vậy trong tương lai. Dường như lá thư này không đến tay Chủ tịch Hồ Chí Minh[28].

Morlière viết thư cho ông Hoàng Hữu Nam vào sáng hôm đó, trình bày năm yêu cầu mà ông đã nói cuối ngày hôm trước: (1) Dẹp bỏ tất cả các rào chắn và chấm dứt tất cả những hành động chuẩn bị tấn công; (2) Hạ vũ khí lực lượng tự vệ "vô kỷ luật và thiếu trách nhiệm"; (3) Thả tự do tất cả các thường dân Pháp bị bắt giữ; (4) Chấm dứt "chiến dịch tuyên truyền bạo động"; và (5) Hợp tác nghiêm túc với các tổ chức chịu trách nhiệm duy trì trật tự[29]. Nếu Morlière đưa những yêu cầu này tới ông Nam vào ngày hôm trước thì có thể giải thích rằng những chỉ thị bí mật mà ông Giáp gửi đến tất cả các quân khu vào lúc 8h sáng có đề cập "tối hậu thư" cùng yêu cầu lực lượng tự vệ phải hạ vũ khí. Việt Nam sau đó coi lá thư của Morlière như là "tối hậu thư thứ ba".

Nói một cách nghiêm túc thì bây giờ, trong ba "tối hậu thư", chẳng có cái nào là tối hậu thư. Một tối hậu thư thường đưa ra thời hạn cuối cùng phải chấp nhận những yêu cầu đặc biệt và đe dọa sẽ

dùng vũ lực nếu như yêu cầu không được thực hiện. Nếu một ai đó đưa ra tối hậu thư và những yêu cầu không được chấp thuận thì cần phải thực hiện lời đe dọa một khi đã hết thời hạn trên tối hậu thư. Nếu thời hạn cuối cùng đã hết và không có điều gì xảy ra thì sẽ xảy ra tình trạng mất tín nhiệm. Tối hậu thư ngày 23 tháng Mười một của Dèbes là một trường hợp điển hình. Nó bao gồm một loạt các yêu cầu cụ thể nhưng rất phi hiện thực và Dèbes đã rất sẵn sàng thực hiện những đe dọa của mình. Điều này khiến những đe dọa của Pháp hết sức đáng tin đến mức Việt Nam đã quá hiểu những lá thư mà họ đã nhận được sau đó tại Hà Nội. "Tối hậu thư thứ nhất của Pháp" ngày 18 tháng Mười hai tại Hà Nội yêu cầu rào chắn phải được dỡ bỏ và đe dọa rằng quân Pháp sẽ tự làm điều này nếu phía Việt Nam không thực hiện yêu cầu trên, tuy nhiên lại không nói rõ thời hạn thực hiện đe dọa đó. "Tối hậu thư thứ hai của Pháp" do sĩ quan liên lạc Fonde ký tên đưa ra hạn chót yêu cầu cảnh sát Việt Nam phải thực hiện nhiệm vụ của mình và bảo đảm trật tự và luật pháp, nếu không, người Pháp sẽ chịu trách nhiệm bảo đảm pháp luật và trật tự tại Hà Nội muộn nhất là từ ngày 20 tháng Mười hai. "Thời hạn chót" này dường như đã tạo ra một ấn tượng mạnh với Việt Nam và có thể góp phần đáng kể đưa họ đến quyết định định mệnh của mình. Morlière không gửi kèm bất kỳ thời hạn chót chính xác nào trong "tối hậu thứ thứ ba" của ông ta và cũng không đưa ra bất kỳ đe dọa rõ ràng nào[30]. Thay vào đó, Morlière đã kết thư một cách khá hòa nhã: "Các nhà chức trách Pháp đã sẵn sàng phối hợp khẩn cấp để tìm cách thực hiện những biện pháp tất yếu nhằm tránh để xảy ra thêm bất kỳ đụng độ nào và tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc thiết lập quan hệ hợp tác chân thành và bền lâu". Ai cũng dễ dàng nhìn thấu lời đe dọa qua cụm từ "những biện pháp tất yếu nhằm tránh để xảy ra thêm bất kỳ đụng độ nào" và chắc chắn phía Việt Nam cũng vậy. Tuy nhiên,

lời đe dọa của Morlière vừa không cụ thể, lại vừa không kèm theo bất kỳ thời hạn chót nào. Bấy giờ, tất nhiên là các nhà lãnh đạo Việt Nam không thể biết rằng Chính phủ Pháp đã nói quả quyết với phái viên Le Puloch của d'Argenlieu và Valluy rằng chính phủ sẽ không tha thứ nếu để "sự kiện Hải Phòng" tái diễn ở Hà Nội. Nếu đó là cuộc chiến, thì bên khởi chiến phải là đối phương. Giới chức Pháp ở Đông Dương do đó không thể đưa ra bất kỳ tối hậu thư thực sự nào. Những gì họ có thể làm là gây sức ép ngày càng nhiều với hy vọng xui khiến Chính phủ Việt Nam phải hành động.

Nếu những bức thư của Sainteny và Morlière là phản ứng duy nhất của Pháp trước những đề nghị từ phía Việt Nam thì bất kỳ ai ủng hộ Việt Nam sẽ thấy khó nói rằng cuộc tấn công cần được trì hoãn lâu hơn nữa. Ông Giáp sẽ đặt cả hai chân vào cái bẫy mà Pháp đã giăng ra và chiến tranh có thể đã bắt đầu bằng một cuộc tấn công phối hợp của Việt Nam. Ông Giáp không thể cứ đứng nhìn một cách thụ động trong khi Pháp bắt đầu tước vũ khí lực lượng tự vệ. Tuy nhiên, quân Pháp cũng gửi đi hai tín hiệu hòa giải trong ngày hôm đó. Cũng giống như những gì họ đã lầm buổi sáng hôm trước, các sĩ quan liên lạc Việt Nam đã thăm dò bằng cách hỏi các đồng nghiệp phía Pháp xem liệu quân Pháp còn ở trong doanh trại vào buổi tối hay không[31]. Những lính Pháp được nghỉ ngơi trong thành phố sẽ rơi vào tình trạng nguy hiểm. Vì vậy, sau ngày 19 tháng Mười hai, Pignon đã giải thích yêu cầu của Việt Nam là một nỗ lực nhằm đưa quân Pháp vào một tình huống mà rất nhiều lính Pháp có thể bị tiêu diệt khi đang nghỉ ngơi. Nhưng việc phát đi tín hiệu có hai tác dụng. Cho quân Pháp nghỉ phép sẽ là một cách chắc chắn để cho Việt Nam biết rằng Pháp chưa định khởi xướng một việc làm táo bạo. Vì vậy, khi Sainteny và Morlière quyết định cho 1.200 binh sĩ nghỉ ngơi vào buổi tối và thông báo với Việt Nam về quyết định của họ, các nhà lãnh đạo Việt Nam có

thể nhận thấy đây là một tín hiệu thông báo rằng họ vẫn còn thời gian để chờ đợi và xem xét những gì chính phủ mới của Blum sẽ làm. Sainteny giải thích trong cuốn hồi ký của ông rằng việc cho lính Pháp nghỉ ngơi là một "mũi tên bắn trúng hai đích": vừa giải tỏa căng thẳng, vừa buộc Việt Minh phải "lộ ý đồ của mình"[32].

Những nhà lãnh đạo Việt Nam đã ở đâu? Trong hồi ký của mình, ông Giáp nói rằng tổng hành dinh của ông đặt tại làng Vạn Phúc ở Hà Đông, cách trung tâm Hà Nội 11 cây số. Ngay trước cuộc tấn công của Việt Nam vào lúc 20h00, Sainteny thông báo Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quay lại thủ đô sau vài ngày vắng mặt[33]. Cơ quan tình báo Pháp sau đó khẳng định Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông Giáp cùng các thành viên khác của chính phủ lại rời Hà Nội vào buổi chiều, vài giờ trước cuộc tấn công[34], nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết trong thư gửi Blum ngày 23 tháng Mười hai rằng Người vẫn có mặt tại nơi ở của mình khi quân đội Pháp tấn công và chỉ thoát chết nhờ một phép màu[35]... Sự thật là Chủ tịch Hồ Chí Minh không hề đến Hà Nội mà ở lại Vạn Phúc. Sáng ngày 19 tháng Mười hai, Người lại viết một bức thư khác gửi Blum và một bức gửi Vincent Auriol, người phát ngôn của Quốc hội Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với hai ông này rằng Người đã yêu cầu đồng bào mình giữ bình tĩnh, bất chấp nhiều hành động khiêu khích. Người đã làm điều này vì tình yêu của Người với nước Pháp và niềm tin của Người với Blum và Auriol: "Nhưng tôi sẽ còn phải chứng kiến cảnh đồng bào mình bị giết hại trong bao lâu nữa? Tôi xin nhắc lại một lần nữa rằng đây là một yêu cầu khẩn cấp. Vì lợi ích tối cao của hai đất nước chúng ta, một lần nữa tôi xin các bạn hãy chấm dứt những hành động khiêu khích và đổ máu"[36]. Vũ Kỳ được giao trọng trách đưa những lá thư này vào Hà Nội cùng với một bức thư ngắn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Sainteny. Sau khi chuyển thư đi và gặp ông Hoàng Minh Giám, Vũ Kỳ quay trở về Vạn Phúc lúc

12h30 và thông báo với Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc Sainteny từ chối gặp ông Giám. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đi lại lại một lúc, cau mày suy nghĩ một hồi, sau đó đi tới bàn làm việc nơi Người để bản dự thảo Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và, theo nhật ký mà Vũ Kỳ xuất bản sau này, Người nói rất rõ ràng: "*Hừ! Thì đánh*"[37]. Điều này chỉ ra rằng, nếu đúng thì trước hết chỉ thị mà ông Giáp gửi đi vào buổi sáng không phải là một quyết định cuối cùng cho việc tiến hành cuộc chiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chưa ném con súc sắc. Thứ hai, nhận xét của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng lúc này Người nghĩ là đã đánh canh bạc này. Chúng ta không biết Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tướng Giáp có thể liên lạc với nhau lúc 12h30 hay không, nhưng theo người viết tiểu sử của Tướng Giáp là Trần Trọng Trung thì sau khi Sainteny từ chối gặp ông Giám, Tướng Giáp đã đưa ra chỉ thị thứ hai được viết bằng mật mã với lệnh tấn công lúc 20h00[38].

Trong khi đó, tại Hà Nội, ông Hoàng Hữu Nam đã trả lời "tối hậu thư thứ ba" của Morlière với tư cách là người được ủy nhiệm của Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp: "Tôi đã đề cập vấn đề này với Bộ trưởng Quốc phòng. Ông ủy quyền cho tôi trả lời rằng ông sẽ đưa đề nghị của các bạn ra cuộc họp hằng tuần của chính phủ vào ngày mai, thứ sáu, ngày 20 tháng Mười hai 1946. Trong khi đó, ông cũng đưa ra những chỉ thị nhằm tránh mọi hiểu lầm. Ông hy vọng rằng, các bạn cũng cần đặt ra những mệnh lệnh cần thiết để tránh làm trầm trọng thêm tình hình hiện tại"[39]. Vì thế, ông Nam khẳng định rằng Tướng Giáp đã đưa ra các chỉ thị nhằm "tránh mọi hiểu lầm" trong khi chỉ thị mà Tướng Giáp phát đi vào đầu giờ chiều tới tất cả các lãnh đạo đảng và chỉ huy khu vực thực sự là để chuẩn bị tấn công vào lúc 20h00[40].

Theo Vũ Kỳ, hai tiếng rưỡi sau, vào lúc 14h30, bốn thành viên Ban Thường vụ của Đảng là Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Đức Thọ

và Võ Nguyên Giáp đã gặp mặt tại Vạn Phúc. Những đề nghị mới của Morlière và sự từ chối gặp mặt ông Giám của Sainteny chắc hẳn phải là lập luận ủng hộ việc thực hiện cuộc tấn công đã được lên kế hoạch. Động lực nữa là việc lính Pháp được Morlière cho nghỉ ngơi bên ngoài doanh trại. Bằng cách này sẽ có thể tìm ra lính Pháp và tiêu diệt lẻ tẻ hoặc theo từng nhóm nhỏ. Ngoài ra, thực tế là khoảng 1.200 lính Pháp sẽ có mặt rải rác khắp các quán bar và nhà hàng cũng cho thấy người Pháp hoàn toàn không chuẩn bị phát động một cuộc chiến, tất nhiên trừ phi việc dỡ bỏ lệnh tập trung trong doanh trại là một trò bịp bợm.

Trong khi những vấn đề này có thể đã được thảo luận tại Vạn Phúc, thì một mẩu tin khác đã đến, có thể làm cho cán cân nghiêng về việc giữ gìn nền hòa bình. Vào hồi 14h00, cơ quan thông tin Pháp đã nghe tin từ Đài Phát thanh Sài Gòn nói rằng nội các của Blum đã quyết định cử Moutet đến Đông Dương nhận nhiệm vụ đặc biệt, thông tin này ngay lập tức đã được chuyển tới phía Việt Nam. Trợ lý thứ hai, ông Minh rất ấn tượng với tin này và bảo đảm rằng ông sẽ ngay lập tức thông báo tới các thành viên trong chính phủ[41]. Chúng ta không biết liệu tin này có đến tai bốn lãnh đạo cấp cao ở Vạn Phúc, mà theo Vũ Kỳ, là những người đã đồng ý giữ quyết định tiến hành cuộc kháng chiến toàn quốc tối 19 tháng Mười hai. Sau khi bổ sung năm từ do Lê Đức Thọ đề xuất, hội nghị đã thông qua nội dung Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ thị ông Trường Chinh hoàn thành những chỉ dẫn liên quan tới việc thực hiện chiến lược kháng chiến toàn quốc[42] và giao cho Tướng Giáp quyền thực hiện cuộc tấn công theo kế hoạch. Tại Hà Nội, tín hiệu bị mất do sự phá hủy trạm điện Yên Phụ. Và tín hiệu chính của cuộc kháng chiến toàn quốc sẽ là tuyên bố Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tới tất cả các chi nhánh của đài phát thanh quốc gia[43].

Câu hỏi ở đây là liệu quyết định của các Ủy viên Ban Thường vụ tại Vạn Phúc có thể hủy bỏ được hay không, hay ông Giáp vẫn có quyền hạn hủy bỏ cuộc tấn công nếu có bằng chứng mới liên quan tới ý định của Chính phủ Pháp. Sau 15h15, khi cuộc họp kết thúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quay về ngôi nhà an toàn của mình và bắt đầu chuẩn bị di chuyển tới một nơi khác. Báo cáo của Vũ Kỳ ngày 19 tháng Mười hai kết thúc với việc Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dẫn ông ta hỗ trợ chuyển tới một nơi ở an toàn tại Xuân Dương. Bản báo cáo của Vũ Kỳ dường như đáng tin cậy vì nó được viết trong cuốn nhật ký cá nhân của ông với những ghi chép hằng ngày. Tuy nhiên, chính cuốn nhật ký gốc lại không được lưu giữ tại thư viện của Bảo tàng Hồ Chí Minh khi Vũ Kỳ qua đời năm 2005. Thay vào đó, có vẻ như nó đã được đưa vào kho lưu giữ của Đảng, nơi các nhà nghiên cứu khó mà tiếp cận[44].

Trên cơ sở một báo cáo tình báo của Pháp, Devillers quả quyết rằng ông Giáp đã triệu tập những chỉ huy quân đội quan trọng nhất tại Bạch Mai, nằm ngay bên ngoài Hà Nội vào lúc 16h00, tức là sau cuộc họp của Ban Thường vụ tại Vạn Phúc[45]. Điều này đã được chính ông Giáp và người viết tiểu sử của ông xác nhận. Có mặt tại Bạch Mai là người đứng đầu cơ quan tình báo Trần Quốc Hoàn, đại diện của Đảng Cộng sản; Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, người chịu trách nhiệm về tất cả những thông tin liên lạc cơ yếu; Chỉ huy Quân khu 11 Nguyễn Văn Trần[46]. Theo người viết tiểu sử gần đây nhất của ông Giáp cũng như trong hồi ký của ông, Tướng Giáp đã dành thời gian còn lại của buổi tối để duyệt quân đội ở thủ đô và rời đi theo hướng Hà Đông trước giờ xuất kích. Ông luôn bình tĩnh và yên tâm.

Tuy nhiên, ít nhất cũng có một nguồn tin bóp méo hình ảnh chung về một nhà lãnh đạo quyết đoán đang chuẩn bị chiến đấu. Vào lúc 16h45, đơn vị của anh Ngô Văn Chiếu, là người lính có

cuốn nhật ký, nhận được lệnh hủy bỏ cuộc tấn công mà đơn vị được giao tham gia. Anh Chiếu ghi rằng cuộc tấn công không nên được thực hiện lúc này "dù có lý do gì chăng nữa" trừ phi chính ông Giáp, hoặc một trong hai trợ lý trực tiếp của ông, phát lệnh bằng văn bản hoặc lời nói. Trong mọi tình huống, binh lính Việt Nam không nên kích động binh sĩ Pháp đang nghỉ ngơi trong thành phố[47]. Theo Vũ Kỳ, điều này có vẻ phi lý bởi nó đi ngược quyết định đã đưa ra chỉ hai giờ trước đó tại Vạn Phúc.

Tại Sở Chỉ huy của Pháp, khi Morlière nhận được thư của ông Nam nói về việc đưa ra những chỉ thị nhằm "tránh mọi hiểu lầm", ông này vừa định thay đổi ý định của mình về việc cho quân nghỉ ngơi ngoài doanh trại[48]. Buổi chiều, Ban Chỉ huy của Pháp nhận được thông tin cho rằng quân đội Việt Nam đã tập trung ở ngoại thành Hà Nội và có kế hoạch tấn công vào buổi tối cùng ngày[49]. Một trong những báo cáo này là của một điệp viên lai Âu - Á có tên tiếng Pháp là Charles Eugène Fernand Petit[50]. Theo Jean Bidault, buổi sáng Petit được biết cuộc tấn công sẽ diễn ra vào tối hôm đó, tuy nhiên, anh ta không nghe thấy chính xác là khi nào. Petit chịu trách nhiệm truyền đạt thông tin này tới Sở Mật thám trước 18h00. Điều này đã được xác nhận trong một tuyên bố của Petit trước một thẩm phán người Pháp vào tháng Hai 1947 khi ông giới thiệu mình là "thanh tra Sở Mật thám" đang làm việc tại một đơn vị phản gián. Nhờ có một lá thư giới thiệu của những nhà lãnh đạo Việt Minh sống tại Pháp, ông đã trà trộn được vào lực lượng tự vệ ở vùng lân cận. Ban đầu ông nghe nói cuộc tấn công sẽ diễn ra vào đêm Giáng sinh, nhưng sáng ngày 19 tháng Mười hai, ông đã nghe ngóng từ lính tự vệ xung quanh ông nói rằng, cũng giống như Bidault đã nói, cuộc tấn công sẽ diễn ra vào "đêm nay". Vì lý do an ninh, ông đã chờ đến tối, gần 18h00 mới gửi tin này tới Sở Mật thám. Khi trở về với nhóm tự vệ, Petit được chỉ huy đơn vị thông

báo: "Hãy chuẩn bị sẵn sàng. Chúng ta sẽ tấn công quân Pháp vào 20h00 tối nay. Hãy đứng lên và đảm nhiệm vị trí chiến đấu của mình!". Việc đầu tiên là ông đi về nhà để gặp người vợ Việt của mình và thông báo với bà rằng ông sẽ ra đi vì Tổ quốc mình. Nói điều này với thẩm phán Pháp, ông nhấn mạnh rằng khi nói đến đất nước mình thì ý của ông là nước Pháp. Sau đó, ông quay trở về với nhóm tự vệ và tìm cớ xin phép ra ngoài trong vài phút. Viên chỉ huy nói rằng nếu ông không quay trở lại thì vợ và con ông sẽ bị ảnh hưởng (và thực tế đúng như vậy). Bấy giờ, Petit đến gặp trực tiếp Đại tá Lami, chỉ huy thứ hai của Morlière. Lúc đó đã gần 20h00, Lami đề nghị Petit ở lại với ông chứ không nên quay trở lại đơn vị của mình. Đó là cách Petit đã tham gia vào việc bảo vệ ngôi nhà của Lami trước những đồng chí của mình trong đội tự vệ[51].

Có hai điều kỳ lạ trong câu chuyện này. Thứ nhất là việc Đại tá Lami quyết định ở lại nhà nếu ông ta chờ đợi cuộc tấn công vào lúc 20h00. Ông ta không cần ở trụ sở của mình hay sao? Hay Lami không coi trọng lời cảnh báo của Petit hoặc Petit đã đến quá muộn đến mức Lami chẳng có thời gian để thực hiện bất kỳ biện pháp phòng ngừa nào? Điều kỳ lạ thứ hai là vấn đề thời gian. Nếu như giờ giấc mà Petit đưa ra là chính xác thì không một báo cáo nào trong hai báo cáo của ông có thể ảnh hưởng tới quyết định của Morlière trong việc thu quân khi họ đang nghỉ ngơi bên ngoài doanh trại, việc này đã xảy ra trước 17h00[52]. Trong báo cáo đầu tiên của Petit, chỉ trước 18h00 ít phút, ông ta không hề biết thời gian tấn công nhưng rõ ràng là phía Pháp đã nhận được thông tin khác cho biết cuộc tấn công sẽ diễn ra vào lúc 19h00[53]. Có dấu hiệu cho thấy có thể tin tức đến từ SEHAN của Trocard chứ không phải Sở Mật thám của Moret (đang kiểm soát Petit) cung cấp cho Morlière tin tức tình báo mà đã thôi thúc ông ta ra lệnh triệu hồi hết binh sĩ trở về doanh trại[54]. Nhưng SEHAN có thể đã nghĩ cuộc

tấn công diễn ra trước 20h00. Khi không có gì xảy ra vào lúc 17h00, 18h00 hay 19h00, phía Pháp có thể đã kết luận rằng cuộc chiến sẽ không diễn ra tối hôm đó; đã là những báo động sai lệch trong những tuần trước đó. Trong trường hợp đó, có lẽ không phải là thái độ thiếu trách nhiệm nếu Đại tá Lami và Ủy viên Sainteny về nhà ăn tối. Sau đó, Petit đến nhà Lami sau 19h00, và theo báo cáo của chính ông ta gửi vị đại tá Pháp thì quân tự vệ sẽ hành động vào lúc 20h00.

Petit không bao giờ đề cập bất kỳ lệnh hủy bỏ nào. Điều này vừa có nghĩa là lệnh tấn công không bao giờ được hủy bỏ, lại vừa đồng nghĩa với việc ông Giáp chỉ hủy bỏ sự tham gia của quân đội chính quy vào cuộc tấn công. Có lẽ khi phát hiện quân Pháp đã chặn đứng những nút giao thông nào đó bằng xe bọc thép, ông Giáp đã quyết định không mạo hiểm đưa quân đội chính của mình vào cuộc chiến, nhưng lại để lực lượng tự vệ tiếp tục nhiệm vụ của họ như kế hoạch đã đề ra. Điều này giải thích tại sao đơn vị quân đội chính quy của Ngô Văn Chiếu chứ không phải lực lượng tự vệ của Petit đã nhận được lệnh hủy bỏ. Tuy nhiên, cũng có thể hiểu rằng ông Giáp đã không thành công trong việc duy trì quân tự vệ. Jean Bidault cho rằng chính Petit đã cứu lính Pháp khỏi bị thảm sát, tuy nhiên, đây rõ ràng là một chuyện hoang đường. Morlière triệu tập quân đội Pháp về doanh trại một giờ trước khi Petit gửi báo cáo đầu tiên của mình. Câu chuyện của Petit dường như đã biến thành một huyền thoại trong cộng đồng tình báo Pháp, để "chứng minh" rằng các mật vụ đôi khi cũng phục vụ một mục đích hữu ích[55].

Tin binh sĩ và sĩ quan Pháp đang được triệu hồi từ các đường phố về doanh trại có thể đã đến tai các đơn vị chỉ huy của Việt Nam đúng lúc ban chỉ huy quân tự vệ cũng như tất cả các đơn vị quân đội được giải thích rằng cuộc tấn công sẽ được hoãn lại[56]. Lúc bấy giờ,

ông Giáp và quân tự vệ sẽ phản ứng như thế nào? Còn Hồ Chí Minh thì sao? Tất cả có cảm thấy rằng họ bị lừa hay không? Phải chăng Morlière đã lừa họ khi nói rằng ông ta sẽ cho quân đội ra ngoài nghỉ ngơi? Họ có thể sợ rằng kiểu gì người Pháp cũng sẽ hành động. Hồi ký ông Giáp viết ba thập niên sau nói rằng: "Trời nhá nhem tối... Có báo cáo rằng không còn thấy một lính Pháp nào trong các nhà hàng, quán bar hay trên đường phố. Và những chiếc xe bọc thép của kẻ địch đã bắt đầu tiến vào và đứng chặn tại một số ngã tư"[57].

SỰ COI THƯỜNG MỆNH LỆNH HAY LÀ LÀM HỎNG VIỆC?

Chúng ta đã khẳng định rằng những lá thư hòa giải do ông Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh viết và cả yêu cầu của người Việt Nam muốn được biết liệu quân Pháp có nghỉ ngơi hay không có thể bắt nguồn từ hy vọng chân thành là gặp chính phủ mới của Léon Blum trước khi điều gì đó không thể bãi bỏ được thực hiện. Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Nam không nhất thiết phải hoài nghi như Pignon và Jean Bidault. Câu hỏi tiếp theo là tại sao cuộc tấn công của Việt Nam lại xảy ra vào lúc 20h00, nếu những nhà lãnh đạo Việt Nam muốn cho Blum một cơ hội can thiệp. Có phải vì quân tự vệ coi thường mệnh lệnh hay do ông Giáp đã phạm sai lầm?

Khi sắp tới 20h00, trật tự các sự kiện quá phức tạp đến nỗi đầu tiên chúng tôi phải xem xét trật tự đó từ phía Pháp, sau đó mới là Việt Nam. Thu quân về các doanh trại như quyết định lúc 17h00 không phải là một biện pháp triệt để nếu nhìn vào những bằng chứng không ngừng tăng lên về một cuộc tấn công có kế hoạch? Morlière có thực sự tin rằng Việt Nam đang chuẩn bị hành động và ông ta đã chuẩn bị cho cuộc chiến hay không? Về điểm này, các nguồn tin mâu thuẫn với nhau. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

coi phần nhận xét của một sĩ quan liên lạc Việt Nam là phụ lục trong bản bị vong lục của Người đề ngày 31 tháng Mười hai nói rằng vào hồi 18h30, cảnh sát Việt Nam báo cáo xe bọc thép của Pháp đã đóng chốt tại năm điểm hiểm yếu[58]. Jean Bidault đưa ra thông tin tương tự và nói thêm rằng những chiếc xe bọc thép đã chặn trên những con đường mà quân đội Việt Nam ngoài phạm vi Hà Nội sẽ phải sử dụng để vào thành phố[59]. D'Argenlieu bác bỏ điều này và cho rằng những cáo buộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh "rõ ràng là sai trái". Chỉ có hai xe bọc thép trong thành phố tối hôm đó với nhiệm vụ thường ngày là phối hợp tuần tra[60]. Báo cáo của d'Argenlieu vừa nhằm buộc tội Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa ám chỉ trình độ kém cỏi của Morlière, và mục đích kép này có thể đã ảnh hưởng tới những giải thích của ông ta mặc dù cảnh sát Việt Nam có lẽ đã quan sát thấy hai chiếc xe tương tự đang lưu thông tại năm địa điểm khác nhau. Phụ lục trong bản báo cáo của d'Argenlieu đã khẳng định dứt khoát rằng thường dân Pháp tại Hà Nội đã bất ngờ bị bắt giữ và binh lính thì ở trong doanh trại của họ thay vì ở những vị trí báo động đã quy định[61]. Và d'Argenlieu không phải là nguồn duy nhất của chúng tôi ở đây. Báo cáo của Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan và bản sao của một trong những báo cáo đầu tiên gửi từ Hà Nội tới Sài Gòn sau cuộc tấn công đầu tiên đã hỗ trợ luận điểm của d'Argenlieu. O'Sullivan nói rằng những yếu tố đầu tiên liên quan đến Pháp, bao gồm xe bọc thép, xe bán tải và xe jeep đã bắt đầu tiến vào thành phố từ các khu đóng quân khác nhau vào lúc 20h20, 17 phút sau khi điện bị cắt. "Những đội quân thiếu kinh nghiệm điều khiển những chiếc xe này càng làm tăng sự hỗn loạn khi nô súng bừa bãi vào bất kỳ vật gì chuyển động", O'Sullivan chú thích[62]. Điều này phù hợp với báo cáo đêm khuya gửi từ Hà Nội đến Sài Gòn thông báo rằng sự can thiệp của Pháp bắt đầu vào lúc 20h20. Đến 21h30, đường phố tương đối yên

tĩnh nhưng lúc đó cuộc chiến đã bắt đầu và nhanh chóng trở nên căng thẳng[63]. Điều này có nghĩa là hành động phản công của Pháp chỉ diễn ra một tiếng rưỡi sau khi cuộc tấn công của Việt Nam bắt đầu. Tờ *Le Figaro* cũng viết trong ngày 1 tháng Hai 1947 rằng quân đội Pháp vừa không sẵn sàng cho cuộc chiến, lại vừa không được bố trí khéo léo[64].

Với những thông tin mâu thuẫn như vậy thì thật khó đánh giá mức độ sẵn sàng ứng phó của Pháp. Những thông tin chi tiết của cảnh sát Việt Nam về năm chiếc xe bọc thép được bố trí một cách chiến lược, với sự xác nhận của Jean Bidault, dường như có sức thuyết phục. Xe bọc thép của Pháp có lẽ đang chặn những ngả đường chính vào thành phố, tuy nhiên, bộ chỉ huy quân Pháp vẫn bị bất ngờ vào lúc 20h00. Có phải phía Pháp nghĩ rằng cuộc tấn công sẽ diễn ra sớm hơn? Có lẽ họ sử dụng những biện pháp phòng thủ vào cuối buổi chiều khi binh lính được triệu hồi về doanh trại, nhưng lại coi nhẹ việc cảnh giác khi thấy có vẻ như không có gì xảy ra. Có lẽ những chiếc xe bọc thép đã có mặt ở các ngã tư từ 18h30 chứ không phải 20h00. Lúc đó Chủ tịch Hồ Chí Minh, Jean Bidault và d'Argenlieu tất cả đều vẫn ổn. Có phải là Morlière đã thiếu trách nhiệm khi loại bỏ một số biện pháp bảo vệ sau 19h00? Hay là Morlière và Sainteny không nhận được nguồn tin đáng tin cậy rằng ông Giáp đã hủy bỏ cuộc tấn công? Sau 20h00, việc lực lượng chính quy của ông Giáp không tham gia vào cuộc chiến có thể đã gây hoang mang cho quân Pháp. Các chỉ huy Pháp biết rằng đối thủ của họ có một số tiểu đoàn ở ngoại ô thành phố và trong giai đoạn đầu của cuộc chiến, họ có thể ưu tiên đảm nhiệm những vị trí phòng thủ để ngăn chặn một cuộc tấn công lớn mà không bao giờ xảy đến. Có lẽ Morlière cần có thời gian để hiểu rằng lực lượng chủ lực của Việt Nam sẽ không hành động. Lúc đó, ông ta đã đặt ra kế hoạch tấn công của riêng mình. Vì vậy, cuộc

chiến chỉ thực sự bắt đầu lúc 21h30. Việc này đã đánh dấu sự khởi đầu "cuộc đảo chính" đã được lập kế hoạch từ lâu của Pháp. Trong vòng chưa đầy 24h đồng hồ, quân Pháp đã kiểm soát hoàn toàn tất cả các tòa nhà công cộng cùng các điểm chiến lược trong thành phố, bao vây các khu nhà của người Hoa cũng như người Việt Nam. Trong những tuần sau đó, các chiến sĩ tự vệ thực sự cần đến số nước mà họ đã dự trữ.

Nếu Mòrliere bị bất ngờ vào lúc 20h00 thì điều tương tự cũng xảy ra với Sainteny. Trong một bức điện được gửi đi từ Hà Nội lúc 17h00, ông ta nhấn mạnh bức thư "hết sức hòa nhã" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chỉ đề cập lướt qua rằng "thông tin khác" đã cảnh báo về một cuộc tấn công lớn vào tối hôm đó[65]. Khi các nhà báo và các sử gia thiếu kinh nghiệm nhận ra rằng những người đưa ra quyết định đã được cảnh báo trước về những sự kiện kịch tính như cuộc tấn công của Nhật Bản tại Trân Châu cảng hay Chiến dịch Barbarossa của Đức, họ thường đổ lỗi cho những nhà lãnh đạo khi đã không nghe theo những lời cảnh báo. Rất dễ quên đi rằng trong cuộc sống hiện tại, hầu hết những cảnh báo trước đều liên quan tới những sự kiện mà không bao giờ xảy ra. Một người ra quyết định trong cuộc sống thực tại sẽ thấy khó khăn hơn một sử gia sau này khi phân biệt cảnh báo chính xác với cảnh báo sai lầm. Những bức điện Sainteny gửi tới Sài Gòn từ 18h00 đến 19h30 ngày 19 tháng Mười hai chẳng có gì là báo động. Một là bức điện thông báo lá thư hòa nhã của Chủ tịch Hồ Chí Minh và bức điện thứ hai thì bày tỏ mong muốn mà Sainteny đã chia sẻ với d'Argenlieu rằng ông ta nên tự phục chức càng sớm càng tốt tại Phủ Toàn quyền căn cứ vào "hoàn cảnh vô cùng thuận lợi". Sainteny đã yêu cầu Valluy khẩn trương xem xét lại chỉ thị của ông ta nhằm trì hoãn hành động tượng trưng này bằng một loạt các lý do: đặc điểm đã rõ về nơi ở hiện tại của ông; sự bất tiện khi phải đi lại thường xuyên

trong một thành phố đầy những rắc rối; lợi ích của việc thực hiện hành động này trước khi Đô đốc d'Argenlieu quay trở lại để ông ta không được xem là người phải chịu trách nhiệm; những hiệu ứng tuyệt vời có được thông qua việc tái chiếm Direction des Finances gần đây trong tâm tính của người Việt Nam; và cuối cùng là sự cần thiết phải tránh gây chướng tai gai mắt vị Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Moutet khi ông này đến đây. Sẽ không bao giờ có một thời điểm tốt hơn và không có những phản ứng nghiêm trọng xảy ra. Vì vậy, chỉ ít phút trước thời điểm 20h00, Sainteny đã xin phép gia tăng cấp độ nghiêm trọng của tình hình trong một vài ngày tới[66].

Khi nước và điện bị cắt lúc 20h00, Sainteny ở nhà hoặc đang trên đường về nhà. Trong cuốn hồi ký của mình, ông khẳng định rằng đã nghe thấy đồng hồ ở Bệnh viện Yersin điểm tám tiếng trước khi ông ta rời văn phòng. Khi Sainteny vừa bước lên xe, lúc đó đúng 20h04 thì ông nghe thấy một tiếng nổ và nhìn thấy đèn đều bị tắt hết[67]. Các nguồn tài liệu không hoàn toàn thống nhất về thời gian chính xác khi điện bị cắt. Một bức điện của Pháp từ Hà Nội nói lúc đó là 19h55[68], trong khi một báo cáo về sau của Việt Nam lại khẳng định: "Đúng 20h03 ngày 19 tháng Mười hai 1946, toàn bộ đèn điện ở Hà Nội bỗng nhiên tắt phụt"[69]. Mặc dù tối tăm nhưng Sainteny vẫn có thể lái xe về nhà vì nửa tiếng sau đó, Morlière đã điều một chiếc xe bọc thép bảo vệ ông ta tại nơi ở. Khoảng 21h00, chiếc xe này bị dính mìn. Sainteny bị thương và chịu đau đớn dưới làn đạn của Việt Nam trong khi chờ một chiếc xe bán tải đến giải cứu[70]. Sự hỗn loạn của quân đội Pháp trong suốt một tiếng rưỡi sau 20h00 tối và thực tế là Sainteny đã lái xe về nhà thay vì ở lại văn phòng là những dữ kiện chứng minh một giả thuyết duy nhất, đó là bất chấp mọi lời cảnh báo, người Pháp không nghĩ sẽ xảy ra một cuộc tấn công vào lúc 20h00. "Thông tin được xác nhận cho biết đơn vị đồn trú ở Hà Nội hoàn toàn bất ngờ

vào buổi tối ngày 19", Dèbes thông báo trực tiếp cho Valluy hai ngày sau như một bằng chứng về sự kém cỏi của Morlière[71].

Những gì xảy ra ở phía Việt Nam thậm chí còn rắc rối hơn. Mặc dù ông Giáp đã trình bày tỉ mỉ lập luận có tính chiến lược trong hồi ký của mình để chứng minh rằng mọi việc mà lực lượng của ông đã làm trong ngày 19 tháng Mười hai và trong suốt những ngày và những tuần sau đó hoàn toàn đúng là những gì nằm trong kế hoạch của ông, nhưng dường như rất có thể chỉ một số phần trong kế hoạch tổng tấn công được thực hiện. Và những hoạt động này được tiến hành theo một cách lộn xộn. Hành động có hiệu quả duy nhất của lực lượng tự vệ vào lúc 20h00 chính là những cuộc tấn công vào nhà ở của thường dân Pháp, bắt đi khoảng 200 con tin, giết và làm bị thương từ 20-30 thành viên trong những gia đình chống cự. Những hoạt động khác của lực lượng tự vệ hoàn toàn gây cản trở, như cắt nước và điện, chặn các ngã tư bằng xe điện và chặn một con đường bằng một đoàn tàu, đặt mìn trên những con phố và bắn súng cối và súng phòng không theo kiểu vu vơ. Không hề có nỗ lực nào nhằm tấn công những lực lượng quân đội của Pháp tại nơi đóng quân của họ, và những nỗ lực không nhiệt tình nhằm phá hủy cầu Long Biên (Pont Doumer) và tấn công sân bay Gia Lâm đều thất bại thảm hại[72].

Liệu tất cả những việc này có phải là một vỏ bọc cho việc bắt con tin? Tại sao những tiểu đoàn ở ngoại ô lại không tiến vào thành phố? Có phải ban lãnh đạo Việt Nam do dự vào phút cuối? Trong hồi ký của mình, ông Giáp đã đưa ra câu trả lời cho một số câu hỏi kiểu này. Ông khẳng định quân đội chính quy bên ngoài thành phố cần thiết cho việc bảo vệ chính phủ và những hành động trong tương lai. Một lực lượng có trình độ thấp hơn về quân sự và trang bị có thể không bao giờ giành chiến thắng trong một

cuộc chiến tại thành phố. Vì thế, tốt nhất là chỉ để lại một tiểu đoàn tại Hà Nội để bảo vệ cơ sở càng lâu càng tốt, tiêu diệt dần dần lực lượng địch và nêu gương về óc sáng tạo và sự dũng cảm để cả nước phấn đấu...

Ngay sau sự kiện bùng nổ chiến tranh, vì ông Giáp ra lệnh cho tất cả các đơn vị phải hủy chỉ thị hằng ngày của ngày 19 tháng Mười hai cùng với tất cả các phụ lục của nó[73], nên việc đào sâu nghiên cứu những chi tiết của ngày 19 tháng Mười hai hầu như là điều cấm kỵ tại Việt Nam. Vai trò cá nhân của ông Giáp là gì? Có phải ông quyết định tấn công vì ông đã lường trước được cuộc đảo chính của Pháp sắp xảy ra? Có phải ông đã cố gắng hủy bỏ cuộc tấn công khi nhận ra rằng rốt cục thì người Pháp cũng không tấn công? Có phải lúc đó ông đã không thể ngăn chặn được lực lượng tự vệ? Có phải quân tự vệ đã không tuân theo chỉ thị hủy bỏ cuộc tấn công vì họ lo ngại chính phủ sẽ nhượng bộ những yêu sách của Pháp về việc hạ vũ khí của quân đội? Có phải những kẻ xâm phạm dân tộc chủ nghĩa chống cộng đã xúi giục quân tự vệ lao vào chiến tranh, có lẽ là thông đồng với những đặc vụ bí mật của Pháp? Trước khi xem xét những khả năng này, chúng ta hãy cùng nhìn vào hệ thống cấp bậc ra quyết định của Việt Nam:

Cấp 1: Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự hỗ trợ của thư ký riêng là ông Vũ Kỳ.

Cấp 2a: Tổ chức Đảng: Tổng Bí thư Trường Chinh và ông Lê Đức Thọ.

Cấp 2b: Quân đội: Bộ trưởng Quốc phòng và Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, cùng làm việc với người đứng đầu cơ quan tình báo Trần Quốc Hoàn và Hoàng Văn Thái. Về công tác thông tin với phía Pháp, ông Hoàng Hữu Nam, Trưởng Ban Liên lạc Việt Nam, là người đại diện đặc biệt của ông Giáp.

Cấp 3: Quân khu Hà Nội dưới quyền chỉ huy của ông Vương Thừa Vũ mới được bổ nhiệm khi đó, hoạt động dưới quyền của Ủy ban kháng chiến Hà Nội với những thành viên sau: Nguyễn Văn Trần (Chủ tịch), Vương Thừa Vũ (Phó Chủ tịch), Trần Độ (Chính ủy), Trần Quốc Hoàn, Khuất Duy Tiến, Đặng Việt Châu, Trần Duy Hưng và Lê Quang Đạo[74].

Dưới cấp này lại là các đơn vị quân đội khác nhau, lực lượng vệ binh, lực lượng dân quân (tự vệ) và công an.

Nếu những công bố gần đây của Việt Nam là đáng tin cậy, thì quyền điều hành chung cao nhất thuộc về Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đứng đầu là Trường Chinh, và cuộc họp tại Vạn Phúc từ 14h30 đến 15h15 có ý nghĩa then chốt. Như đã đề cập, các cơ quan tình báo Pháp dường như không biết gì về Ban Thường vụ. Họ nghĩ cơ quan lãnh đạo cao nhất là Tổng bộ Việt Minh, còn Trường Chinh và Lê Đức Thọ dường như không nằm trong tầm ngắm của họ. Một báo cáo của SEHAN quả quyết rằng ông Giáp và Hồ Chí Minh không bao giờ tách rời trong những ngày quan trọng của tháng Mười hai để bảo đảm phối hợp hoàn toàn trên các vấn đề chính trị, ngoại giao và quân sự. Điều này là sai. Như chúng ta đã thấy, ông Giáp đã vài lần ở Hà Nội, đáng chú ý là vào ngày 19 tháng Mười hai sau cuộc họp tại Vạn Phúc, trong khi Hồ Chí Minh ở tại ngôi nhà an toàn, thì các trụ sở quân sự của ông Giáp được đặt tại một nơi khác nơi ở của Hồ Chí Minh.

Không lâu trước ngày 19 tháng Mười hai, SEHAN nhận được các báo cáo về một xung đột nội bộ trong quân đội Việt Nam: các cựu sĩ quan quân đội thực dân được tập huấn theo phương pháp của Pháp gặp sự chống đối của những sĩ quan trẻ được ông Giáp đào tạo. Các sĩ quan trẻ tuổi này thường là con trai của những đảng viên kỳ cựu đã được tiến cử tham gia tập huấn tại những học viện quân sự mới được thành lập gần đây. Một nghiên cứu của ông

Giáp vào tháng Tư 1947 với tiêu đề "Cuộc chiến tranh giải phóng của chúng tôi - Chiến lược và chiến thuật" đã lên án "những người nào đó" đã phản đối chiến lược chiến tranh du kích kéo dài với lý do rằng Việt Minh vẫn chưa có quân đội chính quy có khả năng duy trì một cuộc đấu tranh du kích, và rằng vì Việt Nam nhỏ hơn rất nhiều so với Trung Quốc, nên trong bất kỳ trường hợp nào đều sẽ cực kỳ khó khăn khi áp dụng chiến lược của Mao Trạch Đông ở Việt Nam, nơi kẻ thù có thể kiểm soát tất cả các thành phố và các tuyến thông tin, bằng cách đó có thể vô hiệu hóa phong trào kháng chiến. Ngoài ra, "những người nào đó" này cho rằng, nhìn vào phạm vi hoạt động tiềm tàng của quân địch và sự lạc hậu của nền kinh tế Việt Nam, có thể thấy sẽ vô cùng khó khăn để tạo ra một quân đội quốc gia có khả năng chiến thuật. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Trường Chinh đang xem xét một số vấn đề tương tự trong một chỉ thị về tổ chức đối với Đảng Cộng sản Đông Dương được ban hành ngày 22 tháng Mười hai 1946, kêu gọi toàn quốc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, thiết lập liên minh với người Pháp chống thực dân phản động và xây dựng tình đoàn kết với Campuchia và Lào cùng tất cả các dân tộc bị áp bức trong khối Liên hiệp Pháp. Đảng phải bảo vệ người dân và thu phục được lòng dân. Mục tiêu hướng tới sẽ là làm cho kẻ địch đói, khát, què, mù, câm, điếc, mệt mỏi và chán nản. Cuộc kháng chiến sẽ gồm ba giai đoạn. Thứ nhất là *phòng ngự*, trong đó các thành phố lớn có thể sẽ trở thành "vườn không nhà trống", sau khi phát động kháng chiến sẽ bước vào giai đoạn *cầm cự*, lúc đó quân địch liên tiếp chịu tổn thất và cuối cùng là *phản công*. Có thể dễ hình dung rằng tháng Mười hai 1946, các sĩ quan quân đội dày dạn kinh nghiệm có thể đã muốn đưa lực lượng của họ vào một trận chiến thực sự tại Hà Nội, trong khi Tướng Giáp và ông Trường Chinh muốn để dành lực lượng này cho một cuộc đấu

tranh vũ trang lâu dài. Trong chỉ thị của mình, Trường Chinh đã phân biệt một số giai đoạn trong cuộc đấu tranh và nói về giai đoạn đầu tiên: "Giai đoạn phòng ngự: có thể vẫn bất đắc dĩ phải tạm thời bỏ những thành thị lớn sau khi kháng chiến quyết liệt ở đó. (Chú ý: phải luôn luôn quấy nhiễu những nơi tạm bợ)"[75]. Những trận đánh quyết liệt - có phải ông Giáp đã xem xét một cách nghiêm túc khả năng tham gia nhiều hơn của quân đội chính quy trong trận đánh bảo vệ Hà Nội?[76].

Lực lượng quân sự của Việt Nam tại Hà Nội bao gồm:

- Có ít nhất bốn tiểu đoàn đóng quân xung quanh Hà Nội và một tiểu đoàn nằm trong lòng thành phố để bảo vệ những công trình công cộng, trước hết là Phủ Chủ tịch. Đơn vị bảo vệ nơi ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chiến đấu anh dũng đêm 19 rạng ngày 20 tháng Mười hai và tất cả các chiến sĩ trong đơn vị đã hy sinh.
- Đội cảm tử với những nhiệm vụ đặc biệt như phá hủy xe bọc thép, có lẽ Lê Hồng là chính ủy, rất có thể đây là người đã báo cáo với Trần Quốc Hoàn. Họ đã đóng một vai trò tích cực trong cuộc tấn công lúc 20h00. Một nhân chứng người Pháp đã nhìn thấy tín hiệu tên lửa màu đỏ[77].
- Lực lượng dân quân tự vệ, dưới sự chỉ huy của Ban Chấp hành Trung ương, gồm khoảng 3.500 người, được tổ chức thành các tiểu đội và đại đội ở mỗi thành phố lân cận. Họ thực hiện các nhiệm vụ bắn phá không mấy hiệu quả vào tối 19 tháng Mười hai. Một số dân quân được những kẻ đào ngũ của quân đội Nhật Bản huấn luyện và có lẽ họ chịu trách nhiệm bắt giữ thường dân Pháp làm con tin[78]. Theo ông Giáp, chỉ huy của lực lượng tự vệ là Lê Trung Toàn[79].

Bây giờ chúng ta có thể quay lại câu hỏi chính: Quyết định cuối cùng được đưa ra ở cấp nào? Có phải ông Giáp đã khởi động cuộc

chiến vì ông hiểu sai mục đích trước mắt của Pháp, hay do quân tự vệ không tuân lệnh hủy bỏ kế hoạch? Đầu tiên, chúng ta hãy cùng xem xét những lập luận ủng hộ giả thuyết cho rằng các nhà lãnh đạo Việt Nam đã cố gắng vô vọng để hủy bỏ cuộc tấn công một khi họ biết rằng Blum đang trao cho Moutet một sứ mệnh hòa bình.

Trước hết, lời kêu gọi kháng chiến của ông Giáp và Hồ Chí Minh được đưa ra sau khi cuộc chiến đã bắt đầu, không phải là một tín hiệu tấn công như cuộc họp ở Vạn Phúc đã quyết định. Do đó, các đơn vị đồn trú khác của Pháp tại miền Bắc chỉ bị tấn công sau đó, như vậy làm mất hiệu ứng bất ngờ. Nếu ông Giáp luôn hoàn toàn quyết tâm tấn công vào lúc 20h00 thì có lẽ, theo đúng chỉ thị ông đã gửi đi sáng hôm đó, ông đã có thể lệnh cho các chỉ huy của ông đồng thời tấn công tất cả các đơn vị đồn trú của Pháp. Sự thất bại của quân đội trong việc đánh úp quân Pháp tại những nơi khác ngoài Hà Nội cho thấy những chỉ thị mà họ nhận được có vẻ rất khó hiểu. Ông Giáp phát lệnh đến tất cả các đơn vị quân đội phải chiến đấu trên mọi mặt trận, nhưng chỉ thị này chỉ được công bố sau 20h00[80]. Devillers thì cho rằng lúc đó là 21h30, đúng thời điểm quân Pháp bắt đầu phản công ở Hà Nội[81]. Tại sao đến tận ngày hôm sau, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với nội dung đã được thông qua tại cuộc họp ở Vạn Phúc, mới được phát trên Đài Phát thanh Bạch Mai?

Chúng ta cần xem xét kỹ hơn Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh và các tình huống liên quan đến việc tuyên bố Lời kêu gọi. Có ba điều lạ: điều thứ nhất liên quan đến nội dung của nó, đề cập khát khao hòa bình thay vì kêu gọi người dân đứng lên đấu tranh:

> Hỡi đồng bào toàn quốc!
>
> Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm![82]

Tại sao Chủ tịch Hồ Chí Minh lại sử dụng cả ba đoạn đầu tiên thay vì chỉ cần bắt đầu bằng "Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!"? Điều này như thể là Chủ tịch Hồ Chí Minh đang tự nhủ với bản thân mình, hoặc đang tìm cách biện minh cho hành động của mình. Đây là điều kỳ lạ đầu tiên. Thứ hai là việc Hồ Chí Minh không bao giờ ký vào Lời kêu gọi. Toàn bộ văn bản đều là chữ viết tay của Người; có năm từ do Lê Đức Thọ gợi ý tại cuộc họp ở Vạn Phúc được Trường Chinh viết thêm vào và cũng bổ sung thêm cả chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo các chuyên gia ở Hà Nội thì rõ ràng chữ ký của Hồ Chí Minh là do Trường Chinh viết. Điều lạ thứ ba là Lời kêu gọi chỉ được đọc trên đài phát thanh vào ngày hôm sau. Vì vậy, nó được đề ngày 20 tháng Mười hai trong bộ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Các nguồn tài liệu đưa ra các thời điểm khác nhau về việc phát đi Lời kêu gọi. Devillers khẳng định chỉ trong ngày 21 tháng Mười hai. Tuy nhiên, người Pháp báo cáo về Paris

vào ngày 21 tháng Mười hai rằng Đài Phát thanh Bạch Mai đã im ắng trong suốt 24h, từ ngày 19 đến 20 tháng Mười hai, và Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được phát thanh trong suốt buổi tối 20 tháng Mười hai và được phát lại vào sáng hôm sau. Trần Trọng Trung - người viết tiểu sử của ông Giáp khẳng định ông Giáp đã nghe thấy Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đài phát thanh ở làng Tây Mỗ vào buổi sáng ngày 20 tháng Mười hai[83]. Đài Phát thanh quốc gia Việt Nam đặt tại Bạch Mai, cũng là nơi đặt sở chỉ huy quân sự của ông Giáp. Tại sao Lời kêu gọi không được phát đi vào lúc 20h00 ngày 19 tháng Mười hai, cùng thời điểm phát tín hiệu tấn công ở khắp nơi như cuộc họp tại Vạn Phúc đã quyết định? Các sử gia của Hà Nội cho rằng đó là do vấn đề kỹ thuật.

Có lẽ vậy.

Có thể nói thêm rằng các nhân viên của cơ quan ngôn luận của Việt Minh, tờ *Cứu quốc*, ngày 19 tháng Mười hai nói rằng báo vẫn ra bình thường vào ngày hôm sau. Người Pháp sau đó phát hiện tờ *Cứu quốc* số ra ngày 20 tháng Mười hai có một tuyên ngôn từ Ủy ban Việt Minh tại Hà Nội nói về những bước *chuẩn bị* cho cuộc đấu tranh: "Thời điểm quyết định đã đến! Mặt trận Việt Minh ở Hà Nội kêu gọi đồng bào hãy giữ bình tĩnh và xây dựng một liên minh vững chắc nhất có thể và tự chuẩn bị hiệu quả hơn để đứng lên một khi mà chỉ thị của chính phủ được tiếp nhận"[84].

Vấn đề phức tạp tiếp theo là hành vi của quân đội chính quy. Tiểu đoàn phối hợp với lực lượng tự vệ trong thành phố bảo vệ những công trình công cộng và chuẩn bị cho việc bảo vệ lâu dài những khu dân cư của người Việt Nam và Hoa kiều. Tại sao lực lượng chính quy đóng quân ở ngoại ô thành phố lại không tham gia vào cuộc tấn công lúc 20h00? Chỉ thị nghiêm ngặt mà Ngô Văn Chiếu nhận được để thực hiện những mệnh lệnh cá nhân từ ông Giáp hoặc từ hai trợ lý của ông cho thấy ông Giáp không hoàn toàn

tin tưởng vào cấp dưới của ông. Có lẽ, so với hành động của đội tự vệ thì những hành động của quân đội chính quy có kỷ luật hơn phản ánh rõ hơn ý định của ông Giáp. Quân đội chính quy đã làm gì ở nội thành và ngoại thành Hà Nội sau 20h00? Báo cáo đầu tiên của Pháp gửi Sài Gòn cho biết điện đã bị cắt và "hành động của Việt Minh" đã bắt đầu[85]. Trong bức điện tiếp theo, điện đã bị cắt và hỏa lực từ súng cối và các vũ khí tự động của Việt Nam "xuất hiện đồng thời ở khắp nơi"[86]. Một bức điện ngày 21 tháng Mười hai cho biết thêm rằng các đơn vị quân đội chính quy trong tòa nhà Compagnie Yunnan (ở Hà Nội) đã bắt đầu nổ súng vào Cơ quan liên lạc trung tâm từ 20h05[87]. Nếu đúng như vậy, điều này có nghĩa là ít nhất một đơn vị quân đội đã nổ súng trước khi quân Pháp phản công nhưng cuộc tấn công đó có thể là do một hành động tự phát cục bộ. Ngô Văn Chiếu ghi trong nhật ký của mình rằng có khoảng 50 đồng chí trẻ tuổi đã đi qua vị trí của ông vào lúc 18h30 và một đồng chí trong số đó đã hô vang: "Sẽ sớm thôi các đồng chí. Chiến thắng sẽ thuộc về chúng ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!". Một lát sau, Ngô Văn Chiếu nhìn thấy những chiến sĩ tự vệ khác rời một ngôi nhà, mang súng săn, một đồng chí còn mang theo thanh kiếm lưỡi cong lớn. Ông sợ rằng họ có thể coi thường chỉ thị và hỏi người chỉ huy trung đoàn xem họ làm gì. Câu trả lời là: "Ông muốn làm gì? Bắn bọn họ à?"[88]. Vào hồi 19h20, chỉ huy đơn vị lân cận nói với Chiếu rằng quân Pháp đã được triệu hồi trở lại doanh trại và ông ta cho rằng "vì kế hoạch đêm nay". Vì vậy, 40 phút trước khi điện bị cắt, ít nhất một vài đội quân chính quy đã không nhận được bất kỳ chỉ thị mới nào kể từ chỉ thị hủy bỏ cuộc tấn công. Đơn vị của Ngô Văn Chiếu nhận được những chỉ thị mới vào lúc 19h50, yêu cầu đơn vị phải đi quanh thành phố và chọn một vị trí trên đường đi Hải Phòng.

Vấn đề thứ ba là quân tự vệ có lẽ đã được tổ chức kém. Lực lượng này ra đời sau sự sáp nhập giữa Việt Minh và các nhóm tự vệ của Việt Nam Quốc dân Đảng do ông Giáp gây dựng vào cuối tháng Tám. Một báo cáo không đề ngày tháng của Việt Nam rơi vào tay người Pháp sau ngày 19 tháng Mười hai kết luận rằng đội tự vệ ở Hà Nội "là một tổ chức phức tạp, thiếu khả năng kiểm soát và rất khó để tái tổ chức. Nhưng với sự giúp đỡ của các đội Việt Minh, chúng ta nên mong đợi khả năng có thể tập hợp lực lượng này cho sự nghiệp của chúng ta"[89]. Đa phần các chiến sĩ tự vệ không được huấn luyện quân sự. Mỗi chỉ huy nhóm và tiểu đội đều trải qua hai khóa huấn luyện lần lượt diễn ra trong hai ngày và ba ngày. Một cuộc họp của Ủy ban kháng chiến Hà Nội vào ngày 18 tháng Mười đã quyết định nâng cao chất lượng tập huấn. Hà Nội được chia ra làm bảy khu, mỗi khu chọn ba người tham gia một khóa học cơ bản. Sau đó, những người này sẽ tham gia huấn luyện 100 chiến sĩ của họ. Nhiệm vụ chính của đội tự vệ là bảo vệ những vùng lân cận của mình. Do đó, vai trò chính của họ là phòng thủ, nhưng mỗi khu cũng chỉ hy vọng tuyển đủ quân số cho một đội cảm tử và họ sẽ được huấn luyện theo các phương pháp du kích và các chiến lược tấn công nào đó, đáng chú ý là việc phá hủy những chiếc xe bọc thép. Trong một tài liệu được gửi tới một cuộc họp của Việt Minh ở địa phương ngày 24 tháng Mười 1946, chỉ có 217 chiến sĩ tự vệ là các thành viên của Việt Minh[90]. Trong một thông tư gửi tới các chỉ huy quân tự vệ địa phương ngày 12 tháng Mười hai, các đồng chí chỉ huy được yêu cầu báo cáo về tinh thần, quan điểm và khát khao của các chiến sĩ tự vệ Việt Nam dưới quyền họ, và báo cáo liệu có ai trong số các chiến sĩ này là "kẻ phản động" hay không[91].

Một số "kẻ phản động" này coi sự đối đầu Pháp - Việt là cách duy nhất để tống khứ Việt Minh và hy vọng sự can thiệp Trung - Mỹ sẽ lật đổ cả người Pháp cũng như những người cộng sản.

Moret, đứng đầu Sở Mật thám ở Hà Nội ghi chép về ngày 9 tháng Mười hai rằng tầng lớp thượng lưu "trong khi dự tính về triển vọng chiến tranh tại Hà Nội với sự khiếp đảm, song cũng hy vọng chiến tranh sẽ đến một cách nhanh chóng vì đây sẽ là cách duy nhất để họ tồn tại". Trong những tuần trước ngày 19 tháng Mười hai, người Pháp đã gặp gỡ nhiều đối tượng chống cộng ở Hà Nội và Huế. Theo một báo cáo sau này của Sainteny, có hai xu hướng: "Xu hướng Việt Nam Quốc dân Đảng - Đại Việt với chủ nghĩa dân tộc khá hẹp hòi và những người rất khó tiếp cận; xu hướng thứ hai là xu hướng quân chủ - Công giáo và những người mà chủ nghĩa dân tộc của họ tinh tế hơn". Xu hướng thứ hai được chia thành một phe cánh tả (Nguyễn Mạnh Hà); một phe truyền thống, quân chủ và tương đối thân Pháp (Nguyễn Đệ, Trần Văn Lý); và một phe dân tộc chủ nghĩa kịch liệt mà nếu trốn tránh sự kiểm soát của Pháp, "có thể chống lại chúng tôi" (Ngô Đình Diệm). Sainteny nói Ngô Đình Diệm đã tự đặt mình vào giao điểm của tất cả các xu hướng khác nhau chống lại Việt Minh và ông đã cho Diệm một "tên mật mã" (Jacob), đùa giỡn với ý tưởng Diệm có thể đóng một vai trò nào đó ở Hà Nội hoàn toàn không liên quan đến Việt Minh, dám chắc rằng "hầu hết mọi âm mưu ràng buộc chặt chẽ với nhau... hoặc xuất phát từ Diệm hoặc thông qua Diệm"[92].

Xu hướng Việt Nam Quốc dân Đảng - Đại Việt đã giảm. Các nhà lãnh đạo Đại Việt như các cựu cộng tác viên của Nhật Bản là Trần Văn Lai, Đào Trọng Kim, Phạm Khắc Hòe và Hoàng Xuân Hãn đã bị người Pháp giam lỏng sau ngày 19 tháng Mười hai. Các nhà lãnh đạo chóp bu của Việt Nam Quốc dân Đảng như Vũ Hồng Khanh, là người đã ký thỏa thuận ngày 6 tháng Ba với Hồ Chí Minh và Sainteny cùng nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam, đã ẩn náu tại Trung Quốc. Ông Khanh sang từ tháng Bảy, còn ông Tam phải đến cuối tháng Mười một. Tuy nhiên, một

số nhà hoạt động Việt Nam Quốc dân Đảng vẫn còn ở lại Hà Nội. Với sự vắng mặt của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạt động Việt Nam Quốc dân Đảng "xem chúng tôi như hy vọng cuối cùng của mình", Sainteny nói. Ngay từ đầu tháng Mười, hai đại diện của Việt Nam Quốc dân Đảng (Trần Trọng Dung, Phạm Gia Đỗ) đã "tìm ra con đường dẫn tới chức Ủy viên Cộng hòa"[93]. Cũng có một nhân vật quan trọng khác tại Hà Nội: Nghiêm Kế Tổ, người đã giữ chức Thứ trưởng Ngoại giao thời kỳ Nguyễn Tường Tam là Bộ trưởng. Từ tháng Ba đến tháng Bảy 1946, Tam và Tổ chịu trách nhiệm về công tác ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vào tháng Tư, với sự chấp thuận của Hồ Chí Minh, họ đã phái Bảo Đại, hoàng đế cuối cùng của Việt Nam, tới Trung Quốc để thực hiện một sứ mệnh vô ích là cố gắng thuyết phục Tưởng Giới Thạch duy trì một số quân ở Việt Nam. Khi Trung Quốc rút hết lực lượng, Tổ đã ở lại. Vào tháng Mười, sau khi thoát qua kẽ hẹp một vụ mưu sát, ông đã biến mất với hộ chiếu Trung Quốc mang tên Lý Hải Kwang. Hồ sơ của Pháp không nói liệu ông ta có thể liên lạc với Nguyễn Tường Tam ở Nam Kinh hay không[94]. Ngày 19 tháng Mười hai, ngay sau khi khai chiến, Nghiêm Kế Tổ đã bị Sở Mật thám Pháp bắt giữ. Sở Mật thám đã theo dõi ông trong một thời gian dài nhưng ông từ chối đóng bất kỳ vai trò chính trị nào trong vùng lãnh thổ mà Pháp chiếm đóng. Sainteny phàn nàn hồi tháng Giêng rằng Tổ chỉ muốn là một công dân Trung Quốc bình thường. Tuy nhiên, Nghiêm Kế Tổ sau này lại đóng vai trò lãnh đạo chủ chốt của một Việt Nam Quốc dân Đảng đã suy yếu đi rất nhiều[95].

Pignon có thể đã nghĩ đến Nghiêm Kế Tổ khi ngày 17 tháng Mười hai, ông ta khẳng định rằng Việt Nam Quốc dân Đảng đang hoạt động bí mật ở Hà Nội và đang thâm nhập vào đội tự vệ với ý định chống Pháp "nhằm gây khó dễ cho các nhà lãnh đạo Việt Minh"[96]. Sainteny và Morlière lúc đó đang triển khai một chiến

dịch tuyên truyền với mục đích là khiến quân đội chính quy Việt Nam quay lưng lại với quân tự vệ[97], Morlière đã bám sát chiến dịch này trong ngày 19 tháng Mười hai, yêu cầu quân tự vệ phải hạ vũ khí. Câu trả lời của Hoàng Hữu Nam với Morlière hứa hẹn rằng điều này sẽ được Chính phủ Việt Nam thảo luận vào ngày hôm sau. Có phải quân tự vệ sợ bị chính phủ đánh lừa? Qua chỉ thị của ông Giáp vào buổi sáng, các chỉ huy biết rằng chính phủ đã từ chối yêu cầu của Pháp là hạ vũ khí quân tự vệ. Ông Giáp nói trong chỉ thị rằng Pháp có thể trông đợi dân quân tự vệ sẽ hạ vũ khí trong vòng 24h tới. Những người đứng đầu đội tự vệ đã nghĩ gì khi họ biết rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tướng Giáp đã sẵn sàng thảo luận những yêu cầu của Pháp? Có lẽ nào họ lại quyết định xem nhẹ chỉ thị hủy bỏ của ông Giáp?

Một thực tế đáng lo ngại hơn dường như cho thấy rằng cuộc tấn công đã không theo kế hoạch định trước: vào ngày 19 tháng Mười hai, nhân viên Văn phòng Chính phủ tại Hà Nội (Văn phòng khu vực phía bắc, Bắc Bộ Phủ) vẫn tiếp tục công việc thường ngày của họ, sắp xếp hồ sơ tài liệu mãi đến tận 18h00 và thậm chí còn không tìm cách hủy đi những tài liệu nhạy cảm (mà chính vì thế, ngày hôm nay các tài liệu này có thể được nghiên cứu trong kho lưu trữ của thực dân Pháp tại Aix-en-Provence)[98].

Ai đã ra lệnh cắt nước và điện vào ngày 19 tháng Mười hai? Ngô Văn Chiếu viết trong nhật ký của mình rằng vào hồi 20h00, đội tự vệ đang bảo vệ nhà máy điện đã "phát lệnh báo động"[99]. Có thể có ai đó đã trà trộn vào đội tự vệ đang bảo vệ nhà máy điện? Đội tự vệ đã bị Việt Nam Quốc dân Đảng trà trộn vào; được tổ chức kém; và bị đe dọa phải giải trừ quân bị. Ba yếu tố này có thể gây khó khăn cho họ trong việc tuân theo chỉ thị hoãn cuộc tấn công đã định. Mặc dù vậy, có vẻ như cường điệu khi hình dung rằng một mạng lưới những kẻ xâm nhập trà trộn, có hoặc không có sự hỗ trợ

của Pháp, tự mình đưa ra tín hiệu "báo động" khởi đầu toàn bộ hành động bắn phá, đặt mìn, tàn sát và bắt cóc đã xảy ra ngay sau 20h00.

Cho đến lúc này, chúng ta đã mệt mỏi với giả thuyết cho rằng ông Giáp đã cố hủy bỏ cuộc tấn công nhưng đã thất bại. Có rất nhiều thực tế gây băn khoăn nhưng không một điều gì được chấp nhận là bằng chứng trước tòa án pháp luật. Chúng ta hãy cùng chuyển sang bằng chứng cho thấy rằng cuộc tấn công đã diễn ra là kết quả của một quyết định có ý thức giữa các nhà lãnh đạo hàng đầu (Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp) tại cuộc họp tại Vạn Phúc. Giả thuyết là khi đó ông Giáp không cố hủy bỏ cuộc tấn công, ngược lại, lại tiếp tục thực hiện quyết định tại Vạn Phúc một cách nghiêm túc bất chấp có tin rằng Blum đã quyết định phái Moutet đến Hà Nội, mang theo sứ mệnh hòa bình.

Thứ nhất, đây là những gì mà các sử gia Việt Nam khẳng định ngày hôm nay và những gì mà chính ông Giáp đã xác nhận trong hồi ký của mình. Giải thích của ông hầu như đã được chấp nhận trong mọi tài liệu gần đây, kể cả ở Việt Nam lẫn nước ngoài. Tuy nhiên, chúng ta không thể coi những gì ông Giáp cũng như các sử gia của Đảng và quân đội Việt Nam kể ra là sự thật, toàn bộ sự thật và không có gì ngoài sự thật. Dường như là điều đương nhiên khi cách giải thích được chấp nhận là cách giải thích mà trong đó, Đảng và chỉ huy quân đội nắm quyền kiểm soát hoàn toàn, mọi người đều thống nhất với nhau và làm mọi việc theo kế hoạch.

Thứ hai, Bưu điện Hà Nội cho biết lúc 7h tối, cuộc tấn công sẽ xảy ra. Trong một bức thư nội bộ của Việt Nam đề ngày 23 tháng Mười hai, "chính ủy của cuộc chiến" tại bưu điện trung tâm Hà Nội (với nhiệm vụ có thể là phát đi cảnh báo tới những người khác bằng điện tín một khi cuộc chiến đã bắt đầu) nói rằng ông đã được chính ủy tiểu đội địa phương trực thuộc lực lượng bảo vệ quốc gia

cảnh báo về cuộc chiến không lâu sau 7h tối[100]. Nếu người chính ủy này thực hiện chỉ thị của ông Giáp, điều này có nghĩa là ông Giáp không bao giờ do dự hoặc ông đã thay đổi quyết định nhiều lần.

Thứ ba, những hành động của Pháp vào cuối buổi chiều lại làm dấy lên lo ngại về một cuộc đảo chính sắp xảy ra. Bắt đầu từ khoảng 5h chiều, các binh lính và sĩ quan Pháp bắt đầu tản ra khắp thành phố rồi lại biến mất khỏi những con phố. Khi biết điều này, ông Giáp có thể đã nghĩ rằng Morlière đang lừa dối người đại diện của ông là Hoàng Hữu Nam khi nói rằng quân đội Pháp sẽ được nghỉ ngơi bên ngoài các doanh trại. Và ông có thể đã nhận được tin này trong khi ông đang cố gắng thuyết phục quân đội của ông rằng dù sao thì vẫn cần kiên nhẫn hơn; Chủ tịch Hồ Chí Minh cần thêm thời gian để xác định những gì vị thủ tướng mới của Pháp sẽ làm. Không lâu sau khi quân Pháp được triệu hồi về doanh trại, ông Giáp nhận được báo cáo cho biết xe bọc thép của Pháp đã xuất hiện tại năm địa điểm chiến lược, và một nhóm thường dân Pháp tại Khách sạn Métropole, mà theo thông báo của các phục vụ phòng là phải giấu súng dưới giường của mình, đang chiếm giữ các vị trí trong một nhà hàng đối diện chỗ ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh[101]. Tin tức hay tin đồn này có thể đã khiến ông Giáp nghĩ rằng Pháp đang sắp hành động, hoặc buộc quân tự vệ hạ vũ khí hoặc bắt giữ các nhà lãnh đạo Việt Nam. Nếu ông Giáp tự thuyết phục mình tin rằng vào một thời điểm từ 18h30 đến 20h03, quân Pháp có thể sắp tấn công, thì để không mất đi thế chủ động, ông có thể đã quyết định lệnh cho quân của ông hành động, ngay cả khi phải phát động một chiến dịch được phối hợp một cách yếu kém. Ông có thể đã quyết định đi cùng những gì giống như dòng chảy của lịch sử thay vì cố gắng để thay đổi tiến trình của lịch sử. Sau đó, ông Giáp đã phải thay đổi quyết định hai lần: vào buổi sáng và đầu giờ chiều, ông đã lên kế hoạch tấn công; vào cuối

giờ chiều (sau khi biết rằng Blum sẽ phái Moutet tới và biết về hứa hẹn của Morlière cho quân Pháp nghỉ ngơi tối hôm đó), ông còn ngần ngại; và vào buổi tối (khi lính Pháp được triệu hồi về doanh trại và những chiếc xe bọc thép đã chiếm những vị trí chiến lược), ông lại quyết định tiếp tục cuộc tấn công. Bất kể việc ông Giáp có do dự hay không, thì trong nhật ký của mình, dường như ông đang nói sự thật về trách nhiệm với lịch sử:

> Tín hiệu tấn công sẽ là việc cắt điện, tiếp đến là việc bắn đại bác từ Pháo đài Láng nằm ở ngoại ô [thành phố]. Với cách này, bóng tối sẽ ủng hộ chúng ta. Điều này không dễ thực hiện. Trên thực tế, theo hiệp ước quân sự, Nhà máy điện Yên Phụ được bảo vệ bởi một lực lượng hỗn hợp Việt - Pháp. Chúng ta phải bí mật mở đầu bằng một lượng vật liệu nổ ngay trước thời điểm đã định. Nếu quân địch phát hiện ra, điều này sẽ được coi là cái cớ để địch chiếm lấy nhà máy và giành thế chủ động tấn công chúng ta trên toàn thành phố[102].

Tuy nhiên, ở đây, sử gia Võ Nguyên Giáp đã hiểu sai kẻ thù xưa của ông đúng như cách Tướng Giáp đã hiểu lầm ý định của người Pháp vào ngày 19 tháng Mười hai. Người Pháp cần một lý do hợp lý hơn nhiều nếu như họ định khởi động một cuộc chiến tổng lực của mình. Họ không thể viện cớ khám phá ra một âm mưu để rồi sử dụng thuốc nổ trong nhà máy phát điện vì Chính phủ Pháp cấm họ khởi chiến. *Họ cần Tướng Giáp hành động trước.*

Các nhà máy nước và trạm điện đóng vai trò quan trọng trong việc khai chiến, đặc biệt là Nhà máy điện Yên Phụ; bóng tối đột ngột bao trùm vào lúc 20h03 đã khiến mọi người đều chú ý. Trong chương trước, chúng ta nói rằng, ngay trước ngày 19 tháng Mười hai, tình báo Pháp đã biết được kế hoạch của Việt Nam về cuộc tổng tấn công sẽ bắt đầu bằng việc cắt nguồn điện và nước. Chúng ta cũng biết rằng các nhà hoạch định hoạt động của Valluy tại Sài Gòn đã lên kế hoạch cắt đứt mọi đường dây điện thoại tại Hà Nội

vào giai đoạn mở đầu cuộc đảo chính mà họ đang chuẩn bị, có thể cắt các đường dây theo kiểu cơ học hoặc tăng điện thế (mặc dù phương pháp thứ hai sẽ gây thiệt hại lâu dài)[103]. Nhà máy điện Yên Phụ cũng như các nhà máy nước đều nằm giữa hồ Trúc Bạch và sông Hồng, phía bắc thành Hà Nội. Đây là khu vực mà quân Pháp đã triển khai chiến dịch tháo dỡ rào chắn, ụ cản rầm rộ nhất trong những ngày trước ngày 19 tháng Mười hai.

Một trong những báo cáo từ Sở Mật thám của Moret đã mô tả chính xác những gì xảy ra khi chiến tranh bùng nổ: "Ngày 19 tháng Mười hai 1946..Vào hồi 20h00, quân Việt Minh đã làm nổ bộ kích điện của tuốcbin tại trạm điện và cắt nước toàn thành phố". Một báo cáo khác của Sở Mật thám còn chi tiết hơn: ba quả bom hay thuốc nổ đã nổ trong trạm phát điện "sau khi những bộ dao điện đã bị đổ axít phá hoại". Làm cách nào Việt Minh có thể xâm nhập vào nhà máy điện và tìm ra cách phá hoại nó?

Nhà máy điện được phối hợp quản lý bởi người Pháp và người Việt Nam. Từ lâu, nhà máy đã được đặt dưới sự bảo vệ của một lực lượng hỗn hợp Pháp - Việt. Trong buổi sáng ngày 17 tháng Mười hai, một sự cố nghiêm trọng đã xảy ra; một bảo vệ người Pháp đã giết đồng nghiệp Việt Nam. Các công nhân trong nhà máy đã tổ chức đình công phản đối, nhưng sau đó họ lại tiếp tục công việc của mình với sự thuyết phục của Chính phủ Việt Nam. Ngày 19 tháng Mười hai, theo hồi ký của ông Giáp, công nhân tại nhà máy điện - là các thành viên của nhóm tự vệ tại đó và hoạt động dưới sự chỉ đạo của một người tên Giang, "đã thành công một cách phi thường trong việc làm nổ tung các máy phát điện vào thời điểm đã định"[104].

Sau ngày 19 tháng Mười hai, Giám đốc Nhà máy điện Yên Phụ Hoàng Văn Ngọc đã bị cảnh sát quân sự Pháp bắt giữ sau khi bị người đồng quản lý là Cavalin tố cáo. Thật tiếc là chúng ta

không biết lời cáo buộc trong chuyện này là gì, nhưng chỉ huy của Sở Mật thám, Moret đã can thiệp để giải thoát cho Hoàng Văn Ngọc, viện dẫn quan điểm "chống Việt Minh" của người giám đốc Việt Nam và ca ngợi sự giúp đỡ quý giá của ông đối với Sở Mật thám. Để tăng thêm trọng lượng cho lời nói của mình, Moret, người bị Pignon xúi giục, sau đó được thăng chức đặc biệt vì "sự thận trọng" của mình vào tháng Mười hai 1946, nói thêm: "Ông Pignon biết về điều đó". Giám đốc điện lực Pháp, ông Cavalin không vui khi biết người đồng cấp với mình không bị trừng phạt và ông đã quyết định tự mình thi hành luật pháp. Ngày 23 tháng Mười hai, ông cùng một nhân viên người Pháp đến nhà Hoàng Văn Ngọc và bắn vào cổ họng làm giám đốc người Việt bị thương[105]. Có lẽ, đây chỉ là một mâu thuẫn cá nhân, nhưng có vẻ đáng ngờ về vai trò thiết yếu của nhà máy điện bốn ngày trước đó. Ai cũng băn khoăn liệu có phải viên giám đốc người Việt đã phạm tội nhắm mắt làm ngơ, đụng độ với Sở Mật thám Pháp và cho phép đặc vụ của ông Giáp mang thuốc nổ vào nhà máy điện. Nếu ông ta để nhà máy bị phá hoại, thì thực tế là ông ta đã đồng thời giúp đỡ cả ông Giáp lẫn Pignon. Hành động như thế cũng có thể làm hài lòng những người theo chủ nghĩa dân tộc chống cộng mà muốn Pháp và Việt Minh giao chiến với nhau để dọn đường cho chủ nghĩa dân tộc phi cộng sản.

Tuy nhiên, cuối cùng thì chính những người cộng sản đã chiến thắng. Tám năm sau khi quay trở lại Hà Nội sau chiến thắng Điện Biên Phủ và ký kết Hiệp định Giơnevơ, một trong những nơi đầu tiên mà ông Giáp đến thăm tại thủ đô chính là Nhà máy điện Yên Phụ: "Tôi đã bắt tay các công nhân rất lâu... họ là những người mà trong đêm 19 tháng Mười hai 1946 đã làm nổ tung các máy phát điện, phát tín hiệu cho cuộc tổng tấn công"[106].

VIỆC ĐÃ RỒI

Thậm chí đến tận ngày hôm nay, chúng ta vẫn chưa có đủ bằng chứng để đi đến kết luận cuối cùng là liệu có phải cuộc tấn công được thực hiện bất chấp những chỉ thị của tư lệnh tối cao hay liệu Tướng Giáp và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hay chỉ có Tướng Giáp, đã cố gắng thu hồi lệnh tấn công vào một thời điểm sau 16h00, và sau đó không giữ lệnh hủy bỏ và lại ra lệnh tấn công sau 17h00... Tinh thần của thanh niên Việt Nam lúc đó là sự thôi thúc mạnh mẽ chống Pháp, trả thù cho những người đã hy sinh và giải phóng Tổ quốc quê hương. Điều bí ẩn về những gì đã xảy ra về phía Việt Nam từ 17h00 đến 20h00 có lẽ sẽ không bao giờ được làm sáng tỏ[107].

Nếu trách nhiệm cho quyết định cuối cùng vẫn còn chưa rõ rệt thì rõ ràng là tất cả các lãnh đạo cao nhất đều biết cuộc tấn công đã được chuẩn bị. Trong hồi ký của mình, ông Giáp kể rằng nhiều kế hoạch hành động khác nhau đã được tính đến. Một cố vấn người Nhật đã đề xuất cài một chiến sĩ đặc công vào thành Hà Nội và trực tiếp tấn công Sở Chỉ huy của Morlière. Ý kiến này bị gạt đi vì quá mạo hiểm, và ông Giáp chưa có một đơn vị huấn luyện phù hợp cho nhiệm vụ liều lĩnh như vậy. Giải pháp rút khỏi thành phố mà không chiến đấu và tổ chức một cuộc phản công từ các căn cứ trong nội địa đã được tất cả các nhà lãnh đạo kháng chiến Việt Nam lựa chọn trước đây, bất cứ khi nào Thăng Long (Hà Nội) bị tấn công. Lựa chọn này được xem xét một cách kỹ lưỡng, nhưng nó cũng đồng nghĩa là đánh mất cơ hội để cho người dân thấy một tấm gương anh hùng. Trong hồi ký, ông Giáp nói điều này rất quan trọng, Hà Nội luôn đi đầu trong kháng chiến toàn quốc. Mặc dù Hà Nội, nơi quân Pháp tập trung lực lượng lớn và được trang bị tốt, không có hy vọng chiến thắng bằng cách chủ động khởi chiến rồi sau đó bảo vệ khu vực Hoa kiều trong thành phố càng lâu càng tốt trước khi rút lui, nhưng lực lượng Việt Nam ở thủ đô đã tạo ra

cho thế hệ trẻ Việt Nam một tấm gương anh hùng, đóng góp tích cực vào việc xây dựng một đội quân vững mạnh ở hậu phương. Chiến đấu ở chính thủ đô của đất nước cũng có thể củng cố tính hợp pháp nội bộ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và khiến cho những "kẻ phản bội" phải hổ thẹn vì đã câu kết với người Pháp lập nên một chính phủ khác. Người Pháp có thể cũng tính đến giải pháp rút lui phòng ngự theo kiểu từ bỏ tự nguyện, hủy bỏ mọi hiệp ước trước kia và tìm kiếm những người đại diện địa phương có khả năng quản lý tốt để hợp tác. Đây là một số lý do ông Giáp đã đưa ra để giải thích cho lựa chọn của ông trước khi phát đi chỉ thị có tính chất sống còn vào sáng ngày 19 tháng Mười hai. Bằng cách này, người anh hùng từng xông pha trận mạc đã tìm cách nêu bật ý nghĩa của những việc làm của ông khi còn trẻ[108]. Theo cách giải thích của ông, mọi việc đều diễn ra theo kế hoạch và ông hầu như không đề cập các khía cạnh ngoại giao của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Chính phủ Việt Nam không có nhiều lựa chọn hồi tháng Mười hai 1946. Sự kiện Pháp xâm chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn cũng như áp lực của Sainteny và Morlière đã dồn Việt Nam vào chân tường. Nhưng có một giải pháp mà có vẻ như bộ não quân sự của ông Giáp không hề xem xét đến. Chính phủ có thể đã chọn giải pháp ở yên tại Hà Nội, chờ đợi thêm một chút để Blum thực hiện chính sách của mình, đón tiếp Moutet ở Hà Nội và viện dẫn cho ông ta thấy những lý do phù hợp để thay thế d'Argenlieu ở vị trí Cao ủy...

Người Pháp ở Đông Dương đang chơi với lửa. Họ liên tục tăng áp lực đối với Hồ Chí Minh, đồng thời kích động người dân Việt Nam thông qua tuyên truyền, khiêu khích và các hành động trả đũa trên đường phố. Mục đích là ép Hồ Chí Minh cắt đứt quan hệ hay kích động chia rẽ "những người ôn hòa" và "những kẻ cực đoan". Pignon và d'Argenlieu lựa chọn giải pháp đầu tiên và đã chiến thắng.

Với sự khuyến khích nào đó của Valluy, Sainteny mạo hiểm với lựa chọn thứ hai, hy vọng giành lấy người bạn của mình là Hồ Chí Minh cho người Pháp. Sainteny chính là miếng mồi trong cái bẫy mà Pháp giăng ra và ông ta đã bị "ăn thịt". Những người đánh bẫy ở Sài Gòn không chỉ chống lại Việt Nam, họ còn tìm cách đánh bẫy chính phủ của họ tại Paris. Đây là một cuộc đua chống lại thời gian để ngăn chặn thủ tướng mới của Pháp cản trở tiến trình dẫn tới chiến tranh. Khi ánh đèn vụt tắt tại Hà Nội, một thông điệp cá nhân gửi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh có chữ ký của Thủ tướng Léon Blum đang nằm trên bàn của Valluy tại Sài Gòn. Valluy vẫn để nó ở đó chừng nào mà ông ta còn đủ can đảm trước khi hoàn thành bổn phận của mình và gửi nó đến đúng người nhận. Sáng ngày 20 tháng Mười hai, Valluy thông báo với Paris rằng khi ông ta sắp chuyển thông điệp của Blum tới Hồ Chí Minh thì ông nhận được tin tức kinh hoàng từ Hà Nội. Bấy giờ, "trong mọi trường hợp... tuy nhiên, bất chấp những sự kiện xảy ra", ông ta sẽ cố chuyển tới người nhận. Hồ Chí Minh nhận được thông điệp này từ một người đưa tin và ngay lập tức đã viết hồi âm. Tuy nhiên, Sainteny xét thấy lá thư hồi âm này không cần được chuyển tiếp tới Thủ tướng Pháp và cho rằng Hồ Chí Minh nên hiểu việc đó[109].

Blum đã nhìn thấy d'Argenlieu tại trụ sở của ông ta ở Paris vào buổi sáng ngày 19 tháng Mười hai, trước khi viên đô đốc lên đường đến Tunis và Cairo trên hành trình trở lại Sài Gòn. Cựu thành viên SFIO trình bày cho viên đô đốc thân de Gaulle triết lý nhân văn liên quan đến tương lai của Liên hiệp Pháp. Viên cao ủy được tái khẳng định bằng sự hỗ trợ mà ông ta nhận được từ de Gaulle hai ngày trước và không mủi lòng trước những ý tưởng cao quý của Blum nên đã quả quyết với Blum về thỏa thuận đầy đủ của mình. Đây chí ít là điều Blum đã nói với báo giới sau đó[110]. Paris được thông báo về những sự kiện tại Hà Nội vào quãng buổi trưa ngày

20 tháng Mười hai, tức là khoảng 23h sau (căn cứ vào sự khác biệt múi giờ chênh nhau 7 tiếng đồng hồ)[111]. Blum ngay lập tức nghi ngờ có sự dối trá và đã lệnh gấp cho Valluy thương lượng đình chiến "nếu có thể mà không phải thỏa hiệp bằng vị trí của quân đội và thường dân Pháp". Ông đã yêu cầu Tham mưu trưởng Alphonse Juin ký vào lệnh này. Ông cũng thông báo cho Valluy rằng Moutet sẽ đến ngay để "cố gắng ngăn chặn sự bùng nổ chiến sự cuối cùng". Juin hỏi Valluy thông tin chính xác về những gì đã xảy ra và những gì đã thôi thúc Pháp chiếm đóng những công trình công cộng vào ngày 18 tháng Mười hai. Đồng thời, Valluy được yêu cầu chuyển một bức điện mới tới Hồ Chí Minh, có chữ ký của cả Blum lẫn Moutet, nội dung bức điện là cầu xin Chủ tịch Hồ Chí Minh chấm dứt chiến sự phía Việt Nam. Blum và Moutet khẳng định với Hồ Chí Minh về khát khao gìn giữ hòa bình và áp dụng những thỏa thuận trước đây, giá mà khát khao đó được đáp ứng một cách công bằng. Tuy nhiên, không một hành động vi phạm thỏa thuận nào sẽ được tha thứ[112].

Trong khi chỉ thị gửi Valluy và thông điệp gửi Hồ Chí Minh được chuyển tới Sài Gòn thì Moutet tuyên bố tại Quốc hội Pháp rằng nếu có thể, chính phủ sẽ bảo vệ lợi ích của nước Pháp bằng các phương tiện hòa bình, nhưng sẽ không cho phép bất kỳ ai áp đặt bất kỳ điều gì bằng bạo lực với chính phủ. Vincent Auriol, Chủ tịch Quốc hội Pháp, là người không lâu sau được đề cử là tổng thống đầu tiên của Đệ tứ Cộng hòa Pháp đã dõng dạc tuyên bố thông điệp bày tỏ sự ủng hộ các chiến binh Pháp; đây là thông điệp mà đại biểu Đảng MRP đang đề xuất thông qua. Blum nói xen vào rằng trong lúc ông không phản đối việc thông qua thông điệp này thì việc thiếu thông tin chính xác từ Hà Nội đã khiến ta hy vọng rằng các sự kiện có thể sẽ ít nghiêm trọng hơn là lo lắng của chúng ta. Ông không đề cập chỉ thị của mình yêu cầu Valluy thương lượng đình

chiến hay bức điện của ông gửi tới Hồ Chí Minh[113]. Không một đại biểu cộng sản hay xã hội nào của Pháp bỏ phiếu chống lại thông điệp ủng hộ cuộc chiến của Pháp ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thông điệp này được nhất trí thông qua, và đây là một tấm gương nổi bật về chủ nghĩa dân tộc chiến thắng hệ tư tưởng.

Trước khi Valluy nhận được chỉ thị của Blum yêu cầu thương lượng đình chiến, vị tướng này đã làm điều ngược lại. Ông ta chỉ thị cho Morlière thực hiện những "hành động quyết liệt" chống lại lực lượng Việt Nam, mở lại tuyến đường Hải Phòng - Hà Nội và kiểm soát toàn bộ giao thông giữa hai thành phố. Bất chấp những chỉ thị quân sự mà d'Argenlieu đã nhận được từ Chính phủ Pháp ngày 10 tháng Mười hai, bấy giờ Valluy đã cắt giảm lực lượng quân đội Pháp ở Nam Đông Dương bằng cách đưa quân tiếp viện tới Hải Phòng, trong khi đó còn yêu cầu khẩn cấp tăng cường thêm 10 tiểu đoàn từ Pháp[114]. Khi Valluy nhận được chỉ thị của chính phủ, ông ta quyết định phớt lờ hết và cho Paris biết lý do vì sao:

> Tôi thực sự không biết phải làm thế nào để đạt được thỏa thuận đình chiến. Chúng tôi đã mất liên lạc với Chính phủ Việt Nam, mà chắc chắn là, theo quan điểm của người Pháp và các quan sát viên nước ngoài [một từ bị thiếu] thì đó là do cuộc chiến. Có lẽ là, vì thanh thế của nước Pháp, yêu cầu đình chiến nên do Chính phủ Pháp đưa ra... Tuy nhiên, nếu Tướng Morlière không thể tiếp cận Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi đã sẵn sàng đưa nguyên văn thông điệp của "Tổng thống Blum" phát trên Đài Phát thanh Sài Gòn. Tuy nhiên, tôi cảm thấy bắt buộc lưu ý chính phủ về những hậu quả rất nghiêm trọng của việc này bởi nó ảnh hưởng đến tinh thần của lực lượng quân đội tham gia vào cuộc đấu tranh ác liệt cũng như của những thường dân Pháp bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự sát hại các công dân khác của Pháp bằng sự tàn bạo và sự phản bội mà liên quan tới các bạn ở bất kỳ nơi nào khác. Tôi nói thêm rằng ngay cả công luận bản địa cũng không hiểu nổi[115].

Tiếp theo thông điệp trên, Valuy còn gửi hàng loạt thông điệp chứng minh cuộc tấn công là "hành động chủ tâm". Bấy giờ Blum đã sẵn sàng chấp nhận số phận; chiều ngày 23 tháng Mười hai, Juin quả quyết với Valluy rằng các chỉ thị trước đó là do thiếu thông tin[116]. Tối hôm đó, Blum đã đưa ra một tuyên bố mới trước Quốc hội, nói rõ rằng ông ta rất thất vọng vì không có những tin tức chắc chắn hơn. Ông nhấn mạnh rằng "những chỉ thị cần thiết đã được đưa ra mà không có một chút lưỡng lự hay sự chậm trễ nào", ý ông nói là những chỉ thị của Valluy, chứ không phải của chính ông ta. Blum khẳng định rằng nước Pháp buộc phải đối mặt với tình trạng bạo lực và bảo đảm rằng người Pháp ở Đông Dương cùng "các dân tộc thân thiện" có thể trông mong vào sự thận trọng và quyết đoán của Chính phủ Pháp. Sau đó, Blum lại nêu ra những chủ đề mà ông đã nhấn mạnh trong cuộc nói chuyện với d'Argenlieu, chủ yếu tập trung vào việc không chấp nhận theo nguyên tắc chủ nghĩa thực dân: tài sản thuộc địa sẽ chỉ được chứng minh vào ngày các tài sản này không còn là tài sản thuộc địa[117]. Những tuyên bố công khai này không khiến Quốc hội hay báo chí chú ý. Quan điểm của Blum đã được nhiều người biết đến. Điểm quan trọng lúc này là ông ta đã trung thành đứng về phía Pháp trong cuộc xung đột sắp tới.

Tối muộn 23 tháng Mười hai, một Quốc hội đồng thuận, bao gồm tất cả các thành viên cộng sản và xã hội, đã quyết định cho phép chính phủ chuyển tiền từ một phần trong quỹ quốc phòng tới một nơi khác để quân tiếp viện có thể được gửi tới Đông Dương[118]. Toàn bộ báo giới đều ca ngợi Blum. Pierre Courtade phát biểu trên tờ *L'Humanité*, cơ quan ngôn luận của những người cộng sản, rằng tuyên bố của Blum là "hoàn toàn hợp lý". Vị thủ tướng đã đưa ra "giải pháp khả thi duy nhất: đàm phán ngay sau khi hòa bình và trật tự đã được khôi phục". Tờ *Franc-Tireur* đánh giá cao những

tuyên bố chống thực dân của Blum, trong khi Robert Verdier trên tờ *Le Populaire* lại sử dụng cụm từ "số phận bất công" đã khiến chính phủ mới của Blum phải đương đầu với những trách nhiệm vô cùng khó khăn. Quan ngại tương tự về "số phận bất công" của cựu đảng viên xã hội đã khơi mào cho bình luận của Alain Guichard trên tờ *L'Aube*: "Ngay cả khi không thể tán thành mọi việc mà người đứng đầu chính phủ đã khẳng định, thì sự chân thành của ông và sự đấu tranh giữa những thực tế khó khăn và những giấc mơ hòa bình xa xưa trong tâm trí ông vẫn khiến ta có lý do để cảm thông"[119].

Trong số những người Pháp ở Sài Gòn, đã có những tiếng thở dài nhẹ nhõm. Kế hoạch đang được đặt ra để chuẩn bị đưa Moutet đi kinh lý khắp Liên bang Đông Dương với các trạm dừng chân là Viêng Chăn và Phnôm Pênh và phản đối mọi ý định của ông muốn gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong khi đó, Sainteny, với các vết thương gần như đã hồi phục hoàn toàn tại bệnh viện ở Hà Nội, không thể quên được sự cảm thông mà ông cảm nhận được từ Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Sainteny sẽ gặp lại Hồ Chí Minh trên cương vị đại diện đầu tiên của Pháp tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau thất bại trong chiến dịch Điện Biên Phủ và ký kết Hiệp định Giơnevơ năm 1954. Ông ta cũng đóng vai trò "chủ trò" trong các cuộc thương lượng bí mật đầu tiên giữa Henry Kissinger và Lê Đức Thọ ở Paris ngày 6 tháng Tám 1969, ba tuần trước ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời vào ngày 2 tháng Chín 1969, ngày Độc lập của Việt Nam. Khi Sainteny qua đời năm 1978, ba năm sau ngày Việt Nam hoàn toàn thống nhất, ông ta vẫn không biết được những gì đã xảy ra vào ngày Tướng Giáp "dính mồi".

Chương 7

GIÁ NHƯ...

Những sự kiện lịch sử thay đổi số mệnh của cá nhân cũng như vận mệnh của quốc gia. Trong suốt 12 ngày đầu tiên của chiến tranh Đông Dương, cha của nhà sử học Việt Nam Dương Trung Quốc đã tham gia chiến đấu tại Hà Nội. Ông hy sinh gần cầu Long Biên vào ngày 31 tháng Mười hai. Mãi đến gần đây, tôi vẫn không hề có khái niệm gì về việc người bạn đồng nghiệp của tôi có mối liên hệ cá nhân mật thiết với thảm kịch năm 1946, chỉ đến tháng Bảy 2007, sau khi chúng tôi đã biết nhau gần hai mươi năm trời, ông Quốc bỗng nhiên hỏi liệu tôi có biết tên ông có ý nghĩa gì không. "Không phải là "*Duong the Chinese*" (Dương - người Trung Quốc)", ông giải thích, "mặc dù chữ "Trung Quốc" có nghĩa là nước Trung Quốc. Chữ "Trung Quốc" trong tên của tôi có một ý nghĩa khác, đó là "Dương trung thành với Tổ quốc". Khi cha tôi từ biệt bà nội vào tháng Mười hai 1946, ông nói với bà rằng nếu ông có con trai, hãy đặt tên con ông là "Dương Trung Quốc". Tôi ra đời ngày 2 tháng Sáu 1947".

Cuốn sách này xem xét lại lịch sử nguồn gốc của cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất ở hai khía cạnh chính.

Thứ nhất là, việc ký Hiệp định Việt - Pháp ngày 6 tháng Ba 1946, công nhận Việt Nam là một "quốc gia tự do", không phải là do bất kỳ một uy thế thực dụng, tự do hay tương đối nào của những người

ra quyết sách thuộc địa của Pháp. Cho đến cuối tháng Hai, đầu tháng Ba, Pháp vẫn trong tư thế sẵn sàng phát động một cuộc tấn công tái chiếm Bắc Đông Dương tiếp sau cuộc tấn công tái chiếm Nam Đông Dương nếu đàm phán với chính phủ Hồ Chí Minh đổ vỡ. Nhưng người Pháp đã tự đưa đầu vào bẫy của người Hoa. Hòa bình do Trung Quốc áp đặt, buộc hai bên phải ký kết những điều khoản mà cả hai đều thực sự không muốn. Chính phủ Tưởng Giới Thạch yêu cầu Pháp ký hiệp định, nếu không sẽ phải đối mặt với nguy cơ một cuộc chiến tranh quốc tế. Người Hoa cũng dựa dẫm nhiều vào Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh cũng ký hiệp định dưới sức ép của Trung Quốc. Khi hiệp định được ký, không bên nào thực sự có ý định thực hiện nó. Tuy nhiên, vào những tháng tiếp theo, việc dựng lên một khu vực bầu cử có lẽ đã giúp níu giữ hòa bình[1].

Thứ hai là, chiến tranh nổ ra vào ngày 19 tháng Mười hai không phải là một hành động hiếu chiến có suy tính trước và được phối hợp chặt chẽ. Các cuộc tấn công đồng thời diễn ra trên khắp các đơn vị đồn trú của Pháp ở miền Bắc, theo một số nguồn tin của cả Việt Nam và phương Tây. Chắc chắn một điều, chính phía Việt Nam đã nổ phát súng đầu tiên chỉ sau 8h tối; cuộc tấn công tuân theo kế hoạch được trù tính trước và có lẽ là nhằm triển khai một quyết định được đưa ra tại cuộc họp của Ban Thường vụ Đảng Cộng sản Đông Dương chiều ngày hôm đó. Nhưng các cuộc tấn công vào các đơn vị đồn trú của Pháp chỉ diễn ra sau đó và không khiến người Pháp bị bất ngờ. Có gì đó không ổn đã diễn ra tại cơ quan đầu não của phía Việt Nam ngày hôm đó. Hoặc là chỉ huy của cả hai bên không kiểm soát được đội quân của mình, hoặc họ phạm một sai lầm nghiêm trọng, hoặc cả hai khả năng. Dân quân tự vệ Việt Nam tiến công vào ngay lúc chính quyền mới của Léon Blum quyết định cử Marius Moutet, Bộ trưởng Hải ngoại Pháp dẫn đầu phái đoàn hòa bình đến Hà Nội. Do vậy, ông Giáp đã cứu

Cao ủy d'Argenlieu và Tướng Valluy khỏi điều họ sợ hãi nhất: đàm phán giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ Việt Nam được nối lại. Bất kể ông Giáp có ra lệnh hay cho phép tiến hành cuộc tấn công lúc 8h tối hay không, hay không kiểm soát được tình hình, thì ông cũng đã rơi vào cái bẫy người Pháp tạo ra tại Sài Gòn.

Có phải chiến tranh bùng nổ là không thể tránh khỏi? Hầu như không. Cho đến năm 1946, những siêu cường quốc như Trung Quốc, Anh, Mỹ và Liên bang Xôviết muốn Pháp tỏ ra kiềm chế và hợp tác với Việt Nam. Hồ Chí Minh và Léon Blum cũng có chung mong muốn đó. Khi Blum được bầu làm người đứng đầu nước Pháp, hai nhà lãnh đạo đã cố gắng hết mức có thể để liên lạc với nhau và ngăn không để nguy cơ chiến tranh xảy đến. Nếu thời gian biểu của ngày 19 tháng Mười hai chỉ khác đi một chút thôi, nếu Ủy viên Pháp Jean Sainteny đã phản hồi tích cực đối với yêu cầu gặp gỡ vào buổi sáng của Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám, nếu Tướng Morlière giữ vững quyết định cho lính của mình nghỉ phép, nếu thông điệp mà Blum gửi đến Hồ Chí Minh ngày hôm trước đã không bị giữ lại tại trụ sở của Tướng Valluy ở Sài Gòn, nếu Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp giữ bình tĩnh, hoặc nếu một ai đó đã ngăn Nhà máy điện Yên Phụ không bị phá hủy, thì ngày hôm sau người Hà Nội đã không nghe lời hiệu triệu kháng chiến bằng cuốc, thuổng, gậy gộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thay vào đó, việc phái bộ hòa bình của Moutet sắp sửa đến Đông Dương có lẽ đã là đề tài được mọi người nói đến.

Ngày 14 tháng Mười hai, chính quyền sắp mãn nhiệm của Georges Bidault đã lệnh cho Đô đốc d'Argenlieu và Tướng Valluy không được để xảy ra bất kỳ sự cố nào nữa[2], bởi thế mối lo của ông Giáp về một cuộc tấn công sắp đến của quân Pháp là không có cơ sở. Tất nhiên, ông Giáp không thể biết điều ấy vào thời điểm đó, nhưng giờ đây chúng ta biết rằng quân Pháp sẽ không tiến hành

bất kỳ chiến dịch tấn công lớn nào nếu người Việt giữ được bình tĩnh. Nếu Hồ Chí Minh được báo sớm hơn về quyết định của Blum cử Moutet đến Hà Nội, có lẽ ông đã thuyết phục ông Giáp chờ đợi. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ có lợi khi có cơ hội cảnh báo chính quyền Blum về những vi phạm đối với Hiệp định ngày 6 tháng Ba và Tạm ước ngày 14 tháng Chín của người Pháp, và Hồ Chí Minh đã chuẩn bị cho việc này một cách bài bản bằng cách soạn thảo một bản bị vong lục có 76 phụ lục luận tội đính kèm[3].

Câu hỏi là có thể tránh được chiến tranh nổ ra hay không lại đặt ra hai câu hỏi khác, một cụ thể và một chung chung. Bằng cách nào và nhờ ai để có thể ngăn được chiến sự bùng nổ? Và việc ấy có thể thay đổi lịch sử Việt Nam cũng như thế giới đến mức độ nào? Trong khi câu hỏi thứ hai đòi hỏi phân tích các giả định về chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất và lần thứ hai một cách tổng thể, câu hỏi thứ nhất chỉ liên quan tới các sự kiện được đề cập trong cuốn sách này. Chương kết này sẽ bỏ qua câu hỏi lớn và tập trung vào những-sự-việc-lẽ-ra-đã-diễn-ra trong năm 1946, đồng thời đánh giá những việc xảy ra ngay sau ngày 19 tháng Mười hai. Mục đích là để xác định được những con người đã có thể thay đổi lịch sử.

CÁC SIÊU CƯỜNG

Đến tháng Mười hai 1946, Trung Quốc đã không còn ở vị thế có thể ngăn chiến tranh xảy ra giữa Pháp và Việt Nam. Sự rút lui của các đội quân chiếm đóng từ tháng Năm đến tháng Chín đã làm tiêu tan ảnh hưởng của Trung Quốc. Trung Quốc, Anh và Mỹ đều thở phào nhẹ nhõm khi thấy Pháp và Việt Nam ký Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba. Bộ Ngoại giao Anh và Mỹ đều lo ngại rằng Pháp có thể phá vỡ cam kết của mình và dấn thân vào một cuộc chiến tốn kém. Họ nghĩ Pháp có thể chỉ tự làm hại mình nếu hành động như thế, vì nước này không còn có đủ nguồn lực để phát động một

cuộc chiến tranh thực dân. Sau khi Trung Quốc rút lui, Anh và Mỹ có nhiều ảnh hưởng hơn vì Pháp phụ thuộc vũ khí, trang thiết bị vào họ, song họ không muốn gây thù địch với nước Pháp bằng cách đe dọa áp dụng biện pháp trừng phạt. Tổng thống Mỹ Harry S. Truman đã không kế thừa niềm thôi thúc của người tiền nhiệm của mình về việc giải phóng Đông Dương khỏi nước Pháp, và Phòng Châu Âu thuộc Bộ Ngoại giao Mỹ cũng cảnh báo không nên làm bất cứ điều gì có thể động chạm đến lòng tự tôn của người Pháp[4]. Đó là lý do khiến không ai ở Washington để ý đến những lời cảnh bảo đầu tháng Mười hai của Trưởng Bộ phận Đông Nam Á thuộc Bộ Ngoại giao Mỹ Abbot Low Moffat.

Kịch bản tương tự về mâu thuẫn giữa Moffat và các vị lãnh đạo nghiêng về phía châu Âu trong Bộ Ngoại giao Mỹ cũng diễn ra ở Anh. C.M. Andersson trẻ tuổi, người tiếp nhận Đông Dương thuộc Pháp trong Bộ Ngoại giao Anh, cũng chỉ trích Pháp không biết nhượng bộ, song những kiến nghị hành động của ông này cũng bị lờ đi[5]. Việc Anh giúp thiết lập hòa bình ở Nam Đông Dương trong thời gian từ tháng Chín 1945 đến tháng Hai 1946 đã vấp phải sự chỉ trích trên toàn khối Thịnh vượng chung. Chỉ huy tối cao lực lượng liên quân ở Đông Nam Á Lord Louis Mountbatten đã giận điên lên khi Pháp thiếu chút nữa gây chiến vào tháng Ba, và ông này đã thở phào nhẹ nhõm khi Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba được ký kết[6], nhưng khi các điều khoản của hiệp định bị xem nhẹ, Chính phủ Anh đã không can thiệp gì.

Chính phủ của Tưởng Giới Thạch cũng đã phải có những bước đi thận trọng, bởi họ không muốn tạo ra bất cứ tiền lệ hòa giải quốc tế nào cho cuộc chiến với những người cộng sản Trung Hoa; tuy nhiên, ít lâu trước ngày 19 tháng Mười hai, đại sứ Trung Quốc tại Anh đã đề xuất lên Bộ Ngoại giao Anh một kế hoạch hợp tác can thiệp giữa Anh, Trung Quốc và Mỹ. Và vào ngày 24 tháng Mười hai 1946,

đại sứ Trung Quốc tại Paris đã tiếp cận người đồng nhiệm Anh của mình để đề xuất một kế hoạch chỉ huy các lãnh sự quán Anh, Mỹ và Trung Quốc tại Hà Nội can thiệp với mục tiêu đạt được một thỏa thuận ngừng bắn. Bộ Ngoại giao Anh đã thảo luận các kế hoạch đề xuất của Trung Quốc và thông báo với đại sứ quán Trung Quốc rằng bất kỳ can thiệp nào cũng bị cho là không khôn ngoan, và rằng Mỹ cũng "có cùng lập trường với chúng tôi"[7]. Điều này chính xác. Vào ngày 23 tháng Mười hai, Vụ trưởng John Carter Vincent của Vụ Các vấn đề Viễn Đông thuộc Bộ Ngoại giao Mỹ đã cảnh báo các cấp trên của mình rằng "tính đến các yếu tố hiện thời trong tình huống này thì chiến tranh du kích có thể tiếp diễn không bao giờ dứt"[8]. Thứ trưởng Ngoại giao Dean Acheson, người lèo lái chính sách đối ngoại của Mỹ trong thời gian Bộ trưởng James Byrnes vắng mặt, đã mời Đại sứ Pháp Henri Bonnet đến gặp mặt. Theo Bonnet, mục đích của Acheson không phải là để "ngăn trở hay tác động đến chúng ta trong công cuộc bảo vệ những lợi ích của chúng ta ở Đông Dương". Acheson chỉ đề cập việc Mỹ sẵn sàng làm trung gian hòa giải, một đề nghị mà Bonnet đã từ chối ngay lập tức. Bonnet diễn giải cuộc gặp gỡ này là nhằm bày tỏ thiện chí của nước Mỹ, có liên quan đến nỗi lo của Bộ Ngoại giao Mỹ về việc làm dấy lên làn sóng phản đối chế độ thực dân trong công chúng Mỹ, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Mỹ ở châu Âu[9]. Bonnet đã đúng. Chính sách không nhúng tay của Mỹ và Anh không bắt nguồn từ lý do Hồ Chí Minh là một người cộng sản, mà là vì nhu cầu được Pháp ủng hộ ở châu Âu. Washington bận tâm nhiều đến người Pháp hơn là đến cộng sản Việt Nam.

Abbot Low Moffat vẫn đang ở Đông Nam Á khi chiến tranh nổ ra tại Hà Nội. Vào ngày 19 tháng Mười hai, Moffat xin phép được trở lại Washington để điều đình[10]. Tuy vậy, ông ta được chỉ thị tham dự một hội nghị vô thưởng vô phạt ở Batavia (Jakarta). Vào

cuối tháng Mười hai, trong thời gian ở đó, Moffat đã gây ấn tượng mạnh với một đồng nghiệp người Hà Lan của mình rằng vấn đề nan giải ở Đông Dương chỉ có thể được giải quyết nhờ có vai trò trung gian hòa giải của Mỹ, và than phiền rằng chính phủ của ông đã giả câm giả điếc đối với những lập luận của ông. Người Hà Lan này đã thuật lại điều Moffat nói với người Pháp. Việc này dẫn đến sự hiện diện ngoại giao của Pháp ở Washington, yêu cầu đồng nghiệp của Moffat có lời giải thích. Họ tuyên thệ với một nhà ngoại giao Pháp rằng Moffat chưa bao giờ nói điều ông được cho là đã nói, và người Pháp đó tuyên bố ông ta đã thỏa mãn với lời giải thích này. Đây chính xác là điều ông ta muốn nghe. Trong ngoại giao, không giống như trong khoa học, một lời nói dối rõ như ban ngày thường được chuộng hơn là một sự thật khó nghe[11].

Vào tháng Giêng 1947, trong khi những trận đánh ác liệt đang diễn ra trên những khu phố ở Hà Nội và Huế, Bộ Ngoại giao Mỹ đã nghiên cứu hồ sơ của Hồ Chí Minh về việc làm cách nào người Pháp đã phá hỏng Hiệp định ngày 6 tháng Ba và các thỏa thuận tạm ước. Acheson đã có cách tiếp cận "không nhúng tay", nhưng khi George C. Marshall, với kinh nghiệm của mình ở Trung Quốc, nhậm chức bộ trưởng, đã quyết định chỉ thị Đại sứ Jefferson Caffery thông báo cho Bộ trưởng Ngoại giao Pháp rằng có lẽ không thể ngăn được một cuộc tranh luận về Đông Dương tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nếu nước Pháp không tỏ ra hào phóng hơn. Vào ngày 3 tháng Hai 1947, sau khi lắng nghe những quan ngại của đại sứ Mỹ, ngoại trưởng mới đắc cử trong chính quyền cộng sản liên minh của Paul Ramadier là Georges Bidault hứa hẹn rằng nước Pháp thực ra sẽ rất hào phóng, và để Caffery biết rằng số ngày d'Argenlieu còn ở Sài Gòn chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Washington lập tức quay trở lại với cái vỏ im lặng đầy lịch sự của mình[12].

Bởi thế, dẫu Trung Quốc thiếu đi sức mạnh để ngăn chiến tranh, cả nước Anh và nước Mỹ đều không muốn mạo hiểm với những phản ứng nguy hại có thể có của nước Pháp. Liên bang Xôviết cũng có cùng một ưu tiên như thế. Mátxcơva đặt quan hệ với Pháp lên hàng đầu và bỏ trống mọi khả năng hỗ trợ cho Hồ Chí Minh[13]. Tuy nhiên, cơ quan đối ngoại Xôviết cũng có một "Moffat". Đại sứ Xôviết tại Pháp, ông Alexander E. Bogomolov theo sát chính sách Đông Dương của Pháp và hiểu biết về vấn đề hơn bất cứ nhân vật nào ở thủ đô. Năm 1945, Bogomolov bày tỏ sự ủng hộ đối với việc thành lập một ban ủy trị quốc tế cho Đông Dương, một ý tưởng mà Franklin Roosevelt rất hay đề xuất, nhưng Mátxcơva chỉ thị đây không phải là chính sách của chính quyền Xôviết. Tháng Mười 1945, Bogomolov chuyển tiếp một bức điện Hồ Chí Minh gửi cho Xtalin, trình bày rằng nước Pháp đã củng cố chủ quyền của mình tại Đông Dương nhờ hợp tác với Nhật Bản, và rằng Việt Nam đang đấu tranh giành quyền độc lập của mình. Các lãnh đạo Xôviết đã đọc và bàn thảo về bức điện, song quyết định không trả lời. Tháng Giêng 1947, Đại sứ Pháp tại Mátxcơva được Ngoại trưởng Vyacheslav Molotov rỉ tai rằng "ông ta mong Pháp và Việt Nam sẽ tiến đến một thỏa thuận làm cả hai bên hài lòng", mà không cần phải tái lập chế độ "thống trị thuộc địa". Nhưng Molotov không đề cập việc đưa vấn đề ra Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc[14]. Các lãnh đạo Xôviết không màng gì đến sự nghiệp của những người đồng chí Việt Nam cho đến khi Mao Trạch Đông chiến thắng trong cuộc nội chiến Trung Quốc, Xtalin mới miễn cưỡng mời Hồ Chí Minh đến Mátxcơva[15].

Tóm lại, tầm quan trọng của nước Pháp trong việc ổn định lại châu Âu sau chiến tranh đã giúp Pháp miễn nhiễm khỏi sự can thiệp của các siêu cường vào vấn đề Đông Dương. Chỉ có Trung Hoa

của Tưởng Giới Thạch mới đề nghị có hành động, nhưng chính quyền Tưởng chẳng thể làm việc đó một mình.

D'ARGENLIEU, PIGNON VÀ VALLUY

Cao ủy Pháp Georges Thierry d'Argenlieu và hai cố vấn của ong ta, Cố vấn chính trị Léon Pignon và Tư lệnh tối cao Jean-Etienne Valluy, đã có đủ quyền lực để có thể ngăn chặn chiến tranh Đông Dương nổ ra, nhưng họ không có ý định làm điều đó. Họ đã đi đến chỗ mong muốn có chiến tranh, và chính họ đã mở đường dẫn lối cho chiến tranh bằng cách chuyển hóa xung đột về hải quan ở Hải Phòng thành một chiến dịch quân sự quy mô lớn, và sau đó ép Hồ Chí Minh thay đổi chính phủ của mình. Vấn đề ở đây là chính phủ của họ ở Paris đã đưa ra thông điệp rất rõ ràng, rằng sau cuộc tàn sát ở Hải Phòng, Pháp không được phép là bên có lỗi nếu bất kỳ sự cố nào xảy đến. Họ không thể có hành động quân sự mang tính quyết định nào ở Hà Nội trừ phi đối phương manh động trước. D'Argenlieu đang ở Tunis trên đường từ Pháp về thì nhận được tin tấn công của phía Việt Nam. Ông ta đến Sài Gòn vào ngày 23 tháng Mười hai, triệu tập nội các liên bang và khẳng định rằng việc khai chiến cũng như trách nhiệm của vụ tấn công "hoàn toàn và rõ ràng thuộc về chính phủ Hà Nội... Chính phủ liên bang nhất tề bác bỏ ý tưởng nối lại đàm phán với êkíp Hồ-Giáp hiện tại". D'Argenlieu tỏ rõ sự thỏa thuê trước những chuyển biến của các sự kiện, lưu lại trong nhật ký của mình rằng "chuyến bay" của Chính phủ Việt Nam "giải phóng chúng ta khỏi những nghĩa vụ mà chính Cominindo cho là "những mối nguy hiểm" - ông Moutet chẳng hạn... Cá nhân tôi, kể từ tháng Chín 1945, đã nghiêm túc thực thi chính sách thỏa hiệp ở Đông Dương. Nó đã mang lại những kết quả tốt đẹp ở khắp mọi nơi, ngoại trừ với chính phủ Hà Nội. *Thế là hết*"[16]. Điều rút ra rõ ràng từ nghiên cứu

xuất sắc của Frédéric Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956* là d'Argenlieu nhận được sự hậu thuẫn liên tục cho chính sách cứng rắn của mình từ Tướng de Gaulle sau khi ông này rời khỏi Chính phủ Pháp ngày 20 tháng Giêng. De Gaulle cũng ủng hộ d'Argenlieu mạnh mẽ trong những bất đồng của ông này với Tướng Leclerc. De Gaulle chỉ trích Leclerc đã quá chậm trễ trong việc tái chiếm đóng Bắc Đông Dương. Ông ủng hộ d'Argenlieu trong nỗ lực ngăn chặn Hồ Chí Minh được mời đến Pháp để thương thảo trong mùa hè năm 1946. Trong suốt thời gian Hội nghị Fontainebleau, de Gaulle đã liên hệ với Thủ tướng Bidault để cầm chắc rằng ông này không nghiêng ngả trước những yêu cầu của Việt Nam. Ông ta ủng hộ mạnh mẽ chính sách của d'Argenlieu trong tháng Mười một - tháng Mười hai, thường xuyên tiếp d'Argenlieu tại Colombey-les-Deux-Eglises, và đặc biệt là kêu gọi d'Argenlieu không từ bỏ vị trí của mình khi chính phủ tìm cách thay thế ông này[17]. Vào ngày 17 tháng Mười hai, d'Argenlieu hội kiến de Gaulle hơn ba tiếng đồng hồ tại Colombey, và de Gaulle đã bảo ông ta rằng trong vấn đề Đông Dương, chính d'Argenlieu, chứ không phải chính phủ, đại diện cho nước Pháp[18].

Sau cuộc gặp này, d'Argenlieu ghi nhận trong nhật ký của mình rằng vì không thể trông chờ chính phủ mới của Blum làm rõ vấn đề, khả năng duy nhất còn lại là phải "cứng rắn trên thực địa" nhằm "giải phóng chúng ta khỏi chế độ độc tài này và thứ thuốc Việt Nam này"[19]. Sau khi biết về các sự kiện ngày 19 tháng Mười hai, d'Argenlieu đã hy vọng rằng những sự kiện này đánh dấu sự kết thúc của Hiệp định ngày 6 tháng Ba và thỏa thuận của Tạm ước. Trở về Sài Gòn, ông ta nói với lãnh sự Anh vào ngày 25 tháng Mười hai rằng ngay sau khi Pháp thiết lập vững chắc sự kiểm soát đối với các trung tâm chính ở miền Bắc, một chính phủ An Nam mới sẽ được thành lập. Người Pháp có vài mối liên hệ bên ngoài

chính phủ Hồ Chí Minh, và khả năng khôi phục Hoàng đế Bảo Đại không nên bị xem nhẹ. Không lâu sau đó, Pignon nói với lãnh sự Anh rằng bất kỳ một giải pháp cộng hòa nào ở Việt Nam đều sẽ dẫn đến cộng sản hoặc phátxít, vì vậy, tốt hơn hết là khôi phục lại chế độ quân chủ. Tuy nhiên, Bảo Đại còn không ở Việt Nam và cũng chẳng mặn mà quay trở lại. Ông ta sống ở Hồng Công bằng trợ cấp của Pháp. Từ ngày 20 đến 29 tháng Mười hai, Bảo Đại đi Quảng Châu, nơi ông ta gặp gỡ một vài người Việt phi cộng sản đang bận bịu dựng lên một "chính phủ lưu vong", nhưng trên đường về Hồng Công, Bảo Đại tuyên bố thất vọng về chuyến đi này[20].

Còn những ai người Pháp có thể tuyển làm cộng sự cho mình nữa? Thật không dễ để một thế lực chiếm đóng dựng nên một ban lãnh đạo thay thế cho một dân tộc đã có lãnh đạo, cho dù những người đó không được mong đợi đến đâu. Phó Lãnh sự Mỹ James O'Sullivan đã bàn về vấn đề này trong một báo cáo gửi về Washington. Ông ta nhận thấy việc này cực kỳ hạn chế. Lãnh đạo của Việt Nam Quốc dân Đảng đang ở Trung Quốc và rất ít được ủng hộ ở Bắc Kỳ. Những người Công giáo thì có quá ít lãnh đạo và giữa họ lại mâu thuẫn với nhau. Ngô Đình Diệm là một khả năng, nhưng ông ta "quá dân tộc"; để nhận được sự ủng hộ của ông ta, người Pháp còn có thể phải mất nhiều hơn những gì họ đã cho Hồ Chí Minh. O'Sullivan nhìn nhận sự trở lại của Bảo Đại chỉ là một khả năng xa xôi, và nhiều khả năng Hồ Chí Minh là người đối thoại có thể chấp nhận được với nước Pháp[21]. Đây là điều mà d'Argenlieu ra sức ngăn chặn. Ông ta nài nỉ Chính phủ Pháp để công khai loại trừ mọi mối liên hệ trong tương lai với Hồ Chí Minh.

Léon Pignon, cố vấn chính sách của d'Argenlieu cũng có cùng quan điểm. Ông ta luôn tìm cách lôi kéo các lãnh đạo Việt Nam tự nguyện hợp tác, mà ông ta nghĩ rằng có khả năng làm được nhờ "những cú sốc tâm lý". Cách khơi lên những cú sốc đó chính là chủ

động đưa ra các sáng kiến chính trị quyết liệt. Pignon là người soạn thảo chủ chốt cho tuyên bố của de Gaulle vào ngày 24 tháng Ba 1945, nhưng ông ta tiếc rằng de Gaulle đã chờ quá lâu mới tuyên bố. Vì đề nghị thiết lập một Liên bang Đông Dương dân chủ mà những bộ phận cấu thành của liên bang có quyền tự trị cao xuất hiện sau khi Nhật Bản đảo chính ngày 9 tháng Ba 1945, và tuyên cáo của Bảo Đại về một nhà nước Việt Nam do Nhật Bản bảo trợ, nên nước Pháp dường như phải chịu nhiều sức ép trong hành động của mình. Tuyên bố đó vì vậy không phải là một cú sốc tích cực có chủ ý, mà ngược lại lại tạo ra những phản ứng bất lợi[22]. Điều tương tự cũng xảy ra đối với Hiệp định ngày 6 tháng Ba 1946. Hiệp định này được ký kết dưới sức ép. Pignon đã tham gia đàm phán, với tư cách là cố vấn của Sainteny tại Hà Nội. Ông ta cũng tham gia vào các cuộc đàm phán từ tháng Sáu đến tháng Tám ở Fontainebleau, phía nam Paris, và đóng góp tích cực vào đổ vỡ của các cuộc đàm phán này[23]. Từ tháng Mười 1946, ông ta đã sử dụng những nghiệp vụ của cảnh sát Pháp để nuôi dưỡng quan hệ với những người Việt chống cộng, nhằm thiết lập một ban lãnh đạo mới xung quanh Bảo Đại. Trong một báo cáo ngày 17 tháng Mười hai, Pignon khẳng định chắc nịch rằng tương lai của Đông Dương có thể được xem xét một cách chắc chắn một khi êkíp hiện thời ở Hà Nội biến mất: "Mục tiêu của chúng ta đã được xác định một cách rõ ràng: chuyển hóa tranh chấp giữa chúng ta và phe Việt Minh thành tranh chấp trong nội bộ An Nam"[24].

Sau ngày 19 tháng Mười hai, Sài Gòn đang trong không khí rất lạc quan. Pignon đề xuất một chiến lược tạo dựng ban lãnh đạo mới tạm thời cho Việt Nam, và ông ta thất vọng khi những nhân vật chống cộng chủ chốt từ chối đi theo chiến lược đó[25]. Trong khi chuẩn bị những nền tảng cho sự xuất hiện của những lãnh đạo mới, ông ta xem việc xóa bỏ mọi ảo tưởng về việc một ngày nào đó nước

Pháp sẽ đàm phán trở lại với Hồ Chí Minh có ý nghĩa sống còn. Ông ta quả quyết rằng nếu tái đàm phán với Hồ Chí Minh, nước Pháp sẽ mất toàn bộ ảnh hưởng của mình ở Đông Dương, và kết cục là toàn bộ đế quốc Pháp sẽ tan rã[26]. Song cũng cần phải thừa nhận sự tồn tại của tinh thần dân tộc mạnh mẽ và phải xem xét lại hai chướng ngại vật trong các cuộc thương thảo năm 1946: việc thống nhất ba "kỳ" và vấn đề độc lập. Về những điểm này, Pignon bất đồng quan điểm với d'Argenlieu; ông ta muốn thế giới biết rằng nước Pháp sẽ hoàn thành mọi nghĩa vụ của mình theo Hiệp định ngày 6 tháng Ba.

Những khuyến nghị Pignon đưa ra vào tháng Giêng 1947 dựa trên những nỗ lực của ông ta từ tháng Mười cũng đặc biệt giống với chính sách mà ông ta sẽ áp dụng với tư cách là cao ủy trong những năm 1948-1950[27]. Tại Hội nghị Pau năm 1950, chính Pignon đã sắp xếp thủ tiêu ý tưởng về Liên bang Đông Dương được hình thành trong tuyên bố của chính phủ ngày 24 tháng Ba 1945 mà chính ông ta là người dự thảo. Ông ta thay thế nó vào năm 1950 bằng một cấu trúc ba quốc gia liên kết ngắn ngủi. Ngay từ cuối năm 1946, Pignon đã muốn gây ra một "cú sốc tâm lý" bằng cách công khai tán thành sự thống nhất của nước Việt Nam, đập tan Liên bang Đông Dương, và sắp xếp sự trở lại của Bảo Đại. Chính phủ của Paul Ramadier, người kế nhiệm Blum vào ngày 22 tháng Giêng 1947, có nhiều quan điểm tương đồng với Pignon hơn là d'Argenlieu. Khi Ramadier giới thiệu chính phủ ba bên của mình trước Quốc hội Pháp, ông ta tuyên bố rằng trong tương lai, Pháp sẽ phải đối mặt với những đại biểu của "nhân dân An Nam" và sẽ "không sợ phải nhìn thấy liên minh ba nước An Nam thành hiện thực, nếu đây là ước muốn của người dân, cũng như không từ chối để nước Việt Nam được độc lập[28]. Những viễn tưởng của d'Argenlieu và Pignon xung đột lẫn nhau, nhưng họ đều nhất trí

về yêu cầu cần phải cắt đứt với Hồ Chí Minh một lần và mãi mãi. Quan điểm của Pignon và những đảng viên cộng sản Pháp gặp nhau ở vấn đề thống nhất Việt Nam, nhưng những người cộng sản (Moutet và Ramadier) là những nhà cộng hòa sôi nổi, không hứng thú với giải pháp quân chủ, và sẽ không loại trừ khả năng nối lại đàm phán với Hồ Chí Minh một lần nữa.

Thành viên thứ ba của nhóm ba nhân vật chóp bu ở Sài Gòn, Tướng Valluy, cho đến tháng Mười vẫn luôn là một nguồn tiết chế, bởi ông này hiểu rõ những giới hạn trong khả năng quân sự của Pháp. Tuy nhiên, tâm trạng của Valluy thay đổi, và cá nhân ông ta đã ra quyết định quyết liệt nhất vào tháng Mười một. Làm sao Valluy có thể hành động quá khinh suất như vậy? Kết quả là ông đã dàn trải lực lượng quá mỏng và đẩy quân của mình ra trước nguy cơ một cuộc chiến tranh chống du kích kéo dài, "bẩn thỉu". Và Valluy biết điều đó. Tại sao ông từ bỏ việc tập trung lực lượng vào Nam Kỳ, vốn là ưu tiên ban đầu của mình? Tại sao ông không theo đuổi đến cùng kế hoạch rút quân khỏi Lạng Sơn, thậm chí là khỏi Hà Nội, và tập trung lực lượng ở khu vực Hải Phòng có vị trí chiến lược quan trọng? Tại sao Đô đốc Barjot lại là nhân vật cấp cao có uy tín duy nhất của Pháp tiếp tục giữ vững ưu tiên đối với Nam Kỳ? Giải thích phần nào thì đó là sự cuồng nộ - thực vậy, một "cú sốc tâm lý" - mà người Pháp cảm thấy ở Sài Gòn khi quân chống đối miền Nam chứng tỏ sự trung thành và kỷ luật của họ trong việc thực thi lệnh ngừng bắn vào ngày 31 tháng Mười, và khi tổng thống Nam Kỳ tự sát. Phản ứng lúc này là tìm kiếm một giải pháp quyết liệt nào đó và tìm kiếm sự an ủi trong hy vọng mỏng manh rằng cơ sở của Việt Minh có thể sụp đổ chỉ khi Pháp thể hiện đủ quyết tâm của mình. Valluy sau này thừa nhận rằng sai lầm lớn nhất của ông là xem thường địch thủ[29]. Tháng Mười một 1946, Valluy hồi tưởng lại rằng điều gì đó cấm kỵ cho đến thời điểm đó

bỗng dưng trở nên có thể hình dung được: "Sử dụng vũ lực không còn có vẻ như chắc chắn thất bại nữa... Một bên có thể chắc thắng, và một chính phủ khác, không có Việt Minh, có thể thấu hiểu chúng ta"[30]. Điều Valluy nói ở đây thực ra chính là do hoàn cảnh, ông và những người hoạch định chính sách khác của Pháp đã không thể cưỡng lại được mong ước của mình.

Bộ ba nhân vật chóp bu "tam đầu chế" của Sài Gòn chịu trách nhiệm chính cho việc chiến tranh Đông Dương nổ ra. Họ đã muốn có chiến tranh, và đã làm mọi cách để đạt được điều đó.

MORLIÈRE VÀ SAINTENY

Còn những người Pháp ở tiền tuyến tại Hà Nội - Morlière thiếu may mắn và Sainteny thực dụng - thì thế nào? Họ không muốn cắt đứt với Hồ Chí Minh. Morlière nghĩ rằng ông ta đã nhất nhất trung thành với chính sách của chính phủ mình bằng cách hợp tác với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sainteny chơi trò xảo quyệt khi cố gắng gây chia rẽ trong hàng ngũ lãnh đạo của Việt Nam bằng một loạt những hành động khiêu khích có tính toán trước. Cả hai đều tuân theo những chỉ thị của bên hiếu chiến tại Sài Gòn, và không người nào có liên hệ trực tiếp với giới chức chính phủ ở Paris. Cả hai đều bấp bênh trong đánh giá của mình. Vào ngày 12 tháng Mười hai 1946, Morlière bị ve vãn, giống như Valluy, bởi ảo tưởng rằng nếu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chịu thất bại quân sự rõ ràng, người Việt Nam có thể trở nên mỏi mệt và tìm kiếm những lãnh đạo mới chịu nghe theo "tiếng gọi của lẽ phải". Tuy nhiên, sau ngày 19 tháng Mười hai, Morlière lại trở lại là chính mình và cảnh báo mạnh mẽ về con đường mà nước Pháp đang lựa chọn. Dù cho rất nhiều "người An Nam" không có thái độ thân thiện đối với Việt Minh, họ vẫn bước vào hàng ngũ của Hồ Chí Minh. Nước Pháp không chỉ chiến đấu với Việt Minh, mà là với cả dân tộc,

hoặc là phần đa số của dân tộc đó. Morlière khuyến nghị khôi phục đàm phán với Hồ Chí Minh và thương thảo một lệnh ngừng bắn. Sau đó, cần xác định cụ thể một ngày để tiến hành trưng cầu ý dân về việc thống nhất ba "kỳ". Sau cuộc trưng cầu ý dân, cần tổ chức tổng tuyển cử để bầu chọn thành viên các quốc hội của cả ba nước Đông Dương. Nếu nước Pháp tiếp tục con đường hiện nay đang đi, có thể dẫn đến việc mất cả Đông Dương một cách nhanh chóng[31]. Không ai nghe Morlière. Ông ta là tiếng kêu trên sa mạc. Điều an ủi duy nhất đối với Morlière là lịch sử đã chứng minh ông ta đúng.

Trong suốt cuộc khủng hoảng tháng Mười hai, Sainteny chìm đắm vào mơ tưởng còn sâu hơn cả Valluy. Ông này đặt hy vọng rằng niềm tin của Việt Minh sẽ xói mòn mạnh sau thất bại nặng nề đầu tiên, và ông ta quả quyết với Phó Lãnh sự Mỹ rằng có thể tìm được những lãnh đạo mới, độc lập để thành lập một chính phủ[32]. Vào ngày 26 tháng Mười hai, ông ta nghĩ đến cảnh tượng rằng cuối cùng người Việt Nam cũng đã phải mở to mắt. Pháp giờ đây đã có thể mời gọi hợp tác từ phía những thành phần không tưởng, chỉ cần thuyết phục được rằng lãnh đạo Việt Minh đã bị hất cẳng mãi mãi. Để đạt được mục tiêu này, Sainteny thiên về ủng hộ một cuộc tiến công gọng kìm nhằm làm một cú quyết định thổi bay "chính quyền Hà Nội"[33]. Sainteny đóng vai trò quan trọng trong quá trình đàm phán Hiệp định ngày 6 tháng Ba, và trong hồi ký của mình sau này, đây là điều ông ta muốn được người đời nhớ đến. Ông ta có ít lý do hơn để tự hào về vai trò của mình trong tháng Mười hai, khi bộ ba "tam đầu chế" Sài Gòn sử dụng ông ta làm miếng mồi trong cái bẫy của họ.

BIDAULT

Chính khách quyền lực nhất nước Pháp năm 1946 chính là Georges Bidault, Thủ tướng, Ngoại trưởng và Chủ tịch Comindo

cho đến khi Léon Blum nhậm chức vào ngày 18 tháng Mười hai, và sau đó lại giữ chức ngoại trưởng kể từ ngày 22 tháng Giêng 1947. Ông ta vẫn còn rất quyền lực vào tháng ông ta rời khỏi chính phủ, vì Blum phụ thuộc nhiều vào hỗ trợ từ phe Dân chủ Thiên chúa trong Quốc hội. Có lẽ nào Bidault đã có thể làm nên lịch sử theo một hướng khác? Ông ta có đủ quyền lực để làm điều đó, và có thể dễ dàng có được sự ủng hộ từ cả phía đảng viên xã hội và đảng viên cộng sản đối với một chính sách hòa bình. Nhưng mối quan tâm chính của ông ta không phải là hòa bình, mà là sự toàn vẹn của đế chế Pháp quốc. Bidault lẩn tránh mọi mối liên hệ trực tiếp với Chủ tịch nước Việt Nam, bảo vệ d'Argenlieu khỏi những ai muốn thay thế ông này, và từ chối bất kỳ nhượng bộ đáng kể nào đối với chủ nghĩa dân tộc của người Việt[34]. Ông ta tận tâm với một khối thống nhất đế chế - hay Liên hiệp Pháp. Một "chính sách từ bỏ" ở Đông Dương có thể khuyến khích chủ nghĩa dân tộc ở những thuộc địa khác. Nếu một mối liên kết trong dây chuyền đế quốc được phép bị phá vỡ, cả khối đế chế thống nhất có thể bị tan rã. Tại cuộc họp quan trọng của Comindo vào ngày 29 tháng Mười một 1946, là ngày sau ngày Bidault từ chức, ông ta chỉ còn vai trò là người tạm quyền, lập luận chính của Bidault là: "Có một vấn đề ở cấp địa phương liên quan đến Đông Dương và một vấn đề bao quát liên quan đến Liên hiệp Pháp. Hai vấn đề này không thể tách rời. Chúng ta không được phép làm bất cứ việc gì khiến Đông Dương có thể trở thành tiền lệ, đặc biệt là tiền lệ cho Marốc hay Tuynidi"[35]. Mãi sau này trong chiến tranh Đông Dương, Bidault vẫn tiếp tục phản đối những động thái công nhận độc lập cho Việt Nam, dù đó là một phần trong "giải pháp Bảo Đại"[36]. Năm 1954, Bidault đã cố cứu Đông Dương của người Pháp bằng cách đưa người Mỹ can thiệp quân sự vào trận Điện Biên Phủ. Khi chấp thuận một hội nghị quốc tế về Đông Dương diễn ra tại Giơnevơ, ông này nuôi hy vọng

sẽ khiến cho Trung Quốc và Liên bang Xôviết từ bỏ sự hỗ trợ của họ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chỉ sau cuộc khủng hoảng nội các khiến Bidault mất quyền lực, một chính phủ mới do Pierre Mendès-France đứng đầu mới đi đến một thỏa thuận ở Giơnevơ. Sau khi quyền lực rơi khỏi tầm tay, Bidault bám riết lấy những nguyên tắc của mình, và vào tháng Năm 1958, khi Đảng MRP từ chối ủng hộ nỗ lực của ông ta nhằm lập một chính phủ để bảo vệ Angiêri của người Pháp, và de Gaulle, người có nhiều ân oán cũ với ông ta quay trở lại nắm quyền, Bidault đoạn tuyệt với đảng của mình. Khi de Gaulle từ bỏ Angiêri vào năm 1962, Bidault tham gia hoạt động chính trị ngầm và bị buộc lưu vong. Ông ta sống đến năm 1983.

Tháng Ba 1949, nói về trách nhiệm để nổ ra chiến tranh vào hai năm rưỡi trước đó, đảng viên xã hội Oreste Rosenfeld cho rằng: "Nếu chúng ta thực sự muốn xác định ai là người chịu trách nhiệm, tôi không ngần ngại nói rằng trách nhiệm lớn đổ lên vai chính phủ năm 1946, để cho Cao ủy của mình xây dựng một chính sách đi ngược lại chính sách của chính phủ. Có thể biết rõ rằng Cao ủy, Ngài Geogres Thierry d'Argenlieu, đã được Tướng de Gaulle bổ nhiệm, có quyền lực quá lớn ở Đông Dương. Ông ta thậm chí còn không thuộc quyền của cả Bộ trưởng Hải ngoại Pháp, nhưng lại trực tiếp dưới quyền Thủ tướng và như vậy là chịu trách nhiệm trực tiếp trước chính phủ... Trách nhiệm lớn của chính phủ Georges Bidault và [Phó Thủ tướng] Maurice Thorez là đã không có đủ thẩm quyền để ngăn Đô đốc d'Argenlieu theo đuổi một chính sách đi ngược lại chính sách của Chính phủ Pháp"[37].

Rosenfeld đã đúng khi cho rằng chiến tranh là một "sự đã rồi" ở Sài Gòn, nhưng phát ngôn của ông ta có phần khiến người ta hiểu sai. Đúng là d'Argenlieu đã có quyền lực quá lớn, nhưng không phải là ông ta đã áp dụng một chính sách đi ngược lại với

bất kỳ một quan điểm hay chiến dịch đã xác định rõ ràng nào của chính phủ. Thất bại của Bidault không nằm ở sự bất lực trong việc áp đặt quan điểm của mình lên Sài Gòn, mà ở trạng thái không sẵn sàng để chính sách Đông Dương của người Pháp bị ảnh hưởng bởi những bộ trưởng thuộc SFIO và PCF trong nội các của ông ta. Ông ta thà để Đông Dương trong tay của d'Argenlieu còn hơn là để Moutet hay Thorez có quyền quyết định. Bidault tuyên bố vào đầu năm 1947 rằng một trong những lý do chính khiến MRP muốn cùng xuất hiện trong chính phủ liên hiệp với SFIO và PCF là nhằm ngăn chặn việc mất Đông Dương[38]. Thủ tục thông thường khi cần ra những quyết định quan trọng là để d'Argenlieu đưa ra đề xuất trước. Comindo lúc đó sẽ thông qua đề xuất đó hoặc trì hoãn quyết định của mình. Khi không có quyết định nào sắp sửa được đưa ra, d'Argenlieu cứ thế tiếp tục và thực hiện những kế hoạch của mình. Sau đó, chính phủ thường sẽ thông qua những gì ông ta đã làm, mặc dù thi thoảng vẫn có kèm theo vài lời kêu ca. Những phàn nàn này thường không nhằm vào nội dung chính sách của d'Argenlieu, mà nhằm vào vấn đề thời điểm và sự thiếu sót trong điều phối với các sự kiện chính trị ở Pháp. Marius Moutet cố gắng gia tăng quyền lực của Bộ Hải ngoại Pháp, nhưng Bidault đã bảo vệ d'Argenlieu và giữ Comindo nằm ngoài tầm với của Bộ Các vấn đề thuộc địa.

Do vậy, không thể nào một Chính phủ Pháp mạnh hơn hay quyết liệt hơn có thể ngăn được chiến tranh, chừng nào mà chính phủ vẫn do Bidault đứng đầu. Vấn đề không nằm ở việc thiếu sức mạnh, mà là thiếu ý chí. Nếu MRP đạt được kết quả khả quan hơn trong cuộc tổng tuyển cử ngày 10 tháng Mười một, và nếu Bidault không bị ép phải từ chức, chính phủ của ông ta có lẽ đã mạnh hơn. Khi đó, Valluy có lẽ đã nhận được cái gật đầu mà ông ta tìm kiếm cho việc kiểm soát con đường từ Hải Phòng lên Hà Nội ngay đầu

tháng Mười hai, có lẽ cùng lúc với "hành động cảnh sát" đã được lên kế hoạch trước để chống lại chính phủ Hà Nội. Thay vào đó, việc Léon Blum được bầu đã tái khai mở khả năng đàm phán Pháp - Việt, và có lẽ đây là nguyên nhân làm trì hoãn chiến tranh. Vì Bidault sợ những hệ lụy chính trị nếu bị xem là chịu trách nhiệm cho những hành động hiếu chiến của Pháp ngay trước khi chuyển giao quyền lực cho Blum, ông ta đã cố phủi tay bằng cách nói với Valluy rằng trong các thông điệp trước đây của Valluy, không có điểm nào cho thấy tình hình cấp bách như hiện nay[39]. Chừng nào Bidault còn nắm quyền, sẽ không có bất đồng căn bản nào giữa người lãnh đạo Chính phủ Pháp và viên cao ủy, nhưng điều này đã thay đổi khi Léon Blum lên nhậm chức. Trên thực tế, Blum đã đương đầu với một "sự đã rồi", nhưng đó không chỉ là kết quả hoạt động của bộ máy ở Sài Gòn. Bidault cũng đã dự phần vào đó.

BLUM

Liệu Léon Blum có thể thay đổi được lịch sử hay không? Khi lên nắm quyền từ tay Bidault vào ngày 18 tháng Mười hai, ông ta đã có quyết tâm và mong muốn ngăn chặn chiến tranh. Ngay lập tức, ông này đã viết một bức thư hòa bình gửi đến Hồ Chí Minh, và như vậy là phá vỡ nguyên tắc của Bidault: để cho d'Argenlieu phụ trách tất cả mọi giao thiệp thực chất với Chính phủ Việt Nam, và như Blum đã quyết định phái Moutet đi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại cuộc họp nội các đầu tiên của mình. Nhưng phe chủ chiến ở Sài Gòn đã phá hoại chính sách của ông ta bằng cách trì hoãn những bức thư mà Blum và Hồ Chí Minh gửi cho nhau. Có lẽ Blum nên gọi trực tiếp cho Hồ Chí Minh qua sóng rađiô. Điều này có thể giúp ngăn được cuộc chiến tranh. Blum cũng đã có thể cho biết ý định sa thải d'Argenlieu vào ngày 14 tháng Mười hai, trước khi lập chính phủ của mình, nhưng nếu thế lúc đó ông ta có thể đã không

chiến thắng trong cuộc bầu cử tín nhiệm tại Quốc hội vào ngày 17 tháng Mười hai. Khi nghe tin giao tranh bùng nổ, phản ứng đầu tiên của Blum là lệnh cho Valluy sắp xếp một thỏa thuận ngừng bắn, nhưng sự phẫn nộ rộng khắp về "thái độ hiếu chiến có tính toán trước của Việt Nam" đã khiến cho việc áp đặt lệnh này lên Sài Gòn thành điều không thể. Thay vào đó, chiến tranh đã được áp đặt lên Blum. Vào ngày 22 tháng Mười hai, khi xuất hiện tại buổi lễ khai trương cây thông Giáng sinh của tờ *Le Populaire,* người đảng viên xã hội gạo cội đã khóc và than vãn với biên tập viên của tờ báo: "Anh đã nghe tin từ Đông Dương chưa?... Một lần nữa lại là tôi gây ra điều đó... Tôi không đáng phải bị như thế này"[40].

ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP (PCF)

Còn PCF thì thế nào? Đảng cũng có phần đại diện tốt trong chính phủ của Bidault khi lãnh đạo Đảng, ông Maurice Thorez, giữ chức Phó Thủ tướng. Các đảng viên cộng sản cũng quan tâm đến sự vĩ đại của nước Pháp nhiều như de Gaulle và Đảng MRP, nhưng họ rút ra từ mối quan tâm đó những kết luận khác. Họ tin rằng Xyri và Libăng bị mất vì chính sách hiếu chiến của de Gaulle đã tạo cớ cho Anh và Mỹ đâm sau lưng Pháp. Nghịch lý là, PCF muốn đối đãi với các thuộc địa của Pháp một cách hào phóng như Mỹ, nhưng là nhằm để giữ chúng tránh xa ảnh hưởng của Mỹ. PCF lo sợ rằng thảm họa của Pháp ở vùng Cận Đông có thể lặp lại ở vùng Viễn Đông, và rằng sự can thiệp của Trung Quốc - Mỹ có thể dẫn đến việc mất Đông Dương. Trên cơ sở nỗi lo sợ này, mà trong thập niên tiếp theo đã chứng tỏ là hoàn toàn có cơ sở, các đảng viên cộng sản Pháp đã ủng hộ việc hợp tác với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng họ cũng thúc giục người Việt hãy kiên nhẫn và kiềm chế không đòi độc lập ngay tức thì. Trong khi cánh hữu Pháp tin rằng sự vĩ đại của nước Pháp phụ thuộc vào một chính

sách bền vững chống Việt Minh, các đảng viên cộng sản lại cảm thấy Liên hiệp Pháp có thể không được ủng hộ nếu như Pháp không nhượng bộ đối với chủ nghĩa dân tộc ở châu Á. Tuy nhiên, vì những lý do chiến thuật, những người cộng sản Pháp đã kiềm chế không lên tiếng công khai về chính sách hào phóng của họ đối với các thuộc địa của Pháp, một chính sách mà họ cảm thấy khó có thể bênh vực về mặt chính trị. Thay vào đó, họ đã làm mọi thứ có thể để tránh tạo ra ấn tượng rằng PCF không yêu nước.

Cuộc tấn công ngày 19 tháng Mười hai, và những cảm xúc từ sự kiện đó gây ra trong Quốc hội Pháp, đã đặt PCF vào một tình huống khó khăn. Tờ báo của đảng này đưa tin sự kiện đầu tiên không kèm theo bất kỳ bình luận nào. Trong Quốc hội, các đảng viên cộng sản do dự khi được yêu cầu ủng hộ một cử chỉ bày tỏ thương cảm đối với quân lính Pháp. Điều này dẫn đến việc tờ *Le Monde* phát hành một bài báo trên trang nhất có tựa đề rất lăng mạ "Sự trở lại của Doriot"[41]. Lãnh đạo PCF, ông Jacques Doriot quá cố, đã trở thành người ủng hộ chủ nghĩa phátxít sau khi bị trục xuất khỏi PCF năm 1934, thành lập một đảng cực hữu mang tên Đảng Nhân dân Pháp vào năm 1936, và sau này đấu tranh ủng hộ bọn Quốc xã. Tờ *L'Humanité* đáp lại bằng cách nhấn mạnh rằng những người đại diện cho PCF trên thực tế đã bỏ phiếu ủng hộ bức thư bày tỏ thương cảm[42]. Lúc bấy giờ tờ này cũng đưa ra một diễn giải đối với các sự kiện ngày 19 tháng Mười hai: đây là một phần của âm mưu chuẩn bị cho de Gaulle trở lại nắm quyền. Cuộc giao tranh theo kiểu nồi da xáo thịt, và chiến tranh chỉ mới nổ ra trong đầu óc của những kẻ phản động. Sự kiện 19 tháng Mười hai không phải là chiến tranh, mà chỉ là một vụ việc nữa. Nếu giao tranh tiếp diễn, các thế lực bên ngoài sẽ không sớm thì muộn can thiệp vào công việc nội bộ của Liên hiệp Pháp. Ngày 24 tháng Mười hai, tờ *L'Humanité* lên tiếng hoàn toàn ủng hộ Léon Blum, cho rằng ông

ta đã chỉ ra con đường duy nhất có thể đi: "Đàm phán ngay sau khi hòa bình và trật tự được tái lập"[43]. Tuy nhiên, mãi cho đến năm 1954 vẫn không có cuộc đàm phán nào khi những người cộng sản Pháp từ lâu đã không còn nắm quyền nữa. Trong vai trò Phó Thủ tướng trong chính quyền của Bidault và Ramadier những năm 1946-1947, Maurice Thorez không có khả năng thực hiện chính sách thuộc địa của mình, và vào tháng Năm 1947, các đảng viên cộng sản đã bị hất chân ra khỏi Chính phủ Pháp.

LECLERC

Để đạt thành công, những người giữ vai trò chủ đạo trong chính sách hòa hoãn lẽ ra cần được hỗ trợ từ một nhân vật cấp cao trong quân đội. Ứng cử viên nhiều triển vọng nhất là Tướng Philippe Leclerc de Hautecloque. Cuối năm 1946, đầu năm 1947, các đảng viên xã hội Pháp đã muốn ông ta thế chỗ d'Argenlieu. Leclerc lúc đó thường được mô tả là một người "tự do", "ôn hòa", hay "thực tế", một người có thể theo đuổi tiến trình hòa giải nếu có cơ hội. Liệu Leclerc đã có thể tạo nên sự khác biệt? Có lẽ là không. Khi ông ta lệnh cho Sainteny, vào ngày 5 tháng Ba, phải ký thỏa thuận với Hồ Chí Minh gần như với bất cứ giá nào, đó là bởi vì ông ta lo sợ một cuộc chiến trước mắt trên cả hai mặt trận với Trung Quốc và Việt Nam. Nếu không có người Trung Quốc, ông ta có lẽ đã cố gắng đè bẹp cuộc cách mạng ở miền Bắc như đã làm ở miền Nam, nhằm giúp Pháp đàm phán trên thế thượng phong. Tuy vậy, ông ta cũng lo ngại về việc dàn trải quân quá mỏng, và có thể đã quyết định chỉ chiếm Hải Phòng và Hà Nội, bỏ mặc phần còn lại của miền Bắc cho số phận[44]. Tháng Tám 1946, trong Hội nghị Fontainebleau, Leclerc đã đùa với ý tưởng phá vỡ quan hệ với chính phủ Hà Nội, để mặc Bắc Kỳ, và tập trung vào những nỗ lực của Pháp ở Nam Kỳ. Điều này sẽ giúp Pháp có cơ hội dần lập lại

hòa bình ở Đông Dương bằng cách bảo đảm là những khu vực Pháp kiểm soát sẽ lớn mạnh trong khi phần còn lại bị bóp nghẹt về kinh tế[45]. Nếu Pháp kiểm soát được vựa lúa và đồn điền cao su Nam Kỳ, cũng như một số vị trí chiến lược ở miền Bắc, người Việt sớm hay muộn cũng sẽ buộc phải từ bỏ sự ngoan cố của mình. Leclerc - và Valluy - đã nghĩ như vậy[46].

Tháng Mười hai, Leclerc đã chỉ trích d'Argenlieu và Valluy. Ông ta chia sẻ lo ngại của Đô đốc Barjot rằng quân Pháp sẽ phải dàn trải lực lượng quá mỏng. Khi Thủ tướng Blum biết tin về cuộc tấn công ngày 19 tháng Mười hai, ông quyết định cử Leclerc đi Đông Dương trong phái bộ điều tra, bên cạnh Moutet. Blum dự định thay Leclerc vào vị trí của d'Argenlieu. Ông ta đã nói với nội các của mình rằng mặc dù Leclerc không thuộc nhóm "những người bạn chính trị của chúng ta", ông ta là một "sĩ quan chân thật và trung thành" và nhận thức được những khó khăn quân sự của "một đội quân viễn chinh thuộc địa mới". Blum cũng nhắc các bộ trưởng thuộc SFIO của mình nhớ về "mâu thuẫn truyền kỳ" giữa Leclerc và d'Argenlieu. Ông ta yêu cầu Leclerc đàm phán với Chính phủ Việt Nam ngay khi tình thế quân sự cho phép, sau khi tham vấn với Moutet[47]. Leclerc nhận sứ mệnh, nhưng không có bất cứ nỗ lực nào để liên hệ với Chính phủ Việt Nam và cũng chẳng tham vấn Moutet. Sau khi tung đánh giá tình hình ở Sài Gòn, ông ta đề xuất Blum gửi thêm quân tăng viện[48]. Ông ta ca ngợi những nỗ lực quân sự của Pháp, nhưng hướng sự chú ý đến một số vấn đề chính trị nghiêm trọng, đặc biệt là ở Nam Kỳ[49].

Tại Hà Nội, Leclerc đã được tiếp đón bằng một thông điệp qua đài phát thanh của Hồ Chí Minh: "Vẫn có thể đạt được một nền hòa bình công bằng. Tôi nói với Ngài những lời này từ trái tim, vì tôi rất đau lòng khi nhìn thấy thanh niên Pháp và thanh niên Việt Nam, những bông hoa của hai đất nước, lao vào giết chóc lẫn nhau"[50].

Leclerc không hồi đáp, nhưng gửi đến quân Pháp một thông điệp mừng năm mới: "Nước Pháp luôn thấu hiểu rằng quân đội có đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, và các bạn có thể dựa vào tôi để nhấn mạnh điều đó. Đất nước cầu chúc cho các bạn"[51]. Leclerc không gặp Hồ Chí Minh. Thay vào đó, ông ta nhìn vào hồ sơ quân sự của Molière, kết luận rằng ông này không chuẩn bị kỹ lưỡng cho cuộc đối đầu, và kiến nghị, sau khi tham vấn với Moutet, rằng cần phải thay người[52]. Ngày 6 tháng Giêng, Morlière bị triệu hồi vào Sài Gòn. Ông ta lên chuyến bay sớm nhất và vào đến nơi cùng ngày. Điều này diễn ra sớm hơn dự tính, và cũng không tiện lắm vì Moutet vẫn còn ở đó. Molière gặp ngài bộ trưởng và thuật lại mâu thuẫn giữa ông ta và Valluy trong quãng thời gian tháng Mười một - Mười hai. Moutet yêu cầu Molière quay trở lại Hà Nội, viết một bản tường trình chính thức và chờ quyết định của chính phủ[53]. Tuy nhiên, do chính phủ Blum hy vọng thuyết phục được Leclerc thay vị trí của d'Argenlieu nên không cho rằng việc phản đối những kiến nghị của ông ta bấy giờ là đúng thời điểm. Vì thế, ngày 4 tháng Hai, Morlière đã chính thức bị thay thế bởi Đại tá Dèbes, kẻ tàn sát ở Hải Phòng. Dèbes đã chết trong một vụ rơi máy bay một tháng sau đó. Morlière thì sống đến già.

Báo cáo về phái bộ của Leclerc ngày 13 tháng Giêng 1947 đã được các giới chính thức ở Pháp quan tâm tìm đọc và từ đó rất hay được trích dẫn. Các biên tập viên của tờ *The Pentagon Papers* ca ngợi Leclerc vì đã nhấn mạnh rằng không có một giải pháp quân sự thuần túy nào, và rằng một giải pháp chính trị là cần thiết. Tuy nhiên, khi Leclerc nói đến "giải pháp chính trị" trong báo cáo của mình, ông ta không có ý nhắc tới Hồ Chí Minh. Leclerc có cùng suy nghĩ với Pignon. Và đề xuất cụ thể duy nhất ông ta đưa ra trong báo cáo là tăng cường sức mạnh của đội quân viễn chinh Pháp từ 40.000 lên 115.000 quân. Nỗ lực quân sự càng lớn thì càng dễ đạt

được một giải pháp chính trị, cốt nhằm "đối chọi với chủ nghĩa dân tộc hiện nay của Việt Minh, một hoặc vài chủ nghĩa dân tộc khác nữa"[54]. Mặc dù Leclerc không giống như d'Argenlieu, loại trừ mọi khả năng tái đàm phán với Hồ Chí Minh, không có gì trong thái độ của ông ta chứng tỏ rằng, nếu được giao quyền hành, ông ta sẽ chọn quay trở lại với Hiệp định ngày 6 tháng Ba và Tạm ước ngày 14 tháng Chín. Mặt khác, nếu Chính phủ Pháp sa thải d'Argenlieu trước ngày 19 tháng Mười hai thì có nhiều khả năng đã ngăn Việt Nam khỏi phát động tấn công, vì việc làm này sẽ là một dấu hiệu mạnh mẽ về sự thay đổi trong chính sách của chính phủ, và vì thế sẽ mở đường cho đàm phán.

MOUTET

Marius Moutet, Bộ trưởng Hải ngoại Pháp liên tục trong khoảng thời gian từ tháng Giêng 1946 đến tháng Mười 1947, trong các chính phủ của Gouin, Bidault, Blum và Ramadier, là người Pháp duy nhất có trong tay quyền lực cũng như mong muốn ngăn chặn chiến tranh Đông Dương. Việc ông ta từ chức vào tháng Mười 1947 đánh dấu sự cứng rắn lên trong chính sách của Pháp. Chỉ khi đó, Chính phủ Pháp mới từ bỏ mọi khả năng nối lại đàm phán với Hồ Chí Minh và ủy quyền cho Valluy phát động chiến dịch Operation Lea nhằm truy bắt và tiêu diệt những lãnh đạo Việt Minh.

Moutet không có ảnh hưởng trong việc đạt được Hiệp định ngày 6 tháng Ba, nhưng ông ta trút được gánh nặng khi Hiệp định được ký, và ông ta là người ngăn chặn Hội nghị Fontainebleau đi đến kết cục đổ vỡ hoàn toàn bằng cách ký thỏa thuận tạm thời ngày 14 tháng Chín. Chắc chắn Moutet là người đã phản đối cách thức cũng như quyền lực quá giới hạn của d'Argenlieu, và rằng ông ta muốn đặt Đông Dương dưới sự kiểm soát chặt chẽ của chính phủ ở Paris. Tuy nhiên, ông ta đã không chọn cách đấu tranh với

Đảng MRP để thay d'Argenlieu. Thực tế, ông ta đã ủy quyền và khuyến khích thành lập một Cộng hòa Nam Kỳ tự trị. Moutet đóng vai trò chính trong việc chuẩn bị những chỉ thị cho d'Argenlieu vào ngày 10 tháng Mười hai 1946, từ chối công nhận nền độc lập đầy đủ cho bất kỳ một nước Đông Dương nào. Moutet luôn kiên định rằng nước Pháp cần phải theo đuổi một "chính sách thỏa thuận", đối nghịch với "chính sách từ bỏ"[55]. Sai lầm của ông ta là đã để cho d'Argenlieu quay trở lại Sài Gòn. Nếu ông ta và Blum kiên trì hơn trong việc thay thế d'Argenlieu, và nếu Đảng MRP chấp thuận, có lẽ đã có thể tránh được chiến tranh.

Cơ hội tiếp theo của Moutet xuất hiện khi Blum yêu cầu ông ta, vào ngày 18 tháng Mười hai, đi ngay đến Đông Dương, với sứ mệnh gặp gỡ Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau khi đến Sài Gòn vào ngày 25 tháng Mười hai, ông ta vấp phải sức ép phải từ bỏ sứ mệnh của mình. Khi Moutet rời Pháp, tờ *Le Populaire*, phát ngôn của SFIO đã gọi ông ta là "người mang thông điệp hòa bình"[56]. Khi có tin tức về những tuyên bố công khai của Moutet ở Sài Gòn, tờ *L'Aube* của Đảng MRP đã sử dụng thuật ngữ "người mang thông điệp hòa bình", quả quyết rằng giờ đây Moutet xứng đáng với danh xưng này hơn bao giờ hết[57]. Đại sứ Mỹ Jefferson Caffery thông báo với Washington rằng nhiều người tỏ ra hoài nghi về việc cử một "người ở độ tuổi và tính khí như Moutet" đến Đông Dương. Những người chủ trương ủng hộ chính sách vững vàng đều sợ ông ta sẽ có nhượng bộ mới đối với Hồ Chí Minh, trong khi trường phái hòa giải lo sợ ông ta sẽ chịu ảnh hưởng của những người theo chủ nghĩa thực dân ở Sài Gòn[58]. Nỗi lo sợ của những người theo trường phái hòa giải đã được xác thực. Moutet không gặp bất kỳ người nào mà ông ta có thể đưa ra nhượng bộ ở Việt Nam. Thay vì đi thẳng đến Hà Nội, ông ta đã để bản thân cuốn theo chuyến đi Sài Gòn, Phnôm Pênh và Viêng Chăn, và những quan chức Pháp tại đó giấu

nhẹm đi thông tin về những nỗ lực hết sức mình của Hồ Chí Minh nhằm tổ chức một cuộc gặp gỡ. Tuy nhiên, không thể đổ tội cho một mình d'Argenlieu trong việc này. Sự phản đối Việt Minh của Moutet đến quá nhanh và được diễn tả quá mạnh mẽ, nên có thể đủ để kết tội. Moutet không thể hoàn toàn chia sẻ mong muốn hòa bình của Blum, mặc dù dường như Blum tin tưởng ông ta. Sự tin tưởng này cũng được đồng tình bởi tờ *Franc-Tireur* của phe cánh tả, vào ngày 14 tháng Mười hai kêu gọi Blum giữ Moutet tiếp tục ở lại cương vị bộ trưởng. Khi nội các Pháp họp vào ngày 26 tháng Mười hai, Blum cam đoan với các đồng nghiệp của mình rằng Moutet và Leclerc có khả năng ngăn chặn d'Argenlieu có hành động tai hại. Moutet sẽ là đại diện trực tiếp của ông ta, có quyền đưa ra quyết định tại chỗ, và Leclerc sẽ là cố vấn quân sự của Moutet[59].

Moutet đã không bao giờ gặp Leclerc ở Đông Dương. Họ đi theo những lịch trình khác nhau và Moutet vẫn không ra Hà Nội mãi cho đến ngày 2 tháng Giêng. Ông ta ở đó chưa đến hai ngày và chẳng gặp gỡ ai. Những tuyên bố về tình hữu nghị với Nam Kỳ, Campuchia, Lào và "những người phái núi" [trong cách mạng tư sản Pháp], rải rác cùng với những lời bình luận đầy phẫn nộ về cuộc tấn công ngày 19 tháng Mười hai ở Hà Nội, đã được tường thuật lại một cách hấp dẫn trên các tờ báo ôn hòa và bảo thủ ở Pháp. Về phía cánh tả, tờ *L'Humanité* thất vọng, tờ *Le Populaire* mỉa mai và tờ *Franc-Tireur* nhạo báng. Khi nội các Pháp họp vào ngày 31 tháng Mười hai, bộ trưởng trẻ tuổi Guy Mollet thuộc SFIO đã hỏi Blum rằng liệu Moutet đang làm cái gì. "Tôi thừa nhận là tôi có một chút ngạc nhiên về sự im lặng của ông bạn già của tôi", Blum đáp lại. Mollet lại hỏi: "Ông gọi đây là sự im lặng à?". "Đúng thế, vì về phần mình, tôi chưa nhận được bất kỳ tin tức gì từ ông ta. Và điều làm tôi lo nhất là không thể nào bắt liên lạc được với Hồ Chí Minh"[60]. Blum không nói hết sự thật, vì trên thực tế, ông ta

đã nhận được một báo cáo từ Moutet, mô tả tình hình quân sự "tốt và sẽ trở nên tuyệt vời ngay khi đội quân tiếp viện đầu tiên đến nơi"[61].

Ngày 23 tháng Mười hai, Đài Tiếng nói Việt Nam đã phát đi mong muốn khẩn thiết gặp Moutet của Hồ Chí Minh: "Tôi gửi lời hoan nghênh đến Ngài, vì Ngài vừa là bạn cũ của tôi, vừa là đại diện của Nước Pháp Mới. Tôi muốn gặp Ngài và mong chờ cơ hội này để thể hiện thiện chí hòa bình sâu sắc của mình cũng như mong muốn hợp tác giữa hai nước, và cũng để có cơ hội trình bày những đề xuất của chúng tôi về việc tái lập mối quan hệ tốt đẹp giữa chúng ta"[62]. D'Argenlieu đưa cho Moutet một bản sao yêu cầu của Hồ Chí Minh, kèm theo đó là một bức thư do ông ta viết: "Tôi xin mạn phép lưu ý ngài về những hậu quả cực kỳ hệ trọng có thể có đối với tương lai của Đông Dương nếu có liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với bất kỳ đại diện nào của chính phủ Hà Nội"[63]. Khi Moutet ở Hà Nội, Hồ Chí Minh đã cố gửi một bức thư đến ông ta qua người đưa thư, nhưng người đó đã "biến mất". Trong đêm mùng 2 và rạng sáng 3 tháng Giêng, một trong những cố vấn của Moutet, đảng viên xã hội Pháp Léon Boutbien, đánh thức ngài bộ trưởng tại phòng ngủ để nói với ông ta rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh sẵn lòng gặp mặt. Moutet đáp rằng trước hết cần có một yêu cầu bằng văn bản có chữ ký của chính Chủ tịch Hồ Chí Minh. Boutbien giải thích rằng khó có thể dàn xếp nhanh được việc đó, và rằng hai người đưa thư đã bị giết. Trong khi đó, Hồ Chí Minh lại gửi một thông điệp mới đến Moutet thông qua lãnh sự Trung Quốc, nhưng trước khi thông điệp được gửi đi, Moutet đã đi rồi. Chỉ sau khi quay trở lại nước Pháp, ông ta mới nhận được thông điệp thứ hai của Chủ tịch Hồ Chí Minh[64].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chuẩn bị một bản bị vong lục dài cho Moutet, kèm theo 76 phụ lục, chứng minh trách nhiệm của phía Pháp đối với những đổ vỡ của Hiệp định ngày 6 tháng Ba và Tạm ước.

Đây chính là bản bị vong lục của Hồ Chí Minh ngày 31 tháng Mười hai 1946 được sử dụng triệt để trong công trình nghiên cứu này. Sau khi Moutet rời đi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sao gửi bản bị vong lục này qua nhiều kênh khác nhau, nhưng Chính phủ Pháp chỉ nhận được vào ngày 4 tháng Hai, khi Chính phủ Mỹ và các nước khác đã đọc nó hàng mấy tuần trước đó[65].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề xuất một thỏa thuận ngừng bắn ngay lập tức; trao trả tù binh; rút hết quân về những vị trí đã quy định trong các thỏa thuận ngày 6 tháng Ba và ngày 3 tháng Tư; không có thêm quân chi viện từ Pháp; và phác thảo khung sườn cho một hiệp định cuối cùng, trong đó gồm những nội dung: (a) tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân ở Nam Kỳ; (b) quan hệ ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài; (c) bộ máy tổ chức của Liên bang Đông Dương; và (d) xác định địa vị của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp. Khi những nội dung này được quyết định, hội nghị đàm phán một hiệp định Pháp - Việt mới cần được tổ chức ở Paris. Đây là những điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn bàn thảo. Moutet có thể đã bác bỏ hầu hết những nội dung đó[66], nhưng vẫn còn rất nhiều vấn đề có thể bàn luận, nếu cả hai phía đồng ý quay trở lại tuân thủ Tạm ước. Nhiệm vụ mà Blum giao cho Moutet không phải là không thể hoàn thành.

Tại sao Moutet lại bị cuốn theo dòng chảy bi kịch của lịch sử chứ không cố gắng ngăn trở nó? Ngày 19 tháng Mười hai đã chặn đường ông ta. Sẽ rất khó khăn nếu đi ngược lại những cảm xúc của quan chức và người dân Pháp tại Đông Dương vào thời điểm mà một số công dân Pháp bị giết và bị thương, trong khi lính Pháp thì đã tham gia vào cuộc giao tranh đẫm máu. Thật mạo hiểm nếu đi ngược lại những cảm xúc dân tộc ở trong nước. Moutet chọn giải pháp dễ dàng, và tuyên bố khi còn ở Hà Nội rằng "trước khi có bất cứ cuộc đàm phán nào, cần phải ra một quyết định quân sự ngày

hôm nay. Tôi lấy làm ân hận vì việc này, nhưng không ai phạm phải những việc như Việt Minh đã làm mà lại không bị trừng phạt". Sau tuyên bố này, Đài Phát thanh Việt Nam đã gọi ông ta là "người mang thông điệp chiến tranh"[67].

Khi Moutet quay trở lại Paris, Blum chỉ còn có vài ngày giữ chức thủ tướng lâm thời. Người kế nhiệm ông, Paul Ramadier, đã quyết định tiếp tục giữ Moutet làm bộ trưởng. Trước khi được Quốc hội bầu chọn để thành lập chính phủ mới, Ramadier đã ra tuyên bố, trong đó ông ta quả quyết rằng chiến tranh Đông Dương đã *bị áp đặt* lên nước Pháp. Pháp đã không muốn thế, và vẫn không muốn thế; nước Pháp sẽ chấm dứt chiến tranh ngay sau khi trật tự an ninh được lập lại. Trong thời gian đó, Pháp sẽ đảm nhận những trách nhiệm của mình. Đến đây, Bidault, một lần nữa trên cương vị ngoại trưởng, từ ghế ngồi của mình chen ngang vào: "Rất tốt!"[68].

Ngay khi Moutet quay trở lại Paris, ông ta và Blum đã thực hiện một động thái để củng cố quyền lực của mình. Bằng một nghị định chính phủ ngày 8 tháng Giêng 1947, ngài Bộ trưởng Hải ngoại Pháp đã tiếp quản vị trí Chủ tịch Cominindo của Thủ tướng[69]. Tuy nhiên, mãi đến ngày 21 tháng Giêng, Moutet mới thông báo cho d'Argenlieu về sự thay đổi này. Hệ thống cũ, như Moutet giải thích, đã dẫn đến "sự phân tán trách nhiệm, gây tổn hại đến việc quản lý hành chính một cách hiệu quả"[70]. Mục tiêu chính của cải tổ là nhằm giúp Bộ trưởng Hải ngoại Pháp có thể ra những chỉ thị trực tiếp cho cao ủy mà không phải hỏi ý kiến bất kỳ một ủy ban liên bộ nào. D'Argenlieu phản đối kịch liệt nghị định ngày 8 tháng Giêng. Ông ta xem đó là một "nghịch lý" khi mà giờ đây chính phủ phải dàn xếp những nỗ lực đáng nể về quân sự, tài chính và ngoại giao theo cách này. Thực hiện nghị định của chính phủ là điều không thể, ông ta kết luận[71]. Khi Moutet nhìn thấy những dòng này, ông ta nguệch ngoạc vào bên lề bức điện: "Hoan hô".

Không lâu sau, d'Argenlieu được triệu tập về Paris để hội ý[72]. Trong thời gian đó, ông ta đã có một sáng kiến mới gây nhiều tranh cãi. Ông ta mở rộng quyền lực của chính phủ Nam Kỳ lâm thời mà không xin phê chuẩn trước từ Chính phủ Pháp[73]. Việc này tạo cho Moutet một cái cớ ông ta cần để hiện thực hóa giấc mơ bấy lâu, và khi thời cơ đến, đúng lúc Đại sứ Mỹ Caffery yêu cầu Ngoại trưởng Bidault hãy hào phóng hơn. Bidault lúc này xoay sang bài hữu nghị. Ông ta cam đoan với đại diện Mỹ rằng Pháp sẽ hào phóng trong nỗ lực tìm kiếm một giải pháp và tiết lộ rằng chính phủ đã quyết định chấp thuận cho d'Argenlieu từ chức. Ông ta nói thêm rằng cánh cửa giờ vẫn mở cho một khả năng dàn xếp nào đó, và rằng kiến nghị của d'Argenlieu về việc chính phủ hứa không bao giờ quay lại giao thiệp với Hồ Chí Minh đã bị bác bỏ[74]. Như vậy, cùng là một người, trong vai trò thủ tướng đã ngăn cản Moutet hủy bỏ lệnh bổ nhiệm d'Argenlieu vào thời điểm mà việc đó có thể giúp ngăn chặn chiến tranh thì nay, khi chiến tranh đã là một thực tế, ông ta lại hưởng lợi về mặt ngoại giao từ quyết định thay thế Đô đốc d'Argenlieu. Chính phủ bác bỏ một số kế hoạch của d'Argenlieu với hy vọng rằng ông ta sẽ từ chức một cách tự nguyện. Tuy nhiên, de Gaulle nói với d'Argenlieu rằng chính ông ta mới là người đại diện cho nước Pháp, chứ không phải là chính phủ, vì vậy, ông ta nên ở lại cương vị của mình và buộc chính phủ phải quyết định sa thải d'Argenlieu. Cuối cùng thì, ngày 4 tháng Ba, chính phủ đã làm việc đó[75]. Như vậy, khi muốn là Moutet và Bidault có thể chống lại được de Gaulle và viên đô đốc của ông ta.

Blum, Ramadier, Moutet và Bidault đã xoay sở hơn cả tháng để tìm được một người kế nhiệm có khả năng và sẵn sàng thay thế d'Argenlieu. Tất cả những người này đều tha thiết mong mỏi Leclerc nhận vị trí đó. Rõ ràng là Leclerc cũng cảm thấy hấp dẫn, song lại từ chối hai đề nghị liên tiếp, sau mỗi lần hỏi ý kiến tư vấn

từ de Gaulle. De Gaulle bảo với ông ta rằng việc nhận vị trí thay thế d'Argenlieu sẽ là việc làm "chối bỏ chính bản thân chúng ta", và rằng Leclerc không bao giờ có thể có được sự hỗ trợ cần thiết từ chế độ hiện hành[76]. Một quan chức dân sự, chính trị gia cấp tiến Emile Bollaert khi đó đã nhận nhiệm vụ này. Trong hầu hết thời gian thiếu quyết đoán khi Bollaert làm Cao ủy, khả năng liên hệ lại với Hồ Chí Minh vẫn bỏ ngỏ. Trong khi đó, kế hoạch khôi phục Bảo Đại bị gác sang một bên. Khi Moutet từ chức vào tháng Mười 1947, chính sách của Pháp trở nên nhất quán hơn, với mục tiêu hiện thực hóa tham vọng của Pignon về việc tạo ra một quốc gia mới, độc lập trên danh nghĩa và nằm dưới sự điều khiển của nước Pháp, lấy Sài Gòn làm thủ đô. Việt Nam sắp sửa bị chia cắt theo ý thức hệ và xã hội, mục đích là nhằm chuyển hóa cuộc đấu tranh giữa Pháp và Việt Nam thành một cuộc nội chiến.

Giữa tháng Ba 1947, Moutet bảo vệ chính sách của mình trước Quốc hội. Đó là một buổi thảo luận về bản kiến nghị cấp ngân sách đáng kể cho chiến tranh. Ông ta không tìm cách đổ lỗi cho d'Argenlieu, mà lại tiếp tục bảo vệ ông này. Mặc dù d'Argenlieu có thể bị khiển trách vì thường xuyên hành động mà không chờ chỉ thị, ông ta không thể bị buộc tội không tuân lệnh, Moutet nói. Khi bị chỉ trích vì không bao giờ chốt một ngày cụ thể để trưng cầu ý dân về thống nhất Việt Nam như đã hứa, Moutet đã nhận hết mọi trách nhiệm cho sự chậm trễ đó. Ông ta tuyên bố rằng thật khó có thể tổ chức các cuộc bầu cử tự do trong tình trạng hoảng sợ. Ông ta bình luận ngắn về vụ chiếm đóng Hải Phòng, khẳng định rằng Việt Nam đã nổ súng trước, và rằng Pháp đã phải chịu những tổn thất nặng nề. Tuy vậy, ông ta không phủ nhận rằng những sự kiện xảy ra tại Hải Phòng có "mức độ nghiêm trọng nhất định".

Liên quan đến sự kiện ngày 19 tháng Mười hai, Moutet biết chắc rằng khi quyết định tấn công, lãnh đạo Việt Nam không hề

biết đến việc Blum đã cử ông ta dẫn đầu phái bộ hòa bình. Họ không quan tâm đến điều đó và nuôi hy vọng là sẽ khiến quân Pháp bị bất ngờ, quét sạch lính Pháp khi đang còn mải mê trong rạp chiếu bóng, quán cà phê và sàn nhảy. Chỉ nhờ có những cảnh báo từ đội mật thám xuất sắc của Pháp mà quân lính Pháp đã được cứu khỏi tay "những sao hôm Bắc Kỳ" này. Moutet trích một đoạn trong bức thư thân thiện của Hoàng Hữu Nam, được gửi đi vài giờ trước cuộc đột kích. Cái kiểu tỏ ra thân thiện trong khi lại đang chuẩn bị tấn công thực sự là rất "Viễn Đông", Moutet nói, rõ ràng là muốn nhắc đến vụ Trân Châu cảng. Moutet không cáo buộc trách nhiệm đối với cá nhân Hồ Chí Minh. Ông ta cho rằng những kẻ quá khích đã nắm quyền hành trong khi Hồ Chí Minh đang đi sang Pháp. Đáp lại, một chính trị gia bảo thủ đã chỉ ra rằng Hồ Chí Minh cũng gửi một bức thư thân thiện vào ngày diễn ra cuộc tấn công...

Điều gì đã cản trở Moutet làm điều cần phải làm để ngăn chặn chiến tranh Đông Dương, hoặc ngưng nó lại sau khi chiến tranh đã nổ ra? Vẫn chưa có câu trả lời chắc chắn. Có lẽ ông ta quan ngại về sự nghiệp chính trị của mình[77]. Có lẽ ông ta thiết tha muốn tiếp tục cộng tác suôn sẻ với Đảng MRP. Có lẽ ông ta cảm thấy rằng mình cần phải chịu trách nhiệm ngay đối với những hành động mà mình không thể kiểm soát được. Nhà sử học Martin Thomas đã phân tích những lý do khiến Moutet thất bại, cả trong năm 1946 và mùa thu năm 1947, khi một lần nữa ông ta không đòi được quyền lợi cho mình và mất chức bộ trưởng. Thomas đưa ra ba cách lý giải. Thứ nhất, Moutet không có khả năng củng cố ảnh hưởng cá nhân của mình trong nội các liên minh, dù có quan hệ gần gũi với Gouin, Blum và Ramadier - các thủ tướng thuộc SFIO. Điều này nói lên rằng Moutet không lấy được lòng tin của Bidault. Thứ hai, ông ta không có quyền hành gì đối với bộ sậu chính quyền ở Sài

Gòn. Điều này rõ ràng là đúng, và vấn đề vừa mang tính cá nhân vừa mang tính cấu trúc. Moutet không có được sự ủng hộ của Bidault để có thể làm điều gì đó ngăn chặn quyền lực quá đà của d'Argenlieu. Và, thứ ba, Moutet đã "bị thất bại do SFIO không định ra được một chủ nghĩa cải cách thực dân hậu chiến tranh có tính nhất quán". Cũng giống như các đảng cánh trung và cánh hữu, đảng viên xã hội không sẵn sàng chịu nguy cơ mất đi quyền quản lý với tư cách là mẫu quốc[78].

Có lẽ vấn đề của Moutet nằm ở chỗ đơn giản là ông ta tin vào những điều bản thân nói. Ông ta nóng lòng muốn ngăn chặn Nam Kỳ khỏi rơi vào tay những người cộng sản và ủng hộ ý tưởng Nam Kỳ tự trị. Cá nhân ông ta cũng tham gia vào nỗ lực tìm cách bảo vệ các dân tộc thiểu số ở cao nguyên[79]... Những nhân tố chính trong "chính sách thỏa thuận" của ông ta là sự cảm tình cá nhân đối với Hồ Chí Minh và sự chú trọng đến những lợi ích của Pháp ở Nam Kỳ hơn là Bắc Kỳ. Đây là những lý do chính để ông ta ký Tạm ước, nhưng sau khi thỏa thuận ngừng bắn ngày 31 tháng Mười làm suy yếu sức mạnh của Pháp ở Nam Kỳ, chính sách của ông ta trở nên khó theo đuổi. Ông ta cần một thỏa hiệp cho phép Việt Minh kiểm soát phía Bắc trong khi Pháp tiếp tục thống trị phía Nam. Đầu tháng Mười một, khi nhóm của d'Argenlieu quyết định rằng chính sách này không đứng vững được, và thay vào đó nhắm đến mục tiêu đối đầu trực tiếp ở phía Bắc, Moutet không chỉ đạo Comindo và cũng không đủ kiên quyết để tìm cách hủy quyết định bổ nhiệm d'Argenlieu. Tuy nhiên, một lần nữa, nếu người Việt Nam không tấn công vào ngày 19 tháng Mười hai, nếu Moutet đi gặp Hồ Chí Minh ở Hà Nội, Moutet có lẽ đã có cơ hội tốt hơn để tạo nên một giai đoạn lịch sử khác hơn, hòa bình hơn. Khi chiến tranh leo thang dữ dội ở Đông Dương, Moutet đã bị ám ảnh bởi cảm giác tội lỗi: "Tôi đã gặp ác mộng khi phải chịu phần nhiều trách nhiệm cho

những gì đã xảy ra ở Đông Dương", ông ta phát biểu trước Thượng viện Pháp ngày 12 tháng Mười một 1953[80]. Ông ta không đổ lỗi cho d'Argenlieu, người đã thực hiện nhiệm vụ của mình. Lúc này, Moutet nhấn mạnh rằng ông ta là chính trị gia duy nhất đã từng đàm phán với Hồ Chí Minh, và rằng Hồ Chí Minh đã nói với ông ta khi họ gặp nhau tại sân bay tháng Sáu 1946: "Ông là người bạn lâu năm nhất của tôi; tôi trông cậy vào ông để có thể đi đến một kết quả nào đó. Tôi sẽ làm mọi việc trong quyền hạn của mình". Ngày 18 tháng Mười hai 1954, sau trận Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ, Moutet cố gắng an ủi mình bằng cách khẳng định rằng sau tất cả thì lỗi không phải chỉ của mình ông ta. Thất bại của ông ta là do thiếu sự ủng hộ: "Tôi đã làm tất cả trong quyền hạn của mình để ngăn chặn cuộc chiến này", ông ta biện luận như vậy hồi tháng Tám 1955. "Tôi không tìm được bất cứ ý kiến nào trong Quốc hội cũng như trong dân chúng sẵn sàng ủng hộ tôi, thậm chí không có cả những công cụ cần thiết để đưa đàm phán đi đến thành công, mà nếu không đã có thể giúp ngăn chặn cuộc chiến tranh kéo dài sáu năm và sự hy sinh của hàng trăm nghìn con người", ông ta than vãn vào tháng Chín 1955[81].

Về phía Việt Nam, các nhà lãnh đạo chống cộng của Việt Nam Quốc dân Đảng và các phe phái theo chủ nghĩa dân tộc khác có rất ít cơ hội để gây ảnh hưởng lên các sự kiện sau khi những người bảo hộ Trung Quốc của họ rời đi. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cấm các tổ chức này hoạt động và ép buộc lực lượng quân sự của họ hoặc phải đầu hàng hoặc gia nhập lực lượng do Việt Minh kiểm soát[82]. Một số lãnh đạo chống cộng người Việt cũng muốn có một cuộc chiến tranh Pháp - Việt, vì điều này có thể khiến cả Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa suy yếu, mở ra những cơ hội mới cho việc lập ra một ban lãnh đạo quốc gia khác. Một số lãnh đạo phi cộng sản sống bí mật ở Hà Nội, và Nguyễn Đệ, Ngô Đình Diệm,

Nghiêm Kế Tổ là những người có liên hệ với mật thám Pháp bằng cách này hay cách khác. Pignon đóng kịch với họ. Vào ngày 4 tháng Mười hai, ông ta nhắc lãnh sự Pháp ở Côn Minh không làm gì có hại cho những vị lãnh đạo lưu vong này: "Cụ thể là, trong chừng mực liên quan đến Việt Nam Quốc dân Đảng, có vẻ như chúng ta không có lợi gì khi chú ý quá nhiều đến tính chất bài xích người Pháp của đảng này ở thời điểm hiện tại"[83]. Vị giám đốc chống cộng của Nhà máy điện Yên Phụ, là người nằm dưới sự che chở của mật thám Pháp, đã đóng một vai khó hiểu khi nhà máy của ông ta bị phá hủy vào tối 19 tháng Mười hai. Khi nghe tin chiến sự nổ ra, một nhóm các chính trị gia người Việt theo chủ nghĩa dân tộc ở Nam Ninh đã thông báo về việc lập nên một "chính phủ lâm thời Việt Nam" để đề phòng sự can thiệp của Trung Quốc và Mỹ, và Bảo Đại đã đi từ Hồng Công đến Quảng Châu để gặp các chính trị gia người Việt lưu vong vào ngày 20 tháng Mười hai[84]. "Chính phủ" lưu vong thành lập ở Nam Ninh vào dịp này sẽ không bao giờ có vai trò gì, mặc dù một vài thành viên trong đó sau này đã ủng hộ "giải pháp Bảo Đại". Tuy nhiên, cũng khá tò mò là John Carter Vincent, Trưởng Văn phòng Á châu của Bộ Ngoại giao Mỹ đã nói với đại sứ Pháp ở Washington vào ngày 10 tháng Giêng 1947 rằng dường như một đảng, mà tên tiếng Việt tương tự như Quốc dân Đảng của Trung Quốc (rõ ràng là Việt Nam Quốc dân Đảng) chính là người thực sự châm ngòi cho chiến sự[85]. Liệu ông ta đã biết điều gì đó mà chưa có ai từng tiết lộ hay không? Có một điều chắc chắn là phe đối lập chống cộng không phải là lực lượng ủng hộ hòa bình.

HỒ CHÍ MINH VÀ VÕ NGUYÊN GIÁP

Ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hai người có quyền quyết định chính lúc đó là Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, mặc dù họ vẫn

phối hợp với Ban Thường vụ Đảng Cộng sản đang rút lui vào hoạt động bí mật. Có lẽ chúng ta không thể biết được liệu Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tướng Giáp có đồng quan điểm vào ngày 19 tháng Mười hai hay không. Không cựu binh Việt Nam nào sẽ thừa nhận mình bất đồng ý kiến với Bác Hồ hay không thực hiện những chỉ thị của Người. Hồ Chí Minh cũng đã nhắc nhở người Pháp vào một dịp trước đó rằng đừng nghĩ ông Giáp sẽ thách thức quyền lãnh đạo của ông: "ông Giáp toàn tâm toàn ý đối với tôi; ông ta ở vị thế đó vì được sự ủng hộ của tôi; ông ta và những người khác không thể làm khác được nếu không có sự đồng ý của tôi. Tôi là người lãnh đạo chủ chốt của cuộc cách mạng này", ông Hồ nói với Tướng Salan vào cuối tháng Năm[86]. Tuy vậy, có rất nhiều dấu hiệu, đáng chú ý từ phía mật vụ Pháp, cho thấy rằng Hồ Chí Minh, Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám và Thứ trưởng Nội vụ Hoàng Hữu Nam đã nhẫn nại và kiên trì hơn ông Giáp đối với việc tranh thủ phái hữu trong giới chính trị Pháp[87].

Ông Giáp có lẽ đã biện hộ cho các chiến sĩ, những người muốn trả đũa cuộc thảm sát ở Hải Phòng và ngăn chặn trước một cuộc tấn công đẫm máu tương tự của người Pháp tại Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh biết rõ giới cầm quyền Pháp nhờ khoảng thời gian hoạt động ở Pháp những năm 1920 và trong mùa hè năm 1946. Ông Giáp sống cả đời ở Việt Nam và có thời gian ở nước láng giềng Trung Quốc, và trước Cách mạng Tháng Tám đã dành hết tâm sức tổ chức các cuộc tấn công du kích chống Pháp và quân đội Nhật, và xây dựng lực lượng vũ trang cho Việt Nam. Những nỗ lực của ông trong vai trò điều đình tại Đà Lạt vào tháng Tư - tháng Năm đã không có kết quả... Cuối năm 1946, ông đã chuẩn bị quay trở lại chiến khu cách mạng. Hồ Chí Minh cũng thế, nếu cần thiết. Ông đã nhiều lần cảnh báo người Pháp và phương Tây rằng ý chí phản kháng của người Việt vô cùng mạnh mẽ. Vào ngày 5 tháng Mười một,

Hồ Chí Minh đã soạn thảo chỉ thị "Công việc khẩn cấp bây giờ", mà sau này thường được kính cẩn nhắc đến là thể hiện của "tư tưởng Hồ Chí Minh". Lường trước được cuộc tấn công của người Pháp, Hồ Chí Minh đã nói về yêu cầu phải trường kỳ kháng chiến. Điều quan trọng nhất là làm sao để giữ vững quyết tâm của nhân dân. Ông viết: "Dù địch thua đến 99%, nó cũng ráng sức cắn lại. Vì nó thất bại ở Việt Nam, thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc nó sẽ tan hoang... Dù phải rút khỏi các thành phố, ta cũng không cần. Ta sẽ giữ tất cả thôn quê... nhất định kháng chiến được mấy năm, đến thắng lợi"[88].

Chủ tịch Hồ Chí Minh xem chiến tranh là một khả năng, nhưng không phải là không tránh được, và trong khoảng thời gian kể từ khi ký Tạm ước cho đến khi chiến tranh nổ ra, có lẽ ông đã suy đi tính lại nhiều lần về việc liệu có thể giữ chính phủ ở lại Hà Nội hay không. Tài làm bạn với kẻ thù của ông có lẽ đã giúp ích nhiều cho Việt Nam. Đa số những việc ông làm công khai trong tháng Mười một - Mười hai 1946 và những tháng tiếp theo, khi ông liên tục kêu gọi ngừng bắn[89], chứng thực cho mong muốn ngăn ngừa xung đột vũ trang xảy ra, hoặc ít nhất là trì hoãn điều đó chừng nào còn có thể, trong khi nhấn mạnh với Chính phủ Pháp về sự cần thiết phải phản đối những hành động của d'Argenlieu. Chủ tịch Hồ Chí Minh chắc cũng lấy làm lạ là chiến tranh vẫn nổ ra với Pháp khi những người đồng chí của ông đang nắm quyền trong Chính phủ Pháp. Có hai việc gây tò mò là cá nhân ông đã không ký vào dự thảo kêu gọi kháng chiến mà ông đã bàn thảo với ông Giáp, Lê Đức Thọ và Trường Chinh vào chiều ngày 19 tháng Mười hai, và Trường Chinh phải ký vào văn bản này thay cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, và lời kêu gọi không phát đi trên sóng phát thanh vào 8h tối như đã nhất trí, mà lại được phát vào ngày hôm sau. Sau cuộc họp với Ban Thường vụ, Hồ Chí Minh chuyển đến một

tòa nhà an toàn cách trung tâm Hà Nội 32 km. Trừ phi có thể liên lạc với ông Giáp qua điện thoại, còn không thì ông không thể dự phần vào bất cứ quyết định nào tiếp sau. Trong hồi ký của mình viết năm 1995, ông Giáp tiết lộ rằng sau sự kiện ở Hải Phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tránh rơi vào bẫy của Pháp: "Người Pháp đang đợi thời cơ để tấn công ta. Ta phải tìm mọi cách để tránh nổ ra một cuộc chiến tranh tổng lực. Trong khi chuẩn bị lực lượng để trường kỳ kháng chiến, ta không được để mình bị rơi vào bẫy do những hành động khiêu khích của kẻ thù"[90]. Khi trích dẫn những lời này, liệu ông Giáp có cảm thấy là chính mình đã rơi vào bẫy không?

Trong toàn bộ "ba mươi năm chiến tranh", từ năm 1945 đến 1975, ông Giáp giữ chức Bí thư Quân ủy Trung ương của Đảng Cộng sản, mặc dù ông chia sẻ quyền lực với nhiều người khác trong các vấn đề quân sự[91]. Trận Điện Biên Phủ năm 1954 là thời cực thịnh của ông. Trong cuốn tiểu sử về ông năm 1997 có tựa đề *Victory at Any Cost* (Chiến thắng bằng bất cứ giá nào), Cecil B. Currey dựa trên những nghiên cứu và các buổi phỏng vấn của mình đã tuyên bố rằng "Đại tướng Võ Nguyên Giáp không phải là một người dễ chịu", nhưng cũng nói thêm rằng đây là điểm chung của tất cả các nhà quân sự nổi tiếng[92]. Trước khi trở thành tướng, ông Giáp là một nhà sử học đã đọc tất cả những gì ông có thể tìm thấy về lịch sử nước nhà, và về Napoleon Bonaparte. Một cảnh sát trưởng người Pháp đã hỗ trợ ông trong việc nghiên cứu vì mến tài của chàng trai trẻ. Trong giai đoạn đầu của Chiến tranh thế giới thứ hai, ông Giáp đã để người vợ đang mang thai của mình ở lại Hà Nội và bí mật sang Trung Quốc. Khi trở về vào năm 1945, ông mới biết rằng vợ mình đã bị tra tấn và chết trong nhà tù Pháp. Người vợ thứ hai của ông, Giáo sư Đặng Bích Hà, người kết hôn với ông năm 1946, cũng là một nhà sử học. Và ông Giáp trở lại

nghiên cứu lịch sử khi về già. Tôi gặp ông bốn lần tại Hà Nội, lần cuối là vào tháng Mười hai 2005. Tháng Chín 1992, chúng tôi đã nói về sự kiện 19 tháng Mười hai. Ông đã tìm hiểu những công trình nghiên cứu đã xuất bản của Devillers và tôi, trong đó tôi cho rằng người Pháp đã kích động chiến tranh, và đặt ra giả thuyết là một người nào đó, cõ lẽ là những kẻ được cài vào, đã đặt ông Giáp và Hồ Chí Minh vào tình thế "sự đã rồi". Ông Giáp ngay lập tức bảo rằng tôi đã sai. Ông nói, chúng tôi nhận ra rằng chiến tranh là không thể tránh được, và vào ngày hôm ấy, chúng tôi đã quyết định giành lấy thế chủ động. Sau này, ông Giáp cũng lặp lại điều tương tự với những vị khách khác[93]...

Cuộc đời và những thành tựu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp quả là rất đáng nể. Ông quả quyết mình đã xây dựng quân đội từ con số không và đã ra quyết định có tính vận mệnh, khởi đầu cho một chuỗi các cuộc chiến tranh. Cuối cùng, khi sống lâu hơn hầu hết những người cùng thời, ông đã có thể ngồi lại để viết ra những trang hồi ký dài, soi sáng mình trên cương vị như là một người anh hùng dân tộc.

Phần hồi ký đầu tiên của ông Giáp được viết ra vào đầu thập niên 1970, khi Việt Nam vẫn còn chưa thống nhất... Ông Giáp bắt đầu bài tường thuật của mình bằng sự kiện ông và Bác Hồ quay lại Hà Nội vào cuối tháng Tám 1945, không lâu sau khi lãnh đạo Việt Minh giành được chính quyền từ tay người Nhật, và ông kết thúc bài tường thuật thứ nhất trong số những bài đã xuất bản ở sự kiện ngày 6 tháng Ba 1946:

> Như vậy là, trong tình huống cực kỳ hoang mang và phức tạp lúc đó, các cuộc thương lượng giữa chúng ta và người Pháp đã đưa đến một hiệp định sơ bộ. Đây là điều ước quốc tế đầu tiên mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với một nước ngoài... Thay mặt cho dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện cho nhân dân thế giới thấy ước

muốn chân thành của chúng ta về hòa bình - một nền hòa bình thực sự - trong độc lập và tự do. Và vì chúng ta không thể có được hòa bình bởi những hành động tham lam và mù quáng của chủ nghĩa đế quốc, đây là thời điểm hòa hoãn để chuẩn bị trường kỳ kháng chiến, mà chúng ta tin rằng nhất định thắng lợi[94].

Bài tường thuật tiếp theo của ông Giáp kết thúc vào ngày 19 tháng Mười Hai bằng dấu ba chấm, ngay gần nơi cần thiết nhất:

Bóng tối bắt đầu bao phủ. Cả thành phố im ắng một cách bất thường. Trời rất lạnh và khô. Những căn nhà dường như co cụm lại phía sau và tự mình đứng sưởi ấm trong ánh đèn điện vàng vọt. Bề ngoài, thành phố dường như trở nên lười biếng trong cái lạnh và đi ngủ sớm. Nhưng dưới cái vẻ yên tĩnh này, hàng hàng lớp lớp sóng đã sẵn sàng dâng lên. Tất cả quân lính đều đã vào vị trí. Thông tin cho biết là không có một lính Pháp nào có mặt ở các nhà hàng, quán rượu hay trên đường phố. Và những chiếc xe bọc thép của kẻ thù bắt đầu tiến ra chốt chặn một số giao lộ...[95]

Không một từ nào nói về những quyết định của ông, chỉ có ánh đèn điện vàng vọt, chờ đợi người tất để những lớp sóng cồn của chiến tranh có thể dâng lên.

Ông Giáp cho xuất bản nhiều tài liệu về chiến thắng Điện Biên Phủ, nhưng mãi cho đến thập niên 1990 ông mới một lần nữa đào sâu vào ngọn nguồn của tấn thảm kịch ở Việt Nam. Lần này, ông nói về việc không thể tránh khỏi sự kiện ngày 19 tháng Mười hai trong một hồi ký mới đầy đủ chi tiết, một bản tường thuật gồm ba tập được viết với sự trợ giúp của Đại tá Hữu Mai. Hồi ký bao trùm toàn bộ cuộc chiến tranh chống Pháp, kết thúc bằng chuyến trở lại Hà Nội trong chiến thắng của Bác Hồ và ông Giáp vào tháng Mười 1954. Bản hồi ký này được đào sâu suy nghĩ hơn và ít mang tính cảm xúc hơn, không như các bản ông viết trong thập niên 1970. Và ông Giáp đi ngay vào trọng tâm vấn đề trong một phụ chương

nhan đề "Chiến tranh hay hòa bình". Đầu tiên, ông trích dẫn một câu hỏi ông đã nhận được từ con gái của Tướng Leclerc: "Liệu cuộc chiến tranh giữa Pháp và Việt Nam đã có thể tránh được hay không?"[96]. Ông Giáp đáng được tuyên dương khi nêu ra câu hỏi này. Sau khi chiến tranh nổ ra, mọi người luôn có xu hướng xem đó là điều không thể tránh được. Ví dụ như Sainteny, vào năm 1973, đã nói rằng "sau chuyện xảy ra ở Hải Phòng, không thể đảo ngược các chuỗi sự kiện tiếp theo"[97]. Đối với ông Giáp, người gánh vác rất nhiều trách nhiệm không chỉ đối với quyết định mở màn cuộc chiến, mà còn đối với sinh mệnh và sự thống khổ của nhiều người trong tất cả các cuộc chiến tranh Đông Dương, thì có lẽ thật không thể chịu đựng được nếu xem xét đến khả năng bi kịch này bắt đầu do một sự hiểu nhầm. Trong thập niên 1970, ông Giáp mặc nhiên xem những cuộc chiến đó là không tránh được[98]. Việt Nam sẽ không bao giờ có được độc lập và thống nhất nếu không có kháng chiến. Ông đã tổ chức và lãnh đạo đất nước trong một cuộc đấu tranh mà người Pháp và người Mỹ đã áp đặt lên người Việt. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhận ra rằng một cuộc đối đầu quân sự là không thể tránh khỏi lúc Người trở về Hà Nội sau khi ký Tạm ước[99].

Có hai cách để suy ngẫm về sự không thể tránh khỏi của một cuộc chiến tranh và thường dẫn đến những kết luận đối lập nhau. Một mặt, cách thứ nhất là đánh giá mục đích của các bên và đặt câu hỏi liệu có thể có một giải pháp đôi bên cùng có lợi hoặc một thỏa hiệp bền vững nào hay không. Phương pháp này có xu hướng củng cố những luận điểm về việc chiến tranh là không thể tránh khỏi, bởi chính những mục tiêu cao nhất, chứ không phải thấp nhất, đã lưu dấu trên những cứ liệu lịch sử. Những văn bản và tuyên bố được chuyên dùng để diễn giải và thúc đẩy cho việc đạt được những mục tiêu cao nhất, trong khi những người có quyền quyết định lại muốn giữ cho mình những điểm cốt yếu nhất.

Thậm chí, có thể họ còn không nhận thức được những điểm cốt yếu đó; khi các nhà lãnh đạo thực sự thiết tha muốn tránh hoặc ra khỏi chiến tranh, họ có thể đi rất xa khỏi những gì mà họ đã tự mình tưởng tượng là những điểm cốt yếu nhất.

Cách thứ hai để xem xét câu hỏi liệu có thể tránh được chiến tranh hay không là đánh giá chính xác hoàn cảnh, tình huống tại thời điểm chiến tranh nổ ra, cân nhắc các yếu tố ngẫu nhiên, và xem xét cần phải thay đổi điều gì để dẫn đến một kết cục khác. Khi sử dụng phương pháp này, các sử gia có thể dễ dàng có ấn tượng là rất nhiều khả năng chiến tranh có thể tránh được, và do vậy, sẽ có xu hướng diễn giải nguyên nhân theo kiểu lựa chọn sai lầm, hoàn cảnh không may hoặc "hành động hoàn toàn dại dột"[100].

Chương đầu tiên của quyển sách này có xu hướng củng cố luận điểm rằng chiến tranh là không thể tránh khỏi bằng cách chỉ ra rằng những người cộng hòa mới của Pháp và Việt Nam, mỗi bên đều có những kế hoạch cải tổ đầy tham vọng, đã mâu thuẫn với nhau như thế nào ở Đông Dương. Cả hai bên đều không hài lòng với Hiệp định ngày 6 tháng Ba mà Trung Quốc đã ép buộc họ phải ký; cả hai bên đều xem đó là một bước "lùi để tiến". Khi Trung Quốc rút quân, có vẻ như hiển nhiên một cuộc xung đột công khai là kết quả của sự bất cân xứng lớn trong mục tiêu của hai bên. Tuy nhiên, Chương 6, nói đến việc cắt điện ở Hà Nội, lại mang đến ấn tượng là nếu tình huống lúc đó chỉ khác đi một chút thì lịch sử Đông Dương sau này có lẽ đã khác rồi.

Ông Giáp đã giải quyết vấn đề như thế nào? Ông không lập tức bác bỏ ý tưởng là đã có thể tránh được chiến tranh, nhưng trích dẫn lời của hai sử gia phương Tây, Devillers và Tønnesson, những người không ngừng đặt câu hỏi ai đã khơi mào chiến tranh. Ông cho biết họ vẫn lúng túng không trả lời được, vì họ thấy rằng Hồ Chí Minh đã làm hết sức mình để ngăn chiến tranh,

nhưng "quân đội Việt Nam non trẻ và các đội tự vệ là những người nổ súng trước". Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đánh dấu sự khởi đầu của Chiến tranh lạnh, đưa các cường quốc đế quốc đến chỗ tăng cường đàn áp các cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp nơi, ông Giáp giảng giải. Vì Việt Nam là quốc gia đầu tiên thuộc Thế giới thứ ba thành lập một chính phủ cộng sản, nó trở thành mục tiêu bao vây. Thực ra cuộc chiến tranh tái chiếm của thực dân bắt đầu từ rất lâu trước thời điểm ngày 19 tháng Mười hai bằng sự kiện Pháp đảo chính ở Sài Gòn ngày 23 tháng Chín 1945 và cuộc kháng chiến diễn ra sau đó ở miền Nam. Đúng là thỏa thuận ngừng bắn đã được ghi nhận trong bản tạm ước, ông Giáp thừa nhận, nhưng ông cũng nhận ra rằng sẽ "khó" tránh chiến tranh khi ông gặp gỡ d'Argenlieu tại Đà Lạt vào tháng Tư. Sau đó, tháng Mười một xảy đến các cuộc tấn công của người Pháp ở Hải Phòng và Lạng Sơn, và tình hình ở Hà Nội xấu đi. Tuy thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm tất cả để cố gắng "tạm thời ngăn chặn xung đột lan rộng hoặc ít nhất trì hoãn sự bùng nổ của nó"[101]. Quân đội đã được lệnh duy trì kỷ luật chặt chẽ và không được để bị kích động. Vào ngày 13 tháng Mười hai, một cuộc họp bất thường đã diễn ra gần Hà Nội, trong đó có mặt tất cả các vị chỉ huy quân sự chính của Việt Nam. Họ thông qua một kế hoạch hành động và thống nhất những mật mã sẽ sử dụng trong lệnh tấn công cuối cùng. Bức "tối hậu thư" của Pháp ngày 18 tháng Mười hai đe dọa rằng Pháp sẽ nhận trách nhiệm giữ gìn an ninh cho Hà Nội chậm nhất là vào ngày 20 tháng Mười hai đã nhắc ông Giáp nhớ đến bức tối hậu thư tại Hải Phòng một tháng trước đó, khi người Pháp chắc chắn sẽ ra lệnh bắn do thời hạn đưa ra trong thư quá ngắn. Cần phải ngăn không để sự việc tương tự xảy ra khiến thủ đô thất thủ: "Đây sẽ là một nhiệm vụ nặng nề của lịch sử"[102]. Đây là lý do tại sao Ban Thường vụ Trung ương Đảng trong cuộc họp ở Vạn Phúc ngày 19 tháng Mười hai

quyết định sử dụng những mật mã đã được thống nhất sáu ngày trước đó và phát đi lệnh tấn công vào lúc 8h tối. Ông Giáp cho rằng, dường như tại thời điểm đó, cuộc tấn công có lẽ là quá muộn bởi bức tối hậu thư của người Pháp có thể cho phép quân Pháp giành thế chủ động ngay trong sáng hôm sau.

Vấn đề đặt ra đối với bản tường thuật này là người Pháp không định tấn công, và yêu cầu đưa ra ngày 16 tháng Mười hai không phải là một bức tối hậu thư. Chính phủ Pháp đã nói rõ rằng quân Pháp không được chủ động gây sự trong bất kỳ một sự kiện nghiêm trọng nào diễn ra sau đó. Chính vì thế mà d'Argenlieu, Valluy và Pignon cần ông Giáp động tay trước. Ông Giáp không thể biết điều này vào thời điểm đó, nhưng khi xuất bản hồi ký của mình năm 1995, ông đã biết: "Các nhà nghiên cứu tất nhiên sẽ tìm thấy chứng cứ trong các hồ sơ lưu trữ về chiến tranh Đông Dương, cho thấy rằng Tướng Valluy và cố vấn chính trị của ông ta, Léon Pignon, bộ đôi nắm quyền quản lý quân đoàn viễn chinh tại thời điểm đó, cần mở rộng xung đột ở miền Bắc Việt Nam ngay lập tức nhằm đẩy chính phủ xã hội mới thành lập của Léon Blum vào thế sự đã rồi"[103], ông viết. Cho đến nay, mọi việc diễn tiến theo chiều hướng của nó, các sử gia đã khiến ông Giáp phải chú ý đến những phát hiện của họ trong các hồ sơ lưu trữ; nhưng sau đó, thay vì thừa nhận mình bị rơi vào bẫy, ông Giáp lại cho rằng: "Tuy nhiên, đừng quên vai trò của d'Argenlieu, tên thầy tu đã rũ áo cứng đầu ấy. Và cũng đừng quên một Harry Truman chống cộng, người kế nhiệm Franklin Roosevelt lãnh đạo thế giới tự do". Ông Giáp thừa nhận rằng đã có những người trong Chính phủ Pháp nhìn thấy trước viễn cảnh một cuộc chiến tranh tăm tối chống Việt Nam, nhưng lời của họ chỉ như nước đổ lá khoai: "Chủ nghĩa đế quốc đinh ninh rằng họ dễ dàng đánh bại các quốc gia nhỏ yếu bằng vũ lực".

Sau đó, ông Giáp đã gợi lại những ký ức về Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhắc nhở chúng ta rằng thậm chí sau ngày 19 tháng Mười hai, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không từ bỏ hy vọng vãn hồi hòa bình. Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào có thể giúp lập lại hòa bình, vì lợi ích của hai dân tộc: "Tuy nhiên, ngọn lửa chiến tranh không thể dập tắt được chỉ từ một phía". Với câu nói này, ông Giáp đã quét sạch mọi sự chỉ trích đến từ phía giới nghiên cứu lịch sử và quay trở lại với quan điểm của mình: "Trong bối cảnh này, những sự kiện diễn ra vào đêm 19 tháng Mười hai 1946 cũng như chiến tranh ở Việt Nam thành ra không thể tránh khỏi"[104].

CHÚ THÍCH

LỜI GIỚI THIỆU

Lời đề từ: Herbert Butterfield, *History and Human Relations* (London: Collins, 1951), tr. 9.

1. Butterfield, *History and Human Relations,* tr. 20.
2. Gabriel Kolko, trong *Anatomy of a War: Vietnam, the United States, and the Modern Historical Experience* (New York: Pantheon Books, 1985), tr.36, và *Century of War: Politics, Conflicts, and Society since 1914* (New York: New Press, 1994), tr. 342, là một trong những cuốn sách hiếm hoi đề cao tầm quan trọng về mặt chính trị của nạn đói lên đến đỉnh điểm vào tháng Ba - tháng Tư 1945 trong việc chuẩn bị cơ sở cho cuộc cách mạng sau đó. Những người cộng sản đã tận dụng nạn đói này để tổ chức phong trào "phá kho thóc cứu đói". Kolko cho rằng đến tháng Ba 1945, nạn đói đã cướp đi "sinh mạng của ít nhất là một triệu người và có thể lên đến hai triệu người - hoặc đến một phần năm dân số Bắc Kỳ". Tuy nhiên, trên cơ sở một nghiên cứu toàn diện về các số liệu nhân khẩu học, hồ sơ lưu trữ của chính quyền thực dân Pháp và Chính phủ Việt Nam, David G. Marr đã kết luận một triệu người có vẻ là con số ước tính đáng tin cậy hơn: David G.Marr, *Vietnam 1945: The Quest for Power* (Berkeley: University of California Press, 1995), tr. 104; David G. Marr, "Beyond High Politics: State Formation in Northern Vietnam, 1945-1946", trong cuốn *Naissance d'un Etat-Parti: Le Viet Nam depuis 1945,* Christopher E. Goscha và Benoît de Tréglodé chủ biên (Paris: Les Indes savantes, 2004), tr. 29.
3. Dựa trên Michael Clodfelter, *Vietnam in Military Statistics: A History of the Indochina Wars, 1772-1991* (Jefferson NC: McFarland, 1995),

tr.33; Clodfelter, *Warfare and Armed Conflicts: A Statistical Reference to Casualty and Other Figures, 1500-2000,* ấn bản lần 2 (Jefferson NC: McFarland, 2002), tr. 675-681; và Anthony Clayton, *The Wars of French Decolonization* (London: Longman, 1994), tr. 74. Thông tin dựa trên số liệu ước tính của Bethany Lacina. Xem Bethany Lacina và Nils Petter Gleditsch, "Monitoring Trends in Global Combat: A New Dataset of Battle Deaths", *European Journal of Population* 21, số 2 (2005): 145-166. Jacques Dalloz, *Dictionnaire de la guerre d'Indochine, 1945-1954* (Paris: Armand Colin, 2006), tr. 194, đưa ra con số cao hơn: 500.000 về phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 100.000 về phía Pháp.

4. Bethany Lacina, "Monitoring Trends in Global Combat: A New Dataset of Battle Deaths, Documentation of Coding Decisions I, Uppsala/PRIO Data", www.prio.no/sptrans/671630282/Documentation PRIOUCDP.pdf (truy cập ngày 4 tháng Giêng 2009), tr. 430-35. Một con số ước tính cao hơn nhiều, 3,8 triệu cho giai đoạn 1955-2002, được đưa ra trong cuốn sách của Ziad Obermeyer, Christopher J.L. Murray và Emmanuela Gakidou, "Fifty Years of Violent War Deaths from Vietnam to Bosnia: Analysis of Data from the World Health Survey Programme", *British Medical Journal 7659* (ngày 28 tháng Sáu 2008): 1482-86. Con số này có thể đã bị thổi phồng, được tính toán dựa trên kết quả phỏng vấn một trường hợp tiêu biểu của người Việt có những người anh em đã thiệt mạng.
5. Stein Tønnesson, "The Vietnam Peace" (tham luận được trình bày tại cuộc họp của Hiệp hội nghiên cứu quốc tế, New York City, từ ngày 15-18 tháng Hai 2009).
6. Anthony Short, *The Origins of the Vietnam War* (London: Longman, 1989), tr. 326.
7. Dixee R. Bartholomew-Feis, *The OSS and Ho Chi Minh: Unexpected Allies in the War against Japan* (Lawrence: University Press of Kansas, 2006), tr. 288-99.
8. Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 22, và *Mémoires, 1946-1954, t. 1: La résistance encirclée* (Fontenay-sous-Bois: Anako, 2003-4), tr. 27.

9. Alain Ruscio, *La guerre française d'Indochine* (Paris: Editions Complexe, 1992), tr. 92.
10. Xem các cách giải thích khác nhau trong cuốn sách của Bernard B. Fall, *The Two Viet-Nams: A Political and Military Analysis* (London: Pall Mall, 1963), tr. 77; Ellen J. Hammer, *The Struggle for Indochina, 1940-1955* (Stanford: Stanford University Press, 1954), tr. 187-91; và Philippe Devillers, *Histoire du Viet-Nam de 1940 à 1952* (Paris: Seuil, 1952), tr. 353-57.
11. Lloyd C. Gardner, *Approaching Vietnam: From World War II through Dien Bien Phu* (New York: Norton, 1988), tr. 75, đề cập sự khác biệt giữa Fall và Hammer, nhưng cá nhân ông có quan điểm gần với Fall hơn với Hammer-Devillers. Pierre Brocheux và Daniel Hémery, *Indochine: La colonisation ambiguë, 1858-1954* (Paris: La Découverte, 1995; ấn bản lần 2, 2001), tr. 351, 397n 55 (trong ấn bản năm 2001, tr. 350, 399n 68) cho rằng Devillers và học trò Tønnesson của ông ta đã sai khi Việt Nam "nhận lỗi". Cuốn sách này ra đời là kết quả đấu tranh với phiên bản nói về ngày 19 tháng Mười hai trong cuốn *Chiến đấu trong vòng vây,* tr. 43-45 và *Mémoires,* t. 1, tr. 29, 40-42 của Võ Nguyên Giáp.
12. King C. Chen, *Vietnam and China, 1938-1954* (Princeton: Princeton University Press, 1969); Lin Hua, *Chiang Kai-shek, de Gaulle contre Ho Chi Minh: Viet-nam, 1945-1946* (Paris: L'Harmattan, 1994), Lin Hua, "The Chinese Occupation of Northern Vietnam", trong cuốn *Imperial Policy and Southeast Asian Nationalism,* Hans Antlöv và Stein Tønnesson chủ biên (Copenhagen: NIAS; London: Curzon Press, 1995), tr. 144-69.
13. Jean-Claude Devos, *Inventaire des archives de l'Indochine: sous-série 10H (1867-1956)*, 2 tập (Vincennes: SHAT, 1987) là nguồn tài liệu hướng dẫn hữu ích cho hồ sơ này.
14. Frédéric Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956* (Paris: Les Indes savantes, 2005).

Chương 1. SỰ VA CHẠM GIỮA CÁC NỀN CỘNG HÒA

1. Stein Tønnesson, "National Divisions in Indochina's Decolonization", trong *Decolonization,* Prasenjit Duara chủ biên (London: Routledge, 2004), tr. 253-77.
2. Martin Thomas, "The Colonial Policies of the Mouvement Republicain Populaire, 1944-1954", Tạp chí *English Historical Review* 476 (tháng Tư 2003), tr. 381.
3. Bộ Ngoại giao Mỹ, Cơ quan tình báo và nghiên cứu tạm thời, Bộ phận nghiên cứu và phân tích tình báo: Nghiên cứu và phân tích, số 3336, "Thông tin tiểu sử các lãnh đạo dân tộc xuất chúng ở Đông Dương", Học viện Hải quân Mỹ. Tiểu sử đầy đủ hay một phần của Hồ Chí Minh bằng các ngôn ngữ phương Tây được viết bởi Jean Lacouture, Jean Sainteny, Nguyễn Khắc Huyền, Charles Fenn, David Halberstam, William Warbey, Douglas Pike, Daniel Hémery, Pierre Brocheux, William J. Duiker và Sophie Quinn-Judge. William J. Duiker, *Ho Chi Minh* (New York: Hyperion, 2000) là công trình nghiên cứu chuẩn mực về chủ đề này, mặc dù Duiker dựa nhiều vào các bài tường thuật chính thức bằng tiếng Việt. Daniel Hémery, *Ho Chi Minh: De Indochine au Vietnam* (Paris: Decouvertes Gallimard, 1990), Pierre Brocheux, *Ho Chi Minh: Du revolutionnaire a l'icône* (Paris: Payot, 2003) được Claire Duiker dịch sang tiếng Anh: *Ho Chi Minh: A Biography* (New York: Cambridge University Press, 2007) và Sophie Quinn-Judge, *Ho Chi Minh: The Missing Years* (Berkeley: University of California Press, 2002) là những công trình nghiên cứu đưa ra đánh giá độc lập hơn và có tính phê phán cao hơn.
4. Quinn-Judge, *Ho Chi Minh: The Missing Years,* tr. 194; Duiker, *Ho Chi Minh* - tr. 209; Hemery, *Ho Chi Minh,* tr. 72-73.
5. William J. Duiker, *The Communist Road to Power in Vietnam* (Boulder CO: Westview Press, 1996), tr. 53-6. Quinn-Judge, *Ho Chi Minh: The Missing Years,* tr. 195-200, 208-11, 216-28.
6. Quinn-Judge, *Hồ Chí Minh: Những năm tháng chưa biết tới*, tr. 195-200, 208-11, 216-28.

7. Thông tấn xã Việt Nam: *Đồng chí Trường Chinh*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2007.
8. Eric T. Jennings, *Vichy in the Tropics: Petain's National Revolution in Madagascar, Guadeloupe, and Indochina, 1940-1944* (Stanford CA: Stanford University Press, 2001), tr. 151-61, 167-73.
9. Stein Tønnesson, "Franklin Roosevelt, Trusteeship, and Indochina: A Reassessment", trong *The First Vietnam War: Colonial Conflict and Cold War Crisis,* Mark Atwood Lawrence và Fred Logevall chủ biên (Cambridge MA: Harvard University Press, 2007), tr. 56-73.
10. Stein Tønnesson, *The Vietnamese Revolution of 1945: Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War* (Oslo: International Peace Research Institute; Newbury Park CA: Sage Publications, 1991), tr. 326-27.
11. Sự cộng tác giữa Việt Minh và OSS đã được miêu tả trong nhiều cuốn sách, đáng chú ý là cuốn sách của Archimedes L. Patti, *Why Vietnam? Prelude to America's Albatross* (Berkeley: University of California Press, 1980); Marr, *Vietnam 1945;* and Bartholomew-Feis, *OSS and Ho Chi Minh.*
12. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 111.
13. Christopher E. Goscha, "Belated Asian Allies: The Technical and Military Contributions of Japanese Deserters (1945-50)" trong cuốn sách *A Companion to the Vietnam War* do Marilyn B. Young và Robert Buzzanco làm chủ biên (London: Blackwell, 2002), tr. 37-64, 42-44; Peter M. Dunn, *The First Vietnam War* (London: Hurst, 1985), tr. 149-50, 263, 282, 300, 322, 337, 367; Peter Dennis, *Troubled Days of Peace: Mountbatten and South East Asia Command, 1945-46* (Manchester, UK: Manchester University Press, 1987), tr. 54, 58; Bartholomew-Feis, *OSS and Ho Chi Minh,* tr. 276-77, 291, 300, 385-86; "Notice technique de contre-ingerence politique", No. 635/238-/239.5.2./BA.L/00.002/SD on "Les Japonais en Indochine depuis le 15 aout 1945", Paris, ngày 23 tháng Giêng 1947, INF, bìa cứng, tr. 138-39, tập 1249, AOM.

14. Alain Ruscio, *Les communistes français et la guerre d'Indochine 1944-1954* (Paris: L'Harmattan, 1985), 89-90; Mart Olsen, *Soviet-Vietnam Relations and the Role of China, 1949-64: Changing Alliances* (London: Routledge, 2006), tr. 1.
15. Võ Nguyên Giáp: *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb. Ngoại văn, Hà Nội, 1975, tr. 68.
16. Stein Tønnesson, "Filling the Power Vacuum: 1945 in French Indochina, the Netherlands East Indies and British Malaya", trong *Imperial Policy and Southeast Asian Nationalism,* Antldv và Tønnesson chủ biên, tr. 110-43.
17. Bốn mươi binh sĩ Anh đã hy sinh khi đang làm nhiệm vụ, người Anh ước tính đến giữa tháng Giêng 1946 có 1.565 người Việt Nam thiệt mạng dưới bàn tay lính Pháp, 641 người Việt Nam thiệt mạng do người Anh và 550 người Việt Nam thiệt mạng bởi người Nhật. Clodfelter, *Vietnam in Military Statistics,* tr. 16.
18. Ngày 27 tháng Bảy 1973, Mountbatten tuyên bố điều ngược lại trong một cuộc phỏng vấn với Philippe Devillers, một trong những tác giả của bộ phim năm 1974 *La République est morte à Dien Bien Phu* (Nền cộng hòa đã chết ở Điện Biên Phủ) nói rằng "nếu toàn bộ Đông Dương thuộc quyền của tôi, tôi sẽ ngay lập tức kết nối đàm phán với Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người khá là biết điều". Tuy nhiên, người Pháp có thể sẽ phản ứng khá gay gắt nếu Mountbatten đàm phán trực tiếp với Hồ Chí Minh. Nếu Mountbatten sẵn lòng mạo hiểm gây thù chuốc oán với người Pháp, ông ta có thể đã ký một hiệp định với các lãnh đạo Việt Nam ở Sài Gòn, có thể đàm phán đã diễn ra giữa họ và người Anh. Chắc chắn là tuyên bố của Mountbatten phản ánh những suy nghĩ của ông ta sau này về những việc lẽ ra ông ta nên làm thay vì những việc ông ta đã làm trước đó. Những hành động ủng hộ người Pháp của viên tư lệnh thuộc quyền Mountbatten ở Sài Gòn, Tướng Douglas Gracey, được nhắc đến trong cuốn sách của Dunn, *First Vietnam War.*
19. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 128.

20. Phỏng vấn Hoàng Tùng, Hà Nội, ngày 14 tháng Bảy 2007.
21. Từ năm 1948, khi Đảng hoạt động trở lại, các vị lãnh đạo Đảng tuyên bố rằng trên thực tế, Đảng chưa bao giờ bị giải thể mà chỉ đi vào hoạt động bí mật. Tham khảo các chỉ thị từ năm 1948 để thấy vai trò của Đảng trong "tuyên truyền cá nhân" ngay cả khi sự tồn tại của nó không được nhắc đến trên đài phát thanh hoặc báo chí, xem phụ lục "Note sur l'activite du Parti communiste indochinois", HC 4, AOM.
22. Để tham khảo tuyên bố "tự giải thể của Đảng Cộng sản Đông Dương", xem CP 22, AOM. Cũng có thể tham khảo cuốn sách của Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 195, trích dẫn bản dịch tiếng Pháp của tuyên bố này, xuất bản trên tờ *La République* (Cộng hòa), số 7 (ngày 18 tháng Mười một 1945). Trong cuốn sách sắp xuất bản về Việt Nam những năm 1945-1950, David G. Marr đề cập toàn diện về vai trò và quyền lực của cơ quan hành chính công, báo chí, quân đội, mặt trận Việt Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương giải thể hình thức ("Tổ chức").
23. Nhận định sau dựa trên nghiên cứu của tình báo Pháp từ tháng Sáu 1946: "Etude sur le parti Viet Minh en Indochine du Nord", CP 21, AOM. Về chủ đề chính sách lương thực, tài sản và tài khóa của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xem Marr, "Beyond High Politics".
24. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 232.
25. Nhận định sau dựa trên báo cáo của tình báo Pháp: SDECE: Notice Technique de Contre-Ingerence Politique", ngày 28 tháng Mười một 1946, AO, MAE.
26. "Toàn dân kháng chiến chỉ thị của đoàn thể", 22 tháng Mười hai 1946, TBN-75, tài liệu số 48, VNA-I. Một bản sao của tờ rơi này được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quân đội tại Hà Nội. "Ban Thường vụ..". trong tiếng Việt được gọi đầy đủ là "Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương". Sau khi chiến tranh nổ ra tại Hà Nội vào ngày 19 tháng Mười hai, người Pháp thu giữ được một bản thảo viết tay báo cáo nội bộ về tình hình Đảng Cộng sản Đông Dương, chưa đề ngày tháng và không có chữ ký. Bản thảo thông tin

chỉ có 208 đảng viên ở Hà Nội và nói về sự không tuân thủ tôn ti trật tự trong Đảng, vì những người ở tầm thấp hơn được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, trong khi những đồng chí có trách nhiệm trong chính phủ lại trở nên "ôn hòa". Thư của chỉ huy lực lượng cảnh sát và an ninh liên bang (Moret) gửi đến một số cơ quan, số 604-PS, ngày 31 tháng Giêng 1947, CP-phụ lục 22, *hồ sơ* "Groupe culturel marxiste & PCF", AOM.

27. "Etude sur les principaux partis... annamites", Đại úy Augier chủ biên, tháng Sáu 1947, tr. 124, DGD 89, AOM.
28. Jean Sainteny, *Histoire d'une paix manquée, Indochine 1945-1947* (Paris: Amiot-Dumont, 1953, tái bản, Fayard, 1967), tr. 166. Daniel Hémery, "Paul Mus: Un orientaliste dans la décolonisation" in *Paul Mus (1902-1969),* David Chandler và Christopher E. Goscha chủ biên (Paris: Les Indes savantes, 2006), tr. 221-46.
29. Ghi chép của Đặng Phúc Thắng trong cuộc trò chuyện với Paul Muss đầu năm 1947, tài liệu do Phòng Nhì thu được, số 2283/2, CP-phụ lục 9, AOM. Võ Nguyên Giáp: *Những năm tháng không thể nào quên,* tr. 95.
30. *Journal officiel... Assemblée nationale,* phiên họp ngày 18 tháng Ba 1947, tr. 879.
31. Jean Decoux, *A la barre de l'Indochine, 1940-1945* (Paris: Plon, 1950), tr. 477.
32. Thông tin nghiên cứu tổng quát về chính sách cải cách thuộc địa của Pháp, xem Paul Mus, *Le déstin de l'Union française de l'Indochine à l'Afrique* (Paris: Seuil, 1954); Henri Grimal, *La décolonisation de 1919 à nos jours* (Brussels: Editions Complexe, 1984); Charles-Robert Ageron, *La décolonisation française* (Paris: Armand Colin, 1991); Catherine Cocquery-Vidrovitch và Charles-Robert Ageron, *Histoire de la France Coloniale,* tập 3: *Le déclin* (Paris: Armand Colin, 1991). Martin Shipway, *The Road to War: France and Vietnam, 1944-1947* (Providence RI: Berghahn, 1996), đánh giá một cách toàn diện chính sách Đông Dương của Pháp, 1944-47. Brocheux và Hémery, *Indochine: La colonisation ambiguë* cung cấp cho độc giả cái nhìn khái quát về lịch sử.

33. Thư Caffery gửi Ngoại trưởng, 13 tháng Ba 1945, FRUS 1945, 6: 300.
34. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 144. Shipway, *Road to War,* tr. 59-62.
35. Mãi đến tháng Tám 1946, Cao ủy mới khẳng định rằng tuyên bố ngày 24 tháng Ba vẫn là cơ sở cho chính sách của Pháp ở Đông Dương. *Paris - Saigon,* 14 tháng Tám 1946, tr. 6.
36. Tønnesson, *Vietnamese Revolution,* tr. 314.
37. Georgette Elgey, *Histoire de la IVème République,* tập 1: *La République des illusions, 1945-1951* (Paris: Fayard, 1965), tr. 101.
38. William I. Hitchcock, *France Restored: Cold War Diplomacy and the Quest for Leadership in Europe, 1944-1954* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 1998); Mark Atwood Lawrence, *Assuming the Burden: Europe and the American Commitment to War in Vietnam* (Berkeley: University of California Press, 2005), tr. 159-60.
39. *Le Populaire,* ngày 28 tháng Mười hai 1945, trích từ cuốn sách của Jean-Pierre Gratien, *Marius Moutet: Un socialiste à l'Outre-mer* (Paris: L'Harmattan, 2006), tr. 231.
40. Tờ *Le Populaire,* số ra ngày 27 tháng Mười hai 1945.
41. Tài liệu đã dẫn. Nguyên văn tiếng Pháp như sau: "On n'improvise pas un gouvernement, une législation, une administration dans un pays hétérogène où l'opinion publique ne peut encore exprimer consciemment ses préférences".
42. Diễn văn tại cuộc họp của SFIO tại La Rochelle, ngày 18 tháng Tám 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, *hồ sơ số* 87, AOM.
43. "Fidèle à sa mission traditionelle, la France entend conduire les peuples dont elle a pris la charge à la liberté de s'administrer eux-mêmes et de gérer démocratiquement leurs propres affaires". Hiến pháp được trích dẫn trong Alfred Grosser, *La 4ème Republique et sa politique éxterieure* (Paris: Armand Colin, 1961), tr. 248.
44. Chẳng hạn, xem R. E. M. Irving, *The First Indochina War: French and American Policy, 1945-54* (London: Croom Helm, 1975), tr. 21-22.
45. Tại một cuộc họp với các thành viên Quốc hội của Đảng MRP và SFIO vào tháng Tám 1946, Moutet lấy làm tiếc về toàn bộ hệ thống

Comînindo do de Gaulle xây dựng nên. Ghi chép của Pierre Chevigné (MRP), ngày 7 tháng Tám 1946, được Jean-Pierre Gratien trích dẫn trong "Marius Moutet, de la question coloniale à la construction européenne, 1914-1962" (Luận văn tiến sĩ, Đại học Paris I, 2004), 2: 327.

46. Thông tin về thất bại của André Labrouquère trong vai trò tổng thư ký từ tháng Tư đến tháng Sáu 1946, xem Gratien, *Marius Moutet: Un socialiste à l'Outre-mer,* tr. 327-30. Về báo cáo của Messmer trong vai trò tổng thư ký, xem Pierre Messmer, *Après tant de bataille* (Paris: A. Michel, 1992), tr. 176-81.
47. *Marches coloniaux,* 16 tháng Ba 1946, bản sao trong HC 4, AOM.
48. Năm 1967, Tướng Valluy, lúc đó là chỉ huy các lực lượng của Pháp tại Đông Dương từ tháng Bảy 1946, đã đặt ra câu hỏi tu từ là liệu rằng có lựa chọn nào khác với chính sách mà Pháp theo đuổi năm 1946: "Peut-être eut-il fallu diriger sur Hanoi, auprès de Ho, un ministre ou un de ces jeunes hommes des cabinets ministériels dont l'ideologie était très voisine de celle du Viet-Minh et qui avaient décidé soit a Dalat, soit a Paris, de tutoyer Giap et Giam". Valluy, *Revue des deux mondes* 5F (ngày 15 tháng Mười hai 1967), tr. 515. Không có gì lạ khi Valluy không nhắc đến tên Messmer, vì vào năm 1967, Messmer là Bộ trưởng Quốc phòng trong chính phủ de Gaulle.
49. Công văn Messmer gửi "Người đứng đầu Chính phủ", "Bộ trưởng Hải ngoại Pháp" và "Bộ trưởng Quốc phòng" về việc giải thể Cominindo, ngày 11 tháng Mười một 1946, AP 3440/5, AOM.
50. Moutet gửi Haussaire, ngày 21 tháng Giêng 1947, AP 3440/5, AOM.
51. Võ Nguyên Giáp, *Những năm tháng không thể nào quên,* tr. 247.
52. Valluy, *Revue des deux mondes,* ngày 15 tháng Mười một 1967, tr. 205, 210.
53. Nếu muốn tìm đọc một bài viết dễ hiểu về dự án liên bang năm 1945 và nhìn thấy sự khác biệt giữa dự án này và Liên bang Đông Dương trước chiến tranh, xem Daniel Hémery, "Asie du Sud-Est, 1945: Vers un nouvel impérialisme colonial? Le projet indochinois de la France au lendemain de la Seconde Guerre mondiale", trong *L'ere des*

décolonisations: Sélection de textes du Colloque "Décolonisations comparées", Aix-en-Provence, 30 septembre-3 octobre 1993, Charles-Robert Ageron và M. Michel chủ biên (Paris: Karthala, 1995), tr. 65-84. Xem thêm Tønnesson, "National divisions in Indochina's decolonization".

54. Valluy, *Revue des deux mondes,* ngày 15 tháng Mười một 1967, tr. 209. "Lệnh" về trách nhiệm trong thời gian cao ủy vắng mặt, ngày 30 tháng Mười 1946, CP 13 (2-I), AOM.
55. Jacques Baeyens, "Indo-China", *Asiatic Review* số 46 (1950): 1170.
56. Tháng Hai 1947, d'Argenlieu phàn nàn với Bộ trưởng Tài chính Pháp là Bộ Hải ngoại Pháp không bao giờ đáp lại yêu cầu tăng thêm người của ông ta. D'Argenlieu, thư gửi Robert Schuman, ngày 4 tháng Hai 1947, F60 C3024, AN.
57. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* từ tr. 172. Ngày 16 tháng Ba 1947, Moutet thừa nhận rằng người Pháp phải chấp nhận bất kỳ ai sẵn sàng tham gia bộ máy khi thành lập Hội đồng Nam Kỳ và Chính phủ Nam Kỳ lâm thời. *Journal officiel... Assemblée nationale,* tr. 881. Tuyên bố của một thành viên người Pháp trong Hội đồng Nam Kỳ, M. Clogne, với tờ *Paris-Saigon* số 42 (6 tháng Mười một 1946): 7.
58. *Le Monde,* ngày 14 tháng Bảy 1946, được trích dẫn lại trong Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 297.
59. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* 212; Georges Thierry d'Argenlieu, *Chronique d'Indochine, 1945-1947* (Paris: Albin Michel, 1985), tr. 126-27.

Chương 2. CÁI BẪY CỦA TƯỞNG

1. Thư Lãnh sự Pháp Batavia gửi MAE, ngày 12 tháng Mười 1946, INF, *hồ sơ* 1424, AOM.
2. Philippe Franchini, *Les mensonges de la guerre d'Indochine* (Paris: Perrin, 2005), tr. 156, ghi nhận vấn đề này.
3. "Về việc hợp nhất ba kỳ, Chính phủ Pháp cam kết sẽ phê chuẩn kết quả của cuộc trưng cầu ý dân". *Tư liệu liên quan đến các vấn đề Đông Dương* (Paris 1946), "Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt ngày 6 tháng Ba 1946".

4. Xem Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 207; Marilyn B. Young, *The Vietnam Wars, 1945-1990* (New York: Harper, 1991), tr. 14; Robert D. Schulzinger, *A Time for War: The United States and Vietnam, 1941-1975* (Oxford: Oxford University Press, 1997), tr. 25; Gary R. Hess, *Vietnam and the United States: Origins and Legacy of War* (New York: Twayne, 1998), tr. 35; Brocheux, *Ho Chi Minh,* tr. 167-70; Peter Worthing, *Occupation and Revolution. China and the Vietnamese August Revolution of 1945,* Chuyên khảo về Trung Quốc, tr. 54 (Berkeley: Institute of East Asian Studies, University of California, Berkeley, 2001), tr. 113, 136; và Lawrence, *Assuming the Burden,* tr. 127-29, đặc biệt là tr. 150. Ngược lại, Stanley Karnow, trong cuốn sách bán chạy của mình *Vietnam: A History* (New York: Penguin Books, 1984), tr. 153, đã nhấn mạnh mối liên kết giữa "kiểu ngoại giao pháo hạm" của Leclerc và việc ký kết thỏa ước, mà thỏa ước này chẳng có liên quan gì đến bất kỳ sự điều chỉnh hay chủ nghĩa tự do nào trong đầu những người ra quyết định ở Pháp.
5. Hai tác giả đã hiểu thấu vai trò của Tàu Tưởng trong việc ép Pháp ký Tạm ước ngày 6 tháng Ba là Laurent Césari, *L'Indochine en guerres, 1945-1993* (Paris: Belin, 1995), tr. 42-43, và Martin Shipway, trong *Road to War,* tr. 166, 174. Shipway cho rằng người Pháp "chắc chắn rơi vào bẫy do Tàu Tưởng giăng ra" và nhận xét rằng mặc dù các thỏa thuận được tung hô là chiến thắng của chủ nghĩa tự do Pháp, chúng "đã có những nhân nhượng chết người vì lẽ chúng sinh ra từ khủng hoảng, mà kết quả thực tế là chẳng đáp ứng được ai cả".
6. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine 1940-1956,* tr. 183-90.
7. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 205-26; Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine 1940-1956,* tr. 195-215; René Le Gendre, "Genèse, déroulement, suites immédiates de l'incident franco-chinois du 6 Mars 1946, à Haiphong" (bảy phần), T735, SHAT, 1992; Lin Hua, *Chiang Kai-shek, de Gaulle contre Ho Chi Minh;* Worthing, *Occupation and Revolution,* tr. 113-81. Cuốn sách của David G. Marr về "Việt Nam 1945-50" phân tích kỹ lưỡng những diễn biến chính trị về phía Việt Nam.

8. Một kế hoạch tái chiếm miền Bắc, trong đó có cuộc đổ bộ phối hợp xuống Hải Phòng và đội quân nhảy dù chiếm Hà Nội, đã được vạch ra ngay từ mùa thu trước nhưng bị bác bỏ vì quá mạo hiểm. Hơn nữa, vào thời điểm đó, số quân cần thiết cho chiến dịch ở miền Bắc lại vẫn đang mắc kẹt trong cuộc đàn áp các lực lượng nổi dậy ở miền Nam, và Sư đoàn bộ binh thuộc địa số 3 vẫn chưa đến nơi. Họ nhận lấy trách nhiệm quản lý miền Nam khi Sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 nhổ neo đi lên phía bắc vào ngày 1 tháng Ba 1946. Thông tin về kế hoạch tái chiếm trước đó, xem Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 207.
9. Leclerc gửi Juin, ngày 20 tháng Hai 1946, được Gilbert Bodinier và Philippe Duplay trích dẫn trong "Montrer sa force et négocier: Le géneral Leclerc et la négociation annamite", trong *Leclerc et l'Indochine 1945-1947,* Guy Pedroncini và Philippe Duplay chủ biên (Paris: Albin Michel, 1992), tr. 189.
10. Bodinier và Duplay, "Montrer sa force et négocier", tr. 190.
11. Leclerc cử Repiton-Préneuf đến Hà Nội vài lần để tham vấn và truyền đạt các chỉ thị đến Sainteny. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* tr. 173. Cũng xem Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 208. Devillers lúc đó là một nhân viên dưới quyền Leclerc.
12. Philippe Devillers chủ biên, *Paris Saigon Hanoi: Les archives de la guerre, 1944-1947* (Paris: Gallimard/Julliard, 1988), tr. 155-57. Xem thêm Brocheux, *Ho Chi Minh,* tr. 167-68.
13. Jean Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* tr. 173.
14. Xem Irving, *First Indochina War,* tr. 15.
15. Thư Ngoại trưởng gửi Caffery, số 564, ngày 4 tháng Hai 1946, *FRUS, 1946*, 8:23.
16. Lời Sainteny trong buổi phỏng vấn về bộ phim *La République est morte à Dien Bien Phu* (1973). Trong Vincent Auriol, *Journal du septennat, 1947-1954,* tập 1: *1947* (Paris: Armand Colin, 1970), nói rằng một "huyền thoại nào đó" đã nói về Leclerc như một người vĩ đại theo chủ nghĩa tự do (tr. 733, chú thích số 32). Huyền thoại này cũng được ghi nhận trong tài liệu của Mỹ, ví dụ như trong *The Pentagon Papers:*

The Defense Department History of United States Decisionmaking on Vietnam„ tập 1 (Boston: Beacon Press, 1971), tr. 21-22.

17. Bodinier and Duplay, "Montrer sa force et négocier", tr. 182.
18. Valluy, *Revue des deux mondes,* ngày 1 tháng Mười một 1967, từ tr. 22.
19. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956,* tr. 210.
20. "Note pour le Général Salan rédigée par l'état-major du général Leclerc" (ngày 27 tháng Hai 1946), in trong ***1945-1946: Le retour de la France en Indochine. Textes et documents,*** Gilbert Bodinier chủ biên (Vincennes: SHAT, 1987), tr. 213.
21. Đảm bảo "la relève des troupes chinoises par les troupes françaises... dans le courant de Mars", "Operation Bến Tre, Ordre Général no. 9, Commandement Supérieur des FFEO, Etat Major, 3è Bureau", số 1705-3/OP, 10H1136, SHAT.
22. Tài liệu đã dẫn.
23. Bodinier và Duplay, "Montrer sa force et négocier", tr. 184-85.
24. Salan cũng đã lưu ý Chính phủ Trung Quốc về yêu cầu tái vũ trang cho đội quân trong thành Hà Nội, thậm chí bằng cách gửi một bức giác thư đặc biệt cho Tưởng Giới Thạch để nêu vấn đề. Worthing, *Occupation and Revolution*, tr. 120. Thông tin về kế hoạch gửi lính nhảy dù và vũ trang quân trong thành để họ có thể bảo vệ công dân Pháp, xem thêm Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* tr. 177.
25. Về các tác động của Hiệp định ngày 6 tháng Ba 1946, xem báo cáo số 1713 của Sở Mật thám, Hà Nội, ngày 17 tháng Ba 1946, CP 130, s/d. "Hiệp định ngày 6 tháng Ba", AOM.
26. Kiện hàng chứa 46 súng máy, 440 súng lục và súng ổ quay, 1.500 súng trường và súng cácbin, cùng 659 súng Sten, trong đó 300 khẩu được thiết kế cho một nhiệm vụ đặc biệt (không nêu cụ thể trong tài liệu). "Note de service", số 386/3-OP, ngày 6 tháng Ba 1946, Lajoine ký thay Salan, 10H2513, SHAT.
27. "Plan d'action", số 2 (kèm theo bản đồ Hà Nội), Bộ Tư lệnh Tối cao chỉ huy các quân đoàn Pháp ở vùng Viễn Đông, Đội quân của Trung Quốc và Bắc Đông Dương, Chỉ huy các toán quân ở Hà Nội, mục 2, số 111-3-OPS,

được phác thảo trong tháng Hai 1946, một bản ký ở Hà Nội vào ngày 15 tháng Hai, và một bản khác (có sửa chữa) ký vào ngày 1 tháng Ba bởi Trung tá Lefebvre d'Argence, chỉ huy quân Pháp tại Hà Nội, trình Tướng Salan và các đơn vị tại Hà Nội, 10H2513, *hồ sơ* "Plan d'action des troupes de Hanoi", SHAT.

28. Đại diện liên lạc tại Hà Nội gửi Cao ủy, số 410, ngày 6 tháng Ba 1946, 1MiF2, AOM.
29. Nhân viên quân sự đặc biệt của Cao ủy thừa nhận rằng việc này rất khó thực hiện. "Réoccupation du Tonkin", số 47/EMP-3, Sài Gòn, 12 tháng Hai 1946, 10H162, *hồ sơ* số 3, SHAT.
30. Bodinier và Duplay, "Montrer sa force et négocier", tr. 192.
31. JSM Washington gửi Văn phòng Nội các, JSM 178, ngày 1 tháng Hai 1946, FO371/53958/F1889/8/61, PRO.
32. Lawrence, *Assuming the Burden*, tr. 115.
33. *Sđd*, tr. 122. Dennis, *Troubled Days of Peace,* tr. 179. Dunn, *First Vietnam War,* tr. 355.
34. Tài liệu về lo ngại của Anh và những thương lượng giữa nước này và CSS tại Washington, xem FO371/53959-61; FO 959/6/S/79/190-193/46; WO 203/6209, 6216 và 6258, PRO; và tập hồ sơ "Đông Dương (16 tháng Mười hai 1944)", RG165, ABC384, Mục 1-B (dãy 1-C), USNA. Xem thêm Lawrence, *Assuming the Burden,* tr. 113-14.
35. Meiklereid gửi Bộ Ngoại giao Anh, được báo cáo lên chỉ huy tối cao của quân Đồng minh tại Đông Nam Á (SACSEA) và báo về Paris, số 49, ngày 21 tháng Hai 1946, FO371/53959/F2882/8/61 (cũng có trong WO 203/6216), PRO.
36. Trưởng Phòng Nhì của Leclerc, Trung tá Repiton Préneuf, hiểu rõ sự khác nhau về tình hình Bắc Kỳ và Nam Kỳ, thấy rằng sẽ vô cùng khó khăn để có thể bình định miền Bắc. Các chỉ thị không đề ngày tháng do Repiton Préneuf ký, *hồ sơ* "Tonkin. Operation Bentre", 10H601, SHAT.
37. Chính Leclerc nói điều này trong báo cáo ông ta viết gửi de Gaulle tại Sài Gòn vào ngày 27 tháng Ba: "il était indispensable de trouver un gouvernement annamite, si imparfait soit-il, en place à Hanoi et

n'ayant pas pris la brousse". Rapport sur "le problème d'ensemble de notre rétablissement en Indochine depuis le 20 Octobré 1945 jusqu'au 25 Mars 1946", do Leclerc ký tại Sài Gòn ngày 27 tháng Ba 1946, hồ sơ lưu trữ về Sainteny, 1SA4, *hồ sơ* số 3, FNSP.

38. Bản ghi nhớ Valluy gửi Bidault, ngày 3 tháng Hai 1946, F60 C3024, AN.
39. D'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*, tr. 173.
40. Điện Leclerc gửi Juin và d'Argenlieu, ngày 14 tháng Hai 1946, điện số 933, AOM; in lại trong cuốn sách ***1945-1946: Le retour de la France en Indochine,*** Bodinier chủ biên, tr. 208-9.
41. Thư d'Argenlieu gửi Sainteny, ngày 20 tháng Hai 1946, AN, F60 C3024.
42. Sau này, d'Argenlieu nói về mối đe dọa từ cuộc trưng cầu ý dân, ông ta tuyên bố là ý tưởng này được đưa lên bàn đàm phán vào phút chót. Bản ghi nhớ của d'Argenlieu, ngày 26 tháng Tư 1946, F60 C3024, AN.
43. Công văn Moutet gửi Cao ủy, số CI/00903, ngày 3 tháng Ba 1946, EA, *hộp* 39, *hồ sơ* B-605, MAE.
44. Công văn Moutet gửi Cao ủy, RB/Số 187/CI/00.901, ngày 3 tháng Ba 1946, EA, *hộp* 1 và 39, *hồ sơ* A-112 và B-605, MAE.
45. Lin Hua, *Chiang Kai-shek, de Gaulle contre Ho Chi Minh,* tr. 223.
46. Người phụ trách đàm phán về quân sự của Pháp ở Trùng Khánh, Đại tá Jean Crépin, đã cố gắng cảnh báo ngài cao ủy ngay từ ngày 26 tháng Hai là Pháp sẽ phải nhanh chóng phụ thuộc vào sự ủng hộ mạnh mẽ của Trung Quốc. Mãi đến ngày 1 tháng Ba, bức điện này mới đến được Sài Gòn (sau khi được gửi lại). Điện Crépin gửi Cao ủy số 51/SC, ngày 26 tháng Hai 1946, 1MiF2, AOM.
47. Salan đã từng nhắc đến đề xuất này trong chuyến thăm Trùng Khánh đầu tháng Hai, song đã vấp phải thái độ lạnh nhạt. Nhân viên quân sự đặc biệt của cao ủy, Sài Gòn, "Pièce de renseignements sur la mission du général Salan à Tchungking", ngày 12 tháng Hai 1946, 10H162, *hồ sơ 3,* SHAT.

48. "Résumé chronologique des événements, conversations, entretiens qui se sont déroulés et des accords qui ont été signés entre autorités françaises et chinoises au mois de mars 1946", Phái đoàn quân sự Bắc Đông Dương thuộc quyền Cao ủy (Sau đây trích dẫn tắt là "Tóm tắt sự kiện theo thời gian"), HC 270, AOM. Xem thêm Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956,* tr. 201-10, trong đó tham chiếu đến một bản sao khác của cùng một tài liệu trong EA 11, Bộ Ngoại giao. Bất chấp những lập luận của Crépin, người Trung Quốc vẫn tiếp tục tìm cớ để không gửi các chỉ thị mà người Pháp yêu cầu các chỉ huy Trung Quốc làm tại Hà Nội và Hải Phòng. Do vậy, Crépin đã phải thừa nhận vào ngày 4 tháng Ba: "Vice-Ministre a... reconnu qu'aucun ordre n'a été envoyé malgré toutes les assurances donneés... Je dois voir de toute façon Général Chin mais j'ai peu d'espoir d'en rien obtenir car il semble maintenant dépassé et peu disposé à prendre une initiative quelconque". Thư Quân đội Pháp tại Trùng Khánh gửi Cao ủy, số 75/SC, ngày 4 tháng Ba 1946, 13h15, nhận được vào ngày 5 tháng Ba 1946, 00h00, 1MiF2, AOM. Xem thêm lời chứng thực của Crépin trong *Leclerc et l'Indochine,* Pedroncini và Duplay chủ biên, tr. 167-73.
49. Thư Carton de Wiart gửi Mountbatten, W.2358, ngày 3 tháng Ba 1946, WO 203/6216, PRO.
50. Ghi chú về phát biểu của Tướng Valluy, gửi kèm thư đánh số 8456, Cominindo (de Langlade) gửi đến Thủ tướng Pháp Gouin, ngày 3 tháng Hai 1946, *hồ sơ* "tháng Hai 1946 - tháng Hai 1947", đã ký, "Comité de l'Indochine Février 1946", EA, *hộp* 9, *hồ sơ* A-298 "Chine", MAE.
51. Salan gửi Lu Han, số 334/3-OP, ngày 3 tháng Ba 1946, EA, *hộp* 8, *hồ sơ* A 298-06, MAE.
52. "Le libérateur de Paris [Leclerc] et son état-major s'engagèrent donc délibérément dans une opération qu'ils savaient pouvoir comporter de graves risques d'incidents. Leclerc, impatient, jouait, comme à son habitude, son va-tout au culot. La méthode avait fait ses preuves...

A Haiphong, elle échoua", Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*, tr. 208.

53. "As the Chinese occupation command came to realize that a Franco-Vietnamese agreement was necessary for peace in Indochina, it began to push its own government to ensure that a satisfactory political agreement between the French and Vietnamese precede a French return. The occupation authorities would cling doggedly to this position throughout the discussions on the troop exchange", Worthing, *Occupation and Revolution,* tr. 132-33 (về những góc nhìn khác nhau đối với bộ chỉ huy ở Hà Nội và chính quyền Trung ương Trung Quốc ở Trùng Khánh, xem tr. 123).

54. Lin Hua, *Chiang Kai-shek, de Gaulle contre Ho Chi Minh*, tr. 234-51. Leclerc viết vào cuối tháng Ba 1946, "Ce qu'on appelle 'l'incident d'Haiphong' est lumineux... En réalité, il ne s'agit nullement d'un incident, mais bien d'un combat contre un Général chinois prévenu en excellente liaison avec nous et ayant parfaitement préparé son attaque". Báo cáo về "le problème d'ensemble de notre rétablissement en Indochine depuis le 20 Octobré 1945 jusqu'au 25 Mars 1946", do Tướng Leclerc ký tại Sài Gòn ngày 27 tháng Ba 1946, hồ sơ lưu trữ về Sainteny, 1SA4, *hồ sơ 3*, FNSP.

55. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 224. Nhờ tin tình báo, người Pháp đã biết đích xác nơi Tướng Vương cất giấu một lượng đạn dược khổng lồ, định chuyển đi bằng thuyền để bán ra thị trường quốc tế, vì vậy, khi đáp trả trận pháo của Trung Quốc, họ đã đánh bay kho chứa đạn, gây ra tổn thất tài chính lớn cho Vương. Philippe Devillers, thông tin truyền miệng, ngày 2 tháng Bảy 2007.

56. Thư Bouffanais (Côn Minh) gửi Meyrier (Trùng Khánh), ngày 28 tháng Hai 1946, EA, *hộp* 11, *hồ sơ* A 298-26, MAE. Về vụ hối lộ của Lu Han, tham khảo thêm Dunn, *First Vietnam War,* tr. 353, và lời chứng của Henrie Lamarque in *Léon Pignon, 1908-1976: Un homme de coeur au service de l'Outre-Mer français: Témoignages et documents* (Paris: Academie des sciences d'Outre-Mer, 1988), tr. 34.

Lamarque nói đã nhìn thấy một máy bay Dakota đến mang theo 60 triệu đồng trong các hóa đơn 100 đồng.

57. Đại tá Crépin giữ vững quan điểm này: "Le Généralissime... n'est donc pas au courant des difficultés actuelles. Ceci confirme définitivement notre impression que toutes nos difficultés sont dues à la mauvaise volonté des militaires qui n'obéissent pas pour le moment aux ordres du généralissime". Thư từ Trùng Khánh gửi Cao ủy, số 77/SC, ngày 5 tháng Ba 1946, 09h30 Z [Z = giờ ở Zulu, tức là giờ GMT] (không thể giải mã được ở Sài Gòn và vì vậy lại được gửi lại vào ngày 7 tháng Ba), 1MiF2, AOM. Có vẻ như Lin Hua cũng đồng quan điểm với Crépin.
58. Worthing, *Occupation and Revolution,* tr. 133-35.
59. "Entrevue du 3 mars 1946 avec Monsieur Tch'eng Tch'ang", số 467/BL, EA, *hộp* 10, *hồ sơ* 298-15, MAE.
60. Ma Ying nói về "complications avec les éléments annamites. S'il y a 'bagarre' il y aura des troubles, l'ordre et la sécurité seront compromis, il y a lieu de rechercher une solution pour parer aux difficultés pouvant survenir du fait de ces troubles". Salan trả lời rằng "existe évidemment des possibilités de 'bagarre', mais au fur et à mesure de notre arrivée nous prenons à notre charge la responsabilité de l'ordre et de la sécurité et à partir de ce moment nous assurerons ordre et sécurité avec tous nos moyehs. Il y aura peut-être un peu de flottement au début, mais il disparaitra rapidement, et il n'y a pas de raison pour qu'il y ait de grosses difficultés". Và ông ta nói thêm: "Par ailleurs des pourparlers existent avec le gouvernement annamite et il n'est pas impossible que nous ne devenions amis avec eux... Quand vous partirez, l'accord avec les Annamites sera sans doute signé, ainsi la situation sera clarifiée". Khi Trung Quốc nói cần phải ký thỏa thuận trước khi lực lượng Pháp đổ bộ, Salan trả lời: "Nous travaillons activement à cela". Tóm tắt các sự kiện theo thời gian, Phụ lục 17, "Conférence franco-chinoise tenue le 4 Mars et le 5 Mars 1946 au palais du

Gouvernement général de Hanoi"; HC 270, AOM; và EA, *hộp* 8, *hồ sơ* A298-06, MAE.

61. Cominindo (de Langlade) gửi Cao ủy, số CI/00903, ngày 3 tháng Ba 1946, AI 36, MAE, trích trong Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956,* tr. 212.
62. D'Argenlieu gửi Leclerc, số 75/5C, ngày 4 tháng Ba 1946, Bodinier và Duplay trích dẫn, "Montrer sa force et négocier", tr. 194.
63. "... si, facteur principal, le gouvernement continue à nous appuyer, nous réussirons à doubler ce cap... il me parait juste de prévoir pendant quelques jours des hauts et des bas dans l'appréciation de l'action maintenant engagée. Je vous demande donc de ne pas vous étonner si mes communiqués demeurent purement objectifs et froids". D'Argenlieu gửi Moutet, số 3976F, ngày 4 tháng Ba 1946, 03h40, EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE.
64. Lin Hua, *Chiang Kai-shek, de Gaulle contre Ho Chi Minh,* tr. 235.
65. Salan gửi Leclerc, số 375/3/OP, ngày 5 tháng Ba 1946, Bodinier và Duplay trích dẫn, "Montrer sa force et négocier", tr. 195.
66. Tóm tắt các sự kiện theo thời gian, Phụ lục 19, "Compte rendu d'entrevue du 5 mars 1946 entre délégués chinois et français".
67. Lecomte, thư tay gửi Sainteny, hồ sơ lưu trữ về Sainteny, *hộp* 1SA4, *hồ sơ* 2, FNSP. Xem thêm Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi,* tr. 146-47, và Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* tr. 178n1.
68. Salan gửi Cao ủy, số 374/3-OP, ngày 6 tháng Ba, 1946, 0h50, Tóm tắt các sự kiện theo thời gian, Phụ lục 10b. "Entrevue avec le Général Salan au matin du 11 mars à 9h30", Phụ lục 2 trong báo cáo về "nhiệm vụ ở Bắc Kỳ từ ngày 10 đến 13 tháng Ba" của chỉ huy lực lượng quân sự của Cao ủy (EMP), Sài Gòn, ngày 13 tháng Ba 1946, 10H162, *hồ sơ* 3, SHAT.
69. Chính Sainteny coi những nhượng bộ này là không đáng kể. Thư Sainteny gửi Leclerc, ngày 5 tháng Ba 1946, phông Leclerc, CI/46.47/27/002, Bodinier và Duplay trích dẫn, "Montrer sa force et négocier", tr. 192. Tuy nhiên, d'Argenlieu hoàn toàn không thích phụ

lục quân sự này, tương tự như các tham mưu trưởng của Pháp. Xem "Accord complémentaire de Hanoi du 7 mars 1946", bản bị vong lục không đề ngày tháng có những nhận định của Đô đốc d'Argenlieu, 10H162, *hồ sơ* 3, SHAT; và "Observation sur l'accord annexe à la Convention du 6 mars", EMGDN, không có chữ ký, 10H162, *hồ sơ* 3, SHAT. Dường như Salan chẳng để tâm đến các cuộc đàm phán với người Việt Nam, ngay cả khi các vấn đề quân sự được đưa ra. Ông ta để Sainteny thu xếp các thương lượng với sự hỗ trợ của Léon Pignon. Theo một báo cáo Pignon viết sau này thì mãi đến gần 6h tối ngày 5 tháng Ba, vấn đề quân sự mới được thảo luận. Báo cáo của Pignon nhấn mạnh rằng trong các cuộc đàm phán với Trung Quốc, luôn có sức ép buộc người An Nam và người Pháp phải đi đến một thỏa thuận. Và phía Trung Quốc "voulaient être les gérants de cette accord". Vì vậy, Pignon nghĩ rằng thực tế Hiệp định chỉ được ký giữa người Pháp và người An Nam thể hiện "sự thất bại" của Trung Quốc. "Exposé de M. Pignon du mercredi 12 mars", 10H162, *hồ sơ* 3, SHAT.

70. Tài liệu đã dẫn.
71. Báo cáo của SEHAN, "Le Viet Minh et les Chinois", có thể do Trung tá Trocard viết, được ký ở Hà Nội ngày 8 tháng Tư 1946, hồ sơ lưu trữ về Sainteny, 1SA4, *hồ sơ* 3, FNSP.
72. Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam đã rời khỏi Hà Nội vào giây phút quan trọng và có thể vì vậy đã không thể ký được Hiệp định. Vì lẽ đó, sau này ông có thể chỉ trích về hiệp định này. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 232.
73. Cao ủy gửi Defnat Paris, số 404F (gửi cho Moutet), ngày 6 tháng Ba 1946, 09h40Z, 1MiF40, AOM.
74. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 234.
75. Việc ông Võ Nguyên Giáp kiên quyết bảo vệ hiệp định được in trên tờ báo của Huế *Quyết chiến*, ngày 8 tháng Ba 1946. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 229-31, đã trình bày tóm tắt.
76. Nguyễn Khắc Viện: *Vietnam: A Long History*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1999, tr. 251.

77. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 242.
78. Bài diễn văn của d'Argenlieu, ngày 9 tháng Ba 1946, HC 4, AOM.
79. "Bulletin spécial d'informations No. 16 concernant l'Indochine du Nord" (tóm lược bình luận trên các phương tiện truyền thông của Việt Nam, từ ngày 10-16 tháng Ba 1946), CP 13 (1), AOM.
80. Nhóm công tác quốc tế (Sài Gòn) gửi SACSEA, số 1.384, ngày 11 tháng Ba 1946; và Nhóm liên lạc của Pháp gửi HQ SACSEA, ngày 29 Ba 1946, WO 203/6216, PRO. Báo cáo của Sở Mật thám, số 1713, Hà Nội, ngày 17 tháng Ba 1946, về tác động của Hiệp định ngày 6 tháng Ba 1946, "Accord 6 mars" đã ký, CP 130, AOM.
81. Chen Jian, *Mao's China and the Cold War* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2001), tr. 123-24.
82. Tướng Valluy, bị vong lục gửi Thủ tướng Bidault, ngày 3 tháng Hai 1946, F60 C3024, AN. Thông tư của Việt Minh ngày 6 tháng Ba 1946 rơi vào tay Sở Mật thám Pháp năm 1947, BR No. 675/PS, CP 17 (14), AOM.

Chương 3. BẢN TẠM ƯỚC

1. Tạm ước đề ngày 14 tháng Chín nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Moutet ký Tạm ước sau nửa đêm, vì vậy, nói chính xác thì Tạm ước nên đề ngày 15 tháng Chín. Laurent Césari, *L'Indochine en guerres, 1945-1993* (Paris: Belin, 1995), tr. 49; Shipway, *Road to War*, tr. 218; Lawrence, *Assuming the Burden*, tr. 152.
2. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée*, tr. 209.
3. SESAG, "Renseignements divers recueillis à Haiphong", Sài Gòn, ngày 3 tháng Năm 1946, CP, AOM.
4. Raoul Salan, *Mémoires: Fin d'un empire*, t.1: *Le sens d'un engagement, juin 1899-septembre 1946* (Paris; Presses de la Cité, 1970), tr. 347. Chúng ta không thể tin vào sự chính xác của Salan khi ông trích dẫn các cuộc nói chuyện vì mãi đến cuối thập niên 1960 ông mới viết hồi ký. Tuy nhiên, khi ông trích dẫn tài liệu, chúng ta phải chấp nhận rằng các trích dẫn đều chính xác.

5. Salan, *Mémoires,* t.1, tr. 343.
6. D'Argenlieu gửi Cominindo, số 421F, nhận ngày 9 tháng Ba 1946, F60 C3024, AN.
7. Salan, *Mémoires,* t.1, tr. 353.
8. Báo cáo được sao lại trọn vẹn trong Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* kể từ tr. 244. Trong lần xuất bản đầu tiên của cuốn sách (in ngày 15 tháng Mười 1953), cuốn sách mang tựa đề "Lettre du général Leclerc au général De Gaulle". Trong lần tái bản (in ngày 30 tháng Mười một 1954), cuốn sách mang tên "Rapport du général Leclerc" và tên của de Gaulle đã được bỏ đi.
9. "Lettre du général Leclerc au général De Gaulle" như đã được in lại trong Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* kể từ tr. 244.
10. Pignon đã viết hồi ký nhưng bệnh tật khiến ông không thể hoàn thành hồi ký của mình. Sau khi ông qua đời, với sự giúp đỡ của đồng nghiệp cũ và bạn bè của chồng, năm 1988, bà Elise Pignon đã cho xuất bản cuốn *Léon Pignon 1908-1976: Un homme de coeur au service de l'Outre-Mer français: témoignages et documents* (Paris: Academie des sciences d'Outre-Mer, 1988). Cuốn sách cho thấy phần nào tư tưởng của Pignon. Để xem xét kỹ lưỡng vai trò của Pignon trong chính sách của Đông Dương thuộc Pháp, tham khảo Daniel Varga, "La politique française en Indochine (1947-50): Histoire d'une décolonisation manquée" (Luận án Tiến sĩ, Đại học d'Aix-Marseille I, năm 2004).
11. Leclerc, thư gửi Maurice Schumann, ngày 8 tháng Sáu 1946, được sao chép lại trong Georgette Elgey, *Histoire de la IVème République,* t. 1: *La République des illusions, 1945-1951* (Paris: Fayard, 1965), tr. 161-62.
12. Tóm tắt bài thuyết trình của Leclerc được gửi tới tất cả các cơ quan ngoại giao của Pháp vào ngày 8 tháng Tám 1946, AO, MAE.
13. Một phần trong báo cáo cuối cùng của Leclerc được sao chép lại trong Claude Paillat, *Dossier secret de l'Indochine* (Paris: Presses de la Cité, 1964), tr. 93-94, và toàn bộ báo cáo nằm trong Auriol,

Journal du septennat, t.1, tr. 661-64, Phụ lục 1, cũng như trong *Leclerc et l'Indochine,* Pedroncini và Duplay chủ biên, tr. 379-82.

14. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* tr. 167.
15. Bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 26 tháng Tư 1946, F60 C3024, AN.
16. Thư d'Argenlieu gửi Cominindo, số 1149F, ngày 30 tháng Bảy 1946, AN, F60 C3024; EMGDN, Bulletin d'études, số 40 (một bản tóm lược các đề xuất dài 22 trang tại Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai), AO, MAE.
17. Biên bản và các tài liệu cơ bản khác của Pháp về các cuộc thương lượng bất thành ở Đà Lạt có thể tìm thấy trong EA, *hộp* 32-36, MAE; trong CP 246 và CP 301, AOM. Những phân tích hữu ích về các cuộc thương lượng có thể tìm thấy trong Henri Azeau, *Ho Chi Minh, dernière chance: La conférence franco-vietnamienne de Fontainebleau, juillet 1946* (Paris: Flammarion, 1968); Patricia Sockeel-Richarté, "La conférence franco-vietnamienne de Fontainebleau (juillet-août 1946)", *Espoir* 35 (tháng Bảy 1981), tr. 54-64; Jacques Valette, "La conférence de Fontainebleau (1946)", trong *Les chemins de la décolonisation de l'empire français 1936-1956,* Charles-Robert Ageron chủ biên (Paris: Centre national de la recherche scientifique, 1986), tr. 231-50; và Micheline Schlienger, *Vers l'éclatement du conflit franco-vietnamien* (Paris: Mare & Martin, 2005), tr. 140-73; và cuốn sách của David Marr viết về Việt Nam thời kỳ 1945-1950.
18. Tháng Giêng 1947, Pignon nhận định Hồ Chí Minh nổi tiếng ở miền Nam hơn ở miền Bắc. Báo cáo của Pignon số 276CP/CP/Cab, ngày 21 tháng Giêng 1947, CP-phụ lục 18, AOM.
19. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 244. Đây là một trong những lý do ra đời bức điện ngày 15 tháng Ba của Leclerc gửi d'Argenlieu.
20. *Sđd*, tr. 324.
21. Reed gửi Bộ trưởng Ngoại giao, thông báo số 113, ngày 24 tháng Mười 1946, DF851G.00/10-2446, USNA.
22. Điện Cao ủy gửi EMGDN, số 841/EMHC, ngày 1 tháng Mười 1946, điện 933, AOM.

23. Báo cáo của Leclerc ngày 8 tháng Giêng 1947, trong Auriol, *Journal du septennat,* t.1, tr. 661-64; và trong *Leclerc et l'Indochine,* Pedroncini và Duplay chủ biên, tr. 379-82.
24. Báo cáo của Leclerc ngày 8 tháng Giêng 1947, trong Auriol, *Journal du septennat,* t.1, từ tr. 661. Leclerc có sở thích cá nhân là thổi phồng con số tháng Tư, vì lúc đó ông ta là người chịu trách nhiệm, đồng thời lại giảm thiểu con số tháng Giêng, thời điểm ông ta đã không còn quyền chỉ huy được sáu tháng. Leclerc không thể đề cập sự suy giảm khả năng kiểm soát của Pháp ở miền Nam bắt đầu vào tháng Ba - tháng Tư, bốn tháng trước khi ông ta rời khỏi vị trí chỉ huy và chủ yếu là bởi vì ông ta đã chuyển những đơn vị tinh nhuệ nhất của mình ra Bắc.
25. Dự thảo trả lời câu hỏi của Quốc hội do ông Driberg đặt ra, được ký tại Bộ Ngoại giao ngày 26 tháng Giêng 1946. FO371/53958/F1759/8/61, PRO.
26. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 253, 258.
27. "Rapport sur la situation politique intérieure de l'Indochine au 10 Janvier 1947", tr. 8, Pignon ký, ngày 21 tháng Giêng 1947, CP-phụ lục 18, AOM.
28. Salan, *Mémoires,* t. 1, tr. 401.
29. Tên gốc của Nguyễn Bình là Nguyễn Phương Thảo. Ông lấy tên Nguyễn Bình khi gia nhập hàng ngũ Việt Minh năm 1945. Về tiểu sử của ông, xem Christopher E. Goscha, "A 'Popular' Side of the Vietnamese Army: General Nguyen Binh and the Early War in the South (1910-1951)", trong *Naissance d'un Etat-parti,* Goscha và de Tréglodé chủ biên, tr. 325-54.
30. Chỉ thị của Bộ trưởng Tuyên truyền Trần Huy Liệu gửi Nam Bộ, đầu tháng Chín 1946, phụ lục một bản bị vong lục của d'Argenlieu gửi đến kỳ họp của Cominindo ngày 23 tháng Mười một 1946, F60 C3024, AN.
31. Ấn tượng sau khi xem xét các báo cáo quân sự hằng ngày ở AOM.
32. Điện Cao ủy gửi FOM, số 857/EMHC, ngày 7 tháng Mười 1946, điện 933, AOM.

33. Điện Cao ủy gửi EMGDN, số 817/EMHC, ngày 19 tháng Chín 1946, điện 933, AOM. EMGDN xác nhận đề xuất và yêu cầu Cominindo quyết định qua thư ngày 23 tháng Chín 1946, F60 C3024, AN.
34. Điện Cao ủy gửi EMGDN, số 816/EMHC, ngày 19 tháng Chín 1946, điện 933, AOM. Những người trực tổng đài ở Paris không viết đúng tên người Việt, còn các nhân viên tổng đài ở Washington thì cũng chẳng giỏi viết tiếng Pháp. Có thể nghĩ d'Argenlieu là người Việt Nam nên họ đã từng gọi ông ta là "Dar Gen Lieu".
35. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo, số 1703F, ngày 26 tháng Mười 1946, điện 937, AOM.
36. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 318.
37. Dưới sự chỉ huy của các tướng Crépin và Morlière, lực lượng Pháp ở Hà Nội dường như chịu đựng, nếu không muốn nói là công khai ủng hộ sự trấn áp của những người dân tộc chủ nghĩa. Xem Paul Mus, *Sociologie d'une guerre* (Paris: Seuil, 1952), tr. 52-53; Viện Nghiên cứu thuộc địa Pháp - Thụy Sĩ [Jean Bidault], *France et Viet-Nam: Le conflit franco-vietnamien d'après les documents officiels* (Geneva: Editions du Milieu du monde, n.d. [1947]); và đáng chú ý là François Guillemot, "Au coeur de la fracture vietnamienne: L'élimination de l'opposition nationaliste et anticolonialiste dans le Nord du Viet Nam (1945-1946)", trong *Naissance d'un Etat-parti,* Goscha và de Tréglodé chủ biên, tr. 175-216. Bidault nói về số phận nghịch lý khiến sĩ quan Pháp phải giúp đỡ Việt Minh đập tan cuộc trấn áp. Bài viết của Guillemot, tr. 215 nói về "đụng độ" giữa Pháp và Việt Minh.
38. Pignon trong cuộc phỏng vấn với Jean Lacouture, ngày 30 tháng Ba 1973 về bộ phim *La République est morte à Dien Bien Phu.*
39. Frédéric Turpin, "Le Mouvement républicain populaire et la guerre d'Indochine (1944-1954)", *Revue d'histoire diplomatique* 110 (1996), tr. 159.
40. Paul Isoart, "L'élaboration de la Constitution de l'Union française: Les Assemblées constituantes et le problème colonial", trong *Les chemins de la décolonisation de l'empire français 1936-1956,*

Charles-Robert Ageron chủ biên (Paris: Centre national de la recherche scientifique, 1986), tr. 15-32.

41. Thư Bidault gửi d'Argenlieu, ngày 29 tháng Ba 1946, Sockeel-Richarté trích dẫn, "La conférence franco-vietnamienne de Fontainebleau". Bà không cho biết nơi bà tìm thấy tài liệu, nhưng bà đã tiếp cận kho lưu trữ cá nhân của d'Argenlieu. Thư này không được đề cập trong d'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*.
42. Điện FOM gửi Cao ủy, ngày 19 tháng Tư 1946, điện 910, AOM.
43. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 258-59. Bị vong lục này không được tìm thấy trong AOM, song tài liệu lưu trữ thời kỳ này không đầy đủ.
44. Labrouquère gửi Cao ủy, ngày 15 tháng Năm 1946, Papiers Moutet, PA 28, *hộp* 3, *hồ sơ* 83, AOM.
45. Moutet gửi Cao ủy, ngày 15 tháng Năm 1946, PA 28, *hộp* 3, *hồ sơ* 83, AOM.
46. Trong một bức thư riêng gửi d'Argenlieu đề ngày 19 tháng Tám 1946, Moutet khẳng định rằng cả ông ta và Bidault đều không được thông tin gì. D'Argenlieu trong thực tế đã nói về hội nghị sắp tới trong một bức điện gửi ngày 22 tháng Bảy, nhưng Moutet không nhận được bản sao bức điện này trước khi tin tức về hội nghị được tuyên bố công khai ở Paris ngày 26 tháng Bảy. Papiers Moutet, PA 28, *hộp* 3, *hồ sơ 82,* AOM.
47. Bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 2 tháng Tám 1946, được ký ở Đà Lạt, F60 03024, AN; đồng thời cũng có trong AO, MAE.
48. Elgey, *Histoire de la IVème République,* t.1, tr. 164.
49. Thư riêng Baudet gửi Clarac, ngày 21 tháng Tám 1946, AO, MAE.
50. Moutet gửi d'Argenlieu, ngày 19 tháng Tám 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, d.82, AOM.
51. Bản tin của AFP số 413, ngày 6 tháng Mười một 1946, CP 13, AOM.
52. "Note de Moutet a/s de la conférence de Fontainebleau", ngày 8 tháng Tám 1946, EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE.
53. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 302.

54. Moutet gửi d'Argenlieu, ngày 19 tháng Tám 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, d.82, AOM.
55. Bị vong lục d'Argenlieu ký ở Đà Lạt, ngày 2 tháng Tám 1946, P60 C3024, AN và AO, MAE.
56. Moutet gửi d'Argenlieu, ngày 19 tháng Tám 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, d.82, AOM.
57. Bidault gửi d'Argenlieu, đánh máy ngày 21 tháng Chín và gửi ngày 25 tháng Chín 1946, điện 914, AOM. Các bản sao của bức điện này không được gửi đến các quan chức khác ở Paris.
58. Jean Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* tr. 209-10.
59. Nguồn của thông tin này là một bức điện của ba trong số những người đàm phán của Pháp (Gonon, Pignon và Torel) gửi d'Argenlieu, thông báo cho ông ta rằng đề xuất của Pháp sẽ được thảo luận cùng ngày giữa Thủ tướng Pháp và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điện Gonon, Pignon và Torel gửi d'Argenlieu, số 65 CP, ngày 14 tháng Chín 1946, 18h00Z, điện 914 và 915, AOM.
60. Toàn bộ nội dung [thỏa thuận tạm ước] có thể tìm thấy trong Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* tr. 248-52 và trong *1945-1946: Le retour de la France en Indochine,* Bodinier chủ biên, tr. 287-91. *Vietnam: A History in Documents,* Gareth Porter chủ biên (New York Meridian, 1981), từ trang 48, đã được tra cứu trích dẫn bằng tiếng Anh.
61. Trên tàu có khoảng 100 công nhân Việt Nam và 1.586 binh lính Việt Nam, họ là những người đang được cho hồi hương sau khi phục vụ Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Điện Cominindo gửi Cao ủy, ngày 28 tháng Chín 1946, điện 914, AOM.
62. Điện Hồ Chí Minh gửi đoàn đàm phán trên tàu Pasteur, ngày 15 tháng Chín 1946, điện 914, AOM.
63. Điện Phạm Văn Đồng gửi Hoàng Minh Giám, ngày 19 tháng Chín 1946, điện 937, AOM.
64. Điện Cominindo gửi Cao ủy, số CI/02810, ngày 27 tháng Chín 1946, điện 914, AOM.

65. Điện cá nhân Messmer gửi d'Argenlieu, ngày 20 tháng Chín 1946, điện 914, AOM.
66. "Rapport mensuel (octobre 1946) de la Sûreté federale", số 3278 (A. Moret ký), ngày 27 tháng Mười 1946, PCE 8, AOM.
67. Trong suốt hội nghị tại Fontainebleau, Đoàn đàm phán Việt Nam và chính phủ Hà Nội có liên lạc qua rađiô. Báo cáo của SDECE, ngày 18 tháng Bảy 1946, AO, MAE.
68. *Elections et référendums des 13 oct., 10 et 24 nov. et 8 déc. 1946. Résultats par département et par canton (France métropolitaine et France d'Outre-mer)* (Paris: Le Monde, 1947), tr. 249. Điện Cao ủy gửi Paris, số 1741F, ngày 2 tháng Mười một, 1946, điện 938, AOM.
69. Reed to Ngoại trưởng, số 411, ngày 19 tháng Mười 1946, DF851G.00/10-1946, USNA.
70. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1628F, không đề ngày tháng, điện số 937, AOM.
71. *Franc-Tireur,* số ra ngày 15 tháng Mười 1946, tr. 3.
72. Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên,* tr. 338.
73. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée,* tr. 210.
74. Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên,* tr. 332.
75. "S'il a signé, affirmera plus tard Ngo Dinh Diem, c'est par peur d'être arreté et envoyé à l'île de la Réunion", Elgey, *Histoire de la IVème République,* t.1, tr. 165.
76. Điện Hồ Chí Minh gửi Chính phủ Việt Nam, ngày 16 tháng Chín 1946, điện 914, AOM.
77. Điện Hồ Chí Minh gửi Chính phủ Việt Nam, ngày 19 và 26 tháng Chín 1946, điện 937, AOM.
78. Về báo cáo hành trình [trên tàu của Chủ tịch Hồ Chí Minh] thông qua các cuộc phỏng vấn với các thủy thủ, xem Georges Chaffard, *Les carnets secrets de la décolonisation* (Paris: Calmann-Lévy, 1965), từ tr. 11.
79. Thuyền trưởng tàu Dumont d'Urville, báo cáo, trích dẫn từ một ghi chú của EMGDN (phiên họp thứ hai) gửi MAE, ngày 23 tháng Mười hai 1946, AO, MAE.

80. Điện Hồ Chí Minh gửi Moutet, ngày 19 tháng Chín 1946, điện 937, AOM.
81. Điện Hồ Chí Minh gửi Bidault, nhận ở Paris ngày 12 tháng Mười 1946, điện 933, AOM.
82. Điện Cominindo gửi Cao ủy, ngày 26 tháng Mười 1946, điện 938, AOM.
83. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1483F, ngày 25 tháng Chín 1946, điện 937, AOM; Điện Cominindo gửi Cao ủy, số C.I./02879, ngày 5 tháng Mười 1946, điện 914, AOM; Điện Cao ủy gửi Moutet, không có số, bản sao ở Paris đề ngày 14 tháng Mười 1946, điện 937, AOM.
84. Trần Ngọc Danh, em trai của nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, Christopher E. Goscha, "Courting Diplomatic Disaster? The Difficult Integration of Vietnam into the Internationalist Communist Movement (1945-1950)", tạp chí *Journal of Vietnamese Studies*, số 1-2 (2006), tr. 59-103.
85. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo, số 1789F, bản sao ở Paris đề ngày 11 tháng Mười một 1946, điện 938, AOM.
86. Messmer gửi d'Argenlieu, ngày 26 tháng Mười 1946, đính kèm tài liệu đã dẫn.
87. "Instructions aux sections V.N. à Hanoi", ngày 23 tháng Chín 1946, CP-phụ lục 8 (1), AOM. "Instructions du directeur de la propagande au *Trung Bo* (Hải Triều)", ngày 24 tháng Chín 1946, Thông báo SDECE, ngày 28 tháng Mười một 1946, AO, MAE.
88. Jean Sainteny trong cuộc phỏng vấn Jean Lacouture về bộ phim *La République est morte à Dien Bien Phu* năm 1973.
89. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo, số 50.721-50.733/106, ngày 27 tháng Ba 1946, điện 933, AOM.
90. Salan, *Mémoires,* t. 1, tr. 353. Salan là sĩ quan tháp tùng Chủ tịch Hồ Chí Minh.
91. Điện Cao ủy gửi Cominindo, Cabinfor 671, ngày 19 tháng Mười 1946, điện 937, AOM.

92. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo (gửi cho Moutet), ngày 19 tháng Mười 1946, điện 937, AOM.
93. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 94, ngày 24 tháng Mười 1946, DF851G.00/10-2446, USNA.
94. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 469-470.
95. Dự thảo bị vong lục của Pignon "Action du front Viet-Minh contre les partis d'opposition (Octobre 1945 - Novembre 1946)", số 4562/CP/AP, ngày 17 tháng Mười hai 1946, CP-phụ lục 21 and CP 247, AOM. Xem thêm Guillemot, "Au coeur de la fracture vietnamienne", tr. 198-99.
96. David Marr phân tích quá trình xây dựng Nhà nước và quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong "Beyond High Politics: State Formation in Northern Vietnam, 1945-1946" và trong "Creating Defense Capacity in Vietnam, 1945-1947" trong cuốn *The First Vietnam War,* Lawrence và Logevall chủ biên, tr. 74-104, đồng thời nghiên cứu kỹ các chủ đề này trong cuốn sách về Việt Nam giai đoạn 1945-1950. Để có nhận định ban đầu, chủ yếu dựa vào các nguồn tài liệu đã xuất bản của Việt Nam, xem Greg Lockhart, *Nation in Arms: The Origins of the People's Army of Vietnam* (Sydney: Asian Studies Association of Australia phối hợp với Allen & Unwin, 1989).
97. Thư Pignon gửi Moutet, ngày 30 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 59, *hồ sơ* C-303, MAE.
98. *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,* bản sao không đề ngày tháng trong *hồ sơ* 572, ngăn tài liệu về Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thời kỳ 1945-54, "Affaires intérieures", VNA-I (tham khảo thêm tại Bảo tàng Cách mạng ở Hà Nội). Một bản dịch tiếng Pháp hiện đại có sẵn trong CP-phụ lục 5, AOM. Ngoài ra, còn có biên bản tiếng Pháp của Kỳ họp lần thứ hai Quốc hội Việt Nam, ngày 28 tháng Mười - ngày 10 tháng Mười một 1946. Có thể tìm thấy phân tích kỹ lưỡng về quá trình xây dựng Hiến pháp Việt Nam thời kỳ 1945-1946 trong Chương 2 của cuốn sách của David G. Marr viết về Việt Nam thời kỳ 1945-1950.

99. *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,* Bảo tàng Cách mạng, Hà Nội.
100. Những người sau được bầu là Ủy viên Ban Thường vụ, 10 người trong số đó thuộc hàng ngũ Việt Minh: Bùi Bằng Đoàn, Tôn Đức Thắng, Tôn Quang Phiệt, Phạm Ba Chúc, Dương Đức Hiền, Hoàng Minh Châu, Phan Thanh, Nguyễn Đình Thi, Cung Đình Quỳ, Dương Văn Du, Trần Huy Liệu, Trần Văn Cung, Hoàng Văn Hoa và Nguyễn Văn Luyện.
101. Tiểu ban có những thành viên sau, bảy người trong số này (bao gồm bốn người đầu tiên trong danh sách) thuộc hàng ngũ Việt Minh: Nguyễn Thị Thục Viên, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Đình Thi, Trần Duy Hưng, Đỗ Đức Dục, Cù Huy Cận, Huỳnh Ba Nhung, Trần Tấn Thọ, Nguyễn Văn Hách, Đào Hữu Dương, Phạm Gia Đỗ.
102. "La constitution de la République démocratique du Viet Nam" (một nghiên cứu bằng tiếng Pháp dài 27 trang về quá trình xây dựng Hiến pháp Việt Nam), CP-phụ lục 4, AOM, tr. 5.
103. Moutet gửi Cao ủy, ngày 21 tháng Chín 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, d.83, AOM.
104. Điện Cao ủy gửi Cominindo, Cabinfor 640, ngày 22 tháng Chín 1946, điện 937, AOM.
105. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 301. Devillers có mặt khi tuyên bố được đưa ra.
106. Moutet gửi Cao ủy, ngày 21 tháng Chín 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, d.83, AOM.
107. "Communiqué de la Commission Permanente à tous les secrétaires Municipaux et provinciaux-Délégues de la Nation", ngày 28 tháng Mười 1946. Không rõ Ban Thường vụ thuộc tổ chức nào: Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Việt Minh hay tổ chức nào khác, nhưng thông báo được sao lại trong một bản dịch tiếng Pháp là tài liệu số 16 trong "Réponse au Mémorandum vietnamien 'sur les manoeuvres colonialistes depuis le 6 mars 1946 et les origines de l'actuel conflit franco-vietnamien'" (dưới đây gọi là "bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947), một bản ghi nhớ với 11 phụ lục, bao gồm 24

tài liệu do d'Argenlieu gửi FOM vào ngày 11 tháng Hai 1947, các bản sao trong EA, *hộp* 41, *hồ sơ* B-608, và *hộp* 56, *hồ sơ* 247, s/d. XVIII, MAE, cũng trong AO, MAE và DF851G.00/2-2047, USNA.

108. Pignon gửi de Lacharrière, số 1082E, ngày 21 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM.

109. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1613F, ngày 15 tháng Mười 1946, điện 937, AOM.

110. Điện Cao ủy gửi Cominindo MP/số 517, bản sao ở Paris đề ngày 21 tháng Mười 1946, điện 937, AOM.

111. Cao ủy gửi Tổng thống ở Paris, số 1740, ngày 1 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM. Ngày 19 tháng Mười một, ông Giáp nói với Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan rằng người Pháp không thả những tù nhân chính trị một cách tượng trưng, mặc dù ông nói có tự do báo chí ở mức nào đó ở Sài Gòn. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 108, ngày 19 tháng Mười một 1946, DF851G.00/11-1946, USNA.

112. Truyền thông của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được phân tích trong cuốn sách của David Marr viết về Việt Nam thời kỳ 1945-1950.

113. Đại diện truyền thông của Pháp ở Hà Nội (Comrep Hà Nội) gửi Cao ủy, số 273, ngày 22 tháng Mười 1946, 1MiF5, AOM.

114. Cao ủy gửi Tổng thống ở Paris, ngày 26 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM.

115. Reed gửi Ngoại trưởng, số 421, ngày 24 tháng Mười 1946, DF851G.00/10-2446, USNA.

116. "Cochinchine-Depuis le 30 Octobre o heure, situation calme sur ensemble secteurs". Điện Cao ủy gửi EMGDN, ngày 1 tháng Mười một 1946, điện 933, AOM.

117. Điện Cao ủy gửi Cominindo, ngày 3 tháng Mười một 1946, điện 938, AOM.

118. Điện Beziat gửi FOM, ngày 9 tháng Mười một 1946, điện 933, AOM. Phàn nàn này cũng được đề cập trong điện Reed gửi Ngoại trưởng, số 438, ngày 9 tháng Mười một 1946, DF851G.00/11-946, USNA.

119. "Mémorandum-Faits postérieurs au 30/10/1946", tài liệu đính kèm thư Hồ Chí Minh gửi d'Argenlieu, số 852-VP/CT, ngày 11 tháng Mười một 1946, CP 8, AOM (hồ sơ của Việt Nam được thu giữ ở Hà Nội năm 1947); "Mémorandum récapitulatif des actes contraires au modus-vivendi du 14/9/46", tài liệu đính kèm thư Hồ Chí Minh gửi Thủ tướng Pháp, ngày 17 tháng Mười một 1946, CP 8, AOM.

120. Phụ lục bản bị vong lục d'Argenlieu gửi tới kỳ họp của Comimindo ngày 23 tháng Mười một 1946, F60 C3024, AN. "Mémorandum récapitulatif des actes contraires au modus-vivendi du 14/9/46", tài liệu đính kèm thư Hồ Chí Minh gửi Léon Blum, ngày 17 tháng Mười hai 1946, CP-phụ lục 8, AOM.

121. Võ Nguyên Giáp: "Một lần nữa, kẻ thù lại bất ngờ và bối rối khi biết rằng chúng ta đã hoàn toàn kiểm soát Nam Việt Nam", *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 335. "L'éxécution stricte de la cessation du feu au jour et à l'heure fixés par les chefs rebelles fournit la preuve de l'organisation et de la discipline des bandes rebelles qui tendent de plus en plus à s'assimiler dans la clandestinité à des troupes régulières". Điện Valluy gửi EMGDN, số 1902/3/T/, ngày 22 tháng Mười một 1946, điện số 933, AOM và 4Q78, *hồ sơ* 3, SHAT. Moutet sử dụng những từ tương tự trong một cuộc phỏng vấn với "l'agence P.F.A". ngày 27 tháng Mười một 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, d.87, AOM.

122. Báo cáo từ "Cabinet du Général TFIN" liên quan đến "Notre action en Indochine du Sud du 30 octobre au 25 décembre", ngày 28 tháng Mười hai 1946, phụ lục 6 "Note sur l'Examen..".., tháng Sáu 1947, CP 21, AOM.

123. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 96, ngày 25 tháng Mười 1946, DF851G.00/10-2546, USNA.

124. "Nous vous répétons aussi que du moment qu'aucun ordre précise n'est donne par le Gouvernement, aucun organisme (liaison comprise) n'est autorisé à appliquer lui même le Modus Vivendi". Trưởng Phòng liên lạc trung ương gửi các trưởng phòng liên lạc ở 11

tỉnh, thành, số 2006/TV, Hà Nội, ngày 30 tháng Mười 1946, phụ lục 2 bị vong lục "Le Modus Vivendi et le Vietminh", CP 8, AOM.

125. Điện Gonon, Pignon và Torel gửi d'Argenlieu, số 65CP, ngày 14 tháng Chín 1946, điện 914, AOM.

126. Không thể để những chỉ thị này trong kho lưu trữ của Pháp, nhưng Moutet tuyên bố rằng chúng sẽ nằm trong thư ông ta gửi d'Argenlieu ngày 21 tháng Chín 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, d.83, AOM. D'Argenlieu đề cập những chỉ thị quân sự trong một bức điện gửi FOM ngày 31 tháng Mười, còn Valluy thì đề cập trong một chỉ thị ngày 19 tháng Mười một.

127. Điện Cao ủy gửi FOM, ngày 31 tháng Mười 1946, điện 933, AOM.

128. Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, ngày 11 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM. "Compte rendu vietnamien des conversations avec le général Nyo du 9 au 13.11.46 et lettre de Hoang Huu Nam au général Nyo", ngày 19 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 8, AOM (hồ sơ của Việt Nam được thu giữ năm 1947). Wilson gửi Meiklereid, ngày 23 tháng Mười một 1946, FO959/11/243/3635/46, PRO.

129. "Réponse au télégramme général Nyo du 9. J'estime qu'il y à intéret à gagner du temps". Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, ngày 11 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM.

130. Tóm tắt của Việt Nam về các cuộc thương lượng của Tướng Nyo, ngày 9-13 tháng Mười một 1946; Hoàng Hữu Nam, thư gửi Tướng Nyo, ngày 19 tháng Mười một 1946, cả hai đều có trong CP8, AOM (hồ sơ của Việt Nam được thu giữ năm 1947).

131. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 325.

132. Trần Bửu Kiếm (Tổng Thư ký), Phạm Ngọc Thuần (Phó Chủ tịch) và Ung Văn Khiêm (Chính ủy nội bộ), các chỉ thị được ký ngày 17 tháng Mười 1946, CP-phụ lục 8 (2), AOM.

133. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo, số 1726F, ngày 29 tháng Mười 1946, điện 937 (RG/số 536), và 1MiF43, AOM. Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 1007F, ngày 29 tháng Mười 1946, 1MiF43, AOM.

134. Cominindo gửi Cao ủy, số 1903/CI/3110, ngày 2 tháng Mười một 1946, CP 13, AOM.
135. Cominindo gửi Cao ủy, số CI/03285, ngày 25 tháng Mười một 1946, AO, MAE. Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 1899E, ngày 27 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM.
136. Tổng thống ở Paris gửi Cao ủy, số 1903/CI/3110, ngày 2 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 13 (2-2), AOM.
137. D'Argenlieu gửi Morlière, số 10341E, ngày 6 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM. Morlière, thư gửi Hồ Chí Minh, số 161/CAB.CIV, ngày 7 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 8, AOM.
138. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Cao ủy (thông qua Morlière), ngày 9 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 8, AOM.
139. Cao ủy gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh (thông qua Morlière), ngày 12 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 8, AOM.
140. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Cao ủy, ngày 14 tháng Mười một 1946, trong Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 462, ngày 15 tháng Mười một 1946, 1MiF5, AOM.
141. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 478, ngày 17 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 13 (3-III), AOM.
142. Cao ủy gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh (thông qua Morlière), ngày 20 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 8, AOM (hồ sơ của Việt Nam).
143. "Tình báo" của Phòng Nhì (Keller), ngày 7 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 13 (1), AOM.
144. SDECE, "Notice technique de contre-ingérence politique", ngày 28 tháng Mười một 1946, AO, MAE. Năm 1947, Lãnh sự quán Anh tìm thấy 3 kg tài liệu của Việt Nam ở Hà Nội, một số tài liệu trong đó cho thấy người Việt Nam đã tự chuẩn bị nghiêm túc cho cuộc thương lượng tại các tiểu ban hỗn hợp. Sài Gòn đã kiểm tra tài liệu và kết luận: "Comme les Anglais en Birmanie, nous avions en somme le droit de payer et de nous en aller". Nghiên cứu về "Les positions Vietminh concernant l'application du Modus Vivendi", CP-phụ lục 8, AOM (tại đây, cũng có thể tìm thấy các tài liệu quan trọng nhất của Việt Nam).

145. "Instructions pour la constitution des commissions mixtes prévues par le modus vivendi du 14 septembre", Sài Gòn, ngày 17 tháng Mười 1946, EA, *hộp* 38, *hồ sơ* "Application", MAE. SEHAN BR số 3729, ngày 28 tháng Mười 1946, EA, *hộp* 39, *hồ sơ* B-605, MAE. "Renseignements du 2ème Bureau" (Keller), ngày 7 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 13 (1), AOM. SDECE "Notice technique de contre-ingérence politique", ngày 28 tháng Mười một 1946, AO, MAE. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 311, ngày 26 tháng Mười, số 366, ngày 4 tháng Mười một và số 451, ngày 13 tháng Mười một 1946, 1MiF5, AOM.
146. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo, số 1785F, ngày 7 tháng Mười một 1946, điện 938 và 1MiF44, AOM.
147. Cao ủy gửi Cominindo, số 1837F, ngày 16 tháng Mười một 1946, AOM, 1MiF44. Xem thêm thư Valluy gửi Hồ Chí Minh, số 3095, ngày 16 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 8, AOM (hồ sơ của Việt Nam).
148. Cao ủy Paris gửi Cao ủy Sài Gòn, ngày 21 tháng Mười một 1946, 1MiF5, AOM.
149. De Lacharrière gửi Valluy, số 673-678, ngày 22 tháng Mười một 1946, 1MiF5, AOM.
150. Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 1890E, ngày 23 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM.
151. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1628F, ngày 16 tháng Mười 1946, điện số 937 và 1MiF43, AOM.
152. *Léon Pignon 1908-1976: Un homme de coeur au service de l'Outre-Mer français* (chú thích 10 đã trích dẫn phía trên), tr. 44.
153. Điện Cao ủy gửi Cominindo, ngày 19 tháng Mười 1946, điện số 937, AOM.
154. D'Argenlieu gửi Bộ Quốc phòng (chỉ gửi cho Bidault và Juin), ngày 19 tháng Mười 1946, được sao lại trong *1945-1946: Le retour de la France en Indochine*, Bodinier chủ biên, tr. 300-302.
155. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 679CH, ngày 26 tháng Mười 1946 (ba bức điện có cùng chung một số), điện 937, AOM.

156. Điện D'Argenlieu gửi Comindo, số 1703F, ngày 26 tháng Mười 1946, điện 937, AOM. Cách d'Argenlieu sử dụng các từ "đại sứ" (để chỉ Morlière) và "chính phủ" (để chỉ bản thân ông ta) chắc chắn là sự mỉa mai. Trong khi rõ ràng là d'Argenlieu tự cho mình là chỉ đạo chính phủ liên bang, tất nhiên ông ta không muốn thừa nhận bất kỳ tình trạng độc lập nào đối với chính phủ của Hồ Chí Minh.

157. Reed gửi Ngoại trưởng, số 428, ngày 31 tháng Mười 1946, DF851G.00/10-3146, USNA.

158. Điện Cao ủy gửi Cominindo, ngày 1 tháng Mười một 1946, điện 938, AOM.

159. Điện Cao ủy gửi Cominindo, ngày 3 tháng Mười một 1946, điện 938, AOM.

160. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo (gửi cho Bộ trưởng Hải ngoại Pháp), ngày 6 tháng Mười một 1946, điện 938, AOM.

161. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1824F, ngày 16 tháng Mười một 1946, điện 938, AOM.

162. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1853F, ngày 19 tháng Mười một 1946, điện 938, AOM.

163. Biên bản phiên họp toàn thể của Hội đồng Nam Kỳ, ngày 31 tháng Mười 1946, EA, *hộp* 48, *hồ sơ* C-223, MAE.

164. Tài liệu đã dẫn.

165. Yêu cầu được thực hiện với 23 phiếu thuận và 3 phiếu trắng. Tài liệu đã dẫn. Tham khảo thêm Cao ủy gửi Cominindo, số 1795F, ngày 8 tháng Mười một 1946,1MiF44, AOM.

166. David G. Marr, *Vietnamese Anticolonialism, 1885-1925* (Berkeley: University of California Press, 1971), tr. 39.

167. "Le président Thinh a certainement voulu dépouiller l'injustice des attaques dont il était l'objet et auxquelles l'application du modus-vivendi allait donner encore plus de liberté d'expression". Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1800F, ngày 10 tháng Mười một 1946, điện số 938, AOM.

168. "Procès-verbaux des séances de l'Assemblée de Cochinchine le 31.10.46", Cao ủy gửi Cominindo, số 1795F, được phát ở in Paris

ngày 11 tháng Mười một 1946; "Note relative à la séance du Conseil de Cochinchine le 7.11.46", AFP Service spécial outre-mer, số 63, số 5, ngày 12 tháng Mười một 1946; Cao ủy gửi Cominindo, số 1917F, ngày 29 tháng Mười một 1946, EA, *hộp* 48, *hồ sơ* C-223, MAE; Cao ủy gửi Cominindo, số 697, Cabinfor, ngày 13 tháng Mười một 1946, EA, *hộp* 30, *hồ sơ* B-263, MAE. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1800F, ngày 10 tháng Mười một 1946, điện số 938, AOM. Ghi chú viết tay trên trang cuối cùng của các chỉ thị dự thảo d'Argenlieu gửi Valluy, ngày 13 tháng Mười một 1946,10H162, SHAT.

169. "Or la loyauté avec laquelle de part et d'autre fut appliqué le 'modus vivendi' signé entre M. Ho Chi Minh et Marius Moutet enlève peu à peu toute raison d'être et toute autorité à ce pseudo-gouvernement. Le suicide de son président va sans nul doute en hâter la disparition", tờ *Le Populaire,* ngày 11 tháng Mười một 1946.

170. D'Argenlieu có lý do chính đáng để lo ngại sự thay đổi trong cách tiếp cận Việt Nam của Chính phủ Pháp. Trong một bài thuyết trình về chính sách thuộc địa của Pháp cuối tháng Mười một, Giám đốc Nha Chính trị thuộc Bộ Hải ngoại Pháp Henri Laurentie liệt kê các "quốc gia liên kết" là Marốc, Tuynidi, Campuchia và Việt Nam. "Conférence du Gouverneur Laurentie - King's College, Londres 28 Novembre 1946", CP 295, *hồ sơ* C, AOM.

171. Nguyên văn câu tiếng Pháp của d'Argenlieu là "recourir à une action de force directe contre le gouvernement de Hanoi". Tham khảo chương tiếp theo để biết thêm về cuộc thảo luận và các nguồn tham khảo cho những chỉ thị quan trọng này.

Chương 4. THẢM SÁT

Lời đề từ: COMAR Hải Phòng gửi Sài Gòn, số 30.693-94, ngày 23 tháng Mười một 1946; chữ in nghiêng được bổ sung.

1. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 698, ngày 4 tháng Mười hai 1946, 1MiF5, AOM.
2. Rõ ràng là Nguyễn Bình đã cố triển khai một cuộc tấn công quân sự vào tháng 12, song đã thất bại. Sự chú trọng vào lĩnh vực quân sự

trong tháng Mười một và mâu thuẫn nội bộ giữa ông và nhà lãnh đạo chính trị Phạm Văn Bạch đã gây ra nhiều vấn đề. "Notre action en Indochine du Sud du 30 octobre au 25 décembre", lời ghi chú đề ngày 28 tháng Mười hai 1946, CP 21, AOM; "Directives du gouvernement vietnamien", trong thời kỳ từ ngày 31 tháng Mười 1946 đến 15 tháng Giêng 1947, do chỉ huy BCR là Barada ký ngày 13 tháng Mười hai 1946 và ngày 31 tháng Giêng 1947, CP 15(1), AOM.

3. D'Argenlieu gửi Bidault và Juin, số 429/EMP/3, ngày 19 tháng Mười 1946, 4Q78, *hồ sơ* 7, SHAT, và EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE. Juin, "Note d'avis", số 540 DN/S.COL, ngày 23 tháng Mười 1946, 4Q80, *hồ sơ* 1, SHAT. Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi,* tr. 231-34; *1945-1946: Le retour de la France en Indochine,* Bodinier chủ biên, tr. 300-302.
4. Valluy, *Revue des deux mondes,* ngày 1 tháng Mười hai 1967, tr. 363, là người đầu tiên trích dẫn "lettre 2949 du 25 octobre adressée à tous les Commissaires": "Mettons-nous en mesure de répondre éventuellement dès Janvier 47 à une reprise des hostilités par une action de force visant à neutraliser politiquement et moralement le gouvernement de Hanoi et à faciliter ainsi la pacification du Sud".
5. "Etude préliminaire concernant l'exécution d'un coup de force au Tonkin", số 4310/3-OP-S, tài liệu đính kèm thư Valluy gửi d'Argenlieu, số 4309/3-OP-S, ngày 9 tháng Mười một 1946, 10H162, SHAT. Toàn bộ nội dung nghiên cứu này được sao lại trở thành phụ lục trong Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956,* tr. 602-24.
6. Thư d'Argenlieu gửi Valluy, ngày 13 tháng Mười một 1946, 10H162, SHAT. Toàn bộ được sao chép lại, đề ngày 12 tháng Mười một, 10H165, *hồ sơ* 1, SHAT, trong *1945-1946: Le retour de la France en Indochine,* Bodinier chủ biên, tr. 315-17. Các đoạn trích cũng đề ngày 12 tháng Mười một, trong Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi,* tr. 240-41. Trích dẫn ngày 11 tháng Mười một bởi Valluy, *Revue des deux mondes,* ngày 1 tháng Mười hai 1967, tr. 363.
7. *Sđd.*
8. D'Argenlieu, *Chronique d'Indochine,* tr. 339.

9. Mệnh lệnh được phát đi từ Sài Gòn vào lúc 12h58 (giờ địa phương) và báo cáo về tình hình miền Nam vào lúc 6h12 (giờ của Pháp). Điều này có nghĩa là các văn bản này được phát đi trong khoảng thời gian chỉ 14 phút. Mệnh lệnh mang số 1903/3/T còn báo cáo mang số 1902/3/T, chứng tỏ rằng hai nguồn tin này là kết quả của cùng một hành động và những tuyên bố trong báo cáo có thể đã là động cơ chính cho ra đời mệnh lệnh (trong đó Valluy chỉ thông báo cho Paris vào ngày hôm sau). Để hiểu mệnh lệnh, xem Morlière, báo cáo số 3687/3, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM. Để tham khảo tóm tắt, xem điện Valluy gửi EMGDN số 1902/3/T, ngày 22 tháng Mười một 1946, 06h12, điện 933, AOM.
10. Điện Valluy gửi EMGDN, số 1902/3/T, ngày 22 tháng Mười một 1946, 06h12, điện 933, AOM.
11. Điện Bidault gửi d'Argenlieu số C.I./02975, ngày 17 tháng Mười 1946, điện 914, AOM.
12. Reed gửi Ngoại trưởng, số 440, ngày 13 tháng Mười một 1946, DF851G.00/11-1346, USNA.
13. Xem *Le Populaire,* ngày 15 tháng Mười một 1946.
14. Valluy yêu cầu một lệnh trừng phạt nghiêm khắc "telle que le rappel immédiat, soit prise contre Monsieur NOFGEV [de Norjeu], Directeur de l'A.F.P". Điện Valluy gửi Cominindo, số 1824F, ngày 15 tháng Mười một 1946, điện số 938, AOM.
15. Reed gửi Ngoại trưởng, số 439, ngày 11 tháng Mười một 1946, DF851G.00/11-1146, USNA.
16. "Bị vong lục của Chính phủ Việt Nam về nguồn gốc xung đột Pháp - Việt hiện nay " (đính kèm 76 tài liệu), ban đầu dự định sẽ chuyển cho Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Marius Moutet vào cuối tháng Mười hai 1946. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh không thể gặp Moutet, bản bị vong lục đã được gửi qua nhiều kênh khác nhau tới Chính phủ Pháp và Chính phủ Mỹ vào tháng Giêng 1947. Các bản sao hiện tại nằm trong EA, *hộp* 41, *hồ sơ* B-608, trong *hộp* 43, *hồ sơ* C-112, và trong *hộp* 56, *hồ sơ* 247, s/d. XVIII, MAE, trong AO, MAE, và trong

DF851G.00/4-2447, USNA (dưới đây gọi là "Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946"). Tham khảo ở đây là tài liệu số 4, "Chỉ thị số 1 của Tướng Leclerc".

17. Salan, *Mémoires,* t.1, tr. 358.
18. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu số 5, "Chỉ thị số 2 của Tướng Valluy". Việt Nam có thể trích dẫn mệnh lệnh của Leclerc và Valluy sau khi tìm thấy chúng trong cuộc xung đột ở Hải Phòng cuối tháng Mười một. Bị vong lục của d'Argenlieu ngày 11 tháng Hai 1947 được viết để trả lời bị vong lục của Hồ Chí Minh ngày 31 tháng Mười hai 1946 không kiểm tra độ xác thực của những tài liệu này. Điều này cũng được khẳng định trong văn bản Valluy gửi Moutet, EA, *hộp* 57, *hồ sơ* 304, MAE ("réponse à la note no. 355, 7.2.47 du ministre", EA, *hộp* 43, *hồ sơ* C-110, MAE). Khi Pierre Cot trích dẫn lệnh của Valluy tại Quốc hội Pháp ngày 18 tháng Ba 1947, ông ta bị Moutet ngắt lời, ông này đã trích dẫn phần đầu tiên của mệnh lệnh (phần này đã được bỏ đi trong Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946), ra lệnh tránh để xảy ra bất kỳ biến cố nào. Trên cơ sở này, Moutet khẳng định mệnh lệnh của Valluy là "caractère préventif et défensif qu'on reprocherait sans doute à nos chefs de ne pas avoir respecté s'ils s'étaient laissé eux aussi, surprendre". Nhưng ông thừa nhận rằng mệnh lệnh này "très maladroit d'employer ces termes de 'scénario de coup d'Etat'", *Journal officiel... Assemblée nationale,* phiên họp ngày 18 tháng Ba 1947, tr. 872.
19. Reed gửi Ngoại trưởng, số 122, ngày 27 tháng Tư 1946, ***FRUS, 1946,*** t.8, tr.38.
20. Theo phía Pháp, rắc rối này bắt đầu bằng một cuộc phục kích của Việt Nam. Phía Pháp phản ứng bằng cách chiếm nhiều trụ sở quan trọng trong tỉnh (đông bắc Hà Nội). Bắc Ninh không nằm trong danh sách các đơn vị đồn trú của Pháp theo thỏa ước ngày 3 tháng Tư, vì vậy phía Việt Nam coi sự hiện diện liên tục của Pháp sau rắc rối này

là vi phạm thỏa ước. Xem bức điện Sài Gòn gửi Paris về vụ Bắc Ninh trong Salan, *Mémoires,* t. 1, tr. 402.

21. Valluy gửi Juin, ngày 29 tháng Tám 1946; Juin gửi Bộ trưởng Quân đội (Fassy đã ký), số 440 DN/S.COL, 4Q80, *hồ sơ* 1, SHAT.
22. "Extraits du rapport mensuel du Conseiller Militaire", số 999/CAB, Valluy đã ký, ngày 10 tháng Chín 1946, 10H163, *hồ sơ* 1, SHAT.
23. Từ tháng Bảy đến tháng Tám, tư lệnh các lực lượng Pháp ở miền Bắc là Đại tá Jean Crépin, người đóng vai trò quan trọng trong các cuộc thương lượng với Trung Quốc trong thời gian gần đến ngày 6 tháng Ba.
24. Valluy trong *Revue des deux mondes,* ngày 1 tháng Mười hai 1967, tr. 368-69. Chaffard, *Les deux guerres du Vietnam,* từ tr. 33. Raoul Salan, *Mémoires,* t. 2: *Le Viet-minh mon adversaire, octobre 1946 - octobre 1954* (Paris: Presses de la Cité, 1971). Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên,* tr. 318. "Note sur la situation en Indochine", Morlière đã ký, ngày 10 tháng Hai 1947, bản sao của tác giả.
25. Jean Ferrandi, *Les officiers français face au Vietminh, 1945-1954* (Paris: Fayard, 1966), tr. 83. Tôi cảm ơn Gilles de Gantès vì thông tin về mối quan hệ giữa Dèbes và Valluy, căn cứ vào thư từ trao đổi riêng của họ từ năm 1946.
26. Lệnh này do Dercourt đã ký đính kèm thông báo số 12 của O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, ngày 1 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-146, USNA. O'Sullivan đã nhận được một bản sao từ phía Việt Nam. Độ xác thực của lệnh này được xác nhận trong một bức điện Cao ủy gửi EMGDN, ngày 5 tháng Mười hai 1946, điện số 933. AOM.
27. "Rapport de quinzaine du 16 au 31 Janvier 1947", Sainteny đã ký, DGD 75, AOM.
28. Tháng Bảy 1946, d'Argenlieu lệnh cho các lực lượng Pháp ở Hà Nội phải theo dõi chặt chẽ phe đối lập để sau đó sử dụng lực lượng này phục vụ lợi ích của Pháp. D'Argenlieu gửi Comrep Hà Nội, ngày 22 tháng Bảy 1946, CP 13, AOM.
29. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 327.

30. Bruce Lockhart, *The End of the Vietnamese Monarchy* (New Haven CT: Council on Southeast Asia Studies, Yale Center for International and Area Studies, 1993), tr. 166-67.
31. Bouffanais (Côn Minh) gửi Meyrier (Nam Kinh), ngày 7 tháng Năm 1946, BR số 21.1-3135/SD từ DEC, ngày 13 tháng Năm 1946, BR số 21.1-3278/SD từ DEC, ngày 6 tháng Sáu 1946, EA, *hộp* 62, *hồ sơ* C-707 "Bảo Đại", MAE. Devillers, *Histoire du Viet-Nam,* tr. 327. Cao ủy gửi giới ngoại giao Paris, số 1482F, ngày 25 tháng Chín 1946; Cao ủy gửi Comindo, số 1529F, ngày 3 tháng Mười 1946; Cao ủy gửi Cominindo, số 1569F, ngày 9 tháng Mười 1946; và Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 986E, ngày 24 tháng Mười 1946, 1MiF43, AOM. Cominindo gửi Cao ủy, RG/số 1728/C.I./02870, ngày 4 tháng Mười 1946, điện 915, AOM. Fransulat Hồng Công gửi Cao ủy, ngày 26 tháng Mười 1946, 1MiF43, AOM. Bị vong lục ("directives générales de notre action politique)", Sài Gòn, ngày 28 tháng Mười 1946, d'Argenlieu đã ký, EA, *hộp* 52, *hồ sơ* "Après le 15 août 1945", MAE.
32. Cao ủy gửi giới ngoại giao Paris, số 1482F, ngày 25 tháng Chín 1946, 1MiF43, AOM; Cao ủy gửi Cominindo, số 1529F, ngày 3 tháng Mười 1946, 1MiF43 và điện 937, AOM; điện Cominindo gửi Cao ủy, RG/số 1728/C.I/02870, ngày 4 tháng Mười 1946, điện 915, AOM; Cao ủy gửi Cominindo, số 1569F, ngày 9 tháng Mười 1946, 1MiF43 và điện 937, AOM; Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 986E, ngày 24 tháng Mười 1946, 1MiF43, AOM; Fransulat Hồng Công gửi Cao ủy, ngày 26 tháng Mười 1946, 1MiF5, AOM.
33. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine 1940-1956,* tr. 190-94.
34. "Note de Mr Marius Moutet a/s de la Conférence de Fontainebleau", ngày 8 tháng Tám 1946, EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE. Thư riêng Moutet gửi d'Argenlieu, ngày 19 tháng Tám 1946, EA, *hộp* 42, *hồ sơ* C-101, MAE.
35. Thư Pignon gửi Messmer số 3598/CP-Cab, ngày 5 tháng Mười 1946, EA, *hộp* 37, MAE. "Echos de la..". Pignon gửi Laurentie, ngày 25 tháng Mười 1946, EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE. Pignon gửi Messmer

(bản sao thư gửi Laurentie), ngày 25 tháng Mười 1946, Papiers Bidault, 457AP 127, *hồ sơ* "octobre et novembre 1946". Mathivet gửi Messmer, ngày 26 tháng Mười 1946, EA, *hộp* 35, *hồ sơ* 505-1, MAE.

36. Thư riêng Laurentie gửi Moutet, ngày 21 tháng Mười 1946, EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE.

37. Tài liệu đã dẫn, và thư Laurentie gửi Moutet, ngày 27 tháng Mười một 1946, EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE. "Projet d'instructions pour le Haut Commissaire", Papiers Bidault, 457AP 127, *hồ sơ* "octobre - novembre 1946", AN.

38. Daniel Varga, "La politique française en Indochine (1947-50): Histoire d'une décolonisation manquée" (Luận án Tiến sĩ, Université d'Aix-Marseille I, 2004), tr. 124-25, phân tích lập luận của Pignon. Để có nghiên cứu cụ thể về sự đàn áp các đảng dân tộc chủ nghĩa của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hãy tìm cách khơi lại lịch sử của những kẻ thua cuộc, xem Guillemot, "Au coeur de la fracture vietnamienne", một bài luận dựa trên cơ sở luận án của ông mang tựa đề *Révolution nationale et lutte pour l'independance au Vietnam: L'échec de la troisième voie Dai Viet* (Paris: école pratique des hautes études, 2003).

39. Bảo Đại, trên danh nghĩa người viết tự truyện thì thậm chí còn ít ấn tượng hơn so với vị trí đứng đầu nhà nước của ông. Nhiều phần trong cuốn hồi ký viết trong thập niên 1980 của ông, *Le dragon d'Annam*, (Paris: Plon, 1980), được trực tiếp rút ra ít nhiều từ Philippe Devillers, *Histoire du Viet-Nam de 1940 à 1952* (Paris: Seuil, 1952).

40. "Rapport mensuel de la Sûreté fédérale", số 3278, A. Moret ký, ngày 27 tháng Mười 1946, PCE 8, AOM.

41. "Bulletin de renseignements... Source: très sure", số 99/DAPA/S từ Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, ngày 12 tháng Mười một 1946, CP 6, AOM.

42. MAE gửi Đại sứ quán Pháp ở Nam Kinh, ngày 19 tháng Sáu 1946, AP 3441/3/3, AOM; điện Cominindo gửi Cao ủy, số CI/02645, ngày 9 tháng Chín 1946, điện 915, AOM. Bộ trưởng Ngoại giao Pháp chỉ

trích d'Argenlieu vì thái độ của ông ta đối với các nhà cầm quyền và lợi ích của Trung Quốc. Điện giới ngoại giao gửi Cao ủy, số CI/02712, ngày 14 tháng Chín 1946, điện 915, AOM.

43. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 286.
44. Leclerc gửi Valluy, số 2043-CE/CAB, ngày 17 tháng Sáu 1946, CP 7(5a), AOM.
45. Valluy gửi Leclerc/Longeaux, ngày 5 tháng Bảy 1946, CP 7(5a), AOM.
46. Ghi chép của phía Việt Nam về "les agissements des autorités françaises en matière douanière" mà Pháp thu giữ được sau khi chiến tranh bùng nổ, CP 8(5), AOM.
47. Đại tá Domergue, báo cáo gửi Valluy, số 2051/A/SECT, ngày 14 tháng Giêng 1947, AP 3441/7, AOM.
48. Sĩ quan chỉ huy Camoin, báo cáo số 318/LFVN, Hải Phòng, ngày 19 tháng Chín 1946, CP 7(4), AOM.
49. Tài liệu đã dẫn, tr. 5, 3.
50. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo, số 1314E, nhận ngày 5 tháng Chín 1946, điện 937, AOM.
50. D'Argenlieu gửi Cominindo, số 1314F, ngày 5 tháng Chín 1946, điện 937, AOM.
51. Có sự nhầm lẫn đáng kể về ngày ra chỉ thị này. Nếu chỉ thị được đề ra sau khi ký Tạm ước, thì có thể bị coi là vi phạm thỏa thuận trong Tạm ước. Trong bị vong lục của Hồ Chí Minh ngày 31 tháng Mười hai 1946, một bản sao chỉ thị này được gửi cho Chính phủ Việt Nam để cung cấp thông tin ngày 24 tháng Chín đã được gửi kèm là tài liệu 52. Số của chỉ thị là 257-DNCE và đề ngày 19 tháng Chín. Trong một kháng nghị không đề ngày của Quyền chủ tịch - Huỳnh Thúc Kháng (tài liệu 52) cũng có tham khảo chỉ thị ngày 19 tháng Chín và những phản kháng rõ ràng là phản đối sự thực rằng chỉ thị được đưa ra sau khi ký Tạm ước. Phúc đáp của Comrep đề ngày 19 tháng Chín (bị vong lục của Hồ Chí Minh ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 53) khẳng định rằng ngày 19 tháng Chín là sai và chỉ thị được ban hành theo số 257-DNCE vào ngày 10 tháng Chín, như vậy là bốn ngày

trước khi ký Tạm ước. Đi kèm bị vong lục của Hồ Chí Minh ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 54 còn có một bản sao khác của chỉ thị này, lần này là số 267-DNCE và đề ngày 10 tháng Chín. Một báo cáo của đại diện các vấn đề kinh tế tại sở chỉ huy của Morlière có một bản sao chỉ thị của Morlière là Phụ lục 1, chỉ thị số 267-DNCE và đề ngày 9 tháng Chín: "Note sur le contrôle de l'importation et de l'exportation dans le port de Haiphong", [Robert] Davée ký, "Délégué aux affaires économiques au Commissariat de la République pour le Tonkin et le Nord-Annam", Hà Nội, ngày 23 tháng Mười một 1946, CP 6, AOM (dưới đây gọi là "báo cáo của Davée, ngày 23 tháng Mười một 1946"). Cuối cùng là chúng ta có đến hai số và ba ngày khác nhau cho cùng một chỉ thị. Thật khó quyết định số và ngày nào là đúng, song một tài liệu của Việt Nam từ tháng Mười (hoặc tháng Mười một) cho thấy rằng họ chấp nhận ngày 10 tháng Chín là ngày ra chỉ thị. "Les agissements des autorités françaises en matière douane", tài liệu này do Pháp thu giữ sau cuộc chiến ở Hà Nội, CP 8(5), AOM. Ngày 10 tháng Chín nói chung cũng là ngày mà các tài liệu của Pháp sau này đề cập.

52. Báo cáo của Davée, ngày 23 tháng Mười một 1946, tr. 1. Hầu hết các dữ liệu sau này đều dựa vào báo cáo này.
53. "Rapport mensuel de la Sûreté fédérale", số 3278, tháng Mười 1946, A. Moret ký, ngày 27 tháng Mười 1946, PCE 8, AOM.
54. Ghi chép của cảnh sát trưởng và Sở Mật thám Liên bang, Sài Gòn, ngày 30 tháng Mười 1946, CP 7(1), AOM.
55. Báo cáo của Davée, ngày 23 tháng Mười một 1946, Phụ lục 3; bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 54.
56. Morlière gửi Cao ủy, số 254, ngày 29 tháng Mười 1946, 1MiF5, AOM.
57. Báo cáo của Davée, ngày 23 tháng Mười một 1946, tr. 8.
58. Morlière gửi Cao ủy, số 1.033 S/CAB/AE, ngày 4 tháng Mười một 1946; báo cáo của Davée, ngày 23 tháng Mười một 1946, phụ lục 6.
59. Sở Mật thám, Sài Gòn, "Note d'information" gửi Comafp, Dircab, và Cominf, ngày 24 tháng Mười một 1946, CP 7(4), AOM.

60. Hồ Chí Minh gửi Cao ủy, ngày 11 tháng Mười một 1946, AO, MAE. Hồ Chí Minh yêu cầu d'Argenlieu gửi chuyển tiếp thư kháng nghị của Người tới Bidault. Tờ *Le Monde* ngày 19 tháng Mười một 1946 đã đề cập kháng nghị này. Văn phong lạnh lùng của bức thư này tương tự như kiểu người Pháp (d'Argenlieu) đã sử dụng trong các thông điệp gửi Chính phủ Việt Nam nhưng rất khác biệt so với văn phong sâu sắc theo kiểu cá nhân của Hồ Chí Minh.
61. Các chỉ thị số 350TV, ngày 13 tháng Mười, số 380, ngày 21 tháng Mười, số 369, ngày 31 tháng Mười và số 62TVT, ngày 13 tháng Mười một 1946, tài liệu của Phòng Nhì số 2.138/2, 2.136/2, 2.137/2, 2.141/2, CP7, AOM.
62. Chỉ thị số 1197-VPM-NYC, ngày 14 tháng Mười một 1946, tài liệu của Phòng Nhì số 2.134/2, CP7, AOM.
63. Báo cáo của Dèbes gửi Morlière, số 422/A/Sect, ngày 20 tháng Mười một 1946, CP 7(4), AOM.
64. Morlière gửi Cao ủy, số 646-47, ngày 18 tháng Mười một 1946, CP 7(5b), AOM.
65. Cao ủy gửi Comindo, số 1865F, ngày 21 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine 1940-1956*, tr. 287-88.
66. Tuyên bố gửi AFP, ngày 27 tháng Mười một 1946, Papiers Moutet, PA 28, C3, d.87, AOM.
67. Marr, "Beyond High Politics", tr. 28-37.
68. Ghi chép của Việt Nam vào tháng Mười - tháng Mười một về "les agissements des autorités françaises en matière douanière", CP 8(5), AOM (hồ sơ của Việt Nam do Pháp thu giữ trong cuộc chiến ở Hà Nội).
69. Tình báo Pháp sau này phát hiện ra rằng mùa xuân năm 1946, Việt Nam đã mua vũ khí thông qua một tướng lĩnh Trung Quốc. "Trafic d'armes entre Chinois et V.M. Source: Informateur annamite bien placé", Sở Mật thám Liên bang ở Bắc Kỳ, số 383/RG, Hà Nội, ngày 19 tháng Giêng 1947. Để có thông tin tương tự, xem Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 286. Một báo cáo tình báo của Pháp về

"chống can thiệp kinh tế" đề ngày 9 tháng Giêng 1947 nói rằng quân đội Việt Nam rất cần khí đốt. SDECE, "Notice technique de contre-ingérence économique", ngày 9 tháng Giêng 1947, Papiers Moutet, PA 28, C7, d.158, s/d.5, AOM.

70. Công hàm số 4718 CP/CAB/SD, ngày 28 tháng Mười hai 1946, CP 7(5b), AOM.
71. Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 1890E, ngày 23 tháng Mười một 1946, 04h45Z, 1MiF44, AOM.
72. Báo cáo số 4231/CP-Cab về "la campagne économique anti-française", ngày 23 tháng Mười một 1946, CP 154, AOM. Tham khảo thêm "Notice technique de contre-ingérence économique", số 2526/... /SD, ngày 9 tháng Giêng 1947, Papiers Moutet, PA28, *hộp* 7, *hồ sơ* 158, s/d. 5, AOM. EMGDN, "Bulletin d'études no. 48", ngày 8 tháng Mười hai 1946. Morlière gửi Cao ủy, số 1033 S/CAB/AE, ngày 4 tháng Mười một 1946, báo cáo của Davée, ngày 23 tháng Mười một 1946, phụ lục 6. Morlière gửi Cao ủy, số 646-47, ngày 18 tháng Mười một 1946, CP-phụ lục 7(5b), AOM.
73. Báo cáo của Davée, ngày 23 tháng Mười một 1946, tr. 1.
74. Tài liệu đã dẫn, tr. 10.
75. Mus, *Viet Nam: Sociologie d'une guerre*, tr. 73.
76. Valluy trong *Revue des deux mondes*, ngày 1 Mười hai 1967, tr. 364-65.
77. SDECE, "Notice technique de contre-ingérence économique", số 2526/237/231.S.2. M.00.004/SD, ngày 9 tháng Giêng 1947, Papiers Moutet, PA 28, C7, d.158, s/d.5, AOM.
78. EMGDN, Bulletin d'études, số 48, ngày 8 tháng Mười hai 1946, bản sao của tác giả.
79. Báo cáo Dèbes gửi Morlière, số 422/A/Sect, ngày 20 tháng Mười một 1946, CP 7(4), AOM. Bull. d'inf. số 162/EM/2, Nougarède ký ngày 21 tháng Mười một 1946 và được Barrière tiếp ký ngày 24 tháng Mười một 1946, UU-TB-17, SHM. Barrière gửi "Vice-amiral cdt. les forces navales d'Extrême Orient et le contre-amiral commandant la Marine en Indochine", số 457/Cdt, ngày 22 tháng Mười một 1946, UU-TB-17,

SHM. Bản dịch tiếng Pháp báo cáo của Lê Văn My, có thể được thu giữ trong cuộc tấn công Hải Phòng, AO, MAE. Báo cáo của Lê Văn My cho thấy ông không hề sợ người Pháp, mà cũng chẳng sợ quân lính của mình, những người đã buộc tội ông phản quốc vì ông phối hợp với các sĩ quan liên lạc của Pháp để nỗ lực làm ngưng các hoạt động tấn công. Tờ *Le Peuple*, số 68 (ngày 23 tháng Mười một 1946), bản sao của tác giả. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 55, s/d.3. Khi thông tin tương tự xuất hiện trong cả bị vong lục của Hồ Chí Minh và tờ *Le Peuple*, thì dưới đây thống nhất gọi là "cách giải thích của Việt Nam".

80. Báo cáo của Lê Văn My có thể là cơ sở cho cách giải thích của Việt Nam, song chỉ là một phần. Thông tin Sài Gòn gửi Paris phụ thuộc rất lớn vào báo cáo của Dèbes gửi Morlière số 422/A/Sect, ngày 20 tháng Mười một 1946, CP 7(4), AOM, là cơ sở cho cách giải thích trong bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947, phụ lục 11. Báo cáo của Morlière ngày 10 tháng Giêng 1947 cũng dựa trên báo cáo của Dèbes. Tướng Louis-Constant Morlière, "Rapport sur les événements politiques et militaires en Indochine du Nord, au cours du dernier trimestre 1946", ngày 10 tháng Giêng 1947, được sao lại trong Georges Chaffard, *Les deux guerres du Viêt-nam de Valluy à Westmoreland* (Paris: Table ronde, 1969), tr. 36-58 (dưới đây gọi là "Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947"). Gần giống với cách giải thích của Dèbes còn có các báo cáo của Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan gửi Washington, tức là báo cáo O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo số 9, ngày 23 tháng Mười một 1946, DF851G.00/11-2346, và O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo số 12, ngày 14 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-1446, USNA. Cách giải thích trong Devillers, *Histoire du Viêt-Nam*, từ tr. 332, giống một tóm tắt trong báo cáo của Dèbes, tương tự như trường hợp Fonde, *Traitez à tout prix*, tr. 283-84. Võ Nguyên Giáp *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 373, cũng thuật lại ngắn gọn cách giải thích của Việt Nam.

81. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 332.

82. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 39. Ferrandi, *Les officiers français face au Vietminh*, tr. 85.
83. Tài liệu không có tiêu đề nói về kế hoạch cuộc tấn công ngày 19 tháng Mười hai được viết bởi lực lượng phản gián của Pháp có thể là vào đầu năm 1947, EA, *hộp* 30, *hồ sơ* B-236, MAE. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947. Về vai trò của Jumeau, tham khảo thêm nhận xét của Morlière về "vấn đề Phó Ba Hưng", EA, *hộp* 41, *hồ sơ* "P.11... P.18", MAE. Về Jumeau năm 1951, xem Devillers, *Histoire du Viêt-Nam*, tr. 332.
84. Báo cáo Dèbes gửi Morlière, số 422/A/Sect, ngày 29 tháng Mười một, 1946, CP 7(4), AOM. Phía Việt Nam chỉ nói rằng ô tô bị buộc dừng lại và không nói gì về người bị thương. Báo cáo của Lê Văn My nói có rất nhiều ô tô và xe đạp đi tới đi lui song không hề đề cập biến cố đặc biệt đối với xe ô tô.
85. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 40.
86. Báo cáo Dèbes gửi Morlière, số 422/A/Sect, ngày 20 tháng Mười một 1946, CP 7(4), AOM. Một báo cáo dự thảo Sài Gòn gửi Paris ngày 22 tháng Mười một nói rằng "binh lính" Việt Nam phải chịu trách nhiệm về cuộc tấn công này, nhưng trong điện báo cuối cùng gửi Paris, "binh lính" được thay bằng "các nhà đương cục". Cao ủy gửi Cominindo (Giard ký), số 1878F, ngày 22 tháng Mười một 1946, 12h00, 1MiF44, AOM.
87. Võ Nguyên Giáp, thư kháng nghị gửi Morlière, ngày 21 tháng Mười một 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 55, s/d.2.
88. Tư liệu chứng minh về BFDOC trong UU-FT-1, SHM. Xem thêm thư số 3672/2, ngày 2 tháng Tám 1946, 4Q43, *hồ sơ* 3, SHAT.
89. Báo cáo Dèbes gửi Morlière, số 422/A/Sect, ngày 20 tháng Mười một 1946, CP 7(4), AOM, tr. 5.
90. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 40.
91. Tài liệu đã dẫn, tr. 39-40. Thông điệp gửi Morlière cũng xuất hiện trong báo cáo của Morlière ngày 4 tháng Mười hai 1946, phụ lục 3,

CP 7, AOM. Báo cáo này là một bộ sưu tập các điện báo quan trọng nhất mà Sài Gòn gửi Hà Nội, Sài Gòn gửi Hải Phòng, và Hà Nội gửi Hải Phòng (theo trật tự thời gian), ngày 20-26 tháng Mười một 1946. Hầu hết các điện báo cũng được trích dẫn trong báo cáo của Morlière ngày 10 tháng Giêng 1947.

92. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 513, 09h05Z, và số 514,12h15Z ngày 20 tháng Mười một 1946, CP 13 (3-I), AOM.
93. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo 12, ngày 14 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-1446, USNA.
94. Báo cáo của Morlière, số 3687/3, ngày 4 tháng Mười hai 1946, phụ lục 1, CP 7, AOM.
95. Đại tá Lami gửi Morlière, số 127/DAPA, ngày 23 tháng Mười một 1946, EA, *hộp* 41, *hồ sơ* "P.11... P.19", MAE.
96. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 42.
97. Valluy gửi Morlière, số 1901/3.T, ngày 21 tháng Mười một 1946, 19h05 (giờ địa phương). Báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM.
98. Điện Cao ủy gửi Cominindo, SSS Sài Gòn 0083 220, ngày 21 tháng Mười một 1946,12h40Z, điện 938, AOM.
99. Điện Valluy gửi EMGDN, số 1898/3.T, ngày 21 tháng Mười một 1946, 14h10Z, điện 933, AOM và 4Q78, *hồ sơ* 4, SHAT.
100. Morlière gửi Dèbes, số 3506/3, ngày 22 tháng Mười một 1946, 08h45 (giờ địa phương). Báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM.
101. Morlière gửi Valluy số 3511/3, ngày 22 tháng Mười một 1946, 09h55 (giờ địa phương). Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 43.
102. Valluy gửi Morlière, số 1903/3.T và gửi Dèbes, số 1904/3.T, ngày 22 tháng Mười một 1946, 12h58 (giờ địa phương). Báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM, và báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 44.

103. Valluy gửi Morlière, số 1907/3.T, ngày 22 tháng Mười một 1946, 19h20 (giờ địa phương). Báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM.
104. Đại tá Lami, thư gửi Dèbes, Hải Phòng, ngày 22 tháng Mười một 1946, bản sao của tác giả, và d'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*, tr. 354.
105. Dèbes gửi Chủ tịch Ủy ban Hành chính Hải Phòng, số 461/I-SECT, ngày 22 tháng Mười một 1946. Báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946, phụ lục 5, và báo cáo của Pignon, ngày 10 tháng Mười hai 1946, phụ lục 9, cả hai báo cáo đều thuộc CP 7, AOM. Phần cơ bản cũng có trong bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 55, s/d.8.
106. Báo cáo Dèbes gửi Morlière, số 422/A/Sect, ngày 20 tháng Mười một 1946, CP 7(4), AOM (Phụ lục số 13: Dèbes gửi "Président du Comité administratif de Haiphong", số 461/R-SECT, ngày 22 tháng Mười một 1946; Phụ lục số 15: "Président du Comité administratif", Nguyên gửi Dèbes, số 1239/BVT, ngày 23 tháng Mười một 1946; Phụ lục số 16: Dèbes gửi "Président du Comité administratif de Haiphong", số 463/A/Sect, ngày 23 tháng Mười một 1946; Phụ lục số 17: "Président du Comité administratif ", Nguyên gửi Dèbes, số 1240/U/B/B, ngày 23 tháng Mười một 1946). Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 565, ngày 23 tháng Mười một 1946, 11h15Z, 1MiF5 và CP-phụ lục 13 (3), AOM. "Bulletin d'information sur les 'opérations de la journée du 23 Novembre 1946'", Nougarède ký, ngày 23 tháng Mười một 1946, UU-TB-17, SHM. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 565, ngày 23 tháng Mười một 1946, 11h15Z, 1MiF5 và CP 13(3). AOM nói bắt đầu có tiếng bom vào 10h05. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 55, s/d. 3, nói 10h06, trong khi O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo số 12, ngày 1 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12 -146, USNA, nói "10h13 hoặc 10h30".
107. Pierre Voisin trong *Le Figaro*, ngày 21 tháng Giêng 1947, tr. 3.
108. Cao ủy gửi Đại sứ quán Pháp ở Nam Kinh (lặp lại số 630 từ Comrep Hà Nội), ngày 3 tháng Mười hai 1946,1MiF44, AOM.

109. Phía Pháp nói đoàn quân tăng cường đã bị lực lượng Việt Nam tấn công. Phía Việt Nam nói những chiếc xe cuối cùng trong đoàn quân Pháp đã nổ súng vào một số nhà dân ở đầu phía bắc của "Pont des Rapides". Báo cáo liên lạc của Việt Nam, ngày 4 tháng Tám 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 23.
110. Morlière gửi Hồ Chí Minh (Lami ký), số 47/DAPA, ngày 20 tháng Mười 1946, CP 7, AOM. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, các tài liệu từ 25-31 là bằng chứng thuyết phục cho thấy quân Pháp đang tuyển "quân đội nước ngoài đến hỗ trợ".
111. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, các tài liệu 56-57.
112. Trung tá Sizaire, báo cáo số 6291/3, ngày 30 tháng Mười một 1946, CP 1, AOM.
113. Tập hồ sơ có tựa đề "Affaire de Langson entre le 21 et le 30 novembre 1946" và các tài liệu phía Pháp thu giữ được trong suốt cuộc xung đột, 4Q43, *hồ sơ* 1, SHAT.
114. Tài liệu đã dẫn.
115. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 663, ngày 21 tháng Mười một 1946, 02h45Z, CP-phụ lục 7, AOM.
116. Ông Giáp gửi Morlière, ngày 21 tháng Mười một 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 56.
117. Trung tá Sizaire, báo cáo số 6291/3, ngày 30 tháng Mười một 1946, CP 1, AOM.
118. Cororient Hà Nội gửi Cororient Sài Gòn, số 3610/3, ngày 23 tháng Mười một 1946, 02h35Z, CP 13 (3-II), AOM.
119. Trung tá Sizaire, báo cáo số 6291/3, ngày 30 tháng Mười một 1946, CP 1, AOM.
120. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 610, ngày 27 tháng Mười một 1946, 12h25Z, 1MiF5, AOM.
121. Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 967 EMHC, ngày 28 tháng Mười một 1946, 09h40Z, 1MiF44, AOM. "Note de service", số 3639/3, ngày 30 tháng Mười một 1946, 4Q43, *hồ sơ* 1, SHAT.

122. Thư số 4369/CP-Cab từ Pignon gửi Valluy và Sainteny, ngày 30 tháng Mười một 1946, CP7, AOM.
123. Tài liệu đã dẫn. "Rapport de quinzaine du 1er au 15 Janvier 1947", Sainteny ký, DGD 75, AOM.
124. Clayton, ***Wars of French Decolonization***, tr. 55; Ruscio, ***Guerre française d'Indochine***, tr. 148-50. Dalloz, ***Dictionnaire de la guerre d'Indochine***, tr. 46.
125. Ông Giáp gửi Morlière, ngày 21 tháng Mười một 1946; bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 56.
126. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo số 9, ngày 23 tháng Mười một 1946, DF851G.00/11-2346, USNA.
127. Đại tá Lami, báo cáo không đề ngày tháng, có thể là ngày 18 tháng Mười một 1946, phụ lục 1 báo cáo của Pignon, ngày 10 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM.
128. "Marine Haiphong, registre des messages clairs", số 23, UU-TB-2, SHM.
129. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo số 12, ngày 1 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-146, USNA. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 45-46. Valluy trong ***Revue des deux mondes***, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 510-11.
130. "Không có thời gian sơ tán thường dân, tuy nhiên, có thể một số lượng lớn thường dân đã rời khỏi thành phố". O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo số 12, ngày 1 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-146, USNA.
131. Comar Hải Phòng gửi Comar Sài Gòn, số 50693-94, ngày 23 tháng Mười một 1946, 18h52G, UUTB-17, SHM. Cororient Hà Nội gửi Cororient Sài Gòn, số 3.529/3, ngày 23 tháng Mười một 1946, 11h30Z, CP-phụ lục 13 (3-II), AOM. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo số 12, ngày 1 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-146, USNA. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947. Valluy trong ***Revue des deux mondes***, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 510.

132. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 55, s/d. "Incident de Haiphong", tr. 3: "Le 25-11-46... à 10h06... la population civile vietnamienne et chinoise évacuée précipitamment vers Kien-An, bombardée par l'avion française". Valluy trong *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 508: "La population annamite semble avoir évacué la ville et s'être réfugiée à Kien-An [sic]". O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, ngày 24 tháng Mười một 1946, DF851G.00/11-2446, USNA: "this village, which apparently is the headquarters of the Vietnamese Army".

133. Valluy gửi Morlière, số 1915/3.T, ngày 24 tháng Mười một 1946, 12h35Z: "Vous occuperez définitivement Kien An"; Valluy gửi Morlière, số 1918/3.T, ngày 24 tháng Mười một 1946, 18h10Z. Báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM: "j'estime en raison de tension politique qu'il est préférable pour l'instant de ne pas occuper Kien An". Morlière gửi Valluy, số 3.561/3 (có thể ở đây phải là 3.261/3), ngày 25 tháng Mười một, 1946, 03h35Z, CP 13 (3-II), AOM: "Estime opération sur Kien An exigerait effectifs importants, généraliserait sûrement un conflit qui a déjà tendance à s'étendre et ne présente en définitive qu'intérêt secondaire"; Cororient Hà Nội gửi Cororient Sài Gòn, ngày 25 tháng Mười một 1946, 15h15Z, CP 13(3-11), AOM: "M'abstiendrai évidemment de toute action sur Kien-An".

134. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 271, ngày 25 tháng Mười một 1946, 10h40Z, CP 7, AOM: "Vice-Consul Etats-Unis et Consul Grande-Bretagne reçus amicalement aujourd'hui seize heures par Général Morlière qui les a renseignés sur situation. Bombardement Kienan par Français toujours formellement démenti". Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 962 EMHC, ngày 26 tháng Mười một 1946, 08h30Z: "Comar Haiphong a rendu compte par télégramme 30.693-94 du 23 18h50G [giờ địa phương]: 'Mission de la Marine parfaitement éxécutée notamment tirs *Savorgna de Brazza* sur Kienan *[sic]* et un village désigné'".

135. Sở Mật thám Liên bang, Hải Phòng, thư số 495, ngày 29 tháng Mười một 1946, CP 7, AOM: "D'autre part, on signale, ceci n'a pu être vérifié,

que les bombardements de Kien-An et des agglomérations environnantes auraient fait de nombreuses victimes, ainsi que le mitraillage des routes aux environs de la ville". Xem thêm O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, báo cáo số 12, ngày 1 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-146, USNA.

136. Cao ủy gửi Cominindo, Giard ký, số 1965F, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 11h30Z, CP 2(3), AOM. Có thể tìm thấy cách giải thích đôi chút khác biệt trong EA, MAE. Trụ sở Bộ Ngoại giao trên phố Quai d'Orsay nghiêm túc chuyển tất cả những điều dối trá tới tất cả các cơ quan ngoại giao của Pháp, thậm chí còn nói thêm rằng mệnh lệnh không sử dụng pháo trừ khi đó là giải pháp cuối cùng đã được "nghiêm túc" thực hiện. Circulaire số 110F, ngày 7 tháng Mười hai 1946, CP 13(2), AOM.

137. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 507.

138. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 698, ngày 4 tháng Mười hai 1946,16h00Z, 1MiF5, AOM.

139. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 511. Moret, Sở Mật thám Liên bang, Bắc Kỳ, báo cáo số 4271, ngày 9 tháng Mười hai 1946, CP 13(1), AOM, nói rằng phía Việt Nam báo cáo có 800 người thương vong (trong đó có 400 thường dân) trong cuộc tấn công đầu tiên vào ngày 20 tháng Mười một, tức là trước khi có bất kỳ vụ đánh bom nào nổ ra, và tổn thất của Việt Nam trong ngày 26 tháng Mười một "se monteraient à 10 ou 12 00 tués. Ce chiffre étant donné sous toutes réserves".

140. Paul Mus viết trong *Témoignage chrétien*, ngày 12 tháng Tám 1949 về những gì ông đã nhận được từ Đô đốc Roger Battet: "'Pas plus de 6.000 tués, en ce qui concerne le tir du croiseur sur les colonnes de fuyards civils...' m'a dit l'amiral Battet, commandant des forces navales, en mai 1947, à Saigon". Lý do có thể tại sao 6.000 đã trở thành con số quy ước (cũng được trích dẫn trong Clodfelter, *Vietnam in Military Statistics*, tr. 17) là do Devillers đã trích dẫn lời của Mus trong *Histoire du Viêt-Nam*, tr. 337.

141. Tướng Yves Gras, *Histoire de la guerre d'Indochine* (Paris: Plon, 1979), 148n1.
142. Để xem tư liệu về khối lượng và bản chất của pháo hải quân, tham khảo ghi chép về các điện báo giữa các tàu và lực lượng hải quân ở Hải Phòng, UUTB-2, SHM, và hồ sơ về mỗi con tàu, UU-Y-111-417, SHM.
143. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 144, ngày 18 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-1846, USNA.
144. Pignon gửi Dronne, ngày 29 tháng Mười một 1946, CP 216, AOM: "les Vietnamiens ont subi des pertes encore non précisées, mais qui se chiffrent certainement par milliers". Trong bản nháp hồi ký viết nhiều năm sau này của mình, Pignon khẳng định rằng ông ta không hề được thông báo trước về những chỉ thị của Valluy gửi Dèbes. Tham khảo *Léon Pignon: Une vie au service des peuples d'Outre-Mer*, tr. 55.
145. "Une information du 2ème Bureau de l'Etat-major des TFEO signale que les pertes vietnamiennes à Haiphong et Langson atteindraient 10.000 tués et blesses". Cục Quân báo liên bang của Pháp (Schlumberger) gửi Comafp và "le Chef du Service de l'Information Federale", ngày 13 tháng Mười hai 1946, CP 7(1), AOM.
146. "Des tués et blessés de Hanoi s'ajoutent aux 3.000 victimes de Haiphong", Hồ Chí Minh gửi Blum và Auriol, ngày 19 tháng Mười hai 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 76.
147. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 1 tháng Mười hai 1967.
148. Về phản kháng của Morlière trước việc bị Dèbes thế chỗ, "un Officier supérieur que je considère comme le responsable No. 1 de la tragique situation actuelle en Indochine", xem Morlière, "Note au sujet du Colonel Dèbes", Paris, ngày 10 tháng Hai 1947, EA, *hộp* 41, *hồ sơ* "Notes du Général Morlière 1947", MAE.
149. Salan, *Mémoires*, t.1, tr. 27-28.
150. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 1 tháng Mười một 1967, tr. 15.

151. Michelet (là người rời Đảng MRP và gia nhập RPF của de Gaulle năm 1947), phỏng vấn Irving, ngày 25 tháng Tư 1967. Irving, *First Indochina War*, tr. 141.
152. Azeau, *Ho Chi Minh dernière chance*, tr. 226.
153. Quan điểm này được thể hiện trong Irving, *First Indochina War*, tr. 141.
154. Jacques Dalloz, "Le MRP et la guerre d'Indochine", *Cahiers de l'Institut d'histoire du temps présent* 34 (1996): tr. 57-76. Turpin, "Le Mouvement républicain populaire et la guerre d'Indochine (1944-1954)". Thomas, "Colonial Policies of the Mouvement républicain populaire, 1944-1954".
155. Edward Francis Rice-Maximin, "The French Left and Indochina, 1945-1954" (Luận án Tiến sĩ, Đại học Wisconsin, 1974); Martin Thomas, "French Imperial Reconstruction and the Development of the Indochina War", trong *First Vietnam War*, Lawrence và Logevall chủ biên, tr. 130-51; Gratien, *Marius Moutet: Un socialiste à l'Outre-mer*.
156. Nghiên cứu của Alain Ruscio *Les communistes français et la guerre d'Indochine, 1944-1954* đã hé mở những quan ngại mang tính sách lược dẫn dắt PCF giảm bớt sự ủng hộ dành cho Việt Minh để bảo vệ vị trí đối tác liên minh với MRP và SFIO. Xem thêm báo cáo nổi tiếng của d'Argenlieu về cách thức lãnh đạo của PCF Maurice Thorez nói với d'Argenlieu vào tháng Hai 1946 rằng nếu phải đánh thì nên đánh ("s'il faut cogner, cogner et cogner dur") bởi vì màu cờ sắc áo của Pháp là trên hết: D'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*, tr. 168.
157. Sau chuyến thăm Paris tháng Năm 1946, chính trị gia Nam Kỳ chống Việt Minh Nguyễn Văn Xuân báo cáo rằng Thorez đã khẳng định "que le Parti Communiste n'entendait en aucune façon être considéré comme le liquidateur éventuel des positions françaises en Indochine et qu'il souhaitait ardemment voir le drapeau français flotter sur tous les coins de l'Union Française". Devillers, *Histoire du Viêt-Nam*, tr. 269. Trong chuyến thăm Đông Dương vào tháng Mười một 1946, nhân viên Bộ Ngoại giao Pháp là Jacques Boissier đã quá

cường điệu khi nói với Phó Lãnh sự Mỹ O'Sullivan rằng Đảng Cộng sản Pháp "thực dân hơn bất kỳ nhóm nào của Pháp" tại Hội nghị Fontainebleau. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 106, ngày 11 tháng Mười một 1946, DF851G.00/11-1146, USNA. Frédéric Turpin khẳng định rằng Lozeray đã hành xử thiếu trung thành với nước Pháp tại Fontainebleau, đã cung cấp thông tin cho kẻ thù về các lập trường trong đàm phán của Pháp, và rằng cả ông ta và Thorez đều biện hộ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Turpin, ***De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956***, tr. 254, 265.

158. Michael A. Moutschen bị thương vong trong một tai nạn gần Hà Nội vào ngày 7 tháng Hai 1947.

159. Xem Cao ủy gửi Đại sứ quán Pháp ở Nam Kinh, Băng Cốc, Manila và Cairo, và Lãnh sự quán Pháp ở Singapore, Canton, Thượng Hải, Hồng Công và Calcutta, số 138G, ngày 28 tháng Mười hai 1946, 1MiF44, AOM.

160. ***Le Populaire***, ngày 11 tháng Mười một 1946. ***Le Monde***, ngày 17-18 tháng Mười một 1946.

161. Một số tít báo theo lối trình bày. Tờ *Le Figaro*, ngày 23 tháng Mười một 1946: "De nouveaux incidents au Tonkin. Les éléments vietnamiens multiplient les agressions contre les Français. De nombreux morts". Tờ *L'Aube*, ngày 22 tháng Mười một 1946: "Une agression vietnamienne dégénère en bataille rangée". Tờ ***Le Monde***, ngày 23 tháng Mười một 1946: "Les Vietnamiens tirent sur les Français à Haiphong".

162. Tờ ***Le Monde***, ngày 24-25 tháng Mười một 1946.

163. Tờ ***L'Humanité***, ngày 23 tháng Mười một 1946.

164. Tờ ***Franc-Tireur***, ngày 25 và 26 tháng Mười một 1946.

165. Tờ ***L'Humanité***, ngày 26 và 27 tháng Mười một 1946.

166. Tờ ***L'Humanité***, ngày 29 tháng Mười một 1946.

167. Tờ ***Le Populaire***, ngày 19 tháng Mười hai 1946.

168. Các thành viên là Georges Bidault (MRP), Chủ tịch Cominindo; Marius Moutet (SFIO), Phó Chủ tịch Cominindo; Edmond Michelet

(MRP, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng), Charles Tillon (PCF, Bộ trưởng Bộ Không quân), Robert Schuman (MRP, Bộ trưởng Bộ Tài chính), Tướng Alphonse Juin (Tổng tư lệnh), Henri Ribière (Cục trưởng Cục Tình báo SDECE). Cominindo cũng có quyền mời những người khác tham dự các cuộc họp của Ủy ban, và Alexandre Varenne (người có quan điểm cấp tiến, Bộ trưởng Bộ Không bộ) người đã từng là Toàn quyền Đông Dương thường xuyên tham dự các cuộc bàn thảo của Cominindo.

169. D'Argenlieu, bị vong lục gửi kỳ họp của Cominindo ngày 23 tháng Mười một 1946, AN, F60 C3024.

170. Điện Valluy gửi EMGDN, số 1898/3.T, ngày 21 tháng Mười một 1946, 14h10Z, điện 933, AOM. Bức điện này được truyền đi vào ngày 22 tháng Mười một 1946, song Tillon không nằm trong danh sách người nhận.

171. Điện Cororient Sài Gòn gửi EMGDN, số 1906/3.T., ngày 23 tháng Mười một 1946, 15h33Z, điện 933, AOM. Tillon cũng không nằm trong danh sách người nhận bức điện này.

172. Ngay sau cuộc họp, Messmer điện cho Valluy rằng đã xảy ra tranh luận gay gắt giữa Moutet, Michelet và Tillon. Ông ta không đề cập tuyên bố của Bidault và cũng chẳng đề cập những gì đã được nói ra. Điện Messmer gửi Cao ủy, số 2043, ngày 23 tháng Mười một 1946, 19h30Z, điện 915, và 1MiF5, AOM.

173. Có hai bản tóm tắt tuyên bố của Bidault, một do tổng thư ký của ông (Segalat) đã viết và được đánh máy dựa trên bản viết tay và có thể đã được Bidault thông qua, và một do d'Argenlieu viết và chuyển cho Valluy, trong đó nói rằng tuyên bố đã được Bidault chuẩn y. Cách dùng từ hơi khác giữa hai bản, kết luận khác nhau như sau. Segalat: "le gouvernement a le devoir de faire respecter tous les droits de la France par tous les moyens y compris la force". D'Argenlieu: "Le Haut Commissaire a le (droit) d'y (faire respecter) l'ordre et la loi par tous les moyens contre qui que ce soit". Các từ trong ngoặc kép là trong bản gốc. Bản của Segalat có thể tìm thấy trong F60 C3024, AN,

còn bản của d'Argenlieu có trong Cao ủy Paris gửi Cao ủy Sài Gòn, số 200C, ngày 25 tháng Mười một 1946, 16h30Z, 1MiF5, AOM.

174. Trích dẫn trong bản tóm tắt của d'Argenlieu trong Cao ủy Paris gửi Cao ủy Sài Gòn, số 200C, ngày 25 tháng Mười một 1946, 16h30Z, 1MiF5, AOM, nhưng d'Argenlieu đã tuyên bố với Valluy rằng cả Moutet và Michelet chưa bao giờ nhìn thấy tóm tắt này và rằng nó sẽ không được gửi đến Sài Gòn trước khi được Bidault thông qua. Cao ủy Paris gửi Cao ủy Sài Gòn, ngày 25 tháng Mười một 1946, 10h16Z, 1MiF5, AOM.

175. Cao ủy Paris gửi Cao ủy Sài Gòn, ngày 25 tháng Mười một 1946, 10h16Z, 1MiF5, AOM.

176. Tuyên bố của Moutet với báo chí, PA 28, C3, d.87, AOM.

177. Điện Cao ủy gửi Comindo, số 2038F, ngày 17 tháng Mười hai 1946, 03h30Z, điện 938, AOM.

178. EMGDN, *Bulletin d'étude*, số 46, Paris, ngày 30 tháng Mười một 1946 (Barjot viết), bản sao của tác giả. Một phần tuyên bố đã trích dẫn được trích từ tờ *Franc-Tireur*, ngày 27 tháng Mười hai 1946. Barjot có thể đã sai (ông ta sai ở những điểm khác liên quan đến sự thiếu thông tin từ Sài Gòn), nhưng tôi không tìm thấy báo cáo nào về hoạt động kiểm soát xuất nhập khẩu trước khi thông tin có trong thông điệp của Cao ủy gửi Comindo, số 1865F, ngày 21 tháng Mười một 1946, 1MiF4, AOM. Bức điện này cũng khiến mọi người nghĩ rằng là không có thông tin nào đã được cung cấp sớm hơn.

179. Những chỉ thị ngày 22 tháng Mười một được trích đầy đủ trong điện Cororient Sài Gòn gửi EMGDN, số 1906/3.T, ngày 23 tháng Mười một 1946, 15h33Z, điện 933, AOM.

180. Điện Cao ủy gửi Tổng thống ở Paris, số 1909F, ngày 27 tháng Mười một 1946, 10h30Z, nhận ngày 28 tháng Mười một,16h55Z, điện 938, AOM. Không rõ khi nào Hồ Chí Minh gửi phản kháng này cho Pháp.

181. Chẳng hạn điện Cao ủy Paris gửi Cao ủy Sài Gòn, ngày 25 tháng Mười một 1946, 10h16Z, 1MiF5, AOM: "J'approuve entièrement les instructions que vous avez données au General Morlière. Elles sont dans la ligne des dispositions Gouvernementales".

Chương 5. CÁI BẪY CỦA PHÁP

1. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 584, ngày 25 tháng Mười một 1946, 12h20Z, CP 13(3-I), AOM.
2. Tờ *Franc-Tireur*, ngày 20 tháng Mười hai 1946. Từ "camarilla", theo nghĩa đen trong tiếng Tây Ban Nha là "một căn phòng nhỏ", được sử dụng để chỉ một nhóm cố vấn bí mật, thường có mưu đồ, một bè đảng hoặc bè lũ.
3. Chỉ thị Valluy gửi Morlière, số 1928/3.T, ngày 26 tháng Mười một 1946, 11h30G, nhận được vào lúc 14h10, báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM. Xem thêm báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 47.
4. Điện Valluy và Pignon gửi d'Argenlieu, ngày 23 tháng Mười một 1946, 11h40, EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE. Dinh toàn quyền, tòa nhà lớn nhất và uy tín nhất Hà Nội của Pháp, đã trở thành sở chỉ huy của quân Tàu Tưởng chiếm đóng Trung Quốc đến tháng Sáu và sau đó được sửa chữa để lại trở thành chỗ đứng chân của nhà cầm quyền Pháp ở miền Bắc.
5. Valluy gửi Morlière, số 1929/3.T, ngày 26 tháng Mười một 1946, 12h00G, báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM.
6. Morlière gửi Valluy, số 3578/3, và Valluy gửi Morlière, số 1931/3.T, ngày 27 tháng Mười một 1946, 11h30. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 47-48. Để chắc chắn từ Paris, xem Chương 4, chú thích 181.
7. Tối hậu thư và thư từ liên lạc tiếp theo giữa ông Giáp và Morlière đính kèm báo cáo của Morlière, ngày 4 tháng Mười hai 1946 và báo cáo của Pignon, ngày 10 tháng Mười hai 1946, cả hai trong CP 7, AOM.
8. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 127, ngày 30 tháng Mười một 1946, 1 giờ chiều, DF851G.00/11-3046, USNA.
9. Tờ *L'Humanité*, ngày 3 tháng Mười hai 1946.

10. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 127, ngày 30 tháng Mười một 1946, 1 giờ chiều, DF851G.00/11-3046, USNA. Đến tháng Ba 1947, Pháp ước tính chỉ khoảng 15.000 trong tổng số 180.000-200.000 người còn lại ở Hà Nội. Báo cáo Walrand ký ngày 3 tháng Ba 1947 được gửi cùng với thư HC Cab 3658 từ Hà Nội tới Sài Gòn, ngày 11 tháng Ba 1947, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* 607-01, MAE.
11. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 645, ngày 30 tháng Mười một 1946, 11h47Z, CP 13(3-I), AOM.
12. Thanh tra Gayet, báo cáo ngày 10 tháng Mười một 1946, Papiers Moutet, PA 28, C7, d.158, s/d.9, AOM.
13. Điện Cao ủy gửi EMGDN, số 846/EMHC, ngày 4 tháng Mười 1946, điện 933, AOM.
14. Thanh tra Gayet, báo cáo ngày 10 tháng Mười một 1946, Papiers Moutet, PA 28, C7, d.158, s/d.8, AOM.
15. Barjot (nhân danh Tướng Juin) gửi Moutet, ngày 25 tháng Mười 1946, Papiers Moutet, PA 28, C7, d.158, s/d.8, AOM. Xem thêm Hugues Tertrais, *La piastre et le fusil: Le cout de la guerre d'Indochine, 1945-1954* (Paris: Comité pour l'histoire économique et financière de la France, 2002), tr. 42-43.
16. Điện Cao ủy gửi EMGDN, ngày 27 tháng Mười một 1946, điện 933, AOM.
17. Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi*, tr. 257-58.
18. Điện Cao ủy gửi EMGDN, số 978/EMHC, ngày 30 tháng Mười một 1946, 07h35Z, điện 933 và 1MiF44, AOM và EA, MAE.
19. Defnat gửi Cao ủy, số 733/EMG/DN/AD-JT, ngày 1 tháng Mười hai 1946, 22h01Z, 1MiF5 và CP 13(2), AOM.
20. Điện FOM (Moutet) gửi Cao ủy, ngày 1 tháng Mười hai 1946,12h15Z, điện 915, AOM.
21. Điện Cao ủy gửi EMGDN (để thông tin cho d'Argenlieu và Moutet), không có số, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 23h28Z, điện 933, AOM.
22. Ngày 4 tháng Mười hai 1946, báo cáo của Morlière, CP 7, AOM.
23. Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 1001 EMHC, ngày 7 tháng Mười hai 1946, 03h55Z, 1MiF44, AOM.

24. Thư viết tay trong CP 7, hồ sơ "Haiphong à M. Riner", AOM.
25. Bản sao viết tay để cho những người đánh máy. Báo cáo của Pignon, ngày 10 tháng Mười hai 1946, CP 7, AOM.
26. "Rapport sur les incidents de Haiphong et de Langson du 20 au 28 novembre 1946", ngày 28 tháng Mười một 1946, kết luận có chữ ký của Barjot, ngày 29 tháng Mười một 1946, Papiers Bidault, 457AP 127, *hồ sơ* "Octobre-novembre", AN. Cũng được sao chép lại trong EMGDN, *Bulletin d'études*, số 46, ngày 30 tháng Mười một 1946, 4Q77, *hồ sơ* 5, SHAT.
27. Ghi nhận của Tướng Leclerc về "tình hình thực tế ở Đông Dương", Paris, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 10H163, SHAT. Xem thêm ghi nhận kèm theo "Note historique sur la situation au Tonkin ayant conduit aux opérations du 20 au 30 novembre 1946", Paris, ngày 4 tháng Mười hai 1946, 4Q77, *hồ sơ* 3, SHAT. Một phần của bối cảnh ra đời nhận định của Leclerc là rằng, với vai trò tổng thanh tra lực lượng Pháp ở Bắc Phi, ông đã phản đối quyết định tăng cường một tiểu đoàn dù đến Đông Dương. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*, tr. 304.
28. EMGDN, *Bulletin d'études*, số 48, ngày 8 tháng Mười hai 1946, bản sao của tác giả.
29. Ghi nhận của Tướng Leclerc về "tình hình thực tế ở Đông Dương", Paris, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 10H163, SHAT. "Rapport sur les incidents de Haiphong et de Langson du 20 au 28 novembre 1946", ngày 28 tháng Mười một 1946, kết luận có chữ ký của Barjot, ngày 29 tháng Mười một 1946, Papiers Bidault, 457AP 127, *hồ sơ* "Octobre-novembre", AN. EMGDN, *Bulletin d'études*, số 46, ngày 30 tháng Mười một 1946, 4Q77, *hồ sơ* 5, SHAT. "Note historique sur la situation au Tonkin ayant conduit aux opérations du 20 au 30 novembre 1946", Paris, ngày 4 tháng Mười hai 1946, *hồ sơ* 3, 4Q77, SHAT.
30. Jean Rous trong cuộc phỏng vấn Jean Lacouture về bộ phim *La République est morte à Dien Bien Phu*, 1973. Tờ *Franc-Tireur* đã sai lầm khi cho rằng những chỉ thị này của Morlière chứ không phải

của Valluy và vì vậy đã tiếp tục đặt Morlière vào trong "bè đảng" của d'Argenlieu. Sự "thiếu thận trọng" của Barjot cũng là một lý do giải thích tại sao tôi có thể sở hữu bản sao các bị vong lục của ông ta.

31. MAE gửi 63 đơn vị ngoại giao, Thông tư số 97IP, AO, MAE.
32. Tóm tắt này dựa trên những ghi chú sơ bộ của Segalat, những ghi chú này có thể cần làm rõ, F60 C3024, AN.
33. Bản tóm tắt đánh máy, dựa vào ghi chú của Segalat, F60 C3024, AN.
34. D'Argenlieu gửi Valluy, số 42/DC, ngày 3 tháng Mười hai 1946, CP 13(2-2), AOM.
35. Tờ *Le Populaire*, ngày 8 tháng Mười hai 1946.
36. "Projet de décret déterminant les attributions du Haut Commissaire de France pour l'Indochine", EA, *hộp* 27, *hồ sơ* B-101, MAE.
37. "Bidault redoutait une rupture dans son Parti". Moutet trong một tuyên bố gửi SFIO "Comité directeur", ngày 27 tháng Giêng 1947. Biên bản hội nghị này đính kèm Gratien, "Marius Moutet, de la question coloniale à la construction européenne", t. 3, tr. 675-83.
38. Theo Đại sứ Anh ở Paris, Đông Dương đóng một vai trò quan trọng trong các cuộc thương lượng trước thông tin về chính phủ mới ở Pháp. Cooper gửi Bevin, số 1133, ngày 30 tháng Mười hai 1946, FO371/63451/F53/5/86, PRO.
39. Những chỉ thị của chính phủ gửi Cao ủy d'Argenlieu, ngày 10 tháng Mười hai 1946, Bidault, Moutet và Michelet ký tên, EA, *hộp* 27, *hồ sơ* B-1 ("Affaires réservés Thierry d'Argenlieu"), MAE. Các dự thảo chỉ thị, một bản đề ngày 29 tháng Mười một, và bản sau có những sửa đổi viết tay của Moutet, nằm trong EA, *hộp* 27, *hồ sơ* B-101, MAE, ở đây cũng có "résumé analytique de la question indochinoise" (một ghi chú của Moutet, là cơ sở để Bộ đưa ra dự thảo) và cũng là dự thảo một tuyên bố của chính phủ. Bản những chỉ thị của chính phủ đã sửa đổi được gửi cho cao ủy mới là ông Bollaert vào tháng Ba 1947 nằm trong EA, *hộp* 42, *hồ sơ* C-102, MAE. Các bản sao dự thảo khác có thể được tìm thấy trong Papiers Bidault, 457AP 127, *hồ sơ* "Octobre-novembre 1946", AN. Những chỉ thị của chính phủ ngày 10

tháng Mười hai 1946 đã nhận được quá ít sự quan tâm chú ý trong những nghiên cứu về lịch sử thực dân Pháp. Trường hợp ngoại lệ đặc biệt là Shipway, *Road to War*, tr. 257-58.

40. Lawrence, *Assuming the Burden*, tr. 103, 148. "Tout problème n'est pas financier mais le devient un jour". Tertrais, *La piastre et le fusil*, tr. 23-24.
41. Tertrais, *La piastre et le fusil*, tr. 404.
42. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 527.
43. Các đề xuất của EMGDN và Cao ủy được gửi kèm với *bordereau* số 56-OC từ "direction du cabinet du Haut Commissariat", Paris, ngày 3 tháng Mười hai 1946, Papiers Bidault, 457AP 127, AN.
44. "Résumé analytique de la question indochinoise", xem chú thích 39 nói trên.
45. Các chỉ thị gửi Cao ủy d'Argenlieu, ngày 10 tháng Mười hai 1946, xem chú thích 39 nói trên.
46. "Qu'il [Ho Chi Minh] comprenne qu'en fait nous considérons maintenant comme essentiel qu'il soit débarrassé des éléments extrêmistes de son gouvernement..". Điện Moutet dự định gửi Cao ủy, nhưng đã không gửi, EA, *hộp* 27, *hồ sơ* B-101, MAE, và Papiers Bidault, 457AP 127, *hồ sơ* "décembre 1946", AN.
47. Valluy cảnh báo "caractère presque fatal de la rupture à laquelle nous entraînent la haine et la mauvaise foi du Gouvernement de Hanoi". Bidault nhận xét: "Je désire toutefois marquer que j'ai été surpris des termes de votre télégramme précité qui font subitement état d'une situation alarmante que rien ne laissait prévoir dans vos communications précédentes". Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1001/EMHC, ngày 6 tháng Mười hai 1946, 04h40Z, điện số 938 và 1MiF44, AOM. Điện Bidault gửi Valluy (Messmer tiếp ký), số 01/03466, ngày 12 tháng Mười hai 1946, điện số 915, AOM và EA, *hộp* 27, *hồ sơ* B-106, MAE.
48. *La France et le problème indochinois* (truyền đơn của Service d'outre-Mer, Đảng MRP ngày 12 tháng Mười hai 1946), *hồ sơ* "Documentation Indochine 1946, écrite en 1946", AN.

49. Hồi ký của Sainteny được xuất bản năm 1953 với tiêu đề *Histoire d'une paix manquée* [Lịch sử một nền hòa bình sụp đổ]. Hồi ký được viết hay nhưng lại che giấu những mặt quan trọng nhất trong chính sách của Sài Gòn và vai trò của bản thân Sainteny vào tháng Mười hai 1946. Sainteny thuật lại một cách giải thích gần như tương tự trong *Face à Ho Chi Minh* (Paris: Seghers, 1970).
50. "Jean Sainteny, à nouveau dépeché à Hanoi, y arrive trop tard pour éviter le 19 décembre 1946, le déclenchement de la guerre d'Indochine dont il est pratiquement la première victime". Sainteny, *Histoire d'une paix manquée*, bìa bọc sách.
51. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1530F, nhận được ngày 5 tháng Mười 1946, điện 937, AOM.
52. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 513.
53. Điện d'Argenlieu gửi Cominindo, ngày 29 tháng Mười 1946, điện 937, AOM. D'Argenlieu gửi Cominindo, số 1744F, ngày 2 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM. Điện Cominindo gửi Cao ủy, số CI/03112, ngày 4 tháng Mười một 1946, điện 915, AOM.
54. Cao ủy Paris gửi Cao ủy Sài Gòn, số 5, không đề ngày nào trong tháng Mười một 1946, CP 13(2-2), AOM.
55. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1924F (Valluy ký), ngày 30 tháng Mười một 1946, 05h05Z, điện 938, AOM.
56. "Affirmer notre volonté de ne rien céder de nos positions essentielles anciennes et nouvellement acquises mais si une rupture devait intervenir en laisser soigneusement l'initiative à nos partenaires en prenant toutes précautions pour ne pas être surpris par les événements". Cao ủy gửi d'Argenlieu, số 1938F, ngày 3 tháng Mười hai 1946, CP 2(3), AOM.
57. Tài liệu đã dẫn và thư số 4369/CPCab (Pignon ký) gửi Valluy và Sainteny, ngày 30 tháng Mười một 1946, CP 7, AOM.
58. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 650, ngày 1 tháng Mười hai 1946, 11h25Z, 1MiF5, AOM.

59. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 655, ngày 2 tháng Mười hai 1946, 04h35Z, 1MiF5, AOM. Tháng Bảy 1947, thực tế Hồ Chí Minh đã cải tổ chính phủ. Mục đích lúc này là bảo đảm sự ủng hộ rộng rãi cho cuộc kháng chiến, mặt khác làm tăng cơ hội người Pháp sẽ mở lại đàm phán. Devillers, *Histoire du Viêt-Nam*, tr. 400-401.
60. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée* (1953), tr. 209.
61. Thư của Hội Việt - Pháp, Hà Nội, ngày 3 tháng Mười hai 1946 (Nguyễn Mạnh Hà ký), CP 2(9), AOM.
62. Sainteny, *Face à Ho Chi Minh*, tr. 112. Valluy và Pignon gửi d'Argenlieu, ngày 23 tháng Mười một 1946, EA, *hộp* 36, *hồ sơ* 15, MAE.
63. Những tuyên bố của cố vấn ngoại giao của d'Argenlieu là Achille Clarac về ngày 6 tháng Mười hai 1946 gửi Lãnh sự quán Anh tại Sài Gòn. Meiklereid gửi Bevin, số 156, ngày 10 tháng Mười hai 1946, FO371/53970/F18207/8/61, PRO, và "Note du 6.12.46", FO959/14, PRO.
64. Vũ Kỳ, "Những chặng đường trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi " [The Protracted Resistance Will Certainly Be Victorious], Lịch sử quân sự [Military History], 12 (1988), tr. 72-82.
65. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée* (1953), tr. 217 và những trang còn lại của cuốn sách đều khẳng định đó là ông Giám. Tuy nhiên, trong thư riêng Sainteny gửi Valluy, số 670, ngày 3 tháng Mười hai 1946,19h30Z, 1MiF5, AOM lại nói đó là ông Giáp. Về điểm này, hồi ký sau này của Sainteny có thể đáng tin cậy hơn hồi ký thời đó bởi vì nhân viên trực tổng đài Pháp có thể dễ dàng đánh máy nhầm chữ "p" thay vì chữ "m".
66. Thư riêng Sainteny gửi Valluy, số 670, ngày 3 tháng Mười hai 1946,19h30Z, 1MiF5, AOM.
67. Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 391. Tuyên bố của ông Giám được tóm lược trong Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 721, ngày 6 tháng Mười hai 1946, CP 13(3-III), AOM.
68. Nhà báo hỏi Sainteny về thông điệp gửi Paris và Sainteny trả lời: "C'est à la suite de l'entretien que j'ai eu, mercredi dernier avec le

president Ho-Chi-Minh, que j'ai décidé, sur la demande du Président de la République du Viet-Nam, de faire connaître à Paris la position vietnamienne. Comme je l'ai indiqué à M. Giam, j'en attends encore la réponse... c'est à Paris, aux responsables de la politique française en Extrême-Orient d'estimer si la question doit être ou peut être reconsidérée". *Paris-Saigon*, ngày 11 tháng Mười hai 1946. Sài Gòn rất không hài lòng với cuộc phỏng vấn này và đã hai lần yêu cầu Sainteny phải bỏ đi các phần phỏng vấn. Sainteny từ chối mặc dù khẳng định rằng quan điểm của ông đã bị nhà báo (Dranber) bóp méo. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 859, ngày 17 tháng Mười hai 1946, 11h00Z, và số 915 (2), ngày 18 tháng Mười hai 1946, 03h20Z, CP 13 (3-I), AOM.

69. Pháp tóm lược quan điểm của Việt Nam trong "Annexe de la note quotidienne No. 270", có thể được viết vào ngày 20 tháng Mười hai 1946, CP 14(5), AOM.
70. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 133 và 134, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 1h và 6h chiều, DF851G.00/12-546, USNA.
71. Sainteny gửi Cao ủy, số 709/H, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 14h25Z, 1MiF5, AOM.
72. Sainteny, "Rapport de quinzaine du 15 au 30 novembre 1946", số 1274/S/BP (Sainteny ký), ngày 10 tháng Mười hai 1946, CP 18, AOM.
73. Báo cáo của Morlière, số 440/CAB-S, ngày 12 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 39, *hồ sơ* B-602, MAE.
74. Sainteny cảnh báo trong "rapport" [báo cáo] được trích dẫn trong chú thích 12 nói trên: "il ne faut pas nous leurrer et croire que notre retrait de secteurs économiques particuliers et des concessions raisonables suffiront à assouvir les revendications vietnamiennes: C'est le début d'une offensive générale dans le but de nous évincer totalement de l'économie du pays, prélude à une éviction dans tous les autres domaines". Đây là thông điệp duy nhất trong báo cáo của Sainteny được nhấn mạnh tại văn phòng của Pignon.
75. Báo cáo của Morlière, số 440/CAB-S, ngày 12 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 39, *hồ sơ* B-602, MAE.

76. Tài liệu đã dẫn (với bình luận của Sainteny và Pignon). Thư số 71 D/C Cao ủy gửi Paris, ngày 17 tháng Mười hai 1946, 4Q1, *hồ sơ* 3, SHAT. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 57. Xem thêm "Note sur la situation en Indochine", ngày 10 tháng Hai 1947, EA, *hộp* 41, *hồ sơ* "Notes du général Morlière 1947", MAE.
77. Brocheux, *Ho Chi Minh*, tr. 93; Quinn-Judge, *Ho Chi Minh: The Missing Years*, tr. 71, 81-85, 315-16.
78. Phỏng vấn Giáo sư Trần Thành, Viện Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, ngày 25 tháng Mười một 1993.
79. Cecil B. Currey, *Victory at any Cost: The Genius of Viet Nam's Gen. Vo Nguyen Giap* (Washington DC: Potomac Books, 1997), tr. 24-31.
80. Để thảo luận về các vấn đề phương pháp luận mà các sử gia gặp phải trong quá trình nghiên cứu các nguồn tin tình báo, tham khảo Stein Tønnesson, "La difficulté d'utilisation des archives des services secrets: Le cas de l'Indochine lors de la Seconde Guerre mondiale", *Renseignements & opérations spéciales* 2 (2000), tr. 61-70.
81. Cục Nghiên cứu lịch sử (SEH) thay cho Service de renseignements operationnels (SRO) được Trung tá Trocard tổ chức vào tháng Mười hai 1945, UU-FT-1, SHM. Cùng với BFDOC, Cao ủy còn có "Bureau central de renseignements" (BCR) chịu trách nhiệm về công tác phản gián. Ngày 20 tháng Chín 1986, Alexandre de Marenches, chỉ huy cơ quan tình báo Pháp từ năm 1970 đến 1981, tuyên bố trong *Le Monde* rằng: "Durant la guerre et à la Libération, des éléments venus d'un peu partout, qui n'avaient pas bien fusionné, se mêlaient et s'entremêlaient (trong các cơ quan tình báo của Pháp). Il y avait des chapelles, des représentants des différents partis politiques, voir des groupuscules qui pouvaient, comme au Moyen Age, dépendre d'un certain nombre de personnalités de l'époque. Tout cela manquait d'un bon amalgame. Le service souffrait de ce que j'ai appelé 'le millefeuille': les gens s'occupaient surtout à se bagarrer entre eux".
82. *Léon Pignon: Une vie au service des peuples d'Outre-Mer*, tr. 40, 42.

83. MAE gửi Lisbon số 737, Philippe Baudet ký ngày 20 tháng Mười hai 1946, AO, *hồ sơ* 179, MAE. Meiklereid gửi Hồng Công S.117 "chiffré no. 9", ngày 30 tháng Giêng 1947, F0959/14/238/205/47, PRO. Bousquet nói với tờ *Sud* rằng: "à Haiphong, j'ai été le témoin de leur désarroi; les ministres vietnamiens n'ont pas pu dominer l'indiscipline de leurs militaires. Ils auraient voulu arrêter la bataille. Ils n'ont pas pu. A Hanoi, il régnait une véritable bantise. J'ai quitté la ville avant le 20 décembre mais je sais que le Viêt-minh vivait dans une atmosphère de panique". Tờ *Sud*, ngày 15 tháng Tư 1947, phụ lục 5 trong văn bản Cao ủy gửi FOM, số 5675/CAB, ngày 12 tháng Tám 1947, EA, *hộp* 61, *hồ sơ* C-605, MAE.
84. D'Argenlieu gửi Bidault, Moutet và Michelet, số 1703F, ngày 26 tháng Mười 1946, Papiers Bidault, 457AP, *hồ sơ* "octobre-novembre 1946", AN. Trocard "fréquentait des 'Marxistes'": Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười một 1967, tr. 204.
85. Chánh mật thám Pierre Perrier gửi Pignon, số 8035/SG, ngày 18 tháng Mười 1946, CP 138, AOM. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười một 1967, tr. 204. Valluy gửi Cao ủy, số 5362/2 ("Projet de coordination des services spéciaux en Indochine"), ngày 6 tháng Mười một 1946, 10H266, SHAT. Chỉ thị do Valluy ký ngày 10 tháng Mười hai 1946 về việc thành lập một chi nhánh của BFDOC ở Hà Nội, UU-FT-1, SHM. Cao ủy gửi Cominindo, số 2130F, ngày 30 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 42, *hồ sơ* C-101-5, MAE, và 4Q78, *hồ sơ* 4, SHAT.
86. "Que resterait-il maintenant de l'armée vietnamienne si l'on avait écouté Giap quand il voulait partir en guerre il n'y a pas si longtemps contre les occupants chinois?". Moret gửi DirSurFe, số 3968, ngày 28 tháng Mười một 1946 (với hai phụ lục), PCE, *hồ sơ* "Renseignements 1946", AOM. Phần còn lại trong đoạn dựa vào Bulletins de renseignements (BR) của SEHAN số 3504, ngày 12 tháng Mười 1946; số 3539, ngày 14 tháng Mười 1946; số 3639, ngày 21 tháng Mười 1946; số 3696, ngày 24 tháng Mười 1946; số 3706,

ngày 25 tháng Mười 1946; số 3722, ngày 26 tháng Mười 1946; số 3802, ngày 2 tháng Mười một 1946; số 3812, ngày 4 tháng Mười một 1946; số 3829, ngày 6 tháng Mười một 1946; số 4016, ngày 25 tháng Mười một 1946; số 4030, ngày 26 tháng Mười một 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-6, MAE.

87. Mười lăm trong số các bằng chứng đầu tiên có thể tìm thấy trong bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947, phụ lục 3. Mười lăm tài liệu tương tự và nhiều bằng chứng khác cũng có thể tìm thấy trong số những gì còn lại trong văn phòng của Pignon, trong tập tài liệu CP (cố vấn chính trị), AOM.
88. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 31-32.
89. Một báo cáo của AP ước tính số người bị bắt giữ lên tới 1.400, nhưng đây có thể là một con số phóng đại. Tờ *L'Aube*, ngày 5 tháng Mười hai 1946.
90. Dương Trung Quốc (chủ biên): "Thủ đô huyết lệ" trong *Hình ảnh Hà Nội hai tuần trong khói lửa - mùa đông 1946-1947*, Nxb. Lao động - xã hội, Hà Nội, 2006.
91. Đây là nơi hồ sơ lưu trữ được sử dụng để xuất bản bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946.
92. Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 402. Điều này được xác nhận trong báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 51.
93. Có năm tiểu đoàn, tương đương 2.500 lính ở khu vực Hà Nội, theo Đại tá Vương Thừa Vũ, "La vérité sur le 19 décembre 1946 à Hanoi", phụ lục trong Léo Figuères, *Je reviens du Viet Nam libre* (Paris: J. London, 1950), tr. 184. Pháp ước tính quân đội chủ lực Việt Nam tập trung quanh Hà Nội lên tới 30.000 người. Báo cáo từ Sở Mật thám ở Hà Nội (Moret), ngày 9 tháng Mười hai 1946, CP 13(1), AOM.
94. Ngô Văn Chiếu, *Journal d'un combattant Viet-Minh: Traduit et adapté par Jacques Despuech* (Paris: Seuil, 1955), tr. 106. Trong phần mở đầu, Despuech nói rằng những gì trong nhật ký trái ngược với thông tin đã có từ lâu của Pháp về ngày 19 tháng Mười hai,

song ông cũng mong muốn giới thiệu về ngày này đúng như thực tế của nó. Về điểm này, cuốn nhật ký vì vậy có lẽ không được "thích ứng".

95. Mục điểm báo, ngày 3 tháng Mười hai 1946, CP-phụ lục 22, AOM. "Annexe 2 au rapport Walrand", ngày 5 tháng Ba 1947, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-01, MAE.
96. "Ton général presse V.N. ce matin un peu moins violent. Nombreux passages censurés. Nam hier soir dans conversation a fait état difficultés services censurés V.N. qui seraient débordées par ultra violence tons journaux". Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 746, ngày 8 tháng Mười hai 1946, 20h25Z, CP 13(3-III), AOM.
97. SEHAN BR số 4082, ngày 1 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-06, DEC gửi Messmer, ngày 2 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 39, *hồ sơ* B-602, tài liệu không có tiêu đề về kế hoạch tấn công ngày 19 tháng Mười hai 1946, cùng với tóm tắt các tài liệu đã bị thu giữ và chặn lại, EA, *hộp* 30, *hồ sơ* B-236, MAE.
98. Bức điện đã bị thu giữ của Nguyễn Bình gửi Võ Nguyên Giáp, ngày 8 tháng Mười hai 1946, *hồ sơ* "Renseignements Viet Minh", 10H602, SHAT, Goscha trích dẫn, "A 'Popular' Side of the Vietnamese Army", tr. 341.
99. Báo cáo của Moret AM/je/7, số 4271, ngày 9 tháng Mười hai 1946, CP 13(1), AOM.
100. Sainteny gửi Cao ủy, số 83 (có thể nhầm lẫn, phải là 823 hoặc 830), ngày 14 tháng Mười hai 1946, 13h05Z, CP 13(3-I), AOM.
101. BR số 7 từ TFEO Phòng Nhì, số 5816/2, ngày 2 tháng Mười hai 1946, CP 181, AOM.
102. SEHAN BR số 4254, ngày 14 tháng Mười hai 1946, và số 4266, ngày 16 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-06, MAE.
103. "Pièce no. 16" (Lê Duẩn gửi Ban Chấp hành), EA, *hộp* 39, *hồ sơ* B-604, MAE. SEHAN BR số 4248, ngày 13 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-06, MAE. Chỉ thị Nguyễn Bình đã ký số 1674/QS, ngày 15 tháng Mười hai 1946, phụ lục 3 báo cáo của Torel, ngày 3 tháng Tư 1947, EA, *hộp* 59, *hồ sơ* C-325, MAE. "Notre action en

Indochine du Sud du 30 octobre au 25 décembre", báo cáo đề ngày 28 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 52, *hồ sơ* "Le modus vivendi", MAE.

104. Moret gửi Dirsurfe, số 4271, ngày 9 tháng Mười hai 1946 và số 4307, ngày 10 tháng Mười hai 1946, PCE, *hồ sơ* "Renseignements 1946", AOM.
105. SEHAN BR số 4152, ngày 7 tháng Mười hai 1946, số 4184 và 4189, ngày 10 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-06, MAE. Sainteny gửi Cao ủy, số 820, ngày 13 tháng Mười hai 1946, 14h00Z, và số 83 (có sai sót ở đây, phải là 823 hoặc 830), ngày 14 tháng Mười hai 1946, 13h05Z, Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 872, ngày 17 tháng Mười hai 1946, CP-phụ lục 13 (3-I), AOM. Hải quân BR số 250 EM2, Doignon ký, Sài Gòn ngày 15 tháng Mười hai 1946, DGD 65, AOM.
106. SDECE, "Notice technique de contre-ingérence politique", ngày 28 tháng Mười một 1946, AO, MAE.
107. BR số 250 EM2 từ sở chỉ huy lực lượng hải quân (Doignon ký) về tình hình ở Hà Nội vào ngày 15 tháng Mười hai, bản sao có trong Sài Gòn, ngày 23 tháng Mười hai 1946, DGD 65, AOM.
108. Báo cáo chưa ký về "Situation à Hanoi au 15 décembre 1946", CP 13(1), AOM.
109. SEHAN BR số 4280, ngày 16 tháng Mười hai 1946 và 4289, ngày 17 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, MAE. Báo cáo của một gián điệp Pháp, ngày 17 tháng Mười hai 1946, "Notice technique de contre-ingérence politique. Ingérences chinoises en Indochine", số 2528/23.9.5.2/V./BAK.00026/SB, số 19, Paris, ngày 10 tháng Giêng 1947, Papiers Moutet, PA28, C7, d.158, s/d.4, AOM.
110. Lawrence, *Assuming the Burden*, tr. 49, 98-101.
111. Cao ủy gửi giới ngoại giao Paris, số 1606F, ngày 14 tháng Mười 1946, 1MiF43; Bonnet gửi d'Argenlieu, ngày 11 tháng Mười một 1946, Tổng thống ở Paris gửi Cao ủy, số 1998/CI/3215, ngày 18 tháng Mười một 1946, 1MiF5 điện số 915; Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 392/Cab.Mil., ngày 28 tháng Mười một 1946, 1MiF44, AOM. Allen gửi Meiklereid, ngày 4 tháng Mười hai 1946, FO371/53968/F17052/8/61, PRO. Biên

bản của Allen, ngày 29 tháng Mười một 1946, thư của Graves, ngày 4 tháng Mười hai 1946 và biên bản của Lambert ngày 7 tháng Mười hai 1946, FO371/53969/F17656, F17748 và F17458/8/61, PRO. Lawrence, *Assuming the Burden*, tr. 144.

112. Sau khi điều đình với Mỹ, ngày 14 tháng Mười 1946, Thái Lan đồng ý trả lại các tỉnh thuộc Lào và Campuchia mà nước này đã thôn tính vào năm 1941 sau một cuộc chiến Pháp - Thái Lan ngắn ngủi. Sự kiện này đã loại trừ được nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến mới với Thái Lan, điều này có thể đã ngăn cản Pháp tìm cách đối đầu với Việt Minh. Hiệp ước Pháp - Thái được ký kết ngày 17 tháng Mười một và một phái đoàn của Pháp đã đến Battambang ngày 25 tháng Mười một mà chẳng gây ra sự kiện gì. Hành động tái chiếm thực sự đã diễn ra từ ngày 7 đến ngày 15 tháng Mười hai. Pignon, "Note d'orientation số 7", số 4602 CP/CAB/SD, ngày 20 tháng Mười hai 1946, *hồ sơ* C-307, *hộp* 59, EA, MAE.

113. Sainteny gửi Cao ủy, số 671, ngày 3 tháng Mười hai 1946, CP-phụ lục 13(3-I), AOM. Sainteny gửi Cao ủy, số 836, n.d., và số 842, ngày 14 tháng Mười hai 1946, MAE. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée* (1953), tr. 67-72, 95; Patti, *Why Viet Nam?*, tr. 151-53, 248-53.

114. Abbot Low Moffat, thư gửi vợ ông, trong Quốc hội Mỹ, Thượng viện, *The United States and Vietnam, 1944-1947* (một nghiên cứu nhân sự chuẩn bị cho việc sử dụng của Ủy ban đối ngoại của Thượng viện), Washington DC: GPO, 1972, phụ lục 2.

115. Stein Tønnesson, "The Meeting That Never Was", *NIAS-Nytt*, [Viện Bắc Âu nghiên cứu về châu Á, Copenhagen, bản tin], số 3 (1997).

116. Quốc hội Mỹ, *United States and Vietnam*, tr. 39-41. Xem thêm Lisle Abbott Rose, *Roots of Tragedy, the United States and the Struggle for Asia, 1945-1953*, Westport CT: Greenwood Press, 1976.

117. Ghi chép đề ngày 1 tháng Hai 1947, MAE. Ngay từ tháng Mười 1946, Chính phủ Việt Nam đã viết một bản ghi nhớ gửi Liên hợp quốc, song có vẻ như văn bản này không được gửi đi. Moret gửi Dirsurfe, số 3188, CP 128, AOM.

118. Reed gửi Ngoại trưởng, số 479 (từ Moffat), ngày 12 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-1246, USNA, cũng trích dẫn trong Mark Philip Bradley, *Imagining Vietnam and America: The Making of Post-colonial Vietnam, 1919-1950* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2000), tr. 144. Xem thêm Ngoại trưởng gửi Reed, số 305 (dành cho Moffat), ngày 5 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-546, USNA; MAE gửi Đại sứ quán Pháp ở Washington, ngày 3 tháng Giêng 1947, trích dẫn một bức điện từ Cao ủy ngày 31 tháng Mười hai 1946; và d'Argenlieu gửi Cominindo, ngày 27 tháng Giêng 1947, MAE.
119. Bản dịch tiếng Pháp "instructions de la section des Affaires courantes du Comité exécutif du Nam Bo", số 2.698/2, ngày 17 tháng Mười 1946, CP-phụ lục 8(2), AOM. "Compte rendu d'une séance plénière du PC de Nam Bo (Cochinchine)", ngày 27-28 tháng Hai 1947, được thu giữ ở Vinh, Phòng Nhì, thư số 30711/2, ngày 21 tháng Sáu 1947, CP-phụ lục 22, *hồ sơ* "Le PCI", AOM.
120. Báo cáo của Pignon số 4579/CP-AP, ngày 17 tháng Mười hai 1946, AO, MAE.
121. D'Argenlieu gửi Valluy, ngày 25 tháng Mười một 1946, 10h16Z, 1MiF5, AOM.
122. D'Argenlieu gửi Valluy, số 20DC, ngày 25 tháng Mười một 1946, 16h30Z, 1MiF5, AOM.
123. D'Argenlieu gửi Valluy, số 26DC, ngày 26 tháng Mười một 1946, 14h45Z, 1MiF5, AOM. D'Argenlieu gửi Valluy và Pignon, số 27-28-29, ngày 26 tháng Mười một 1946, 07h00Z, 1MiF5, AOM.
124. Valluy gửi Lorillot, số 180C và gửi Morlière số 1900E, ngày 27 tháng Mười một 1946,09h50Z và 10h00Z, 1MiF44 và CP 13(2-I), AOM.
125. Morlière gửi Cao ủy và Cororient Sài Gòn, số 3685/3, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 04h05Z, 1MiF5, AOM.
126. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 698, ngày 4 tháng Mười hai 1946, 16h00Z, CP 2(6), AOM.
127. D'Argenlieu gửi Valluy, số 42/DC, ngày 3 tháng Mười hai 1946, 19h30Z, CP 13(2-2), AOM.

128. Valluy gửi Sainteny, số 11372, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 09h15Z, CP 13(2-1), AOM.
129. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 1001/EMHC, ngày 6 tháng Mười hai 1946, 04h40Z, điện số 938, và 1MiF44, AOM. Meiklereid gửi FO số 373, ngày 9 tháng Mười hai 1946, FO371/53969/F17611/8/61, PRO; "Note d'orientation", ngày 9 tháng Mười hai 1946, Valluy ký, EA, *hộp* 41, *hồ sơ* "P.11... P.18", MAE.
130. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 431/CAB.CIV, ngày 6 tháng Mười hai 1946, 11h30Z, điện 938, AOM.
131. Điện Cao ủy gửi Comrep Hà Nội, số 1011/EMHC, ngày 8 tháng Mười hai 1946, 06h30Z, điện 938 và 1MiF44, AOM.
132. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 52.
133. Moffat, trích thư trong Quốc hội Mỹ, *United States and Vietnam*, phụ lục 2, tr. 38.
134. Thật không may là có một kẽ hở trong khoảng thời gian từ ngày 6 đến 31 tháng Mười hai trong hồ sơ bức điện bí mật được chụp dưới dạng vi phim của AOM.
135. Về bức điện không gửi của Moutet, xem chú thích 46 nói trên. Các trích dẫn từ bức điện Bidault gửi Valluy (Messmer tiếp ký), ngày 12 tháng Mười hai 1946, điện 915, AOM, xem chú thích 47.
136. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 514.
137. Tóm lược hội nghị ngày 14 tháng Mười hai 1946, có thể được thực hiện bởi đại diện của Quai d'Orsay: "Note sur la situation militaire en Indochine, 14 décembre 1946", PS/GM Asie-Oceanie, AO, MAE.
138. Tài liệu đã dẫn.
139. Cao ủy gửi Cominindo, số 1909F, ngày 27 tháng Mười một 1946, 10h30Z, AO, MAE.
140. Thông điệp này đề ngày 6 tháng Mười hai và phát thanh vào ngày 8 tháng Mười hai được trích trong văn bản Messmer gửi Moutet, ngày 11 tháng Mười hai 1946 và được sao thành phụ lục văn bản Trần Ngọc Danh gửi Messmer, ngày 10 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 38, *hồ sơ* "Application", s/d. "Déclaration", MAE. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 349.

141. Léon Blum, "En Indochine", *Le Populaire*, ngày 10 tháng Mười hai 1946.
142. *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp ngày 12 tháng Mười hai 1946, tr. 74.
143. Hồ Chí Minh gửi Cao ủy và Chủ tịch Hội đồng, ngày 12 tháng Mười hai 1946. CP-phụ lục 8, AOM, và bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, phụ lục X, tài liệu 60. Valluy gửi Moutet, số 3179/Cab, ngày 17 tháng Mười hai 1946, gửi chuyển tiếp cho Hồ Chí Minh "Président du Gouvernement de la République française", số 1077 VP/CT, ngày 14 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 39, *hồ sơ* B-605, MAE.
144. *Le Populaire*, ngày 6 và 15-16 tháng Mười hai1946.
145. Caffery gửi Ngoại trưởng, số 5921, ngày 3 tháng Mười hai 1946, *FRUS 1946*, t. 6, tr. 65.
146. *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp ngày 12 tháng Mười hai 1946, tr. 74-75. "Documentation sur la question indochinoise", Sở Hải ngoại MRP, ngày 12 tháng Mười hai 1946.
147. Michel-Morin trong *Le Populaire*, ngày 6 tháng Mười hai 1946. "12H5: Sortie de l'amiral [từ văn phòng của Blum, ngày 14 tháng Mười hai 1946]. Très sec: 'Je repars pour Saigon'", *Le Populaire*, ngày 15-16 tháng Mười hai 1946.
148. Tuyên bố Moutet gửi *France Soir*, trích trong *Journal de Saigon*, ngày 16 tháng Mười hai 1946, mẩu báo trong PCE, AP 49, *hồ sơ* "Ho Chi Minh années 1941-1946", AOM.
149. *L'Aube*, ngày 18 tháng Mười hai 1946.
150. Schumann báo cho chính phủ về "certaines paroles ou certains silences encourageant au-delà des mers, certains défis ou certains actes qui risquent de faire couler, eux aussi, le sang des Français et des amis de la France", *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp ngày 12 tháng Mười hai 1946, tr. 103-4.
151. *Le Monde*, ngày 20 tháng Mười hai 1946.
152. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2062F, ngày 18 tháng Mười hai 1946,10h30Z, điện số 938, AOM.

153. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 140, 7h tối ngày 16 tháng Mười hai 1946, nhận được ở Washington, 11h07 sáng ngày 17 tháng Mười hai, gửi lại Paris, 4h chiều ngày 17 tháng Mười hai, DF851G.00/12-1646, USNA.

154. Người ta khẳng định rằng Blum chỉ nhận được vào ngày 23 hoặc 26 tháng Mười hai, nhưng bản sao của cơ quan thư ký Cominindo của Messmer lại đề ngày 20 tháng Mười hai, 11h45 và Blum cũng có trong danh sách người nhận. Ngoài ra, Blum cũng đề cập các đề nghị trong một bức điện gửi Hồ Chí Minh buổi tối cùng ngày.

155. Sainteny gửi Cao ủy, số 891, ngày 15 tháng Mười hai 1946, 11h20Z, 1MiF44, AOM. Chương trình này được gửi chuyển tiếp đến Paris với phụ lục sau: "Le message en clair de réference vous a été retransmis samedi soir 14 décembre sous le No. 760CH". Điện Cao ủy gửi Cominindo, ngày 16 tháng Mười hai 1946, 04h20Z, điện số 938, AOM. Ở đây hoặc là có sai sót hoặc là có sự lừa dối. 760CH là thông điệp chúc mừng của phân bộ SFIO ở Hà Nội (Hoàng Minh Giám và Phạm Tư Nghĩa đã ký) gửi SFIO ở Paris. Thông điệp này được gửi đi từ Hà Nội vào lúc 02h20 sáng ngày 14 tháng Mười hai và không thể là chủ đề cảnh báo của Sainteny vào lúc 11h20Z đêm ngày 15 tháng Mười hai. Về thông điệp chúc mừng, xem điện 938, AOM, trong đó thật không may là một trong hai bản sao của 760CH lại được đề tên là 750CH.

156. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2062F, ngày 18 tháng Mười hai 1946, 10h30Z, điện 938, AOM.

157. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, phụ lục X, tài liệu 72.

158. Điện Léon Blum gửi Hồ Chí Minh, số 238/CH/Cab, ngày 18 tháng Mười hai 1946, 22h00Z, điện 920, AOM.

159. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 872, ngày 17 tháng Mười hai 1946, 12h30-12h40Z, CP 13(3-I), AOM.

160. *Le Monde*, ngày 19 tháng Mười hai 1946, tr. 8; Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 352. Cuộc họp này có vẻ như không được đề cập trong bất kỳ thư từ liên lạc nào giữa Sài Gòn và Paris, hay ít nhất là trong

hồ sơ lưu trữ. Valluy cũng không hề nói tới cuộc họp này trong các bài viết ông đã công bố năm 1967. Một bản tin của AFP trên tờ *Le Monde* nói rằng: "dans les milieux officiels français, on ne donne aucune précision sur la visite que le général Valluy a faite hier à Haiphong ainsi que sur les entretiens que le haut commissaire intérimaire a eus avec M. Sainteny et le général Morlière. Le général Valluy est rentré à Saigon dans l'après-midi". Có một vài chi tiết được tham khảo từ các báo cáo của tư lệnh hải quân ở Hải Phòng: Barrière gửi Cdts de la Marine, số 485/Cdt, ngày 18 tháng Mười hai 1946 và số 494/Cdt, ngày 21 tháng Mười hai 1946, UU-TB-17, SHM.

161. D'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*, tr. 368.

162. Perrier gửi Pignon, "Note sur la situation à Hanoi au 15 décembre 1946", ngày 17 tháng Mười hai 1945, CP-phụ lục 13(3-1) và PCE, *hồ sơ* "Renseignements 1946", AOM.

163. Báo cáo của Pignon "sur la situation politique intérieure de l'Indochine", số 4579/CP-AP, ngày 17 tháng Mười hai 1946, AO, MAE.

164. Phụ lục gửi Sở Mật thám BQ, ngày 17 tháng Mười hai 1946, PCE, *hồ sơ* "Renseignements 1946", AOM. Xem thêm bản sao thông tin nghe lén qua rađiô, được gửi từ Hà Nội đến Sài Gòn, ngày 3 tháng Giêng 1947, AOM CP-phụ lục 2(1), AOM, và EA, *hộp* 29, *hồ sơ* B-212, MAE. Các văn bản khẳng định rằng chính phủ có buổi họp vào ngày 17 tháng Mười hai.

165. SEHAN BR số 4290, ngày 17 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-06, MAE. Thư Hoàng Hữu Nam gửi Sainteny và Morlière, ngày 16 tháng Mười hai 1946, có khuynh hướng khẳng định điều này, EA, *hộp* 39, *hồ sơ* B-602, MAE.

166. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 862, ngày 16 tháng Mười hai 1946,11h30Z (chắc hẳn có sai sót ở đây, nếu đúng phải là ngày 17 tháng Mười hai), CP 13 (3-III), AOM.

167. Tài liệu đã dẫn; điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2080F, ngày 21 tháng Mười hai 1946 (tóm lược tất cả các sự việc xảy ra đến ngày 19 tháng Mười hai), điện 938, AOM.

168. Nguyễn Phiên, thư phản đối gửi Captain de Chatillon, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, phụ lục X, tài liệu 62.
169. Sài Gòn chỉ thông báo với Paris rằng "un incident nait à la centrale électrique où les ouvriers se mettent en grève et un V.N. de la garde est tué". Điện Cao ủy gửi EMGDN, số 1038/EMHC, ngày 19 tháng Mười hai 1946, điện 933, AOM. Nhưng AFP (*Le Monde*, ngày 19 tháng Mười hai) đã xác nhận cách giải thích của Việt Nam trong thư của Nguyễn Phiên gửi de Chatillon, xem chú thích 169 nói trên.
170. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2080F, ngày 21 tháng Mười hai 1946, điện 938, AOM. Bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947, tr. 35. Nguyễn Phiên, thư gửi de Chatillon, xem chú thích 169 nói trên.
171. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 862, ngày 16 tháng Mười hai 1946, 11h30Z (chắc hẳn có sai sót ở đây, nếu đúng phải là ngày 17 tháng Mười hai), CP 13 (3-III), AOM.
172. Nguyễn Phiên, thư gửi de Chatillon, xem chú thích 169 nói trên.
173. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 862, ngày 16 tháng Mười hai 1946, 11h30Z (chắc hẳn có sai sót ở đây, nếu đúng phải là ngày 17 tháng Mười hai), CP 13 (3-III), AOM.
174. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2080F, ngày 21 tháng Mười hai 1946, điện 938, AOM.
175. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 147, ngày 18 tháng Mười hai 1946, 09h00, DF851G.00/12-1846, USNA.
176. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2080F, ngày 21 tháng Mười hai 1946, điện 938, AOM. Thật ngạc nhiên là những sự kiện này lại không được đề cập trong bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946 hay trong hồi ký của ông Giáp. Ông Giáp đã dựa vào bị vong lục của Hồ Chí Minh để đưa ra cách giải thích của mình, thậm chí ông nói rằng "sáng ngày 18 tháng Mười hai, thành phố dường như yên tĩnh". Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 410.
177. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2080F, ngày 21 tháng Mười hai 1946, điện 938, AOM. Bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947,

tr. 36. Sự kiện này cũng không được đề cập trong các báo cáo của Việt Nam, nhưng điều đó có thể hiểu được.

178. *L'Aube*, ngày 19 tháng Mười hai 1946.
179. *L'Humanité*, ngày 19 và 20 tháng Mười hai 1946.
180. *Franc-Tireur*, ngày 20 tháng Mười hai 1946.
181. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 873, ngày 18 tháng Mười hai 1946, 05h00Z, CP 13 (3-III), AOM.
182. De Chatillon gửi Bùi Quý số 5032-IH, ngày 18 tháng Mười hai 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 64: "... faute de quoi, le commandement local français se verra dans l'obligation de procéder à ce déblaiement par ses propres moyens". Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2080F, ngày 21 tháng Mười hai 1946, điện 938, AOM. Liên lạc Việt Nam trả lời vào ngày hôm sau rằng "pour éviter l'aggravation irrémédiable de la situation le poste vietnamien n'a pas cru utile de réagir" trước tình trạng chiếm đóng các tòa nhà, nhưng "le prétexte invoqué dans ce cas est de pure invention: ni la liaison, ni aucune autorité vietnamienne n'a jamais été saisie de cette gratuite histoire de coups de feu tirés de ce local". Nguyễn Phiên gửi de Chatillon, số 4284-EL, ngày 19 tháng Mười hai 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 65. Về vai trò tích cực của Sainteny trong việc thực hiện các biện pháp này, trái với phương pháp thận trọng hơn của Morlière, xem D'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*, tr. 374.
183. Fonde gửi Hoàng Hữu Nam, số 1536, ngày 18 tháng Mười hai 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 68. Bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947, tr. 37.
184. "Nous ne pensons pas qu'il soit question pour les troupes françaises d'y trouver un prétexte afin de porter atteinte à notre droit qu'exerçait la police, droit qui relève de la souveraineté de l'Etat libre du Viet-Nam". Ông Nam cẩn thận sử dụng cụm từ "quốc gia tự do" xuất phát từ Hiệp định ngày 6 tháng Ba. Hoàng Hữu Nam gửi Fonde, số 2389-TU, ngày 18 tháng Mười hai 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31

tháng Mười hai 1946, tài liệu 68-B. Trong hồi ký của mình, Fonde nói rằng ông đã đến gặp ông Giáp buổi sáng ngày 18 tháng Mười hai trước khi viết "tối hậu thư". Thậm chí ông còn trích dẫn chi tiết những gì ông Giáp đã nói với ông và những tuyên bố này đã được nhiều tác giả trích dẫn. Tuy nhiên, các báo cáo chi tiết mà Fonde đã viết, quan trọng là báo cáo "Compte-rendu des activités de la liaison pour la période du 15 au 20 décembre 1946", ngày 20 tháng Mười hai 1946, Fonde đã ký, DGD 75, AOM, không đề cập bất kỳ cuộc họp nào như vậy. Căn cứ vào năng lực của Fonde mà yêu cầu một sĩ quan cấp dưới rằng anh ta phải báo cáo với cấp trên của mình trong một cuộc họp với tổng tư lệnh đối phương và bộ trưởng quốc phòng, ai cũng băn khoăn liệu có cuộc họp như thế đã diễn ra. Về cuộc họp này, xem Jean-Julien Fonde, *Traitez à tout prix*, Paris: Plon, 1971, tr. 312 và Jean-Julien Fonde và Jacques Massu, *L'aventure Viêt-minh*, Paris: Plon, 1980, tr. 137.

185. Ghi chép của Pháp qua đài phát thanh Việt Nam, ngày 16, 17 và 18 tháng Mười hai, gửi tới Sài Gòn ngày 3 tháng Giêng 1947, CP 2(1), AOM.
186. Thông tin truyền miệng từ Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tháng Bảy 2007.
187. Vũ Kỳ, *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 29. Chương sách này trong bộ sưu tập các bài viết của Vũ Kỳ chủ yếu dựa vào Vũ Kỳ, "Những chặng đường trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi".
188. Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 413.
189. SEHAN BR số 4303, ngày 19 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-06, MAE. Bản dịch tiếng Pháp các chỉ thị tích trữ nước và thực hiện các công việc chuẩn bị khác có thể được tìm thấy trong CP8 (4), AOM.
190. Đào Xuân Mai gửi nhân viên Sở Mật thám, số 9982-CA.VP, ngày 18 tháng Mười hai 1946, bản dịch tiếng Pháp, trong PCE, *hồ sơ* "Renseignements 1946", AOM.
191. Vũ Kỳ, "Những chặng đường trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi", tr. 79.

***Chương 6.* AI ĐƯA RA CHÂN LÝ?**

1. Thông tin thu được vào ngày 12 tháng Giêng 1947 (B/1 [tài liệu có nguồn gốc không rõ ràng (B) được cơ quan tình báo BCR cho là chứa đựng thông tin có độ tin cậy lớn (1)], "Directives du gouvernement vietnamien du 15.12.46 au 15.1.47", tr. 8, BCR số 378/1000/B.3, ngày 21 tháng Giêng 1947, CP 15(1), AOM.
2. Đầu tháng Giêng, Paris yêu cầu Sài Gòn gửi những bức ảnh mà có thể sử dụng để bào chữa cho chính sách của Pháp đối với nước ngoài. Cominindo gửi Cao ủy, số CI/050, ngày 8 tháng Giêng 1947, AO, MAE. Nỗ lực phản đối những lời cường điệu quá mức của Pháp về hành động của Việt Nam có thể được tìm thấy trong loạt bốn bài viết của Paul Mus trong *Témoignage chrétien*, ngày 12 tháng Tám và 18 tháng Mười một 1949, ngày 6 tháng Giêng và 10 tháng Hai 1950.
3. Hải Dương bị tấn công vào lúc 22h30, Phủ Lạng Thương vào lúc 01h30, Bắc Ninh và Vinh vào lúc 02h00, Huế vào lúc 02h30, Pont des Rapides vào lúc 03h00.
4. Nội dung này dựa vào văn bản Cao ủy gửi Tổng thống ở Paris, số 431CAB/MIL, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 13h20Z, 1MiF44, AOM. Nội dung trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, t. 4, tr. 534, ngày 20 tháng Mười hai 1946, hơi có sự khác biệt.
5. "Công lệnh, đồng bào thủ đô! Quân Pháp đã khởi hành ở Hà Nội", CP8(4), AOM. Có một bản dịch tiếng Pháp trong bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947, phụ lục 3, tài liệu 7.
6. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy (không có số), ngày 19 tháng Mười hai 1946, CP 13(3-I), AOM.
7. Morlière gửi Cao ủy, số 3841/3, ngày 20 tháng Mười hai 1946, 01h45Z, CP 13(3-II), AOM.
8. Điện Valluy gửi EMGDN, số 2072/3.T, ngày 21 tháng Mười hai 1946, điện 933, AOM. Điện Cao ủy gửi EMGDN (không có số), ngày 21 tháng Mười hai 1946, 13h52Z, điện 933, AOM.
9. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 149 và 150, ngày 20 và 21 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-2046 và 851G.00/12-2146, USNA.

Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 2074F và 2103F, ngày 21 và 23 tháng Mười hai 1946, điện 938, AOM.

10. Pignon và Longeaux gửi Tổng thống ở Paris, số 2102F, ngày 23 tháng Mười hai 1946, 10h05Z, 1MiF44, AOM.
11. Tin tức từ phóng viên AP ở Sài Gòn, như *Le Monde* đã công bố, ngày 29-30 tháng Mười hai 1946.
12. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tr. 8-9.
13. *Causes of the Conflict between France and Viet-Nam*, cuốn sách được Trần Ngọc Danh ký ngày 1 tháng Sáu 1947, lúc đó ông là chủ tịch Đoàn đàm phán của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Pháp (Paris: Viet-Nam Delegation in France, 1948). Nguyễn Khắc Viện, *Vietnam: A Long History*, tr. 255-56. Xem thêm Hắc Hải, "L'an I de la République Démocratique du Vietnam", *Etudes vietnamiennes 7* (1965): 50.
14. Đại tá Vương Thừa Vũ, "La vérité sur le 19 décembre 1946 à Hanoi", phụ lục trong Figuères, *Je reviens du Viet Nam libre*, tr. 181-94.
15. *Franc - Tireur*, ngày 16, 17, 18, 19, 22, 24 và 27 tháng Giêng 1947. *Le Monde*, ngày 7 tháng Giêng 1947.
16. Institut franco-suisse d'études coloniales [Jean Bidault], *France et Viet-Nam: Le conflit franco-vietnamien d'après les documents officiels* (Geneva: Editions du Milieu du monde, n.d. [1947]), tr. 47-48.
17. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 355.
18. Tờ *Cứu Quốc* phản đối "énergiquement contre le fait que les représentants de la France au Viet-nam ont intentionnellement préparé leur offensive à Hanoi pour étendre les hostilités au moment même où le premier ministre français Léon Blum et M. Moutet préconisent la coopération sincère franco-vietnamienne". Tờ *Dân Thanh* kêu gọi Léon Blum "mettre fin aux machinations des colonialistes qui sont en train de faire leurs efforts pour entraọner les deux peuples à la mort. Mais il faut qu'il se hâte s'il veut encore arriver à temps", "Revue de la presse vietnamienne du 19/12/46", ghi chép số 7421/DOC từ Dirinfor Sài Gòn, ngày 28 tháng Mười hai 1946, DGD 75, AOM.

19. Thực ra nội dung [tối hậu thư] không nói là "24 giờ tới" mà nói là 24 tiếng đồng hồ trước khi Pháp tấn công, nhưng ý nghĩa ở đây phải là "trong vòng 24 giờ tới".
20. Võ Nguyên Giáp, *Chiến đấu trong vòng vây*, tr. 26 (bản dịch tiếng Pháp trong Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 29), đề cập *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp* [History of the General Chiefs of Staff during the Resistance against the French Aggression] (Hà Nội: Bộ Tổng Tham mưu, 1997), tr. 109. Về bản dịch tiếng Anh của những mệnh lệnh này, xem *Essential Matters: A History of the Cryptographic Branch of the People's Army of Viet-Nam, 1945-1975*, David W. Gaddy dịch và chủ biên (Fort George G. Meade, MD: Center for Cryptologic History, National Security Agency, 1994), tr. 13. Xem thêm Trần Trọng Trung, *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 216.
21. Ngô Văn Chiếu, *Journal d'un combattant Viet-Minh*, tr. 105-6.
22. Pháp đã tìm ra chỉ thị này sau cuộc chiến và đưa vào trong bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947, phụ lục 3, tài liệu 2. Bản dịch tiếng Pháp đầu tiên được gửi từ Hà Nội vào Sài Gòn ngày 20 tháng Giêng 1947 nằm trong CP 8(4), AOM. Sau đó, ngày 25 tháng Giêng, Sài Gòn yêu cầu Hà Nội gửi hình ảnh bản gốc của chỉ thị này. Ảnh tài liệu gốc này không được tìm thấy trong hồ sơ CP. Lê Hồng là bút danh mà Hoàng Minh Chính đã sử dụng, như vậy có thể đây chính là Hoàng Minh Chính.
23. Bản dịch tiếng Pháp trong CP 8(4), AOM: "6. Signal de préparation: fusées vertes. 7. Signal d'assaut: fusée rouge, suivie de 3 explosions provoquées par 3 grenades. 8. Signal donné cette nuit (19.12.46) à 7 heures moins le quart". Bản dịch trong bị vong lục của d'Argenlieu ngày 11 tháng Hai 1947 có đôi chút khác biệt.
24. Fernand Petit, tên gián điệp đã cảnh báo sở chỉ huy Pháp về cuộc tấn công đã được lập kế hoạch, tuyên bố gửi Paul Mus, *Témoignage chrétien*, ngày 6 tháng Giêng 1950.
25. Fonde, *Traitez à tout prix*, tr. 313.

26. SEHAN BR số 4303, ngày 19 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-06, MAE. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 907, ngày 19 tháng Mười hai 1946, 12h00, CP-phụ lục 13(3-I), hồ sơ "Décembre 1946", AOM.
27. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 907, ngày 19 tháng Mười hai 1946, 12h00, CP-phụ lục 13(3-I), AOM. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tr. 7 (USNA) và tr. 8 (AOM). Sainteny, *Histoire d'une paix manquée*, tr. 223.
28. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 75. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, được viết ngày 29 tháng Mười hai 1946 và được gửi đi là thông báo số 13, tháng Tư 1947, DF851G.00/4-1847, đính kèm số 3, USNA. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 354.
29. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée*, tr. 122-23. Thư được sao lại trong phụ lục 11, tr. 256-57.
30. Morlière gửi Hoàng Hữu Nam, số 464-CAB, ngày 19 tháng Mười hai 1946. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 69. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, xem chú thích 33 nói trên, đính kèm số 1. Trong tuyên bố ngày 18 tháng Ba 1947 của Moutet gửi Quốc hội Pháp, ông đã trích dẫn lời giới thiệu và kết luận thư của Morlière (tương đối thân thiện) nhưng lại bỏ đi các yêu cầu. *Journal officiel... Assémblée nationale*, kỳ họp ngày 18 tháng Ba 1947, tr. 879. Vũ Kỳ nói "tối hậu thư" được tiếp nhận vào hồi 24h15. Điều này có thể giải thích rằng các chỉ thị bí mật gửi cho tất cả các khu vực quân sự vào buổi sáng đề cập "tối hậu thư" của Morlière với yêu cầu phải giải giáp vũ khí lực lượng tự vệ. Vũ Kỳ, "Những chặng đường trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi", tr. 78.
31. Ông Giáp khẳng định trong nhật ký của mình rằng "tối hậu thư" của Morlière yêu cầu sáng ngày 20 tháng Mười hai là thời điểm cuối cùng lực lượng Việt Nam phải hạ vũ khí. Võ Nguyên Giáp, *Chiến đấu trong vòng vây*, tr. 26; Võ Nguyên Giáp, *Mémoires, 1946-1954*, t. 1, tr. 29. Tuy nhiên, không có một thời hạn cuối cùng như vậy trong thư Morlière gửi ngày 19 tháng Mười hai.

32. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 928, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 19h30Z, CP 13 (3-I), AOM. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, xem chú thích 33 nói trên.
33. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée*, tr. 223-24.
34. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 907, ngày 19 tháng Mười hai 1946, 12h00Z, CP 13(3-I), AOM.
35. Annexe de la Note quotidienne, số 270, CP 14(5), AOM.
36. Thư Hồ Chí Minh gửi Blum, ngày 23 tháng Mười hai 1946, bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 76-B. Thư này có thể không bao giờ đến được tay Blum. Lời khẳng định rằng Hồ Chí Minh đã thoát chết nhờ phép màu sau này lại được Trần Ngọc Danh nhắc lại như một bằng chứng chứng tỏ rằng người Pháp phải chịu trách nhiệm về sự bùng nổ chiến tranh: "Các cuộc tấn công bùng nổ tối 19 tháng Mười hai không phải do phía Việt Nam châm ngòi, mà chính là do người Pháp với cái cớ rằng người Việt Nam sắp tấn công họ. Làm cách nào để bất kỳ cách giải thích nào khác có thể được ủng hộ, rằng ai cũng biết, thậm chí chính Chủ tịch Hồ Chí Minh và lính gác của Người đều thấy khó thoát ra khỏi một Hà Nội đang cháy rừng rực dưới làn mưa bom đạn và pháo" (*Causes of the Conflict between France and Viet-Nam,* xem chú thích 16 nói trên).
37. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 76.
38. Vũ Kỳ, *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, tr. 49-50.
39. Trần Trọng Trung, *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp*, tr. 216-17.
40. Điện Hoàng Hữu Nam gửi Morlière, số 2396/TU, ngày 19 tháng Mười hai 1946, được sao lại trong Cao ủy gửi Cominindo, số 2106, ngày 24 tháng Mười hai 1946, điện 938, AOM. Theo Morlière, điện của Hoàng Hữu Nam không đến tay ông ta trước 18h00: Morlière gửi Cao ủy số 406/Cab, ngày 12 tháng Mười hai 1946, EA. *Hộp* 40, *hồ sơ* 607-04, MAE. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, xem chú thích 33 nói trên, đính kèm số 2.
41. Vũ Kỳ, "Những chặng đường trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi", tr. 81.

42. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 927, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 06h40Z, CP 13 (3-III), AOM. Tin tức được gửi chuyển tiếp tới Paris trong Cao ủy gửi Cominindo, số 2083F, ngày 22 tháng Mười hai 1946, điện 938, AOM. Moutet vô cùng bất ngờ về việc bộ máy lãnh đạo Hà Nội đã biết ông ta sẽ đến khi họ tiến hành cuộc tấn công và Pignon khẳng định Hồ Chí Minh đã tấn công bởi vì Người không dám gặp Moutet. "Rapport sur la situation politique intérieure de l'Indochine au 10 Janvier 1947", Sài Gòn, 21 tháng Giêng 1947, CP 18, AOM. Người đứng đầu bộ phận Á châu thuộc Bộ Ngoại giao Pháp Philippe Baudet thông báo với 37 cơ quan ngoại giao Pháp rằng có hai lý do để Việt Nam quyết định tấn công: (1) quyết định của Morlière cho phép binh lính được nghỉ phép; và (2) có tin cho rằng Moutet sẽ đến. MAE gửi 37 cơ quan ngoại giao, ngày 28 tháng Giêng 1947, AO, MAE.
43. Nhiều khả năng Trường Chinh đã biết nội dung Lời kêu gọi. Bản đăng báo các chỉ thị này lần đầu tiên đề ngày "12-12-1946", nhưng sau đó được sửa bằng tay sang ngày "22-12-1946". *Toàn dân kháng chiến: Chỉ thị của đoàn thể*, tài liệu 48, TBN-75, VNA-I (Hà Nội: Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, 1946).
44. Vũ Kỳ, "Những chặng đường trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi", tr. 81. Vũ Kỳ, *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, tr. 51.
45. Thông tin thu được ở Hà Nội, tháng Bảy 2007.
46. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 355, đưa ra thời gian và địa điểm cho cuộc họp ở Bạch Mai, đề cập "renseignements ultérieurs parvenus à l'Etat-Major". Năm 1966, Joseph Buttinger kết luận, trên cơ sở đánh giá của Devillers cho rằng việc ông Giáp hủy bỏ lệnh tấn công không thể là do các biện pháp phòng thủ của Pháp bởi vì cuộc họp tại Bạch Mai diễn ra nhiều giờ trước khi Pháp tiến hành những biện pháp này. Joseph Buttinger, *Vietnam: A Dragon Embattled*, t. 1: *From Colonialism to the Vietminh* (London: Pall Mall, 1967), 661n80.
47. Trần Trọng Trung, *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp*, tr. 215.
48. Ngô Văn Chiếu, *Journal d'un combattant Viet-Minh*, tr. 106.

49. Có sự nhầm lẫn nào đó về thời điểm Morlière nhận được thư của Hoàng Hữu Nam. Fonde, *Traitez à tout prix*, tr. 313 nói rằng Morlière nhận được thư "vào lúc 16h" [vers 16h]. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, xem chú thích 33 nói trên, tr. 3-4, nói rằng Morlière nhận được thư vào lúc 11h30. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 355 và Cao ủy gửi Cominindo, số 242, ngày 21 tháng Mười hai 1946 và số 2106, ngày 24 tháng Mười hai 1946 đều nói thời điểm đó là 18h30. Liệu có phải Fonde đã giữ bức thư trong 1-2 giờ rồi mới sắp xếp gửi cho Morlière?
50. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, xem chú thích 33 nói trên. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, tr. 53.
51. Không có thông tin về tình báo của Petit trong bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947 cũng như trong hồ sơ CP, AOM. Báo cáo được công bố có vẻ đáng tin cậy nhất về hành động của Petit nằm trong Viện Nghiên cứu thuộc địa Pháp - Thụy Sĩ [Bidault], *France et Viet-Nam*, tr. 46-50.
52. Lời chứng có tuyên thệ của Petit trước Walrand, "Procureur général près la Cour d'Appel de Hanoi", ngày 10 tháng Hai 1947, EA, C.40, *hồ sơ* B-607-01, MAE.
53. "A 17 heures Général Morlière recevant rapports inquiétants décida au dernier moment les consigner à nouveau". Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 930, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 09h00Z, CP 13(3-III), AOM. Thời điểm tương tự cũng được đưa ra trong Fonde, *Traitez à tout prix*, tr. 314, Sainteny, *Histoire d'une paix manquée*, tr. 224 và O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, xem chú thích 33 nói trên. *Procureur général* Walrand, người đã tiến hành nghiên cứu các sự kiện ngày 19 tháng Mười hai nói rằng Morlière đã thu hồi chỉ thị cho binh lính nghỉ phép trước 17h [avant 17 heures]: Báo cáo Walrand ký ngày 3 tháng Ba 1947, được gửi cùng với HC Cab 3658 từ Hà Nội vào Sài Gòn, ngày 11 tháng Ba 1947, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* 607-01, MAE.
54. "A 17 heures des renseignements (dernier délai donné pour les évacuations-mise en place des postes d'attaques) laissaient prévoir l'agression pour 19 heures"; "Exposé chronologique des événements

ayant amené l'éclatement du conflit franco-vietnamien (fin 1946)", số 37/SP/ĐFDH, Hà Nội, ngày 7 tháng Giêng 1947, Sainteny đã ký, DGD 75, AOM.

55. Báo cáo của Morlière, ngày 10 tháng Giêng 1947, chỉ nói về "renseignements obtenus en partie de source personnelle", song một nhà báo Pháp có quan hệ rộng với giới thượng lưu, ông Pierre Voisin đã viết trên tờ *Le Figaro* ngày 21 tháng Giêng 1947 rằng: "La surprise n'a pas joué, grace notamment aux remarquables services du colonel Trocard". Xem thêm Salan, *Mémoires*, t. 2, tr. 37. Một báo cáo của Chánh mật thám Moret lại viện dẫn lý do khác giải thích cho quyết định hủy bỏ lệnh cho nghỉ phép của Morlière vào lúc 17h: Hoàng Hữu Nam đã phản ứng mau lẹ với yêu cầu buổi sáng của Pháp là dỡ bỏ các rào chắn: "La rapidité même de la réponse, après une période d'atermoiements et d'insolences, mettent en garde le Commandant des Troupes contre un piège destiné à la mettre en confiance pour accorder 'quartier libre'. Ces troupes serons done consignées". BR số 260/PS, Moret ký ngày 7 tháng Giêng 1947 và gửi cho Comafpol với số 441/sg1, ngày 14 tháng Giêng 1947, CP 113, *hồ sơ* "M. Giraudon", AOM.
56. Douglas Porch, ***The French Secret Services: From the Dreyfus Affair to the Gulf War*** (New York: Farrar, Straus and Giroux, 1995), tr. 299.
57. Quân tự vệ thường họp trong khoảng thời gian từ 17h00 đến 19h00. Tài liệu về quân tự vệ từ tháng Mười hai 1946 trong "Bulletin de renseignements", số 2853/PS Sở Mật thám Hà Nội, ngày 26 tháng Tư 1947, CP 17(14), AOM.
58. Võ Nguyên Giáp, ***Những ngày tháng không thể nào quên***, tr. 416.
59. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, tài liệu 70: "à la rue Lo-Duc, à la rue Mongrand, à l'Hopital de Lanessan, à la rampe d'acces au pont Long-bien, devant le Commissariat du Ile arrondissement".
60. Viện Nghiên cứu thuộc địa Pháp - Thụy Sĩ [Bidault], *France et Viet-Nam*, tr. 47.

61. Bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947, tr. 37.
62. Tài liệu đã dẫn, phụ lục 3, "Note...".
63. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, xem chú thích 33 nói trên.
64. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy (không có số), ngày 20 tháng Mười hai 1946, dán tem tại Sài Gòn vào lúc 07h00, CP 13(3-III), AOM.
65. *Le Figaro*, ngày 1 tháng Hai 1947: "on ne leur avait fait prendre ni les dispositions de combat ni les positions tactiques". Tuy nhiên, Voisin đã viết trước đó 10 ngày: "Les 1200 hommes éparpillés en ville se retrouvèrent à huit heures du soir l'arme au pied, et lorsque la coupure de l'électricité, signal convenu, déchaina un conflit longuement et minutieusement préparé, la 9e DIC réagit aussitôt avec la vigueur et l'efficacité que l'on pouvait attendre de cette magnifique et glorieuse unité". *Le Figaro*, ngày 21 tháng Giêng 1947.
66. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 907, ngày 19 tháng Mười hai 1946, 12h00Z, CP 13(3-I), AOM, và EA, C.40, *hồ sơ* B-607-04, MAE.
67. Tài liệu đã dẫn, và Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 903, ngày 19 tháng Mười hai 1946, 19h30 (giờ địa phương), EA, C.40, *hồ sơ* B-607-04, MAE.
68. Sainteny, *Histoire d'une paix manquée*, tr. 224.
69. Một báo cáo từ Hà Nội nói: "Dix neuf heures cinquante cinq ville plongée brusquement dans obscurité totale". Comrep Hà Nội gửi Cao ủy (không có số), ngày 20 tháng Mười hai 1946, dán tem ở Sài Gòn vào lúc 07h00, CP 13(3-III), AOM. Một số báo cáo sau này nói rằng cuộc tấn công xảy ra *đúng* vào lúc 20h00.
70. *Essential Matters*, tr. 14.
71. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 941, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 22h40Z, CP 13(3-III), AOM.
72. Dèbes gửi Valluy (Comar Bắc Kỳ gửi Comar Sài Gòn, số 50823-24), ngày 21 tháng Mười hai 1946, "Registre des Messages Secrets", UUTB-8, SHM.
73. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 45.

74. "Directives du gouvernement vietnamien du 15.12.46 au 15.1.47", tr. 8, BCR, số 378/1000/B.3, ngày 21 tháng Giêng 1947, CP 15(1), AOM.
75. Sáu người trong số các thành viên (tất cả trừ Trần Độ và Lê Quảng Ba) đã được bổ nhiệm theo một sắc lệnh ngày 11 tháng Chín 1946 do ông Giáp ký. Ngày 7 tháng Mười, Nguyễn Văn Trần (một thành viên chủ chốt của Ủy ban hành chính khu vực phía Bắc) đã từ chức và tuyên bố vị trí sẽ do "tư lệnh Hà Nội, Đại tá Lê Quảng Ba" thay thế, song ông Ba vào Nam chiến đấu trước ngày 19 tháng Mười hai và vị trí này do Vương Thừa Vũ đảm nhiệm. Bản dịch tiếng Pháp sắc lệnh ngày 11 tháng Chín và đơn từ chức của Nguyễn Văn Trần (tài liệu do Sở Mật thám tìm thấy) nằm trong CP 2(1), AOM. Về danh sách những người nói trên, xem Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 34. Xem thêm SEHAN BR số 3722, ngày 6 tháng Mười 1946, EA, C.40, *hồ sơ* 607-06, MAE; SDECE "Notice technique de contre-ingérence politique", ngày 28 tháng Mười một 1946, MAE; và SEHAN BR số 4282, ngày 16 tháng Mười hai 1946, CP 128, AOM.
76. *Toàn dân kháng chiến: Chỉ thị của đoàn thể* (The Resistance of the Whole People: Organizational Directive) (Hà Nội: Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, 1946), tài liệu 48, TBN-75, VNA-I. 22 tháng Mười hai; lần đầu tiên được công bố ngày 12 tháng Mười hai 1946, sau đó được sửa thành ngày 22 tháng Mười hai.
77. Võ Nguyên Giáp, "Notre guerre de libération-stratégic et tactique", ngày 3 tháng Tư 1947, bản dịch tiếng Pháp trong TFIN, Phòng Nhì, BR số 2788/2, ngày 11 tháng Sáu 1947, CP 128, AOM. Tham khảo những tranh luận này trong Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 37-39, và *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 409. Xem thêm Vương Thừa Vũ, "La vérité sur le 19 décembre 1946 à Hanoi" và "Trưởng thành trong chiến đấu"; và Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 349.
78. Lời chứng có tuyên thệ của Jean Romain Cuyey, ngày 12 tháng Hai 1947, trước Walrand, "Procureur Général près la Cour d'appel à Hanoi", EA, C.40, *hồ sơ* 607-01, MAE.
79. Vương Thừa Vũ, "La vérité sur le 19 décembre 1946 à Hanoi", tr. 185-86.

80. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 34.
81. Nguyên văn mệnh lệnh bắt đầu như sau: "Le 19-12-46 à 8 heures du soir, les troupes françaises ont pris l'offensive". Ngày 30 tháng Mười hai 1946, người Pháp tìm thấy một bản sao đã được công bố. BR số 69/2 từ Phòng Nhì, CP 8(4), AOM.
82. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 357. Fonde, *Traitez à tout prix*, tr. 321, cũng nói rằng đó là lúc 21h30, nhưng có thể thông tin này cũng bắt nguồn từ Devillers.
83. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 534.
84. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 357. Cao ủy gửi Cominindo, số 2081/F, ngày 21 tháng Mười hai 1946 và số 430/CAB/MIL, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 20h00Z, AO, MAE và 4Q78, *hồ sơ* 4, SHAT. Trần Trọng Trung, *Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp*, tr. 218.
85. "Extraits de presse vietnamienne", BFDOC, ngày 27 tháng Mười hai 1946, DGD 62, AOM.
86. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy (không có số), ngày 19 tháng Mười hai 1946, nhận tại Sài Gòn vào hồi 22h00, có thể là giờ Sài Gòn, CP 13(3-I), AOM.
87. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy (không có số), ngày 10 tháng Mười hai 1946 và đóng dấu ở Sài Gòn vào hồi 07h00, CP 13(3-III), AOM.
88. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 930, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 09h00Z, CP 13(3-III), AOM.
89. Ngô Văn Chiếu, *Journal d'un combattant Viet-Minh*, tr. 107.
90. "Le corps de Tu Ve de Hanoi est un organisme complexe, indiscipliné, sans contrôle, et sa réorganisation est difficile. Mais avec l'aide des groupements du Viet-minh nous pouvons compter le rallier à nous". "Nghiên cứu về tổ chức Tự Vệ cứu quốc đội". Bản dịch tiếng Pháp trong Moret gửi BFDOC, ngày 3 tháng Hai 1947, CP-phụ lục 2, AOM.
91. Ghi chép phía Pháp tìm thấy vào tháng Hai 1947, số 1878/SG/I (Sở Mật thám liên bang), CP 21, AOM.

92. "Pour faciliter ma tache, je vous demande m'envoyer un rapport selon le plan suivant:.. 2. Attitudes des Vietnamiens à votre Service: Moral, pensées, désirs. Sont-ils reactionnaires?". Bộ Chỉ huy và N. Khuoi đã ký, CP 17(14), AOM.

93. "Le désarroi règne dans les classes intellectuelle et possédante qui, tout en envisageant avec effroi la guerre à Hanoi, en sont arrivées à l'espérer promptement comme leur dernière chance de survivre". Moret gửi Dirsurfe, số 4271, ngày 9 tháng Mười hai 1946, PCE, *hộp* "Renseignements 1946", AOM, và CP 13, *hồ sơ* 1 "Activités françaises", s/d. "Décembre 1946", AOM. "Le V.N.Q.D.D. - Dai Viet au nationalisme encore assez étroit et d'abord difficiles, tendance catholique-monarchiste au nationalisme plus souple... les fils conducteurs de presque toutes les intrigues qui se nouent... ou bien partent de lui [Ngo Dinh Diem] ou bien passent par lui". "Rapport de quinzaine du 1er au 15 Janvier 1947", Sainteny ký, gửi cho Comrep Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ gửi BFDOC, Sài Gòn, ngày 27 tháng Giêng 1947, DGD 75, AOM. Ngay sau khi bùng nổ chiến tranh, Pignon đã hỏi Sainteny "si l'on ne pourrait constituter un gouvernement sérieux avec les hommes de JACOB [Ngô Đình Diệm]", nhưng đã thay thế từ *gouvernement with comité*. Thư Pignon gửi Sainteny, ngày 20 tháng Mười hai 1946, hồ sơ lưu trữ về Sainteny, 1SA5, *hồ sơ* 4, FNSP. Ngày 22 tháng Mười hai, Sainteny báo cáo rằng Ngô Đình Diệm "en sécurité Hanoi". Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 948-950, ngày 22 tháng Mười hai 1946, 04h00Z, CP-phụ lục 13, *hồ sơ* "De Comrep", AOM. Tuy nhiên, ông nhanh chóng nhận ra rằng cả Ngô Đình Diệm hay bất kỳ ai khác quan trọng đều không sẵn sàng thỏa hiệp thông qua hợp tác với Pháp trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Ngô Đình Diệm đã ở Hà Nội đến tháng Tư 1947 khi chấp nhận đề nghị của Pháp bay vào Sài Gòn: Phủ Cao ủy Hà Nội gửi Pignon, số 915, ngày 9 tháng Tư 1947, CP-phụ lục 13 (II), *hồ sơ* "T.O. Comrep Hanoi", AOM.

94. "Sans liaison avec leurs leaders réfugiés en Chine V.N.Q.D.D. et Dai Viet surnageant cherchent une ultime planche de salut de notre côté,

se raccrochant à nous la plupart avec un empressement aimable, quelques uns avec une répulsion à pleine déguisée, tous avec le désir de se compromettre le moins possible sans contre partie substantielle... Il reste par contre bon nombre de personnalités mineures, V.N.Q.D.D. ou tout au plus nationalistes ayant évolué dans l'orbite V.N.Q.D.D.: quelques députés... dès le mois d'Octobre avait... appris le chemin du Commissariat de la République". "Rapport de quinzaine du 1er au 15 Janvier 1947", Sainteny đã ký, gửi cho Comrep Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ gửi BFDOC, Sài Gòn, ngày 27 tháng Giêng 1947, DGD 75, AOM. Xem thêm "Rapport sur le VNQDD nov.-46 à fin mai-47", số 1.668, Michel đã ký, ngày 6 tháng Sáu 1947, CP 143, AOM.

95. SEHAN BR số 3706, ngày 25 tháng Mười 1946, EA, C.40, *hồ sơ* 607-06, MAE. Ghi chép số 1878/SG/I từ Sở Mật thám liên bang, trích dẫn một lời nhắn được thu giữ vào tháng Hai 1947, CP-phụ lục 21, AOM. Mẫu trả lời do Bộ Chỉ huy và N. Khuoi ký tên, CP-phụ lục 17(14), AOM.
96. "Rapport de quinzaine du 1er au 15 Janvier 1947", Sainteny đã ký, gửi cho Comrep Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ gửi BFDOC, Sài Gòn, ngày 27 tháng Giêng 1947, DGD 75, AOM. Xem thêm thư Sainteny gửi một người bạn ở Sài Gòn, có thể là Longeaux, ngày 26 tháng Mười hai 1946, CP 18, AOM, và hồ sơ mang tựa đề "Comment le Viet-Minh a su détruire les partis politiques d'opposition", EA, *hộp* 55, *hồ sơ* 247, s/d. I, MAE.
97. Báo cáo số 4562/CP/AP về "action du front Viet-Minh contre les partis d'opposition", Pignon đã ký, ngày 17 tháng Mười hai 1946, CP 21, AOM.
98. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 872, ngày 17 tháng Mười hai 1946, 12h40Z, CP 13(3-I), AOM.
99. Hồ sơ GF (*Gouvernement de fait*) trong AOM tạo nền tảng cho Marr, *Viet-nam 1945*, và cho cuốn sách của Marr về Việt Nam giai đoạn 1945-50.
100. Ngô Văn Chiếu, *Journal d'un combattant Viet-Minh*, tr. 108.

101. "Dans la nuit du 19.12.46-il était alors 19 heures passées, le Commissaire politique de la Section de la Garde Nationale me fit connaitre qu'à 20 heures il y aurait bataille". "Le Commissaire à la Guerre du Comité de Protection du Service des P.T.T. de Hanoi Dac Le Hong" gửi Bộ trưởng Công trình công cộng Trần Đăng Khoa, ngày 23 tháng Mười hai 1946, tài liệu 1746/DAP, ngày 7 tháng Mười một 1947, CP 17(14), AOM.

102. "Aujourd'hui les troupes françaises ont l'intention de nous provoquer et de créer un conflit général. En ce moment les troupes françaises sont en train de prendre position au restaurant se trouvant devant la Présidence. Faites prendre d'urgence toutes dispositions utiles". Thông báo gửi ba bộ phận bảo vệ nơi ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lê Bình ký, ngày 19 tháng Mười hai 1946, bị vong lục của d'Argenlieu, ngày 11 tháng Hai 1947, phụ lục 3, tài liệu 8. Tài liệu này có thể được viết sau 20h00 nhưng câu đầu tiên có thể khẳng định rằng phía Pháp đã thể hiện sự khiêu khích. Tài liệu có thể cũng được viết vào buổi sáng, nhưng câu thứ hai lại có sự khác biệt. Như vậy, lệnh của Lê Bình có thể được viết ngay trước thời điểm 20h00. Báo cáo của d'Argenlieu khẳng định rằng quân đội tại Khách sạn Métropole là "5 ou 6 officiers, clients de l'hôtel, non touchés par l'ordre de consigne du quartier".

103. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 40.

104. "Etude préliminaire concernant l'exécution d'un coup de force au Tonkin", số 4310/3-OP-S, đính kèm tài liệu Valluy gửi d'Argenlieu, số 4309/3-OP-S, ngày 9 tháng Mười một 1946, 10H162, SHAT. Toàn bộ nội dung của nghiên cứu này đã được xuất bản trong phụ lục của Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine 1940-1956*, tr. 602-24.

105. Võ Nguyên Giáp, *Chiến đấu trong vòng vây*, tr. 43; Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 41.

106. Về sự kiện ngày 17 tháng Mười hai, xem: "Compte-rendu hebdomadaire des activités de la liaison du 30 novembre au 7 décembre 1946", Fonde đã ký, ngày 7 tháng Mười hai 1946, DGD 75, AOM. "Un incident

nait à la Centrale électrique où les ouvriers se mettent en grève et un V.N. de la garde est tué": Điện Cao ủy gửi EMGDN, số 1038/EMHC, ngày 19 tháng Mười hai 1946, điện 933, AOM. AFP đã khẳng định giải thích của Việt Nam về sự kiện ngày 17 tháng Mười hai, theo đó chính quân Pháp đã giết người lính Việt Nam: *Le Monde*, ngày 19 tháng Mười hai 1946. "M. Pignon connait la question": phụ lục không có chữ ký, không để ngày tháng "note quotidienne no. 270" về "situation à Hanoi depuis le 12 décembre 1946", 7, CP-phụ lục 14(5), AOM. Về việc mất điện ngày 19 tháng Mười hai: "Journée du 19-12-46. A 20 heures, les Viet-minh font sauter l'excitatrice de la turbine de l'usine électrique et coupent le courant dans toute la ville": ghi chép của Moret về tình hình Hà Nội, ngày 22 tháng Mười hai 1946, PCE, *hộp* "Renseignements 1946", AOM. "L'action a débuté vers 20 heures par l'explosion de trois bombes ou pétards de dynamite dans la Centrale Electrique de Hanoi, après un sabotage vietnamien des alternateurs dans lesquels de l'acide avait été versé": BR "Attaque vietnamienne de Hanoi", ngày 23 tháng Mười hai 1946, PCE, *hộp* "Renseignements 1946", AOM. "Les excitatrices de la Centrale électrique ayant été sabotée par des éléments V.N. du personnel": "Exposé chronologique des événements ayant amené l'éclatement du conflit franco-vietnamien (fin 1946)", số 37/SP/BFDH, Hà Nội, ngày 7 tháng Giêng 1947, Sainteny đã ký, DGD 75, AOM. Moret gửi Dirsurfe về "agression de M. Hoang Van Ngoc, chef annamite de la Centrale électrique par M. Cavalin, directeur français et un de ses adjoints", ngày 24 tháng Mười hai 1946, PCE, *hộp* "Renseignements 1946", AOM. "Il était constaté à l'Usine électrique que trois excitatrices avaient été sabotées": Báo cáo về "Action des services de Sûreté..".., kèm theo Dirsurfe Perrier gửi Comafpol Pignon, số 10316/SG, ngày 20 tháng Mười hai 1946, CP 138, AOM.

107. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 3, tr. 332. Theo người viết tiểu sử của ông Giáp là Cecil B. Currey, hai ngày sau khi ông Giáp trở về Hà Nội ngày 10 tháng Mười 1954, ông Giáp đã "đến nhà máy điện để thảo

luận các vấn đề kỹ thuật về hoạt động của nhà máy với các kỹ sư người Pháp chịu trách nhiệm bố trí nhân lực cho việc lắp đặt". Currey, *Victory at Any Cost*, tr. 209.

108. Cf. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine 1940-1956*, tr. 307n3, 308.

109. Võ Nguyên Giáp xuất bản hồi ký vào năm 1995, lúc đó ông 84 tuổi và bộ *Mémoires*, 3 tập viết bằng tiếng Pháp ra đời khi ông đã hơn 90 tuổi. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, 1946-1954, 3 tập (Fontenay-sous-bois: Anako, 2003-4).

110. Điện Cao ủy gửi Cominindo, số 424/Cab/Mil, ngày 20 tháng Mười hai 1946, 02h10Z, điện 938, AOM. Hồ Chí Minh gửi Blum, ngày 23 tháng Mười hai 1946, gửi kèm với bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946, là tài liệu 76-b. Ghi chú Morlière gửi Cao ủy, ngày 23 tháng Mười hai 1946, EA, *hộp* 40, *hồ sơ* B-607-04, MAE.

111. *Le Monde*, ngày 25 tháng Mười hai 1946.

112. Điện Cao ủy gửi Paris, số 425 Cab/Mil, ngày 20 tháng Mười hai 1946, 02h00Z, như đã được đăng ký ở Paris vào lúc 12h30h, điện 938 và điện 933, AOM. Philippe Devillers, người đã có mặt tại trụ sở của Cominindo trên phố St. Dominique lúc đó, khẳng định rằng tin tức đến [Paris] vào trước buổi trưa. Thư gửi tác giả, ngày 18 tháng Năm 2007.

113. EMGDN gửi Cao ủy từ Blum và Juin, số DN/CAB 264, ngày 20 tháng Mười hai 1946, điện 933, AOM. Điện gửi Hồ Chí Minh cũng được gửi riêng với số DN/CAB 265.

114. *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp ngày 20 tháng Mười hai 1946, tr. 196-97.

115. Valluy gửi EMGDN, số 6036/2, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 05h45Z, nhận được vào hồi 20h15Z, và số 2072/3.T, ngày 21 tháng Mười hai 1946, 12h45Z, nhận được vào hồi 20h10Z, điện 933, AOM.

116. Cao ủy (Valluy) gửi FOM và EMGDN, vào hồi 13h50 (GMT), ngày 21 tháng Mười hai 1946, nhận được vào hồi 09h25, ngày 22 tháng Mười hai, điện 933, AOM.

117. Juin gửi Cao ủy, số 268 DN Cab, vào hồi 14h40Z, ngày 23 tháng Mười hai 1946, CP 13(2-2), AOM.
118. *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp thứ hai, ngày 23 tháng Mười hai 1946, tr. 320-21.
119. Duclos (PCF) chấp nhận điều này sau khi ông được hứa hẹn rằng chính phủ sẽ nộp một báo cáo về những thay đổi về ngân sách trước ngày 31 tháng Giêng 1947. *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp thứ ba, ngày 23 tháng Mười hai 1946, tr. 360.

Chương 7. GIÁ NHƯ...

1. Như vậy, tôi không đồng ý với nhà văn người Pháp là Philippe Franchini với lời khẳng định trong *Les mensonges de la guerre d'Indochine*, tr. 219, rằng những người ủng hộ hòa bình ở bên này hoặc bên kia có sự thiếu trung thực: "En cet automne 1946, proclamer qu'on tient à la paix est un simulacre partagé par les différent protagonistes".
2. Tại một cuộc họp các cán bộ Cominindo vào ngày 14 tháng Mười hai 1946, Messmer nói với trưởng phòng quân sự của d'Argenlieu Le Puloch rằng "lỗi lầm không phải ở phía Pháp" nếu có thêm bất kỳ biến cố nào. "Note sur la situation militaire en Indochine, 14 décembre 1946", PS/GM Asie-Océanie, AO, MAE.
3. Bị vong lục của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946.
4. Đối với những phân tích về lý do tại sao chính sách của Roosevelt lại bị bãi bỏ vào mùa xuân - hè 1945, trong khi vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến các hành động của Mỹ ở Trung Quốc và Đông Nam Á, xem George C. Herring, "The Truman Administration and the Restoration of French Sovereignty in Indochina", *Diplomatic History* 1 (1977), tr. 97-117; Lawrence, *Assuming the Burden*, tr. 68-81; Tønnesson, *Vietnamese Revolution*, tr. 255-80; và Tønnesson, "Franklin Roosevelt, Trusteeship, and Indochina".

5. Ngoại trưởng gửi Đại sứ quán Mỹ ở Paris, số 6643, ngày 31 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-3046, USNA. Biên bản thông báo số 156 từ Meiklereid, FO371/53970/F18207/8/61, PRO. Lord Inverchapel gửi FO, số 7372, ngày 31 tháng Mười hai 1946, FO371/63451/F18303/8/61-46, PRO.
6. Lawrence, *Assuming the Burden*, tr. 115. Dunn, *First Vietnam War*, tr. 353-57. Dennis, *Troubled Days of Peace*, tr. 179.
7. Về chính sách của Trung Quốc: Stuart (Nam Kinh) gửi Ngoại trưởng, số 251, ngày 12 tháng Hai 1947, RG 59, DF 751G.93/2-1247, Mỹ. Về chính sách của Anh: biên bản đề ngày 17-23 tháng Mười hai, FO 371/53969/F18076/8/61; Cooper gửi FO, số 693, ngày 24 tháng Mười hai 1946; dự thảo điện báo FO gửi Cooper, ngày 31 tháng Mười hai 1946, FO371/53970/F18303/8/61, PRO. Xem thêm Lawrence, *Assuming the Burden*, 165n45.
8. Vincent, bị vong lục gửi Acheson, ngày 23 tháng Mười hai 1946, *FRUS*, *1946*, t. 8, tr. 76.
9. Cooper gửi FO, số 693, ngày 24 tháng Mười hai 1946, FO371/53970/F18303/8/61, PRO. Bonnet gửi MAE, số 5315, ngày 5 tháng Mười hai 1946, MAE. Bonnet gửi MAE, số 5489-96, ngày 24 tháng Mười hai 1946, MAE. Lord Killearn (Xingapo) gửi FO, số 388, ngày 15 tháng Mười hai 1946 (về quan điểm của Moffat), Biên bản của FO, ngày 16-23 tháng Hai 1946, FO371/53969/F17972/8/61 và F18076/8/61, PRO. Lord Killearn gửi FO, số 6, ngày 17 tháng Giêng 1947, FO371/63452/F1300/5/86, PRO.
10. Foote (Batavia) gửi Ngoại trưởng, số 486, ngày 19 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-1946, USNA.
11. Raux (Batavia) gửi Cao ủy, ngày 14 tháng Giêng 1947, Asie/Indochine, MAE. Bản ghi nhớ cuộc nói chuyện giữa Lacoste, Lacy và Ogburn, ngày 28 tháng Giêng 1947, DF851G.00/1-2847, USNA.
12. Ngoại trưởng (Marshall) gửi Caffery, số 431, ngày 3 tháng Hai 1947, và số 469, ngày 6 tháng Hai 1947, Ngoại trưởng gửi Reed, số 30, ngày 7 tháng Hai 1947, DF851G.00/2-47 đến 2-747, USNA. Bản ghi nhớ

của Philippe Baudet, trưởng bộ phận châu Á - châu Đại Dương thuộc Bộ Ngoại giao Pháp, ngày 10 tháng Hai 1947, EA, *hộp* 57, *hồ sơ* C-312, MAE: "A l'égard de l'opinion Internationale, et dans la mesure où la politique française à l'égard du Vietnam a paru incertaine,... le remplacement de l'Amiral d'Argenlieu apparaitra comme un élément favorable".

13. Xem bản ghi nhớ của Philippe Baudet từ tháng Tám 1945 "a.s. attitude des principales puissances dans la question de l'Indochine. Plan d'action français", phông Bidault 457AP120, *hồ sơ* "Notes récapitulatives", AN; và Ilya V. Gaiduk, *Confronting Vietnam: Soviet Policy toward the Indochina Conflict, 1954-1963* (Washington DC: Woodrow Wilson Center Press, 2003), tr. 3.
14. Bản sao của Catroux (Mátxcơva) gửi MAE, ngày 15 tháng Giêng 1947, INF, *hộp* 153, *hồ sơ* 1349, AOM. Igor Bukharkin, "Moscow and Ho Chi Minh, 1945-1969" (tài liệu được trình bày trước một hội thảo về quan hệ quốc tế ở Đông Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai do Khoa Lịch sử, Đại học Hồng Công tổ chức, và Dự án Lịch sử quốc tế thời Chiến tranh lạnh, ngày 9-12 tháng Giêng 1996); Goscha, "Courting Diplomatic Disaster?".
15. Gaiduk, *Confronting Vietnam*, tr. 5. Chen Jian, *Mao's China and the Cold War* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2001), tr. 121.
16. D'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*, tr. 370. Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi*, tr. 311.
17. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*, tr. 232-35, 255, 258-59, 269-70, 294n90, 299-300, 304, 310.
18. "Je vous le répète: la France, dans cette affaire, c'était vous! Ce gouvernement n'en était pas un; il ne représentait pas la France". Ghi chú của Claude Guy về cuộc hội kiến, như đã được xuất bản trong Claude Guy, *En écoutant de Gaulle: Journal 1946-1949* (Paris: Grasset, 1996). Trích dẫn từ Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*, tr. 300.

19. "Reste la fermeté sur place pour nous délivrer de cette dictature et de cette drogue vietnamiennes". D'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*, tr. 368.
20. "Notes d'informations de Yolle" (Hồng Công), số 9 và 10, ngày 31 tháng Mười hai 1946; và ngày 2 tháng Giêng 1947, CP 255, s/d. "Bảo Đại", AOM. Meiklereid gửi Bộ Ngoại giao, số 405 và 407, ngày 27 tháng Mười hai 1946, FO371/53970/F18361/8/61 và 18363/8/61, PRO.
21. O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 9, ngày 7 tháng Giêng 1947, DF851G.00/1-747, USNA.
22. Shipway, *Road to War*, tr. 128. Hémery, "Asie du Sud-Est, 1945", tr. 69.
23. Shipway, *Road to War*, tr. 205.
24. Ghi chép về định hướng, số 9, số 36/CP/GAS, Pignon ký, ngày 4 tháng Giêng 1947, MAE. Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, tr. 364.
25. Báo cáo của Pignon, số 276, CP/CAB, ngày 21 tháng Giêng 1947, CP 18, AOM.
26. Ghi chép về định hướng, số 9, Pignon ký, ngày 4 tháng Giêng 1947, MAE.
27. "Rapport sur la situation politique intérieure de l'Indochine au 10 Janvier 1947", số 276 CP/CAB, Pignon ký, ngày 21 tháng Giêng 1947, CP 18, AOM.
28. *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp ngày 21 tháng Giêng 1947, tr. 29.
29. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 523.
30. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 1 tháng Mười hai 1967, tr. 363.
31. "Note sur la situation en Indochine", Morlière đã ký, Paris, ngày 10 tháng Hai 1947, EA, *hộp* 41, *hồ sơ* "Notes du Général Morlière", MAE. Ngày 18 tháng Ba 1947, một thành viên cộng sản trong Quốc hội đã trích dẫn nhận định của Morlière mà không đề cập nguồn trích dẫn. *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp ngày 18 tháng Ba 1947, tr. 897. Hammer, *Struggle for Indochina*, tr. 197.
32. "Rapport de quinzaine du 15 au 30 novembre 1946", số 1274/S/BP (Sainteny đã ký), ngày 10 tháng Mười hai 1946, CP 18, AOM.

O'Sullivan gửi Ngoại trưởng, số 133 và 134, ngày 5 tháng Mười hai 1946, 13 giờ và 18 giờ, DF851G.00/12-546, USNA.

33. Sainteny gửi một người bạn ở Sài Gòn (có thể là Longeaux), ngày 26 tháng Mười hai 1946, CP 18, AOM.
34. Dalloz, *Dictionnaire de la guerre d'Indochine*, tr. 33.
35. Tóm lược của Segalat về ngày 29 tháng Mười một 1946, kỳ họp của Cominindo, F60 C3024, AN.
36. Dalloz, "Le MRP et la guerre d'Indochine", tr. 59. Phỏng vấn Bollaert, ngày 29 tháng Mười 1966, trích trong Irving, *First Indochina War*, tr. 49.
37. *Journal officiel... Assemblée de l'Union française*, ngày 9 tháng Ba 1949, tr. 337, được trích dẫn bởi Hammer, *Struggle for Indochina*, tr. 189.
38. Bidault nói điều này tại một cuộc họp đảng ngày 28 tháng Hai 1947. Dalloz, *Dictionnaire de la guerre d'Indochine*, tr. 33.
39. Xem phần trên về thảo luận bức điện của Bidault gửi Valluy (Messmer tiếp ký), số CI/03466, ngày 12 tháng Mười hai 1946, điện 915, AOM, và EA, *hộp* 27, *hồ sơ* B-106, MAE.
40. Elgey, *Histoire de la IVème République*, tr. 171.
41. *Le Monde*, ngày 22-23 tháng Mười hai 1946.
42. *L'Humanité*, ngày 22-23 tháng Mười hai 1946.
43. *L'Humanité*, ngày 24 tháng Mười hai 1946.
44. Trong báo cáo ngày 8 tháng Giêng 1947, Leclerc nói rằng quân Pháp đã được lệnh dùng vũ lực chiếm Hải Phòng và Hà Nội nếu Hiệp định ngày 6 tháng Ba không được ký kết. Tertrais, *La piastre et le fusil*, tr. 40.
45. Leclerc bộc lộ quan điểm tương tự vào ngày 7 tháng Ba 1946. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*, tr. 222.
46. Leclerc trong bài phát biểu trước các phóng viên ở Paris, tóm tắt gửi tất cả các cơ quan ngoại giao Pháp, ngày 8 tháng Tám 1946, AO, MAE.
47. *Franc-Tireur*, ngày 1 tháng Giêng 1947.
48. Điện Leclerc gửi FOM, số 8/CAB, ngày 30 tháng Mười hai 1946, điện 933, AOM. Leclerc gửi FOM, số 13/CAB, ngày 2 tháng Giêng 1947, lặp lại số 2/CAB, ngày 29 tháng Mười hai 1946, điện 963, AOM.

49. Leclerc gửi FOM, số 13/CAB, ngày 2 tháng Giêng 1947, lặp lại số 2/CAB, ngày 29 tháng Mười hai 1946, điện 963, AOM.
50. *Le Monde*, ngày 4 tháng Giêng 1947.
51. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 22, ngày 2 tháng Giêng 1947, CP 13(II-Ie), AOM.
52. Cao ủy gửi Cominindo, ngày 1 tháng Giêng 1947, EA, *hộp* 42, *hồ sơ* C-101, MAE. Valluy, *Revue des deux mondes*, ngày 15 tháng Mười hai 1967, tr. 520. Salan, *Mémoires*, t. 2, tr. 48, nói rằng Valluy yêu cầu Paris sa thải Morlière theo đề nghị của Leclerc. Bộ Ngoại giao Pháp sau này đã giải thích với Đại sứ quán Mỹ rằng Morlière đã bị sa thải "bởi vì ông ta không áp dụng các biện pháp thận trọng phù hợp trước cuộc nổi dậy của Việt Nam ngày 19 tháng Mười hai. Chính quyền đã nhận được thông tin rằng một cuộc nổi dậy sắp nổ ra và chỉ ba giờ trước cuộc tiến công mà binh sĩ bị giới hạn trong các khu phố". Thông điệp A-286 gửi đến từ Paris, DF 851G.00/2-1347, USNA.
53. Chaffard, *Les carnets secrets*, tr. 90-91. Điều này có thể giải thích tại sao báo cáo ngày 4 tháng Mười hai 1946 của Morlière được gửi cho Moutet và Messmer vào ngày 6 tháng Giêng 1947.
54. Báo cáo của Leclerc, ngày 8 tháng Giêng 1947, được sao chép lại trong Auriol, *Journal du septennat*, t. 1, tr. 661-64. Theo Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*, 320n80, tài liệu này đơn thuần chỉ là một bản ghi chép tóm tắt và báo cáo công tác thực tế của Leclerc đề ngày 13 tháng Giêng 1947. Dựa vào trích dẫn từ báo cáo của Leclerc, bỏ đi các phần quan trọng của báo cáo (có thể bắt nguồn từ Hammer, *Struggle for Indochina*, tr. 193, đã trích dẫn một tuyên bố của Pierre Mendès-France ngày 22 tháng Mười một 1950 tại Quốc hội Pháp), các biên tập viên của tờ *The Pentagon Papers* (Gravel chủ biên), tr. 23, coi quan điểm của Leclerc là "hoàn toàn đi ngược" quan điểm của Moutet. Câu chuyện hoang đường về một Leclerc tự do đã được một số cựu sĩ quan của ông ta ủng hộ; xem Adrien Dansette, *Leclerc* (Paris: Editions de l'Empire français, 1948), và Fonde, *Traitez à tout prix*. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et*

l'Indochine, và *Leclerc et l'Indochine*, Pedroncini và Duplay chủ biên, đưa ra các quan điểm có nhiều sắc thái hơn.

55. Moutet bảo vệ "chính sách thỏa thuận" sau khi thảo luận về Đông Dương với Blum vào ngày 15 tháng Mười hai. "Extrait du *Journal de Saigon*", ngày 16 tháng Mười hai 1946, PCE, AP 49, *hồ sơ* "Ho Chi Minh années 1941-1946", AOM. "Asie du Sud-Est, 1945" của Hémery, tr. 77 xác định "chính sách thỏa thuận" của Moutet cùng tồn tại lâu dài với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dựa trên những thỏa thuận hạn chế mà Moutet tin rằng sẽ có thể đi đúng hướng chính sách độc lập của Hồ Chí Minh và vì vậy dẫn đến một giải pháp tổng thể có thể mọi người đều chấp nhận được.
56. *Le Populaire*, ngày 24 tháng Mười hai 1946.
57. Maurice Schumann, bài viết trên tờ *l'Aube*, ngày 29-30 tháng Mười hai 1946.
58. Caffery đã gặp Baudet. Caffery gửi Ngoại trưởng, số 6230, ngày 23 tháng Mười hai 1946, DF851G.00/12-2346, USNA.
59. *Franc-Tireur*, ngày 27 tháng Mười hai 1946. Một trong các bộ trưởng đã nói với một nhà báo về những gì được phát biểu trong buổi họp.
60. *Franc-Tireur*, ngày 1 tháng Giêng 1947.
61. Moutet gửi Blum trong Cao ủy gửi EMGDN, số 125 S/P, ngày 25 tháng Mười hai 1946, 15h30Z, nhận được vào hồi 06h25Z ngày 26 tháng Mười hai, 1MiF44 và điện 933, AOM. Xem thêm Moutet gửi Blum, Le Troquer và Juin, 03h02Z ngày 27 tháng Mười hai 1946, nhận được vào hồi 15h10Z ngày 27 tháng Mười hai, điện 933, AOM, trong đó Moutet yêu cầu tăng viện thêm bốn tiểu đoàn.
62. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 37, ngày 1 tháng Giêng, 10h15Z, 1MiF6, AOM. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 74.
63. D'Argenlieu gửi Moutet, ngày 1 tháng Giêng 1947, trích trong d'Argenlieu, *Chronique d'Indochine*, tr. 375.
64. Gratien, *Marius Moutet: Un socialiste à l'Outre-mer*, tr. 260. Thông tin bí mật từ Đại sứ quán Trung Quốc trong Caffery gửi Ngoại trưởng, số 402, ngày 30 tháng Giêng 1946, DF851 G.00/1-3047, USNA. Sau

cùng, khi Moutet nhận được thông điệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi trở lại Paris, ông ta đã yêu cầu Sài Gòn gửi lại phong bì gốc để ông xem ai là người phải chịu trách nhiệm về sự chậm trễ này. Moutet gửi Cao ủy, số C.I./0174, ngày 28 tháng Giêng 1947, AO, MAE.

65. Bản bị vong lục hoàn chỉnh nhất của Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng Mười hai 1946 có trong EA, MAE, song cũng có những bản sao trong AOM và DF851G, USNA.
66. Một tháng sau, khi Moutet nhận được các đề xuất của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Paris, ông ta đã vội vàng viết các phản đối đề xuất bên lề: "faire disparaitre toutes les autorités imposées par la terreur par le V.M.". Mối quan tâm chính của Moutet là phải giữ vững Nam Kỳ, Papiers Moutet, PA 28 CI, *hồ sơ* 158, *tiểu mục* 7, AOM.
67. *Le Populaire*, ngày 5-6 tháng Giêng 1946. Comrep Hà Nội gửi Cao ủy, số 71, ngày 6 tháng Giêng 1947, CP 13(II-Ie), AOM.
68. *Journal officiel... Assemblée nationale*, kỳ họp ngày 21 tháng Giêng 1947, tr. 29.
69. *Journal officiel des décrets*..., ngày 9 tháng Giêng 1947. Điện Varet gửi Cao ủy, số C.I./063, ngày 10 tháng Giêng 1947, điện 915, AOM.
70. Moutet gửi Cao ủy, ngày 21 tháng Giêng 1947, AP 3440/8, AOM.
71. D'Argenlieu gửi R. Schuman, ngày 4 tháng Hai 1947, F60 C3024, AN.
72. Cao ủy gửi Cominindo, số 178F, ngày 25 tháng Giêng và 233F, ngày 4 tháng Hai 1947, AO, MAE. Cominindo gửi Cao ủy, số C.I./0241, ngày 8 tháng Hai 1947, AO, MAE.
73. "... j'ai... utilisé cette procédure qui permettait seule la réalisation d'une réforme jugée souhaitable par tous...". Điện d'Argenlieu gửi FOM, số 260F, ngày 5 tháng Hai 1947, điện 963, AOM.
74. Caffery gửi Ngoại trưởng, số 524, ngày 6 tháng Hai 1947, *FRUS, 1947*, t. 6, tr. 69-70.
75. Auriol, *Journal du septennat*, t. 1, tr. 62. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*, tr. 327.
76. Sau khi lần đầu tiên từ chối yêu cầu của Blum trở lại Đông Dương làm tổng tư lệnh, Leclerc một lần nữa lại từ chối yêu cầu của Paul

Ramadier và Georges Bidault tiếp quản vị trí Cao ủy với quyền lực tuyệt đối. Paillat, *Dossier secret de l'Indochine*, tr. 116; Général Jean Crépin, "Pressions parisiennes: Le refus du général Leclerc de reprendre des responsabilités en Indochine. Témoignage", trong *Leclerc et L'Indochine*, Pedroncini và Duplay chủ biên, tr. 305-8. Turpin, *De Gaulle, les gaullistes et l'Indochine, 1940-1956*, tr. 322-25.

77. Moutet sắp mất ghế tại Quốc hội bởi vì cuộc bầu cử ngày 10 tháng Mười một 1946 tại Drôme sắp được tuyên bố không còn hiệu lực. Không ai có thể giữ chức bộ trưởng mà không phải là thành viên Quốc hội hoặc Thượng viện. Moutet có thể đã hy vọng được bầu là Thượng nghị sĩ của Pondichéry và vì vậy, ông đã đến thăm thuộc địa nhỏ bé này của nước Pháp ở Ấn Độ trước khi trở lại Pháp. Thái độ của Pondichéry rất tiêu cực vì thất bại của Moutet trong đàm phán hòa bình ở Đông Dương. Ngày 13 tháng Giêng 1947, Moutet được bầu là Thượng nghị sĩ của Xuđăng thuộc Pháp, như vậy, ông ta có thể tiếp tục là bộ trưởng. Thứ trưởng Gaston Defferre thuộc bộ của Moutet đã đề nghị ông trở lại Paris trước ngày 14 tháng Giêng, "si événements Indochine le permettent" để tham gia vào cuộc bầu cử chủ tịch mới của Thượng viện *(Conseil de la République)*, cũng như chủ tịch mới của nền cộng hòa. Điện Defferre gửi Moutet, số 247/CH, ngày 31 tháng Mười hai 1946, điện 920, AOM.

78 Martin Thomas, "French Imperial Reconstruction and the Development of the Indochina War".

79. Về sự nghiệp và quan điểm của Moutet, xem Gratien, *Marius Moutet: Un socialiste à l'Outre-mer*.

80. *Journal officiel, Débats parlementaires, Conseil de la République*, kỳ họp ngày 12 tháng Mười một 1953, trích dẫn từ Gratien, *Marius Moutet: Un socialiste à l'Outre-mer*, tr. 323.

81. Moutet trong tuyên bố trước Hội đồng châu Âu ngày 18 tháng Chín 1954 và trong *Miroir de l'histoire*, tháng Tám 1955, cả hai câu nói đều trích dẫn trong Gratien, *Marius Moutet: Un socialiste à l'Outre-mer*, tr. 325, 327.

82. Guillemot, "Au coeur de la fracture vietnamienne".
83. Pignon gửi Fransul Côn Minh, số 4401 CP/AP/1, ngày 4 tháng Mười hai 1946, CP 13(2-5), AOM.
84. "Notes d'informations" từ Yolle (Hồng Công), số 9, ngày 31 tháng Mười hai 1946, và số 10, ngày 2 tháng Giêng 1947, CP 255 *tiểu mục* "Bảo Đại", AOM. "Rapport sur le VNQDD nov.-46 à fin mai-47", số 1.668, Michel đã ký, ngày 6 tháng Sáu 1947, CP 143, AOM.
85. VNQDD là "le véritable instigateur de l'ouverture des hostilités". Bonnet gửi MAE, số 109/114, ngày 10 tháng Giêng 1947, AO, MAE; và phông Bidault 457 AP 128, *hồ sơ* 1131-2, "Indochine 1947 1. semestre", AN.
86. Jacques de Folin, "Surprises et inquiétudes à Saigon et à Paris", trong *Leclerc et l'Indochine*, Pedroncini và Duplay chủ biên, tr. 217.
87. Nhiều tác giả người Pháp đã băn khoăn liệu Hồ Chí Minh có đứng đằng sau cuộc tấn công ngày 19 tháng Mười hai hay không. Không dựa trên bất kỳ bằng chứng mới mẻ nào, Philippe Franchini kết luận trong *Les mensonges de la guerre d'Indochine*, tr. 252, rằng cá nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể phải chịu trách nhiệm.
88. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 484-85. Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 417-18, và *Mémoires*, t. 1, tr. 78.
89. Hồ Chí Minh đã kêu gọi ngừng bắn bảy lần trong hai tháng rưỡi đầu tiên sau ngày 19 tháng Mười hai, song không bao giờ nhận được hồi âm. Jean-Pierre Rioux, *La France de la Quatrième République*, t. 1: *L'ardeur et la nécessité, 1944-1952* (Paris: Seuil, 1980), tr. 171.
90. Võ Nguyên Giáp, *Chiến đấu trong vòng vây*, tr. 33, và *Mémoires*, t. 1, tr. 34.
91. Merle L. Pribbenow II, "General Vo Nguyen Giap and the Mysterious Evolution of the Plan for the 1968 Tet Offensive", *Journal of Vietnamese Studies*, số 2 (2008), tr. 1-33.
92. Currey, *Victory at Any Cost*, tr. 317.

93. Xem Nguyễn Thành, *Hoạt động báo chí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, tr. 166-69.
94. Võ Nguyên Giáp, *Unforgettable Months and Years*, Data Paper số 99, (Ithaca NY: Southeast Asia Program, Dept. of Asian Studies, Cornell University, 1975), tr. 101-3.
95. Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 416 (trang cuối cùng trước lời bạt).
96. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 26.
97. Sainteny trong một cuộc phỏng vấn Jean Lacouture năm 1973 về bộ phim *La République est morte à Dien Bien Phu*.
98. Võ Nguyên Giáp, *Những ngày tháng không thể nào quên*, tr. 418: "ngay sau khi từ Pháp trở về, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy điều tất yếu phải xảy ra là cuộc chiến tranh lan rộng do thực dân Pháp khởi xướng".
99. *Sđd*, tr. 392, 395-96, 413, 418.
100. Vai trò của hành động dại dột trong quá trình ra quyết định quân sự đã được khám phá, một thời gian dài trước khi Mỹ xâm lược Irắc năm 2003, trong Barbara W. Tuchman, *The March of Folly: From Troy to Vietnam* (New York: Knopf, 1984).
101. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 28. Võ Nguyên Giáp, *Chiến đấu trong vòng vây*, tr. 24. Những gì ông Giáp nói ở đây là dựa vào một cuộc phỏng vấn của ông với tập san của cựu chiến binh Việt Nam vào năm 1996, được tóm lược trong Nguyễn Thành, *Hoạt động báo chí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*, tr. 166-69.
102. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 29 và *Chiến đấu trong vòng vây*, tr. 25.
103. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 29-30 và *Chiến đấu trong vòng vây*, tr. 26.
104. Võ Nguyên Giáp, *Mémoires*, t. 1, tr. 30 và *Chiến đấu trong vòng vây*, tr. 27-28.

MỤC LỤC

Trang

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: BÙI HỒNG THÚY
ThS. NGUYỄN KIM NGA
HOÀNG THU QUỲNH
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: HOÀNG MINH TÁM
Sửa bản in: BAN QUỐC TẾ
Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

In 1.000 cuốn khuôn khổ 16x24cm Tại công ty CP in truyền thông Việt Nam
In theo số đăng ký xuất bản:1311-2013/CXB/4-47/CTQG
Quyết định xuất bản số: 3833-QĐ/NXBCTQG cấp ngày 22 tháng 10 năm 2013
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

Đại tướng Võ Nguyên Giáp *(Chủ biên)*
- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

GS. TS. Trịnh Nhu - TS. Trần Trọng Thơ
- CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 - THẮNG LỢI VĨ ĐẠI ĐẦU TIÊN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Bogaturov Aleksey Demosfenovich
Averkov Viktor Viktorovich
- LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ 1945 - 2008





STEIN TØNNESSON

Lời tựa của Philippe Devillers

Việt Nam 1946
Chiến tranh bắt đầu như thế nào?

